TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

**ĐỖ THỊ HẢO**
(Chủ biên)

# THƠ THĂNG LONG - HÀ NỘI
*qua*
# HÀ THÀNH THI SAO

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

**NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI**
SỐ 4 - TỐNG DUY TÂN - QUẬN HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
Điện thoại: (024) 38252916 - (024) 38257063
Website: www.nxbhanoi.com.vn

# THƠ THĂNG LONG - HÀ NỘI
# *QUA HÀ THÀNH THI SAO*

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*
Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập
**TS. VŨ VĂN VIỆT**

*Biên tập:*
NGUYỄN THỊ DUNG

*Vẽ bìa:*
VŨ VĂN CHIẾN

*Kỹ thuật vi tính:*
NGUYỄN HỮU TRỌNG

Xuất bản phẩm điện tử được đăng tải tại địa chỉ Website: sachdientu.nxbhanoi.com.vn
Định dạng: PDFx
Dung lượng: 169,8 (MB)
Số ĐKXB: 4922 - 2021/CXBIPH/195 - 342/HN cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021
Mã ISBN: 978-604-355-036-8
QĐXB số: 10/QĐXBSĐT - HN ngày 31 tháng 12 năm 2021. Nộp lưu chiểu năm 2022.

# THƠ THĂNG LONG - HÀ NỘI
*qua*
# HÀ THÀNH THI SAO

**Chỉ đạo thực hiện Dự án:**

**THÀNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thường trực Hội đồng Tư vấn khoa học:**

GS. VŨ KHIÊU - *Chủ tịch Hội đồng*

Ông HỒ QUANG LỢI - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

**Hội đồng khoa học nghiệm thu bản thảo:**

GS.TS. TRẦN NGỌC VƯƠNG - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. TẠ NGỌC LIỄN - *Phản biện 1*

PGS.TS. HOÀNG THỊ NGỌ - *Phản biện 2*

PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN - *Ủy viên*

TS. PHẠM THỊ NGỌC LAN - *Ủy viên*

Nhà thơ BẰNG VIỆT - *Trưởng ban Tư vấn sách Văn học - Nghệ thuật, Ủy viên*

Ông LÊ ĐẠI BIỂU - *Nguyên Phó Tổng Giám đốc NXB Hà Nội, Ủy viên*

Ông PHẠM QUỐC TUẤN - *Nguyên Chánh Văn phòng Dự án, Ủy viên*

Bà PHẠM THÙY DƯƠNG - *Phó Tổng Giám đốc NXB Hà Nội, Thư ký*

ThS. QUÁCH THỊ HÒA - *Phó Chánh Văn phòng Dự án, Thư ký*

**PGS.TS. ĐỖ THỊ HẢO**
(Chủ biên)

# THƠ THĂNG LONG - HÀ NỘI
# *qua*
# HÀ THÀNH THI SAO

*Tham gia dịch chú:*
*Nhà nghiên cứu* MAI XUÂN HẢI

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

# LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*Các tác phẩm nghệ thuật được sáng tác bằng chữ Hán Nôm - sản phẩm tinh thần của nhiều thế hệ đi trước là di sản tư liệu quý giá, tái hiện lại những giá trị, bản sắc văn hóa, văn hiến của dân tộc qua nhiều chặng đường lịch sử. Khôi phục lại nguồn tư liệu này là việc làm cần thiết để thế hệ bạn đọc ngày nay có cơ hội hiểu hơn về những giá trị truyền thống. Đó là mục tiêu của rất nhiều ấn phẩm trong* Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến, *trong đó có công trình* Thơ Thăng Long - Hà Nội qua "Hà thành thi sao" *do PGS.TS. Đỗ Thị Hảo chủ biên.*

Hà thành thi sao - *cuốn sách sao chép lại những thi phẩm viết về Thăng Long - Hà Nội - là một trong những công trình tinh tuyển đặc sắc nhất trong dòng thơ ca Hán Nôm viết về Thăng Long - Hà Nội từ trước đến nay. Công trình được nhà Hán học Nhàn Vân Đình Trần Duy Vồn dày công biên soạn và sao chép lại từ năm 1975. Ở tập sách này, ngoài những tác giả có đôi bài thơ về Thăng Long Hà Nội được trích từ* Hoàng Việt thi tuyển, Truyền kỳ lục, Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ, *v.v... thì còn có tới 7 thi phẩm riêng về Thăng Long - Hà Nội được sao chép lại, đó là:* La thành cổ tích vịnh, Thăng Long tam thập vịnh, Thăng Long thập cửu vịnh, Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ, Long Biên bách nhị vịnh, Long Biên ái hoa hội, An Nam kinh đô bát cảnh.

*Với* Hà thành thi sao, *hình ảnh Thăng Long - Hà Nội được khắc họa với vẻ đẹp đa dạng, muôn hình vạn trạng, thể hiện ở những di tích danh thắng, qua những sự kiện nổi bật diễn ra trên mảnh đất nghìn năm, ở nếp sống thanh lịch, bức tranh sinh hoạt đời thường của người Hà Nội... Điều đặc biệt ở tuyển tập này, đó là dưới mỗi thi phẩm đều có phần nguyên chú về địa chỉ, sự tích, truyền thuyết hay những sự kiện liên quan đến bài thơ. Đây chính là nguồn tư liệu vô cùng giá trị về truyền thống văn hóa của đất và người Thăng Long - Hà Nội nhưng đến thời điểm hiện nay phần lớn vẫn chưa được dịch chú và giới thiệu rộng rãi đến bạn đọc.*

*Trân trọng một di sản quý giá của nền văn học truyền thống đồng thời mong muốn giới thiệu đến thế hệ độc giả hôm nay một hình ảnh Thăng Long - Hà Nội trong quá khứ với những vẻ đẹp chân thực và sống động, PGS.TS. Đỗ Thị Hảo và các cộng sự đã tổ chức biên soạn công trình* Thơ Thăng Long - Hà Nội qua "Hà thành thi sao" *trên cơ sở khảo cứu và dịch chú tác phẩm của nhà Hán học Trần Duy Vồn.*

*Cuốn sách được kết cấu thành ba phần chính:*

*- Lời đề dẫn của người biên soạn: giới thiệu tổng quát về tác giả Trần Duy Vồn cùng tác phẩm của ông; khảo cứu văn bản* Hà thành thi sao *và khái quát giá trị chính về mặt nội dung của tác phẩm.*

*- Phần phiên âm, dịch chú 270 thi phẩm được lựa chọn từ tác phẩm* Hà thành thi sao.

*- Phần* Phụ lục *tuyển chọn thêm 29 bài thơ đặc sắc, trực tiếp viết về Thăng Long - Hà Nội; nguyên bản* "Hà thành thi sao" *và một số hình ảnh về Hà Nội xưa.*

*Vẫn với hạt nhân là* Hà thành thi sao, *tuy nhiên trong lần xuất bản này, công trình của nhà Hán học Trần Duy Vồn sẽ có thêm một diện mạo mới: những tác phẩm nằm ngoài thể loại thơ (như câu đối, phú) được lược bỏ, thay vào đó nhóm biên soạn bổ sung thêm một số tác phẩm có giá trị viết về chủ đề Thăng Long - Hà Nội. Không chỉ dừng ở đó, PGS.TS. Đỗ Thị Hảo cùng các cộng sự bằng tâm huyết và kinh nghiệm của những chuyên gia lâu năm về Hán Nôm, đã công phu khảo cứu kỹ lưỡng về mặt văn bản, tìm ra những sai lệch trong các dị bản, làm rõ những thiếu sót, nhầm lẫn của công trình đi trước, cố gắng để mang tới cho độc giả những văn bản tác phẩm có giá trị chuẩn xác và độ tin cậy cao.*

*Tất cả những nỗ lực này, như chính người biên soạn đã chia sẻ, là mong muốn có được "một thi phẩm Hán Nôm xứng với tầm vóc Thăng Long - Hà Nội, kinh đô hơn ngàn năm tuổi của một quốc gia văn hiến".*

*Nhà xuất bản Hà Nội trân trọng giới thiệu đến bạn đọc!*

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

# LỜI ĐỀ DẪN

Thăng Long - Hà Nội mảnh đất có bề dày ngàn năm văn hiến, xưa kia, hôm nay và mãi mãi về sau vẫn là nguồn cảm hứng vô tận với biết bao thế hệ thi nhân mặc khách. Chính vì vậy, ngày nay chúng ta có hàng ngàn bài thơ và thi phẩm ghi bằng chữ Hán, chữ Nôm, hiện được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Trong đó, có cuốn *Hà Thành thi sao* do soạn giả Trần Duy Vôn sưu tầm và chép lại.

Việc khai thác mảng tư liệu quý giá này không chỉ giúp bạn đọc cả nước hiểu sâu sắc hơn về mảnh đất Thăng Long, về con người Thăng Long mà còn khiến mọi người càng thêm yêu Thủ đô, yêu quê hương đất nước của mình hơn.

*Hà thành thi sao* là tập hợp những bài thơ về Thăng Long - Hà Nội do soạn giả Trần Duy Vôn sao chép lại từ các tập *La Thành cổ tích vịnh, Thăng Long tam thập vịnh, Long Biên bách nhị vịnh, Thăng Long thập cửu vịnh*... và những bài thơ về Thăng Long - Hà Nội của các tác giả nổi tiếng như Trần Quang Khải, Phạm Sư Mạnh, Lý Đạo Tái, Lê Thánh Tông, Nguyễn Thiên Tích, Phạm Đình Hổ... từ đời Trần đến đời Nguyễn. Có thể nói, đây là cuốn sách Hán Nôm sao chép đầy đủ và nhiều nhất số lượng thơ về Thăng Long - Hà Nội từ trước đến nay. Điều đặc biệt là ở mỗi bài thơ đều có lời dẫn đề cập đến địa điểm, sự tích, truyền thuyết, hoặc những sự kiện lịch sử liên quan. Và hầu hết những thi phẩm trong *Hà thành thi sao* đều chưa được dịch chú, công bố đầy đủ.

Trần Duy Vôn tên hiệu là Nhàn Vân Đình, người xã Quần Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Đất Nam Định quê hương cụ vốn có truyền thống văn hiến từ nghìn xưa, nhưng khi cụ ra đời và trưởng thành (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX) thì lại đúng vào lúc nền Hán học nước nhà đang trong những năm tháng tàn tạ cuối cùng của nó. May thay, nhờ tài học từ lúc còn niên thiếu, Nhàn Vân Đình được ông chủ bút báo

*Nam Phong* biết tiếng và mời ra cộng tác trong mục Hán Văn của tờ báo này do Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến chủ trì, lúc bấy giờ cụ đang ở độ tuổi đôi mươi. Tuổi hai mươi ở một đất nước có truyền thống Hán học như nước ta trong lúc vẫn còn những ông "Nghè" ông "Thám," mà được trọng vọng, tín nhiệm giao cho công việc như thế ở một tờ báo lớn, đủ biết cụ có nội lực Hán học thâm hậu biết chừng nào. Và rồi cụ còn làm cộng tác viên chữ Hán cho Học viện Viễn Đông bác cổ của Pháp tại Hà Nội, cho đến khi thành lập Ban Hán Nôm (1971) thuộc UBKHXH Việt Nam, sau này là Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1978), cụ lại được mời làm Cộng tác viên thường trú của Viện. Có lẽ cụ đã chờ đợi cái giây phút này từ lâu lắm, để được đem hết cái sở học của mình ra giúp cho văn hóa dân tộc. Bởi hình như tất cả cuộc đời cụ là ở đó, hiền lành, đôn hậu đến mức "quê mùa", lối sống giản dị đạm bạc, ngày đêm cụ chuyên tâm dốc sức vào công việc tra cứu, sưu tầm, biên soạn, làm thơ phú, câu đối toàn bằng chữ Hán, hệt như một cụ "nghè" ngày xưa. Hiện nay, hàng trăm tư liệu, những công trình biên soạn, khảo cứu... bằng chữ Hán của cụ vẫn được lưu giữ tại thư viện của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ví dụ như:

1. *Đại Nam cao tăng truyện*: sách chép tay, 100 trang; ký hiệu VHb.313. Nội dung gồm 2 phần: a. *Truyện các vị cao tăng Việt;* b. *Khảo về Phật giáo du nhập vào Việt;* và những bài văn sách thi Đình dành cho các tăng thống dưới triều Minh Mệnh.

2. *Đế vương bảo giám*: Sách chép tay, 174 trang; biên soạn năm Bảo Đại 6 (1931), ký hiệu VHb.314. Sách sưu tập những câu đối, những lời bàn về Tứ Thư, Ngũ Kinh như: *Luận ngữ, Mạnh Tử, Kinh Thi, Hoài Nam Tử, Đường thư*, v.v...

3. *Trần Vương truyện khảo*: Sách chép tay, 94 trang, biên soạn năm Bảo Đại 6 (1931); ký hiệu A.3095 và Paris E.F.E.O.M.II/6/1062. Sách khảo cứu sự tích cùng văn tế, đối liễn, bi ký, thơ văn về Trần Hưng Đạo.

4. *Khởi đầu sự lục*: Sách chép tay, 218 trang, viết năm Bảo Đại 8 (1933); ký hiệu A.3093 và E.F.E.O.M.F.1/2/196, MF.1368. Nội dung sách ghi chép về những vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế, tôn giáo, phong tục...

5. *Thiên tiên truyện khảo*: Sách chép tay, 80 trang, soạn năm Bảo Đại 10 (1935), Hồ Thúc Trinh đề tựa; ký hiệu A. 3094 và Paris E.F.E.OM.F.

II/6/994. Sách khảo cứu hành trạng và sự tích công chúa Liễu Hạnh, gồm 41 bài thơ, 6 bài văn tế, 27 câu đối, 1 bài văn bia, 1 bài văn giáng bút.

6. *Thư mục lục*: Sách chép tay, 68 trang, soạn năm Bảo Đại 13 (1938); ký hiệu A.3098 và Paris M.F.1562. Bao gồm mục lục 512 bộ sách của các tác gia Việt từ đời Lý đến đời Nguyễn.

7. *Chân thập lục vịnh*: Sách chép tay, 32 trang, do Nguyễn Hào biên soạn, Phạm Lập Trai bình điểm, Trần Duy Vôn sao chép tặng E.F.E.O năm Bảo Đại 14 (1939). Sách gồm 16 bài thơ vịnh các di tích, thắng cảnh huyện Nam Chân tỉnh Nam Định.

8. *Số thứ loại biên*: Sách chép tay, 476 trang, soạn năm 1946, Ngô Bộ Doanh viết bài đề từ năm 1947; ký hiệu VHv.2964 - 2965. Đây là loại sách dùng để tra cứu các thuật ngữ về Nho, Phật và Thiên Chúa giáo.

9. *Việt Nam tước hiệu từ điển*: Sách chép tay, 202 trang, soạn năm 1967; ký hiệu VHv.1960. Đây là cuốn từ điển xếp theo chữ cái La tinh, dùng để tra cứu miếu hiệu, thụy hiệu, lăng hiệu, niên hiệu, tước hiệu các vua chúa Việt thời xưa.

10. *Hà thành thi sao*: Do Trần Duy Vôn sưu tập. Chúng tôi sẽ khảo sát kỹ ở phần sau.

Có thể nói, bằng tâm huyết của mình thông qua những chuyên luận, những sưu tập, những biên khảo bằng Hán văn, cụ Trần Duy Vôn đã có những đóng góp đáng kể làm giàu thêm, phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa Hán Nôm của dân tộc.

**I. Khảo sát văn bản *Hà thành thi sao***

Như trên đã nói, *Hà thành thi sao* là một tập hợp những bài thơ về Thăng Long - Hà Nội của nhiều tác giả nổi tiếng (và khuyết danh) được cụ Trần Duy Vôn biên soạn và sao chép lại năm 1975. Sách dày 178tr, khổ 22cm x 15cm, bìa phết cậy đen, chữ viết tay theo lối thảo lại viết rất nhỏ, trên giấy dó màu vàng nhạt, nên rất khó đọc. Sách mang ký hiệu VHb.319, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Sách được soạn giả Trần Duy Vôn sắp xếp những tác phẩm và tác giả theo trình tự thời gian. Sau phần mở đầu, khảo sát những thay đổi về địa danh hành chính ở thành Thăng Long *(Diên cách khảo),* là thơ thời Trần với

những tác giả Trần Quang Khải, Trần Nguyên Đán, Phạm Sư Mạnh, Lý Đạo Tái... Bỏ qua triều Mạc, tiếp tục đến nhà Lê là các tác giả Nguyễn Thiên Tích, Phùng Khắc Khoan, Liễu Hạnh công chúa, Phạm Quý Thích, Nguyễn Du... Đặc biệt ở giai đoạn này, soạn giả đã sưu tập 8 bài thơ về Thăng Long - Hà Nội *(An Nam kinh đô bát cảnh)* của Ngụy Tiếp đời Thanh. Sang đời Nguyễn, có thơ của các tác giả Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Văn Siêu, v.v... Thêm vào đó sách còn chép 23 câu đối của quan chức các tỉnh Thái Bình, Tuyên Quang, Hưng Yên, Ninh Bình... viết về Hà Nội. Nghiên cứu văn bản *Hà thành thi sao,* ngoài những tác giả có đôi bài thơ về Thăng Long - Hà Nội được trích từ *Hoàng Việt thi tuyển, Truyền kỳ lục, Thăng Long cổ tích khảo*, v.v... đã có tới 6 thi phẩm viết riêng về Hà Nội được sao chép lại. Cụ thể là:

1. *La Thành cổ tích vịnh* 羅城古跡詠 của tác giả Trần Bá Lãm; ký hiệu A.1941, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm 25 bài thơ.

2. *Thăng Long tam thập vịnh* 升龍三十詠 gồm 6 văn bản khác nhau:

- *Thăng Long tam thập vịnh,* tác giả Trần Thước Sào triều Nguyễn, chép 30 bài thơ.

- *Thăng Long tam thập vịnh* (Khuyết danh), ký hiệu A.2501, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 30 bài thơ.

- *Thăng Long tam thập vịnh* (Khuyết danh), ký hiệu A.2548, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 30 bài thơ.

- *Thăng Long tam thập vịnh*: Tác giả Nam Xương huyện Doãn, ký hiệu VHb.319, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 30 bài thơ.

- *Thăng Long tam thập vịnh* (Chép trong *Hải ông thi tập)*: Tác giả Đoàn Nguyễn Tuấn, ký hiệu A.2603, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 24 bài thơ.

3. *Thăng Long thập cửu vịnh* 昇龍十九詠 (Khuyết danh) có ý kiến cho rằng tác giả là Phạm Đình Hổ, ký hiệu A.1640, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 19 bài thơ.

4. *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* 升龍懷古十四首: Tác giả Vũ Tông Phan, Tiến sĩ Đông Tác Nguyễn Văn Lý bình điểm; ký hiệu A.1666, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 14 bài thơ.

5. *Long Biên bách nhị vịnh* 龍編百二詠: Tác giả Bùi Cơ Túc, Tiến sĩ

Ngụy Khắc Tuần hiệu duyệt, Phạm Chi Hương hiệu đính, ký hiệu A.1310, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 102 bài thơ.

6. *Long Biên ái hoa hội* 龍編愛花會 (Nhiều tác giả) do Hoàng Cao Khải khởi xướng; ký hiệu AB.497, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chép 18 bài thơ.

So sánh đối chiếu những tác phẩm và tác giả có thơ trong *Hà thành thi sao* với bản gốc hiện lưu tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm mà soạn giả Trần Duy Vôn trích dẫn, chúng tôi thấy còn tồn tại một số vấn đề như sau:

1. Trích nhầm tên sách hoặc tên bài thơ.

Trong *Hà thành thi sao* tác phẩm *An Nam kinh đô bát cảnh* (Vịnh tám cảnh đẹp ở kinh đô An Nam) của Ngụy Tiếp người đời Thanh. Soạn giả ghi trích từ sách *Thăng Long cổ tích khảo*, ký hiệu VHv. 1474 Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Nhưng ký hiệu trên lại là sách *Trùng san Lam Sơn thực lục*. Thực ra *"An Nam kinh đô bát cảnh*" được chép ra từ "*Vân đài loại ngữ"* của tác giả Lê Quý Đôn. Trường hợp khác, bài *Trấn Quốc tự* (Khuyết danh) ghi chú trích từ sách *Xuyết thập tạp ký*, ký hiệu A. 1793 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, nhưng ký hiệu này là tập văn *Ngự chế* của vua Thiệu Trị… Lại như ba bài thơ*: Thu thành vãn vọng, Thành Nam ngụ cư cảm tác, Thành trung hữu cảm ký trình đồng chí*, cho là bài thơ của Phi Khanh, ghi chú trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*. Nhưng trong *Hoàng Việt thi tuyển* và thơ của Phi Khanh đều không có bài *Thành Nam ngụ cư cảm tác*. Rồi có trường hợp *Hà thành thi sao* chép tên bài là *Đề Tô giang* song đối chiếu với nguyên bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1666 thì tên bài thơ lại là *Tây xuất Tô giang đăng Lý thành cảm tác*. Có bài thơ chỉ có tên bài mà không chép nội dung, như bài thơ *Hồng Thánh từ* của Phạm Sư Mạnh… Cũng có những bài, so với nguyên bản số chữ "vênh" nhau khá lớn. Ví dụ như *Đề Quảng Bố tự*, và *Đề Tây Hồ* trong *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* khác nhau 13 câu chữ, so với *Lỗ Am di cảo thi tập*…

2. Nhiều tiểu chú hoặc nguyên dẫn cần đính chính, ví dụ bài *Báo Ân tự* (chùa Báo Ân) phần nguyên chú ghi chùa xây thời Lý ở cung Cảnh Linh, sau người Pháp phá đi làm Bưu điện, hiện đối diện với hồ Gươm, Hà Nội.

Song thực ra soạn giả đã lầm, chùa Báo Ân thời Lý hiện thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Một dẫn chứng khác, câu thơ thứ ba trong bài *Vịnh Đồng Cổ đàn*, chép chữ Trần Hoảng/ 陳㬎 là nhầm về tự dạng. Thực ra đây là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông, lên làm vua thay nhà Lý từ năm 1225…

3. Về văn bản *Thăng Long tam thập vịnh* được chép trong *Hà thành thi sao*: Trong số các thi tập được chép trong *Hà thành thi sao* thì *Thăng Long tam thập vịnh* có nhiều văn bản nhất (6 bản). Có lẽ đây là một cuộc "phát động sáng tác thơ" không biết ai khởi xướng, với 30 chủ đề về Hà Nội, cụ thể như sau:

1- Thành kỳ quải húc
2- Lâu cổ truyền canh
3- Ngũ môn cận nhật
4- Nhất Trụ thê hà
5- Khán sơn thự sắc
6- Nhị Hà tình lưu
7- Tây Hồ cán ty
8- Đông kiều lộng địch
9- Văn Đình trữ vân
10- Vũ quán xao nguyệt
11- Mai Dịch túy ông
12- Hòe Nhai ca nữ
13- Kiếm Hồ xạ Đẩu
14- Bát Tràng lung yên
15- La Thành trúc ổ
16- Võng Thị hoa điền
17- Trấn tự quy tăng
18- Giám môn khóa sĩ
19- Châu Lâm vũ hậu
20- Tản Lĩnh vân gian
21- Liệt tân dã độ
22- Chiêu chử ngư can
23- Kim Âu thủy kính

24- Trúc Bạch tiền lô

25- Thụy phường tiên tửu

26- Huyền quán trúc tiêm

27- Tô giang ẩm mã

28- Linh Động phạn ngư

29- Hà Khẩu thu đăng

30- Thủy đồn dạ thác

Khảo sát các văn bản *Thăng Long tam thập vịnh* chép trong *Hà thành thi sao,* bản của tác giả Trần Thước Sào (tên thật là Trần Văn Trứ - Đốc học Sơn Nam) không có văn bản gốc lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm nên không thể đối chiếu với nguyên bản được. Số còn lại có 2 dị bản của cùng tác giả là Nam Xương Huyện doãn, mang ký hiệu VH.b319 và A.1804. Điều đặc biệt của 2 dị bản này trong số 30 bài thơ cùng đề tài có 13 bài nội dung giống nhau, 17 bài nội dung khác nhau. 3 văn bản còn lại thì 2 bản khuyết danh và 1 bản của tác giả Đoàn Nguyễn Tuấn (chép trong *Hải Ông thi tập* - có 24 bài). Nhóm biên soạn sẽ chọn lựa và dịch chú 3 văn bản này để độc giả rộng đường tham khảo.

*Hà thành thi sao* còn có khá nhiều bài thơ của tác giả vô danh hoặc khuyết danh, trong khi nhiều tác giả được người đời hâm mộ và truyền tụng với những áng thơ bất hủ về Thăng Long - Hà Nội như Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Cao Huy Diệu, Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê... lại vắng bóng. Vì vậy, ở đây chúng tôi lấy việc nghiên cứu, khảo sát, dịch chú văn bản *Hà thành thi sao* làm công việc chính, trên cơ sở đó xử lý một cách khoa học những vấn đề nêu trên. Bỏ phần câu đối, phú trong "*Hà thành thi sao*" vì không phải thể loại thơ, bổ sung thêm một số bài thơ hay trực tiếp viết về Thăng Long - Hà Nội, để có được một thi phẩm đầy đủ nhất tính đến nay xứng với tầm vóc Thăng Long - Hà Nội, kinh đô của một quốc gia văn hiến hơn ngàn năm tuổi. Đối với những bài thơ bổ sung thêm, không có trong "*Hà thành thi sao*" chúng tôi để riêng tại phần *Phụ lục* để độc giả tiện theo dõi.

Người xưa thường nói: "Tam sao thất bản" quả thực không ngoa, nhất là đối với văn bản Hán Nôm. Chúng tôi sẽ cố gắng khảo sát văn bản một cách cẩn trọng, khoa học và hợp lý để đạt tới một văn bản có độ chân xác cao.

**II. Thăng Long - Hà Nội qua *Hà thành thi sao***

Thăng Long - Hà Nội, nơi giao lưu, hội tụ, kết tinh và tỏa sáng những giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc, dẫu trải qua biết bao biến cố thăng trầm, dẫu đã từng rơi xuống vị trí là một tỉnh thành Hà Nội suốt 200 năm, song mãi mãi vẫn là chốn đế đô của muôn đời. Lý Thái Tổ vị vua khởi nghiệp nhà Lý trong *"Chiếu dời đô"* năm 1010 đã khẳng định: "*... Xem khắp nước Việt đó là chỗ đất danh thắng, thật là đô hội trọng yếu để bốn phương sum họp và là đô thành bậc nhất đáng mặt làm kinh sư cho muôn đời...*".

Chính vì đất kinh sư là nơi tụ hội của bao nho sĩ trí thức nghệ sĩ... đất thiêng có lắm người tài, cho nên Thăng Long - Hà Nội nơi nào cũng đậm đặc các di tích lịch sử văn hóa, những công trình kiến trúc sáng tạo và tài hoa do tiền nhân để lại. Đây chính là những đề tài để các thi nhân gửi gắm, giãi bày cảm hứng, cũng như suy tư của mình. Có thể nói hầu hết những bài thơ trong *Hà thành thi sao* đều gắn với những di tích cụ thể, với những danh lam thắng cảnh của Hà Nội. Ví như bài *Đề Huyền Thiên quán* của Trần Nguyên Đán, *Báo Thiên tháp* của Phạm Sư Mạnh, *Nhất Trụ tự* của Lý Đạo Thành, *Tây Hồ đề vịnh* (10 bài liên hoàn) của Phùng Khắc Khoan, *Quá Kim Liên tự* của Phạm Đình Hổ, cùng với 25 bài thơ trong *La Thành cổ tích vịnh* của Trần Bá Lãm và 30 bài trong *Thăng Long tam thập vịnh*... Những công trình uy nghi tráng lệ do bàn tay con người tạo dựng, đã đan xen hòa quyện với cảnh trí thiên nhiên thơ mộng của một kinh thành trong sông hiện lên lung linh huyền ảo trong thơ, nó đã khắc họa được diện mạo của Hà Nội xưa một cảnh quan không phải ở đâu cũng có. Với 102 bài thơ vịnh Long Biên (*Long Biên bách nhị vịnh*) của tác giả Bùi Cơ Túc kèm theo lời dẫn được khảo cứu cặn kẽ trong từng bài, khiến người đọc như được chứng kiến những sự kiện lịch sử diễn ra trên đất Hà thành đã từng trải qua bao phen thăng trầm dâu bể. Đó là quang cảnh phường Cẩm Chỉ, huyện Thọ Xương nay gọi là phố Cấm Chỉ, quận Hoàn Kiếm. Họ Trịnh chuyên quyền lấn át vua Lê, đặt ra 5 điếm trong Phủ để điều hành chính sự. Khi vào chầu, Chúa ngồi ở nhà chính giữa 5 điếm; các quan văn võ không có lệnh chỉ thì không được vào. Uy nghi là thế mà nay Phủ Chúa bị đốt cháy, chỉ còn trơ lại nền cũ cỏ dại mọc um tùm che cả tầm mắt (bài *Cẩm Chỉ phố*). Rồi câu chuyện xảy ra ở phường Đông Các (cách cửa Đông thành một dặm) thuộc huyện Thọ Xương. Niên hiệu Thuận Bình

nhà Lê, Nguyên soái Trịnh Tùng từ lộ Đà Giang thừa thắng dẫn quân đánh úp vào Thăng Long, Mạc Mậu Hợp bỏ thành chạy. Trong lúc nguy cấp, có một viên quan áo gấm đai vàng tự xưng là Tiến sĩ triều Mạc làm Ngự sử đài, từ phía hồ Thái Cực xông ra giữa đường Đông Các khấu đầu chặn trước ngựa Chúa Trịnh giúp Mạc Mậu Hợp chạy thoát. Trịnh Tùng tức giận sai quân chém đầu. Về sau, Mậu Hợp trở lại Thăng Long lập tức cho dựng miếu thờ, đắp mộ ngay giữa đường chỗ viên quan bị chết, đặt tên là "*Miếu Cẩm Thanh.*" Ngôi miếu này hiện nay là nhà số 10 ngõ Trung Yên quận Hoàn Kiếm, Hà Nội...

Hơn 200 năm trước, đại thi hào Nguyễn Du đã từng bùi ngùi tiếc nuối mà than rằng:

*Sông Lô núi Tản trơ trơ,*
*Thăng Long dưới mắt bạc phơ mái đầu.*
*Dinh xưa cung cũ còn đâu,*
*Mà nay đường trước thành sau khác rồi.*

Thăng Long với bao phen trở thành chiến địa, với biết bao vật đổi sao dời, ngày nay những đền đài cung điện thời Lý - Trần - Lê thậm chí cả thời Nguyễn chẳng còn nữa; có chăng chỉ là dấu tích cung Thúy Hoa đời Lý, điện Hàm Nguyên đời Trần nay là chùa Trấn Quốc, đền Ngọc Sơn bây giờ xưa là cung Khánh Thụy, hoặc điện Kính Thiên thời Lê và Đoan Môn với 5 vòm cửa còn sót lại trong khu vực thành Hà Nội cũ được làm trên núi Nùng (không như nhiều người lầm lẫn giữa núi Nùng với núi Sưa)... Những bài thơ trong *Hà thành thi sao* đã cung cấp cho chúng ta khá nhiều thông tin như thế.

Cũng qua những bài thơ về Hà thành, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm, ý chí quật cường và lòng tự hào dân tộc vốn là truyền thống của người Việt Nam thể hiện khá rõ nét:

*Đoạt sáo Chương Dương độ,*
*Cầm Hồ Hàm Tử quan.*
*Thái bình tu nỗ lực,*
*Vạn cổ thử giang san.*

(*Tụng giá hoàn kinh sư* - Trần Quang Khải)

Nghĩa là:

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt rợ Hồ.
Thái bình càng nỗ lực,
Non nước ấy ngàn thu.

Hoặc:

*... Ví đây đổi phận làm trai được*
*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu.*

(*Đề đền Sầm Nghi Đống* - Hồ Xuân Hương).

Rồi bài *Trưng Nhị miếu, Bố Cái từ,* v.v... khó mà dẫn ra hết được.

Một nội dung nữa cần đề cập, đó là *Hà thành thi sao* đã phản ánh những sinh hoạt đời thường của người Hà Nội hào hoa, sành ăn, sành mặc, sành chơi:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,*
*Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.*

Tập thơ đã dẫn dắt chúng ta đến với những rặng vải Thịnh Liệt dùng để tiến vua, mà mỗi mùa quả chín khiến nước sông Tô Lịch ngạt ngào hương thơm (bài *Lệ Chi pha*); đến với chợ rượu nức tiếng làng Hoàng Mai (*Làng Mơ*) đã làm say sưa biết bao nho sĩ, biết bao ông đồ (bài *Mai tửu thị*). Đặc biệt rượu sen làng Thụy chỉ uống một lần thì mãi mãi không quên, mặc dù giá đắt hơn nhiều so với các rượu khác (*Thụy phường liên tửu*). Rồi cá rô đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây, v.v... Và ta lại được đến với một làng có hai người phụ nữ được phong "*Tiết phụ*" ở Thịnh Liệt (*Song tiết lư*); đến cửa Diễn Trường tại thôn Nam Ngư huyện Thọ Xương để chiêm ngưỡng bảng vàng triều đình ban tặng cho những người thọ trên trăm tuổi (*Diễn Trường môn*), v.v...

Có thể nói thơ Hán Nôm Thăng Long - Hà Nội trong *Hà thành thi sao* là một tấm gương phản chiếu cuộc sống muôn mặt đời thường của đất Hà thành. Đó là những chiếc đèn lồng rực rỡ soi bóng xuống dòng sông Nhĩ Thủy đêm Trung thu ở phường Hà Khẩu; đó là những ca nữ xinh tươi hằng ngày hằng đêm làm xao động các con phố Hòe Nhai, Đình Ngang, khiến cho các tao nhân mặc khách dạt dào thi hứng quên cả lối về. Đó là

những phiên chợ Bạch Mã, chợ Cầu Đông, chợ Đình Ngang… hoa quả, thịt cá, mùa nào thức ấy, phản ánh cuộc sống sung túc của một đô thị phương Đông với những nét sinh hoạt tâm linh độc đáo là những gian hàng xem bói, là những chỗ gọi hồn…

Như trên đã nói qua những "nguyên chú", những "tiểu dẫn" ở mỗi bài thơ trong *Hà thành thi sao* sự thật lịch sử đan xen với những huyền thoại, truyền thuyết dân gian khiến cho đất Thăng Long - người Thăng Long càng trở nên linh thiêng huyền diệu. Ví như sự kiện Thái sư Lê Văn Thịnh hóa hổ ở hồ Dâm Đàm; Mạc Đăng Dung chém mẻ đầu rồng ở điện Kính Thiên; Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần bông sen trắng bỗng biến thành màu hồng (Tảo liên hồ), hoặc cuộc chiến giữa Từ Đạo Hạnh với sư Đại Điên; Sự tích Đầm Mực ở Linh Đàm; Cuộc xướng họa thơ giữa Trạng Bùng với Mẫu Liễu ở phủ Tây Hồ…

Nói đến thơ mà không bình điểm từng câu từng chữ, từng lời hay ý đẹp thì quả là khiếm khuyết. Song ở đây chúng tôi lấy việc khảo sát văn bản, dịch nghĩa và chú thích làm nhiệm vụ chính yếu. Còn việc "thẩm thơ" xin được dành để bạn đọc phẩm bình.

Đối với chữ Hán việc dịch, chú thích, văn xuôi đã khó, song dịch thơ lại càng khó hơn. Dẫu đã cố gắng nhiều, nhưng với năng lực có hạn, chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót. Rất mong được độc giả chỉ giáo.

*Chủ biên*

PGS. TS. ĐỖ THỊ HẢO

## HÀ THÀNH THI SAO

[Sao chép các bài thơ về thành Hà Nội]

*Năm Ất Mão, niên hiệu Việt Nam dân chủ cộng hòa thứ 30 (1975),*
*Hải Anh Nhàn Vân Đình Trần Duy Vồn sao chép và biên tập.*

**Khảo cứu những thay đổi về duyên cách**

Hà thành, tức thành Hà Nội; đông giáp Bắc Ninh, Hưng Yên, nay bắc giáp sông, Hải Hưng; tây giáp Sơn Tây, Hòa Bình, nay là Hà Tây, Hòa Bình; nam giáp Hà Nam, nay là Nam Hà; bắc giáp Thái Nguyên, nay là Bắc Thái. Diện tích chừng 455 cây số vuông (theo biểu thống kê năm Canh Tý 1960). Sách *Đại Nam nhất thống chí* nói: "Hà Nội, đông tây 205 dặm; nam bắc 129 dặm, đi đến Kinh thành Thừa Thiên là 1440 dặm. Xưa thuộc Giao Chỉ bộ. Thời Tần thuộc Tượng Quận, quận Nam Hải. Thời Hán là Long... thuộc quận Giao Chỉ. Thời Ngô thuộc Giao Châu. Thời Lương Tùy thuộc quận Hải Ninh. Năm Vũ Đức nhà Đường (618 - 626) đổi là Lục Châu, Tống Châu... Long Biên. Khoảng năm Trinh Quán (627 - 649), chia đặt thành 2 quận Tống Bình, Nam Định. Năm Trinh Nguyên (789), đều nhập vào huyện Nam Định, đặt An Nam đô hộ, đắp thành Đại La (khi Cao Biền làm quan).

Đầu thời Đinh (970), phân làm đạo Giao Châu... Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên nguyên niên (1010), tháng 7 mùa thu, từ Hoa Lư dời đô về thành Thăng Long, cũng gọi là Nam Kinh. Thời Trần, đầu niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình (1232), gọi là Thiên Trường... đầu đời Thiệu Long (1258 - 1279) gọi là Trung Kinh; lại đổi là Đông Đô. Năm Quang Thái thứ 11 (1398) đổi là trấn. Thời thuộc Minh (1417) là phủ Giao Châu, là thành Đông Quan. Nhà Lê lại đem thành Thăng Long lệ vào Nam đạo, lúc đầu là Đông Kinh, lại gọi là Trung Đô. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đổi là Sơn Nam thừa tuyên. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), đổi là xứ. Đời Hồng Thuận gọi là trấn. Nhà Mạc tách Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng, Khoái Châu lệ

vào Hải Dương. Nhà Hậu Lê, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), chia làm hai xứ Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ; lấy hai phủ Thiên Trường, Thiên Quan thành Thanh Hoa ngoại trấn. Nhà Tây Sơn đổi hai trấn Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ là Bắc Thành. Nhà Nguyễn, niên hiệu Gia Long nguyên niên (1802), đặt là Bắc Thành tổng trấn. (Gộp Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương và Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên tất cả là 11 trấn). Năm Gia Long thứ 4 (1805), đổi Thăng Long (昇龍 "long" là rồng, thành "long" là thịnh 昇隆). Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đổi Thượng trấn thành Sơn Nam trấn, Hạ trấn thành Nam Định trấn. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), gọi là tỉnh Hà Nội. Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), là đất nhượng địa của Pháp, đổi gọi là thành phố. Năm Thành Thái, dời tỉnh lỵ đến xã Đông gọi là tỉnh Hà Đông. Thời thuộc Pháp, người ta gọi là Tông Canh (Tonkin), ấy là phiên âm chữ Đông Kinh vậy. Từ thành đến Nam Quan (nay gọi là Hữu Nghị quan) theo biển cây số là 167. Đến thời Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945), đưa thành phố Hà Nội trở lại thành Thủ đô.

Các huyện bốn phía: Đông và Đông bắc là huyện Thọ Xương. Tây và Tây nam, Tây bắc thuộc huyện Vĩnh Thuận. Nam và Đông nam, Đông bắc thuộc huyện Thanh Trì. Bắc, Đông bắc và Tây bắc là huyện Từ Liêm.

Bốn cửa: Đông là cửa Tường Phù; sau đổi là cửa Đông Hoa; Tây là cửa Quảng Đức, nay là đường thành cổ Giảng Võ; Nam là cửa Đại Hưng; Bắc là cửa Diệu Đức. Sau giáp với sông.

Bốn quán: Quán Trấn Vũ ở thôn An Quang huyện Vĩnh Thuận. Quán Huyền Thiên tại thôn Huyền Thiên huyện Thọ Xương. Quán Đồng Thiên tại phường Kim Cổ, đã đổ nát. Quán Đế Thích.

Đền Tứ trấn: Đông trấn ở phố Hàng Buồm thờ Bạch Mã đại vương. Cao Biền đắp La Thành thấy có linh khí, bèn lập đền thờ. Tây trấn là trại Thủ Lệ, thờ Linh Lang đại vương; là người con thứ tư của vua Lý Thái Tông, lên 8 tuổi hóa thành Giao Long đi mất, nhà vua sai lập đền thờ. Nam trấn là phường Kim Liên, thờ Cao Sơn đại vương. Bắc trấn có quán Trấn Vũ Tây Hồ, xưa đã có đền trong rừng, đầu niên hiệu... Thái úy Nguyễn Văn Lữ tâu xin dựng, nhà Lý cho lập quán. Niên hiệu Vĩnh Trị nhà Lê đúc tượng, năm Tự Đức thứ 10 (1847), làm thêm hậu điện thờ Tam Thánh.

**Thành Đại La**

Năm thứ 2 niên hiệu Đại Lịch đời vua Đường Đại Tông, tức năm Đinh Mùi (767), Kinh lược sứ Trương Bá Nghi đắp La Thành. Đời Đường Đức Tông, năm Trinh Nguyên 21, Giáp Thân (804) Đô hộ sứ là Triệu Xương trùng tu. Năm Trường Khánh thứ 4 đời Đường Mục Tông, tức năm Giáp Thìn (824), Đô hộ Lý Nguyên Tảo dời phủ đường ở ngoài cửa Đông Quan và đắp thêm. Năm Nguyên Hòa thứ 31, đời vua Hiến Tông (808) Tưởng Bá Nghi là Đô hộ phủ đắp thêm mở rộng thành Đại La. Năm Bính Tuất, niên hiệu Hàm Thông 7 (866) đời vua Ý Tông, Tiết độ sứ Cao Biền vào ở phủ lỵ, đắp thêm thành Đại La, chu vi 41.982 trượng,... Năm Hồng Đức thứ 8, đời vua Lê Thánh Tông tức năm Đinh Dậu (1477), cho đắp mở rộng thành Đại La. Năm Hồng Đức thứ 11 (1480), tháng 11 mở rộng thành, lập vườn Thượng Lâm để nuôi hươu. Năm Hưng Trị thứ 7, nhà Mạc, tức năm Mậu Tý (1588), mùa xuân tháng 2 đắp thêm lũy đất ở ngoài thành Đại La cao hơn thành Thăng Long mấy thước, rộng 25 trượng. Đào hai vòng hào sâu 3 trượng trên trồng tre, gỗ chạy dài đến vài chục dặm, để làm kế phòng bị việc quân.

# 河城詩抄
# HÀ THÀNH THI SAO

# TRIỀU TRẦN 陳朝

## TRẦN QUANG KHẢI 陳光啓

### 1. 從駕還京師

奪槊彰陽度
扵胡鹹子關
太平須努力
萬古此江山

**Phiên âm:**

*TỤNG GIÁ HOÀN KINH SƯ*

*Đoạt sóc[1] Chương Dương độ,*
*Cầm Hồ Hàm Tử quan.*
*Thái bình tu nỗ lực,*
*Vạn cổ thử giang san.*

**Dịch nghĩa:**

THEO XA GIÁ VỀ KINH

(Nguyên chú: *Thượng tướng Trần Quang Khải, làm tháng 3 năm Mậu Tý, niên hiệu Trùng Hưng 4 (1288).*

Bến Chương Dương[2] cướp giáo giặc,
Cửa Hàm Tử[3] bắt sống thù.

Thời thái bình càng nên cố gắng,
Núi sông này vững bền mãi mãi.

**Dịch thơ:**

*Cướp giáo Chương Dương đó,*
*Bắt Hồ Hàm Tử đây.*
*Thái bình nên gắng sức,*
*Muôn thuở nước non này.*

(Trinh Đường dịch - *Thơ văn Lý - Trần*, T. 2)

*Chú thích:*

1. Sóc: Cũng đọc là sáo.

2. Chương Dương: Tên bến sông Hồng, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây cũ. Năm 1285, quân Trần đánh thắng quân Nguyên ở đây.

3. Hàm Tử quan: Tức cửa Hàm Tử là bến sông gần bãi Phúc Tân, Hà Nội ngày nay. Tên làng ven sông Hồng nay thuộc huyện Châu Giang, Hưng Yên, nơi thời Trần, Trần Nhật Duật và Trần Quốc Toản đã đánh thắng quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy năm 1285.

## TRẦN NGUYÊN ĐÁN 陳元旦

### 2. 題玄天館

白日昇天易
致君堯舜難
塵埃六十載
回首愧儒冠

**Phiên âm:**

*ĐỀ HUYỀN THIÊN QUÁN*[1]

*[Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán]*

*Bạch nhật thăng thiên dị,*
*Trí quân Nghiêu Thuấn nan.*
*Trần ai lục thập tải,*
*Hồi thủ quý nho quan.*

**Dịch nghĩa:**

THƠ ĐỀ Ở QUÁN HUYỀN THIÊN

Ban ngày bay lên trời thì dễ,
Giúp để vua được như Nghiêu, Thuấn[2] thì khó.
Sáu mươi năm sống trong cõi trần,
Quay đầu nhìn lại, xấu hổ vì đội mũ nhà nho[3].

**Dịch thơ:**

*Ban ngày lên trời dễ,*
*Giúp vua thật khó ghê.*
*Cõi trần sáu chục tuổi,*
*Ngoái thẹn mũ nho kia.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Quán Huyền Thiên: Tên ngôi đạo quán, nay ở phố Hàng Khoai gần chợ Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm Hà Nội, thờ Huyền Thiên Đế Quân, còn gọi là "Huyền Thiên Chân Vũ Nguyên Quân."

2. Nghiêu, Thuấn: Tên hai vị vua hiền có tiếng của Trung Quốc cổ đại mà nhà nho thường nêu ra làm mẫu mực để vua chúa các đời noi theo.

3. Mũ nhà nho: Nguyên văn là "Nho quan," mũ nhà nho chỉ những người ra làm quan. Có bản chép là "hoàng quan," mũ đạo sĩ màu vàng.

## PHẠM SƯ MẠNH 范師孟

(Nguyên chú: *Ông người làng Giáp Sơn, làm quan trải 3 triều vua Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông. Sau khi đi sứ nhà Nguyên trở về, ông được phong chức Khu mật viện.)*

### 3. 報天寺塔

鎮壓東西鞏帝畿
歸然一塔獨巍巍
山河不動擎天拄
今古難磨立地維
風擺鍾鈴時應答
星移燈燭夜光煇
我來欲此題詩筆
管領春江作硯池

**Phiên âm:**

*BÁO THIÊN TỰ THÁP*

*Trấn áp đông tây củng đế kỳ,*
*Quy nhiên nhất tháp độc nguy nguy.*
*Sơn hà bất động kình thiên trụ;*
*Kim cổ nan ma lập địa duy.*
*Phong bãi chung linh thời ứng đáp;*
*Tinh di đăng chúc dạ quang huy.*

*Ngã lai dục thử đề thi bút,*
*Quản lĩnh xuân giang tác nghiên trì.*

**Dịch nghĩa:**

THÁP CHÙA BÁO THIÊN

(Nguyên chú: *Tháp chùa Báo Thiên: tên chùa và tháp ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương. Tháp đã bị quân Minh phá hủy năm 1427. Trước kia là một trong "An Nam tứ khí" của nước ta. Gồm tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh và tượng Phật Quỳnh Lâm)*

Trấn áp đông tây giữ vững kinh kỳ của nhà vua,
Ngọn tháp sừng sững cao vút hẳn lên.
Sông núi không bị lung lay nhờ một chiếc cột chống trời;
Xưa nay khó mài mòn là cái cột dựng đứng trên mặt đất.
Gió táp chuông kêu, thường phát ra âm thanh ứng đáp;
Sao đổi ngôi tựa đèn đuốc sáng lóa màn đêm.
Ta tới đây muốn dầm bút đề thơ nơi danh thắng,
Chiếm cả dòng sông xuân làm nghiên mực đề thơ.

**Dịch thơ:**

*Trấn áp đông tây giữ đế đô,*
*Hiên ngang ngọn tháp đứng trơ trơ.*
*Non sông vững chãi thay trời chống;*
*Kim cổ khôn mòn đỉnh tháp nhô.*
*Thỉnh thoảng gió lay chuông ứng đáp;*
*Đêm đêm sao xế đuốc khôn mờ.*
*Tới đây những muốn dầm ngòi bút,*
*Chiếm cả dòng sông mài mực thơ.*

(Đào Thái Tôn, *Thơ văn Lý - Trần*, T. 3)

## LÝ ĐẠO TÁI 李道載

(Nguyên chú: *Lý Đạo Tái người làng Vạn Tải, huyện Gia Định, tỉnh Bắc Ninh. Năm Bảo Phù thứ 3 (1275) đỗ trạng nguyên, từ quan xuất gia ở núi Yên Tử, hiệu là Trúc Lâm Đệ Tam Tổ.)*

### 4. 一柱寺

上方秋夜一鍾闌
月色如波楓樹丹
鴟吻倒眠方鏡冷
塔光雙峙玉尖寒
萬緣不擾心這俗
半點無憂眼放寬
參透是非平等相
魔宮佛國好生觀

**Phiên âm:**

*NHẤT TRỤ TỰ*[1]

*Thượng phương thu dạ nhất chung lan,*
*Nguyệt sắc như ba phong thụ đan.*
*Si vẫn đảo miên phương kính lãnh;*
*Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn.*
*Vạn duyên bất nhiễu tâm giá tục;*
*Bán điểm vô ưu nhãn phóng khoan.*

*Tham thấu thị phi bình đẳng tướng,*
*Ma cung Phật quốc hảo sinh quan.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA MỘT CỘT

Đêm thu, trên chùa, một tiếng chuông đã tàn,
Ánh trăng như sóng, cây phong lá đỏ.
Bóng những con chim cắt[(2)] ngủ treo ngược soi xuống mặt hồ
như tấm gương vuông lạnh lẽo;
Ngọn tháp lung linh đứng song song như ngọc nhọn trong giá rét.
Vạn duyên không quấy nhiễu vì tâm đã ngăn hết trần tục;
Không một chút lo lắng nên tầm mắt mở rộng.
Hiểu thấu thuyết phải trái đều bình đẳng như nhau,
Xem ra ma cung có khác gì nước Phật.

**Dịch thơ:**

*Đêm thu chùa thoảng tiếng chuông tàn,*
*Phong đỏ, trăng ngời sóng nguyệt lan.*
*Soi ngược hình chim, gương nước lạnh;*
*Sẫm đôi bóng tháp, ngón tiên hàn.*
*Muôn duyên chẳng vướng: xa trần tục;*
*Một mảy không lo: rộng nhãn quan.*
*Thấu hiểu thị phi đều thế cả,*
*Đầu ma đầu Phật chốn nào hơn?*

(Huệ Chi, *Thơ văn Lý - Trần*, T. 2)

*Chú thích:*

1. Chùa Một Cột: Tên chữ là chùa Diên Hựu. Chùa tọa lạc tại thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía tây Hoàng thành Thăng Long thời Lý, nay gần phía bên phải lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, quận Ba Đình, Hà Nội. Chùa là một công trình độc đáo, xây dựng năm Kỷ Sửu, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo thứ nhất (1049) đời Lý Thái Tông.

Tương truyền, nhà vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, đưa

tay dắt nhà vua lên tòa trong đặt tượng Phật sắc vàng lấp lánh. Khi tỉnh dậy, nhà vua kể lại chuyện này, nhà sư Thiền Tuệ khuyên nhà vua nên dựng chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt trên cột như đã thấy trong mộng. Nhà vua kén thợ làm theo kiểu ấy. Chùa xây xong, đài sen nghìn cánh đỡ tòa Phật sắc hồng. Các nhà sư đến các bề tôi làm lễ, đi vòng quanh chùa tụng kinh, cầu chúc nhà vua sống lâu, vì thế đặt tên chùa là chùa Diên Hựu (kéo dài tuổi thọ).

Đời Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 5 (1080), vua cho đúc chuông lớn để treo trong chùa. Chuông đúc xong, đánh không kêu. Nhà vua cho rằng đã thành khí, không nên tiêu hủy, bèn đem bỏ ở ruộng, rùa tụ vào đó để sống; người đương thời gọi là Ruộng Rùa, quả chuông đó cũng gọi là chuông Quy Điền.

Khi quân Minh bao vây Đông Quan, Vương Thông đã phá chuông để đúc súng đạn. Chùa đã qua nhiều lần trùng tu vào các thời Trần, Lê, Nguyễn. Năm 1945, trước khi rút khỏi Hà Nội, quân Pháp đặt mìn phá đổ chùa. Ngay sau ngày tiếp quản, Bộ Văn hóa đã cho tu sửa chùa theo đúng kiểu mẫu cũ, và được Bộ Văn hóa xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa tháng 4 năm 1962. Hiện chùa Một Cột là một trong những di tích lịch sử văn hóa lâu đời và nổi tiếng của thủ đô Hà Nội.

2. Chim cắt: Tức hình những con chim cắt, đắp nổi trên nóc đỉnh chùa.

## NGUYỄN PHI KHANH 阮飛卿

(Nguyên chú*: Nguyễn Phi Khanh là con rể trưởng của quan Tư đô Trần Nguyên Đán. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1374) đời Trần, nhưng không được dùng. Thời nhà Hồ, Phi Khanh làm quan chức Hàn lâm Học sĩ, sau bị giặc Minh bắt đưa về Bắc Kinh. Ông là thân phụ của đại thi hào Nguyễn Trãi.)*

### 5.秋成晚望

木落都城九月天
斜陽掉地截雲煙
離鴻遠遠迎風陣
隙月涓涓隔樹懸
吟興四時秋易感
人生萬事老堪憐
兵戈況復彫殘後
遙望晴旻一慨然

**Phiên âm:**

*THU THÀNH VÃN VỌNG*[1]

*Mộc lạc đô thành cửu nguyệt thiên,*
*Tà dương trạo địa tiệt vân yên.*
*Ly hồng viễn viễn nghênh phong trận;*
*Khích nguyệt quyên quyên cách thụ huyền.*
*Ngâm hứng tứ thời thu dị cảm;*

*Nhân sinh vạn sự lão kham liên.*
*Binh qua huống phục điêu tàn hậu,*
*Dao vọng tình mân nhất khái nhiên.*

**Dịch nghĩa:**

NƠI KINH THÀNH NGẮM CẢNH MÙA THU

Tiết tháng chín, nơi đô thành lá cây rơi rụng,
Bóng chiều rọi xuống mặt đất làm tan mây khói.
Xa xa chim hồng dàn hàng đón trận gió;
Ánh trăng xuyên qua kẽ lá làm cây giống như
từng giọt nước lóng lánh.
Bốn mùa hứng thơ thì mùa thu là dễ gợi cảm nhất;
Đời người muôn việc thì tuổi già là việc đáng thương hơn.
Huống hồ lại gặp cảnh điêu tàn sau cơn binh hỏa,
Xa nhìn vòm trời xanh mà lòng luống ngậm ngùi.

**Dịch thơ:**

*Tháng chín kinh thành cây xác xơ,*
*Khói mây rợp đất dưới dương tà.*
*Xuyên cây ánh nguyệt treo khe cửa;*
*Đón gió chim hồng lạc nẻo xa.*
*Hứng thú tứ mùa thu dễ cảm;*
*Đời người muôn việc tủi cho già.*
*Huống sau binh lửa cơn tàn héo,*
*Xa ngó trời xanh, mủi dạ ta.*

(Bùi Văn Nguyên dịch, *Lịch sử thủ đô Hà Nội*, H: Nxb. Sử học, 1960)

*Chú thích:*

1. Sách ký hiệu A. 132/1 chép thơ Phi Khanh trong q.4 tr.17a - 17b có bài thơ Thu thành vãn vọng (秋城晚望) nhưng không có bài thơ *Thành nam ngụ cư cảm tác* (城南寓居感作) như trong *Hà thành thi sao* chép.

## 6. 城中有感寄呈同志

朝中朱紫動紛紛
幻眼誰能各自分
頭上老天依日月
人間夢景付煙雲
習池何處招山簡
杜曲無錢覓廣文
謀議廟堂吾豈敢
擬將泉石夢諸君

**Phiên âm:**

*THÀNH TRUNG HỮU CẢM KÝ TRÌNH ĐỒNG CHÍ*

*Triều trung chu tử động phân phân,*
*Ảo nhãn thùy năng các tự phân.*
*Đầu thượng lão thiên y nhật nguyệt;*
*Nhân gian mộng cảnh phó yên vân.*
*Tập Trì hà xứ chiêu Sơn Giản;*
*Đỗ Khúc vô tiền mịch Quảng Văn.*
*Mưu nghị miếu đường ngô khởi cảm,*
*Nghĩ tương tuyền thạch mộng chư quân.*

**Dịch nghĩa:**

TRONG KINH THÀNH XÚC CẢM
GỬI CHO CÁC BẠN CÙNG CHÍ HƯỚNG

Trong triều đình, các quan mặc áo đỏ áo tía vào ra tấp nập,
Bởi mắt mờ, ai mà phân biệt được mình.
Trên đầu có ông trời, dựa vào tháng ngày;
Cõi đời là cảnh mộng, phó mặc mây khói.
Biết Tập Trì là nơi nào mà mời Sơn Giản;(1)
Ở Đỗ Khúc không có tiền để tìm Quảng Văn.(2)

Bàn tính nơi miếu đường tôi đâu dám,
Chỉ mong ở nơi suối vàng mơ gặp các ông.

**Dịch thơ:**

*Bời bời đỏ tía lớp đai cân,*
*Mắt quáng ai mà có thể phân.*
*Nhật nguyệt đang soi vầng đỉnh não;*
*Khói mây phó mặc mộng trần gian.*
*Tập Trì chẳng thấy vời Sơn Giản;*
*Đỗ Khúc không tiền kiếm Quảng Văn.*
*Mưu lược miếu đường ta chẳng dám,*
*Suối vàng toan mộng gặp chư quân.*

(Đào Phương Bình dịch, *Thơ văn Lý - Trần*, T. 3)

*Chú thích:*

1. Tập Trì: Thành trì của Tập Tạc Xỉ. Ông người đất Tương Dương đời Tấn, học rộng và có tài văn chương, làu thông sử sách.

Sơn Giản: Người đất Hà Nội đời Tấn, có phong thái ôn hòa, thanh nhã và hào phóng; làm quan đến Thượng thư Tả bộc xạ, nắm Bộ Lại. Sau đó làm Chinh Nam tướng quân, trấn giữ đất Tương Dương; sau đến Lạc Dương và thường đến thăm lâu đài, thành trì nhà họ Tập.

2. Đỗ Khúc: Một địa danh ở phía nam Tràng An, tỉnh Thiểm Tây. Vào đời Đường, họ Đỗ dời đến ở đất này, nên vùng đó mới có tên là Đỗ Khúc.

Quảng Văn: Tên quán, cũng là tên chức quan do Đường Huyền Tông đặt ra. Đó là một chức nhàn quan, không có thực quyền. Đỗ Phủ có câu:

*Chư công cổn cổn đăng đài sảnh,*
*Quảng Văn tiên sinh quan độc lãnh.*

Nghĩa là:

Các ngài tấp nập lên đài sảnh,
Quảng Văn tiên sinh thấy lạnh lùng.

Hai câu thơ 5 và 6 ý nói: Không có cách gì để gặp mặt tri âm.

# TRẦN NGHỆ TÔNG[1] 陳藝宗

## 7. 報恩寺

虹橋胯水斷人喧
萬頃連波夾寺門
風遞鳥聲林覺靜
月篩竹影地無痕
蕊鄉殿上金容燦
甘露堂中法座尊
自恨兒孫貪飽煖
不隨沖密報深恩

**Phiên âm:**

*BÁO ÂN TỰ*

*Hồng kiều khóa thủy đoạn nhân huyên,*
*Vạn khoảnh liên ba giáp tự môn.*
*Phong đệ điểu thanh lâm giác tĩnh;*
*Nguyệt sư trúc ảnh địa vô ngân.*
*Nhị Hương điện thượng kim dung xán;*
*Cam Lộ đường trung pháp tọa tôn.*
*Tự hận nhi tôn tham bão noãn,*
*Bất tùy xung mật báo thâm ân.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA BÁO ÂN[2]

(Nguyên chú: *Chùa Báo Ân đời Lý, ở cung Cảnh Linh; sau người Pháp phá đi làm nhà Bưu điện, hiện ở đối diện với hồ Gươm, Hà Nội. Song thực ra soạn giả đã lầm, chùa Báo Ân đời Lý hiện ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.*)

Cầu vồng vươn trên mặt nước, cách hẳn sự huyên náo cõi người,
Vạn lớp sóng xô ngay sát cửa chùa.
Gió đưa tiếng chim đi, khu rừng trở nên tĩnh mịch;
Bóng trúc sáng ánh trăng, mặt đất không dấu vết.
Trên điện Nhị Hương[3] tượng Phật rực rỡ;
Trong nhà Cam Lộ[4] pháp toà tôn nghiêm.
Tự giận con cháu chỉ biết tham ăn no mặc ấm,
Không xung vào việc cơ mật để báo đáp ân sâu.

**Dịch thơ:**

*Cầu vồng mặt nước cách trần huyên,*
*Sóng rỡn lô xô sát cửa thiền.*
*Theo gió chim bay rừng tĩnh lặng;*
*Sàng trăng bóng trúc cảnh bình yên.*
*Nhị Hương trên điện kim thân lóe;*
*Cam Lộ trong đền pháp tọa bền.*
*Chỉ giận cháu con ham phú quý,*
*Không theo xung mật báo ơn trên.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Nghệ Tông: Là vua thứ 9 của nhà Trần, con thứ 3 của Minh Tông hoàng đế. Sau khi nhường ngôi ông đi tu. Bài thơ *Báo Ân tự,* có chép ở sách ký hiệu A.132, q.1, tờ 24a,b. Thư viện Viện Hán Nôm.

2. Thực ra soạn giả đã dẫn nhầm, chùa Báo Ân đời Lý hiện ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

3. Điện Nhị Hương: Tên thường gọi Phật điện.

4. Nhà Cam Lộ: Thuật ngữ chỉ giáo pháp nhà Phật.

# TRIỀU LÊ 黎朝

## LÊ THÁNH TÔNG 黎聖宗

### 8. 鎮武館

名唆千古㐌𢦏鏕
坡語輝光每每朝
景物尼尼圖閬苑
宮墻意意盎雲霄
羅滌溢桂牟淶浪
錦瀝㖿花客熠耀
構特英威恆吠吠
所功德意别包饒

**Phiên âm:**

*TRẤN VŨ QUÁN*[1]

*Danh lừng thiên cổ đã nên biêu,*[2]
*Bỡ ngỡ*[3] *huy quang mọi mọi chiều.*
*Cảnh vật này này đồ Lãng uyển;*[4]
*Cung tường ấy ấy áng vân tiêu.*[5]
*Là tuôn doành quế màu lai láng;*

*Gấm trải đường hoa khách dập dìu.*
*Cấu[6] được anh uy hằng dức dậy,*
*Thửa công đức ấy biết bao nhiêu.*

*Chú thích:*

1. Bài thơ chép trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, ký hiệu AB.292, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Quán Trấn Vũ hiện nay gọi là đền Quán Thánh ở Hà Nội. *Đại Nam nhất thống chí* chép: Quán Trấn Vũ thờ Huyền Thiên Chân Vũ đại đế, tượng bằng đồng, cao 8 thước 2 tấc, chu vi 8 thước 7 tấc, trọng lượng 6.600 cân, tay phải cầm thanh kiếm chống lên mình con rùa, có con rắn vòng quanh. Nguyên tên là Trấn Vũ quán, Minh Mệnh cho đổi tên là Chân Vũ quán, sai quan kính tế và cúng một tấm áo lụa tơ vàng. Thiệu Trị khi Bắc tuần (1842) lại cúng một tấm áo tơ màu vàng nữa.

2. Biêu: Từ cổ, có nghĩa nổi tiếng.

3. Bỡ ngỡ: Chỉ vẻ đẹp khiến mọi người phải bỡ ngỡ.

4. Lãng uyển: Chỗ tiên ở.

5. Vân tiêu: Tức thiên đình.

6. Cấu: Cấu tạo nên, gây dựng nên.

## 9. 鎮國寺

中立乾坤凭帝都
嗏名鎮國於西湖
春秋添固迸分邏
花鞊停台沒式鋪
海海香歪薋女麝
漏漏畑孛煳如蘇
箕埃董鼎爪之帝
蔑喈鯨坵沒穻謨

**Phiên âm:**

*CHÙA TRẤN QUỐC*[1]

*Trung lập kiền khôn*[2] *giữa đế đô,*[3]
*Mang danh Trấn Quốc ở Tây Hồ.*
*Xuân thu thêm có mười phần lạ;*
*Hoa cỏ đành hay một thức phô.*
*Hây hẩy hương trời thơm nữa xạ;*
*Làu làu đèn bụt rạng như tô,*
*Kìa ai đủng đỉnh làm chi đấy?*
*Một tiếng kình*[4] *khua một chữ mô.*

*Chú thích:*

1. Chùa Trấn Quốc ven hồ Tây - Hà Nội. Khi Thiệu Trị Bắc tuần (1842) thưởng một đồng tiền vàng hạng lớn và 200 quan tiền, lại cho đổi tên là chùa Trấn Bắc.

2. Kiền khôn: Chỉ đất trời.

3. Đế đô: Kinh đô của nhà vua, chỉ thành Thăng Long lúc bấy giờ.

4. Kình: Cái chày nện chuông làm thành hình con cá kình. Câu này có ý nói: Mỗi khi nghe một tiếng chuông thì thiện nam tín nữ lại niệm câu: "mô Phật".

## NGUYỄN THIÊN TÍCH 阮天賜

### 10. 天祐門待曙

紫陌初雞夜未央
獸環深鎖漏聲長
微垣高壓蒼龍角
斗柄低垂寶殿傍
風戰鐵冠寒不撓
霜飛象簡冷生光
傍人不敢高聲語
引嶺偷看晨奏章

**Phiên âm:**

*THIÊN HỰU MÔN ĐÃI THỰ*

*Tử mạch sơ kê dạ vị ương,*
*Thú hoàn thâm tỏa lậu thanh trường.*
*Vi viên cao áp thương long giác;*
*Đẩu bính đê thùy bảo điện bàng.*
*Phong chiến thiết quan hàn bất nhiễu;*
*Sương phi tượng giản lãnh sinh quang.*
*Bàng nhân bất cảm cao thanh ngữ,*
*Dẫn lãnh thâu khan thần tấu chương.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỨNG Ở CỬA THIÊN HỰU ĐỢI TRỜI SÁNG

(Nguyên chú: *Nguyễn Thiên Tích tự là Huyền Khuê, người làng Nội Duệ, huyện Tiên Du. Năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận Thiên (1429), đỗ Tiến sĩ khoa Hoành từ, rồi đi sứ sang phương Bắc, làm quan đến Binh bộ Thượng thư. Đầu năm Thiệu Bình (1435), khi làm Ngự sử ông làm bài thơ này.*)

Đứng ở góc đường, lúc gà gáy sơ canh đợi trời sáng,
Khóa hình đầu thú đóng chặt, đêm vẫn còn dài.
Tường cao che kín một góc trời đông;
Chuôi sao Đẩu đã xuống thấp bên tòa điện báu.
Gió táp chiếc mũ phán quan vẫn trơ trơ chẳng chuyển;
Sương rơi làm chiếc thẻ ngà lạnh trở nên sáng hơn.
Người đứng bên cạnh chẳng dám to tiếng,
Trời sáng, chỉ vươn cổ nhìn trộm đợi dâng tấu chương.

**Dịch thơ:**

*Góc đường đứng đợi lúc canh sơ,*
*Cửa khóa im lìm, đêm vẫn khuya.*
*Tường thẳm che ngang trời tối mặt;*
*Đẩu tinh xuống thấp nẻo thành xưa.*
*Gió lay chẳng chuyển mũ quan nọ;*
*Sương rơi bừng sáng thẻ ngà kia.*
*Người chực đứng bên không dám nói,*
*Sáng trời, chỉ biết tấu chương đưa.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## PHÙNG KHẮC KHOAN 馮克寬

### 11. 西湖題詠

(摘續傳奇綠)

馮：

名利奔波一片塵
西湖散步忽閒身
蓬萊方丈皆虛幻
始信仙凡總在人

吳氏：

瑩然方寸俗塵無
包括乾坤一畫圖
薺月風光隨洒落
目中何處不西湖

李子：

花迎客店柳迎船
盡日西湖盡醉眠
醒起談詩驚四座
此身應是謫神仙

柳杏公主：

西湖槐根留題
(天仙瓊花柳杏公主)
雲作霓裳日作車
翔遊興率看煙霞
世人欲識吾名姓

一大山人玉瓊花

西湖續詠

(柳杏公主与馮李吳三公)

公主唱：

西湖別占一湖天

李：

從目乾坤盡豁然

古樹遠莊青寞寞

馮：

金牛闊水綠涓涓

生涯何處數間屋

吳：

活計誰家一隻船

隔竹疏籬聞犬吠

李：

亨茶破碧透廚煙

輕輕桂掉手中蕩

馮：

短短衰衣身上穿

彷彿洞庭遊范蠡

吳：

依稀碧漢泛張騫

千尋浩蕩晴深淺

李：

四顧微茫逸後先

款款往來紅綠畔

馮：

嘔啞出入白雲邊

沙中狎戲忘機鷺

吳：

雲外閒觀率性鳧
幾曲滄浪聞[水]國

李：

一雙白眼敖塵喧
交頭對話依荷蓋

馮：

伸手相招戲筴錢
笠放蓮間藏菜嫩

吳：

籃沉水底養魚鮮
或將淡水花叢酌

李：

時枕長篙樹影眠
醉後相看拋水面

馮：

浴餘自柳曝風前
安華牧子相朋結

吳：

上苑樵夫舊約堅
抱足徐吾觀蚌勢

李：

探頷笑彼沒龍淵
網疏每避世途險

馮：

鉤直羞將利餌懸
寒渚夏來猶愛日

吳：

長安冬盡未知年
三公肯把煙霞換

李：

半點寧容俗慮牽
胃水任符文伯卜

馮：

桃源好訪武陵緣
聞鍾乍覺心爲佛

公主：

得月應知我是仙

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ ĐỀ VỊNH*

(Trích *Tục truyền kỳ lục)*

*Phùng:*

*Danh lợi bôn ba nhất phiến trần,*
*Tây Hồ tán bộ hốt nhàn thân.*
*Bồng Lai Phương Trượng giai hư huyễn,*
*Thủy tín tiên phàm tổng tại nhân.*

*Ngô:*

*Oanh nhiên phương thốn tục trần vô,*
*Bao quát càn khôn nhất họa đồ.*
*Tễ nguyệt phong quang tùy sái lạc,*
*Mục trung hà xứ bất Tây Hồ.*

*Lý:*

*Hoa nghinh khách điếm liễu nghinh thuyền,*
*Tận nhật Tây Hồ tận túy miên.*
*Tỉnh khởi đàm thi kinh tứ tọa,*
*Thử thân ứng thị trích thần tiên.*

*Liễu Hạnh công chúa:*

*TÂY HỒ HÒE CĂN LƯU ĐỀ*

*(Thiên tiên Quỳnh Hoa Liễu Hạnh công chúa)*
*Vân tác nghê thường nhật tác xa,*

*Tường du hứng xuất khán yên hà.*
*Thế nhân dục thức ngô danh tính,*
*Nhất đại sơn nhân ngọc Quỳnh Hoa.*

*TÂY HỒ TỤC VỊNH*

*(Liễu Hạnh công chúa dữ Phùng Lý Ngô tam công)*

*Công chúa xướng:*

*Tây Hồ biệt chiếm nhất hồ thiên,*

*Lý:*

*Túng mục càn khôn tận khoát nhiên.*
*Cổ thụ viễn trang thanh mịch mịch,*

*Phùng:*

*Kim Ngưu khoát thủy lục quyên quyên.*
*Sinh nhai hà xứ sổ gian ốc,*

*Ngô:*

*Hoạt kế thùy gia nhất chích thuyền.*
*Cách trúc sơ ly văn khuyển phệ,*

*Lý:*

*Phanh trà phá bích thấu trù yên.*
*Khinh khinh quế trạo thủ trung đãng,*

*Phùng:*

*Đoản đoản lạp y thân thượng xuyên.*
*Phảng phất Động Đình du Phạm Lãi,*

*Ngô:*

*Y hy Bích Hán phiếm Trương Khiên.*
*Thiên tầm hạo đãng tình thâm thiển,*

*Lý:*

*Tứ cố vi mang dật hậu tiên.*
*Khoản khoản vãng lai hồng lục bạn,*

*Phùng:*

*Âu a xuất nhập bạch vân biên.*
*Sa trung áp hý vong cơ lộ,*

*Ngô:*

*Vân ngoại nhàn quan suất tính nhân.*
*Kỷ khúc thương lang văn thủy quốc,*

*Lý:*

*Nhất song bạch nhãn ngạo trần huyên.*
*Giao đầu đối thoại y hà cái,*

*Phùng:*

*Thân thủ tương chiêu hý khiêm tiền.*
*Lạp phóng liên gian tàng thái nộn,*

*Ngô:*

*Lam trầm thủy để dưỡng ngư tiên.*
*Hoặc tương đạm thủy hoa tùng chước,*

*Lý:*

*Thời chẩm tường cao thụ ảnh miên.*
*Túy hậu tương khan phao thủy điện,*

*Phùng:*

*Dục dư tự lạc bộc phong tiền.*
*Yên hoa mục tử tương bằng kết,*

*Ngô:*

*Thượng uyển tiều phu cựu ước kiên.*
*Bão túc từ ngô quan bạng thế,*

*Lý:*

*Thám hàm tiếu bỉ một long uyên.*
*Võng sơ mỗi tị thế đồ hiểm,*

*Phùng:*

*Câu trực tu tương lợi nhĩ huyền.*
*Hàn chử hạ lai do ái nhật,*

*Ngô:*

*Trường An đông tận vị tri niên.*
*Tam công khẳng bả yên hà hoán,*

*Lý:*

*Bán điểm ninh dung tục lự khiên.*
*Vị Thủy nhậm phù văn bá bốc,*

*Phùng:*

*Đào nguyên hảo phỏng Vũ Lăng duyên.*
*Văn chung xạ giác tâm vi Phật,*

*Công chúa:*

*Đắc nguyệt ưng tri ngã thị tiên.*

**Dịch thơ:**

ĐỀ VỊNH TÂY HỒ

(Trích trong *Tục truyền kỳ lục*)

(Nguyên chú: *Thời vua Thế Tông, niên hiệu Quang Hưng, Phùng Khắc Khoan đi sứ Minh về, nhân lúc nhàn hứng, cùng Cống sinh họ Ngô, Tường sinh họ Lý mùa hạ đi chơi Tây Hồ, nối tiếp nhau ngâm vịnh; hôm đó gặp cả Liễu Hạnh công chúa cùng ngâm vịnh.)*

*Phùng liền ngâm rằng:*

Danh lợi bôn ba một cuộc đời,
Tây Hồ phóng bộ thảnh thơi chơi.
Bồng Lai Phương Trượng đều hư huyễn,
Tiên tục chẳng qua chỉ ở người.

*Ngô nối lời ngâm:*

Trong lòng quét sạch bụi trần nhơ,
Bao quát càn khôn một họa đồ.
Gió mát trăng thanh tùy hứng thú,
Đâu đâu chẳng phải chốn Tây Hồ.

*Lý cũng ngâm rằng:*

Hoa chào điếm khách liễu chào thuyền,
Suốt tháng Tây Hồ ngủ liên miên.
Tỉnh dậy bàn thơ kinh khắp chốn,
Thân này có lẽ tiểu thần tiên.

Công chúa ngâm:

THƠ LƯU ĐỀ Ở GỐC HÒE TÂY HỒ

Mây làm áo mặt trời làm xe,
Vui thú dong chơi ngắm khói mây.
Người đời muốn biết ta danh tính,
Ngọc Quỳnh Hoa là tiên trên núi.

TIẾP TỤC VỊNH TÂY HỒ

*(Bài thơ ba người Phùng, Ngô, Lý liên ngâm cùng công chúa Liễu Hạnh)*

Công chúa xướng:

Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời,

Lý ngâm:

Phong cảnh xa nhìn tự thảnh thơi.
Cây cỏ quanh nhà lá xanh biếc,

Phùng ngâm:

Trâu vàng[1] đầm vũng nước sáng ngời.
Vài gian nhà lá đủ nương náu,

Ngô ngâm:

Một chiếc thuyền con kiếm sinh nhai.
Cách giậu phên thưa chó sủa hoài.

Lý ngâm:

Nấu trà vách đất khói nghi ngút,
Chèo quế tay cầm nhè nhẹ lướt,

Phùng ngâm:

Áo tơi thừa khoác dáng khoan thai.
Vãn cảnh Động Đình kia Phạm Lãi,

Ngô ngâm:

Cưỡi bè Trương Khiên vượt khắp nơi.
Nghìn tầm mênh mông sâu nông rõ,

Lý ngâm:

Bốn mặt mịt mờ nổi chơi vơi.
Mái chèo đưa đẩy lau lách lướt,

Phùng ngâm:

Tiếng hát hò khoan mây trắng trôi.
Bạn cùng cò cốc trong bãi cát,

Ngô ngâm:

Nhìn xem diều hâu ngoài bể khơi.
Mấy khúc hát hay vang mặt nước,

Lý ngâm:

Một đôi "*mắt trắng*"[2] ngạo người đời.
Lọng đội lá sen lời nối lời.

Phùng ngâm:

Tiền bằng lá súng hái lại hái,
Thả nón mặt hồ rau vẫn tươi,

Ngô ngâm:

Dìm giỏ dưới nước nuôi cá bơi.
Chuốc rượu trong hoa say túy lúy,

Lý ngâm:

Gối chèo bóng liễu nằm nghỉ ngơi.
Say rồi vứt giỏ trên làn sóng,

Phùng ngâm:

Tắm xong cởi khố ra gió phơi,
Mục tử gã kia là bạn hữu,

Ngô ngâm:

Tiều phu hẹn trước luống hôm mai.
Ôm đầu gối, ta chờ cò trai.[3]

Lý ngâm:

Móc hàm rồng, kẻ tham châu ngọc,[4]
Lưới trời thưa mà không sót ai,

Phùng ngâm:

Lưỡi câu thẳng nào chịu mắc mồi.
Trời đã sang hè, nắng vẫn thu,

Ngô ngâm:

Đông dù đã hết, năm còn dài.
Phú quý sao bằng thú trăng gió,

Lý ngâm:

Thanh cao không nhuốm bụi trần ai.
Sông Vị Thủy không tin lời bói,(5)

Phùng ngâm:

Bến Đào nguyên mong được trùng lai.(6)
Nghe chuông chợt hiểu tâm là Phật,

Công chúa:

Trăng rọi, ta là tiên chứ ai?

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Trâu vàng: Theo truyền thuyết, ngày xưa có con trâu vàng ở Trung Quốc lồng sang Việt Nam tìm mẹ vùng vẫy làm thành hồ Tây.

2. Mắt trắng: Đời Tấn, có người tên là Nguyễn Tịnh tiếp người hiền bằng mắt xanh, tiếp người xấu bằng mắt trắng.

3. Con cò con trai găng nhau: Trai ngậm mỏ cò, không nhả ra; người đánh cá vớ được cả đôi.

4. Câu này răn người đời tham mồi phú quý thì sẽ nguy hiểm như là kẻ móc hàm rồng tìm ngọc.

5. Câu này nhắc chuyện vua Chu Văn Vương xem bói tìm được Lã Vọng câu cá ở sông Vị Thủy, đem về dùng làm Tướng quốc.

6. Đời Tấn, có người ở Vũ Lăng đi đánh cá lạc vào Đào nguyên là nơi tiên cảnh.

NGỤY KIẾP 魏接

(*Người đời Thanh Trung Quốc)*

安南京都八景

AN NAM KINH ĐÔ BÁT CẢNH

## 12. 御樓觀濤

合壁雙揮耀羽旄
海天空闊御樓高
三層朱户開金鎖
八面韶光映錦袍
花柳含煙連闕迥
山川乘氣著人毫
黃龍青雀貔貅外
鶴淚風聲演怒濤

**Phiên âm:**

*NGỰ LÂU QUAN ĐÀO*

*Hợp bích song huy diệu vũ mao,*
*Hải thiên không khoát ngự lâu cao.*
*Tam tằng chu hộ khai kim tỏa;*
*Bát diện thiều quang ánh cẩm bào.*
*Hoa liễu hàm yên liên khuyết quýnh;*
*Sơn xuyên thừa khí trứ nhân hào.*

*Hoàng long Thanh tước*[1] *tì hưu ngoại,*
*Hạc lệ phong thanh*[2] *diễn nộ đào.*

**Dịch nghĩa:**

LẦU NGỰ XEM SÓNG

Mặt trời mặt trăng như hai viên ngọc bích chiếu sáng[3]
cờ mao vũ,
Trời biển bao la, lầu ngự cao.
Ba tầng cửa tía khóa vàng đã mở;
Tám hướng ánh thiều quang chiếu soi áo bào gấm.
Hoa liễu ngậm khói liền cửa khuyết xa xa;
Sông núi chan chứa khí tốt, làm nổi bật những người hào kiệt.
Cờ quạt phấp phới, tỏ rõ đội quân hùng mạnh,
Hạc kêu gió thét, như tiếng sóng rền vang.

**Dịch thơ:**

*Cờ mao nhật nguyệt soi vào,*
*Mênh mông trời biển lầu cao vua ngồi.*
*Ba tầng cửa tía mở rồi,*
*Thiều quang tám mặt, ánh sói cẩm bào.*
*Liễu hoa cửa khuyết gần sao,*
*Non sông khí tốt, anh hào đúc nên.*
*Quân đi cờ kéo đi liền,*
*Chim kêu gió hét tiếng rền sóng xô.*

(Trần Huy Hân dịch, trích trong *Vân đài loại ngữ*.
Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962 T. 1)

*Chú thích:*

1. Dịch thoát hai từ "Hoàng long, Thanh tước" là tên các lá cờ.

2. Hạc kêu gió thét: Ý nói quân mạnh khiến địch khiếp sợ. Xưa Bồ Kiên đánh quân Tấn, nghe tiếng hạc kêu, gió thổi tưởng tiếng reo hò của quân Tấn, nên kinh hãi chạy tan tác.

3. Chỉ mặt trời, mặt trăng như hai viên ngọc bích kết hợp lại.

## 13. 看山夕照

細柳餘輝散落霞
滿城樹色半歸鴉
樓臺幾度飛鴛瓦
丘壑千重賦兔罝
捲市初忙沽酒店
養生終老釣魚家
看山寺北池塘晚
春草田疇岸岸蛙

**Phiên âm:**

*KHÁN SƠN TỊCH CHIẾU*

*Tế liễu dư huy tán lạc hà,*
*Mãn thành thụ sắc bán quy nha.*
*Lâu đài kỷ độ phi uyên ngõa;*
*Khâu hác thiên trùng phú Thố ta.*
*Quyển thị sơ mang cô tửu điếm;*
*Dưỡng sinh chung lão điếu ngư gia.*
*Khán sơn tự bắc trì đường vãn,*
*Xuân thảo điền trù ngạn ngạn oa.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG CHIẾU RỌI NÚI KHÁN SƠN

Ráng chiều bay doanh tế liễu, ánh sáng còn le lói,
Khắp thành cây cối xanh tươi, nửa số quạ bay về.
Lâu đài mấy lầu đã lợp ngói uyên bay;(1)
Nơi ngàn trùng gò khe hát vang bài thơ "Thỏ ta"(2).
Chợ búa về chiều vội đóng cửa, tìm quán rượu khó;
Dưỡng sinh được đến già chỉ có nhà thuyền chài.
Bờ ao chùa phía bắc Khán Sơn, trời về chiều,
Khắp nơi trong đám cỏ xuân trên bờ ruộng vang tiếng ếch kêu.

**Dịch thơ:**

*Ráng bay doanh liễu cô chiêu,*
*Đầy thành cây cỏ tiếng kêu quạ về.*
*Ngói uyên mấy chỗ lầu che,*
*Nghìn trùng gò đống "Thỏ ta" hát rền.*
*Chợ tan hàng rượu hơi phiền,*
*Thuyền chài thuế thả được yên phận già.*
*Bờ ao chùa bắc Khán kia,*
*Khắp nơi ruộng cỏ, ếch ta kêu rền.*

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*.
Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1)

*Chú thích:*

1. Ngói uyên: Dịch từ chữ "uyên ngõa" là kiểu lợp hai viên ngói lồng với nhau hợp thành, không khác gì chim uyên ương, con trống con mái luôn luôn sát cánh bên nhau.

2. "Thỏ ta": Tên một bài thơ trong *Kinh Thi:* "Đánh bẫy thỏ" ý nói đời nhà Chu thịnh trị, nhân tài đông; người đi bẫy thỏ sinh nhai cũng đủ tài năng dùng vào việc lớn.

## 14. 青池問津

竹樹雲煙覆草亭
滿江春色向人清
春風細拂桃花浪
野岸初分白鷺汀
遊倦不同行客懶
醉迷多在扁舟醒
津頭漫問乘波者
指點青池捕水經

**Phiên âm:**

*THANH TRÌ VẤN TÂN*

*Trúc thụ vân yên phú thảo đình,*
*Mãn giang xuân sắc hướng nhân thanh.*
*Xuân phong tế phất đào hoa lãng;*
*Dã ngạn sơ phân bạch lộ đinh.*
*Du quyện bất đồng hành khách lãn;*
*Túy mê đa tại biển chu tinh.*
*Tân đầu mạn vấn thừa ba giả,*
*Chỉ điểm Thanh Trì bổ* Thủy kinh.

**Dịch nghĩa:**

HỎI THĂM BẾN THANH TRÌ

Mây khói rừng trúc che phủ ngôi đình lợp tranh,
Sắc xuân đầy sông làm con người nhẹ nhõm.
Gió xuân phơ phất làm gợn lăn tăn sóng hoa đào;
Cánh đồng bên bờ sông phân biệt rõ cả bãi đậu đầy cò trắng.
Hành khách lười biếng vì cuộc du chơi mệt mỏi;

Ngồi trong con thuyền nan lúc tỉnh lúc say.
Người cưỡi sóng bèn hỏi thăm bến Thanh Trì,
Có người chỉ tay mách chỗ Thanh Trì bổ sung
cho sách "Thủy kinh chú."(1)

**Dịch thơ:**

*Trúc mây che phủ đình tranh,*
*Đồng ruộng xuân sắc xanh xanh nhuộm người.*
*Sóng đào gió thổi vơi vơi,*
*Ngoài đồng cò trắng nơi nơi chia hàng.*
*Mỏi chơi khác khách đi đường,*
*Say thôi lại tỉnh nghênh ngang trong thuyền.*
*Ai người cưỡi sóng đi lên,*
*Thanh Trì mách hộ "vá" liền* Thủy kinh.

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*.
Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1)

*Chú thích:*

1. *Thủy kinh chú:* Tên một bộ sách địa lý cổ của Trung Quốc, tác giả là Tang Khâm đời Hán. Thanh Trì, tên đất xưa thuộc Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

## 15. 菩提遠眺

遠眺菩提驛路東
往來生齒自無窮
雞明殘月催行客
雲捲長途見塞翁
竹暗淡搖村下雨
樹高低過廟前風
荒宮歲久迷蓬卉
誰識當初野戰功

**Phiên âm:**

*BỒ ĐỀ VIỄN DIỂU*

*Viễn diểu Bồ Đề dịch lộ đông,*
*Vãng lai sinh xỉ tự vô cùng.*
*Kê minh tàn nguyệt thôi hành khách,*
*Vân quyển trường đồ kiến Tái ông.*
*Trúc ám đạm dao thôn hạ vũ,*
*Thụ cao đê quá miếu tiền phong.*
*Hoang cung tuế cửu mê bồng hủy,*
*Thùy thức đương sơ dã chiến công.*

**Dịch nghĩa:**

TỪ XA TRÔNG SANG BỒ ĐỀ

Từ xa trông sang dịch trạm Bồ Đề ở phía đông,
Người qua kẻ lại nhộn nhịp không ngớt.
Gà gáy lúc trăng tàn như thúc giục hành khách đi đường,
Mây cuộn trên con đường dài, Tái ông nhìn thấy được cảnh này.
Khóm trúc mờ mịt lay động mưa rơi trong thôn,

Cây cao thấp gió thổi qua trước miếu.
Cung điện hoang vu, lâu ngày cỏ mọc cao che khuất,
Ai biết được chiến công ngày ấy thế nào.

**Dịch thơ:**

*Xa trông đường trạm Bồ Đề,*
*Sinh nhai rộn rịp đi về không ngơi.*
*Trăng tàn gà gáy giục người,*
*Tái ông*(1) *thấy ở đường dài mây quang.*
*Mưa sa trúc hút heo làng,*
*Cây cao thấp gió đung đưa trước đền.*
*Cung xưa cỏ mọc um tùm,*
*Chiến công năm ấy, đương niên thế nào?*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Tái ông: Tức ông già ở cửa ải. Bắt nguồn từ câu chuyện "Tái ông thất mã" (Tái ông mất ngựa), để chỉ việc chớ vội mừng, lo. Vì trong họa có phúc, trong phúc có họa; như chuyện ông già ở cửa ải mất ngựa tưởng là gặp họa mà thành phúc, rồi tưởng là phúc lại biến thành họa. Nên chớ vội mừng, vội lo.

## 16. 報天曉鍾

塔樽鯨吼瞰名墟
萬象姻含萬象夸
樹色孚沉宮殿曉
水光上下海天迂
簾籠花雨消銀漏
山映粧樓喚鷓鴣
誰是無憂高枕臥
肯忘夢梵醒迷途

**Phiên âm:**

*BÁO THIÊN HIỂU CHUNG*

*Tháp sanh kình hống hám danh khư,*
*Vạn tượng yên hàm vạn tượng khoa.*
*Thụ sắc phù trầm cung điện hiểu,*
*Thủy quang thượng hạ hải thiên vu.*
*Liêm lung hoa vũ tiêu ngân lậu,*
*Sơn ánh trang lâu hoán giá cô.*
*Thùy thị vô ưu cao chẩm ngọa,*
*Khẳng vong mộng phạn tỉnh mê đồ.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG CHUÔNG SỚM Ở THÁP BÁO THIÊN

(Nguyên dẫn: *Tháp Báo Thiên là tên tháp ở phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, do vua Lý Thái Tông tạo dựng, tháp 12 tầng, cao hơn 10 trượng, lại phát hơn một vạn hai nghìn cân đồng đúc chuông lớn, nhưng chuông không kêu, bèn vứt ra ruộng rùa. Tháp đã bị quân Minh phá hủy ở thế kỷ XV.*)

Từ nơi vang lên tiếng chuông nhìn ra kinh đô,
Nơi muôn vẻ khói phủ, lờ mờ vạn cảnh tượng.

Cung điện, buổi sáng ẩn hiện trong màu cây cối,
Ánh nước hồ lên xuống như trời biển vòng vèo.
Rèm thưa che cơn mưa vơi dần giọt lậu,(1)
Lầu trang ánh núi soi, vang tiếng gà gô.
Ai gối cao nằm khểnh không lo nghĩ gì,
Lắng nghe tiếng chuông chùa vọng tới mà tỉnh ngộ đường mê.

**Dịch thơ:**

*Danh khư tháp đấm chuông vàng,*
*Muôn hình khói tỏa, hỗn mang những ngày.*
*Cung đền chìm nổi sắc cây,*
*Thấp cao nước ráng, xa thay biển trời.*
*Rèm hoa bình bạc tiêu vơi,*
*Lầu trang non ánh gọi vời gà gô.*
*Ai người nằm khểnh không lo,*
*Đừng quên chùa gọi, mê đồ tỉnh ra.*

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*. H. Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1)

*Chú thích:*

1. Giọt lậu: Chỉ giọt đồng hồ. Đồng hồ xưa làm bằng bình đồng đựng nước, nước chảy vơi dần, ngấn nước vơi đến đâu là biết mấy giờ; bình nước làm bằng đồng nên gọi là "đồng hồ" (cái bình đựng nước bằng đồng để xem giờ).

## 17. 白馬趁市

蟻聚和風暖市塵
紛紛舞袖遞肩身
舟車並至昕長日
商賈殊催集眾輪
廟底飛雷多暗室
爐前浩氣有明神
黃昏不比蒼京地
户户張燈斗酒賓

**Phiên âm:**

*BẠCH MÃ SẤN THỊ*

*Nghĩ tụ hòa phong noãn thị trần,*
*Phân phân vũ tụ đệ kiên thân.*
*Chu xa tịnh chí đam trường nhật,*
*Thương cổ thù suy tập chúng luân.*
*Miếu để phi lôi đa ám thất,*
*Lô tiền hào khí hữu minh thần.*
*Hoàng hôn bất tỉ thương lương địa,*
*Hộ hộ trương đăng đấu tửu tân.*

**Dịch nghĩa:**

CHƠI CHỢ BẠCH MÃ[1]

Người tụ hội đông như kiến, nơi thành thị ấm cúng,
Nhộn nhịp đua chen phất phơ tay áo.
Suốt ngày dài mải mê thuyền xe san sát,
Lũ lượt buôn bán mọi người tập trung đông đúc.
Cuối đền, nhà cửa nhấp nhô phần nhiều tối tăm,

Hào khí nghi ngút trước lò biết là có đền thờ vị minh thần.
Chiều xuống mà chẳng thấy lạnh lùng,
Nhà nhà treo đèn rót rượu mời khách.

**Dịch thơ:**

*Gió hòa bụi chợ đông người,*
*Phất phơ tay áo đua chơi xuân cùng.*
*Ngày dài thuyền chở, xe dong,*
*Bán buôn lũ lượt trập trùng chen đua.*
*Cuối đền nhà cửa nhấp nhô,*
*Có thần vị đặt, có lò hương xông.*
*Chiều hôm chẳng thấy lạnh lùng,*
*Nhà nhà rượu rót, đèn chong khách đầy.*

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*. H. Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1)

*Chú thích:*

1. Đền Bạch Mã: Ở phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày nay; là nơi thờ thần Long Đỗ và thần Bạch Mã. Gần đấy, xưa có chợ họp đông đúc.

## 18. 珥河歸帆

萬古依稀珥水微
潮平風止布帆歸
不殊玉壘開天暫
卻作金城固帝畿
南國文章烝斗壁
西湖詩賦噴珠璣
風流餘韻清平際
猶見黃龍白晝飛

**Phiên âm:**

*NHĨ HÀ QUY PHÀM*

*Vạn cổ y hy Nhĩ thủy vi,*
*Triêu bình phong chỉ bố phàm quy.*
*Bất thù ngọc lũy khai thiên tạm,*
*Khước tác kim thành cố đế kỳ.*
*Nam quốc văn chương chưng Đẩu Bích,*
*Tây Hồ thi phú phún chu ky (cơ).*
*Phong lưu dư vận thanh bình tế,*
*Do kiến hoàng long bạch trú phi.*

**Dịch nghĩa:**

CÁNH BUỒM VỀ BẾN SÔNG NHĨ

Muôn thuở sông Nhĩ vẫn y nhiên như trước,
Sóng êm gió lặng cánh buồm vải quay về đây.
Không khác lũy ngọc do trời xây đặt,
Lại xây thành vàng làm vững kinh đô nhà vua.
Văn chương nước Nam sáng sủa chiếu rọi
tận sao Đẩu sao Bích,

Thơ phú tả Tây Hồ là những lời nhả ngọc phun châu.
Gặp thời thanh bình dư vận phong lưu,
Như được thấy rồng vàng bay ra giữa ban ngày.

**Dịch thơ:**

*Nhị Hà muôn thuở y nhiên,*
*Sóng im gió lặng quay thuyền về đây.*
*Ao trời lũy ngọc như vầy,*
*Thành vàng ủng hộ xưa nay kinh kỳ.*
*Văn chương nước Việt sáng lòe,*
*Châu phun ngọc nhả thơ kia đậm đà.*
*Phong lưu gặp buổi thái hòa,*
*Rồng vàng còn thấy bay ra ban ngày.*

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*. H. Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1)

## 19. 浪泊漁歌

一掉漁歌叫曉風
滄浪隨分任西東
相忘甲子拘皇曆
每事魚蝦識帝功
掌上酒盃懸白蟻
湖邊詩興羨冥鴻
蘆花笛里皇宮闕
吹斷閒雲繫短蓬

**Phiên âm:**

*LÃNG BẠC NGƯ CA*

*Nhất trạo ngư ca khiếu hiểu phong,*
*Thương lang tùy phận nhậm tây đông.*
*Tương vong giáp tý câu hoàng lịch,*
*Mỗi sự ngư hà thức đế công.*
*Chưởng thượng tửu bôi huyền bạch nghĩ,*
*Hồ biên thi hứng tiển minh hồng.*
*Lô hoa địch lý hoàng cung khuyết,*
*Xuy đoạn nhàn vân hệ đoản bồng.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG HÁT THUYỀN CHÀI TRÊN HỒ LÃNG BẠC

Tiếng mái chèo và tiếng hát thuyền chài vang lên trong gió sớm,
Nơi sóng xanh tùy phận mặc ý bồng bềnh hết đông lại sang tây.
Quên phắt cả lịch ghi ngày tháng của nhà vua,
Mỗi việc chỉ biết ơn trời vơ đầy tôm cá.
Chén rượu trên tay có con kiến trắng leo quanh,

Bên hồ thi hứng càng thêm yêu cánh chim hồng.
Tiếng sáo hoa lau bay ngang qua cung khuyết,
Thổi bay đám mây nhàn buộc vào đám cỏ bồng.

**Dịch thơ:**

*Con chài hát gọi gió kêu,*
*Thương giang một dải thuận chiều đông tây.*
*Lịch vua quên cả tháng ngày,*
*Ơn trời chỉ biết vơ đầy cá tôm.*
*Trên tay chén rượu môi diềng,*
*Bên hồ thi tứ bay êm cánh hồng.*
*Hoa lau tiếng sáo ngang cung,*
*Đẩy cho mây vướng cỏ bồng tan đi.*

(Trần Huy Hân dịch, *Vân đài loại ngữ*. H, Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, 1962, T. 1).

## TRỊNH CĂN (1633 - 1709) 鄭根

(Nguyên chú: *Đàn tế Nam Giao dựng nên là việc lành tỏ lòng kính cẩn vậy. Ta nối lấy nghiệp vương, giữ gìn nghiệp lớn. Nhân dịp đầu xuân, chọn được ngày tốt, thân phò xa giá kính cẩn đến bái yết. Ngửa trông đức lớn, lồng lộng khôn lường; niềm cung kính tự đáy lòng phát ra. Nhân nối vần thơ Ngu Thuấn, làm ra một bài thơ Quốc âm để tỏ lòng thành kính vậy.)*

### 20. 詠南交詩

凭達乾坤窖院年
辣𠯑塵遏辣𠯑看
汆吝焂焂金英殿
蔑𡊮漏漏世界仙
發育罘務恩浩蕩
包含閍物德純全
禮恒敬謁旬元正
墨墨調妎飭大圓

### THƠ VỊNH ĐÀN NAM GIAO[1]

*Vững đặt Càn Khôn khéo vẹn nên,*
*Lạt vời trần át lạt vời khen.*[2]
*Mấy lần rờ rỡ kim anh điện,*
*Một cõi làu làu thế giới tiên.*[3]
*Phát dục bốn mùa ơn hạo đãng,*[4]

*Bao hàm muôn vật đức thuần toàn.*[5]
*Lễ hằng kính yết tuần nguyên chính,*[6]
*Mặc mặc đều nhờ sức đại viên.*[7]

*Chú thích:*

1. *Thơ vịnh đàn Nam Giao* trong tập *Khâm định thăng bình bách vịnh,* ký hiệu AB. 587 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, của Trịnh Căn.

Đàn Nam Giao: Là nơi tế trời đất thời Lý - Trần; đàn nằm phía nam thành Thăng Long, nay trong khu vực Nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Câu này trong bản phiên của Nguyễn Văn Tố là: "Lạt vời trần tục quá vời khen." Có lẽ cụ Tố suy đoán theo ý riêng. Theo chúng tôi, chữ "át" không đọc "tục" được mà "trần át" là dứt tuyệt cõi trần tục. Cả câu phiên là: "Lạt vời trần át lạt vời khen." (Chán ngán dứt bỏ cõi trần, chán ngán cả lời khen chê).

3. Câu này trong bản phiên của Nguyễn Văn Tố cũng có đủ 7 chữ: "Một áng làu làu thế giới tiên". Theo chúng tôi, đọc *áng* hay *cõi* đều thông.

4. Phát dục: Sinh sôi, nảy nở. Hạo đãng: Rộng lớn, mênh mông.

5. Thuần toàn: Tất cả, đầy đủ.

6. Nguyên chính: Ngày mùng một tháng Giêng hằng năm đến ngày đầu xuân, triều đình thường tổ chức tế lễ Nam Giao.

7. Mặc mặc: Ngấm ngầm giúp đỡ. Đại viên: Chỉ trời cao.

## 21. 詠文廟詩

(唐律詩二首)

其一

上述唐虞契一中
浩然殿宇正穹崇
光輝盛德瞻依共
洋溢和聲鼓舞同
統攝人心凝至道
綱維國體顯豐功
巍巍直與堪輿並
九有群方仰教風

其二

周流浩蕩際蟠中
大道宏開海宇崇
貫徹渾無今昔異
貞明常與日星同
熙熙物象生成德
潑潑鳶魚教育功
端謁載憑親視禮
泰山喬岳挹高風

**Phiêm âm:**

*VỊNH VĂN MIẾU THI*

*(Đường luật thi nhị thủ)*

*KỲ NHẤT*

*Thượng thuật Đường Ngu khế nhất trung,*
*Hạo nhiên điện vũ chính khung sùng.*

*Quang huy thịnh đức chiêm y cộng,*
*Dương dật hòa thanh cổ vũ đông.*
*Thống nhiếp nhân tâm ngưng chí đạo,*
*Cương duy quốc thể hiển phong công.*
*Nguy nguy trực dữ kham dư tịnh,*
*Cửu hữu quần phương ngưỡng giáo phong.*

*KỲ NHỊ*

*Chu lưu hạo đãng tế bàn trung,*
*Đại đạo hoằng khai hải vũ sùng.*
*Quán triệt hồn vô kim tích dị,*
*Trinh minh thường dữ nhật tinh đồng.*
*Hy hy vật tượng sinh thành đức,*
*Bát bát diên ngư giáo dục công.*
*Đoan yết tái bằng thân thị lễ,*
*Thái sơn Kiêu nhạc ấp cao phong.*

**Dịch nghĩa:**

THƠ VỊNH VĂN MIẾU[1]

*(Thơ Đường luật hai bài)*

(Nguyên chú: *Ta vâng nối nền vương, tự nắm vương chính. Tôn phò hoàng đế, giữ vững dư đồ. Dùng văn giáo để tô vẻ thái bình, chọn nhân tài mà lo nền trị đạo. Nghĩ rằng: Nhân, nghĩa, lễ, nhạc; vốn đã có bậc tôn sư. Xem xét trong điển tịch, đến thăm nhà Thái học, làm lễ bái yết, hết mực tôn kính. Ngửa trông ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; mênh mang như nguồn suối chảy khắp. Lòng đạo bừng dậy, tứ thơ nảy sinh. Dường như thấy mưa ngọt tuôn ra ở ao vàng, mây trôi lênh láng tầng Thượng phẩm. Bèn làm ra hai bài thơ Đường luật, hai bài thơ Quốc âm; đại để là hình dung đạo đức công nghiệp của Thánh nhân. Tuy chưa dễ thấy bờ của biển cả, song cũng đủ thấy ý rất mực sùng Nho trọng đạo, vậy nên lưu lại trên bia đá.)*

**Dịch nghĩa:**

BÀI 1

Trên nối tiếp vua đời Đường Ngu hợp với đạo trung,
Điện vũ tận trời cao đúng là tôn sùng.
Cùng chiêm ngưỡng hào quang đời thịnh trị,
Dạt dào tiếng cổ vũ hòa theo.
Nắm giữ lòng người đạt đến chỗ tột cùng của đạo,
Duy trì quốc thể rạng rỡ công lao.
Vòi vọi ơn cao sánh cùng trời đất,
Chín hướng mọi phương ngẩng trông giáo hóa.

BÀI 2

Mênh mang như dòng nước chảy khắp nơi,
Mở ra đạo lớn khắp cõi tôn sùng.
Thấu suốt cổ kim không có gì khác lạ,
Tỏ tường minh mạch như mặt trời và các vì sao.
Rờ rỡ đức sinh thành của muôn vật,
Công dạy dỗ giúp cá, diều thả sức vẫy vùng bay lượn.
Nghiêm cẩn tự thân đến làm lễ bái yết,
Tựa non Kiều núi Thái chắn gió trên cao.

**Dịch thơ:**

BÀI 1

*Trên nối Đường Ngu hợp đạo trung,*(2)
*Thẳm sâu điện vũ thực tôn sùng.*(3)
*Ngời ngời đức thịnh xem cùng thế,*
*Dào dạt tiếng vang cổ vũ chung.*
*Quản giữ lòng người nên đạo cả,*
*Duy trì thế nước rạng cao công.*
*Sánh cùng trời đất ơn to lớn,*
*Chín cõi ngàn phương ngưỡng giáo phong.*(4)

## BÀI 2

*Mênh mang chảy khắp đó cùng đây,*
*Đạo lớn mở ra chốn chốn đầy.*
*Thấu hết cổ kim không khác dị,*
*Tỏ tường tinh nhật*[5] *bóng lung lay.*
*Hây hây cảnh vật đều sinh nở,*
*Bát ngát ngư diều*[6] *thỏa nhảy bay.*
*Kính lễ chân thành thân bái yết,*
*Non Kiều núi Thái thảy ngang bày.*

*Chú thích:*

1. Văn Miếu: Xem bài 45.

2. Đường Ngu: Tức Đường Nghiêu, Ngu Thuấn là hai vị vua thời thượng cổ Trung Hoa. Tương truyền thời đó rất thái bình thịnh trị.

3. Điện vũ: Cung điện, nhà cửa.

4. Giáo phong: Giáo dục phong hóa.

5. Tinh nhật: Tức các vì sao và mặt trời.

6. Ngư diều: Chim diều và cá.

## 22. 國音詩（二首）

其一

祛体巍莪診恪潙

京城懇懇敢籠制

規模凭達高墁道

禮樂拥黜辭法𠊛

德䏧江河潤准准

功齊日月𧵑代代

篤生固等濫標準

意厚私民象於𡗶

其二 (開韻)

尊重坤軒别氽潙

凜然羕意呵哦制

嘥嘥堂陛嚴嵬聖

位位威儀顯德𠊛

明费隐恒安性物

致中和𠫾當名代

停咍祕帝握宗法

事事施爲順理𡗶

QUỐC ÂM THI (NHỊ THỦ)

BÀI 1

Xem thấy nguy nga chỉn khác vời,
Kinh thành khắn khắn dám lung(1) chơi.
Quy mô vững đặt cao nền đạo,
Lễ nhạc dùng ra rộng phép người,
Đức ví giang hà nhuần chốn chốn,

Công tày nhật nguyệt sáng đời đời.
Đất sinh có đấng làm tiêu chuẩn,[2]
Ý hậu tư dân tượng[3] ở trời.

BÀI 2

Tôn trọng khôn so biết mấy vời,
Lẫm nhiên dường ấy há nga chơi.[4]
Vang vang đường bệ nghiêm ngôi thánh,
Vọi vọi uy nghi hiển đức người.
Minh phí ẩn[5] hằng an tính vật,
Trí trung hòa[6] đã đáng danh đời.
Đành hay lấy đấy gìn tông pháp,
Sự sự thi vi[7] thuận lẽ trời.

*Chú thích:*

1. Khắn khắn: Từ cổ, nghĩa là nghiêm cẩn, kính cẩn. Lung (từ cổ): Bừa bãi.

2. Ý cả câu: Cuộc đời có bậc thánh nhân sinh ra làm khuôn thước, ý chỉ Khổng Tử thờ ở Văn Miếu.

3. Ý hậu tư dân: Ý trời muốn hậu đãi dân này. Tượng: tức có lẽ.

4. Lẫm nhiên: Oai nghiêm, lẫm liệt. Nga chơi: Xem thường.

5. Phí ẩn: Rộng rãi mà vẫn sâu kín. Lấy ý trong sách *Trung Dung:* "Quân tử chi đạo phí nhi ẩn" (Đạo của người quân tử sâu rộng mà kín đáo).

Minh phí ẩn: Hiểu rõ đạo sâu rộng mà kín đáo.

6. Trí trung hòa: Đưa đến mức trung hòa, phải đạo.

7. Thi vi: Làm, thực hiện. Ý cả câu: Làm những việc đó là thuận theo lẽ trời.

## 23. 詠文廟碑詩

道統詳祜日日明
丕𢦏表立轏中庭
尊嚴本固皮方正
眞重芾差墨坦平
𩓐翥文章恒焆焆
訴𨋢德槊唉伶伶
凭骈槊槊同天地
体帝埃羅拯仰成

## THƠ VỊNH BIA Ở VĂN MIẾU

(Nguyên chú: *Thánh nhân đạo cao đức trọng, khắc bia lớn để lại muôn đời. Ngày khánh thành, ta đến thăm lại, xem xét khắp chung quanh, thấy thể chế ngay ngắn nghiêm chỉnh, hình thức và nội dung đều tốt đẹp; thật đáng trân trọng, bèn làm ra bài thơ Quốc âm.*)

Đạo thống tường xem[1] nhật nhật minh,
Vậy nên biểu lập trước trung đình.[2]
Tôn nghiêm vốn có bề phương chính,[3]
Trân trọng nào sai mực đất bằng.
Rộng chứa văn chương hằng rỡ rỡ,
Tỏ ghi đức giáo hãy rành rành.
Vững bền sóc sóc đồng thiên địa,[4]
Thấy đấy ai là chẳng ngưỡng thành.

*Chú thích:*

1. Đạo thống: Giềng mối của đạo. Tường xem: Xem xét kỹ.
2. Biểu lập trước trung đình: Dựng ra ở trước sân đình.
3. Phương chính: Ngay ngắn.
4. Sóc sóc: Chắc chắn. Đồng thiên địa: Ngang cùng trời đất.

## 24. 看山寺詩

蔑囷潤特氣清玄
景自然尼苦宛然
精舍漏漏暈月煬
坊庭炭炭霍椿印
康康裊冉禪關靜
弄弄塘通法槳傳
呥吼傍人遊賞歟
擫悉敬謹渚塵緣

## THƠ VỊNH CHÙA KHÁN SƠN

(Nguyên chú: *Chùa Khán Sơn nằm ở phía tây trong nội thành Thăng Long. Nơi đây không thấy suối rừng mà giàu thú ẩn dật. Gần kề chợ búa mà bụi trần không đến. Thanh tú do đất linh thiêng bởi trời. Núi kề nối nhau như hạt châu, khác nào muôn sao hướng về Bắc Đẩu; ao hồ lóng lánh tựa gương soi, đúng cảnh non xanh nước biếc ở nơi Bồng Hồ. Cây hoa ngà ngọc, bốn mùa rạng rỡ vẻ tươi; gốc nên nhân đức, muôn đời giữ cảnh thanh bình. Phong cảnh tốt tươi như thế, há lại không làm được bài thơ hay hay sao?)*

Một khuôn nhuần được khí thanh huyền,(1)
Cảnh tự nhiên này khó uyển nhiên.(2)
Tịnh xá(3) làu làu vầng nguyệt dãi,
Phương đình(4) thớn thớn bóng thông in.
Khăng khăng nẻo nhiệm thiền quan tĩnh,
Lộng lộng đường thông phép giáo truyền.
Nhắn nhủ bàng nhân(5) du thưởng ấy,
Gìn lòng kính cẩn chớ trần duyên.(6)

*Chú thích:*

1. Thanh huyền: Trong sạch huyền diệu.

2. Uyển nhiên: Xinh đẹp, mềm mại.

3. Tịnh xá: Nhà chùa, nhà sư sãi ở.

4. Phương đình: Chỉ nhà chùa.

5. Bàng nhân: Người xung quanh; ý chỉ người đến vãn cảnh chùa.

6. Trần duyên: Duyên nợ trần tục; ý nói phải giữ gìn lòng mình trong sạch, chớ để trần duyên bám vào.

## 25. 鎮武觀詩

名唛千古奄𢧐瓢
坡語輝光每每朝
景物尼尼圖溯苑
宫墻𪓐𪓐盎雲消
羅滌溢桂牟淶溯
錦𪓐塘花客耀耀
耩特英威恒德曳
所功德哿别包饒

## THƠ ĐỀ TRẤN VŨ QUÁN

(Nguyên chú: *Nước Việt ta buổi đầu lập ra Kinh đô, dựng nên quán Trấn Vũ ở phía bắc Hoàng thành, để làm đứng đắn ngôi vị mà giữ vững gốc nền cho nước. Xem xét hình thắng thì thấy sông ngòi bao quanh, ao hồ soi lấp lánh. Ngắm nhìn cảnh trí thì thấy hoa xuân tươi thắm, trăng thu rọi lung linh. Thâu tóm muôn điều tốt lành sầm uất, tụ hội trăm thứ linh thiêng rực rỡ. Mây ngũ sắc quấn quýt bao quanh, của thất bảo sáng soi lớn rộng. Xum xuê thay, rậm rạp thay; thực là động trời nơi dương thế vậy.*

*Ta từng trân trọng cảnh đẹp, kính ngưỡng ngôi cao. Tình cung kính bật ra thành lời, ngẫu nhiên làm được bài thơ Quốc âm, tiện thể tán dương đức thịnh vậy.)*

Danh lừng thiên cổ đã nên biều,(1)
Bỡ ngỡ huy quang(2) mọi mọi chiều.
Cảnh vật này này đồ(3) Lãng uyển,(4)
Cung tường ấy ấy áng vân tiêu.(5)
Là tuôn duềnh quế màu lai láng,
Gấm trải đường hoa khách dập dìu.
Cấu(6) được anh uy hằng đức dấy,
Thửa công đức cả biết bao nhiêu.

*Chú thích:*

1. Biểu: Tốt đẹp.

2. Huy quang: Rực rỡ.

3. Trong *Khâm định thăng bình bách vịnh,* ký hiệu A. 587, phiên là "hổ". Đồ: Bức tranh.

4. Lãng uyển: Nơi tiên ở.

5. Vân tiêu: Nơi Thiên đình.

6. Cấu: Gây dựng. *Đức dấy*: Náo nức, vang động.

Bài thơ này cũng chép trong tập *Hồng Đức quốc âm thi tập.*

## 26. 報天寺詩（二首）

其一

罥皮質屹錦雲章
景邏迸分診恪常
審審蓮臺潤妙色
声声福址噫清香
圍铖堎法懲他性
率特悉得樂善方
逾道嗯迻和海海
工欺玩賞窒舒涼

其二

屏風糁幅每圖收
潭蔭丕春玉蔑瓢
霆瑞雷雷泉寶閣
嶽仁位位对鍾樓
騧塘霽渡羅恩穬
雙闈慈通訴道牟
勝覽撰低潙品一
怏韵静界呵讓兜

## THƠ ĐỀ CHÙA BÁO THIÊN

(Nguyên chú: *Mặt trời lên cao chan hòa ánh nắng, tiếng chuông khua thêm tiếng đỉnh kêu. Bốn mùa xuân nên vạn vật đều xuân; năm sắc tụ nên nghìn điềm lành tất tụ. Bia đá khắc ghi, sao chẳng hình dung ra hết; nên nối thành hai bài thơ sau.)*

### BÀI 1

Tứ bề chất ngất cẩm vân chương,[1]
Cảnh lạ mười phân chỉn khác thường.

Thăm thẳm liên đài nhuần diệu sắc,(2)
Thênh thênh phúc chỉ nức thanh hương.(3)
Vầy nên cõi pháp trừng tha tính,(4)
Suất(5) được lòng người lạc thiện phương,
Gió đạo thổi đưa hòa hẩy hẩy,
Trong khi ngoạn thưởng rất thư lương.

BÀI 2

Bình phong tám bức mọi đồ thâu,
Đầm ấm trời xuân ngọc một bầu.
Mây thụy(6) trôi trôi tuyền bảo các,
Non nhân vòi vợi đối chung lâu.
Mở đường tế độ là ân rộng,
Song cửa từ thông(7) tỏ đạo mầu.
Thắng lãm chọn đây vời phẩm chất,
So trong tịnh giới há nhường đâu.

Đỗ Thị Hảo *phiên âm*

*Chú thích:*
1. Cẩm vân chương: Màu sắc như mây gấm.
2. Liên đài: Tòa sen.
3. Phúc chỉ: Nền phúc.
4. Trừng tha tính: Răn đe những tính cách khác.
5. Suất: Noi theo.
6. Mây thụy: Mây lành.
7. Từ thông: Từ bi thông suốt.

## NGÔ THÌ SĨ (1726 - 1780) 吳時仕

### 27. 鎮國樓望西湖

浪泊前樓橫遠眺
山光水色弄晴堯
落霞孤鶩湖千頃
天練叢花路數條
狼窟吪傳餘草翠
龍舟邪事遂煙消
千村淹映斜陽外
幾箇漁層泛泛遙

**Phiên âm:**

*TRẤN QUỐC LÂU VỌNG TÂY HỒ*

*Lãng Bạc tiên lâu hoành viễn diểu,*
*Sơn quang thủy sắc lộng tình nghiêu.*
*Lạc hà cô vụ hồ thiên khoảnh,*
*Thiên luyện tùng hoa lộ số điêu.*
*Lang quật ngoa truyền dư thảo thúy,*
*Long chu tà sự toại yên tiêu.*
*Thiên thôn yểm ánh tà dương ngoại,*
*Kỷ cá ngư tằng phiếm phiếm dao.*

**Dịch nghĩa:**

TỪ LẦU CHÙA TRẤN QUỐC NGẮM TÂY HỒ

Trước lầu hồ Lãng Bạc(1) mở rộng ra đến tít tắp,
Ánh non sắc nước đùa rỡn dưới bầu trời tạnh ráo.
Hồ rộng ngàn khoảnh, ráng chiều buông, cánh cò đơn chiếc,
Những luống hoa phô sắc bên mấy con đường.
Câu chuyện hoang đường về hang cáo, nay chỉ còn lại
màu xanh cây cỏ,(2)
Sự việc huyễn hoặc về thuyền vua, đã theo
làn sương khói mà tiêu tan.(3)
Nghìn thôn xóm ẩn hiện trong ánh chiều tà,
Vài chiếc thuyền câu bập bềnh nơi xa xa.

(Theo *Tổng tập văn học Việt* - T. 14)

*Chú thích:*

1. Lãng Bạc: Là một trong nhiều tên gọi khác của hồ Tây.

2. Theo truyền thuyết, ngày trước ở hồ Tây có một gò đất, có hang cáo 9 đuôi đã thành tinh, thường hiện thành người để hại dân lành.

3. Theo *Việt điện u linh*, vua Lý Nhân Tông chơi thuyền trên hồ Tây, bị thái sư Lê Văn Thịnh làm phép hóa hổ để giết vua, may có Mục Thận ngồi thuyền đánh cá gần đó, đã quăng lưới bắt được hổ cứu vua...

## 28. 菩提懷古

南北何年起戰爭
黎星此地駐戎營
開疆偏憫國中苦
和敵姑從城下盟
勇進驕生昇聚色
辭歸愧屈輔通情
菩提二樹今安在
古渡猶存古樹名

**Phiên âm:**

*BỒ ĐỀ HOÀI CỔ*

*Nam Bắc hà niên khởi chiến tranh,*
*Lê tinh thử địa trú nhung dinh.*
*Khai cương thiên mẫn quốc trung khổ,*
*Hòa địch cô tòng thành hạ minh.*
*Dũng tiến kiêu sinh Thăng Tụ sắc,*
*Từ quy quý khuất Phụ Thông tình.*
*Bồ Đề nhị thụ kim an tại,*
*Cổ độ do tồn cổ thụ danh.*

**Dịch nghĩa:**

QUA BẾN BỒ ĐỀ NHỚ CHUYỆN XƯA[1]

Chiến tranh giữa phương Nam, phương Bắc xảy ra năm nào?
Vua Lê đã từng đặt đại bản doanh tại nơi đây.
Mở mang bờ cõi vì thương dân trong nước khổ,
Cho làm lễ ăn thề dưới chân thành để giặc rút về,
là thực hiện chính sách hòa hiếu.

Muốn tiến nhanh tiến mạnh, Liễu Thăng, Thôi Tụ
lộ rõ vẻ hung hăng,(2)
Dùng dằng không chịu rút lui, Trương Phụ, Vương Thông
phải thẹn thùng khuất phục(3).
Hai cây bồ đề ngày ấy nay ở đâu?
Bến đò xưa vẫn mang tên cây thuở xưa.

(Theo *Tổng tập văn học Việt* - T. 14 )

*Chú thích:*

l. Bài thơ này rút ra từ cuốn *Việt sử tiêu án*. Bến Bồ Đề ở phía bắc sông Hồng, nơi đây tương truyền có hai cây bồ đề to lớn. Khi Lê Lợi vây thành Đông Quan đã đóng đại quân doanh ở đây, dựng đài quan sát cao để theo dõi tình hình địch trong thành.

2. Liễu Thăng: Chỉ huy 10 vạn quân kéo sang tiếp viện cho giặc Minh đang bị vây khốn, khí thế rất hung hăng; nhưng bị quân ta phục kích tiêu diệt. Liễu Thăng bị chém bên sườn núi Mã Yên ở Chi Lăng (Lạng Sơn).

3. Tuyệt vọng khi nghe tin các đạo quân tiếp viện bị tiêu diệt, Vương Thông xin với Lê Lợi cho rút quân về nước.

## TRỊNH SÂM (1739 - 1782) 鄭森

(Nguyên chú: *Trịnh Sâm tức Tĩnh Đô vương, một trong các đời Chúa thời Lê - Trịnh, là con trưởng chúa Trịnh Doanh, được lập làm Thế tử, tước Tiết Chế Thái úy Tĩnh Quốc công từ năm Cảnh Hưng 14 (1753); lên ngôi chúa năm Trịnh Doanh mất (1767), ở ngôi đến lúc qua đời (1782). Ông nổi tiếng là người thích văn thơ, hay đi thưởng ngoạn các nơi, thường làm thơ đề vịnh phong cảnh.)*

### 29. 西湖

璐罵 吨嗨 准 蓬溢
尼 獸 尼 歐 拱 固 情
堆朵 蕊 紅 印 羕 紫
蔑溢 渃 碧 映 丕 靜
漏 漏 閣 奴 封 幨 月
氷 咏 廛 箕 洙 啫 鯨
吝 𪊨 曩 霜 拖 氽 些
金 牛 趴 轏 咳 伶 伶

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ*[1]

*Lọ là đồn hỏi chốn Bồng Doanh,*
*Này thú này âu cũng có tình.*

*Đôi đóa nhị hồng in dáng tía,*
*Một duềnh nước biếc ánh trời xanh.*
*Làu làu gác nọ phong rèm nguyệt,*
*Văng vẳng chiền kia dội tiếng kình.*
*Lần trải nắng sương đà mấy tá,*
*Kim ngưu dấu trước hãy rành rành.*

*Chú thích:*

1. Bài thơ chép trong *Địa dư chí thi tập*; ký hiệu A.1231, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

## NINH TỐN (1741 - 1795) 寧巽

### 30. 珥河

簇簇樓臺漾碧灣
繁華今古珥河灘
練絁晴帶君舟穩
梭遞征雕相楫間
洗甲運回天下泰
爲池勢奠國家安
清平正好浮巡艦
江漢威容倍壯觀

**Phiên âm:**

*NHĨ HÀ*

*Thốc thốc lâu đài dạng bích loan,*
*Phồn hoa kim cổ Nhĩ Hà than.*
*Luyện thi tình đới quân chu ổn,*
*Thoa đệ chinh điêu tướng tiếp nhàn.*
*Tẩy giáp vận hồi thiên hạ thái,*
*Vi trì thế điện quốc gia an.*
*Thanh bình chính hảo phù tuần hạm,*
*Giang, Hán uy dung bội tráng quan.*

**Dịch nghĩa:**

SÔNG NHĨ HÀ

Lâu đài san sát, bóng lung linh trên vịnh nước biếc,
Bãi sông Nhĩ xưa nay vẫn là chốn phồn hoa.
Dải sông nắng tạnh như tấm lụa, thuyền vua đi bình yên,
Chiếc xuồng việc quân phóng như thoi, mái chèo ông tướng nhàn nhã.
Thời vận trở về, rửa giáp binh, thiên hạ thái bình,
Địa thế con sông như cái ao làm thành bảo vệ đất nước.
Buổi thanh bình, tàu tuần tra lênh đênh trên sông,
Cảnh hùng tráng hơn bội phần với cảnh sông Giang, sông Hán.

**Dịch thơ:**

*San sát lâu đài vịnh biếc giăng,*
*Phồn hoa sông Nhĩ tiếng vang lừng.*
*Sông như tấm lụa, thuyền vua nhẹ,*
*Xuồng tựa con thoi, mái tướng nhàn.*
*Rửa giáp, vận về, thiên hạ trị,*
*Làm ao, thế vững, nước nhà an.*
*Thanh bình, thả hạm tuần tra dạo,*
*Hùng tráng hơn nhiều cảnh Hán, Giang.*

Khương Hữu Dụng *dịch*
(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 7)

## CAO HUY DIỆU 高輝耀

### 31. 鉢場午泊

輕舟午泊大河傍
傍是吾郊自土坊
淺淺岸邊新孕土
深深洲面始生桑
往來要逕繁華地
工賈生涯富貴鄉
欲問舟頭吟眺者
也非公幹也非商

**Phiên âm:**

*BÁT TRÀNG NGỌ BẠC*(1)

*Khinh chu ngọ bạc Đại hà bàng,*
*Bàng thị ngô giao bạch thổ phường.*
*Thiển thiển ngạn biên tân dựng thổ,*
*Thâm thâm châu diện thủy sinh tang.*
*Vãng lai yếu kính phồn hoa địa,*
*Công cổ sinh nhai phú quý hương.*
*Dục vấn chu đầu ngâm diểu giả,*
*Dã phi công cán dã phi thương.*

**Dịch nghĩa:**

BUỔI TRƯA ĐẬU THUYỀN Ở BÁT TRÀNG[2]

Thuyền nhẹ buổi trưa đậu bến sông Cái,[3]
Cạnh đó là phường đất trắng miền ta.
Nông choèn bên bờ là dải đất mới bồi,
Hun hút mặt bãi là rặng dâu vừa mọc.
Đây là chốn phồn hoa trên con đường qua lại,
Đây là nơi giàu có sống bằng nghề công thương.
Muốn hỏi về người ngâm thơ, ngắm cảnh trên đầu thuyền,
Chắc chẳng phải là người đi công cán,
mà cũng chẳng phải khách đi buôn.

**Dịch thơ:**

*Thuyền nhẹ, trưa về, neo bến Nhị,*
*Cạnh phường đất trắng, gốm quê hương.*
*Đất vừa bồi tới, nông choèn bãi,*
*Dâu mới trồng thêm, xanh ngút nương.*
*Mấy ngả vãng lai, đường tiện lợi,*
*Một vùng giàu có, nghiệp công thương.*
*Đầu thuyền ngâm ngợi, rằng ai đó?*
*Chẳng phải là quan, chẳng khách buôn.*

Ngô Linh Ngọc *dịch*
(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 8)

*Chú thích:*

1. Bài thơ *Bát Tràng ngọ bạc* trong tập thơ *Hồng Quế Hiên thi tập*, ký hiệu A. 2836; Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. Làng gốm nổi tiếng và lâu đời, nay ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

3. Sông Cái: Một tên gọi khác của sông Hồng.

TRẦN BÁ LÃM 陳伯覽

羅城古跡詠

## LA THÀNH CỔ TÍCH VỊNH

*La Thành là nơi đại đô hội, đại giai cảnh. Ta từ nhỏ đã cắp tráp theo thầy đi qua nơi này một vài lần. Khi ấy đã có lần đàm luận về sông núi thắng cảnh và đã nghe nói về cảnh đẹp nơi này. Ta thường đọc* Dư địa chí *của Nguyễn Trãi, bất giác vọng tưởng đến mà than thở. Gần đây nhân vì việc công, đã ngụ ở trong thành đến ba tháng, nhân khi công việc nhàn rỗi, đi đến thăm thú các nơi cảnh đẹp trong thành, các chùa quán không nơi nào là không lân la tìm đến, bèn chọn ra những nơi mà mình tận mắt nhìn thấy và những nơi cổ tích mà mình cho là đẹp viết thành sách, lấy tên là* La Thành cổ tích vịnh. *Mỗi bài đề vịnh còn ghi thêm một thiên Tiểu dẫn, để giúp cho việc tham khảo được đầy đủ. Nếu như nơi thắng cảnh nào còn chưa khảo sát được kỹ lưỡng thì xin hãy chờ đợi.*

*Tháng trọng đông (tháng 11) năm Mậu Thân, niên hiệu Chiêu Thống.*

*Tiến sĩ Nhị giáp xuất thân Chế khoa năm Đinh Mùi Trần Bá Lãm viết lời dẫn và vịnh thơ.*

### 32. 詠左望湖

三尺神峰起自藍
望湖一指寶龜含
劍光已共金光逝
時見金魚戲碧潭

**Phiên âm:**

*VỊNH TẢ VỌNG HỒ*

*Tam xích thần phong khởi tự Lam,*
*Vọng hồ nhất chỉ bảo quy hàm.*
*Kiếm quang dĩ cộng kim quang thệ,*
*Thời kiến kim ngư hý bích đàm.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH HỒ TẢ VỌNG(1)

(Tiểu dẫn: *Hồ ở trong La Thành. Phía nam hồ có một ngọn núi nằm nghiêng gọi là hồ Hữu Vọng. Phía bắc hồ nổi lên một ngọn núi hình tròn là hồ Tả Vọng, cây cối tiêu sơ, nước hồ xanh biếc. Thời cổ là lưu vực sông Nhĩ Hà, có một khe nối thông với sông Nhĩ Hà. Thời Lý, vua Lý Thánh Tông dựng hành cung phía nam hồ, làm nơi hóng mát, nhà vua lại lệnh đào một con ngòi rộng hơn 5 trượng để thuyền ngự đi. Thời Trần, giặc Nguyên vào xâm lấn, nhà vua cho chế tạo thuyền rồng để luyện tập thủy quân ở đây, đặt tên là đầm Thủy Quân. Mỗi lần nước sông dâng cao, đường phố đều bị ngập lụt nhà vua bèn ra lệnh cho lấp bịt lại. Đến Hoàng triều Thái Tổ Hoàng đế đã trả kiếm thần ở đây, nhân đó mới đặt tên là hồ Hoàn Kiếm. Vua Lê Thánh Tông cho đắp đài Điếu Ngư ở phía bắc hồ, và thường mua cá chép (hóa long ngư) chừng mấy chục con đem thả xuống hồ, đuôi mỗi con cá đều xuyên thủng một lỗ, dùng vàng đeo vào, gọi là cá vàng (kim ngư). Ngày rằm hằng tháng, hội họp bách quan ở Điếu Đài yến ẩm ăn uống xong, vua và các quan thả mồi câu cá. Viên quan nào câu được cá vàng đều được ban thưởng. Người trên bờ hồ xúm xít đứng xem. Đây là một thắng cảnh trong thành)*

Ba thước kiếm thần nổi lên từ đất Lam Kinh,
Nhìn hồ trỏ tay rùa quý ngậm giữ.
Ánh sáng thanh kiếm với ánh vàng nay đã mất,
Thỉnh thoảng thấy lũ cá vàng đùa giỡn trên mặt hồ trong xanh.

**Dịch thơ:**

*Kiếm thần ba thước tự Lam Kinh,*
*Tay trỏ rùa thiêng lặn mất tăm.*
*Ánh vàng ánh kiếm nay đâu nhỉ?*
*Chỉ thấy kim ngư rỡn sóng xanh.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Hồ này tức hồ Hoàn Kiếm, hay còn gọi là hồ Gươm ở Hà Nội.

## 33. 詠一柱寺

城裏花村村裏寺
李朝延祐始經營
宮中允協熊羆夢
菩薩觀音果有靈

**Phiên âm:**

*VỊNH NHẤT TRỤ TỰ*

*Thành lý hoa thôn thôn lý tự,*
*Lý triều Diên Hựu thủy kinh doanh.*
*Cung trung doãn hiệp hùng bi mộng,*
*Bồ Tát Quan Âm quả hữu linh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CHÙA MỘT CỘT[1]

(Tiểu dẫn: *Chùa tại thôn Nhất Trụ, huyện Vĩnh Thuận. Thời cổ, nơi đây hoang phế, chưa có thôn xóm. Thời Cao Biền làm An Nam Đô hộ nói đất này là xương sống rồng, sai dựng đồng trụ để làm đứt long mạch. Về sau, dân chúng đến ở mới gọi tên thôn là Nhất Trụ. Thời vua Lý Thánh Tông, vì tuổi tác đã cao mà chưa có hoàng tử nối ngôi, đêm nằm mộng đến thôn Nhất Trụ, thấy Bồ Tát Quan Âm nói với nhà vua rằng: "Đất này tối linh, trụ đồng đã làm tổn thương xương sống rồng đã lâu, nay phải mau mau phá hủy nó đi, thì phúc nước mới kéo dài được mấy đời nữa, nếu không thì sẽ hết vậy." Nói xong mời nhà vua bước lên kim đài trao cho một tiểu đồng. Tỉnh mộng, vua sai dựng một ngôi chùa ở mé tây thôn ấy để phụng thờ đức Quan Âm Bồ Tát, đổi niên hiệu là Diên Hựu, đổi tên chùa là chùa Diên Hựu rồi phá hủy đồng trụ, lấy bùa yểm ra. Năm sau liền sinh hoàng tử.*)

Thôn Nhất Trụ trong thành có một ngôi chùa,
Bắt đầu được xây dựng từ năm Diên Hựu nhà Lý.

Ứng với giấc mộng hoàng hậu sinh con trai,
Bồ Tát Quan Âm quả là rất linh nghiệm.

**Dịch thơ:**

*Giữa thôn Nhất Trụ dựng chùa này,*
*Ấy chùa Diên Hựu Lý triều xây.*
*Giấc mộng sinh trai đà ứng nghiệm,*
*Quan Âm Bồ Tát quả linh thay!*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Xem chú thích số 1, bài số 4.

## 34. 詠同天館

故墟花草夕陽紅
李後山河杳靄中
幾度變遷桑海局
修爲寺觀修行宮

**Phiên âm:**

*VỊNH ĐỒNG THIÊN QUÁN*

*Cố khư hoa thảo tịch dương hồng,*
*Lý hậu sơn hà diểu ái trung.*
*Kỷ độ biến thiên tang hải cục,*
*Tu vi tự quán tu hành cung.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH QUÁN ĐỒNG THIÊN[1]

(Tiểu dẫn: *Quán tại phường Yên Thái, huyện Vĩnh Thuận, trên bờ sông Tô Lịch, do Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu xây dựng, thờ Thượng Chân liệt vị; sau bị giặc Nguyên phá hủy. Thời hoàng triều Trung hưng, thì dựng thành chùa quán, làm hành cung thờ Linh Nhân hoàng hậu, tức Ỷ Lan phu nhân, vợ vua Lý Thánh Tông. Năm Canh Tuất, cư dân thôn Trung, phường Cổ Vũ dựng thành ngôi quán mới, rước các vị trở về bản thôn phụng thờ.)*

Gò cũ cỏ hoa nhuộm đỏ bóng chiều,
Núi sông sau nhà Lý, chìm trong khói sương mờ.
Cuộc đời dâu bể đã bao phen biến thiên thay đổi,
Nơi này, có lúc là chùa quán, có lúc là hành cung.

**Dịch thơ:**

*Cỏ hoa gò cũ nắng chiều hồng,*
*Nhà Lý non sông khói mịt mùng.*

*Mấy độ tang thương bao biến đổi,*
*Lúc là chùa quán lúc hành cung.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Theo *Di tích lịch sử Việt Nam,* H: Nxb. KHXH, 1991, tr. 271: Quán Đồng Thiên là một trong bốn quán lớn ở kinh đô Thăng Long thờ Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu (tức Ỷ Lan Nguyên phi, vợ vua Lý Thánh Tông). Tương truyền, quán này do bà dựng để thờ Tam Thanh (Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh), quán ở địa điểm phường An Thái, huyện Vĩnh Thuận (nay là số nhà 73, Đường Thành, Hà Nội. Hiện còn di tích bức tường đắp hình rồng bằng mảnh sứ). Đến năm Kỷ Dậu (1789) dưới thời Tây Sơn, dân bản thôn dời quán sang Yên Thái (nay là nhà số 8 ngõ Tạm Thương, Hà Nội) là nơi cung cũ của Thái hậu thờ chung vào một nơi.

## 35. 詠使觀寺

高王遺築半塵堆
佛寺還因使觀開
當日遠方重驛館
皇花賦罷訟如來

**Phiên âm:**

*VỊNH SỨ QUÁN TỰ*

*Cao Vương di trúc bán trần đôi,*
*Phật tự hoàn nhân Sứ quán khai.*
*Đương nhật viễn phương trùng dịch quán,*
*Hoàng Hoa phú bãi tụng Như Lai.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CHÙA QUÁN SỨ

(Tiểu dẫn: *Chùa tại thôn Đắc Tập, huyện Thọ Xương, nguyên trước đây chưa có chùa quán, thường hay có yêu quái quấy nhiễu, người trong thôn mới dựng một am nhỏ để thờ. Bên cạnh đó có một gò lũy hoang phế; tương truyền trước là kiến trúc còn sót lại của Cao Biền. Thời Trần Dụ Tông, đã phá ngôi am đó để dựng Sứ quán. Khi sứ giả các nước Chiêm Thành, Ai Lao, Vạn Tượng đến nộp cống vật thì đều ăn nghỉ ở đây. Hoàng triều nhân đó lấy làm Sứ quán. Sau thời Trung hưng, sứ giả từ phương xa đến vẫn ăn nghỉ ở đó. Hoặc do quần áo không sạch sẽ, cử chỉ không cung kính, thường mắc các chứng tả lỵ, đau bụng, hễ thắp hương cầu cúng liền đỡ, bèn dựng chùa Phật để trấn áp thì khỏi; nhân đó mới gọi tên chùa là Quán Sứ.)*

Kiến trúc còn sót lại của Cao Biền, một nửa đã thành
đồi gò hoang phế,
Trước là Sứ quán nay thành chùa Phật.

Ngày ấy người từ phương xa đến cần có nhà nghỉ,
Thơ *Hoàng Hoa* ngâm xong, lại tụng kinh Phật.

**Dịch thơ:**

*Cao Vương di chỉ nửa thành gò,*
*Trước là Sứ quán nay thành chùa.*
*Ngày ấy khách xa cần quán trọ,*
Hoàng Hoa[1] *vừa dứt, kệ ngâm nga.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*
1. Hoàng Hoa: Thơ tiễn sứ thần (trong *Kinh Thi*).

## 36. 詠安朗寺

世局桑滄幾變移
化生前事是耶非
迄今銅葉朱書在
欲叩根源問柱持

**Phiên âm:**

*VỊNH YÊN LÃNG TỰ*

*Thế cục tang thương kỷ biến di,*
*Hóa sinh tiền sự thị da phi.*
*Hất kim đồng điệp chu thư tại,*
*Dục khấu căn nguyên vấn trụ trì.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CHÙA YÊN LÃNG[1]

(Tiểu dẫn: *Chùa tại trang Yên Lãng, huyện Vĩnh Thuận thờ Thiền sư Lý Đạo Hạnh. Đạo Hạnh sinh ra đã có tiên phong đạo cốt, cần cù đọc sách, đỗ Đệ nhất khoa Bạch liên, có mối thù giết cha với thiền sư chùa Thánh Chúa; bèn sang Tây Trúc học đạo, biết được thuật biến hóa, trở về trả mối thù giết cha. Chùa là nơi Đạo Hạnh tu hành. Xã Yên Lãng vào tháng ba hằng năm đều làm lễ nhập tượng nghênh thần. Khi qua xã Dịch Vọng, có người đốt pháo, có người chống gậy; mọi người đánh lộn một hồi, rồi trong chốc lát đón thần về chùa làm lễ. Đây vẫn là nhắc lại chuyện cũ vậy. Nay chùa Yên Lãng còn có tráp gỗ đựng văn chữ Phạn bằng đồng lá màu đỏ. Ấy là di tích.)*

Cuộc đời dâu bể đã bao phen biến đổi,
Hóa sinh việc trước là đúng hay sai?
Đến nay sách đỏ bằng đồng vẫn còn đó,
Xin cúi đầu hỏi căn nguyên sư trụ trì.

**Dịch thơ:**

*Cuộc đời tang hải đổi thay,*
*Hóa sinh chuyện cũ đúng hay sai nào?*
*Sách đồng còn đó hôm nao,*
*Căn nguyên muốn tỏ xin vào hỏi sư?*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Chùa Yên Lãng: Nay là chùa Láng, thuộc phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

## 37. 詠玉湖寺

地不蓬萊隱謫仙
依稀環佩傍花邊
大興門外仙蹤渺
難覓桃源認夙緣

**Phiên âm:**

*VỊNH NGỌC HỒ TỰ*

*Địa bất Bồng Lai ẩn trích tiên,*
*Y hy hoàn bội bạng hoa biên.*
*Đại Hưng môn ngoại tiên tung diểu,*
*Nan mịch đào nguyên nhận túc duyên.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CHÙA NGỌC HỒ[1]

(Tiểu dẫn: *Chùa ở thôn Tả Giáp, huyện Thọ Xương. Nơi đây có một gò đất hình giống vò rượu. Năm Kiến Gia thứ 8 (1218) đời vua Lý Huệ Tông, cho xây ngôi chùa thờ Phật ở đây, tên là chùa Ngọc Hồ. Đời Hậu Trần đổi tên là chùa Tiên Phúc, thường thấy có nàng tiên nhảy múa ở trước chùa, nên gọi như vậy. Hoàng triều Lê Thánh Tông Hoàng đế đến chùa thắp hương, có một cô gái thấy xa giá đến, nấp tránh dưới khóm hoa mẫu đơn, nhà vua sai gọi đến trước mặt, thấy cô gái mặt hoa da tuyết, xinh đẹp tuyệt trần, mời lên ngự kiệu, về đến cửa Đại Hưng thì cô gái nói: "Thiếp là tiên nữ bị biếm đày xuống trần gian, có túc duyên với nhà vua, xin tạm chia tay, hẹn lần sau gặp gỡ." Nói xong, đoạn cưỡi chim loan bay đi mất. Nhà vua ngậm ngùi thẫn thờ mãi khôn nguôi; bèn sai dựng lầu Vọng Tiên ở trước cửa Đại Hưng, hẹn ngày gặp lại mà nguồn đào thì mãi vẫn mờ mịt.*

*Thời Ngụy Mạc, có người phương Bắc lấy vợ ở thôn này; người phụ nữ ấy giàu có mới bỏ tiền ra sửa sang ngôi chùa. Sau khi người phụ nữ ấy chết, người trong thôn thờ bà ở bên tả ngôi chùa, tục gọi là chùa Bà Ngô.).*

Nơi này chẳng phải là cõi Bồng Lai mà có nàng tiên bị biếm trích,
Tiếng vòng ngọc đeo tay còn vang, dáng đứng bên hoa như còn đó.
Ngoài cửa Đại Hưng bóng tiên nay đã mờ mịt,
Khó tìm nguồn đào, để nhận ra mối duyên xưa.

**Dịch thơ:**

*Tiên xưa bị biếm xuống trần gian,*
*Vòng ngọc còn như vẳng tiếng vang.*
*Cửa Đại Hưng nay mờ mịt dấu,*
*Khôn tìm duyên trước chốn đào nguyên.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Chùa Ngọc Hồ: Nay tọa lạc tại phố Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa, Hà Nội.

## 38. 詠鎮武館

數百年來古像尊
巍峨廟貌峙花村
神功幻化千身劫
長得風雲護法門

**Phiên âm:**

*VỊNH TRẤN VŨ QUÁN*

*Sổ bách niên lai cổ tượng tôn,*
*Nguy nga miếu mạo trĩ Hoa thôn.*
*Thần công huyễn hóa thiên thân kiếp,*
*Trường đắc phong vân hộ pháp môn.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH QUÁN TRẤN VŨ[1]

(Tiểu dẫn: *Quán thuộc địa phận phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận, trước đây ở sát Tây Hồ và núi Nùng, thờ vị thần Huyền Thiên Thượng Đế. Đến hoàng triều Đại nguyên soái Minh Thánh Tây Vương bắt đầu trùng tu miếu cũ, trong xây trùng đài nhận mặt trời, ngoài dựng gác chuông, đúc chuông đồng, dựng tượng đặt ở trên điện, bên tả Tử Đồng Văn Xương Đế Quân. Năm hoàng triều Cảnh Hưng thứ 39 (1778), bọn thủy phỉ quấy nhiễu Sơn Nam, vua sai Nguyễn Phan làm Tả Hà Đông đạo độc lãnh, Nguyễn Phan trở về Long Thành nhận chỉ, đến quán ngầm cầu đảo, mong được phù hộ thành công. Về sau ứng nghiệm, Nguyễn Phan ban cấp tiền tu sửa điện cũ. Mỗi lần gặp khoa thi Hương, sĩ tử thường đến quán làm văn hoặc cầu mộng xem bói, thường được linh ứng.)*

Mấy trăm năm nay pho tượng cổ vẫn tôn nghiêm,
Ngôi miếu nguy nga vẫn sừng sững ở Hoa thôn.

Thần công ảo hóa trong kiếp nghìn thân,
Còn mãi trong gió mây bảo hộ pháp môn.

**Dịch thơ:**

*Tượng cũ bao năm vẫn đứng đây,*
*Nguy nga miếu mạo giữa thôn này.*
*Thần công ảo hóa muôn nghìn kiếp*
*Cửa pháp uy linh giữa gió mây.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Nay là quán Trấn Vũ bên hồ Tây, đầu đường Thanh Niên, quận Ba Đình, Hà Nội.

## 39. 詠西湖

石山陷後水清流
朗泊霪潭歷幾秋
往事興忘渾是夢
江湖人自泛漁舟

**Phiên âm:**

*VỊNH TÂY HỒ*

*Thạch sơn hãm hậu thủy thanh lưu,*
*Lãng Bạc, Dâm Đàm lịch kỷ thu.*
*Vãng sự hưng vong hồn thị mộng,*
*Giang hồ nhân tự phiếm ngư chu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH TÂY HỒ

(Tiểu dẫn: *Hồ ở địa phận huyện Vĩnh Thuận, nước hồ trong xanh, bốn mùa không cạn; phía bắc gần sông Nhĩ Hà, phía tây sát địa giới huyện Từ Liêm; quanh co hơn 10 dặm, phía bắc có dãy gò đất nằm nghiêng bên hồ, hình như mỏ chim phượng hoàng. Trong hồ, thời xưa vốn là núi đá, có con hồ ly tinh chín đuôi, sống ở trong đó, thường làm hại dân lành; Lạc Long Quân dẫn thủy tộc bắt được, núi đá mới sụt xuống thành đầm sâu. Thời Hán, Phục Ba tướng quân Mã Viện đánh nhau với Trưng Vương ở đây, gọi là hồ Lãng Bạc. Thời Lý đổi tên là hồ Dâm Đàm, cho xây Quan ngư đài (đài xem cá) ở phía bắc hồ, giữa chừng đổi gọi là Tây Hồ; có thần Kim Ngưu, ngược dòng Tô Lịch mà ẩn náu trong hồ, thường hiển linh dị. Trong hồ thường mọc loài sen trắng và chim sâm cầm, mùi vị rất thơm ngon.)*

Núi đá sụt xuống thành đầm hồ nước trong xanh chảy,
Gọi tên Lãng Bạc, Dâm Đàm đã trải mấy thu rồi.

Việc cũ hưng vong như một giấc mộng,
Giữa chốn sông hồ, con người ngồi bồng bềnh trên chiếc thuyền câu.

**Dịch thơ:**

*Núi kia đã sụt biến đầm sâu,*
*Lãng Bạc, Dâm Đàm trải mấy thâu.*
*Việc cũ hưng vong như giấc mộng,*
*Giữa vùng khói sóng thả thuyền câu.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 40. 詠濃山

尤景天將奠帝洲
濃山勝跡古今留
雲飛彩鶴歸何處
依舊宮臺對望樓

**Phiên âm:**

*VỊNH NÙNG SƠN*

*Vưu cảnh thiên tương điện đế châu,*
*Nùng sơn thắng tích cổ kim lưu.*
*Vân phi thái hạc quy hà xứ?*
*Y cựu cung đài đối vọng lâu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH NÚI NÙNG

(Tiểu dẫn: *Núi Nùng là ngọn núi đất ở giữa thành, đỉnh núi hình tròn bằng phẳng, cây cối tươi tốt tiếp liền với hồ Tây. Phía sau có ba ngọn núi làm chẩm sơn, sơn thủy hữu tình, là thắng cảnh nơi thành đô. Thời Lý dựng kinh đô lấy núi này làm án, xây chính điện ở trên núi, thường có chim hạc ngũ sắc một đôi bay tới nhảy múa ở trước điện. Giữa chừng nhà Lý suy vi, chim hạc không bay đến nữa. Thời Trần, đổi làm hành cung dựng một ngôi lầu vọng nguyệt đối diện với núi Nùng. Hoàng triều đổi thành điện Kính Thiên. Tương truyền sau ngự tòa có một lỗ thông thẳng ra Tây Hồ, là nơi thông khí của núi đâm, gọi là rốn rồng)*

Ấy là cảnh đẹp đặc sắc do trời mang đến để làm vững thêm
kinh đô nhà vua,
Thắng tích núi Nùng xưa nay còn lưu dấu.

Mây bay hạc ngũ sắc đã về nơi nào,
Chỉ còn cung điện, lâu đài đối diện với vọng lâu như cũ.

**Dịch thơ:**

*Cảnh đẹp trời ban vững đế đô,*
*Nùng sơn thắng cảnh tự bao giờ.*
*Mây bay hạc đẹp về đâu tá?*
*Cung điện, lâu đài chẳng khác xưa.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 41. 詠三山

濃山山上峙高崗
竹影陰森草色蒼
不記何年停玉駕
猶留片石隱斜陽

**Phiên âm:**

*VỊNH TAM SƠN*

*Nùng sơn sơn thượng trĩ cao cương,*
*Trúc ảnh âm sâm thảo sắc thương.*
*Bất ký hà niên đình ngọc giá,*
*Do lưu phiến thạch ẩn tà dương.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH TAM SƠN

(Tiểu dẫn: *Núi ở phía bắc thành, phía sau núi Nùng, nhô lên một ngọn cao, đất đá xen lẫn, là chẩm sơn của núi Nùng. Trên núi có một tòa lũy trồng trúc đốm. Tương truyền, vua Lý thường đến chơi nơi đây, có những phiến đá có chữ ngự đề, nằm nghiêng trên đỉnh núi. Những chữ đó đã mờ mòn hết, không thể khảo cứu được.)*

Trên ngọn núi Nùng sừng sững một đỉnh núi cao,
Bóng trúc xum xuê màu cây xanh biếc.
Không nhớ năm nào xa giá nhà vua dừng lại đây,
Nay chỉ còn trơ phiến đá ẩn trong bóng chiều.

**Dịch thơ:**

*Sừng sững gò cao đỉnh núi Nùng,*
*Xum xuê tre trúc, cỏ xanh rờn.*
*Xe vua từng viếng năm nao nhỉ?*
*Phiến đá còn trơ bóng tịch dương.*

Mai Hải *dịch*

## 42. 詠看山

嶺上禪庵景物幽
檯頭遙憶舊宸遊
故宮寶像今何在
此日登臨易得愁

**Phiên âm:**

*VỊNH KHÁN SƠN*

*Lĩnh thượng thiền am cảnh vật u,*
*Đài đầu dao ức cựu thần du*
*Cố cung bảo tượng kim hà tại,*
*Thử nhật đăng lâm dị đắc sầu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH NÚI KHÁN SƠN

(Tiểu dẫn: *Quả núi đất này ở phía tây bắc thành. Vua Lê Đại Hành cho dựng một am thờ Phật trên đỉnh núi, mái lợp bằng ngói bạc. Thời vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, khi qua núi này thấy có một phiến đá đốm nằm ngay trên đỉnh núi, gõ có tiếng kêu vang vang; bèn lệnh cho quân sĩ mang về, sai thợ đá đẽo thành khánh quý, treo ở trước am sớm tối gõ lên, phát ra tiếng vang vang như kim ngọc. Hoàng triều Thánh Tông hoàng đế thường đến đây. Niên hiệu Dương Đức hủy Phật am, dựng tòa ngự. Ngự tòa có đặt tượng Thần Tông hoàng đế. Về sau cung điện hoang phế, cư dân rước tượng báu về chùa Dục Khánh phụng thờ.*)

Ngôi chùa nhỏ trên đỉnh núi, cảnh vật thật u nhã,
Ngẩng đầu nhìn, lại nhớ cuộc đi chơi thăm cung vua lần trước.
Cố cung tượng quý nay không biết ở đâu,
Đến đây lần này dễ gợi mối sầu trong ta.

**Dịch thơ:**

*Đỉnh núi thanh u một mái chùa,*
*Ngẩng đầu nhớ lại cảnh thành xưa.*
*Cố cung tượng quý còn đâu nữa,*
*Thăm lại nơi đây dạ ngẩn ngơ.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 43. 詠早蓮湖

湖中別占一蓬萊
水面蓮花最早開
盡是名洲多旺氣
故教芳草獨留形

**Phiên âm:**

*VỊNH TẢO LIÊN HỒ*

*Hồ trung biệt chiếm nhất Bồng Lai,*
*Thủy diện liên hoa tối tảo khai.*
*Tận thị danh châu đa vượng khí,*
*Cố giao phương thảo độc lưu hình.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH HỒ TẢO LIÊN (SEN NỞ SỚM)

(Tiểu dẫn: *Hồ ở phía nam thành, thuộc địa phận phường Bích Câu rộng chừng mấy mẫu. Trong hồ nổi lên một gò đất tròn rộng khoảng mấy trượng. Nước hồ sáng lấp lánh, màu sắc trong xanh. Trong hồ mọc một loài sen trắng nhị màu đỏ, cuống hoa có 8 cánh, hoa ra sớm chưa tới mùa hè đã nở thơm ngát; nhân đó mới gọi là hồ Tảo Liên (hoa sen nở sớm). Bơi thuyền dưới trăng, gió đưa hương ngào ngạt khắp nơi, mặt hồ thấp thoáng, dường như cảnh đào nguyên. Khi vua Lý Thái Tổ có được thiên hạ, đêm thường mơ gặp Phật Quan Âm Bồ Tát vẫy vua ngồi lên tòa sen, hái 8 cánh hoa sen trao cho. Lúc tỉnh mộng, bèn nói chuyện đó với các quan và sư Tăng Quan đô sát. Tăng Quan bèn thưa rằng: "Ở phường Bích Câu phía nam thành có một cái hồ, tên gọi là hồ Tảo Liên, thường mọc loài sen này." Nhà vua sai hái đem về cung. Đúng mùa sen nở, vua nhìn kỹ thấy quả như đã thấy trong mộng, bèn cho xây ngôi chùa trên gò đất giữa hồ, đặt tên là chùa Đắc Quốc, lại gọi là chùa An Quốc để thờ Quan Âm Bồ Tát; rồi sai Tăng Quan trông nom. Trên bờ bốn phía đều có lâu thuyền hầu giá. Hằng năm, mỗi*

*khi tới mùa hoa sen nở, vị Tăng Quan lại tâu lên. Thế là từ sáng sớm, nhà vua cùng trăm quan lại xa giá đến bờ hồ, xuống thuyền lâu hái mấy bông sen trắng dâng lên chùa bái tạ; sau đó dâng vào tẩm miếu, rồi ban cho các quan. Trai gái trong thành đứng quanh bờ ngắm nhìn, coi là nơi thắng cảnh. Khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Thái Tông; hoa sen biến thành sen hồng. Nhà Lý nhường ngôi được 8 đời vua, là ứng với giấc mộng đó).*

Hồ này chiếm riêng một cõi Bồng Lai,
Hoa sen nổi trên mặt hồ là loài hoa nở sớm nhất.
Đó là do nơi danh tiếng có nhiều vượng khí,
Cho nên khiến chỉ loài hoa thơm riêng đua nở.

**Dịch thơ:**

*Hồ này riêng chiếm cõi Bồng Lai,*
*Sen nở nơi đây, sớm nhất loài.*
*Chỉ tại chốn này nhiều vượng khí,*
*Hoa riêng nở sớm nhất trần ai.*

Mai Hải *dịch*

## 44. 詠太和山

嶺頭歷幾草花秋
佛寺鐘樓勝蹟留
曾是先朝臨幸處
故宮遙憶奉宸遊

**Phiên âm:**

*VỊNH THÁI HÒA SƠN*

*Lĩnh đầu lịch kỷ thảo hoa thu,*
*Phật tự chung lâu thắng tích lưu.*
*Tằng thị tiên triều lâm hạnh xứ,*
*Cố cung dao ức phụng thần du.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH NÚI THÁI HÒA

(Tiểu dẫn: *Quả núi đất này ở phía tây thành, thuộc địa phận phường Thái Hòa. Triều Lý là núi Ngự Sơn, xa giá nhà vua thường tới đây. Trên núi có ngôi chùa Phật. Trước chùa có lầu chuông, nhà sư trụ trì ở đây sớm tối thỉnh chuông, tiếng chuông vang tận trời xanh. Thời Trần vẫn theo như thế. Hoàng triều Thánh Tông hoàng đế cho dựng hành cung trên núi, tên là cung Thái Hòa.)*

Ngọn núi đã trải mấy mùa hoa cỏ thay đổi rồi,
Thắng tích chùa Phật, lầu chuông còn lưu dấu.
Nơi đây các vị vua triều trước đã từng lui tới,
Nơi cung cũ, nhớ cuộc phụng giá đi chơi năm nào.

**Dịch thơ:**

*Núi non đã trải mấy mùa hoa,*
*Thắng tích chùa xưa vẫn đó mà.*
*Thuở trước đế vương thường viếng cảnh,*
*Cố cung nhớ lại chuyện vua ta.*

Mai Hải *dịch*

## 45. 詠國子監

數仞宮牆峙古今
四時花草樹蕭森
聖朝經理規摸遠
長與濃高珥水深

**Phiên âm:**

*VỊNH QUỐC TỬ GIÁM*

*Sổ nhẫn cung tường trĩ cổ câm (kim),*
*Tứ thời hoa thảo thụ tiêu sâm.*
*Thánh triều kinh lý quy mô viễn,*
*Trường dữ Nùng cao Nhĩ thủy thâm.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH QUỐC TỬ GIÁM

(Tiểu dẫn: *Quốc Tử Giám tại phía nam Kinh thành. Sau khi nhà Lý được nước thì bắt đầu xây dựng, con cháu quan viên đều phải vào đây học tập; học xong được bổ làm quan. Thời Trần vẫn theo như thế, nhiều lần sửa chữa. Vua Lê Thánh Tông hoàng đế ta đã sửa sang thêm, tu tạo nhà cửa cao rộng bề thế, chính điện thờ đức Chí Thánh Văn Tuyên Vương, hai bên thờ thất thập nhị hiền và tiên triều Thái học sinh; bên tả vu hữu vu đều dựng bia Tiến sĩ.)*

Cung tường cao vài nhận sừng sững xưa nay,
Bốn mùa quanh năm hoa cỏ cây cối xanh tốt.
Thánh triều xây dựng quy mô thật xa rộng,
Mãi mãi lâu bền cùng với núi Nùng cao và sông Nhĩ sâu.

**Dịch thơ:**

*Cung tường sừng sững suốt bao đời,*
*Hoa cỏ quanh năm mọc tốt tươi.*
*Xây dựng thánh triều xa rộng thế,*
*Mãi tựa Nùng cao Nhĩ chẳng vơi.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 46. 詠忠烈廟

畫像遺容儼若存
帝君南北共推尊
將軍一付英雄骨
廟祀千秋節義魂

**Phiên âm:**

*VỊNH TRUNG LIỆT MIẾU*

*Họa tượng di dung nghiễm nhược tồn,*
*Đế quân Nam Bắc cộng suy tôn.*
*Tướng quân nhất phó anh hùng cốt,*
*Miếu tự thiên thu tiết nghĩa hồn.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH MIẾU TRUNG LIỆT

(Tiểu dẫn: *Miếu ở phía tây Kinh thành, do Hy Tông hoàng đế hoàng triều ta dựng năm Chính Hòa 6 (1685), để thờ Hán Thọ Đình hầu Quan Vân Trường cùng hai vị Quan Bình và Châu Sương. Trong miếu có tranh vẽ thờ công thần Lê Lai hy sinh thân mình cứu chúa. Đức Thái Tổ Cao Hoàng đế lúc khởi nghĩa đánh nhau với giặc Minh bị bao vây tình thế rất nguy khốn; Lê Lai mặc quần áo nhà vua đến cửa quân đầu hàng, giặc Minh tưởng vua thật bắt giết đi, nhờ đó nhà vua mới thoát nạn. Sau khi dẹp xong giặc Minh, nhà vua phong cho Lê Lai là "Tuẫn Nạn Đệ Nhất công thần" được ban quốc tính.)*

Dung nhan trong tranh tượng y như lúc còn sống,
Được các bậc vua chúa Nam Bắc đều suy tôn.
Tướng quân một lần hy sinh khí cốt anh hùng,
Ngôi miếu thờ linh hồn tiết nghĩa nghìn thu.

**Dịch thơ:**

*Phong thái trong tranh mãi mãi còn,*
*Bắc Nam vua chúa thảy suy tôn.*
*Tướng quân nợ nước vừa đền báo,*
*Miếu mạo nghìn thu tiết nghĩa hồn.*

Mai Hải *dịch*

## 47. 詠武廟

廟宇臨江夕照紅
望臺隱隱劍光沖
李陳闕典今伊始
戎烈長留祀載中

**Phiên âm:**

*VỊNH VÕ MIẾU*

*Miếu vũ lâm giang tịch chiếu hồng,*
*Vọng đài ẩn ẩn kiếm quang xung.*
*Lý Trần khuyết điển kim y thủy,*
*Nhung liệt trường lưu tự tải trung.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH VÕ MIẾU

(Tiểu dẫn: *Miếu ở phía nam Kinh thành, trước sông Tô Lịch, phía sau gối lên gò đất, được vua Hy Tông hoàng đế triều ta dựng năm Chính Hòa 4 (1683) thờ Vũ Thánh Vương và 10 vị thập triết danh tướng tiên triều phối hưởng. Tương truyền, đến Thái Tổ Cao hoàng đế sau khi bình định xong giặc Minh, đem dời kiếm thần đến hồ Tả Vọng, dân thôn ven hồ ban đêm thường thấy bóng kiếm ở đáy hồ. Về sau, khi dựng Võ Miếu, một đêm trong ánh hào quang của sao sa, nhìn thấy một vị thần nhân thân khoác nhung phục, lưng đeo bảo kiếm; những nơi thần đi qua ánh hào kiếm lóe sáng; mọi người đều nhìn thấy thần đi vào miếu rồi biến mất. Cư dân biết chuyện, liền xây Vọng Kiếm đài ở trước miếu để thờ.)*

Ngôi miếu ở cạnh bờ sông, bóng chiều chiếu đỏ rực,
Vọng đài thấp thoáng trong ánh kiếm vút trời.
Cung miếu dựng từ thời Lý Trần nay vẫn y nguyên đó,
Võ công danh liệt còn lưu mãi trong sử xanh.

**Dịch thơ:**

*Miếu mạo bên sông bóng xế tà,*
*Vọng đài thấp thoáng ánh gươm lòa.*
*Lý Trần cung khuyết còn nguyên đó,*
*Hiển hách công ghi sử nước nhà.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 48.詠布蓋大王祠

肯教北使雪生靈
感激雄心舉義兵
功德如天長仰慕
千秋尊號有餘馨

**Phiên âm:**

*VỊNH BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG TỪ*

*Khẳng giao Bắc sứ tuyết sinh linh,*
*Cảm kích hùng tâm cử nghĩa binh.*
*Công đức như thiên trường ngưỡng mộ,*
*Thiên thu tôn hiệu hữu dư hinh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐỀN THỜ BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

(Tiểu dẫn: *Đền tại phường Trùng Quang, huyện Vĩnh Thuận thờ Bố Cái đại vương. Vương họ Phùng, tên Hưng, người Đường Lâm sống vào đời Đường. Thời thuộc Đường, An Nam đô hộ Cao Chính Bình thi hành chính sách hà khắc, dân chúng không sống nổi, Vương khởi binh đánh Bình thắng lợi, rồi chiếm lấy phủ trị. Sau khi mất, dân chúng trong nước ngưỡng mộ công đức, tôn Vương là "Bố Cái đại vương," lập đền thờ phụng. Tục xưa gọi cha là "Bố", mẹ là "Cái", nên gọi tên như vậy. Bản xã cũng có đền thờ ngài.)*

Há để cho giặc Bắc tàn hại sinh linh,
Hùng tâm tráng trí dấy nghĩa binh.
Công đức của ngài lớn như trời, mãi ngưỡng mộ,
Nghìn thu tôn hiệu tỏa hương thơm.

**Dịch thơ:**

*Há cho giặc Bắc hại sinh linh,*
*Cảm kích hùng tâm cử nghĩa binh.*
*Công đức như trời, dân ngưỡng mộ,*
*Nghìn thu tôn hiệu, mãi thơm danh.*

Mai Hải *dịch*

## 49. 詠貳徵王祠

家仇國恨敢偷生
力挽山河妹妹兵
浪泊草花長帶恨
千秋奇節敗猶榮

**Phiên âm:**

*VỊNH NHỊ TRƯNG VƯƠNG TỪ*

*Gia cừu quốc hận cảm thâu sinh,*
*Lực vãn sơn hà tỷ muội binh.*
*Lãng Bạc thảo hoa, trường đái hận,*
*Thiên thu kỳ tiết bại do vinh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐỀN THỜ HAI BÀ TRƯNG[1]

(Tiểu dẫn: *Đền ở tại phường Đồng Nhân, huyện Thọ Xương, phụng thờ Hai Bà Trưng Nữ Vương. Vương người Mê Linh, châu Thần Phong, họ Hùng, chị tên là Trắc, em tên Nhị. Thái thú Tô Định giết chồng chị là Thi Sách, bà cùng với em dấy binh trả thù, đánh phá phủ lỵ, bình định 65 thành trì ở Lĩnh Nam; sau đổi là họ Trưng. Nhà Hán cử Phục ba tướng quân Mã Viện sang xâm lược. Hai bà cầm cự với giặc ở hồ Lãng Bạc. Quân của Hai Bà bị thua, chị em đều bị chết trận; dân thôn ngưỡng mộ lập đền thờ phụng, tục gọi là đền Hai Bà. Hai bên đền có voi gỗ, ngựa gỗ bên ngoài tô sơn màu; voi gỗ có 2 ngà thật, kẻ trộm đã cưa lấy định đem về, nhưng hồn phách hoảng loạn, tự trói mình vào chân voi. Ngày hôm sau, thủ từ trông thấy mới biết là kẻ trộm, bắt giải lên huyện nghiêm trị. Sự hiển linh của các ngài là như vậy đấy.)*

Nợ nước thù nhà đâu dám ham sống,
Chị em dấy binh dốc sức giành lại sơn hà.

Cỏ hoa Lãng Bạc còn mang hận mãi mãi,
Tiết lớn nghìn thu thất bại nhưng vẫn vẻ vang.

**Dịch thơ:**

*Thù nhà nợ nước dám quên thân,*
*Giành lại non sông dấy nghĩa binh.*
*Lãng Bạc cỏ hoa ôm mãi hận,*
*Ngàn thu khí tiết bại mà vinh.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Đền thờ Hai Bà Trưng hiện ở phố Đồng Nhân, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

## 50. 詠白馬祠

脈引蟠龍傳勝地
跡留白馬鎮名州
高王往事俱塵土
物換星移幾度秋

**Phiên âm:**

*VỊNH BẠCH MÃ TỪ*

*Mạch dẫn bàn long truyền thắng địa,*
*Tích lưu bạch mã trấn danh châu.*
*Cao Vương vãng sự câu tràn thổ,*
*Vật hoán tinh di ký độ thâu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐỀN BẠCH MÃ[1]

(Tiểu dẫn: *Đền tại phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, thờ Long Đỗ Thần Quân (thần Rốn Rồng). Vào thời Bắc thuộc, Cao Biền đời Đường yểm bùa chặt đứt mạch Long Đỗ, làm 3 đạo bùa bằng vàng, bạc, sắt chôn xuống đất; một đêm mưa gió nổi lên, sấm sét làm lật tung 3 đạo bùa tan tành trên mặt đất. Đêm đó hắn mơ thấy một vị thần nhân mặc áo vàng, tự xưng là Long Đỗ Thần Quân, tay cầm kim khí cưỡi con rồng đỏ ngự trên mây, xông vào đánh tới tấp; Cao Biền sợ hãi giật mình tỉnh dậy. Biết nơi này có thần linh thiêng, Cao Biền lập tức lập đền thờ phụng. Về sau, triều Lý đắp thành, lập đàn thờ cúng, có con ngựa trắng linh ứng hiện lên đứng ở trước đàn, nhân đó gọi là đền Bạch Mã.)*

Tương truyền nơi đây là thắng địa, thế rồng cuộn dẫn mạch,
Di tích còn lưu dấu con ngựa trắng giữ kinh đô.
Chuyện cũ về Cao Biền đã thành cát bụi,

Vật đổi sao dời đã mấy độ thu qua.

**Dịch thơ:**

*Nơi đây rồng cuộn mạch linh thay,*
*Bạch Mã đền thiêng trấn đất này.*
*Chuyện cũ Cao Vương thành cát bụi,*
*Sao dời vật đổi mấy thu nay!*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Đền Bạch Mã: Hiện nay ở phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

## 51. 詠節婦封臺

靈魄已隨江水逝
一心願作嶺頭雲
香沉粉謝情猶昨
金扁輝煌映水紋

**Phiên âm:**

*VỊNH TIẾT PHỤ PHONG ĐÀI*

*Linh phách dĩ tùy giang thủy thệ,*
*Nhất tâm nguyện ác lĩnh đầu vân.*
*Hương trầm phấn tạ tình do tạc,*
*Kim biển huy hoàng ánh thủy văn.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐÀI PHONG TIẾT PHỤ

(Tiểu dẫn: *Đài được dựng ở trên bờ sông Tô Lịch, thuộc địa phận phường Yên Thái. Trong phường có một phụ nữ dung nhan xinh đẹp cùng sống với chồng làm nhà ở trên bờ sông. Thời Trần, giặc Nguyên sang xâm lược nước ta, nơi nào đặt chân đến chúng đều giết chồng, cướp vợ, tình cảnh thê thảm không thể tả xiết. Một hôm, quân Nguyên qua sông thấy người phụ nữ đó liền xông vào bắt; nàng chạy đến bến sông liền nhảy xuống sông tự vẫn, còn người chồng không kịp chạy trốn, bị giặc giết. Sáng ra, mọi người biết chuyện tâu lên; vua Trần tôn vinh phẩm tiết, cấp tiền xây đài trên bờ sông Tô để thờ phụng, lại ban cho tấm biển vàng treo trong đền, gọi là "Tiết phụ phong đài". Thời ngụy Mạc, đài bị phá hủy, di chỉ cũ nay không còn nữa.)*

Hồn thiêng đã trôi đi theo sông nước,
Chỉ còn tấm lòng làm áng mây trên đầu núi.

Tuy hương chìm phấn phai, mà tình vẫn như xưa,
Biển vàng rực rỡ vẫn óng ánh soi xuống sóng nước.

**Dịch thơ:**

*Hồn thiêng trở lại với giang sơn,*
*Đầu núi mây bay dạ chẳng sờn.*
*Phấn nhạt hương phai tình giữ trọn,*
*Biển vàng khen ngợi tấm lòng son.*

Mai Hải *dịch*

## 52. 詠昭應大王祠

此生誰料波濤地
一死憐哉婦與夫
雲雨幾經朝暮色
幽魂猶繞二江流

**Phiên âm:**

*VỊNH CHIÊU ỨNG ĐẠI VƯƠNG TỪ*

*Thử sinh thùy liệu ba đào địa,*
*Nhất tử lân tai phụ dữ phu.*
*Vân vũ kỷ kinh triêu mộ sắc,*
*U hồn do nhiễu nhị giang lưu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐỀN CHIÊU ỨNG ĐẠI VƯƠNG

(Tiểu dẫn: *Đền ở phường Yên Thái, huyện Vĩnh Thuận thờ Chiêu Ứng đại vương. Thời vua Lý Thái Tông, thường có nạn thủy quái ở La Thành, nhà vua rất lo lắng. Một đêm nhà vua mộng thấy một dị nhân xưng là thần sông Tô Lịch, nói với vua rằng*: "*Cửa sông Thần Phù có một con yêu rất hay ăn thịt sinh linh. Sáng ngày mai, vào giờ Mão hễ thấy có người đi qua bờ sông, bất kể trai hay gái đều bắt dìm xuống sông, thì sẽ dẹp được nạn. Hãy nhớ lấy, vào giờ khác thì không được!*". *Tỉnh dậy thì trời đã sáng, nhà vua bèn sai cấm quân đứng đợi ở bờ sông. Đến giờ Mão, bỗng thấy vợ chồng Nguyễn Danh Phục gánh đầu đi đến, quân lính lập tức bắt lấy, dìm xuống chỗ hai dòng sông hợp lưu. Sau thấy một vật như hình người, mặt mũi rất hung ác, đứng ở dưới nước, chắp tay lạy trong chốc lát thì biến mất. Từ đấy, mọi người mới tránh được họa thủy quái. Vợ chồng người bán đầu từ ngày bị dìm xuống sông, hồn phách không tan, ban đêm vào quãng đầu sông thường nghe thấy tiếng khóc lóc ai oán; dân phường sợ hãi, bèn lập đền thờ phụng, gọi là "Đền Linh Ứng đại vương." Thời xưa, cửa sông*

*Thần Phù thông với sông Nhĩ Hà; từ đó về sau phù sa bồi đắp lấp đân, không còn dòng chảy mà thành bình địa vậy.)*

Kiếp sống này ai liệu được cảnh đất bằng sóng gió,
Một cái chết thật đáng thương, cả vợ lẫn chồng.
Gió mưa mấy độ sớm chiều ảm đạm,
Mà u hồn vẫn còn quấn quýt nơi dòng chảy hai con sông này.

**Dịch thơ:**

*Đất bằng nổi sóng ai hay,*
*Vợ chồng cùng chết thảm thay phận đời.*
*Gió mưa mấy độ tuôn rơi,*
*U hồn lẩn quất quanh nơi sông này.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 53. 詠報天寺塔

百尺差峨峙帝城
安南四器古今名
寰區共夾甘霖澤
法像千秋濯厥靈

**Phiên âm:**

*VỊNH BÁO THIÊN TỰ THÁP*

*Bách xích sai nga trĩ đế thành,*
*An Nam tứ khí cổ kim danh.*
*Hoàn khu cộng hiệp cam lâm trạch,*
*Pháp tượng thiên thu trạc quyết linh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH THÁP CHÙA BÁO THIÊN

(Tiểu dẫn: *Tháp ở phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương. Vua Lý Thánh Tông trùng tu chùa Phật, dựng chùa ở đây, phía trước có xây ngọn tháp cao hơn một trăm thước, đặt tên là tháp Báo Thiên, là một trong "An Nam tứ khí". Khi trời hạn, rước bốn pho tượng: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện đến đây làm lễ cầu mưa.)*

Tháp cao trăm thước, sừng sững giữa đô thành,
Một trong "tứ khí" nước Nam, nổi tiếng xưa nay.
Trong ngoài đều được hưởng ân trạch như mưa ngọt thấm khắp,
Pháp tượng nghìn năm vẫn ngời ngời linh thiêng.

**Dịch thơ:**

*Trăm thước cao cao giữa đế thành,*
*"An Nam tứ khí" vốn lừng danh.*
*Núi sông thảy đội ơn mưa móc,*
*Pháp tượng nghìn thu mãi hiển linh.*

Mai Hải *dịch*

## 54. 詠威靈郎祠

人功無力控橫流
飛石空中夜不休
江上狂波能砥柱
神功高仰故堤頭

**Phiên âm:**

*VỊNH UY LINH LANG TỪ*

*Nhân công vô lực khống hoành lưu,*
*Phi thạch không trung dạ bất hưu.*
*Giang thượng cuồng ba năng để trụ,*
*Thần công cao ngưỡng cố đê đầu.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐỀN THỜ UY LINH LANG

(Tiểu dẫn: *Đền ở phường Yên Hoa, huyện Vĩnh Thuận; phía bắc là hồ Trúc Bạch thờ thủy thần Uy Linh Lang đại vương. Năm hoàng triều Vĩnh Thọ, nước sông dâng cao, vỡ đê phường Yên Hoa. Quan quân không sao ngăn được, bèn lập đàn cầu cúng ở trước đền. Đêm đến, quan quân đắp đê cùng dân phu thường nghe thấy tiếng đá bay vù vù rơi xuống chỗ đê vỡ, chặn được dòng nước. Trời sáng, mọi người nhìn lại, thì thấy rõ ràng có một con đê đá chặn dòng nước lại. Dân nhờ thế tránh được nạn lụt, bèn bảo nhau xây miếu. Nhà vua ban cho khu hồ Trúc Bạch không phải nộp tiền thuế để trông nom việc đèn hương. Vào tiết đầu xuân hằng năm, triều đình sai quan quân đến tế lễ.)*

Sức người bất lực không ngăn nổi dòng nước xiết,
Đá bay ào ào trên không suốt đêm không ngừng.

Làm cột đá trên sông ngăn những đợt sóng cuồng hung hãn,
Mãi mãi ngưỡng mộ công thần ở nơi con đê cũ.

**Dịch thơ:**

*Sức người bất lực lũ khôn ngăn,*
*Đá tự trời cao đổ xuống trần.*
*Đá chặn dòng sông êm sóng dữ,*
*Đầu đê ngửa mặt cảm công thần.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 55. 詠玄天館

雲鶴何年飛駕遠
南遊故轍綠苔封
花村隱約眞容在
練石遺墟夕照紅

**Phiên âm:**

*VỊNH HUYỀN THIÊN QUÁN*

*Vân hạc hà niên phi giá viễn,*
*Nam du cố triệt lục đài phong.*
*Hoa thôn ẩn ước chân dung tại,*
*Luyện thạch di khư tịch chiếu hồng.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH QUÁN HUYỀN THIÊN[(1)]

(Tiểu dẫn: *Quán tại phường Đồng Xuân, huyện Thọ Xương, thờ Huyền Thiên Đế Quân, người phương Bắc sống vào thời Đường. Ngày Đế Quân chưa phi thăng, những nơi danh lam thắng cảnh trong thiên hạ không nơi nào là không đến, nghe nói La Thành là nơi thắng địa bèn chu du đến dựng nhà tranh ở đấy. Dân phường biết là dị nhân, tôn kính như thần. Sau này khi đạo quả viên mãn, cưỡi hạc bay về phương Bắc, người dân phường bèn vẽ chân dung, nhà nhà phụng thờ, lại dựng quán tại nơi nền nhà cũ. Trong quán có một phiến đá bàn thạch, là di tích trong quán nơi Đế Quân luyện đan, rất linh ứng. Thời Trần, vẫn hương khói phụng thờ. Hoàng triều trùng tu chùa quán, bia đá hiện vẫn còn.)*

Chim hạc năm nào đã bay đi xa rồi,
Đi chơi sang phương Nam, ngôi quán cũ rêu xanh phủ kín.

Thôn hoa thấp thoáng dung nhan như vẫn còn đây,
Di tích luyện đá, bóng chiều chiếu đỏ rực.

**Dịch thơ:**

*Cánh hạc theo mây cõi tịch liêu,*
*Sang Nam quán cũ đã xanh rêu.*
*Hoa thôn thấp thoáng dung nhan đó,*
*Đá luyện còn đây, rực nắng chiều.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Quán hiện ở phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

## 56. 詠銅古壇

蓮花八葉夢初醒
何處山神自顯靈
他年陳叟移神器
遙望盟壇草色青

**Phiên âm:**

*VỊNH ĐỒNG CỔ ĐÀN*

*Liên hoa bát diệp mộng sơ tỉnh,*
*Hà xứ sơn thần tự hiển linh.*
*Tha niên Trần Cảnh[1] di thần khí,*
*Dao vọng minh đàn thảo sắc thanh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH ĐÀN ĐỒNG CỔ

(Tiểu dẫn: *Đàn tại phường Yên Thái, huyện Vĩnh Thuận; trước bờ sông Tô Lịch. Thời vua Lý Thái Tông, ba vị tướng Đông Chinh, Dực Thánh, Vũ Đức định làm loạn. Đêm nhà vua mơ thấy một người uy nghi lẫm liệt, nói với nhà vua rằng: "Kinh thành có biến, phải mau mau trừ bỏ, nếu không sẽ mất ngôi." Nhà vua hỏi họ tên, người ấy trả lời: "Ta là thần núi Đồng Cổ ở Thanh Hoa." Nói xong thì biến mất. Nhà vua tỉnh dậy, ngay đêm đó sai Lê Phụng Hiểu đem binh vây chặt Kinh thành, bắt bọn làm phản. Vũ Đức quỳ móp dưới chân ngựa; còn Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đều xin hàng. Nhà vua hạ lệnh tha tội cho. Nhớ ơn sơn thần, nhà vua sai quân đến vùng đó xây đền miếu, quanh năm thờ phụng. Lại sai xây đàn bằng gạch ở phía nam giáp thôn Đông, gọi là đàn Đồng Cổ. Vào ngày mùng 4 đầu xuân hằng năm làm lễ tam sinh đặt ở trước đàn, nhà vua và trăm quan đến trước đàn tế lễ. Lễ xong, đọc lời thề rằng: "Làm tôi mà bất trung, làm con mà bất hiếu thì thần minh lập tức tru diệt." Trăm quan đều bôi máu vào lời minh thệ mà thề. Hằng năm đều làm như thế.)*

Giấc mộng tám cánh hoa sen chợt tỉnh ra,(2)
Sơn thần hiển linh tự nơi nào vậy.
Năm đó Trần Cảnh thay ngôi vị,
Xa nhìn đàn thề thấy một màu cỏ xanh rì.

**Dịch thơ:**

*Hoa sen tám cánh mộng tàn canh,*
*Đâu chốn sơn thần tới hiển linh.*
*Năm nao Trần Cảnh thay ngôi báu,*
*Xa ngóng đàn thề sắc cỏ xanh.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Nguyên bản *Hà thành thi sao* câu thứ 3 trong bài thơ chép hai chữ "Trần Hoảng" là lầm về tự dạng, thực ra đây là Trần Cảnh, tức là Trần Thái Tông, lên làm vua thay nhà Lý từ năm 1225.

2. Tám cánh sen: Tượng trưng 8 đời vua nhà Lý, không kể Lý Chiêu Hoàng.

# 昇龍三十詠
# THĂNG LONG TAM THẬP VỊNH[1]

## 57. 城旗掛旭

城上風雲靜入陲
平明仙杖蔟春旗
扶桑氣接蛟龍上
閶圖天開北斗垂
濃嶺香煙孚劍佩
端門柳色拂旌旗
周家想到時巡日
指顧仙山畫翠眉

**Phiên âm:**

*THÀNH KỲ QUẢI HÚC*

*Thành thượng phong vân tĩnh nhập thùy,*
*Bình minh tiên trượng thốc xuân kỳ.*
*Phù tang khí tiếp giao long thượng,*
*Xương hạp thiên khai Bắc Đẩu thùy.*
*Nùng lĩnh hương yên phu kiếm bội,*
*Đoan Môn liễu sắc phất tinh kỳ.*

*Chu gia tưởng đáo thời tuần nhật,*
*Chỉ cố tiên sơn họa thúy mi.*

**Dịch nghĩa:**

CỜ THÀNH TREO TRONG NẮNG SỚM

(Nguyên dẫn: *Thành Thăng Long, trước là thành Đại La, cung khuyết và thành trì do nhà Lý xây dựng. Hoàng triều (triều Lê) có tu bổ thêm, xây năm cửa, trước sân có dựng một kỳ đài, trên đài cắm một lá cờ to làm quân hiệu; mặt trời chiếu vào hồng tâm, ánh sáng lấp lánh thật đẹp.)*

Trên thành gió mây yên tĩnh như ở chốn biên thùy,
Lúc sáng sớm chống cây gậy tiên đi cắm những khóm cờ xuân.
Khí phù tang[2] ở phương đông tiếp xúc với loài giao long,
Cửa trời mở ra cả bầu trời sao Bắc Đẩu rớt xuống.
Hương khói núi Nùng khiến mọi người tin vào thanh kiếm đeo bên mình,
Hàng liễu cửa Đoan Môn[3] làm lay động những lá cờ.
Nhớ đến buổi tuần thú như ở thời nhà Chu,
Chỉ nhìn lên ngọn núi tiên mà vẽ cặp lông mày xanh biếc.

*Chú thích:*

1. *Thăng Long tam thập vịnh* là ba mươi bài thơ vịnh Thăng Long - Tác giả khuyết danh. Sách ký hiệu A. 2501, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Những chú thích trong tập thơ này, chúng tôi lấy ở phần *Thăng Long tam thập vịnh* trong sách *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ*; ký hiệu VHv.2471.

2. Phù tang: Chỉ một loài cây thần. Theo truyền thuyết, là nơi mặt trời mọc ở phương đông.

3. Cửa Đoan Môn: Tên cửa chính thành Thăng Long, nơi các quan vào triều bái nhà vua. Nay ở phố Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội.

## 58. 樓鼓傳更

傘山含日暮煙浮
龜鼓聲聲上戍樓
萬理雷恩風雨夜
九霄霜散月星秋
邊關久思傳軍檄
漁火教從傍客舟
誰會太平周宰念
此時歷歷聽更籌

**Phiên âm:**

*LÂU CỔ TRUYỀN CANH*

*Tản Sơn hàm nhật mộ yên phù,*
*Quy cổ thanh thanh thướng thú lâu.*
*Vạn lý lôi ân phong vũ dạ,*
*Cửu tiêu sương tán nguyệt tinh thu.*
*Biên quan cửu tứ truyền quân hịch,*
*Ngư hỏa giao tòng bạng khách chu.*
*Thùy hội thái bình Chu tể niệm,*
*Thử thời lịch lịch thính canh trù.*

**Dịch nghĩa:**

TRỐNG LẦU BÁO SANG CANH

Núi Tản ngậm lấy mặt trời, khói chiều bốc lên,
Trống cầm canh, từng lúc vang lên trên lầu canh.
Như tiếng sấm vang rền, nơi vạn dặm trong đêm mưa gió,

Sương tan, bầu trời cao vằng vặc ánh trăng sao mùa thu.
Cửa ải nơi biên cương, từ lâu truyền đi hịch quân,
Nhà chài cũng lên đèn theo những thuyền khách bên cạnh.
Ai biết được suy nghĩ của tể tướng nhà Chu lúc thái bình,
Lúc này nghe rõ mồn một tiếng trống điểm canh.

## 59. 五門覲日

濃山宮外倚端門
思望寰中地勢尊
今榜晴通闔園氣
珠欄光達紫微垣
樓臺日近龍蛇動
城闕春深草樹喧
遙憶去秋欽試命
雲遍翰羽尚翻翻

**Phiên âm:**

*NGŨ MÔN CẬN NHẬT*

*Nùng sơn cung ngoại ỷ Đoan Môn,*
*Tứ vọng hoàn trung địa thế tôn.*
*Kim bảng tình thông xương hạp khí,*
*Chu lan quang đạt Tử Vi viên.*
*Lâu đài nhật cận long xà động,*
*Thành khuyết xuân thâm thảo thụ huyên.*
*Dao ức khử thu khâm thí mệnh,*
*Vân biên hàn vũ thượng phiên phiên.*

**Dịch nghĩa:**

NGÀY TRIỀU KIẾN Ở CỬA ĐOAN MÔN

Nùng sơn dựa cửa Đoan Môn ở ngoài cung khuyết,
Nhìn bốn phía đất trời địa thế nơi đây cao hơn cả.
Bảng vàng nắng chan hòa, thông với khí trời,
Lan can đỏ ánh sáng chiếu cả tới bức tường quanh cung vua.
Lâu đài cao sát mặt trời, bóng long xà lay động,
Thành khuyết vào lúc cuối xuân, cây cỏ ấm áp.
Nhớ đến mùa thu năm ngoái vâng chiếu mệnh,
Bên trời ngọn bút vẫn còn phấp phới bay.

## 60. 一柱棲霞

湖中寺傍闉城西
奄曖明霞曉暮棲
吐矧雲間含佛日
臥虹波上帶天霓
昇龍旺氣山河在
騎鶴遺縱草樹迷
餐宿往尋雲外路
欲從人境步丹梯

**Phiên âm:**

*NHẤT TRỤ THÊ HÀ*

*Hồ trung tự bạng khổn thành tê (tây),*
*Yêm ái minh hà hiểu mộ lâu.*
*Thổ thẩn vân gian hàm Phật nhật,*
*Ngọa hồng ba thượng đái thiên nghê.*
*Thăng Long vượng khí sơn hà tại,*
*Kỵ hạc di tung thảo thụ mê.*
*Xan túc vãng tầm vân ngoại lộ,*
*Khước tòng nhân cảnh bộ đan thê.*

**Dịch nghĩa:**

RÁNG MÂY VƯƠNG CHÙA MỘT CỘT

Ngôi chùa nằm giữa hồ ở mé tây thành,
Long lanh ráng vương trên lầu cả sáng lẫn chiều.
Khí nhả trong mây ôm lấy mặt trời Phật,
Cầu vồng nằm trên sóng đeo vào cả mống trời.
Vượng khí Thăng Long còn mãi cùng sông núi,
Dấu vết cưỡi hạc đã bị cỏ cây làm mờ đi.
Nơi ăn chốn ngủ xưa, tìm ở con đường ngoài mây,
Há lại theo cõi người bước lên bậc thang đỏ.

## 61. 看山曙色

一座青山鎮北關
曉看雲女插仙寰
半腰草帶西湖綠
絶頂雲連翠嶺寒
幾處人家明洞口
數聲雞犬出花間
韶光興盡龍城勝
又上山顛看萬山

**Phiên âm:**

*KHÁN SƠN THỰ SẮC*

*Nhất tọa thanh sơn trấn bắc quan,*
*Hiểu khan vân nữ tháp tiên hoàn.*
*Bán yêu thảo đái Tây Hồ lục,*
*Tuyệt đỉnh vân liên thúy lĩnh hàn.*
*Kỷ xứ nhân gia minh động khẩu,*
*Sổ thanh kê khuyển xuất hoa gian.*
*Thiều quang hứng tận Long Thành thắng,*
*Hựu thướng sơn điên khán vạn sơn.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG SỚM NÚI KHÁN SƠN

Một tòa núi xanh trấn giữ cửa phía bắc,
Buổi sớm ngắm nhìn các cô gái từ trên mây bước vào cõi tiên.
Ngang lưng thắt đai cỏ màu xanh như nước hồ Tây,
Trên cao tít mây ôm quanh làm lạnh cả núi biếc.
Đây đó có những gian nhà làm sáng nơi cửa hang,
Tiếng gà kêu chó sủa vọng ra từ mấy khóm hoa.
Ánh nắng buổi sáng, làm cảm hứng về Long Thành dâng lên tột cùng,
Lại bước lên đỉnh núi ngắm nhìn vạn ngọn núi.

## 62. 珥水晴流

玉珥縈紆帶鳳城
煙波蕩漾蘸天晴
江深際別瀘洮派
日色光含傘島青
五望樓船如畫益
菩提春掉逐流鶯
不辭涓滴寰中水
共泛桃花赴大溟

**Phiên âm:**

*NHĨ THỦY TÌNH LƯU*

*Ngọc Nhĩ oanh vu đái Phượng thành,*
*Yên ba đãng dạng trám thiên tình.*
*Giang thâm tế biệt Lô Thao phái,*
*Nhật sắc quang hàm Tản Đảo thanh.*
*Ngũ Vọng lâu thuyền như họa ích,*
*Bồ Đề xuân trạo trục lưu oanh.*
*Bất từ quyên trích hoàn trung thủy,*
*Cộng phiếm đào hoa phó đại minh.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG TRẢI TRÊN SÔNG NHĨ HÀ

(Nguyên chú: *Sông Lô và sông Thao hợp chảy thành sông Phú Lương, ôm lấy kinh thành Thăng Long lấy tên là sông Nhĩ Hà. Sông rộng mênh mông nghìn khoảnh, chảy xuôi về nam; trên từ các phường Tây Hồ, Nhật Chiêu; xuống đến Thúy Ái, bãi Tự Nhiên. Thuyền bè san sát, buôn bán sầm uất, là nơi đệ nhất đô hội ở Việt Nam.)*

Sông Ngọc Nhĩ[1] chảy vòng vèo ôm lấy Phượng thành,
Sóng khói gợn lăn tăn nhúng vào nắng trời.
Sông sâu khác hẳn với dòng sông Lô sông Thao,
Ánh sáng mặt trời ngậm lấy núi xanh Tản Viên, Tam Đảo.
Thuyền lầu Ngũ Vọng đẹp như con chim ích vẽ,
Bến Bồ Đề tiếng mái chèo gấp gáp như chim oanh hót mùa xuân.
Không chối từ từng giọt nước trong trời đất,
Cùng hòa vào suối đào hoa chảy ra biển lớn.

*Chú thích:*

1. Ngọc Nhĩ: Nhĩ có nghĩa là vòng đeo tai bằng ngọc, do đó cũng gọi Ngọc Nhĩ. Thơ Phạm Sư Mạnh đời Trần đã dùng Ngọc Nhĩ để chỉ sông Nhĩ Hà.

## 63. 西湖浣絲

大羅城外金牛池
清水磯頭浣安絲
錦軸雲披春色外
杵聲風送日斜時
煙深竹徑喧相語
月上蓮花去每遲
澡白自矜還自惜
意中商量作誰衣

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ CÁN TY*

*Đại La thành ngoại Kim Ngưu trì,*
*Thanh thủy cơ đầu cán nữ ty.*
*Cẩm trục vân phi xuân sắc ngoại,*
*Chử thanh phong tống nhật tà thì.*
*Yên thâm trúc kính huyên tương ngữ,*
*Nguyệt thượng liên hoa khứ mỗi trì.*
*Tháo bạch tự căng hoàn tự tích*
*Ý trung thương lượng tác thùy y.*

**Dịch nghĩa:**

GIẶT TƠ BÊN HỒ TÂY

(Nguyên chú: *Hồ Tây tên một hồ phía tây bắc thành Thăng Long, rộng hơn nghìn mẫu, nước trong xanh, quanh hồ có dân cư sinh sống. Triều Lê - Trịnh là nơi thắng cảnh, cho thả sen. Chúa thường đến vui chơi, sai cung nhân bơi thuyền hái sen làm vui. Quanh hồ có phường Yên Thái, Nghĩa Đô, dân sống bằng nghề dệt lụa; còn các phường Thụy Chương, Võng Thị làm nghề nấu rượu. Cảnh trí ở đây thật như tranh vẽ.)*

Bên ngoài thành Đại La có hồ Kim Ngưu,
Nước trong vắt, những cô gái giặt tơ lụa trên các tảng đá.
Mây như cuộn gấm, trùm ra bên ngoài sắc xuân,
Tiếng chày đập tơ theo gió bay xa vào lúc chiều tà.
Đường trúc khói tỏa, vang tiếng cười nói huyên náo,
Hoa sen nở lúc trăng lên, thời gian trôi chậm chạp.
Giặt lụa trắng, vừa thương mình lại vừa tiếc,
Trong lòng băn khoăn lụa này không biết may áo cho ai?

## 64. 東橋弄笛

銅龍細滴夜迢迢
玉笛誰家響石橋
折柳風吹江月白
落梅霜散市塵囂
戍樓和角相和切
古寺鐘聲共寂寥
夜有長干閨理客
不堪愁聽夢魂驚

**Phiên âm:**

*ĐÔNG KIỀU LỘNG ĐỊCH*

*Đồng long tế trích dạ thiêu thiêu,*
*Ngọc địch thùy gia hưởng thạch kiều.*
*Triết liễu phong xuy giang nguyệt bạch,*
*Lạc mai sương tán thị trần hiêu.*
*Thú lâu họa giốc tương hòa thiết,*
*Cổ tự chung thanh cộng tịch liêu.*
*Dạ hữu trường can khuê lý khách,*
*Bất kham sầu thính mộng hồn kinh.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG SÁO VẲNG Ở CẦU ĐÔNG

(Nguyên chú: *Cầu Đông là tên một chiếc cầu đá ở phường Đông Hà, huyện Thọ Xương. Nguyên sông Tô Lịch chảy vào sông Nhĩ Hà xưa có một chiếc cầu đá, bên cầu có chợ bán thịt cá hoa quả đầy đủ; còn có tên gọi là Hoa Thị (Chợ Hoa). Đây là chợ khá lớn ở cửa đông thành, có nhiều ca nhi thổi sáo gảy đàn, người trong phố thưởng thức suốt ngày.)*

Từng giọt đồng hồ nhỏ xuống, đêm dài dằng dặc,
Bên cầu đá, tiếng sáo nhà ai vẳng tới.
Gió thổi cành liễu gãy, trăng trên sông sáng ngời,
Sương tan hoa mai rụng, cảnh phố phường yên tĩnh, vắng lặng.
Tiếng tù và trên lầu canh vang lên da diết,
Cùng với tiếng chuông chùa cổ vang lên càng thêm tịch liêu.
Lại thêm điệu nhạc xao động người thiếu phụ phòng khuê,
Không sao chịu nổi nỗi buồn, giật mình tỉnh giấc mộng.

## 65. 文亭貯雲

東南城外廣文亭
像闕舟青逼杳冥
寶氣每隨天子詔
祥雲正繞紫微星
絲綸閣下文章靜
龍虎樓前雨露生
萬國旌鮣瞻望處
九重膏澤沛滄溟

**Phiên âm:**

*VĂN ĐÌNH TRỮ VÂN*

*Đông nam thành ngoại Quảng Văn đình,*
*Tượng khuyết đan thanh bức diểu minh.*
*Bảo khí mỗi tùy Thiên tử chiếu,*
*Tường vân chính nhiễu Tử Vi tinh.*
*Ty luân các hạ văn chương tĩnh,*
*Long hổ lâu tiền vũ lộ sinh.*
*Vạn quốc mao nghê chiêm vọng xứ,*
*Cửu trùng cao trạch bái thương minh.*

**Dịch nghĩa:**

MÂY TỤ Ở ĐÌNH QUẢNG VĂN

Ngoài phía đông nam thành có đình Quảng Văn,
Tượng khuyết cùng nét vẽ đẹp dường như đã mờ.
Khí tôn quý khi đi theo tờ chiếu của Thiên tử,
Thì mây lành vây quanh lấy ngôi sao Tử Vi.
Tiếng nói của nhà vua giúp cho mọi người được yên ổn,
Trước cung vua ơn trạch nảy sinh.
Già trẻ khắp nơi được chiêm bái, nhìn ngắm,
Ơn huệ tự Cửu trùng thấm đượm khắp mọi nơi.

## 66. 武觀敲月

幽觀更深靜鼓鐃
聲聲明月裡誰敲
疑同搗杵輕輕下
正見寒光冉冉拋
玄武精收空碧水
春雷陰豁盡晴郊
細聽步卻門前看
花底孤僧對鳥嘲

**Phiên âm:**

*VŨ QUÁN XAO NGUYỆT*

*U quán canh thâm tĩnh cổ nao,*
*Thanh thanh minh nguyệt lý thùy xao.*
*Nghi đồng đảo chử khinh khinh hạ,*
*Chính kiến hàn quang nhiễm nhiễm phao.*
*Huyền Vũ tinh thu không bích thủy,*
*Xuân lôi âm hoát tận tình giao.*
*Tế thinh bộ khước môn tiền khán,*
*Hoa để cô tăng đối điểu trào.*

**Dịch nghĩa:**

BÓNG TRĂNG LAY ĐỘNG QUÁN TRẤN VŨ

Ngôi quán vắng, canh khuya tĩnh mịch có tiếng trống vang lên,
Dưới ánh trăng vằng vặc không biết ai gõ.
Ngỡ như tiếng chày nhè nhẹ giã,
Thật thấy vầng trăng lạnh từ từ trôi đi.
Tinh túy sao Huyền Vũ thu lại chỉ còn dòng nước biếc,
Tiếng sấm mùa xuân ì ầm lan ra ngoại thành tràn ánh nắng.
Đi đến trước cửa lại nghe thấy nhỏ nhẹ tiếng trống,
Dưới hoa có nhà sư đơn độc đang mỉm cười với chim.

## 67. 梅驛醉翁

城市芻芻世路中
誰人獨作醉鄉翁
青襂換盡春杯綠
白髮從教芻臉紅
爰共烈漁城莫逆
不爭村驛戲龍鐘
有誰欲問生涯處
笑指前村菊數叢

**Phiên âm:**

*MAI DỊCH TÚY ÔNG*

*Thành thị sô sô thế lộ trung,*
*Thùy nhân độc tác túy hương ông.*
*Thanh sam hoán tận xuân bôi lục,*
*Bạch phát tòng giao sô kiểm hồng.*
*Viên cộng liệt ngư thành mạc nghịch,*
*Bất tranh thôn dịch hý long chung.*
*Hữu thùy dục vấn sinh nhai xứ,*
*Tiếu chỉ tiền thôn cúc sổ tùng.*

**Dịch nghĩa:**

ÔNG SAY Ở MAI DỊCH

(Nguyên dẫn: *Mai Dịch ở phía nam Kinh thành, ngoài cửa La Thành. Trước có dịch đình tại phường Hoàng Mai. Tục dân sinh sống bằng nghề bán rượu. Ven đường cái có mộ cổ Trung Hiền, rất linh ứng; các cô gái trong thôn đi bán rượu, thường ngầm đến đây cầu đảo. Lại có giáp Thịnh Liệt, có cầu và chợ. Rượu Hoàng Mai phần nhiều thường được đem bán ở đây.)*

Chốn thành thị mọi người bon chen trên đường đời,
Ai đó một mình lại làm một ông say trong làng.
Mảnh áo xanh đem đổi lấy một chén rượu xuân thật ngon,
Tóc bạc vẫn đi theo các cô gái má hồng.
Thân thiết với cả người đố kỵ mình như nước với lửa,
Chẳng tranh cãi với ai trong thôn, bị trêu là người lẩn thẩn.
Có ai muốn hỏi chỗ sinh nhai của ông,
Cười chỉ vào mấy khóm hoa cúc ở đầu thôn.

## 68. 槐街歌女

名城無處不繁華
最是槐街兢綺羅
柳拂風光誇國色
鶯啼日永發聲歌
桃花笑動城頭月
紫燕春翻珥水波
愼勿學調諶上曲
恐資國路失醇和

**Phiên âm:**

*HÒE NHAI CA NỮ*

*Danh thành vô xứ bất phồn hoa,*
*Tối thị Hòe Nhai cạnh ỷ la.*
*Liễu phất phong quang khoa quốc sắc,*
*Oanh đề nhật vĩnh phát thanh ca.*
*Đào hoa tiếu động thành đầu nguyệt,*
*Tử yến xuân phiên Nhĩ thủy ba.*
*Thận vật học điều kham thượng khúc,*
*Khủng tư quốc lộ thất thuần hòa.*

**Dịch nghĩa:**

CA NỮ PHỐ HÒE NHAI[1]

(Nguyên dẫn: *Hòe Nhai trước gần sông Nhĩ Hà, trên tiếp liền với phường Thạch Khối; dưới nối với Đồng Xuân. Tuy ở trong thành, nhưng dân cư thưa thớt, có ngôi chùa cổ u nhàn. Xưa nơi đây có một người phụ nữ, tên là ả Bá rất giỏi ca khúc.)*

Kinh thành nổi tiếng chỗ nào cũng là nơi phồn hoa,
Nhất là ở phố Hòe Nhai đua nhau là lượt.
Những cô gái thướt tha như liễu trong nắng, khoe mình là bậc quốc sắc.
Cất lên tiếng hát lúc cuối ngày như tiếng chim oanh.
Các cô gái như những bông hoa đào cười, lay động cả bóng trăng trên thành,
Như những con chim én tía mùa xuân chao lượn trên sóng nước sông Nhĩ Hà.
Cẩn thận chớ có học theo những làn điệu thời thượng,
E rằng con đường đi của đất nước sẽ mất đi sự thuần túy, hài hòa.

*Chú thích:*

1. Hòe Nhai: Là tên một đoạn phố cổ ngắn, từ vườn hoa Hàng Đậu rẽ ngang, đầu phố hiện có bệnh viện lấy tên là Hòe Nhai.

## 69. 劍湖射斗

天書復國紀平吳
太祖威靈落劍湖
寶氣不埋龍自躍
星河無夜月常孤
風塵久已通王會
星彩猶然照帝都
安得一官移近邑
願開神窟出雙鉤

**Phiên âm:**

*KIẾM HỒ XẠ ĐẨU*

*Thiên thư phục quốc kỷ bình Ngô,*
*Thái Tổ uy linh lạc kiếm hồ.*
*Bảo khí bất mai long tự dược,*
*Tinh hà vô dạ nguyệt thường cô.*
*Phong trần cửu dĩ thông vương hội,*
*Tinh thái do nhiên chiếu đế đô.*
*An đắc nhất quan di cận ấp,*
*Nguyện khai thần quật xuất song câu.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ GƯƠM ÁNH LÊN TẬN SAO BẮC ĐẨU

(Nguyên dẫn: *Hồ Gươm còn gọi là hồ Hoàn Kiếm (hồ trả gươm), rộng chừng trăm mẫu. Hồ này gắn với truyền thuyết trả gươm của vua Lê Thái Tổ. Trong hồ có đền Ngọc Sơn thờ Văn Xương Đế Quân và Trần Hưng Đạo.)*

Sách trời ghi việc bình Ngô khôi phục đất nước,
Uy linh của vua Thái Tổ theo gươm rơi xuống hồ.
Gươm báu không bị chôn vùi mà như con rồng vẫn bay lượn,
Dải Ngân Hà lấp lánh suốt đêm khiến vầng trăng bị lẻ loi.
Gió bụi chiến tranh từ lâu đã tan biến khỏi đất nước,
Ánh sao rực rỡ vẫn chiếu sáng nơi đế đô.
Sao có được một vị quan chuyển đến gần thành ấp,
Nguyện mở hang thần để vẽ theo lối song câu.(1)

*Chú thích:*

1. Song câu: Lối vẽ phác thảo ở đời Tống. Cả câu ý nói vẽ phác cảnh đẹp hồ Gươm.

## 70. 缽場籠煙

猶坐河樓望缽場
江頭笑指白雲鄉
青天不雨虹何見
斷岸如山瀑卻長
秋水遠帆疑范蠡
陽臺曉夢想襄王
遙知散入滄茫去
他日歸霖洒八荒

**Phiên âm:**

*BÁT TRÀNG LUNG YÊN*

*Độc tọa hà lâu vọng Bát Tràng,*
*Giang đầu tiếu chỉ bạch vân hương.*
*Thanh thiên bất vũ hồng hà hiện,*
*Đoạn ngạn như sơn bộc khước trường.*
*Thu thủy viễn phàm nghi Phạm Lãi,*
*Dương Đài hiểu mộng tưởng Tương Vương.*
*Dao tri tán nhập thương mang khứ,*
*Tha nhật quy lâm sái bát hoang.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓI TỎA TRÊN LÀNG BÁT TRÀNG[1]

(Nguyên dẫn: *Bát Tràng là tên xã ở ngay bên bờ tả sông Nhĩ Hà. Xưa tên là phường Bạch Thổ, làm nghề nung gốm sứ, cách Thăng Long khoảng mươi dặm, thuyền bè đi lại buôn bán tấp nập.)*

Một mình ngồi trên lầu bên bờ sông, nhìn sang làng Bát Tràng,
Mé đầu sông mỉm cười, chỉ sang ngôi làng có mây trắng bay.

Bầu trời trong xanh không mưa, sao lại có cầu vồng xuất hiện,
Bờ sông nhìn như bị cắt rời bởi núi, giữa là một thác nước dài.
Sông nước mùa thu, cánh buồm xa xa cứ ngỡ chốn ở ẩn của Phạm Lãi,(2)
Giấc mộng Dương Đài buổi sớm tỉnh lại nhớ đến vua Sở Tương Vương.(3)
Cứ tưởng mình đi vào cõi sóng nước mênh mông,
Ngày khác trở về trong mưa làm ướt cả tám cõi.

*Chú thích:*

1. Bát Tràng: Tên một làng cổ làm đồ gốm sứ bên bờ sông Hồng, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

2. Phạm Lãi: Tự là Thiếu Bá, người đất Uyển nước Sở thời Xuân Thu, làm quan nước Việt đến chức Đại phu, phù tá vua Việt Vương Câu Tiễn. Sau từ quan đi ở ẩn để trách vua Việt Vương khi thành công thì không chung hưởng phú quý được nữa.

3. Sở Vương Tông: Tên ông vua nước Sở thời Xuân Thu. Câu này gắn với chuyện Vương mộng thấy cô gái ở Dương Đài nói: "Thiếp ở núi Vu Sơn, sớm làm mây, chiều làm mưa muốn ái ân cùng chàng." Sau này "Giấc mộng Dương Đài" hay "Giấc mộng mây mưa" là nói về chuyện ân ái của trai gái.

## 71. 網市花田

路入桃源幾里賒
湖邊深處兩三家
生香不斷交平墅
喜色憑誰問某花
遊子昔年謀別業
居人遐客館湖麻
邇來一別溪頭去
遙恐雲深失故涯

**Phiên âm:**

*VÕNG THỊ HOA ĐIỀN*

*Lộ nhập Đào nguyên kỷ lý xa,*
*Hồ biên thâm xứ lưỡng tam gia.*
*Sinh hương bất đoạn giao bình dã,*
*Hỷ sắc bằng thùy vấn mỗ hoa.*
*Du tử tích niên mưu biệt nghiệp,*
*Cư nhân hà khách quán hồ ma.*
*Nhĩ lai nhất biệt khê đầu khứ,*
*Dao khủng vân thâm thất cố nhai.*

**Dịch nghĩa:**

RUỘNG HOA LÀNG VÕNG THỊ

(Nguyên dẫn: *Hoa điền (ruộng hoa) ở trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận, dân lấy nghề trồng hoa làm kế sinh nhai. Tiếp liền với Võng Thị có khu đất rộng chừng tám, chín mẫu, tất cả đều trồng hoa, gọi là chùa Bát Mẫu. Tục truyền có người phụ nữ tu tạo nên ngôi chùa này, bên trong có phối thờ người phụ nữ tên là Bát Mẫu nên gọi tên chùa là Bát Mẫu; ở đây lại gần sông Tô Lịch...)*

Đường vào nguồn đào còn mấy dặm xa,
Vào sâu bên hồ có mấy túp nhà.
Nơi cánh đồng bằng phẳng, suốt ngày tỏa mùi hoa thơm lạ,
Lòng vui nhưng không có ai để hỏi là hoa gì?
Kẻ du tử năm ngoái mưu định tìm một nghề khác,
Kẻ ở đây cũng là người phương xa tới, làm nhà ở ven hồ, trồng tơ gai.
Gần đây, khi từ biệt suối khe ra đi,
Lại sợ rằng, ở nơi mây trời sẽ làm mất kế sinh nhai cũ.

## 72. 羅城竹塢

百戰江山絶鼓笳
城邊條竹障長河
經營故壘空都護
割據遺編認尉陀
方面正今南北極
此君不老雪霜柯
祠人欲擬賡其粵
爲借清風上綺羅

**Phiên âm:**

*LA THÀNH TRÚC Ổ*

*Bách chiến giang sơn tuyệt cổ già,*
*Thành biên điệu trúc chướng trường hà.*
*Kinh doanh cố lũy không Đô hộ,*
*Cát cứ di biên nhận Úy Đà.*
*Phương diện chính kim nam bắc cực,*
*Thử quân bất lão tuyết sương kha.*
*Từ nhân dục nghĩ canh kỳ Việt,*
*Vi tá thanh phong thượng ỷ la.*

**Dịch nghĩa:**

RẶNG TRE THÀNH ĐẠI LA

(Nguyên dẫn: *Thành Đại La sau là thành Thăng Long do Cao Biền thời Đường xây dựng; chu vi dài 982 trượng 5 thước, cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước. Vua Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời đô về đây, các triều đại cũng đều như thế. Cuối thời Lê vẫn trồng rào tre 4 mặt thành, phía nam từ*

*Vạn Yên đến Đồng Vọng, phía tây từ Đồng Vọng đến quá Yên Lãng, Yên Quyết đến Thụy Chương, giáp với Yên Hòa.)*

Non sông trải qua nhiều phen chinh chiến nay đã dứt tiếng trống trận,
Bên thành cắm những cành tre ngăn dòng sông dài.
Lũy cũ được xây luống nghĩ tới ngài Đô hộ,(1)
Dấu tích cát cứ nhận ra sự việc ngài Úy Đà(2)
Nhìn từ đây chính là chỗ chia ra cực nam bắc,
Đây là những cành cây không sợ tuyết sương
Người vào đền, đều muốn nghĩ rằng Úy Đà có ý kéo dài nước Việt,
Thế là mượn gió mát thêm vào cho lụa là.

*Chú thích:*

1. Đô hộ: Chỉ Cao Biền giữ chức quan An Nam Đô hộ phủ, là người cho đắp thành Đại La.

2. Úy Đà: Tức Triệu Đà, lập ra nhà Triệu ở nước ta, từ năm 207 trước CN đến năm 111 trước CN.

## 73. 鎮國歸僧

湖邊靜剎枕清澄
何老歸來一老僧
水傍行吟移落日
叢花穿過佛青藤
留連月竹看孤影
邂逅雲鷗認故朋
回看市城煩惱障
大天世界獨超升

**Phiên âm:**

*TRẤN QUỐC QUY TĂNG*

*Hồ biên tĩnh sái chẩm thanh trừng,*
*Hà lão quy lai nhất lão tăng.*
*Thủy bạng hành ngâm di lạc nhật,*
*Tùng hoa xuyên quá phất thanh đằng.*
*Lưu liên nguyệt trúc khan cô ảnh,*
*Giải cấu vân âu nhận cố bằng.*
*Hồi khán thị thành phiền não chướng,*
*Đại thiên thế giới độc siêu thăng.*

**Dịch nghĩa:**

NHÀ SƯ TRỞ VỀ CHÙA TRẤN QUỐC[1]

(Nguyên dẫn: *Trấn Quốc là tên một ngôi chùa ở ngay ven hồ Tây, phường Yên Phụ, huyện Vĩnh Thuận, quy mô tráng lệ. Sau chùa có các tháp Tu Ma, Trạo Quang, Tín Tân, Chân Thực, Viên Quang, Hiển Hiện; cảnh trí u nhã, gần đấy là quán Trấn Vũ - một nơi đệ nhất danh lam của Thăng Long.)*

Ngôi chùa ở bên hồ gối lên làn nước trong veo,
Ông già nào trở về, hóa ra là một lão tăng.
Buổi chiều tà bên hồ vừa đi vừa ngâm thơ,
Đi xuyên qua những khóm hoa, phải gạt bỏ những dây leo xanh.
Nhìn thấy bóng nhà sư lẻ loi cạnh khóm trúc lưu niên dưới trăng,
Gặp gỡ những con chim âu, nhận ra đó là bạn cũ.
Quay đầu nhìn chốn thị thành, đầy những phiền não chướng ngại,
Trong khắp đại thiên thế giới, riêng mình được giải thoát siêu thăng.

*Chú thích:*

1. Chùa Trấn Quốc: Nay ở trên đường Thanh Niên, quận Tây Hồ, Hà Nội.

## 74. 監門課士

黎衰學舍半蔬園
禮樂聲名此獨存
圣代一新周泮水
儒林共樂漢橋門
吾交文憲中州貴
洪武遺徽萬古尊
歸報賢關多士秀
笙鎔黼黻我王言

**Phiên âm:**

*GIÁM MÔN KHÓA SĨ*

*Lê suy học xá bán sơ viên,*
*Lễ nhạc thanh danh thử độc tồn.*
*Thánh đại nhất tân Chu Phán thủy,*
*Nho lâm cộng lạc Hán Kiều môn.*
*Ngô giao văn hiến trung châu quý,*
*Hồng Vũ di huy vạn cổ tôn.*
*Quy báo hiền quan đa sĩ tú,*
*Sênh dung phủ phất ngã vương ngôn.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓA SINH TRƯỜNG GIÁM

(Nguyên dẫn: *Trường Giám tức Quốc Tử Giám, ở phía tây nam Kinh thành; xưa là nơi dạy học cho hoàng tử và con cái các quan, được coi là trường đại học đầu tiên ở nước ta. Đến thời Nguyễn, đặt quan Đốc học và Trợ giáo; các*

*ngày sóc, vọng hằng tháng có tổ chức khóa tập sĩ tử, hai tháng trọng xuân, trọng thu, sĩ tử về đây học tập, bình thơ, bình văn. Nay đã thành quy chế cũ.)*

Nhà Lê suy, khu nhà học một nửa đã thành vườn rau xanh,
Riêng nơi đây lễ nhạc, thanh danh vẫn còn giữ được như cũ.
Đời vua thánh một phen đổi mới nhà Phán thủy thời Chu,(1)
Lòng nho sĩ cùng vui với Kiều môn nhà Hán.(2)
Xứ ta là nơi có tiếng trong những nước văn hiến,
Ánh sáng từ thời Hồng Vũ để lại vẫn muôn thuở được tôn vinh.(3)
Nhiều kẻ sĩ ưu tú về báo ở cửa đón người hiền,
Tấu trống chuông, thêu hoa văn trên lễ phục, ca ngợi vua ta.

*Chú thích:*

1. Nhà dạy học của Khổng Tử trên bờ sông Phán thời Chu.
2. Kiều môn: Cửa trên cầu để sĩ tử qua thi thời Hán.
3. Hồng Vũ: Niên hiệu đời vua Minh Thái Tổ (1368 - 1398).

## 75. 株林雨後

寂寂禪關冷不禁
雨餘山色益蕭森
落花不掃空庭寖
修徑無人宿草深
虛閣日閑僧對鳥
平湖水沒竹成林
炎涼迎送人寰外
來往隨緣印佛心

**Phiên âm:**

*CHÂU LÂM VŨ HẬU*

*Tịch tịch thiền quan lãnh bất câm,*
*Vũ dư sơn sắc ích tiêu sâm.*
*Lạc hoa bất tảo không đình tẩm,*
*Tu kính vô nhân túc thảo thâm.*
*Hư các nhật nhàn tăng đối điểu,*
*Bình hồ thủy một trúc thành lâm.*
*Viêm lương nghênh tống nhân hoàn ngoại*
*Lai vãng tùy duyên ấn Phật tâm.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA CHÂU LÂM SAU CƠN MƯA

(Nguyên dẫn: *Chùa Châu Lâm ở phường Thụy Chương, gọi là chùa Bà Đanh. Nghe nói: "Bà Đanh là công chúa thời Lý, vốn là người xây ngôi chùa này, nay vẫn còn pho tượng đắp ngồi ở gian bên trong chùa. Lúc đầu chùa bé nhỏ; vào năm Kỷ Tỵ nhà sư ở phường Trích Sài là Nguyễn Hữu Nho, đạo hiệu là Huyền Sĩ trụ trì ở đây mới hưng công tu tạo, hiện còn bia đá."*

*Xét thấy: Sau chùa là Hồ Tây, giữa hồ có gò đất tên là Phượng Chủy (Mỏ phượng), có ngôi chùa tên là Nhất Đài, phía trước gần sông Tô Lịch.)*

Cảnh chùa tịch mịch rất là lạnh lẽo,
Sau cơn mưa, cảnh sắc núi non càng tăng thêm vẻ quạnh hiu.
Hoa rụng không quét, khoảnh sân vắng rất trơn,
Con đường tắt không có người đi, cỏ mọc um tùm.
Tầng gác vắng vẻ ngày nhàn, chỉ có nhà sư và chim chóc,
Mặt hồ phẳng lặng, nước mênh mông, trúc mọc thành rừng.
Nóng lạnh đón đưa, như người ngoài cõi tục,
Qua lại tùy duyên chứng Phật tâm cho nhà sư.

## 76. 傘嶺雲間

何處催嵬峙白雲
城西遙眺日斜曛
三峰青外天疑盡
五鎮蟠中地未分
軫翼元精浮秀氣
仙靈變態遞奇文
何當披錫山頭坐
一覽寰區海上蚊

**Phiên âm:**

*TẢN LĨNH VÂN GIAN*

*Hà xứ thôi ngôi trĩ bạch vân,*
*Tây thành dao diểu nhật tà huân.*
*Tam phong thanh ngoại thiên nghi tận,*
*Ngũ trấn bàn trung địa vị phân.*
*Chẩn Dực nguyên tinh phù tú khí,*
*Tiên linh biến thái đệ kỳ văn.*
*Hà đương phi tích sơn đầu tọa,*
*Nhất lãm hoàn khu hải thượng văn.*

**Dịch nghĩa:**

NÚI TẢN LĨNH TRONG MÂY

Nơi nào mà núi non chót vót cao tận mây trắng,
Xa nhìn về phía tây Kinh thành, lúc nắng chiều tà.
Ba đỉnh cao tít ngoài trời xanh, ngỡ trời đến đó là hết,

Năm trấn nối quanh như lúc đất chưa phân chia ranh giới.
Tinh túy sao Dực, sao Chẩn nổi lên thành tú khí,
Thần tiên biến hóa đưa đến vẻ đẹp lạ kỳ.
Bao giờ vác tích trượng ngồi trên đầu ngọn núi,
Nhìn ra khắp vũ trụ, thấy mọi vật chỉ bé tí
như con muỗi trên biển khơi.

## 77. 烈津野渡

野水連漪盛烈津
扁舟晴泛正清旻
運開片掉輕輕放
花寖千村曲曲聲
魚酒船頭邀客醉
兼葭秋色憶高人
一聲滄浪江山溟
回首廛橋日色曛

**Phiên âm:**

*LIỆT TÂN DÃ ĐỘ*

*Dã thủy liên y Thịnh Liệt tân,*
*Biển chu tình phiếm chính thanh mân.*
*Vận khai phiến trạo khinh khinh phóng,*
*Hoa tẩm thiên thôn khúc khúc thanh.*
*Ngư tửu thuyền đầu yêu khách túy,*
*Kiêm hà thu sắc ức cao nhân.*
*Nhất thanh Thương Lãng giang sơn mính,*
*Hồi thủ Triền kiều nhật sắc huân.*

**Dịch nghĩa:**

QUA CÁNH ĐỒNG BẾN ĐÒ LÀNG SÉT

Bến đò làng Sét, ngoài cánh đồng nước gợn sóng lăn tăn,
Chiếc thuyền con trôi dưới bầu trời quang tạnh chan hòa ánh nắng.
Mái chèo mở lối nhẹ nhàng lướt tới.
Hoa cỏ ẩn khuất trong thôn xóm, từng khúc ca cất lên.

Đầu thuyền có cá, rượu mời khách say khướt,
Sắc mùa thu hiện trong lau sậy, khiến người ta nhớ đến bậc cao nhân.
Một câu ca Thương Lang(1) cất lên, cảnh vật mờ mịt,
Quay đầu nhìn lại cầu Rền lúc trời đã hoàng hôn.

*Chú thích:*

1. Thương Lang: Tên khúc hát (Nước sông Thương Lang trong xanh, có thể giặt dải mũ của ta. Nước sông Thương Lang đục có thể rửa chân ta) nói bóng về cách đối nhân xử thế.

## 78. 昭渚漁竿

霪潭清水故吾盧
有客垂竿作釣魚
蟠石對人談太極
獵車望子訪丹書
西湖月色梅花白
鎮國春深竹影疏
可憶江南同郡客
秋風魚店鱠鱸魚

**Phiên âm:**

*CHIÊU CHỬ NGƯ CAN*

*Dâm Đàm thanh thủy cố ngô lư,*
*Hữu khách thùy can tác điếu ngư.*
*Bàn thạch đối nhân đàm Thái Cực,*
*Liệp xa vọng tử phỏng đan thư.*
*Tây Hồ nguyệt sắc mai hoa bạch,*
*Trấn Quốc xuân thâm trúc ảnh sơ.*
*Khả ức Giang Nam đồng quận khách,*
*Thu phong ngư điếm khoái lô ngư.*

**Dịch nghĩa:**

CÂU CÁ Ở BẾN NHẬT CHIÊU

Làn nước Dâm Đàm trong xanh là nhà cũ của ta,
Có người khách buông cần làm người câu cá.
Có người ngồi trên tảng đá, bàn chuyện Thái Cực,(1)

Có người ngồi trên xe, đi tìm bậc thầy để kiếm sách đỏ.(2)
Hồ Tây dưới ánh trăng, hoa mai nở trắng ngần,
Chùa Trấn Quốc dịp cuối xuân, bóng trúc lưa thưa.
Lại nhớ đến người cùng quận ở Giang Nam,
Gió thu về, ở quán cá lại nhớ đến món gỏi cá mè.(3)

*Chú thích:*

1. Câu này nói truyện Lã Vọng tuy ngồi câu cá mà vẫn lo sự đời.

2. Câu này nhắc đến truyện Khương Tử Nha Lã Vọng lúc đầu đi câu ở sông Vị, gặp Chu Văn Vương hai người nói chuyện tương hợp; Văn Vương mời lên xe cùng về, tôn làm Thượng phụ, đi tìm sách đỏ tức sách trời.

3. Trương Hân, người Ngô Quận thời Tấn chán cảnh làm quan, bèn từ quan về quê, sống cuộc đời bình dị, được thưởng thức món ăn quê nhà là rau rút, gỏi cá mè. Sau lấy ý này để chỉ lòng nhớ quê hương.

## 79. 蘇江飲馬

中興海宇清平久
戰馬日閒群飲江
嘶起城風迴灑颯
戲翻水竹引春撞
春郊水草身閒得
天路青雲志未降
何日漢家恢兩廣
霜啼一躍洞庭光

**Phiên âm:**

*TÔ GIANG ẨM MÃ*

*Trung hưng hải vũ thanh bình cửu,*
*Chiến mã nhật nhàn quần ẩm giang.*
*Tê khởi thành phong hồi sái táp,*
*Hý phiên thủy trúc dẫn xuân chàng.*
*Xuân giao thủy thảo thân nhàn đắc,*
*Thiên lộ thanh vân chí vị hàng.*
*Hà nhật Hán gia khôi Lưỡng Quảng,*
*Sương đề nhất dược Động Đình quang.*

**Dịch nghĩa:**

NGỰA UỐNG NƯỚC SÔNG TÔ

Thời Trung hưng, đất nước thanh bình đã lâu,
Ngựa chiến ngày nhàn, cả đàn cùng xuống sông uống nước.
Hý vang tạo nên bức thành gió, làm nước bắn lên tung tóe,

Đùa trong làn nước, làm bụi trúc lay động như níu kéo mùa xuân tới.
Ngoại thành ngày xuân, nơi bãi cỏ mọc ven hồ, thân mình
được nhàn nhã,
Bước lên con đường mây xanh trên trời, chí vẫn chưa nhụt.
Ngày nào nhà Hán khôi phục được Lưỡng Quảng,
Ngựa hý vang trong sương, một lần nhảy làm sáng cả hồ Động Đình.

## 80. 靈洞飯牛

桃林放後牛無數
靈洞城南幾里行
豎子吟聲連扣角
平塘草色帶禪青
春遊日信箕山第
花臥時聞老子經
借問養牛肥有術
空空答道此心靈

**Phiên âm:**

*LINH ĐỘNG PHẠN NGƯU*

*Đào Lâm phóng hậu ngưu vô số,*
*Linh Động thành nam kỷ lý hành.*
*Thụ tử ngậm thanh liên khấu giốc,*
*Bình đường thảo sắc đái thiền thanh.*
*Xuân du nhật tín Cơ Sơn đệ,*
*Hoa ngọa thời văn Lão Tử kinh.*
*Tá vấn dưỡng ngưu phì hữu thuật,*
*Không không đáp đạo thử tâm linh.*

**Dịch nghĩa:**

CHĂN TRÂU Ở LINH ĐỘNG

(Nguyên dẫn: *Linh Động ở ngoài thành phía nam, bên cạnh cầu Phú Mỹ; có một ngôi chùa gọi là chùa Linh Động, ao chuôm ở đấy nước trong vắt, cánh đồng rộng bằng phẳng cỏ mọc tươi tốt, tất cả trâu bò đều được chăn thả ở đó.)*

Vô số trâu sau khi chăn thả ở Đào Lâm,
Lại đến chăn ở Linh Động cách phía nam thành mấy dặm.
Tiếng trẻ hát hòa với tiếng gõ sừng trâu,
Mặt ao phẳng lặng, màu cỏ hòa với màu xanh cửa thiền.
Ngày du xuân mới tin ở núi Cơ Sơn,(1)
Lúc nằm khểnh dưới hoa nghe kinh Lão Tử.(2)
Thử hỏi, muốn nuôi trâu béo có thuật gì không?
Mới lẳng lặng đáp rằng, từ tâm linh này mà thôi!

*Chú thích:*

1. Cơ Sơn: Tại đông nam huyện Đăng Phong, Hà Nam, Trung Quốc. Tương truyền Sào Phủ, Hứa Do thời Nghiêu ở ẩn, còn có tên là Hứa Do sơn.

2. Lão Tử: Nhà đại triết học đời Chu, họ Lý tên Nhĩ, là thủy tổ của Đạo gia, cũng gọi là Lão Đam.

## 81. 河口秋燈

河口繁花北俗仍
家家綺麗兢秋燈
千家人物花棚照
萬國城池月下增
會館笙歌重漏合
一城士女擁遊棚
廣寒堂得還何事
擬上雲梯看阿姮

**Phiên âm:**

*HÀ KHẨU THU ĐĂNG*

*Hà Khẩu phồn hoa Bắc tục nhưng,*
*Gia gia ỷ lệ cạnh thu đăng.*
*Thiên gia nhân vật hoa bằng chiếu,*
*Vạn quốc thành trì nguyệt hạ tăng.*
*Hội quán sênh ca trùng lậu hợp,*
*Nhất thành sĩ nữ ủng du bằng.*
*Quảng Hàn đương đắc hoàn hà sự,*
*Nghĩ thướng vân thê khán ả Hằng.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÈN TRUNG THU Ở PHƯỜNG HÀ KHẨU

(Nguyên dẫn: *Hà Khẩu là tên một phường thuộc huyện Thọ Xương từ phường Thạch Khối đi xuống, cạnh sông Nhĩ Hà hàng phố liên tiếp. Đêm Trung thu cả phố phường treo đèn kéo quân. Duy phường này giáp sông, trông như trên dưới đều treo đèn; ánh sáng phản chiếu nhau sáng lấp lánh, trông rất ngoạn mục.)*

Phường Hà Khẩu phồn hoa y như tục phương Bắc,
Nhà nhà trang hoàng lộng lẫy, đua nhau treo đèn vào tiết Trung thu.
Nhân vật ngàn nhà, rạp hoa chiếu sáng rực,
Thành trì vạn nước, dưới ánh trăng càng tăng vẻ đẹp.
Tiếng sênh ca ở hội quán hòa vang khắp nơi,
Trai gái trong thành xúm xít nơi lầu gác du ngoạn.
Cung Quảng Hàn như đương có chuyện gì xảy ra,
Ngỡ như đang bước thang mây lên ngắm chị Hằng.

## 82. 水屯夜折

千軍舸艦壯雄藩
舉折霄嚴水上屯
漏鼓聲聲隨大帳
霜風折折散寒村
城頭月照三更壯
珥水波流萬里喧
歸報首關知習坎
清風尤要謹重門

**Phiên âm:**

*THỦY ĐỒN DẠ THÁC*

*Thiên quân khả hạm tráng hùng phiên,*
*Cử thác tiêu nghiêm thủy thượng đồn.*
*Lậu cổ thanh thanh tùy đại trướng,*
*Sương phong thác thác tán hàn thôn.*
*Thành đầu nguyệt chiếu tam canh tráng,*
*Nhĩ thủy ba lưu vạn lý huyên.*
*Quy báo thủ quan tri tập khảm,*
*Thanh phong vưu yếu cẩn trùng môn.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG MÕ CẦM CANH Ở ĐỒN THỦY

(Nguyên dẫn: *Đồn Thủy trước ở phía tây, bên cạnh Long cung có đặt thủy trại nơi dự trữ thuyền bè; có một xưởng máy, liền sông lớn là bến đỗ của thuyền bè, trên dưới đậu la liệt, hình thế san sát; ngày đêm không ngớt tiếng mõ cầm canh cảnh báo.*)

Thuyền bè chỗ nghìn quân làm nơi doanh trại hùng tráng,
Tiếng mõ cầm canh ở Đồn Thủy[1] khiến màn đêm càng trang nghiêm.
Tiếng đồng hồ nước nhỏ giọt tí tách nơi đại trướng,
Tiếng mõ cầm canh trong sương gió, truyền lan khắp thôn lạnh lẽo.
Đầu thành ánh trăng soi lúc canh ba càng thêm hùng tráng,
Tiếng sóng xô trên sông Nhị làm vạn dặm huyên náo.
Trở về báo cho người giữ thành biết mà đề phòng mọi nguy hiểm,
Khi sóng gió yên bình, càng phải cẩn thận giữ gìn nơi hiểm yếu.

*Chú thích:*

1. Đồn Thủy: Hiện nay ở gần khu vực Bệnh viện Quân y 108, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

# 昇龍三十詠
# THĂNG LONG TAM THẬP VỊNH[1]

## 83. 城旗掛旭

萬里金湯翊帝畿
城中旭掛大竿旗
風飄峻毒昭文物
日炤高臺絢彩儀
紳冑直瞻爲號令
旗游未論別尊卑
天家制度昭平象
兵木旗竿笑彼痴

**Phiên âm:**

*THÀNH KỲ QUẢI HÚC*

*Vạn lý kim thang dực đế kỳ,*
*Thành trung húc quải đại can kỳ.*
*Phong thiêu tuấn độc chiêu văn vật,*
*Nhật chiếu cao đài huyến thái nghi.*
*Thân trụ trực chiêm vi hiệu lệnh,*

*Kỳ du vị luận biệt tôn ty.*
*Thiên gia chế độ chiêu bình tượng,*
*Binh mộc kỳ can tiếu bỉ si.*

**Dịch nghĩa:**

CỜ THÀNH TREO TRONG NẮNG SỚM

(Nguyên dẫn: *Thành Thăng Long tức thành Đại La xưa. Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời đô về đây, nhà Lý thấy rồng xuất hiện, mới đặt tên là thành Thăng Long. Nhà Minh sang xâm lược đổi gọi là thành Đông Quan; Lê Thái Tổ khôi phục đất nước lại đổi về tên cũ. Cung điện và Môn khuyết đều theo chế độ nhà Lý, thành qua các đời đều có thay đổi. Hoàng triều (nhà Nguyễn), có xây dựng sửa sang thêm, lập ra Ngũ môn, cửa trước lập kỳ đài, trên treo cờ to làm quân hiệu, mặt trời chiếu hồng tâm rực rỡ lóa mắt.)*

Thành trì vững chãi bảo vệ kinh đô bậc đế vương,
Lá cờ lớn treo trong nắng sớm ở giữa Kinh thành.
Gió dữ dội tung bay lá cờ lớn, làm rõ vẻ văn vật,
Mặt trời chiếu sáng trên đài cao, làm rực rỡ sắc màu uy nghi.
Quan tướng áo mũ chỉnh tề nhìn thẳng theo hiệu lệnh,
Lá cờ phấp phới không phân biệt chức tước thấp cao.
Chế độ nhà vua sáng tỏ trong những hình trạng thường ngày,
Gỗ quân dựng làm cán cờ cười kẻ kia si mê.

*Chú thích:*

1. Bản *Thăng Long tam thập vịnh* này ký hiệu A. 2548, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cũng là tác phẩm khuyết danh; trong bản này thiếu bài thơ *Vũ quán xao nguyệt* nên chỉ có 29 bài thơ.

## 84. 樓鼓傳更

龍城號令最嚴明
樓鼓相傳夜五更
刻刻敲隨龍漏滴
鼕鼕辰振電鳴聲
列屯勺斗和聲應
九陛鈞韶夢枕清
塢笛塞笳塵不動
幾回天籟看誰鳴

**Phiên âm:**

*LÂU CỔ TRUYỀN CANH*

*Long thành hiệu lệnh tối nghiêm minh,*
*Lâu cổ tương truyền dạ ngũ canh.*
*Khắc khắc xao tùy long lậu trích,*
*Đông đông thời chấn điện minh thanh.*
*Liệt đôn thước đẩu hòa thanh ứng,*
*Cửu bệ quân thiều mộng chẩm thanh.*
*Ổ địch tái già trần bất động,*
*Kỷ hồi thiên lại khán thùy minh.*

**Dịch nghĩa:**

TRỐNG LẦU BÁO CANH[1]

Hiệu lệnh trong thành Thăng Long rất nghiêm minh,
Trống lầu truyền suốt năm canh trong đêm.
Tiếng trống gõ theo từng khắc một, theo giọt đồng hồ rồng,

Tiếng trống tùng tùng vang lên từng giờ như tiếng sấm rền.
Âm thanh ở các đồn hòa vào nhau dồn dập,
Tiếng nhạc quân thiều của nhà vua lay tỉnh giấc mộng say.
Tiếng sáo nơi thôn ổ, tiếng khèn ngoài biên tái báo hiệu không có chiến tranh.
Mấy tiếng sáo trời từ nhà ai đã cất tiếng kêu.

*Chú thích:*

1. Năm cửa trong thành đều có lầu, trên lầu có trống để báo canh giờ ban đêm; đầu mỗi canh đều có tiếng trống, tiếng mõ báo hiệu.

## 85. 五門覲日

龍城掃盡霧雲昏
尺日輝煌上五門
軒豁無邪皇極準
照臨有赫太陽尊
百官虎拜瞻依近
萬國葵傾敬慕敦
舉目近追千載上
星移物換跡猶存

**Phiên âm:**

*NGŨ MÔN CẬN NHẬT*

*Long thành tảo tận vụ vân hôn,*
*Xích nhật huy hoàng thượng Ngũ Môn.*
*Hiên hoát vô tà hoàng cực chuẩn,*
*Chiếu lâm hữu hách thái dương tôn.*
*Bách quan hổ bái chiêm y cận,*
*Vạn quốc quỳ khuynh kính mộ đôn.*
*Cử mục cận truy thiên tải thượng,*
*Tinh di vật hoán tích do tồn.*

**Dịch nghĩa:**

NGÀY TRIỀU KIẾN Ở CỬA NGŨ MÔN

(Nguyên chú: *Theo* Sử ký: *năm Thuận Thiên nguyên niên, Lý Thái Tổ đóng đô ở thành Thăng Long, xây dựng cung điện trong thành; lấy núi Nùng làm chính giữa, cấm điện ở phía trước, xây bằng gạch đá gọi là Đoan Môn, trên cổng khắc hai chữ "Đoan Môn"; bên ngoài xây các cửa Tam Phương, Đông Hoa,*

*Tường Phù, Diệu Đức, Đại Hưng cao to. Hai cửa Tường Phù, Diệu Đức đã bị đổ nát từ trước, không khảo cứu được. Duy ba cửa Đoan Môn, Tam Phượng, Đông Hoa vẫn còn. Ngày nay bờ cõi thống nhất (thời Gia Long), năm Quý Hợi (1803) trùng tu thành này, bèn phá ba cửa Tam Phượng, Đông Hoa, Đại Hưng làm thành Ngũ Môn, quy mô to đẹp. Cửa Đoan Môn vẫn như cũ, gọi là Vọng Cung, là nơi các quan triều bái vua.)*

Long thành quét hết mây mù tăm tối,
Mặt trời mọc cao một thước sáng rực rỡ, ta bước lên cửa Ngũ Môn.
Bầu trời sáng sủa không chút tà vạy, chế độ của đế vương đúng đắn,
Chiếu ánh sáng chói lọi là vầng thái dương trên cao.
Trăm quan cúi lạy nhà vua, cử chỉ nghiêm trang gần gũi,
Vạn nước hướng về, trong lòng kính trọng sâu xa.
Ngẩng mắt ngước nhìn, nghìn năm lòng vẫn thấy gần gũi,
Dù cho vật đổi sao dời, quy chế từ xưa vẫn còn mãi.

## 86. 一柱棲葭

龍杜煙光一望齊
亭亭一柱有雲棲
波心石腳凌霄立
暮靄朝雲轉眄低
奉佛昔曾安表剎
參禪人自架雲梯
安能學得高王術
移向頹流障欲溪

**Phiên âm:**

*NHẤT TRỤ THÊ HÀ*

*Long Đỗ yên quang nhất vọng tề,*
*Đình đình Nhất Trụ hữu vân thê.*
*Ba tâm thạch cước lăng tiêu lập,*
*Mộ ái triêu vân chuyển miện đê.*
*Phụng Phật tích tằng an biểu sái,*
*Tham thiền nhân tự giá vân thê.*
*An năng học đắc Cao Vương thuật,*
*Di hướng đôi lưu chướng dục khê.*

**Dịch nghĩa:**

RÁNG MÂY Ở CHÙA MỘT CỘT[1]

(Nguyên chú: *Chùa Một Cột ở phía tây Kinh thành. Chùa ấy có tiền đường 3 gian, hậu đường 1 gian. Phía sau có ao rộng chừng 1 sào, sân dài 2 - 3 thước. Giữa dựng một cột đá cao chừng 10 trượng, trên dựng một am nhỏ, dài rộng chừng 6 - 7 thước để thờ Phật; ngoài dựng một thang gỗ 9 bậc trèo lên lễ*

*Phật. Đời Nguyễn có viên quản gia trong Thị hậu sửa sang lại, có khắc tấm bia đá vào tháng 12 năm Đinh Mão.)*

Đất Long Đỗ nhìn xa xa thấy quang đãng sáng sủa,
Thấy rành rành ráng mây đậu trên chùa Một Cột.
Một chiếc trụ đá cao vút dựng giữa hồ nước,
Đưa mắt nhìn xuống chỗ sớm chiều có ráng mây tụ.
Thờ Phật, nơi đây từ xưa đã dựng một ngôi chùa,
Muốn tham thiền thì phải bước lên thang mây.
Sao có thể học được thuật phong thủy của Cao Biền,
Thay đổi cả dòng chảy, ngăn dòng suối dục vọng.

*Chú thích:*

1. Xem chú thích số 1 bài 4.

## 87. 看山曙色

天開尺日霧雲殘
曙日光含滿看山
巍業高棲龍虎地
清輝長傲日星間
前臨濃嶺花行麗
後帶湖西草豎班
山上顧瞻風景好
人情偏憶舊禪關

**Phiên âm:**

*KHÁN SƠN THỰ SẮC*

*Thiên khai xích nhật vụ vân tàn,*
*Thự nhật quang hàm mãn Khán Sơn.*
*Nguy nghiệp cao thê long hổ địa,*
*Thanh huy trường ngạo nhật tinh gian.*
*Tiền lâm Nùng Lĩnh hoa hàng lệ,*
*Hậu đái hồ Tây thảo thụ ban.*
*Sơn thượng cố chiêm phong cảnh hảo,*
*Nhân tình thiên ức cựu thiền quan.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG SỚM TRÊN NÚI KHÁN SƠN

(Nguyên chú: *Thành Thăng Long lấy núi Nùng làm chính giữa, nơi kết cục. Phía sau có núi Khán làm huyền vũ, núi hơi cao; dải Nhĩ Hà ôm lấy hồ Tây; sông Tô Lịch, hồ Trúc Bạch vòng ở hai bên tả hữu. Cửa Bắc thành dựa vào mé núi.)*

Mặt trời lên cao một thước xua tan hết mây mù,
Nắng sớm long lanh khắp núi Khán Sơn.
Vùng đất đế vương nguy nga chỗ cao chỗ thấp,
Cảnh vật trong sáng, luôn tự hào ở giữa đất trời.
Đằng trước giáp núi Nùng hoa cỏ tươi đẹp,
Phía sau liền dải hồ Tây cây cối xanh tươi.
Đứng trên đỉnh núi nhìn phong cảnh rất đẹp,
Tình người chỉ nhớ tới ngôi chùa cũ.

## 88. 珥河晴流

半天昌運會河清
派引洮瀘水泛晴
月印江心光可照
嵩奔海眼寂無聲
奔源急掉多漁舸
夾岸維蓬半賈鈴
蝦付只須升勺水
伊誰起待激東溟

**Phiên âm:**

*NHĨ HÀ TÌNH LƯU*

*Bán thiên xương vận hội hà thanh,*
*Phái dẫn Thao, Lô thủy phiếm tình.*
*Nguyệt ấn giang tâm quang khả chiếu,*
*Xuyên bôn hải nhãn tịch vô thanh.*
*Bôn nguyên cấp trạo đa ngư khả,*
*Giáp ngạn duy bồng bán cổ linh.*
*Hà phó chỉ tu thăng thược thủy,*
*Y thùy khởi đãi kích Đông minh.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG TRẢI TRÊN SÔNG NHĨ HÀ

(Nguyên chú: *Hai con sông Lô và sông Thao hợp lưu thành sông Phú Lương, đoạn ôm lấy Kinh thành gọi là Nhĩ Hà; sông rộng mênh mông đến nghìn khoảnh, chảy xuôi về nam; trên từ các phường Tây Hồ, Nhật Chiêu xuống đến*

*bãi Thúy Ái, Tự Nhiên. Thuyền bè đi lại tấp nập, buôn bán sầm uất. Là nơi đệ nhất đô hội ở nước Việt Nam.)*

Nửa trời vận hội tốt, đất nước thanh bình,
Dòng phái dẫn sông Thao, sông Lô mênh mang nước trời quang đãng.
Vầng trăng in bóng xuống lòng sông, ánh sáng chiếu dọi,
Trôi nhanh ra biển một cách lặng lẽ êm đềm.
Mái chèo gấp gáp về nguồn có nhiều thuyền đánh cá,
Hai bên bờ, chỉ có cỏ bồng và phần nửa là người bán cá lắc chuông rao leng keng.
Các loài tôm cá chỉ cần một đấu nước là đủ,
Ai cần phải đợi nước mênh mông như biển Đông?

## 89. 西湖浣絲

蕩漾西湖水色漪
湖邊織婦浣新絲
臨淵嬝嬝施春筍
澼洗聲聲弄水湄
一飯有無供釣叟
千金曾否賣寒醫
寄言之子勤機杼
大火西流已授衣

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ CÁN TY*

*Đãng dạng Tây Hồ thủy sắc y,*
*Hồ biên chức phụ cán tân ty.*
*Lâm uyên niểu niểu thi xuân duẩn,*
*Tịch tẩy thanh thanh lộng thủy mi.*
*Nhất phạn hữu vô cung điếu tẩu,*
*Thiên kim tằng phủ mại hàn y.*
*Ký ngôn chi tử cần cơ trữ,*
*Đại hỏa tây lưu dĩ thụ y.*

**Dịch nghĩa:**

GIẶT TƠ Ở HỒ TÂY

(Nguyên chú: *Hồ Tây rộng chừng hơn nghìn mẫu, nước rất trong. Quanh hồ dân cư trù mật. Chúa Trịnh cho đây là một thắng cảnh, bèn sai trồng sen trong hồ thường đến du ngoạn; sai cung nhân bơi thuyền hái sen làm vui. Ven hồ có phường Yên Thái, Nghĩa Đô sống bằng nghề dệt vải. Phường Tây Hồ*

*dệt lụa, Võng Thị, Thụy Chương nấu rượu; làng nghề phồn thịnh, phong cảnh như tranh).*

Nước hồ Tây trong veo gợn sóng lăn tăn,
Những người phụ nữ làm nghề dệt vải đem giặt tơ mới bên hồ.
Thoăn thoắt bước xuống hồ, những ngón tay như búp măng
mùa xuân gio ra,
Tiếng giặt tơ giàn giạt xao động cả mặt nước.
Một bữa cơm có hay không là nhờ vào ông lão câu cá,
Có nghìn vàng thì cần gì phải nhờ vào nghề y nghèo hèn.
Nhắn bảo người con hãy chịu khó ngồi dệt,
Từ nồi kéo tơ qua nước hồ Tây đã thành tấm áo.

## 90. 東橋弄笛

柯亭遺響已寥寥
短笛何人弄此橋
流水高山聲斷續
啼猿唳鶴思蕭騷
韻和蘇水魚相躍
響入蓮臺磬欲敲
旅次高聞疑塢笛
檯頭一望半妖嬌

**Phiên âm:**

*ĐÔNG KIỀU LỘNG ĐỊCH*

*Kha Đình di hưởng dĩ liêu liêu,*
*Đoản địch hà nhân lộng thử kiều.*
*Lưu thủy cao sơn thanh đoạn tục,*
*Đề viên lệ hạc tứ tiêu tao.*
*Vận hòa Tô thủy ngư tương dược,*
*Hưởng nhập liên đài khánh dục xao.*
*Lữ thứ cao văn nghi ổ địch,*
*Đài đầu nhất vọng bán yêu kiều.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG SÁO CẦU ĐÔNG

(Nguyên chú: *Cầu Đông ở phường Đông Hà, huyện Thọ Xương. Sông Tô Lịch theo sông Nhĩ Hà chảy về đây. Xưa có cây cầu đá, trên cầu họp chợ, buôn bán đủ thịt cá, hoa quả. Chỗ có tên là chợ Hoa gần chợ lớn Cửa Đông, có nhiều ca nhi thổi sáo chơi đàn; người trong phố được thưởng thức suốt ngày đêm.)*

Dư âm tiếng sáo ở Kha Đình đã vắng lặng,
Chợt tiếng sáo ngắn của ai đó vang lên ở cầu này.
Khúc hát lưu thủy cao sơn vang lên, lúc đứt lúc nối,
Như tiếng vượn kêu hạc khóc, buồn đến não lòng.
Âm điệu hòa với dòng Tô giang, cá cùng nhảy nhót,
Tiếng vọng vào đài sen, như tiếng khánh muốn gõ.
Người lữ thứ lắng nghe tưởng tiếng sáo quê,
Ngẩng đầu nhìn ra xa thấy cô gái khá yêu kiều.

## 91. 文亭貯雲

城市遨遊歷幾經
貯雲景仰廣文亭
半空巍業樓臺壯
瑞蕩昭回翰墨馨
金榜何年龍虎掛
玉音此度日星明
疲癃老弱爭扶杖
思見君王德化成

**Phiên âm:**

*VĂN ĐÌNH TRỮ VÂN*

*Thành thị ngao du lịch kỷ kinh,*
*Trữ vân cảnh ngưỡng Quảng Văn đình.*
*Bán không nguy nghiệp lâu đài tráng,*
*Thụy đãng chiêu hồi hàn mặc hinh.*
*Kim bảng hà niên long hổ quải,*
*Ngọc âm thử độ nhật tinh minh.*
*Bì long lão nhược tranh phù trượng,*
*Tư kiến quân vương đức hóa thành.*

**Dịch nghĩa:**

MÂY TỤ ĐÌNH QUẢNG VĂN

Đã ngao du nơi thành thị nhiều lần,
Ngẩng nhìn cảnh mây tụ ở đình Quảng Văn.
Lâu đài tráng lệ cao vút giữa tầng không,

Điềm lành sáng rực, mang đến mùi thơm bút mực.
Năm nao bảng vàng Tiến sĩ treo ở đây,
Giọng nói nhà vua làm sáng cả bầu trời.
Những kẻ già nua yếu đuối tranh nhau chống gậy kéo đến,
Muốn nhìn thấy nhà vua thi hành đức hóa đã thành công.

## 92. 梅驛醉翁

竹間醉客久聞風
梅驛如今有醉翁
舉酒浮鐘身上事
馳車走馬眼前空
金牛有影忘言趣
石狗無聲得意中
月上林梢梅欲笑
從容徒步策遠笻

**Phiên âm:**

*MAI DỊCH TÚY ÔNG*

*Trúc gian túy khách cửu văn phong,*
*Mai Dịch như kim hữu túy ông.*
*Cử tửu phù chung thân thượng sự,*
*Trì xa tẩu mã nhãn tiền không.*
*Kim Ngưu hữu ảnh vong ngôn thú,*
*Thạch cẩu vô thanh đắc ý trung.*
*Nguyệt thượng lâm xao mai dục tiếu,*
*Thung dung đồ bộ sách quỳ cùng.*

**Dịch nghĩa:**

ÔNG SAY Ở MAI DỊCH

Giữa rừng trúc, từ lâu đã nghe tiếng có ông say,
Mai Dịch đến nay cũng có ông say.
Nâng chén uống rượu coi đó là sự nghiệp của mình,

Lên xe xuống ngựa, coi việc trước mắt như không.
Kim Ngưu có hình bóng, thích thú quên nói,
Chó đá[1] không lên tiếng trong lúc đắc ý.
Trăng sáng trên rừng cây, hoa mai hé nở,
Thung dung đi bộ chống gậy trên đường lớn.

*Chú thích:*
1. Ở trạm Mai Dịch xưa có con chó tạc bằng đá.

## 93. 槐街歌女

龍城無處不繁花
爭似槐街倡女歌
迢遞鶯聲聞子陌
翻躚羽袖鬥妲娥
綾花未發何人賞
紅葉掛飛逐處過
春暮秋深歌席散
風吹柳絮到誰家

**Phiên âm:**

*HÒE NHAI CA NỮ*

*Long Thành vô xứ bất phồn hoa,*
*Tranh tự Hòe Nhai xướng nữ ca.*
*Thiều đệ oanh thanh văn tử mạch,*
*Phiên thiên vũ tụ đấu Hằng Nga.*
*Lăng hoa vị phát hà nhân thưởng,*
*Hồng diệp quải phi trục xứ qua.*
*Xuân mộ thu thâm ca tịch tán,*
*Phong xuy liễu nhứ đáo thùy gia.*

**Dịch nghĩa:**

CA NỮ PHỐ HÒE NHAI

Ở đất Long Thành chỗ nào cũng phồn hoa,
Có nơi nào đua nhau hát như các cô ca nữ phố Hòe Nhai.
Xa xa tiếng oanh cất lên ở ngoài đường phố,

Khi ca múa những cánh tay áo lông nhịp nhàng
chẳng kém Hằng Nga.
Hoa súng chưa nở thì lấy ai thưởng thức,
Lá hồng bay loạn tung đi khắp nơi.
Lúc cuối xuân, thu muộn khi tiệc ca đã tàn,
Gió thổi những bông tơ liễu bay đến nhà ai?

## 94. 劍湖射斗

星分翼軫水洮瀘
射斗星光有劍湖
碧練深藏三尺寶
寒茫上照七星摳
回光增壯黎皇廟
望筆遙驚遠國猷
漁父念頭猶雅相
零汀潮上自扁舟

**Phiên âm:**

*KIẾM HỒ XẠ ĐẨU*

*Tinh phận Dực Chẩn thủy Thao Lô,*
*Xạ Đẩu tinh quang hữu Kiếm hồ.*
*Bích luyện thâm tàng tam xích bảo,*
*Hàn mang thượng chiếu thất tinh khu.*
*Hồi quang tăng tráng Lê hoàng miếu,*
*Vọng bút dao kinh viễn quốc du.*
*Ngư phủ niệm đầu do nhã tưởng,*
*Lính đinh hồ thượng tự biên chu.*

**Dịch nghĩa:**

BÓNG NƯỚC HỒ GƯƠM CHIẾU TẬN SAO BẮC ĐẨU

(Nguyên chú: *Hồ Gươm là hồ ở giữa Hà Nội, rộng chừng 100 mẫu, trong hồ có gò đất vuông, địa thế khá rộng. Chúa Trịnh cho dựng hành cung, thường đến xem cá. Bên tả có hồ Tả Vọng, bên hữu có cung Khánh Thụy; tang thương biến đổi, không còn lại gì. Duy miếu cũ vua Lê Thái Tổ vẫn còn, nay có ngư*

*phường làm nhà; trong hồ dựng miếu thờ Quan Đế, là di chỉ cũ của cung. Cây cối tươi tốt, cũng là nơi thắng cảnh.)*

Tinh phận thuộc sao Dực, sao Chẩn và sông Thao, sông Lô,
Có hồ Gươm, ánh rọi lên tận sao Bắc Đẩu.
Nước sâu trong xanh, đáy hồ chứa ba thước gươm báu,
Ánh sáng lạnh lẽo chiếu rọi lên tận chòm bảy ngôi sao.
Ánh sáng đó làm hùng tráng thêm tòa miếu thờ vua Lê,
Ngọn bút xa trông, làm kinh sợ mưu đồ các nước phương xa.(1)
Lão ngư phủ trong suy nghĩ vẫn còn ý tưởng thanh nhã,
Một chiếc thuyền con lênh đênh trên mặt hồ.

*Chú thích:*

1. Ngọn bút: Tức ngọn Tháp Bút ở cửa đền Ngọc Sơn, hiện nay ở phố Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

## 95. 缽場籠煙

長江一帶水央央
別看籠煙是缽場
白土爐中沖霧氣
青光雲表逼霞光
升騰雅想龍興處
滃鬱疑爲豹變方
鶴鳥幾能棲得穩
翱翔定是到雲鄉

**Phiên âm:**

*BÁT TRÀNG LUNG YÊN*

*Trường giang nhất đái thủy ương ương,*
*Biệt khán lung yên thị Bát Tràng*
*Bạch thổ lô trung xung vụ khí,*
*Thanh quang vân biểu bức hà quang.*
*Thăng đằng nhã tưởng long hưng xứ.*
*Ông uất nghi vi báo biến phương,*
*Hạc điểu kỷ năng thê đắc ổn,*
*Cao tường định thị đáo vân hương.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓI TỎA BÁT TRÀNG

(Nguyên chú: *Bát Tràng là tên một làng bên bờ sông Nhĩ Hà, trước tên là phường Bạch Thổ, có nghề đốt lò gốm, khói tỏa nghi ngút, cách Thăng Long khoảng mươi dặm, thuyền bè buôn bán đậu san sát.)*

Một dải sông dài nước chảy mênh mang,
Riêng có nơi khói tỏa kia chính là làng Bát Tràng.
Đất sét trắng đất trong lò, khói mù mịt bốc lên,
Ánh lửa xanh bốc tận mây, lấn át cả màu ráng đỏ.
Khói tỏa ngoằn ngoèo trông tưởng con rồng đang bay lên,
Ùn ùn từng đám, nghĩ như con báo đổi chỗ.
Chim hạc mấy lần định đỗ tìm nơi yên ổn,
Chao lượn mãi tưởng là đã lên đến làng mây.

## 96. 羅城竹塢

北門鎖鑰險山河
塢竹重將繞大羅
劈立萬竿凌雨雪
籬包四顧密條柯
斜穿榆塞風塵帖
影入桃門蔭疵多
最可愛焉惟直節
叢笙笑殺彼滕籮

**Phiên âm:**

*LA THÀNH TRÚC Ổ*

*Bắc Môn tỏa thước hiểm sơn hà,*
*Ổ trúc trùng tương nhiễu Đại La.*
*Bính lập vạn can lăng vũ tuyết,*
*Ly bao tứ cố mật điều kha.*
*Tà xuyên du tái phong trần thiếp,*
*Ảnh nhập đào môn ấm tỳ đa.*
*Tối khả ái yên duy trực tiết,*
*Tùng sinh tiếu sát bỉ đằng la.*

**Dịch nghĩa:**

RẶNG TRE THÀNH ĐẠI LA

(Nguyên chú: *Thành Đại La do Cao Biền đắp từ thời Đường, chu vi chừng 982 trượng lẻ 5 thước; thân thành cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước. Vua Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời đô về đây, nhân thành này đắp thêm thành bên ngoài, các đời sau đều theo đó. Thời cuối Lê, vẫn còn trồng rào*

*tre vây bốn mặt, và dựng cổng lũy. Đến thời Tây Sơn, từ năm Bính Ngọ đến Canh Thân tre bị phạt gần hết. Đến năm Tân Dậu nhổ đến tận nhà dân. Sau trồng tre lại theo thành cũ, nam từ Vạn Xuân đến Đồng Vọng, tây từ Đồng Vọng đến mé Yên Lãng, Yên Quyết đến Thụy Chương, giáp đến tận Yên Hòa.)*

Cửa Bắc khóa kín, là nơi hiểm yếu giữ gìn non sông,
Lũy trúc tầng tầng bao quanh thành Đại La.
Hàng vạn cây tre dựng đứng như bức tường đội mưa tuyết,
Hàng rào bao tứ phía dày đặc những cành cây.
Những hàng cây du cắm nghiêng, đồn trại giữ cho đất nước yên ổn,
Bóng lũy chiếu vào cửa nhà quan, bóng râm che rộng khắp.
Điều đáng yêu nhất là đốt tre rất thẳng,
Cười loài dây leo kia, sống nhờ các bụi rậm.

## 97. 網市花田

城邊處處植桑麻
網市田間只植花
八畝森森無別樹
四時出出總奇葩
風租月稅天恩厚
菊酒蘭糧地產多
花謝花開無盡藏
麥和爭似力田家

**Phiên âm:**

*VÕNG THỊ HOA ĐIỀN*

*Thành biên xứ xứ thực tang ma,*
*Võng Thị điền gian chỉ thực hoa.*
*Bát mẫu sâm sâm vô biệt thụ,*
*Tứ thời xuất xuất tổng kỳ ba.*
*Phong tô nguyệt thuế thiên ân hậu,*
*Cúc tửu lan lương địa sản đa.*
*Hoa tạ hoa khai vô tận tạng,*
*Mạch hòa tranh tự lực điền gia.*

**Dịch nghĩa:**

RUỘNG HOA LÀNG VÕNG THỊ

(Nguyên chú: *Võng Thị ở trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận; chuyên lấy nghề trồng hoa làm kế sinh nhai. Gần Võng Thị, đất đai ước chừng tám, chín mẫu, đều trồng hoa san sát gọi là trại Bát Mẫu, lại có chùa Bát Mẫu gần kề sông Tô Lịch.)*

Bên ven thành khắp nơi trồng dâu gai,
Riêng làng Võng Thị ruộng đồng chỉ trồng toàn hoa.
Tám mẫu xanh um chẳng trồng một loại cây nào khác,
Bốn mùa quanh năm suốt tháng, chỉ toàn trồng các loài hoa lạ.
Tiền tô nhờ gió, tiền thuế nhờ trăng, ơn trời đầy đặn,
Rượu nhờ vào hoa cúc, gạo nhờ vào hoa lan, đất này sản vật có nhiều.
Hoa nở hoa tàn, của kho vô tận,
Lúa má vẫn đầy đủ tựa như nhà lực điền.

## 98. 鎮寺歸僧

烏含西嶺兔東升
鎮武歸來勸仕僧
柳陌花衢由故道
清風明月是良朋
枝猿馳騖東西舞
閣鼓樓鐘次第登
自古更深塵不到
禪燈高掛照心燈

**Phiên âm:**

*TRẤN TỰ QUY TĂNG*

*Ô hàm tây lĩnh thố đông thăng,*
*Trấn Quốc quy lai khuyến sĩ tăng.*
*Liễu mạch hoa cù do cố đạo,*
*Thanh phong minh nguyệt thị lương bằng.*
*Chi viên trì vụ đông tây vũ,*
*Các cổ lâu chung thứ đệ đăng.*
*Tự cổ canh thâm trần bất đáo,*
*Thiền đăng cao quải chiếu tâm đăng.*

**Dịch nghĩa:**

NHÀ SƯ TRỞ VỀ CHÙA TRẤN QUỐC[1]

(Nguyên chú: *Chùa Trấn Quốc là ngôi chùa cổ có từ đời Lý, trước thuộc huyện Vĩnh Thuận, bên bờ hồ Tây, cảnh trí u nhã, hằng năm vào mùa xuân, thiện nam tín nữ thập phương đến chùa vãn cảnh lễ Phật rất đông. Đời Lê, Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính có soạn văn bia, nay vẫn còn.)*

Vầng ô ngậm núi tây, ngọc thỏ ló ra ở phía đông,[2]
Cũng là lúc nhà sư đi khuyến giáo trở về chùa Trấn Quốc.
Ngõ hoa lối liễu vẫn đi theo đường cũ,
Trăng thanh gió mát toàn là bạn hiền.
Vượn trên cành, cò bên ao nhảy múa đây đó,
Chuông trong lầu, trống trên gác nối tiếp ngân vang.
Từ xưa, đêm khuya chẳng có bụi trần,
Ngọn đèn thiền treo cao soi rõ cõi lòng mình.

*Chú thích:*

1. Xem chú thích số 1 bài 73.

2. Ô: Là con quạ, chỉ mặt trời; thố: Con thỏ, chỉ mặt trăng. Ý cả câu nói mặt trời đã lặn về tây, mặt trăng đã mọc ở đằng đông

## 99. 監門課士

崇文天子道心敦
胄監弘文課士門
地占聲名穿學海
朋來俊艾溯文源
義文户牖三門達
洙泗宮墻數仞尊
一自禹門飛躍後
直將斯道散乾坤

**Phiên âm:**

*GIÁM MÔN KHÓA SĨ*

*Sùng văn thiên tử đạo tâm đôn,*
*Trụ giám hoằng văn khóa sĩ môn.*
*Địa chiếm thanh danh xuyên học hải,*
*Bằng lai tuấn ngải tố văn nguyên.*
*Hy Văn hộ dũ tam môn đạt,*
*Thù Tứ cung tường sổ nhẫn tôn.*
*Nhất tự Vũ môn phi dược hậu,*
*Trực tương tư đạo tán càn khôn.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓA SINH TRƯỜNG GIÁM[1]

(Nguyên chú: *Trường Giám tức Quốc Tử Giám ở phía tây nam Kinh thành. Thời Lý là nơi dạy học cho các hoàng tử và con cái các quan lại, sau trở thành nơi giáo dục của Kinh thành. Hằng tháng, vào các ngày sóc, vọng, có tổ chức giảng tập của thầy trò.*)

Thiên tử nêu cao văn học, đạo tâm thật đầy đặn,
Những bậc hiền tài, văn hay được nhà nước tổ chức thi.
Đất này chiếm hết tiếng thơm, nổi danh trong biển học,
Cùng bạn bè tài giỏi vượt tới ngọn nguồn văn chương.
Những kiến thức của Phục Hy, Văn Vương đã đạt tới nơi,(2)
Nhà học của đạo Khổng Mạnh cao mấy trăm nhẫn cũng vươn tới được,(3)
Sau khi đã vượt qua cửa Vũ môn rồi,
Thì thẳng tiến, đem đạo Nho để giúp cho đời.

*Chú thích:*

1. Quốc Tử Giám: Hiện ở phố Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Phục Hy: Một vị vua Trung Quốc thời thượng cổ, dạy dân đánh cá nuôi súc vật; vạch ra bát quái và sáng lập ra văn khế.

Văn Vương: Tức Chu Văn Vương là vị vua thời Thương Chu, diệt Trụ Kiệt lập ra nhà Chu, là người làm ra sách *Chu Dịch*, một cuốn sách triết học cổ nhất của Trung Quốc.

3. Khổng, Mạnh: Là hai nhà triết học cổ đại, đại biểu cho Nho gia Trung Quốc.

Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên): Người đời Chu, ở nước Lỗ, tên Khưu, tự Trọng Ni. Là ông tổ của Nho giáo, ông từng làm quan nước Lỗ, bất đắc chí đi chu du các nước; sau trở về soạn lại các sách *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc*; phê bình *Kinh Dịch*, làm *Kinh Xuân Thu*, học trò có đến hơn 3.000 người. Sông Thù, sông Tứ ở Sơn Đông là vùng quê của Khổng Tử, cũng được xem là hai con sông biểu tượng của nhà Nho.

Mạnh Tử (372 - 289 trước Công nguyên): Người đời Chiến Quốc, làm sách *Mạnh Tử* 7 thiên, được tôn là Á thánh sau Khổng Tử.

## 100. 珠林雨後

雨薺雲晴觸興深
尋幽覽勝過珠林
花心朵朵留餘滴
石篆行行洗綠陰
鳥語枝頭相唱和
魚遊湖面自浮沉
釘娘心跡憑誰問
閑袖關風景寂岑

**Phiên âm:**

*CHÂU LÂM VŨ HẬU*

*Vũ tễ vân tình xúc hứng thâm,*
*Tầm u lãm thắng quá Châu Lâm.*
*Hoa tâm đóa đóa lưu dư trích,*
*Thạch triện hàng hàng tẩy lục âm.*
*Điểu ngữ chi đầu tương xướng họa,*
*Ngư du hồ diện tự phù trầm.*
*Đanh nương tâm tích bằng thùy vấn,*
*Nhàn tụ quan phong cảnh tịch sầm.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA CHÂU LÂM SAU TRẬN MƯA

(Nguyên chú: *Chùa Châu Lâm là ngôi chùa cổ ở phường Thụy Chương, tục gọi là chùa Bà Đanh. Bà Đanh là công chúa bản triều (triều Nguyễn), vốn là người xây dựng chùa này. Nay vẫn còn tượng trong chùa; lúc đầu chùa nhỏ bé,*

*vào năm Kỷ Tỵ có nhà sư ở phường Trích Sài là Nguyễn Hữu Nho, đạo hiệu là Huyền Sĩ trụ trì ở đây, hưng công tu tạo, hiện vẫn còn bi ký.*

*Xét: Hồ Tây ở sau chùa, trong hồ có gò đất tên là "Phượng Chuỳ" (Mỏ Phượng), và chùa Nguyệt Đài, phía trước là sông Tô Lịch. Thụy Chương phong cảnh u tịch.)*

Mưa tạnh trời quang mây, có nhiều hứng thú,
Đi tìm nơi danh thắng, ghé qua thăm Châu Lâm.
Từng bông hoa khoe nhụy vẫn còn đọng những giọt nước mưa,
Chữ triện trên bia đá hàng hàng rửa sạch rêu xanh.
Trên cành cây chim chóc líu lo như đang xướng họa,
Cá bơi trên mặt hồ, con nổi con chìm.
Dấu tích Bà Đanh biết hỏi cùng ai?
Cảnh chùa cô tịch, khép ống tay áo không để gió lọt vào.

## 101. 傘嶺雲間

四顧山河景色新
禎祥爭似翠山雲
凌霄勢聳千層翠
觸石形鋪五色文
散到濃山成瑞彩
落來瀘水蘸波紋
顧瞻觸醒青雲夢
欲假雲梯接紫宸

**Phiên âm:**

*TẢN LĨNH VÂN GIAN*

*Tứ cố sơn hà cảnh sắc tân,*
*Trinh tường tranh tự thúy sơn vân.*
*Lăng tiêu thế tủng thiên tằng thúy,*
*Xúc thạch hình phô ngũ sắc văn.*
*Tán đáo Nùng sơn thành thụy thái,*
*Lạc lai Lô thủy trám ba văn.*
*Cố chiêm xúc tỉnh thanh vân mộng,*
*Dục giả vân thê tiếp tử thần.*

**Dịch nghĩa:**

NÚI TẢN TRONG MÂY[1]

(Nguyên chú: *Núi Tản Viên là ngọn núi cao đệ nhất danh sơn Việt Nam, thờ Tản Viên sơn thánh.)*

Nhìn tứ phía, thấy sông núi cảnh sắc mới mẻ,
Những điều tốt lành tranh nhau đến như mây trên núi biếc.
Nghìn tầng núi cao ngất vút tận trời xanh,
Trên mặt núi đá phô cả màu ngũ sắc.
Mây tản ra đến tận núi Nùng thành những màu sắc đẹp,
Mây sà xuống dòng sông Lô chạm cả vào mặt sóng.
Ngắm làn mây bay, bỗng tỉnh giấc mộng "thanh vân,"(2)
Những muốn mượn thang mây để bước tới cung vua.

*Chú thích:*

1. Núi Tản Viên: Ở huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
2. Thanh vân: Chỉ đường công danh quan lộ.

## 102. 烈津野渡

一條官路馬如雲
野渡爭如盛烈津
港淺波平歸去穩
帆輕舟小往來頻
槁梁次第橫溪架
蘆屋參差對岸陳
三四更餘通大道
可南可北任行人

**Phiên âm:**

*LIỆT TÂN DÃ ĐỘ*

*Nhất điều quan lộ mã như vân,*
*Dã độ tranh như Thịnh Liệt tân.*
*Cảng thiển ba bình quy khứ ổn,*
*Phàm khinh chu tiểu vãng lai tần.*
*Cảo lương thứ đệ hoành khê giá,*
*Lô ốc sâm si đối ngạn trần.*
*Tam tứ canh dư thông đại đạo,*
*Khả nam khả bắc nhậm hành nhân.*

**Dịch nghĩa:**

BẾN ĐÒ CÁNH ĐỒNG LÀNG SÉT

(Nguyên chú: *Làng Sét là tên chữ của làng Thịnh Liệt, thuộc huyện Thanh Trì, nơi có bến đò ở cánh đồng cho người qua lại. Đầm Sét có ngôi chùa, có quán trọ; cũng là nơi thắng cảnh. Mỗi lần đi thuyền đều qua cầu Anh Vũ,*

*phần nhiều có các thôn nữ chèo thuyền nhỏ mời khách uống rượu. Đó cũng là một thú vui đẹp.)*

Một con đường cái quan, ngựa xe đông đúc như mây,
Bến đò giữa cánh đồng, có đâu như bến đò làng Thịnh Liệt.
Bến nông, sóng lặng, đường về yên ổn,
Buồm nhẹ, thuyền nhỏ đi nhanh chóng.
Mấy cây cầu làm bằng tre khô bắc ngang qua khe nước,
Mấy mái nhà tranh thấp thoáng bên bờ.
Sau canh ba canh bốn, là lúc đường cái thông xe,
Mọi người tuỳ ý qua lại vào nam ra bắc.

## 103. 昭渚魚竿

珥水滔滔雁尾閤
一竿昭渚四時魚
洋洋清水波濤帖
泛泛虛舟歲月舒
松瀨昔曾磨偌態
桃源古有到仙居
斯漁曾有斯心否
仰或惟知志在漁

**Phiên âm:**

*CHIÊU CHỬ NGƯ CAN*

*Nhĩ thủy thao thao nhạn vĩ lư,*
*Nhất can Chiêu chử tứ thời ngư.*
*Dương dương thanh thủy ba đào thiếp,*
*Phiếm phiếm hư chu tuế nguyệt thư.*
*Tùng lại tích tằng ma nhược thái,*
*Đào nguyên cổ hữu đáo tiên cư.*
*Tư ngư tằng hĩu tư tâm phủ,*
*Ngưỡng hoặc duy tri chí tại ngư.*

**Dịch nghĩa:**

CÂU CÁ Ở BẾN NHẬT CHIÊU

(Nguyên chú: *Phường Nhật Chiêu gần phía bờ nam sông Nhĩ Hà; trước có bảy cây gạo, nay chỉ còn một, phía dưới giáp với phường Thạch Khối.)*

Sông Nhĩ Hà cuồn cuộn chảy ra biển,
Một chiếc cần ở bến Nhật Chiêu suốt bốn mùa câu được cá.
Dào dạt nước xanh, sóng êm ả,
Lênh đênh trên thuyền không, tháng ngày thư nhàn.
Như cây tùng đứng trong nước xiết, xưa từng có người
rèn luyện như thế.
Nguồn đào từ xưa đã có người đến nơi tiên ở,
Nghề đánh cá này, từng có cái tâm này hay chưa?
Hay chỉ người chí để vào nghề cá mới biết được.

## 104. 金甌水鏡

金甌古刹已難尋
水鏡惟餘一點金
千古石碑留字跡
一輪明月遍江心
仙歸蓬島煙霞迥
景穩湖山草樹陰
吊景可無懷往事
桑滄底局化機深

**Phiên âm:**

*KIM ÂU THỦY KÍNH*

*Kim Âu cổ sái dĩ nan tầm,*
*Thủy kính duy dư nhất điểm kim.*
*Thiên cổ thạch bi lưu tự tích,*
*Nhất luân minh nguyệt biến giang tâm.*
*Tiên quy Bồng đảo yên hà quýnh,*
*Cảnh ổn hồ sơn thảo thụ âm.*
*Điếu cảnh khả vô hoài vãng sự,*
*Tang thương để cục hóa cơ thâm.*

**Dịch nghĩa:**

GƯƠNG NƯỚC KIM ÂU

(Nguyên chú: *Kim Âu là tên một cái hồ bên ngoài Cửa Nam, trước có chùa Kim Âu liền với chùa Tiên Tích, đều là những thắng cảnh của Hà Nội. Trước chùa có một cái hồ rộng chừng 10 mẫu, mặt nước phẳng lặng. Nay chùa*

*đã hư hỏng, chỉ còn có hồ, nên có tên là hồ Kim Âu, nước hồ trong vắt như gương, thật là đẹp.)*

Chùa cũ Kim Âu nay đã khó tìm,
Gương nước còn lại chỉ một điểm vàng.
Bia đá nghìn năm còn để lại dấu chữ viết,
Một vầng trăng sáng chiếu khắp lòng sông.
Các vị tiên đã trở về đảo Bồng Lai mây khói xa vời,
Cảnh núi hồ bình lặng, cây cỏ âm u.
Khách đến viếng cảnh có ai không nhớ về chuyện cũ,
Rút cục cuộc bể dâu biến đổi, chỉ có tạo hóa mới biết.

## 105. 竹白錢爐

錢之爲寶大哉乎
竹白湖邊有鑄爐
闔法宏開周九府
七分較重漢三銖
泉流山積財非泛
賦減租輕用自周
借曰蓮花惟汝鑄
年年輦出滿江湖

**Phiên âm:**

*TRÚC BẠCH TIỀN LÔ*

*Tiền chi vi bảo đại tai hồ,*
*Trúc Bạch hồ biên hữu chú lô.*
*Hoàn pháp hoằng khai Chu Cửu phủ,*
*Thất phần hiệu trọng Hán tam thù.*
*Tuyền lưu sơn tích tài phi phiếm,*
*Phú giảm tô khinh dụng tự chu.*
*Tá viết liên hoa duy nhữ chú,*
*Niên niên liễn xuất mãn giang hồ.*

**Dịch nghĩa:**

LÒ ĐÚC TIỀN TRÚC BẠCH

(Nguyên chú: *Phường đúc Trúc Bạch thuộc phường Vĩnh Thuận, gần hồ Tây, là nơi đúc tiền của các triều đại phong kiến xưa.)*

Tiền là của quý nhất có đúng chăng?
Ở bên cạnh hồ Trúc Bạch có lò đúc tiền.
Nhà Chu mở rộng "Hoàn pháp," đặt ra "Cửu phủ,"
Nhà Hán đúc ra tiền "Tam thù," chia nặng nhẹ là bảy phân.
Suối chảy núi chứa, của cải không thiếu,
Tô thuế nhẹ nhàng, vật dụng tự chu cấp đủ đầy.
Thử hỏi rằng loại tiền "Hoa sen," chỉ có nhà ngươi đúc được,
Hằng năm xe chở ra đầy ắp cả sông hồ.

## 106. 瑞坊蓮酒

桐葉椒花自古傳
醉來旨酒莫如蓮
名花釀得存天性
甘涤依然出地泉
醉客無謀能條瓮
漁翁知味每維船
獨醒更有何人者
豈爲囊中欠酒錢

**Phiên âm:**

*THỤY PHƯỜNG LIÊN TỬU*

*Đồng diệp tiêu hoa tự cổ truyền,*
*Túy lai chỉ tửu mạc như liên.*
*Danh hoa nhương đắc tồn thiên tính,*
*Cam lộc y nhiên xuất địa tuyền.*
*Túy khách vô mưu năng điếu ủng,*
*Ngư ông tri vị mỗi duy thuyền.*
*Độc tỉnh canh hữu hà nhân giả,*
*Khởi vị nang trung khiếm tửu tiền.*

**Dịch nghĩa:**

RƯỢU SEN PHƯỜNG THỤY CHƯƠNG

(Nguyên chú: *Phường Thụy Chương thuộc huyện Vĩnh Thuận, dân ở đây sống bằng nghề nấu rượu. Gần đây có người nấu rượu giỏi, rượu có mùi hoa sen, giá đắt gấp đôi rượu thường. Các loại rượu hoa cúc, rượu nho, rượu Kim Anh đều không bằng.)*

Lá ngô đồng, hoa tiêu, lưu truyền từ xưa,
Uống say rồi, mới biết không gì ngon bằng rượu sen.
Thứ hoa quý nấu được rượu này là nhờ còn giữ được thiên tính,
Rượu ngon đương nhiên là chế ra từ nước suối trong.
Khách say không có kế gì có thể chế được rượu,
Ngư ông biết đây là vị ngon mỗi lần bơi thuyền đến.
Riêng có một mình vẫn tỉnh rốt cuộc có người nào như thế chăng?
Chắc là loại người trong túi chẳng có tiền để mua rượu.

## 107.玄觀竹籤

生前勇烈留金劍
死後眞靈寓竹籤
蓍草道殊周易卜
梅花法異劭書占
數該十五筒中貯
疑決毫釐氏上粘
求應感通洋在上
英風威武凜人瞻

**Phiên âm:**

*HUYỀN QUÁN TRÚC TIÊM*

*Sinh tiền dũng liệt lưu kim kiếm,*
*Tử hậu chân linh ngụ trúc tiêm.*
*Thi thảo đạo thù Chu Dịch bốc,*
*Mai hoa pháp dị Thiệu Thư chiêm.*
*Số cai thập ngũ đông trung trữ,*
*Nghi quyết hào ly để thượng niêm.*
*Cầu ứng cảm thông dương tại thượng,*
*Anh phong uy vũ lẫm nhân chiêm.*

**Dịch nghĩa:**

THẺ BÓI QUÁN HUYỀN THIÊN(1)

Lúc sống anh dũng để lại thanh kiếm vàng,
Sau khi chết linh hồn nhập vào thẻ bói.
Bói cỏ thi khác hẳn cách bói của Chu Dịch,

Cũng khác với cách bói Mai hoa của sách Thiệu Khang Tiết.
Số thẻ chứa trong ống, gồm mười lăm chiếc,
Sự việc đoán đúng hay sai, chính xác đến từng hào ly.
Linh thiêng vời vợi, cảm tất thông cầu tất ứng,
Anh phong uy vũ khiến người xem phải kính nể.

*Chú thích:*

1. Quán Huyền Thiên: Xem chú thích số 1 bài 55.

## 108. 蘇江飲馬

界指朱鳶自貉屭
彭彭群馬飲蘇江
龍城邊外風馳步
牛跡津頭水沈腔
吐出峰煙驚水族
望如雲錦攝遐邦
大虫蛭者心何忍
只爲渠多一癢鬆

**Phiên âm:**

*TÔ GIANG ẨM MÃ*

*Giới chỉ Chu Diên tự Lạc Bàng,*
*Bành bành quần mã ẩm Tô giang.*
*Long thành biên ngoại phong trì bộ,*
*Ngưu tích tân đầu thủy vưu xoang.*
*Thổ xuất phong yên kinh thủy tộc,*
*Vọng như vân cẩm nhiếp hà bang.*
*Đại trùng điệt giả tâm hà nhẫn,*
*Chỉ vị cừ đa nhất dưỡng tông.*

**Dịch nghĩa:**

NGỰA UỐNG NƯỚC SÔNG TÔ

Ranh giới đất Chu Diên[1] có từ thuở Âu Lạc, Hồng Bàng,
Rầm rầm đàn ngựa xuống uống nước sông Tô giang.
Bên ngoài Long thành, đàn ngựa phi như gió,

Đầu bến hồ Tây nước chảy ào ào.
Nhả ra khói làm kinh động loài thủy tộc,
Xa nhìn như gấm mây nắm giữ cả những nước phương xa.
Con bọ to như con đỉa không sao chịu được,
Chỉ vì lạch nước nhiều quá làm ngứa lông bờm.

*Chú thích:*

1. Chu Diên: Tên một vùng đất của nước ta thời cổ, nay thuộc vùng Hải Dương.

## 109. 靈洞飯牛

四美坊頭近帝城
飯牛那裡峒名靈
求篤占彼豐毛地
放牧饒他大武牲
湖水澄清猶瀨水
角聲斷續混樵聲
自從一旦离牛後
五殺羊皮價匪輕

**Phiên âm:**

*LINH ĐỘNG PHẠN NGƯU*

*Tứ Mỹ phường đầu cận đế thành,*
*Phạn ngưu na lý động danh linh.*
*Cầu sô chiếm bỉ phong mao địa,*
*Phóng mục nhiêu tha đại vũ sinh.*
*Hồ thủy trừng thanh do lại thủy,*
*Giốc thanh đoạn tục hỗn tiêu thanh.*
*Tự tòng nhất đán ly ngưu hậu,*
*Ngũ cổ dương bì giá phỉ khinh.*

**Dịch nghĩa:**

CHĂN TRÂU Ở LINH ĐỘNG

(Nguyên chú: *Linh Động là tên vùng đất ở ngoài Cửa Nam, bên cạnh có cầu Phú Mỹ. Nơi đây có ngôi chùa, gọi là Linh Động. Vùng đất ấy ao hồ trong sạch, cánh đồng rộng phẳng, cỏ mọc tươi tốt, nhiều người đem trâu bò đến chăn thả.)*

Đầu phường Tứ Mỹ ở gần kinh đô,
Trâu ăn cỏ ở nơi đó có tên là Linh Động.
Tìm cỏ phải xem nơi đó có phải vùng đất cỏ mọc tươi tốt,
Chăn trâu cần vỗ béo nó để nó trở thành con vật hiến tế
to khỏe cường thịnh.
Nước hồ trong xanh, cỏ lại mọc cạnh bờ nước,
Tiếng tù và đứt nối hòa lẫn tiếng đốn củi tiều phu.
Một ngày kia từ sau khi xa rời đàn trâu,
Thì năm tấm da dê đực giá chẳng rẻ.

## 110. 河口秋燈

節當梧井夜澄凝
河口家家自點燈
碧練長天一色並
銀花火樹三更騰
光分玉兔天如晝
照轍金牛自似冰
剩喜未央庭燎早
遙將心燭照黎烝

**Phiên âm:**

*HÀ KHẨU THU ĐĂNG*

*Tiết đương ngô tỉnh dạ trừng ngưng,*
*Hà Khẩu gia gia tự điểm đăng.*
*Bích luyện trường thiên nhất sắc tịnh,*
*Ngân hoa hỏa thụ tam canh đằng.*
*Quang phân ngọc thố thiên như trú,*
*Chiếu triệt kim ngưu bạch tự băng.*
*Thừa hỷ vị ương đình liệu tảo,*
*Dao tương tâm chúc chiếu lê chưng.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÈN TRUNG THU Ở PHƯỜNG HÀ KHẨU

(Nguyên chú: *Hà Khẩu là một phường thuộc huyện Thọ Xương, phố phường san sát. Đêm Trung thu cả phố treo đèn cù, riêng phường này nằm sát bên sông, trên dưới đều treo đèn, ánh sáng chiếu mặt sông sáng lấp lánh, càng làm cho cuộc đi chơi thêm thú vị.)*

Thời tiết đương vào thu, đêm trong veo,
Phường Hà Khẩu mọi nhà đều thắp đèn cả.
Bầu trời mênh mông một sắc như dải lụa biếc,
Cây lửa hoa bạc suốt ba canh lấp lánh.
Bóng thỏ ngọc sáng ngời, trời tựa ban ngày,
Chiếu sáng cả tới Kim Ngưu, trắng như băng.
Đi chơi đêm vui, hãy còn sớm, đuốc sáng rực,
Xa đem bó đuốc lòng chiếu sáng cả tới dân đen.

## 111.水屯夜折

行兵節制仿吳孫
夜折聲聲肅水屯
軍次近依千頃碧
樓更遙戀五端門
聲傳雁塞笳收舌
響徹蛟宮鱷斷魂
甲洗銀河欣盛會
戎亭虛候遞傳撙

**Phiên âm:**

*THỦY ĐỒN DẠ THÁC*

*Hành binh tiết chế phỏng Ngô Tôn,*
*Dạ thác thanh thanh túc Thủy Đồn.*
*Quân thứ cận y thiên khoảnh bích,*
*Lâu canh dao luyến ngũ Đoan Môn.*
*Thanh truyền nhạn tái già thu thiệt,*
*Hưởng triệt giao cung ngạc đoạn hồn.*
*Giáp tẩy Ngân Hà hân thịnh hội,*
*Nhung đình hư hậu đệ truyền tôn.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG MÕ GÁC ĐÊM Ở ĐỒN THỦY(1)

(Nguyên chú: *Đồn Thủy xưa ở phía tây cạnh Long cung, đặt thủy trại, nơi trữ sẵn thuyền bè. Cạnh sông lớn có bến đậu thuyền bè, trên dưới la liệt, hình thế san sát; ngày đêm cảnh báo bằng tiếng mõ không dứt. Sau này Đồn Thủy rời về khu vực gần bờ sông Nhĩ Hà.)*

Chỉ huy hành quân phỏng theo binh pháp Tôn Ngô,
Từng tiếng mõ canh đêm vang lên, khiến quang cảnh Đồn Thủy nghiêm túc.
Trại quân gần sông, dựa vào nghìn khoảnh sóng biếc,
Canh hầu võng nhớ năm cửa Đoan Môn.
Tiếng mõ truyền đến nơi biên tái, làm tiếng khèn nơi đây phải im,
Tiếng mõ lan thấu tận thủy cung, làm lũ cá kình mất vía.
Kéo sông Ngân Hà rửa sạch vũ khí, mừng gặp thời thái bình,
Dẹp yên binh đao thoải mái truyền nhau chén rượu

*Chú thích:*

1. Xem chú thích 1 bài số 82.

## ĐOÀN NGUYỄN TUẤN 段阮俊

(Nguyên chú: *Đoàn Nguyễn Tuấn là nhà thơ người Hải An, huyện Quỳnh Côi, Thái Bình, là con Đoàn Nguyễn Thục, con rể Tiến sĩ Nhữ Đình Toản và là anh vợ Nguyễn Du. Ông đậu Hương cống triều Lê, nhưng không ra làm quan. Khoảng năm 1786, ông chiêu mộ dân làng định dấy binh chống lại Nguyễn Hữu Chỉnh, giúp Trịnh Bồng nhưng không thành. Năm 1788, ông cộng tác với triều Tây Sơn, nhận chức Trực Học sĩ Hàn lâm viện. Năm 1789, ông được giao việc đón tiếp sứ giả nhà Thanh sang phong vương cho Quang Trung. Năm 1790, được cử cùng Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn trong đoàn sứ bộ đưa vua Quang Trung giả sang triều kiến vua Càn Long nhà Thanh. Sau khi vua Quang Trung mất (1792), ông vẫn tiếp tục làm quan dưới thời Cảnh Thịnh. Chưa rõ ông mất năm nào. Tác phẩm còn lại khoảng 240 bài thơ và một bài phú bằng chữ Hán, tất cả được tập hợp trong tác phẩm* Hải ông thi tập, *ký hiệu A. 2603 và* Đoàn Nguyễn Tuấn thi tập, *ký hiệu A. 598.)*

Dưới đây là những bài thơ viết về Thăng Long của Đoàn Nguyễn Tuấn.

### 112. 西湖浣絲

霪潭水色正連漪
橋上觀紈浣濯時
彩徹龍窩鋪練渚
錦迴鵲浦浴河磯
蚕桑生理身常潔

霹靂奇方手不龜
何處霜砧寒搗月
愁人聲答浣湖絲

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ CÁN TY*

*Dâm Đàm thủy sắc chính liên y,*
*Kiều thượng quan hoàn cán trạc thì.*
*Thái triệt long oa phô luyện chử,*
*Cẩm hồi thước phố dục hà ky.*
*Tàm tang sinh lý thân thường khiết,*
*Tích lịch kỳ phương thủ bất quy.*
*Hà xứ sương châm hàn đảo nguyệt,*
*Sầu nhân thanh đáp cán hồ ty.*

**Dịch nghĩa:**

GIẶT LỤA Ở HỒ TÂY

Sắc nước hồ Tây(1) gợn sóng lăn tăn,
Giữa lúc đứng trên cầu xem giặt lụa.
Mầu thấu hang rồng,(2) phô nơi bến lụa,(3)
Gấm vây bãi Thước, giặt tại ghềnh Ngân.(4)
Tằm dâu sinh nhai mình thường trong sạch,
Sấm sét phép lạ,(5) tay chẳng sần sùi.
Nơi nào tiếng chày đập lụa trong sương đang giã dưới trăng lạnh,
Tiếng đáp lại của người giặt tơ buồn não lòng.

**Dịch thơ:**

*Hồ Tây gợn sóng nước mông lung,*

*Tơ giặt bên cầu đứng ngắm trông.*
*Đẹp thấu hang rồng phô bãi lụa,*
*Gấm vây bến Thước tắm ghềnh sông.*
*Phép màu sấm sét tay không nẻ,*
*Sinh kế dâu tằm dạ mãi trong.*
*Vang lạnh chày sương đâu vỗ nguyệt,*
*Giặt tơ tiếng đáp xốn xang lòng!*

Tảo Trang *dịch*

*Chú thích:*

1. Hồ Tây: Nguyên văn là hồ Dâm Đàm (sương mù), là tên gọi khác của hồ Tây.

2. Hang rồng: Dịch từ "Long oa" trong bài thơ. Người xưa cho rằng: Vùng nước sâu rộng là hang ổ của rồng.

3. Bến lụa: Dịch từ "luyện chử," mang 2 nghĩa: vừa là bến nước trong như dải lụa, vừa là bến nước giặt lụa.

4. Ghềnh Ngân: Dịch thoát chữ "Hà ky," vì trong câu thơ còn có "Thước phôi" dùng điển tích: Chim Ô Thước bắc cầu qua sông Ngân Hà, để chỉ Chức Nữ dệt gấm.

5. Sấm sét phép lạ: Dịch từ "Tích lịch kỳ phương," ý nói tiếng đập lụa vang như tiếng sấm sét.

## 113. 文亭貯雲

歷代科名在汗青
滄桑依舊一文亭
門當十道高樓閣
窗宿飛煙淡結屏
玉澤昔陪名教地
皇綱新貴簡書星
慶雲相見光華旦
一國瞻依具典型

**Phiên âm:**

*VĂN ĐÌNH TRỮ VÂN*

*Lịch đại khoa danh tại hãn thanh,*
*Thương tang y cựu nhất Văn đình.*
*Môn đương thập đạo cao lâu các,*
*Song túc phi yên đạm kết bình.*
*Ngọc trạch tích bồi danh giáo địa,*
*Hoàng cương tân bí giản thư tinh.*
*Khánh vân tương kiến quang hoa đán,*
*Nhất quốc chiêm y cụ điển hình.*

**Dịch nghĩa:**

MÂY TỤ Ở ĐÌNH VĂN

Khoa danh bao đời còn ghi trong sử sách,(1)
Qua cuộc bể dâu, đình Văn vẫn như xưa.
Cửa mở ra đường thập đạo, lầu gác cao cao,
Song quyện làn khói bay, kết thành bình phong nhạt màu.

Ân trạch xưa bồi đắp thành đất học hành,
Kỷ cương mới thêm rạng rỡ sao văn hiến.(2)
Ban mai tươi sáng, gặp gỡ mây lành,
Cả nước trông nhờ, mẫu khuôn đầy đủ.

**Dịch thơ:**

*Mấy độ khoa danh sáng sử xanh,*
*Bể dâu biến đổi vẫn Văn đình.*
*Giữa nơi thập đạo lầu cao vút,*
*Bên cửa song khuya khói quyện hình.*
*Ân trạch đắp bồi nền giáo hóa,*
*Kỷ cương rạng rỡ nếp nho sinh.*
*Mây lành gặp gỡ tương lai sáng,*
*Cả nước trông vào một mẫu hình.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Sử sách: Dịch thoát từ chữ "Hãn thanh."

2. Sao văn hiến: Dịch chữ "giản thư tinh." Giản thư: chỉ công văn, giấy tờ, sách vở nói chung; chỉ nghĩa tượng trưng cho nền văn hiến.

## 114. 武觀敲月

寶鼎香飄篆竹苞
眞人靈跡鎮南郊
劍光擁慧凝潭影
蟾魄鳴霜響樹梢
寂滅禪機鯨屢動
榮枯世夢蠂頻勞
不如一掉清風里
一曲滄浪似解嘲

**Phiên âm:**

*VŨ QUÁN XAO NGUYỆT*

*Bảo đỉnh hương phiêu triện trúc bào,*
*Chân nhân linh tích trấn Nam Giao.*
*Kiếm quang ủng tuệ ngưng đàm ảnh,*
*Thiềm phách minh sương hưởng thụ sao.*
*Tịch diệt thiền cơ kình lũ động,*
*Vinh khô thế mộng điệp tần lao.*
*Bất như nhất trạo thanh phong lý,*
*Nhất khúc thương lang tự giải trào.*

**Dịch nghĩa:**

BÓNG TRĂNG LAY ĐỘNG TRÊN QUÁN TRẤN VÕ[1]

Đỉnh báu hương bay quyện quanh khóm trúc,[2]
Dấu thiêng chân nhân trấn giữ cõi Nam.
Gươm tỏa ánh tuệ, in xuống lòng đầm,[3]
Trăng soi sáng sương đêm dội trên ngọn cây.

Chày kình[4] luôn khuấy động cơ thiền tịch diệt,
Hồn bướm[5] cứ nhọc hoài vì mộng đời héo tươi.
Chi bằng một mái chèo bơi trong gió mát,
Hát khúc Thương Lang để đáp lại tiếng cười chê.[6]

**Dịch thơ:**

*Khóm trúc bên đền quyện khói hương,*
*Dấu thiêng Trấn Võ giữ Nam bang.*
*Gươm thần ánh tuệ in làn nước,*
*Trăng sáng rung cây động hạt sương.*
*Cõi tục nhục vinh hồn bướm mệt,*
*Đạo thiền thanh tịnh tiếng kình vang.*
*Chi bằng gió mát đưa chèo quế,*
*Một khúc Thương Lang tựa khích ngang.*

Tảo Trang *dịch*

*Chú thích:*

1. Quán Trấn Võ: Tọa lạc ở thôn An Quang góc đông nam hồ Tây. Thời Lý định đô lập ra để trấn giữ phương Bắc, là nơi thờ Huyền Thiên Thượng Đế. Nay thuộc phố Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội, là một thắng cảnh của Thủ đô.

2. Quyện quanh khóm trúc: Dịch từ chữ "Triện trúc bào" trong bài thơ.

3. Đầm: Chỉ hồ Tây.

4. Chày kình: Là chiếc chày gõ chuông làm hình con cá kình. Sách *Truyền đăng lục* ghi: "Bể lớn có cá kình, bờ bể có rừng, có con mãnh thú gọi là Bồ Lao thường ra ăn cỏ. Cá kình nhân gặp lấy đuôi quật vào thân Bồ Lao; Bồ Lao thất kinh, rống lên kêu vang động cả trời. Vì thế, sau này đúc chuông, trên núm thường đúc hình Bồ Lao, chày gõ chuông thường làm hình cá kình, mang ý nghĩa tiếng chuông gõ vang khắp bốn phương, thức tỉnh mộng trần."

5. Hồn bướm: Theo tích Trang Chu từng mơ mình biến thành con bướm.

6. Khúc hát Thương Lang: Tên một khúc hát dân gian xưa của người ẩn dật đi đánh cá: "Nước sông Thương Lang trong chừ, ta giặt dải mũ. Nước sông Thương Lang đục chừ, thì ta rửa chân."

## 115. 槐街歌女

百轉鶯喉巧弄歌
可憐美目慣秋波
蕭疏蘆舍持絲竹
婉艷嬌娘強綺羅
輾轉春情愁夜月
淒涼古調咽鳴笳
動人最是風流處
一曲南音逸唱和

**Phiên âm:**

*HÒE NHAI CA NỮ*

*Bách chuyển oanh hầu xảo lộng ca,*
*Khả lân mỹ mục quán thu ba.*
*Tiêu sơ lư xá trì ty trúc,*
*Uyển diễm kiều nương cưỡng ỷ la.*
*Triển chuyển xuân tình sầu dạ nguyệt,*
*Thê lương cổ điệu yết minh già.*
*Động nhân tối thị phong lưu xứ,*
*Nhất khúc Nam âm dật xướng hòa.*

**Dịch nghĩa:**

CÔ CA NỮ PHỐ HÒE NHAI[1]

Giọng oanh trăm chiều khéo lựa lời ca,
Mắt đẹp đáng yêu thường gợi sóng thu ba.[2]
Nhà cửa thanh nhã, tay mây đàn sáo,
Dáng đẹp yêu kiều gượng mang gấm vóc.[3]

Tình xuân trăn trở buồn bã đêm trăng,
Điệu cổ thê lương nghẹn ngào sáo trúc.
Rung động lòng người nhất là những chốn phong lưu,
Một khúc Nam âm[4] thảnh thơi xướng họa.

**Dịch thơ:**

*Trăm giọng chim oanh rộn tiếng ca,*
*Yêu sao mắt đẹp ánh thu ba.*
*Tiêu sơ nhà cửa nâng đàn sáo,*
*Kiều diễm cô nương gượng gấm là.*
*Trăn trở tình xuân trăng ảo não,*
*Nghẹn ngào tiếng sáo điệu buồn xa.*
*Động lòng nhất chốn phong lưu ấy,*
*Một khúc Nam âm nhịp xướng hòa.*

Tảo Trang *dịch*

*Chú thích:*

1. Hòe Nhai: Tên một phố ở quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thời phong kiến, nơi đây nổi tiếng là phố ca kỹ.

2. Sóng thu: Dịch từ chữ "thu," chỉ đôi mắt của những cô gái đẹp, đa tình, như sóng nước mùa thu.

3. Gượng mang gấm vóc: Ý chỉ bản thân các cô gái vốn đã đẹp, mang trang phục gấm vóc chỉ là sự gượng ép; không phải vì thế mà làm cho vẻ đẹp của các cô tăng lên.

4. Nam âm: Giọng hát của người phương Nam.

## 116. 劍湖射斗

十年旄鉞靜東都
龍去藍山劍在湖
寶焰光沉三尺鍔
牛墟瑩徹一泓珠
花開春色歡重覩
霜落秋聲哭賊俘
滄海桑田湖似若
天威猶畫水雲圖

**Phiên âm:**

*KIẾM HỒ XẠ ĐẨU*

*Thập niên mao việt tĩnh Đông Đô,*
*Long khứ Lam Sơn kiếm tại hồ.*
*Bảo diệm quang trầm tam xích ngạc,*
*Ngưu khư oánh triệt nhất hoằng châu.*
*Hoa khai xuân sắc hoan trùng khải,*
*Sương lạc thu thanh khốc tặc phù.*
*Thương hải tang điên hồ tự nhược,*
*Thiên uy do họa thủy vân đồ.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ GƯƠM ÁNH LÊN SAO ĐẨU

Mười năm cờ búa[1] dẹp yên Đông Đô,
Rồng đi Lam Sơn,[2] kiếm ở lại hồ.
Ba thước kiếm đã chìm ánh sáng lửa báu,
Một doành châu trong suốt tòa sao Ngưu.[3]

Hoa nở sắc xuân như vui mừng vì nhiều phen chiến thắng,
Sương rớt tiếng thu dường nỉ non tiếng khóc giặc tù.
Trải qua bể dâu, hồ vẫn y nguyên,
Oai trời còn vẽ bức tranh mây nước.

**Dịch thơ:**

*Mười năm chinh chiến lấy Đông Đô,*
*Rồng đến Lam Sơn kiếm ở hồ.*
*Lửa báu chìm theo ba thước kiếm,*
*Sao Ngưu trong suốt một doành chu (châu).*
*Hoa khoe xuân sắc mừng trận thắng,*
*Sương rớt trời thu tiếng khóc tù.*
*Dâu bể bao phen hồ vẫn thế,*
*Oai trời còn vẽ bức dư đồ.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Cờ búa: Dịch từ chữ "mao việt": Là hai thứ vũ khí của vua Chu Vũ Vương là cờ bạch mao và phủ việt (búa) đi đánh vua Trụ nhà Ân. Sau người ta dùng để chỉ uy quyền của nhà vua đi dẹp giặc.

2. Rồng đi Lam Sơn: Lê Lợi quê ở Lam Sơn, sau khi mất, linh cữu của ông chuyển về an táng ở Lam Sơn cho nên lời bài thơ viết như vậy.

3. Sao Ngưu: Lấy điển gươm báu ở Phòng thành, ánh sáng chiếu soi lên tận sao Ngưu.

## 117. 鉢場籠煙

瀘河南下水泱泱
隔岸低迷望鉢場
虞器就陶資貿易
楚雲無雨自飄揚
葭芃序屋連長岸
載土歸帆掛夕陽
占得四時風月好
煙波江上往來商

**Phiên âm:**

*BÁT TRÀNG LUNG YÊN*

*Lô hà nam hạ thủy ương ương,*
*Cách ngạn đê mê vọng Bát Tràng.*
*Ngu khí tự đào tư mậu dịch,*
*Sở vân vô vũ tự phiêu dương.*
*Hà bồng tự ốc liên trường ngạn,*
*Tải thổ quy phàm quải tịch dương.*
*Chiếm đắc tứ thời phong nguyệt hảo,*
*Yên ba giang thượng vãng lai thương.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓI TỎA TRÊN LÀNG BÁT TRÀNG[1]

Sông Lô[2] xuôi về nam, dòng thăm thẳm mênh mông,
Đứng bên kia bờ trông sang, làng Bát Tràng mờ tỏ.
Đồ vật nhà Ngu[3] làm ra giúp cho việc buôn bán trao đổi,
Mây nước Sở[4] không mưa, vẫn tự bay lượn.

Lau sậy tốt um như mái nhà kề nhau san sát dọc đê dài,
Thuyền chở đất về, cánh buồm như treo nắng chiều.
Chiếm cả cảnh đẹp trăng gió bốn mùa,
Qua lại buôn bán trên sông khói sóng.

**Dịch thơ:**

*Sông Hồng xuôi mãi, nước mênh mang,*
*Cách ngạn trông sang cảnh Bát Tràng.*
*Nghề gốm từ xưa nguồn kiếm sống,*
*Không mưa mây Sở mặc lang bang.*
*Mái nhà lau sậy liền san sát,*
*Đất chở thuyền về nắng chói chang.*
*Trăng gió bốn mùa giành chiếm cả,*
*Trên sông xuôi ngược bán cùng buôn.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Làng Bát Tràng: Nay thuộc xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Từ xưa làng đã có nghề làm gốm, nay vẫn rất phát triển.

2. Sông Lô: Ở đây chỉ sông Hồng, một thời là tên gọi khác của sông Hồng.

3. Nhà Ngu: Chỉ triều đại vua Thuấn đời Thượng cổ Trung Quốc. Theo sử sách, thuở hàn vi, vua Thuấn từng làm nghề gốm.

4. Mây nước Sở: Ý nói có mây không mưa; mượn tích "Mây mưa nước Sở" để nói chuyện lúc trời có mây không mưa, nhìn sang Bát Tràng.

## 118. 羅城竹塢

高低長此鎮山河
鴻爪遺蹤屹大羅
天府有形分鎖鑰
蒼雲一色編條柯
三春篆瑩瀘江水
五夜霜鳴祭柳笳
事往人非城郭是
幾回鵑泣又鶯歌

**Phiên âm:**

*LA THÀNH TRÚC Ổ*

*Cao đê trường thử trấn sơn hà,*
*Hồng trảo di tung ngật Đại La.*
*Thiên phủ hữu hình phân tỏa thược,*
*Thương vân nhất sắc biến điêu kha.*
*Tam xuân triện oánh Lô giang thủy,*
*Ngũ dạ sương minh Tế Liễu già.*
*Sự vãng nhân phi thành quách thị,*
*Kỷ hồi quyên khấp hựu oanh ca.*

**Dịch nghĩa:**

LŨY TRE THÀNH ĐẠI LA[1]

Cây cối cao thấp mãi mãi bảo vệ núi sông này,
Sừng sững thành Đại La, vết chim hồng còn để lại.[2]
Hình thế kho trời, then khóa chia quyền nắm giữ,
Như một đám mây xanh trải khắp lá cành.

Khói sương tỏa soi xuống dòng Lô cả ba tháng xuân,
Kèn trại Tế Liễu lay động làn sương suốt năm canh.
Mọi việc qua đi, người đã đổi khác, mà thành quách vẫn còn đây,
Tiếng chim quyên khóc, tiếng chim oanh ca đã mấy lần rồi!

**Dịch thơ:**

*Cao thấp bền lâu giữ nước nhà,*
*Móng hồng lưu vết thành Đại La.*
*Sao trời hình thế chia then khóa,*
*Mây biếc bay lan phủ ngọn cành.*
*Bóng khói Lô giang xuân chín chục,*
*Kèn sương Tế Liễu tiếng năm canh,*
*Việc qua, người khác, thành nguyên cũ,*
*Quyên khóc bao lần, lại tiếng oanh.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Thành Đại La: Một tên gọi xưa của thành Thăng Long, Hà Nội.

2. Vết chim hồng: Câu này dùng ý bài thơ "Dẫn từ hoài cựu" của Tô Thức đời Tống:

Nhân sinh đáo xứ tri hà tự?
Ưng thị phi hồng đạp tuyết nê.
Nê thượng ngẫu nhiên lưu chỉ trảo,
Hồng phi ná phục kế đông tê...

Tạm dịch:

*Ngẫm xem từng bước đường đời,*
*Chim hồng trên tuyết, đậu rồi lại bay.*
*Vô tình in dấu chân đây,*
*Hồng bay ai biết đông tây nẻo nào...*

Ý chỉ việc đời qua đi còn lưu lại dấu tích. Cũng có ý hiểu là dấu vết Lạc Hồng, theo huyền thoại cổ gắn với nguồn gốc dân tộc Việt.

## 119. 網市花田

辰平偏野翳桑麻
一邑生涯滿地花
八畝地肥多煖土
群方春及吐奇葩
韶資難禁幽閒地
艷色終歸當貴家
自有蘇江資灌寖
寒霜冬過又繁華

**Phiên âm:**

*VÕNG THỊ HOA ĐIỀN*

*Thời bình, biến dã ế tang ma,*
*Nhất ấp sinh nhai mãn địa hoa.*
*Bát mẫu địa phì đa noãn thổ,*
*Quần phương xuân cập thổ kỳ ba.*
*Thiều tư nan cấm u nhàn địa,*
*Diễm sắc chung quy phú quý gia.*
*Tự hữu Tô giang tư quán tẩm,*
*Hàn sương đông quá, hựu phồn hoa.*

**Dịch nghĩa:**

RUỘNG HOA LÀNG VÕNG THỊ

Thời buổi thanh bình, khắp đồng rợp bóng dâu gai,
Nguồn sống cả làng, đó là hoa đầy mặt đất.
Tám mẫu ruộng màu, nhiều chỗ đất thuần,
Muôn hoa(1) xuân tới đều trổ bông lạ.

Tư chất đẹp tươi khôn giam ở nơi u tịch,[2]
Màu sắc diễm lệ rốt cuộc về nhà giàu sang.
Sẵn có sông Tô[3] tiện bề tưới tắm,
Qua đông sương giá, hoa lại rỡ ràng.

**Dịch thơ:**

*Thời bình đồng rợp bóng dâu gai,*
*Nguồn sống cả làng, hoa khắp nơi.*
*Tám mẫu ruộng màu toàn đất tốt,*
*Trăm hoa xuân đến, vẻ tinh khôi.*
*Sắc hoa khôn giữ nơi u tịch,*
*Phú quý mang về cắm nụ tươi.*
*Sẵn có sông Tô nguồn tưới tắm,*
*Đông qua xuân tới lại đua cười.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Nguyên văn: "Quần phương" là mọi phương: đông, tây, nam, bắc... Có lẽ chữ "phương" có bộ thảo đầu, nghĩa là thơm. "Quần phương" là mọi loài cỏ thơm. Đời Minh có soạn cuốn *Quần phương phả* để ghi chép các loài thảo mộc, hoa lá (có tuyển chọn).

2. Câu này ý nói những bông hoa đẹp có khi nào lại bị bỏ hoài nơi đồng ruộng, tất sẽ có người dùng để trang trí trong các nhà sang trọng. Câu thơ dùng ý giống câu: "Thiên sinh lệ chất nan tự khí" (Trời sinh ra người đẹp đâu chịu bỏ hoài) trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị đời Đường.

3. Sông Tô Lịch: Có tên từ khi nước ta thuộc Đường; làng Võng Thị tức làng Vó ở ngay ven sông.

## 120. 監門課士

損益相回道愈尊
吾人素自有淵源
春融舊泮環觀聽
時習新規重討論
漏巷多年蜚士望
大庭指日對王言
天心將啓文明運
五夜圭星燦學門

**Phiên âm:**

*GIÁM MÔN KHÓA SĨ*

*Tổn ích tương hồi, đạo dũ tôn,*
*Ngô nhân tố tự hữu uyên nguyên.*
*Xuân dung cựu phán hoàn quan thính,*
*Thời tập tân quy trọng thảo luân.*
*Lậu hạng đa niên phi sĩ vọng,*
*Đại đình chỉ nhật đối vương ngôn.*
*Thiên tâm tương khải văn minh vận,*
*Ngũ dạ Khuê tinh xán học môn.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓA SINH Ở TRƯỜNG GIÁM(1)

Thêm bớt đắp đổi, đạo ngày càng cao,(2)
Bọn ta vốn tự có sẵn cội nguồn.
Xuân ấm trường xưa,(3) quây quần học tập,

Luôn rèn nếp mới, chú trọng luận bàn.
Ngõ hẻm nhiều năm nức tiếng học trò,
Sân rồng hẹn ngày đáp lời vua hỏi.
Lòng trời muốn mở vận hội văn minh,
Đêm năm canh, sao Khuê[4] rực sáng cửa trường.

*Chú thích:*

1. Nhà Giám hay Trường Giám, tức trường Quốc Tử Giám; nơi đào tạo nhân tài của nhà nước phong kiến trước kia, nay là Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở phố Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

2. *Kinh Dịch,* lời Thoán ở quẻ Ích nói: "Tổn thượng ích hạ, dân duyệt vô cương; tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang" (Bớt trên thêm cho dưới, dân vui khôn xiết; từ trên xuống dưới, đạo rất sáng tỏ).

3. Cựu phán: Tức trường xưa; trường học của các nước chư hầu gọi là Phán Cung. Phán Cung dựng lên ở giữa một cái ao, học trò ngồi vòng quanh nghe giảng. *Kinh Thi* nói: "Tư lạc Phán thủy, bạc thái kỳ cân" (Nhớ khi vui với hồ nước bên cung Phán, thường cùng hái rau cần).

4. Sao Khuê: Là một trong 28 ngôi sao sáng trên bầu trời, mà sao Khuê là sao chủ về văn chương học hành. Năm 1805, vua Gia Long đã cho dựng gác Khuê Văn.

## 121. 城旗掛旭

建作工夫代化機
五門樓外望巍巍
高飄百尺擎天立
直指重霄擁日輝
進近開時風正拂
罷朝捲處露初晞
億年瞻仰無窮頌
不息陽光不拔旗

**Phiên âm:**

*THÀNH KỲ QUẢI HÚC*

*Kiến tác công phu đại hóa ky,*
*Ngũ Môn lâu ngoại vọng nguy nguy.*
*Cao tiêu bách xích kình thiên lập,*
*Trực chỉ trùng tiêu ủng nhật huy.*
*Tiến cận khai thời phong chính phất,*
*Bãi triều quyển xứ lộ sơ hy.*
*Ức niên chiêm ngưỡng vô cùng tụng,*
*Bất tức dương quang, bất bạt kỳ.*

**Dịch nghĩa:**

CỜ THÀNH TREO TRONG NẮNG SỚM

Công phu xây dựng thay cho máy tạo hóa,
Trông cao chót vót bên ngoài lầu Ngũ Môn.(1)
Cao vút trăm thước sừng sững đứng chống trời,

Thẳng trỏ tầng mây, rực rỡ đỡ vầng dương.
Tiến triều mở ra, đúng khi gió bay phấp phới,
Bãi triều cuộn lại, móc cũng vừa tan.
Muôn năm chiêm ngưỡng, chúc tụng khôn cùng,
Ánh dương không tắt, ngọn cờ còn mãi...

*Chú thích:*

1. Lầu Ngũ Môn: Được xây dựng năm Quý Hợi (1803) thời Gia Long, trên nền cũ của ba cửa (Tam Môn) đời Lý, bên ngoài lầu Ngũ Môn về sau xây thêm kỳ đài.

## 122. 樓鼓傳更

曝竹初春天籟秋
悠悠不似鼓更樓
鳴和鉦鐸司宮漏
擊碎風霜報夜籌
聲過重城驚雁塢
響窮珥水對漁舟
更闌多少鄉關思
聽得東窗日出頭

**Phiên âm:**

*LÂU CỔ TRUYỀN CANH*

*Bộc trúc sơ xuân, thiên lại thu,*
*Du du bất tự cổ canh lâu.*
*Minh hòa chinh đạc tư cung lậu,*
*Kích toái phong sương báo dạ trù.*
*Thanh quá trùng thành kinh nhạn ổ,*
*Hưởng cùng Nhĩ thủy đối ngư chu.*
*Canh lan đa thiểu hương quan tứ,*
*Thính đắc đông song, nhật xuất đầu.*

**Dịch nghĩa:**

TRỐNG LẦU BÁO SANG CANH

Tiếng pháo đầu xuân cùng tiếng sáo trời thu,
Không dằng dặc như tiếng trống canh trên lầu.
Vang hòa chiêng mõ, coi việc giờ giấc trong cung,
Đánh tan gió sương, báo rõ giờ khắc ban đêm.

Tiếng vượt qua mấy lần thành, kinh động tổ nhạn,
Âm vang khắp dòng sông Nhị, vọng tới thuyền chài.
Canh tàn ít nhiều gợi nỗi nhớ quê,
Hình như ngoài cửa sổ phía đông, mặt trời đã ló đầu.

**Dịch thơ:**

*Tiếng pháo đầu xuân, tiếng sáo thu,*
*Miên man chẳng giống trống canh lâu.*
*Vang hòa chiêng mõ trong cung cấm,*
*Xua tản phong sương, điểm khắc thâu.*
*Tiếng vượt trùng thành kinh tổ nhạn,*
*Âm vang dòng Nhị tới thuyền câu.*
*Canh tàn chạnh nhớ làng quê cũ,*
*Cửa sổ vầng đông đã ló đầu!*

Tường Luân *dịch*

## 123. 傘嶺雲間

西陲晴望鬱如薰
隱見低迷傘嶺雲
三級石痕渾靉靆
半空山色自氤氳
天星翼軫坤維轉
地軸崑崙乾柱分
[ ][ ][ ]崖令萬歲
祥光佳氣壽邦君

**Phiên âm:**

*TẢN LĨNH VÂN GIAN*

*Tây thùy tình vọng uất như huân,*
*Ẩn hiện đê mê Tản Lĩnh vân.*
*Tam cấp thạch ngân hồn ái đãi,*
*Bán không sơn sắc tự nhân uân.*
*Thiên tinh Dực Chẩn khôn duy chuyển,*
*Địa trục Côn Luân càn trụ phân.*
*... [ ]... [ ]... [ ] nhai linh vạn tuế,*
*Tường quang giai khí thọ bang quân.*

**Dịch nghĩa:**

NÚI TẢN TRONG MÂY(1)

Tạnh trời, ngắm miền tây, ngùn ngụt như hun,
Mây trên núi Tản ẩn hiện mơ màng.
Ngấn đá ba tầng bao la mờ mịt,
Sắc núi lưng trời khí tốt chan chan.

Vòng đất xoay vần thuộc vùng sao Dực, Chẩn,
Cột trời phân biệt mạch tự núi Côn Luân.
... [ ]... [ ]... [ ] lưng đèo nghe tiếng hô vạn tuế,(2)
Vẻ lành, khí tốt, điềm vua ta sống lâu.

**Dịch thơ:**

*Trời quang khói lửa ngắm phía tây,*
*Núi Tản bao quanh những áng mây.*
*Ngấn đá ba tầng xa ẩn hiện,*
*Lưng trời sắc núi tỏa hơi may.*
*Vùng sao Dực, Chẩn đà phân dã,*
*Mạch núi Côn Luân đến cõi này.*
*Vạn tuế xưng hô lừng vách núi,*
*Điềm lành khí tốt, vua thọ đây.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

l. Núi Tản: Tức núi Tản Viên, cũng có tên là Ba Vì, thuộc huyện Ba Vì, ngoại thành Hà Nội.

2. Câu này trong văn bản thiếu 3 chữ, chưa bổ sung được.

## 124. 烈津野渡

城南數里烈潭津
芳樹依依古渡春
千頃平鋪深淺水
一舟利涉往來人
九橋官筏牽繩急
三板茶船飲客頻
幾度風波渾不怕
潭心如練草如茵

**Phiên âm:**

*LIỆT TÂN DÃ ĐỘ*

*Thành nam sổ lý Liệt đàm tân,*
*Phương thụ y y cổ độ xuân.*
*Thiên khoảnh bình phô thâm thiển thủy,*
*Nhất chu lợi thiệp vãng lai nhân.*
*Cửu kiêu quan phiệt khiên thằng cấp,*
*Tam bản trà thuyền ẩm khách tần.*
*Kỷ độ phong ba hồn bất phạ,*
*Đàm tâm như luyện, thảo như nhân.*

**Dịch nghĩa:**

BẾN ĐÒ CÁNH ĐỒNG LÀNG SÉT

Cách thành vài dặm về phía nam là bến đò Sét,[1]
Cây cối xanh tươi vẫn còn nguyên vẻ xuân của bến đò xưa.
Nước chỗ sâu, nông trải phẳng ra ngàn khoảnh,
Người đi qua lại, tiện lợi nhờ một con đò.

Bè quan chín nhịp, kéo dây rất gấp,
Thuyền chè ba ván,(2) khách được uống luôn.
Trải bao phong ba, chẳng hề sợ sệt,
Lòng đầm như lụa, cỏ tựa thảm nhung.

**Dịch thơ:**

*Cách thành vài dặm phía nam xa,*
*Làng Sét đò ngang chẳng khác xưa.*
*Nước chỗ nông sâu ngàn vạn khoảnh,*
*Người qua kẻ lại một thuyền đưa.*
*Bè quan chín nhịp dây căng gấp,*
*Ba ván thuyền chè khách được pha.*
*Sóng gió bao phen nào sợ sệt,*
*Mặt đầm như lụa, cỏ như tơ.*

Mai Hải *dịch*

*Chú thích:*

1. Bến Sét: Tức bến đò làng Sét (tên nôm của làng Thịnh Liệt), huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Ở đây có một đầm lớn nhiều cá rô, ngon nổi tiếng (cá rô đầm Sét).

2. Thuyền chè ba ván: Loại thuyền nhỏ, chỉ dùng ba tấm ván ghép lại, đẩy nhẹ, đi nhanh, cũng gọi là thuyền tam bản.

## 125. 昭渚漁竿

城市生街更業漁
清風明月伴浮居
半江煙浪千尋碧
百尺絲竿一葉虛
東步沙平看蚌鷸
桑州潦盡侶蝦魚
江湖廣莫人無事
換酒歸來且飯蔬

**Phiên âm:**

*CHIÊU CHỬ NGƯ CAN*

*Thành thị sinh nhai cánh nghiệp ngư,*
*Thanh phong minh nguyệt bạn phù cư.*
*Bán giang yên lãng thiên tầm bích,*
*Bách xích ty can nhất diệp hư.*
*Đông Bộ sa bình khan bạng duật,*
*Tang Châu lạo tận lữ hà ngư.*
*Giang hồ quảng mạc nhân vô sự,*
*Hoán tửu quy lai thả phạn sơ.*

**Dịch nghĩa:**

CÂU Ở BẾN NHẬT CHIÊU[1]

Sinh ở phố phường thành thị, lại làm nghề câu cá.
Gió mát trăng thanh bạn cùng nhà nổi.
Sóng mây nửa sông, ngàn tầm xanh biếc,
Cần dây trăm thước, một thuyền nhẹ tênh.

Đông Bộ[2] cát phẳng, ngắm cảnh trai cò,[3]
Tang Châu[4] ngập hết, bạn cùng tôm cá.[5]
Sông hồ man mác, người thật an nhàn,
Đổi lấy rượu về, nhắm với cơm rau.

**Dịch thơ:**

*Gió mát trăng thanh sống nổi trôi,*
*Thị thành mà nghiệp cá sinh nhai.*
*Nửa sông khói sóng ngàn tầm biếc,*
*Trăm thước cần dây một lá chài.*
*Nước ngập Tang Châu vui cá tép,*
*Cát lỳ Đông Bộ ngó cò trai.*
*Sông hồ man mác người nhàn tản,*
*Đổi rượu mang về rau nhắm chơi.*

Tảo Trang *dịch*

*Chú thích:*

1. Bến Nhật Chiêu: Ở bên sông Hồng, thuộc huyện Vĩnh Thuận, phía bắc thành Thăng Long, nay là bến Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội.

2. Đông Bộ: Tức bến Đông Bộ Đầu, một bến sông ở phía bắc Thăng Long, nơi quân dân nhà Trần chiến thắng quân Nguyên Mông năm 1258.

3. Truyện ngụ ngôn, Tô Đại nói với vua Triệu: "Trai mở miệng phơi nắng trên bãi cát, cò thò mỏ mổ ruột trai, trai kẹp lấy mỏ cò; giằng nhau mãi không con nào chịu buông trước. Khi người đánh cá đi qua, vớ được cả cò lẫn trai."

4. Tang Châu: Tên một bãi giữa sông Nhị Hà, còn gọi là Tàm Xá châu.

5. Bài *Tiền Xích Bích phú* có câu: "Lữ ngư hà nhi hữu mi lộc" (Bầu bạn với tôm cá và hươu nai).

## 126. 珠林雨後

霽雨晴開蔽日林
眞機恍若見天心
牛沉蹤泯湖光靜
鳳去臺空草色深
村塢輕煙浮水淡
塔前蒼翠落花陰
一臺世界渾如洗
不假緇塵半點侵

**Phiên âm:**

*CHÂU LÂM VŨ HẬU*

*Tễ vũ tình khai tế nhật lâm,*
*Chân cơ hoảng nhược kiến thiên tâm.*
*Ngưu trầm tung dẫn, hồ quang tĩnh,*
*Phượng khứ đài không, thảo sắc thâm.*
*Thôn ổ khinh yên phù thủy đạm,*
*Tháp tiền thương thúy lạc hoa âm.*
*Nhất đài thế giới hồn như tẩy,*
*Bất giả truy trần bán điểm xâm.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA CHÂU LÂM SAU MƯA[1]

Mưa tạnh, nắng bừng rừng cớm ánh nắng,
Cơ màu chân thực, như thấy lòng trời.
Trâu chìm tăm bặt,[2] ánh hồ phẳng lặng,

Phượng đi đài trống,[3] màu cỏ xanh om.
Khói nhẹ trong thôn bay mờ nhạt trên nước,
Cây xanh trước tháp tỏa bóng râm trên hoa.
Một bầu thế giới sạch làu như rửa,
Không cho nửa hạt bụi đen phạm tới.

*Chú thích:*

1. Châu Lâm: Tức chùa Châu Lâm ở phía nam hồ Tây. Từ đời Hồng Đức làm chỗ cho con cháu Lâm ấp ở, sau bị phá và chuyển sang Thụy Khuê gọi là chùa Bà Đanh. Sau đó lại sáp nhập với chùa Phúc Lâm.

2. Tục truyền đời Lý, nhà sư Nguyễn Minh Không đi quyên đồng ở nước Tống về đúc quả chuông lớn (một trong An Nam tứ khí). Nhưng do dùng toàn thứ "đồng mẹ" cả, nên khi thử tiếng, trâu vàng (kim ngưu) ở Trung Quốc thuộc loại "đồng" con bỏ chạy thẳng về nam. Khi tới hồ Tây, tiếng chuông đã dứt rồi, trâu vàng không biết đi đâu, liền lăn lộn dũi đất thành một cái vũng trâu đằm tức hồ Tây bây giờ. Hồ Tây với hồ Trúc Bạch trước là một, gọi là hồ Tây. Năm 1620, dân ba xã Yên Phụ, Yên Quang, Đông Yên đắp con đường Cổ Ngựa (nay gọi là đường Thanh Niên) ngăn đôi hồ ra, bên đông gọi là hồ Trúc Bạch, bên Tây vẫn gọi là hồ Tây.

3. Đài Phượng: Đài xây trên đám đất gò Mỏ Phượng (phượng chuỳ) ở phía nam hồ Tây, là chỗ hóng mát của vua chúa (nay là đất của trường Chu Văn An).

## 127. 蘇江飲馬

山河壯爾奠南邦
蘇派縈迴飲馬江
縱壑魚蝦名識歷
臨流騏驥影成雙
城邊有色疑龍化
風際無聲任水龐
聖代欣今無用武
歸來閒步過紗窗

**Phiên âm:**

*TÔ GIANG ẨM MÃ*

*Sơn hà tráng nhĩ điện Nam bang,*
*Tô phái oanh hồi ẩm mã giang.*
*Túng hác ngư hà danh thức lịch,*
*Lâm lưu Kỳ Ký ảnh thành song.*
*Thành biên hữu sắc nghi long hóa,*
*Phong tế vô thanh nhậm thủy bàng.*
*Thánh đại hân kim vô dụng vũ,*
*Quy lai nhân bộ quá sa song.*

**Dịch nghĩa:**

NGỰA UỐNG NƯỚC DÒNG TÔ[1]

Non sông hùng tráng giữ vững nước Nam.
Dòng Tô uốn quanh, là sông ngựa uống nước.
Tung tăng dưới khe, tên con tôm con cá, thảy đều biết hết,[2]
Cúi xuống dòng nước, bóng ngựa Ký ngựa Kỳ, một hóa thành đôi.[3]

Có màu sắc bên thành tưởng rồng biến hóa,
Gió trời im ắng, mặc cho nước mênh mang.
Đời Thánh, mừng nay không phải dùng võ,(3)
Trở về, thủng thỉnh dạo qua song the.

**Dịch thơ:**

*Non sông hùng tráng vững Nam bang,*
*Tô thủy quanh co ngựa uống tràn.*
*Con cá con tôm đều nhận biết,*
*Ngựa Kỳ ngựa Ký bước song hàng.*
*Bên thành nổi sắc ngờ rồng biến,*
*Cõi gió im hơi, nước dọc ngang.*
*Đời Thánh nay mừng không dụng võ,*
*Trở về qua cửa bước thênh thang.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Sông Tô Lịch ở Hà Nội, chảy qua địa phận các quận Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai.

2. Nước trong suốt nên phân biệt được từng con tôm con cá bơi lội trong dòng sông.

3. Kỳ, Ký: Tên hai loài ngựa khỏe, giống tốt có thể đi được ngàn dặm nên gọi là Thiên lý mã. Có khi dùng chữ Kỳ Ký để chỉ chung loài ngựa.

4. Khổng Minh nói với Tôn Quyền: "Nay Tào Tháo phá tan Châu Kinh, oai lừng bốn bể, các anh hùng không còn có đất dụng võ;" Song trong bài thơ nói: "Không phải dùng võ," ý chỉ thiên hạ đã bình trị, không phải dùng đến binh đao.

## 128. 靈洞飯牛

牛飯誰家占地靈
囂囂畎畝任人耕
閒蹄不放桃林野
豐草常娛般若庭
物阜不煩憂漢相
人才何待借齊卿
一般逸興成難畫
嘹喨風前扣角聲

**Phiên âm:**

*LINH ĐỘNG PHẠN NGƯU*

*Ngưu phạn thùy gia chiếm địa linh,*
*Hiêu hiêu quyến mẫu nhiệm nhân canh.*
*Nhàn đê bất phóng Đào Lâm dã,*
*Phong thảo thường ngu Bát Nhã đình.*
*Vật phụ bất phiền ưu Hán tướng,*
*Nhân tài hà đãi tá Tê Khanh?*
*Nhất ban dật hứng thành nan họa,*
*Liêu lượng phong tiền khấu giác thanh.*

**Dịch nghĩa:**

CHĂN TRÂU Ở LINH ĐỘNG[1]

Chăn trâu nhà ai chiếm được đất thiêng,
Đồng ruộng thong dong thả sức người cày.
Vó nhàn chẳng thả ra đồng Đào Lâm,[2]

Cỏ tốt thường vui nơi sân Bát Nhã.(3)
Của nhiều, chẳng cần phiền lòng Thừa tướng nhà Hán,(4)
Người giỏi, đâu phải đợi mượn quan Khanh nước Tề.(5)
Hứng nhàn nói chung, thật là khó vẽ,(6)
Tiếng hát gõ sừng trâu véo von trước gió.

*Chú thích:*

1. Linh Động: Xem bài 109.

2. Đào Lâm: Thiên *Vũ Thành, Kinh Thư* có câu: "Phóng ngưu vu Đào Lâm chi dã" (Chăn trâu ngoài cánh đồng Đào Lâm). Vua Vũ Vương nhà Chu khi thắng giặc, bèn chăn trâu ở cánh đồng Đào Lâm, mà không phải dùng vào việc vận tải quân sự nữa.

3. Bát Nhã: Ở đây chỉ chùa chiền.

4. Thừa tướng nhà Hán: Bính Cát, Thừa tướng nhà Hán thấy người đánh nhau chết người, không hỏi; thấy trâu thở hồng hộc lại hỏi, vì cho là khí tiết âm dương trái thường.

5. Tề Khanh: Chỉ Nịnh Thích chăn trâu gõ sừng mà hát, được Tề Hoàn Công cho vời vào triều làm đến quan Khanh.

6. Vẽ trâu mà sai thì ai cũng biết, chứ không như vẽ rồng, vẽ lân.

## 129. 河口秋燈

秋來河口賞秋燈
一刻千金買不能
客浦恰逢三五夜
銀花光照一壺冰
江山不夜挑詩興
風月無邊對酒朋
莫把尋常燈表看
時調玉燭喜平徵

**Phiên âm:**

*HÀ KHẨU THU ĐĂNG*

*Thu lai, Hà Khẩu thưởng thu đăng,*
*Nhất khắc thiên kim mãi bất năng.*
*Khách phố cáp phùng tam ngũ dạ,*
*Ngân hoa quang chiếu nhất hồ băng.*
*Giang sơn bất dạ khiêu thi hứng,*
*Phong nguyệt vô biên đối tửu bằng.*
*Mạc bả tầm thường đăng biểu khán,*
*Thời điều ngọc chúc hỷ bình trưng.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÈN TRUNG THU Ở PHƯỜNG HÀ KHẨU(1)

Thu đến, Hà Khẩu chơi đèn Trung thu,
Một khắc ngàn vàng mua cũng chẳng được.
Phố Khách vừa vặn gặp đúng đêm rằm,

Hoa bạc[2] chiếu sáng một bầu băng giá.
Núi sông không đêm,[3] khêu gợi hứng thơ,
Gió trăng bao la, sánh cùng bạn rượu.
Chớ coi đó là ngọn đèn tầm thường,
Mừng có điềm thái bình, thời tiết thuận hòa.[4]

*Chú thích:*

1. Hà Khẩu: Nay là phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Hoa bạc: Dịch từ chữ "ngân hoa" trong thơ, chỉ ngọn đèn. Thuật ngữ này xuất xứ từ câu: "Hóa thụ ngân hoa hợp" (Cây lửa góp lại thành hoa bạc) của nhà thơ Tô Vị Đạo, người đời Đường ở Trung Quốc xưa.

3. Có đèn sáng nên như ban ngày.

4. Đuốc ngọc: Dịch từ chữ "ngọc chúc" trong thơ. Theo giải thích của sách *Nhĩ Nhã* thì: "bốn mùa điều hoà" là "đuốc ngọc." Đời sau cho là đức độ của nhà vua đẹp như ngọc và sáng như đuốc nên gọi là "đuốc ngọc."

## 130. 金甌水監

佛塔仙樓碧玉侵
鑑湖一水自深深
圓涵秋曙開明匣
光湛清流見碧岑
朝旭初昇鱗碎玉
落霞晚照影篩金
一生故事何須問
直待前村月一林

**Phiên âm:**

*KIM ÂU THỦY GIÁM*

*Phật tháp, Tiên lâu bích ngọc xâm,*
*Giám hồ nhất thủy tự thâm thâm.*
*Viên hàm thu thự khai minh hạp,*
*Quang trạm thanh lưu hiện bích sầm.*
*Triệu húc sơ thăng lân toái ngọc,*
*Lạc hà vãn chiếu ảnh sư câm (kim).*
*Nhất sinh cố sự hà tu vấn,*
*Trực đãi tiền thôn nguyệt nhất lâm.*[1]

**Dịch nghĩa:**

GƯƠNG NƯỚC KIM ÂU[2]

Màu ngọc biếc lan tới tháp Phật, lầu Tiên,
Một vùng nước Giám Hồ vốn sâu thăm thẳm.
Tròn ngậm trời thu, mở ra hộp sáng,
Ánh sáng lắng dòng trong, thấy bóng non xanh.

Khi vầng đông mới lên, sóng hồ như vảy ngọc vỡ.
Lúc ráng chiều buông xuống, bóng nước tựa rây vàng
Chuyện cũ một đời người, cần chi hỏi đến,
Chỉ đợi trăng soi xuống làng trước mặt.

*Chú thích:*

1. Nguyên bản chép chữ "lâm" (林) nghĩa là rừng, chúng tôi cho phải là chữ "lâm" (臨) nghĩa là soi xuống, vì lấy nghĩa ở câu *Kinh Thi:* "Nhật cư nguyệt chư, chiếu lâm hạ thổ" (Mặt trời mặt trăng ở trên, chiếu xuống mặt đất) thì mới có nghĩa.

2. Trong tập thơ *Thăng Long tam thập vịnh* của Đốc học Sơn Nam Thước Sào Trần Đạo Châu (Trần Văn Trứ) cũng có bài thơ *Kim Âu thủy giám,* trong đó có chú thích: Trên ao Kim Âu có chùa Phật Tích và tháp, trên bờ sông phía nam có lầu Vọng Tiên. Ao Kim Âu xưa ở quãng phố Nguyễn Thái Học, nay không còn nữa, chỉ còn lại phố Hồ Giám ở trước mặt Văn Miếu, thuộc quận Đống Đa, Hà Nội bây giờ.

## 131. 竹白錢爐

九重廑念裕民圖
錢貨流通竹白爐
人在橋頭呼送炭
火從沙上出蚨蝣
層層煙爪龍珠寺
浩浩泉流馬頸湖
歲月方圓公課足
腰纏何必上揚州

**Phiên âm:**

*TRÚC BẠCH TIỀN LÔ*

*Cửu trùng cận niệm dụ dân đồ,*
*Tiền hóa lưu thông Trúc Bạch lô.*
*Nhân tại kiều đầu hô tống thán,*
*Hỏa tòng sa thượng xuất phù du.*
*Tằng tằng yên trảo Long Châu tự,*
*Hạo hạo tuyền lưu Mã Cảnh hồ.*
*Tuế nguyệt phương viên công khóa túc,*
*Yêu chiên hà tất thướng Dương Châu.*

**Dịch nghĩa:**

LÒ ĐÚC TIỀN Ở HỒ TRÚC BẠCH

Trên cửu trùng tính kế cho dân đầy đủ,
Đồng tiền lưu thông từ lò Trúc Bạch.
Người trên đầu cầu gọi đưa than tới,

Lửa từ trên cát tung đàn phù du.(1)
Lớp lớp khói phủ lên chùa Châu Long,(2)
Mênh mông suối chảy vào hồ Cổ Ngựa.(3)
Năm tháng vuông tròn thuế công nạp đủ,(4)
Lưng đeo tiền, hà tất phải lên Dương Châu.(5)

*Chú thích:*

1. Phù du: Tức con vờ, thường thấy sống vật vờ trên mặt nước sông hồ, thân mềm yếu, thường lột xác và vòng đời rất ngắn. Tục ngữ: "Xác như vờ." Ở đây ý nói lò đúc ra tiền giống con vờ vòng đời luân chuyển nên người ta còn gọi tiếp là "thanh phù".

2. Chùa Châu Long: Nay gần chợ Châu Long, phố Châu Long, quận Ba Đình, Hà Nội.

3. Hồ Cổ Ngựa: Nay ở vùng phố Hàng Than, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

4. Vuông tròn: Dịch từ chữ "phương viên" trong bài. Lỗ đồng tiền vuông, hình đồng tiền tròn; cho nên "vuông tròn" là từ ngữ chỉ đồng tiền cổ xưa đúc bằng kim loại. ý câu thơ này là: hằng năm nộp tiền thuế đầy đủ.

5. Dương Châu: sách *Thương Nghệ tiểu thuyết* chép: "Có bốn người khách chơi với nhau, mỗi người đều nói lên chí nguyện của mình. Người thứ nhất nói: Muốn làm quan Thứ sử ở đất Dương Châu. Người thứ hai nói: Muốn có nhiều tiền! Người thứ ba nói: Muốn cưỡi hạc bay lên trời! Người thứ tư nói: Muốn đeo trên lưng 10 vạn quan tiền, rồi cưỡi hạc bay tới Dương Châu..." (Gồm cả ý nguyện của ba người trên). Ý câu thơ nói lên tác dụng của đồng tiền rất lớn, ai có tiền thì có thể thỏa mãn ý muốn.

## 132. 瑞坊蓮酒

地接西湖共九天
佳哉瑞酒酒中仙
醍醐釀就千鐘滿
烝稻香開萬斛瀍
愛菊慾消彭澤興
醉茉虛說杜陵篇
宋人目作徒穌讓
珍重青蓮杖有錢

**Phiên âm:**

*THỤY PHƯỜNG LIÊN TỬU*

*Địa tiếp Tây hồ cộng cửu thiên,*
*Giai tai Thụy tửu, tửu trung tiên.*
*Đề hồ nhương tựu thiên chung mãn,*
*Chưng đạo hương khai vạn hộc chiên*
*Ái cúc dục tiêu Bành Trạch hứng,*
*Túy thù hư thuyết Đỗ Lăng thiên.*
*Tống nhân mục tác đồ Tô nhượng,*
*Trân trọng Thanh Liên trượng hữu tiền.*

**Dịch nghĩa:**

RƯỢU SEN PHƯỜNG THỤY KHUÊ

Đất kề hồ Tây, là nơi tiến cống,(1)
Ngon thay! Rượu Thụy là tiên trong làng rượu.
Rượu cốt nấu xong chứa đầy ngàn chung,

Xôi đồ thơm phức tỏa hương muôn hộc.
Yêu loài hoa cúc, muốn tiêu khiển cái hứng của Bành Trạch,(2)
Say rượu thù du, bàn chuyện suông về thơ Đỗ Lăng.(3)
Người nước Tống chỉ chịu nhường họ Tô,(4)
Trân trọng Lý Bạch(5) có tiền để mua rượu.

Chú thích:

1. Nơi cống tiến: Dịch thoát ba chữ "Cộng cửu thiên," "Cộng cửu" theo thứ tự là một thiên mở đầu của Thượng Thư: "Phục Sinh nhà Hán cho Cộng cửu là một phần trình bày sự tiến cống sản vật quý của chư hầu đối với thiên tử." Ở đây, nói Thụy Khuê là nơi sản xuất rượu sen để tiến vua.

2. Bành Trạch: Là tên một huyện thuộc tỉnh Giang Tây, Trung Quốc thời Tấn, nơi Đào Tiềm đến làm quan lệnh. Sau ông chán cảnh quan lại, về nhà vui với tùng cúc. Đời quý trọng phẩm chất cao thượng của ông, gọi ông là Đào Bành Trạch.

3. Câu này có người hiểu: "Say rồi đem gốc thù du ra nhìn và nói phiếm về thơ Đỗ Lăng." "Thù du," tên một giống cây có quả nhỏ, thơm, dùng làm thuốc.

Đỗ Lăng: Tức hiệu của Đỗ Phủ, nhà thơ lớn đời Đường Trung Quốc, ông có câu thơ đề ngày Trùng cửu:

Minh niên thử hội tri thùy kiện;
Túy bả thù du tử tế khan.

Nghĩa là:

*Sang năm hội ấy ai là khỏe,*
*Say bốc thù du ngắm kỹ xem.*

4. Tức gia tộc họ Tô đời Tống, cha là Tô Lão Toàn, con trai là Tô Thức, Tô Triệt, đều có tài văn chương nổi tiếng ở đời và cũng tài uống rượu.

5. Thanh Liên là tên tự của Lý Bạch, thi hào lớn đời Đường. Ông nổi tiếng về tài uống rượu.

## 133. 水屯夜折

鳥語松鳴夜色昏
郊聞擊折水軍屯
重門設寨依江傍
五鼓傳更共角喧
響徹蒼浪過此渡
敲殘黑暗擁朝敦
斯聲轉入蚤人耳
月滿高樓酒滿樽

**Phiên âm:**

*THỦY ĐỒN DẠ THÁC*

*Điểu ngữ, tùng minh, dạ sắc hôn,*
*Giao văn kích thác Thủy quân đồn.*
*Trùng môn thiết trại y giang bạng,*
*Ngũ cổ truyền canh cộng giác huyên.*
*Hưởng triệt thương lương qua thử độ,*
*Xao tàn hắc ám ủng triêu đôn.*
*Tư thanh chuyển nhập tao nhân nhĩ,*
*Nguyệt mãn cao lâu tửu mãn tôn.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG MÕ GÁC ĐÊM Ở ĐỒN THỦY(1)

Chim hót, thông reo, màu đêm đã tối,
Nghe bên ngoài thành tiếng mõ canh,(2) ở đồn Thủy quân.
Trại đặt mấy lần cửa,(3) dựa bên dòng sông,

Tiếng trống truyền canh năm, vang lên cùng tù và.
Vang thấu sóng xanh, quá bến đò này,
Đánh tan đêm tối, nâng mặt trời sớm.
Tiếng ấy truyền vào tận tai khách thơ,
Khi trăng đầy lầu cao, rượu đầy vò...

*Chú thích:*

l. Xem chú thích số 1, bài 82.

2, 3. Sách *Kinh Dịch,* trong *Hệ Từ* có câu: "Trùng môn kích thác, dĩ đãi bạo khách cải thủ chư Dự" (Mấy lần cửa khua tiếng mõ đề phòng kẻ trộm là theo hình tượng quẻ Dự).

## 134. 夜渡珥河

皇華有命夜相催
敝葛羸駒珥水隈
城郭摸糊青露裡
家鄉縹緲白雲堆
壯心初試波千頃
別思猶酣酒半杯
最是不禁腸斷處
燭紅搖曳過江來

**Phiên âm:**

*DẠ ĐỘ NHĨ HÀ*

*Hoàng hoa hữu mệnh*(1) *dạ tương thôi,*
*Tệ cát, luy câu, Nhĩ thủy ôi.*
*Thành quách mô hồ, thanh lộ lý,*
*Gia hương phiếu diểu bạch vân đôi.*
*Tráng tâm sơ thí ba thiên khoảnh,*
*Biệt tứ do hàm tửu bán bôi.*
*Tối thị bất câm trường đoạn xứ,*
*Chúc hồng dao duệ quá giang lai.*

**Dịch nghĩa:**

BAN ĐÊM QUA SÔNG NHĨ HÀ

Có lệnh đi sứ đang đêm giục giã,
Áo rách, ngựa gầy, ra đi bên sông Nhị.
Thành quách lờ mờ ra đi trong sương móc xanh,
Quê nhà mơ màng dưới làn mây trắng.
Tráng chí mới được thử thách qua sóng ngàn trùng,

Nỗi niềm biệt ly còn say với rượu nửa chén.
Chỗ đau lòng nhất không sao nén được,
Là cảnh đuốc hồng lung linh trên đò qua sông.

**Dịch thơ:**

*Nhị thủy đang đêm giục sứ trình,*
*Ngựa gầy, áo rách, khúc sông quanh.*
*Quê nhà xa tít chòm mây trắng,*
*Thành quách mơ hồ đám móc xanh.*
*Sóng vẫn nghìn trùng đo tráng chí,*
*Rượu còn nửa chén chuốc ly tình.*
*Chỗ đau lòng nhất không sao nén,*
*Cảnh đuốc qua sông ánh dập đênh.*

Khương Hữu Dụng *dịch*
(*Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 7)

*Chú thích:*

1. Hoàng hoa hữu mệnh: Tức có lệnh đi sứ. Hoàng hoa chỉ việc đi sứ, có xuất xứ từ bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* trong *Kinh Thi*.

## 135. 過珥河觀北兵故壘

殺氣衝開萬灶煙
惟餘雉堞珥河邊
再榮草木薰殘照
一度干戈直倒懸
五嶺歸魂應萬里
章陽往事已千年
解知興繼羞川岳
早問西山送賀箋

**Phiên âm:**

*QUÁ NHĨ HÀ QUAN BẮC BINH[1] CỐ LŨY*

*Sát khí xung khai vạn táo yên,*
*Duy dư trĩ điệp Nhĩ Hà biên.*
*Tái vinh thảo mộc huân tàn chiếu,*
*Nhất độ can qua trực đảo huyền.*
*Ngũ Lĩnh quy hồn ưng vạn lý,*
*Chương Dương vãng sự dĩ thiên niên.*
*Giải tri hưng kế tu xuyên nhạc,*
*Tảo vấn Tây Sơn tống hạ tiên.*

**Dịch nghĩa:**

QUA SÔNG NHĨ HÀ NGẮM LŨY XƯA
CỦA QUÂN PHƯƠNG BẮC

Sát khí xua tan đám khói từ muôn bếp,
Còn trơ lại thành lũy bên sông Nhĩ Hà.
Cỏ cây lại tươi dưới nắng chiều ấm áp,

Can qua một dạo, dân như bị treo ngược.[2]
Hồn về Ngũ Lĩnh[3] hẳn đã xa muôn dặm,
Chuyện cũ Chương Dương[4] nay cũng ngàn năm.
Nếu biết rằng "mượn cớ phù Lê"[5] chí xấu hổ cùng với non sông,
Thì sớm hỏi Tây Sơn để gửi bức thư mừng.

**Dịch thơ:**

*Sát khí xua tan muôn bếp khói,*
*Nhĩ Hà, thành lũy bến trơ nằm.*
*Bóng chiều lại ấm, tươi cây cỏ,*
*Binh lửa từng treo ngược cổ dân.*
*Ngũ Lĩnh hồn về đành vạn dặm,*
*Chương Dương chuyện cũ đã ngàn năm.*
*"Phù Lê" nghĩ thẹn cùng sông núi,*
*Sớm hỏi Tây Sơn gửi thiếp mừng.*

Khương Hữu Dụng *dịch*
(*Tổng tập Văn học Việt Nam*; T. 7)

*Chú thích:*

1. Bắc binh: Quân phương Bắc, chỉ quân xâm lược Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, đã bị quân dân ta dưới sự chỉ huy của vua Quang Trung đánh bại vào dịp Tết Kỷ Dậu (1789).

2. Treo ngược: Chỉ cảnh nhân dân bị khốn khổ đến cùng cực.

3. Ngũ Lĩnh: Là 5 dãy núi lớn ở Trung Quốc, nằm sát đường biên giới Việt - Trung xưa. Các đạo quân xâm lược phương Bắc thường phải băng qua những dãy núi đó trên đường thua chạy về nước.

4. Chương Dương: Tên bến đò ở huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, Hà Nội. Tại đây, Trần Quang Khải đã đánh bại đạo quân Thoát Hoan.

5. Mượn cớ phù Lê: Dịch từ chữ "Hưng kế" tức "Hưng diệt quốc, kế tuyệt thế" (Dựng lại nước đã mất, nối lại dòng đã mất). Chỉ việc khôi phục lại một triều đại, một quốc gia đã bị diệt vong. Ở đây chỉ việc quân xâm lược Mãn Thanh núp dưới chiêu bài giúp nhà Lê giành lại binh quyền để sang xâm lược nước ta.

## PHẠM QUÝ THÍCH (1760 - 1825) 范貴適

(Nguyên chú: *Phạm Quý Thích tên tự là Dữ Đạo, hiệu Thảo Đường cư sĩ, Hoa Đường cư sĩ, Lập Trai tiên sinh; tước Thích An hầu. Người xã Hoa Đường huyện Đường An, tỉnh Hải Dương. Đỗ Tiến sĩ năm Lê Cảnh Hưng 40 (1779) làm Đông các Hiệu thư đời Lê Cảnh Hưng và Thị trung học sĩ đời Nguyễn Gia Long.*)

### 136. 遊西湖鎮國寺

其一

西湖湖上何年寺
古樹陰陰竹石叢
陳帝觀漁空北地
先王樂水有名宮
一泓秋鏡聞晴日
十里荷香送晚風
不用皈依求頓悟
萊臨一爲撫孤松

其二

木葉蕭蕭鎮國秋
草花莫莫故宮幽
登樓一望湖天晚

荷葉中間過水舟
西湖秋水正斜暉
湖上高吟人未歸
卻笑兒童無一事
相爭荷葉製荷衣

**Phiên âm:**

*DU TÂY HỒ TRẤN QUỐC TỰ*

*KỲ NHẤT*

*Tây Hồ hồ thượng hà niên tự,*
*Cổ thụ âm âm trúc thạch tùng.*
*Trần đế quan ngư không thử địa,*
*Tiên vương nhạo thủy hữu danh cung.*
*Nhất hoằng thu kính văn tình nhật,*
*Thập lý hà hương tống vãn phong.*
*Bất dụng quy y cầu đốn ngộ,*
*Lai lâm nhất vị phủ cô tùng.*

*KỲ NHỊ*

*Mộc diệp tiêu tiêu Trấn Quốc thu,*
*Thảo hoa mạc mạc cố cung u.*
*Đăng lâu nhất vọng hồ thiên vãn,*
*Hà diệp trung gian quá thủy chu.*
*Tây Hồ thu thủy chính tà huy,*
*Hồ thượng cao ngâm nhân vị quy.*
*Khước tiếu nhi đồng vô nhất sự,*
*Tương tranh hà diệp chế hà y.*

**Dịch nghĩa:**

ĐI CHƠI THĂM CHÙA TRẤN QUỐC BÊN HỒ TÂY

BÀI 1

Bên hồ Tây có ngôi chùa dựng từ năm nào?
Cổ thụ um tùm, tre đá thành khóm.
Nơi vua Trần ngắm cá, còn khoảnh đất trống không đó,
Chốn Tiên vương vui với nước(1) còn để lại hành cung nổi danh.
Nước hồ thu như tấm gương rộng lớn mở ra ngày tạnh ráo,
Hương sen tỏa rộng ngàn dặm bay theo gió chiều.
Đến đây chẳng phải để quy y cầu đốn ngộ,(2)
Mà chỉ cốt để vỗ về cây tùng đơn côi.(3)

BÀI 2

Thu về lá cây bên chùa Trấn Quốc xao động trước gió,
Cỏ hoa lặng lẽ nằm bên hành cung u tịch.
Lên lầu ngắm nhìn trời chiều trên hồ,
Thuyền qua hồ giữa đám lá sen.
Nước hồ thu đón ánh chiều tà,
Khách vẫn sang sảng ngâm thơ chưa ra về.
Lại cười lũ trẻ rỗi việc,
Tranh nhau tấm lá sen để làm áo.(4)

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, T. 14)

*Chú thích:*

1. Nguyên tác dùng hai chữ "Nhạo thủy": Nghĩa là ưa thích, vui với cảnh sông hồ, khe suối.

2. Quy y: Thuật ngữ nhà Phật tức thân tâm hướng về Phật, đi tu hoặc nương nhờ cửa Phật.

Đốn ngộ: Xóa bỏ mọi tà niệm, nhanh chóng giác ngộ được chân lý của đạo Phật.

3. Cây tùng: Tượng trưng cho khí tiết của người quân tử theo quan niệm của Nho gia.

4. *Sở Từ (Ly Tao),* một tác phẩm nổi tiếng của Khuất Nguyên, một nhà thơ Trung Quốc vĩ đại, có câu: "Chế kỵ hà dĩ vi hề, tập phù dĩ vi thường" (Lấy lá sen lá súng làm áo, kết phù dung làm xiêm). Ý muốn nói cố gắng giữ gìn hành thiện phẩm cách đạo đức thanh cao.

Hai câu thơ 3 và 4 ngụ ý: Lũ trẻ tranh nhau lấy lá sen làm áo đối với chúng chỉ là trò chơi; còn đối với bậc trí giả thì cảnh này lại có ý nghĩa tượng trưng rất sâu xa.

## NGUYỄN DU (1766 - 1820) 阮攸

(Nguyên chú: *Nguyễn Du, tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, Liệp Hộ, Hồng Sơn. Người ở Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Là con trai thứ của Nguyễn Nghiễm; em trai của quan Tham tri Nguyễn Khản. Thi Hội triều Lê đỗ Tam trường. Thời Tây Sơn không ra làm quan; triều Nguyễn làm Tham tri Bộ Lễ đời Gia Long, được cử đi sứ sang Trung Quốc.)*

### 137. 昇龍（二首）

其一

傘嶺瀘江歲歲同
白頭猶得見昇龍
千年巨室成官道
一片新城沒故宮
相識美人看抱子
同遊俠少盡成翁
關心一夜苦無睡
短笛聲聲明月中

其二

古時明月照新城
猶是昇龍舊帝京
衢巷四開迷舊跡

管絃一變雜新聲
千年富貴供爭奪
早歲親朋半死生
世事浮沉休嘆息
自家頭白亦星星

**Phiên âm:**

*THĂNG LONG (Nhị thủ)*

KỲ NHẤT

*Tản Lĩnh Lô giang tuế tuế đông,*
*Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long.*
*Thiên niên cự thất thành quan đạo,*
*Nhất phiến tân thành một cố cung.*
*Tương thức mỹ nhân khan bão tử,*
*Đồng du hiệp thiếu tận thành ông.*
*Quan tâm nhất dạ khổ vô thụy,*
*Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.*

KỲ NHỊ

*Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,*
*Do thị Thăng Long cựu đế kinh.*
*Cù hạng tứ khai mê cựu tích,*
*Quản huyền nhất biến tạp tân thanh.*
*Thiên niên phú quý cung tranh đoạt,*
*Tảo tuế thân bằng bán tử sinh.*
*Thế sự phù trầm hưu thán tức,*
*Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh.*

**Dịch nghĩa:**

THĂNG LONG[1] (Hai bài)

BÀI 1

Núi Tản sông Lô hằng năm vẫn thế,[2]
Đầu bạc, còn được thấy cảnh Thăng Long.[3]
Những ngôi nhà đồ sộ nghìn xưa, nay thành đường cái,
Một dải thành mới, làm mất dấu vết cung điện cũ.[4]
Những cô gái xinh đẹp quen biết, nay đều đã ẵm con,
Những người bạn hào hiệp lúc trẻ, nay thành ông già.
Suốt đêm nghĩ ngợi thao thức không ngủ,
Vẳng nghe tiếng sáo trong ánh trăng sáng.

BÀI 2

Mảnh trăng ngày trước soi xuống ngôi thành mới,
Đây vẫn là Thăng Long, đô thành các triều vua trước.
Đường sá ngang dọc, lạc mất dấu vết cũ,
Tiếng đàn sáo cũng đổi khác, xa lẫn âm thanh mới.
Phú quý nghìn xưa vẫn là cái mồi cho sự tranh đoạt,
Bè bạn hồi tuổi trẻ, kẻ mất người còn.
Thôi đừng than thở chuyện đời chìm nổi,
Mái tóc mình cũng đã lốm đốm.

**Dịch thơ:**

(I)

*Tản, Lô kia vẫn núi sông,*
*Bạc đầu còn thấy Thăng Long có rày.*
*Nhà xưa bỗng hóa nhà này,*
*Cung xưa bỗng hóa thành xây lạ lùng.*
*Gái quen nay đã con bồng,*
*Bạn chơi nay đã nên ông cả rồi.*

*Suốt đêm không ngủ bồi hồi,*
*Vi vu tiếng sáo một trời trăng trong.*

Phạm Khắc Khoan
*và* Ngô Ngọc Can *dịch*

(II)

*Thành mới trăng xưa bóng lững lờ,*
*Thăng Long đô cũ dấu còn trơ.*
*Phố phường rộng mở quên đường cũ,*
*Đàn sáo rầy pha khác điệu xưa.*
*Phú quý nghìn năm sinh cướp đoạt,*
*Bạn bè thuở trẻ đã lưa thưa.*
*Việc đời chìm nổi than chi nữa,*
*Mái tóc mình nay cũng bạc phơ.*

Vũ Mộng Hùng
*và* Trần Thanh Mại *dịch*

*Chú thích:*

1. Thăng Long: Tên kinh đô nước ta dựng từ thời Lý. Năm 1802 Gia Long đặt Kinh đô ở Phú Xuân (Huế), đổi tên Thăng Long (rồng bay) bằng hai chữ khác, cũng đọc là Thăng Long nhưng nghĩa là thịnh vượng. Mặc dù vậy, các cụ nho học ngày trước vẫn quen viết theo tên cũ (rồng bay).

2. Tản Lĩnh: Tức núi Tản Viên ở Sơn Tây (thuộc Hà Tây cũ). Lô giang tức sông Lô, chảy qua tỉnh Phú Thọ (nhiều khi Lô giang cũng chỉ sông Hồng). Tản Lĩnh, Lô giang tượng trưng cho đất Bắc Hà.

3. Lúc này nhà thơ 48 tuổi. Ông dời Thăng Long từ năm vua Lê chạy sang Trung Quốc (1789), lúc đó 29 tuổi.

4. "Nhất phiến tân thành": Một dải thành mới. Thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê ở về phía tây bắc Hà Nội. Năm 1805, Gia Long hạ lệnh phá bỏ thành cũ, xây thành mới nhỏ hơn thành Thăng Long trước; và nằm ngay ở chỗ cung điện cũ của các triều trước.

## 138. 代人戲作

錯落人家洱水津
居然別占一城春
東西橋閣兼天起
胡漠衣冠特地分
首蓿秋驕金勒馬
葡萄春醉玉樓人
年年自得繁華勝
不管南溟幾度塵

**Phiên âm:**

*ĐẠI NHÂN HÝ TÁC*(1)

*Thác lạc nhân gia Nhị thủy tân,*
*Cư nhiên biệt chiếm nhất thành xuân.*
*Đông tây kiều các kiêm thiên khởi,*
*Hồ Hán y quan đặc địa phân.*
*Mục túc thu kiêu kim lặc mã,*
*Bồ đào xuân túy ngọc lâu nhân.*
*Niên niên tự đắc phồn hoa thắng,*
*Bất quản Nam minh kỷ độ trần.*

**Dịch nghĩa:**

THAY NGƯỜI KHÁC VIẾT ĐÙA(2)

Trên bãi sông Nhị, nhà ở xen lẫn nhau,
Nghiễm nhiên chiếm cảnh xuân cả một thành.
Áo mũ ăn mặc phân biệt người Hán, người Hồ.
Mùa thu, ngựa đeo giàm vàng kiêu hãnh ăn rau mục túc,(3)
Ngày xuân, người trong lầu ngọc uống rượu bồ đào say mềm.

Hằng năm tha hồ hưởng thú phồn hoa,
Không quản bể Nam mấy phen nổi bụi.

**Dịch thơ:**

*Nhà ai bến Nhị mọc lô nhô,*
*Chiếm cả bầu xuân rảnh một khu.*
*Tả hữu đôi bên cầu gác dựng,*
*Hán, Hồ khác lối áo quần phô.*
*Giàm vàng ngựa kén mầm rau ngọt,*
*Lầu ngọc người say thú rượu nho.*
*Cảnh đẹp năm năm riêng hưởng thú,*
*Mặc cho Nam Hải bụi bay mù.*

Nguyễn Văn Tú *dịch*

*Chú thích:*

1. Trong tập *Thanh Hiên thi tập,* viết là: "Hý bút" chứ không phải là "hý tác."

2. Bài thơ này tác giả viết đùa một người nào đó, nhà ở gần bờ sông Nhị, sống cảnh phồn hoa, không biết gì đến cảnh loạn lạc. Đây là bài thơ nằm trong phần "Mười năm gió bụi" (1786 - 1795) của *Thanh Hiên thi tập.*

3. Mục túc: Là một loại cây họ đậu, dùng làm thức ăn cho súc vật, hay làm phân bón.

# 139. 龍城琴者歌

龍城佳人
姓氏不記清
獨擅阮琴
舉城之人以琴名
學得先朝宮中恭奉曲
自是天上人間第一聲
余憶少時曾一見
鑑湖湖邊夜開宴
其時三七正方年
紅妝掩暖桃花面
酡顏憨態最宜人
歷亂五聲隨手變
緩如疏風渡松林
清如雙鶴鳴在蔭
烈如薦福碑頭碎霹靂
哀如莊鶡病中爲越吟
聽者靡靡不知倦
盡是中和大殿音
西山諸臣滿坐盡傾倒
徹夜追歡不知飽
左拋右擲爭纏頭
泥土金錢殊草草
毫華意氣陵王侯
五陵少年不足道
幷將三十六宮春
活做長安無價寶
此席回頭二十年

西山敗後余南遷
咫尺龍城不復見
何況城中歌舞筵
宣撫使君爲余重買笑
席中歌舞皆年少
席末一人髮半華
顏瘦神枯形略小
狼藉殘眉不飭粧
誰知就是當時城中第一妙
舊曲新聲暗淚垂
耳中靜聽心中悲
猛然憶起二十年前事
鑑湖席中曾見之
城郭推移人事改
幾處桑田變滄海
西山基業盡消亡
歌舞空遺一人在
瞬息百年能幾時
傷心往事淚霑衣
南河歸來頭盡白
怪底佳人顏色衰
雙眼澄澄空想像
可憐對面不相知

**Khảo dị:**

1. Trong văn bản *Bắc hành tạp lục* (ký hiệu A.1494) chép: "Long thành cầm giả ca" (龍城琴者歌).

2. Văn bản *Hà thành thi sao* (ký hiệu VHB. 319) chép "ức"(憶).

Trong *Bắc hành tạp lục* chép: "tại" (在).

3. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "cung" (恭); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép "cung" (供).

4. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "độ" (渡); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép "độ" (度).

5. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "đại điện âm" (大殿音); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép: "điện đại âm" (殿大音).

6. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "khuynh đảo" (傾倒); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép "điên đảo" (顛倒).

7. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "ca vũ" (歌舞); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép "ca kỹ" (歌妓).

8. Văn bản *Hà thành thi sao* chép: "tân thanh" (新聲); văn bản *Bắc hành tạp lục* chép "thanh thanh" (聲聲).

**Phiên âm:**

*LONG THÀNH CẦM GIẢ CA*

*Long thành giai nhân,*
*Tính thị bất ký thanh.*
*Độc thiện Nguyễn cầm,*
*Cử thành chi nhân dĩ Cầm thanh.*
*Học đắc tiên triều cung trung "Cung phụng" khúc,*
*Tự thị thiên thượng nhân gian Đệ nhất thanh.*
*Dư ức thiếu thời tằng nhất kiến,*
*Giám hồ hồ biên dạ khai yến.*
*Kỳ thời tam thất chính phương niên,*
*Hồng trang yểm ái đào hoa diện.*
*Đà nhan hám thái tối nghi nhân,*
*Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến.*
*Hoãn như sơ phong độ tùng lâm,*
*Thanh như song hạc minh tại âm.*

*Liệt như Tiến Phúc bi đầu toái tích lịch,*
*Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm.*
*Thính giả mị mị bất tri quyện,*
*Tận thị Trung Hòa đại điện âm.*
*Tây Sơn chư thần mãn tạo tận khuynh đảo,*
*Triệt dạ truy hoan bất tri bão.*
*Tả phao hữu trịch tranh triển đâu,*
*Nê thổ kim tiền thù thảo thảo.*
*Hào hoa ý khí Lăng Vương hầu,*
*Ngũ Lăng thiếu niên bất túc đạo.*
*Tính tương tam thập lục cung xuân,*
*Hoạt tố Trường An vô giá bảo.*
*Thử tịch hồi đầu nhị thập niên,*
*Tây Sơn bại hậu dư Nam thiên.*
*Chỉ xích Long thành bất phục kiến,*
*Hà huống thành trung ca vũ diên.*
*Tuyên phủ sứ quân vị dư trọng mãi tiếu,*
*Tịch trung ca vũ giai niên thiếu.*
*Tịch mạt nhất nhân phát bán hoa,*
*Nhan sấu thần khô hình lược tiểu.*
*Lang tạ tàn mi bất sức trang,*
*Thùy tri tựu thị đương thời thành trung đệ nhất diệu.*
*Cựu khúc tân thanh ám lệ thùy,*
*Nhĩ trung tĩnh thính tâm trung bi.*
*Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự.*
*Giám hồ tịch trung tằng kiến chi.*
*Thành quách suy di nhân sự cải,*
*Kỷ xứ tang điền biến thương hải.*
*Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong,*
*Ca vũ không di nhất nhân tại.*
*Thuần tức bách niên năng kỷ thì,*
*Thương tâm vãng sự lệ triêm y.*

*Nam Hà quy lai đầu tận bạch,*
*Quái để giai nhân nhan sắc suy.*
*Song nhân trừng trừng không tưởng tượng,*
*Khả lâm đối diện bất tương tri.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI CA CÔ GÁI GẢY ĐÀN Ở THĂNG LONG

Người đẹp Long Thành,
Không nhớ rõ họ tên.
Riêng thạo đàn Nguyễn cầm,
Người trong thành ai cũng gọi là cô Cầm.
Cô học được khúc "Cung phụng" trong cung từ triều vua trước,
Đó là những khúc đàn hay nhất ở trên đời, cũng như giữa cõi người.
Tôi nhớ hồi trẻ đã từng gặp một lần,
Bên hồ Giám, trong một cuộc dạ yến.
Lúc đó, khoảng hai mươi mốt tuổi,
Áo hồng ánh lên khuôn mặt hoa đào.
Má đỏ vì rượu, vẻ ngây thơ, rất dễ thương,
Năm cung réo rắt thay đổi theo ngón tay.

Tiếng khoan như gió thoảng qua rừng thông,
Tiếng trong như đôi hạc kêu nơi xa thẳm.
Tiếng mạnh như sét đánh tan bia Tiến Phúc,
Tiếng buồn như Trang Tích bị ốm ngâm rên tiếng Việt.
Người nghe say sưa không biết mệt,
Đó là khúc nhạc trong đại nội Trung Hòa.

Các quan Tây Sơn trong tiệc rượu đều nghiêng ngả,
Mảng vui suốt đêm không biết chán.
Phía tả phía hữu tranh nhau gieo thưởng,
Tiền bạc coi rẻ như bùn đất.

Vẻ hào hoa át cả các bậc vương hầu,
Còn bọn thiếu niên đất Vũ Lăng thì không đáng kể.
Tưởng như ba mươi sáu cung xuân,
Chung đúc thành một vật báu vô giá của đất Trường An.

Nhớ lại từ bữa tiệc ấy, đến nay đã hai mươi năm,
Sau khi Tây Sơn bại, tôi vào Nam.
Long thành gang tấc không được thấy nữa,
Huống hồ việc vui múa hát trong thành.
Quan Tuyên phủ vì tôi bày cuộc vui,
Trong tiệc các cô ca kỹ đều trẻ tuổi.
Duy ở phía cuối có một người tóc hoa râm,
Nét mặt võ vàng, thần sắc khô khan, thân hình hơi bé nhỏ.

Đôi mày phờ phạc không điểm tô,
Ai biết đó là người tài hoa nhất thành thời bấy giờ.
Khúc xưa đàn lên từng tiếng, mà nước mắt tôi thầm rơi,
Tai lắng nghe mà trong lòng đau xót.
Bỗng sực nhớ chuyện hai mươi năm trước,
Từng thấy cô ta trong bữa tiệc bên hồ Giám.

Thành quách đổi dời, việc người cũng khác,
Bao nơi nương dâu trở thành biển cả.
Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu vong đâu hết,
Mà còn sót lại một người trong làng ca múa.
Trăm năm thấm thoắt có là bao,
Cảm thương việc cũ, nước mắt thấm áo.
Tôi từ Nam Hà trở lại, đầu bạc trắng hết,
Không trách nhan sắc người đẹp suy tàn.
Hai mắt trừng trừng luống tưởng chuyện trước,
Thương nhau gặp mặt mà không nhận ra nhau.

**Dịch thơ:**

*Đất Long thành khách giai nhân nọ,*
*Không nhớ ra tên họ là gì?*
*Nguyễn cầm*(1) *nổi tiếng đương thì,*
*Tên "Cầm"*(2) *mượn của đàn kia gọi người.*
*Khúc "Cung phụng"*(3) *những đời vua trước,*
*Tưởng "Quân thiên",*(4) *"Nhạc nhã"*(5) *khôn bì.*

*Nhớ hồi tuổi trẻ xưa kia,*
*Đêm bên hồ Giám*(6) *một kỳ tiệc vui.*
*Xuân độ ấy đương hồi ba bảy,*(7)
*Ánh hồng trang lộng lẫy mặt hoa.*
*Nào người vẻ rượu ngà ngà,*
*Năm cung dìu dặt nảy qua phím đàn.*

*Tiếng khoan thoảng thông ngàn gió thổi,*
*Tiếng trong như hạc gọi xa xăm.*
*Mạnh như Tiến Phúc*(8) *sét gầm,*
*Buồn như tiếng Việt, Trang*(9) *nằm đau rên.*
*Ai nấy nghe nhường quên mệt mỏi,*
*Rõ tiếng đàn đại nội Trung Hòa.*(10)
*Tây Sơn*(11) *quan khách la đà,*
*Mải vui quên cả tiếng gà tan canh.*
*Tả lại hữu tranh giành gieo thưởng,*(12)
*Tiền như bùn ước lược qua qua.*

*Vương hầu thua kẻ hào hoa,*
*Ngũ Lăng*(13) *chàng trẻ ai mà kể chi.*
*Băm sáu cung xuân kia chung đúc,*
*Đất Tràng An*(14) *hạt ngọc liên thành.*
*Hai mươi năm, tiệc qua nhanh,*
*Tây Sơn sụp đổ thì mình về Nam.*(15)

*Chốn Long thành tấc gang chẳng tới,*
*Còn nói chi những buổi đàn ca.*

*Nặng tình quan sứ*(16) *tiễn ta,*
*Tiệc hoa kén những bông hoa nói cười.*
*Mé cuối tiệc một người nho nhỏ,*
*Tóc hoa râm mặt võ mình gầy.*
*Bơ phờ chẳng sửa đôi mày,*
*Tài hoa ai biết đất này không hai!*

*Thoảng mấy tiếng, thầm rơi giọt lệ,*
*Lọt tai mà như xé tấc son.*
*Giật mình hai chục năm tròn,*
*Tiệc bên hồ Giám người còn chưa quên.*

*Cuộc thương hải tang điền thấm thoắt,*
*Cõi nhân gian thành quách đổi dời.*
*Tây Sơn cơ nghiệp đâu rồi,*
*Mà làng ca vũ một người còn trơ.*
*Ngán trăm năm thì giờ chớp mắt,*
*Lệ thương tâm ướt vạt áo là.*
*Nam về*(17) *đầu bạc ngẫm ta,*
*Trách gì hương phấn bông hoa chẳng tàn!*

*Trừng trừng đôi mắt mơ màng,*
*Quen mà hóa lạ nghĩ càng thêm thương.*

Hoàng Tạo *dịch*

*Chú thích:*

1. Nguyễn cầm: Tức đàn Nguyệt. Gọi là đàn Nguyễn vì do Nguyễn Hàm đời Tấn (Trung Quốc) chế ra.

2. Cầm: Nghĩa là đàn.

3. *Cung phụng khúc:* Là ca khúc diễn tấu trong cung đình.

4. Quân thiên: Tức tiếng nhạc trên trời.

5. Nhạc nhã: Là tiếng nhạc do người đặt ra.

6. Hồ Giám: Nghĩa đen là mặt hồ sáng như gương, xưa kia là Thái hồ, sau bị thu hẹp dần gọi là Văn hồ, Giám hồ, ở đối diện trước cửa Văn Miếu môn, nay thuộc phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

7. Ba bảy: Chỉ thời xuân sắc của người con gái không còn bao nhiêu nhưng lấy chồng vẫn còn kịp thời. Trong *Kinh Thi,* có bài thơ *Phiếu hữu mai,* nói quả đã rụng đôi ba phần.

8. Tiến Phúc: Nguyên văn là "Tiến Phúc bi" (Bia Tiến Phúc). Bia này ở chùa Tiến Phúc, tỉnh Giang Tây được khắc chữ rất đẹp. Tương truyền, Phạm Trọng Yêm đời Tống, lúc làm quan ở Bá Dương, có người học trò nghèo dâng bài thơ hay, ông muốn giúp đỡ, cho rập một nghìn bản bán lấy tiền; chưa rập xong thì một đêm bia bị sét đánh vỡ tan.

9. Nguyên văn: "Trang Tích" là Trang Tiến người nước Việt, làm quan nước Sở. Khi ông ốm, Sở Vương hỏi mọi người: "Tích là kẻ tầm thường ở đất Việt, nay làm quan ở nước Sở, được phú quý rồi thì làm sao nhớ đất Việt nữa?" Viên Thị Ngự đáp: "Phàm người ta có nhớ nước cũ hay không, thường tỏ ra trong lúc ốm đau. Nếu lúc này ông ta nói tiếng Việt thì tức là nhớ nước Việt; bằng không thì nói tiếng nước Sở." Sở Vương sai người lén nghe, thì thấy Trang Tích nói tiếng Việt.

10. Trung Hòa: Tên một điện của triều Lê ở Thăng Long.

11. Tây Sơn: Năm 1792, quân Tây Sơn tiến quân ra Bắc; các quan lại có tổ chức vui chơi đàn ca ở hồ Giám.

12. Gieo thưởng: Nguyên văn "triền đầu" (lấy khăn quấn đầu). Đời Đường, vua đãi yến, ai đứng dậy múa, được ban gấm để quấn đầu làm vật tặng thưởng. Về sau, các món tiền thưởng cho người ca múa gọi là "triền đầu."

13. Ngũ Lăng: Nơi có năm lăng tẩm của đế vương đời Hán. Đây là nơi bọn hào hoa phú quý thường ở. Bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị có câu: "Ngũ Lăng niên thiếu tranh triền đầu."

14. Trường An: Đây chỉ Thăng Long.

15. Trong lời tiểu dẫn: "Sau đó vài năm, tôi dời nhà về Nam." Như vậy là ý nói dời nhà về Hồng Lĩnh (1796). Nhưng trong bài ca lại nói: "Sau khi Tây Sơn bại, tôi vào Nam," thì lại chỉ sau năm 1802, nhà thơ vào Phú Xuân làm quan.

16. Quan sứ: Nguyên văn "Phủ tuyên," đây chỉ quan trấn thủ Bắc Thành vào lúc Nguyễn Du đi sứ sang Trung Quốc, mùa xuân năm Gia Long 13 (1813).

17. Nam về: Nguyên văn "Nam hà," chỉ phía nam sông Gianh.

## NGÔ THÌ HOÀNG (1768 - 1814) 吳時仜黃

### 140. 晚渡珥河

暮山歸鳥浮雲白
遠渚浴鳧沙水赤
寒風颯颯亂波生
一葉孤帆千里客

**Phiên âm:**

*VÃN ĐỘ NHĨ HÀ*

*Mộ sơn quy điểu phù vân bạch,*
*Viễn chử dục phù sa thủy xích.*
*Hàn phong táp táp loạn ba sinh,*
*Nhất diệp cô phàm thiên lý khách.*

**Dịch nghĩa:**

BUỔI CHIỀU QUA SÔNG NHỊ HÀ

Đàn chim bay về núi chiều, mây bồng bềnh trắng xóa,
Vịt trời tắm, nơi bãi xa nước phù sa đỏ ngầu.
Gió lạnh thổi ào ào, sóng nổi lên cuồn cuộn,
Một cánh buồm lẻ loi, lữ khách đi xa ngàn dặm.

**Dịch thơ:**

*Mây trắng, chim về, núi xế tà,*
*Vịt trời tắm đỏ bãi phù sa.*
*Ào ào gió lạnh sông bừng sóng,*
*Ngàn dặm thuyền côi khách nhớ nhà.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## PHẠM ĐÌNH HỔ (1768 - 1839) 范庭虎

(Nguyên chú: *Phạm Đình Hổ tên tự là Tùng Niên, Bỉnh Trực; hiệu Đông Dã Tiều, thường gọi là cụ Tế Đan Loan, người xã Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương. Làm Quốc Tử Giám Tế tửu, Thị giảng Học sĩ.)*

### 141. 過金蓮寺

（在宜蠶社)

苹梗飄浮客故京
金蓮寺裏幾回經
三秋樹色連村翠
萬頃湖光一鏡平
瓦雀巢邊參定相
石榴叢畔度經聲
浮生自是多勞碌
時向空門得靜名

**Phiên âm:**

*QUÁ KIM LIÊN TỰ*
*(Tại Nghi Tàm xã)*

*Bình ngạch phiêu phù khách cố kinh.*
*Kim Liên tự lý kỷ hồi kinh.*
*Tam thu thụ sắc liên thôn thúy,*

*Vạn khoảnh hồ quang nhất kính bình.*
*Ngõa tước sào biên tham định tướng,*
*Thạch lựu tùng bạn độ kinh thanh.*
*Phù sinh tự thị đa lao lộc,*
*Thời hướng không môn đắc tĩnh danh.*

**Dịch nghĩa:**

QUA CHÙA KIM LIÊN[1]

(Nguyên chú: *Chùa ở xã Nghi Tàm*)

Cánh bèo trôi nổi, làm khách kinh đô cũ.
Nơi chùa Kim Liên, đã mấy lần qua.
Sắc lá ba thu, liền với xóm làng xanh biếc,
Vạn khoảnh hồ sáng, phẳng lặng tựa tấm gương.
Tổ sẻ ngói ở bên, tạm định tướng,
Khóm thạch lựu liền cạnh, đón tiếng kinh.
Kiếp phù sinh tự gặp nhiều vất vả,
Thường hướng cửa thiền để được yên thân.

**Dịch thơ:**

*Dạt trôi làm khách cố kinh,*
*Chùa Kim Liên đã nặng tình lại qua*
*Sắc cây xanh biếc mượt mà,*
*Mặt hồ phẳng lặng ngỡ là mặt gương.*
*Bên kia sẻ ngói tham thiền,*
*Bên này thạch lựu nghe kinh Di Đà.*
*Kiếp phù sinh đọa đày ta,*
*Đến nơi cửa Phật ta đà tĩnh tâm.*

Trần Kim Anh *dịch*

*Chú thích:*

1. Chùa Kim Liên: Một ngôi chùa nổi tiếng ở Thăng Long, nằm sát hồ Tây, nay thuộc phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

## 142. 遊慶福寺

(在慈簾日早社)

珥河河畔杲田寺
步入松關俗染清
車馬事成棋一局
古今夢覺月三更
蓑瓢有客參禪眼
彊鎖無人悟世情
收拾風光歸一筆
雲峰疊疊草青青

**Phiên âm:**

*DU KHÁNH PHÚC TỰ*

*(Tại Từ Liêm, Nhật Tảo xã)*

*Nhị Hà hà bạn cảo điền tự,*
*Bộ nhập tùng quan tục nhiễm thanh.*
*Xa mã sự thành kỳ nhất cục,*
*Cổ kim mộng giác nguyệt tam canh.*
*Soa biều hữu khách tham thiền nhãn,*
*Cương tỏa vô nhân ngộ thế tình.*
*Thu thập phong quang quy nhất bút,*
*Vân phong điệp điệp thảo thanh thanh.*

**Dịch nghĩa:**

CHƠI CHÙA PHÚC KHÁNH

(Nguyên chú: *Chùa ở xã Nhật Tảo, huyện Từ Liêm*)

Chùa nằm trên vạt ruộng bên bờ sông Nhị Hà,

Bước chân vào cửa tùng, tục bỗng nhuốm thanh.
Chuyện ngựa xe bỗng trở thành một cuộc cờ,
Giấc mộng cổ kim khi tỉnh ra trăng đã sang canh ba.
Ở chốn quê, có kẻ để mắt tham thiền,
Trong vòng cương tỏa, không người hiểu được tình đời.
Thu thập cảnh quan vào một ngòi bút,
Mây núi điệp trùng cây cỏ xanh xanh.

## 143. 有所感

長安小兒女
鐵手綰阿鬟
深閨不知苦
猶掃落花看
長安小兒女
眉黛月雙彎
爲愛梅花潔
臨風不覺寒
長安小兒女
花前獨倚欄
祇怕檀郎聽
橫琴笑不彈

**Phiên âm:**

*HỮU SỞ CẢM*

*Trường An tiểu nhi nữ,*
*Tiêm thủ quán a hoàn.*
*Thâm khuê bất tri khổ,*
*Do tảo lạc hoa khan.*

*Trường An tiểu nhi nữ,*
*Mị đại nguyệt song loan.*
*Vi ái mai hoa khiết,*
*Lâm phong bất giác hàn.*

*Trường An tiểu nhi nữ,*

*Hoa tiền độc ỷ lan.*
*Chi phạ đàn lang thính,*
*Hoành cầm tiếu bất đàn.*

**Dịch nghĩa:**

CÓ ĐIỀU XÚC CẢM

Cô gái nhỏ đất Trường An(1)
Bàn tay xinh quấn hai búi tóc.(2)
Chốn khuê phòng kín đáo chẳng biết khổ,
Vẫn quét hoa rụng mà ngắm xem.

Cô gái nhỏ đất Trường An,
Đôi mày tô cong như vành trăng.
Vì yêu vẻ thanh khiết của hoa mai,
Cho nên ra gió chẳng thấy lạnh.

Cô gái nhỏ đất Trường An,
Trước hoa, một mình tựa lan can,
Sợ người yêu nghe thấy,
Đặt ngang đàn cầm, chỉ cười mà chẳng đàn.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, T. 14)

*Chú thích:*

1. Trường An: Vốn là nơi đóng đô của nhiều triều đại Trung Quốc, là nơi đế đô lâu đời, thường dùng để chỉ chốn kinh kỳ, kinh đô... Trong bài thơ này, Trường An được dùng để chỉ kinh đô Thăng Long.

2. Nguyên văn: "Quan a hoàn" tức quấn hai búi tóc nhỏ bên đầu theo hình chữ "y", đó là kiểu quấn tóc của các thiếu nữ thời xưa.

## HỒ XUÂN HƯƠNG (XVIII - XIX) 胡春香

(Nguyên chú: *Nữ thi sĩ nổi tiếng trong dân gian, là tác giả của một loạt bài thơ Nôm độc đáo, đặc sắc.*

*Theo nguồn dư luận thường được truyền tụng thì bà là con gái Hồ Phi Diễn (?) một nhà nho quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu; bỏ quê ra dạy học ở Hải Dương, Kinh Bắc, lấy một cô gái họ Hà làm vợ mà sinh ra Hồ Xuân Hương.*

*Một nguồn tư liệu khác do Trần Thanh Mại công bố, thì cha bà là Hồ Sĩ Danh (1706 - 1783), quê quán như trên, mẹ là bà họ Hà, một người thiếp của Hồ Sĩ Danh. Hồ Xuân Hương sinh khoảng những năm từ 1740 đến 1780, và mất khá lâu trước năm 1842. Có thể hồi nhỏ bà từng sống ít năm ở quê cha, nhưng sau khi cha mất, bà sống với mẹ ở Thăng Long. Lúc đầu sống ở phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận; sau chuyển đến thôn Tiên Thị, tổng Tiên Túc, huyện Thọ Xương (nay là phố Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Khi trưởng thành, bà thường ở ngôi nhà riêng gần hồ Tây, đặt tên là "Cổ Nguyệt Đường". Đây có thể là phòng văn hay nơi dạy học, thường diễn ra các cuộc bình thơ, thù tiếp bạn bè. Theo truyền tụng, bà có hai đời chồng, đều làm lẽ. Theo một số tư liệu, bà là một phụ nữ có học, biết làm thơ chữ Hán, giao thiệp rộng với nhiều danh sĩ, cuộc đời tình duyên trắc trở, không may mắn.*

*Sáng tác còn lại của bà có khoảng trên dưới 60 bài thơ Nôm. Thơ chữ Hán chủ yếu là tập* Lưu Hương ký.)

### 144. 詠竹白湖

沒隻船籬沒厓擲

𣷭湖來礼渃𩟸溈
舿𨇒笘鞊塘淶𣼽
䳽祝茹村𡳳錦繞
五社梂𧼋塘客𩪦
鰞蝇檐䕻𠪴廚高
㖔哏竹白礫自𩮥
𠉞黜台哏髟趣悽

**Phiêm âm:**

*VỊNH TRÚC BẠCH HỒ*

Một chiếc thuyền nan một mái chèo,
Đáy hồ lay láy nước trong veo.
Quanh co chòm cỏ đường lai láng,
Chim chóc nhà thôn vẻ gấm thêu.
Ngũ Xã cầu dài đường khách thẳng,
Vây rồng thềm rộng mái chùa cao.
Đồn rằng Trúc Bạch vui từ trước,
Nay mới hay rằng lắm thú yêu!

(Trong sách *Âm ca tập*, ký hiệu VNv.289, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

## 145. 昇竜城懷古

銀岂層霆沒解旗
京城鼎糬啫悲除
像銅鎮武香群嘮
碑硉花紋𡨋渚瞴
宝塔卢疎笘鞊買
滝蘇淶溯晬腇𡨋
迓埃故老罨耒嗨
准齷繁花奄沛諸

### THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỔ

Ngăn ngắt tầng mây một giải cờ,
Kinh thành ngày trước tiếng bây giờ.
Tượng đồng Trấn Vũ hương còn ngát,
Bia đá hoa văn chữ chửa mờ.
Bảo tháp lưa thưa chòm cỏ mới,
Sông Tô lai láng bóng trăng xưa.
Gặp ai cố lão ra rồi hỏi,
Chốn cũ phồn hoa đã phải chưa?

(Trong sách *Hồ Xuân Hương thi*, ký hiệu AB.620, tờ 9a, Thư viện Viện Hán Nôm)

## 146. 廚舘使

舘使鞠麻景永消
嗨喋師具到尼梢
鰭鯨小底糇空拽
裖曷娓吝點吏扣
創抨空仉扯桑檅
暴秩芾埃妹技灋
吒劫塘修鞠搮叮
景恤添懷販情扣

## CHÙA QUÁN SỨ[1]

Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo,
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?
Chày kình[2] tiểu để suông không đấm,
Tràng hạt, vãi lần đếm lại đeo.
Sáng banh không kẻ khua tang mít,[3]
Trưa trật nào ai móc kẽ rêu.
Cha kiếp đường tu sao lắt léo,
Cảnh buồn thêm chán nợ tình đeo.

(*Quốc văn tùng ký*. AB.383, Thư viện Viện Hán Nôm)

*Chú thích:*

1. Chùa Quán Sứ: Thuộc thôn An Tập, huyện Thọ Xương, kinh thành Thăng Long xưa, nay ở đường Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngày trước sứ giả các nước Lào, Cămpuchia đến kinh đô ta vì họ theo đạo Phật nên ở trong chùa. Do đó chùa này mới có tên là chùa Quán Sứ.

2. Chày kình: Là cái chày tạc hình con cá kình dùng để gõ chuông.

3. Tang mít: Vỏ trống thường gọi là tang trống, làm bằng gỗ mít, nên gọi là "tang mít".

## 147. 庙岑太守

睛昧瞻昂覚榜招
箕殿太守蹽招蹽
峇低體分𠇍𠞹特
辰事英雄噯閉饒

### ĐỀ MIẾU SẦM THÁI THÚ[1]

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đến Thái thú đứng cheo leo.
Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?

*Chú thích:*

1. Miếu thờ Sầm Thái thú tức Sầm Nghi Đống: Nay ở ngõ Sầm Công, phía sau phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Sầm Nghi Đống là một tên tướng của Tôn Sĩ Nghị, Tri phủ Điền Châu cầm đầu một đạo quân xâm lược nước ta năm 1789. Lúc bị quân Nguyễn Huệ tấn công dồn dập, Sầm Nghi Đống không chạy thoát, phải thắt cổ tự tử. Về sau, để nối lại quan hệ bang giao với Trung Hoa, vua Quang Trung cho phép những Hoa kiều ở Thăng Long lập miếu thờ Sầm Nghi Đống.

## 148. 厨镇国

外𨷯行宮鞊𤈜油
鄭念故國拸麻疠
沒座蓮熉唏鄉御
𠄼式𩄲封𧞣奧朝
㳥泣廢興𥉮汐𡃹
鐘回今古𦗏強毛
𠊚𠸗景𦢾兜兜佐
窖艮魚𧦪屢禿頭

### CHÙA TRẤN QUỐC

Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu,
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.
Một tòa sen tỏa hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu.
Sóng lớp phế hưng coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá?
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu.

## NGUYỄN HÀNH (1771 - 1824) 阮衡

(Nguyên chú: *Nguyễn Hành còn có tên là Đạm, hiệu Nhật Nam, tự Nam Phủ; người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, cháu của Nguyễn Khản.*)

### 149. 遊鎮國寺

金牛潛伏虎
鎮國叢然聞
一自浮雲改
仙舟不復回
湖光依舊在
客恩正悠哉
日暮敲鍾鼓
長歌歸去來

**Phiên âm:**

*DU TRẤN QUỐC TỰ*

*Kim Ngưu tiềm phục hổ,*
*Trấn Quốc tùng nhiên văn.*
*Nhất tự phù vân cải,*
*Tiên chu bất phục hồi.*
*Hồ quang y cựu tại,*

*Khách tứ chính du tai.*
*Nhật mộ xao chung cổ,*
*Trường ca quy khứ lai.*

**Dịch nghĩa:**

THĂM CHÙA TRẤN QUỐC

Nơi trâu vàng lặn xuống,(1)
Chùa Trấn Quốc hiện ra sừng sững.
Từ khi cảnh đời mây nổi đổi thay,
Thì thuyền tiên chẳng thấy quay trở lại.
Quang cảnh hồ vẫn y nhiên như cũ,
Tâm tình du khách lắm nỗi bồi hồi.
Chiều tà tiếng chuông xen lẫn tiếng trống,
Ngâm nga câu "Về đi thôi."(2)

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 14)

*Chú thích:*

1. Theo truyền thuyết, thánh Không Lộ có tài thu hết đồng đen phương Bắc đem về đúc chuông. Vì đồng đen là mẹ vàng, nên khi đánh chuông, tiếng vang sang phương Bắc, trâu vàng nghe tiếng liền chạy sang tìm mẹ; tới vùng đất hồ Tây ngày nay, nó quần dẫm nát nên đất sụt xuống thành hồ.

2. "Về đi thôi": Nguyên văn "Quy khứ lai từ," là tên bài văn nổi tiếng của Đào Tiềm, một danh sĩ Trung Quốc đời Tấn; ông chán ghét cảnh làm quan, về nhà ở ẩn.

## 150. 珥河

一勺崑崙萬鼓波
珥河大勢象黃河
不妨見濁渾渾在
自是藏清浩浩多
歸海一心原不息
抱城半面直相過
由來無恨推移感
時倚新亭發浩歌

**Phiên âm:**

*NHĨ HÀ*

*Nhất thước Côn Lôn vạn cổ ba,*
*Nhĩ Hà đại thế tượng Hoàng Hà.*
*Bất phương kiến trọc hồn hồn lại,*
*Tự thị tàng thanh hạo hạo đa.*
*Quy hải nhất tâm nguyên bất tức,*
*Bao thành bán diện trực tương qua.*
*Do lai vô hận suy di cảm,*
*Thời ỷ tân đình phát hạo ca.*

**Dịch nghĩa:**

SÔNG NHỊ

Chỉ là một gáo nước trên núi Côn Lôn(1) mà thành sóng lớn
qua muôn dặm,
Thế lớn của Nhĩ Hà sánh ngang với Hoàng Hà.(2)
Không ngại đục dòng cuồn cuộn chảy,

Trong lòng trong trẻo nước mênh mang.
Ra khơi, một dạ không ngưng nghỉ,
Ôm thành,[3] nửa phía tuôn thẳng qua.
Xưa nay cảm xúc trước cảnh đổi thay là vô tận,
Thường dựa vào ngôi đình mới dựng mà cất vang tiếng ca.

*Chú thích:*

1. Côn Lôn: Là dãy núi lớn, thế hùng vĩ; bắt nguồn từ cao nguyên Pamia miền tây Trung Quốc.

2. Hoàng Hà: Là con sông lớn ở phía bắc Trung Quốc, nước sông màu vàng nên gọi là Hoàng Hà.

3. Theo địa thế cổ, sông Nhĩ Hà có một khúc vòng ôm lấy một phía thành Thăng Long.

## 151. 北城送春

(滿江紅)

公子王孫
重訪皇州春色
回首處樓臺城市
已非疇昔
往事依依渾若夢
新愁縷縷長如經
最是無端飄泊
可憐身經年客
塵埃裏誰相識
朝相遇了還謀夕
把把一春樂事
等閒忘卻
不惜煙花零落盡
只愁拋虛擲悵
平生懷抱未曾開
頭空白

**Phiên âm:**

*BẮC THÀNH TỐNG XUÂN*

*(Mãn giang hồng)*

*Công tử vương tôn,*
*Trùng phỏng hoàng châu xuân sắc.*
*Hồi thủ xứ lâu đài thành thị,*
*Dĩ phi trù tích,*

*Vãng sự y y hồn nhược mộng,*
*Tân sầu lũ lũ trường như kinh.*
*Tối thị vô đoan phiêu bạc,*
*Khả lân thân kinh niên khách,*
*Trần ai lý thùy tương thức.*
*Triêu tương quá liễu hoàn mưu tịch,*
*Bả bả nhất xuân lạc sự,*
*Đẳng nhàn vong khước.*
*Bất tích yên hoa linh lạc tận,*
*Chỉ sầu phao hư trịch sướng.*
*Bình sinh hoài bão vị tằng khai,*
*Đầu không bạch.*

**Dịch nghĩa:**

TIỄN XUÂN Ở BẮC THÀNH

(*Theo điệu* "Mãn giang hồng")

Vương tôn công tử,
Lại về thăm cảnh sắc ngày xuân chốn đế đô.
Ngoảnh lại nhìn lâu đài thành thị, đều chẳng còn như xưa.
Chuyện cũ vấn vương như trong mộng,
Sầu mới nối nhau dài như tơ.
Lưu lạc mãi không thôi;
Thương thay tấm thân quanh năm đất khách quê người.
Trong chốn trần ai, ai hay biết.
Sáng vừa qua đã để lại lo chiều,
Một chút vui xuân, dễ dàng quên hết.
Vẻ đẹp tan tác rụng rời chẳng tiếc,
Chỉ buồn phao phí uổng công,
Xót xa một nỗi hoài bão bình sinh chưa từng được thực hiện,
Mà đầu đã luống bạc.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 14)

## 152. 西湖

霪潭一水碧融融
西粵分明古境中
夜氣每生常有月
眞機長動不知風
依稀古樹迷行殿
迢遞花鯨響梵宮
本是釣鰲波水客
可來湖上作漁翁

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ*

*Dâm Đàm[1] nhất thủy bích dung dung,*
*Tây Việt phân minh cổ cảnh trung.[2]*
*Dạ khí mỗi minh thường hữu nguyệt,*
*Chân cơ trường động bất tri phong.*
*Y hy cổ thụ mê hành điện,[3]*
*Thiều đệ hoa kình hưởng phạn cung.*
*Bản thị điếu ngao ba thủy khách,*
*Khả lai hồ thượng tác ngư ông.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ TÂY

Một làn nước Dâm Đàm xanh rờn rợn,
Rõ ràng đây là cõi đất xưa của xứ Tây Việt.
Khí đêm sinh ra, mỗi khi có trăng sáng,
Cỏ màu nhiệm vẫn động, nên không biết là có gió.

Lờ mờ rặng cây cổ thụ che khuất hành điện,
Văng vẳng tiếng chày kình, từ ngôi chùa cổ vọng ra.
Vốn là khách câu cá ngao trên mặt sóng,
Có thể đến làm một ngư ông trên hồ này.

*Chú thích:*

1. Dâm Đàm: Một tên gọi cũ của hồ Tây thời Lê - Trịnh trước đây.

2. Tây Việt: Có lẽ chỉ Tây Âu - Lạc Việt, tức nước ta thời cổ.

3. Hành điện: Cũng gọi là "Hành cung." Thời phong kiến, các vua chúa thường cho xây dựng cung điện ở nơi có cảnh đẹp để đến ngự chơi.

## 153. 玄天觀晨鍾

喚醒塵囂一夢中
此聲誰遣出城東
自來自去莫須問
非耳非心何必窮
性相如如安用定
禪机了了不知空
歸來此意眞堪寫
深夜潮音到客窗

**Phiên âm:**

*HUYỀN THIÊN QUÁN THẦN CHUNG*

*Hoán tỉnh trần hiêu nhất mộng trung,*
*Thử thành thùy khiển xuất thành đông.*
*Tự lai tự khứ mạc tu vấn,*
*Phi nhĩ phi tâm hà tất cùng.*
*Tính tướng như như an dụng định,*
*Thiền cơ liễu liễu bất tri không.*
*Quy lai thử ý chân điền tả,*
*Thâm dạ triều âm đáo khách song.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG CHUÔNG SỚM Ở QUÁN HUYỀN THIÊN

Gọi tỉnh giấc mộng trong đám bụi trần huyên náo,
Ai đưa tiếng ấy vẳng ra phía đông thành?
Tiếng tự đến rồi tự đi, chẳng cần hỏi nữa!

Tai không để ý nghe, lòng không cần để ý nghĩ;
cần chi phải xét cho cùng.
"Tính" vốn là tự nhiên, việc gì phải "định" nữa,
Cơ màu của đạo thiền hiểu làu làu rồi, chẳng biết tới lẽ "không."
Trở về đem ý ấy ra mà bổ sung thêm mãi vào,
Đêm khuya có tiếng thủy triều đưa đến cửa sổ
của khách tha hương.

## BÙI CƠ TÚC 裴基肅

### 龍編百二詠
### LONG BIÊN BÁCH NHỊ VỊNH[1]

***Lời tựa***

*Long Biên là nơi thắng địa cổ. Ta may mắn sinh ra ở đất này đã hơn 60 năm. Gặp được Thánh triều lại nhận mệnh ra làm quan. Đến lúc nghỉ hưu, tuổi già chống gậy đi ngao du những nơi danh thắng. Những gì nhìn thấy tức cảnh làm thơ, được bao nhiêu bài không nỡ bỏ vào một chỗ, nên ghi chép lại cho người đời sau, khiến họ biết được cảm khái của ta khi vãn cảnh mà thôi.*

*Mùa hạ tháng 6, năm Giáp Thìn niên hiệu Thiệu Trị (1844). Ông già về hưu Bùi Cơ Túc tên hiệu là Liên Khê, người xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì viết lời tựa.*

### 154. 昇龍城

造設靜觀天地靈
李陳虎視此宜京
皇朝一統輿圖大
嘉命昇隆作省城

**Phiên âm:**

*THĂNG LONG THÀNH*[1]

*Tháo thiết tĩnh quan thiên địa linh,*
*Lý Trần hổ thị thử nghi kinh.*
*Hoàng triều nhất thống dư đồ đại,*
*Gia mệnh Thăng Long tác tỉnh thành.*

**Dịch nghĩa:**

THÀNH THĂNG LONG

(Nguyên chú: Sử ký *chép Lý Thái Tổ niên hiệu Thuận Thiên năm đầu 1010 tức năm Canh Tuất, vua từ động Hoa Lư ngự giá ra Long Biên định đô có rồng vàng hiện ra trước thuyền ngự, nên vua đặt tên là thành Thăng Long.*

*Phía nam thành là cửa Đại Hưng, nay là chỗ đình Quảng Minh; phía đông bắc là cửa Tường Phù, sau đổi là cửa Đông Hoa, nay là cầu Đông Thị. Trên phía tây là cửa Quảng Đức, nay là Giảng Võ. Phía bắc đường của thành cổ là cửa Diệu Đức, đã bị lở xuống sông, nên không khảo cứu được.*

*Giữa núi Nùng có tòa điện thiết triều, trước điện là thềm rồng; trước thềm rồng có năm cửa, trước năm cửa còn có ba cửa, tất cả đều làm bằng đá. Các triều đại Trần, Lê đều đóng đô tại đây.*

*Hoàng triều (Nguyễn) lập kinh đô ở Phú Xuân, niên hiệu Gia Long 3 (1804), vua lệnh xây dựng Bắc Thành, lấy chính giữa núi Nùng làm tâm điểm để hoạch định mốc giới của một góc thành. Phá bỏ ba cửa trước và hai cửa Đại Hưng, Đông Hoa. Như vậy là xây năm cửa của bốn tòa thành. Thành, ao, cửa, cầu tất cả đều lát đá, đổi tên là thành Thăng Long (Long 隆 có nghĩa là cao). Khảo cứu biết rằng, thành Thăng Long (Rồng bay) bắt đầu được xây dựng từ niên hiệu Lý Thuận Thiên nguyên niên (1010), đến đời Nguyễn trùng tu và đổi tên là thành Thăng Long (Bay cao); tổng cộng là 794 năm. Đời vua Minh Mệnh tiến hành phân chia các tỉnh thành, ban cho thành Thăng Long tên mới là thành của tỉnh Hà Nội.*)

Tạo dựng lặng xem cảnh đất trời[2] linh thiêng,
Lý, Trần đều coi là thế hổ nhòm, xứng đáng là kinh đô hưng thịnh.
Hoàng triều (Nguyễn) thống nhất cơ đồ lớn,
Đổi Thăng Long trở nên tỉnh thành.[3]

*Chú thích:*

1. Theo *Long Biên bách nhị vịnh* ký hiệu A.1310, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. Câu 1 thiếu một chữ. Chúng tôi tạm ghi là chữ "linh" 靈.

3. Đời Nguyễn đổi tên "Thăng Long" 昇龍 (Rồng bay), thành chữ "Thăng Long" 昇隆(Lên cao). Từ đó kinh đô Thăng Long trở thành tỉnh thành Hà Nội.

## 155. 濃山殿

昇龍故甸改昇隆
萬里金湯北直雄
咋奉隆天開大駕
滿城直靄鬱葱葱

**Phiên âm:**

*NÙNG SƠN ĐIỆN*

*Thăng Long cố điện cải "Thăng Long,"*
*Vạn lý kim thang Bắc trực hùng.*
*Tạc phụng Long Thiên khai đại giá,*
*Mãn thành trực ái uất thông thông.*

**Dịch nghĩa:**

ĐIỆN NÙNG SƠN

(Nguyên chú: *Điện ở giữa thành. Sử chép: Vào thời Lý xây dựng điện trên đỉnh núi Nùng làm chỗ thiết triều. Đến đời Trần, đời Lê vẫn làm theo thế. Sau đời Lê Trung hưng đổi điện Kính Thiên làm nhà Minh Đường thờ Thiên Đế, thiết triều ở điện Long Thiên.*

*Triều nhà Nguyễn trùng tu ngôi điện trên núi Nùng (tức điện Kính Thiên) đặt tên là điện Long Thiên; đó chính là Hành cung của thành Thăng Long. Căn cứ theo sách* Cao Biền linh ký: "*Núi Nùng ở chính giữa thành*" *là như thế.*)

Điện cũ "Rồng bay" đổi thành "Lên cao"[1]
Vạn dặm thành vàng hùng vĩ án ngữ phương Bắc.
Vừa qua phụng mệnh theo xa giá đến điện Long Thiên,
Đầy thành Thăng Long hưởng ân huệ tốt tươi.

*Chú thích:*

1. Xem *Nguyên chú* bài 154.

## 156. 五門樓

省方玉駕臨濃珥
昭度辰璣拱紫微
會此慶同天下樂
五門圍上五雲飛

**Phiên âm:**

*NGŨ MÔN LÂU*

*Tỉnh phương ngọc giá lâm Nùng, Nhị,*
*Chiêu độ Thần Cơ củng Tử Vi.*
*Hội thử khánh đồng thiên hạ lạc,*
*Ngũ Môn vi thượng ngũ vân phi.*

**Dịch nghĩa:**

LẦU NGŨ MÔN

Thăm thú khắp nơi xa giá đến núi Nùng, sông Nhị,
Sáng ngời vượt sao Thần Cơ bao quanh sao Tử Vi.
Mọi điều tốt lành tụ hội tại đây cùng vui với thiên hạ,
Trên lầu Ngũ Môn mây năm sắc bay.

## 157. 城旗臺

城臺百尺半雲侵
路達洋腸抵頂心
晴日想凝千里目
江河信美當胸襟

**Phiên âm:**

*THÀNH KỲ ĐÀI*

*Thành đài bách xích bán vân xâm,*
*Lộ đạt dương tràng để đỉnh tâm.*
*Tình nhật tưởng ngưng thiên lý mục,*
*Giang hà tín mỹ đáng hung khâm.*

**Dịch nghĩa:**

CỘT CỜ THÀNH THĂNG LONG[1]

(Nguyên chú: *Cột cờ xây dựng trước lầu Ngũ Môn, trên nền cũ của Tam Môn triều Lý. Vào triều Nguyễn niên hiệu Gia Long, sai phá bỏ Tam Môn, đến năm thứ 5 (1806), đắp cột cờ trong thành. Kỳ đài có ba tầng lát gạch, mỗi tầng đều có Cửa chính (Đoan Môn), tầng trên cùng có hành lang, trong lòng kỳ đài xây con đường ruột dê. Lên 10 bậc thì tới chân cột cờ. Những ngày rằm, mùng một hoặc hội họp thì treo cờ màu vàng.*)

Cột cờ cao trăm thước, nửa phần lấn vào mây,
Con đường thẳng ruột dê thông suốt đến tận đỉnh.
Ngày nắng đẹp, mắt thường nhìn xa được ngàn dặm,
Ngắm sông nước thật đẹp, như vạt áo ôm vào lòng.

*Chú thích:*

1. Cột cờ hiện nay ở trên đường Điện Biên Phủ, thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

## 158. 文聖廟

古樹森森勢垂天
臨雍輦路百年前
龍編不改風聲舊
富美宮牆獨儼然

**Phiên âm:**

*VĂN THÁNH MIẾU*

*Cổ thụ sâm sâm thế thùy thiên,*
*Lâm Ung liễn lộ bách niên tiền.*
*Long Biên bất cải phong thanh cựu,*
*Phú mỹ cung tường độc nghiễm nhiên.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU VĂN THÁNH

(Nguyên chú: *Miếu ở ngoài cửa Tây nam thành, xây dựng từ thời Lý; có biển đề: "Cửa Thái học." Trải các triều đại là trụ sở của Nho giáo. Niên hiệu Gia Long 5 (1806), được trùng tu; trước cửa điện Đại Thành xây Khuê Văn Các, có biển đề: "Văn Thánh Miếu"*.)

Cây cổ thụ um tùm, thế che lấp trời,
Trăm năm trước đã là con đường dẫn đến Nho học.
Long Biên không thay đổi phong khí xưa,
Cung tường đẹp đẽ, thật trang nghiêm.

## 159. 啓聖廟

皇皇啓聖合尊親
天地生人一聖人
緬我昌朝新孝理
無彊悠久配斯文

**Phiên âm:**

*KHẢI THÁNH MIẾU*

*Hoàng hoàng Khải Thánh hợp tôn thân,*
*Thiên địa sinh nhân nhất Thánh nhân.*
*Miến ngã xương triều tân hiếu lý,*
*Vô cương du cửu phối tư văn.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU KHẢI THÁNH

(Nguyên chú: *Miếu nằm ở mặt trong của Văn Miếu. Niên hiệu Gia Long, nhà vua ra lệnh phá bỏ 6 nhà quốc học của triều Lê cũ; xây dựng miếu Khải Thánh để thờ phụ mẫu sinh ra Đức Thánh. Bốn phía đều thờ các vị tòng tự. Việc tôn trọng cha mẹ thể hiện trong điển lễ như thế là quá đầy đủ; từ đời Lê trở về trước chưa có triều đại nào làm được.*)

Rạng rỡ miếu Khải Thánh để tôn thờ cha mẹ đức Khổng Tử,
Trời đất sinh ra người, chỉ có một mình ngài là bậc Thánh nhân.
Nhớ đến triều đình thịnh vượng của ta, nghĩ về đạo hiếu mới mẻ,
Mãi mãi vô cùng được phối hưởng với nền tư văn.

## 160. 奎文閣

岩亭寶閣聖宮前
金藻流輝隱隱然
運文明看[]鬱發
降婁五緯報珠聯

**Phiên âm:**

*KHUÊ VĂN CÁC*

*Thiều đình bảo các Thánh cung tiền,*
*Kim tảo lưu huy ẩn ẩn nhiên.*
*Vận văn minh khán [...] uất phát,*(1)
*Giáng Lâu*(2) *ngũ vĩ báo châu liên.*

**Dịch nghĩa:**

GÁC KHUÊ VĂN

(Nguyên chú: *Gác Khuê Văn ở ngoài Cửa chính trước điện Đại Thành của Văn Miếu. Gác được xây dựng năm Gia Long thứ 5 (1806))*

Đình cao gác quý trước mặt Thánh cung,
Dòng sáng văn chương chảy ra lấp lánh.
Vận hội văn minh nhìn thấy đang phấn phát,
Sao văn học rủ xuống kinh sách như ngọc châu trong những câu đối.

*Chú thích:*

1. Câu thơ thứ 3 thiếu một chữ, có lẽ người chép để sót.
2. Lâu: Là một ngôi sao trong Nhị thập bát tú, chủ về văn học.

## 161.文瀾沼

寶奎芒焰蘸文瀾
色寖玻璃味紺寒
借問古今廬院客
香聞翰墨辨應難

**Phiên âm:**

*VĂN LAN CHIỂU*

*Bảo khuê mang diệm tiêu Văn Lan,*
*Sắc tẩm pha lê vị cam hàn.*
*Tá vấn cổ kim lư viện khách,*
*Hương văn hàn mặc biện ứng nan.*

**Dịch nghĩa:**

AO VĂN LANG (Sóng Văn)

(Nguyên chú: *Ao ở phía trong Khuê Văn các, trước mặt miếu Văn Thánh. Ao hình vuông xây gạch, nước trong vắt; nước ở đây được xếp vào loại đứng đầu ở Long Biên. Sách* Địa dư chí *của Ngô Cảnh Loan chép: ở đây có ngôi mộ cũ của ông tổ họ Chu. Học trò vốc nước lên thấy mùi thơm, ngỡ là đất của đế vương. Sách của Cảnh Loan còn chép: Nước ở đây có mùi thơm của bút mực, đáng sinh ra một Thánh nhân thông minh như Khổng Tử.*)

Gác Khuê Văn rạng rỡ phản chiếu "sóng văn,"
Màu sắc tựa pha lê, mùi ngọt lạnh.
Thử hỏi khách xưa nay đến đây học hành, thi cử,
Mùi thơm bút mực phân biệt được cũng khó.

## 162. 明堂湖

方塘一鑑古宮前
剩憶鳶魚起化年
香潔惟餘芹藻在
千秋碧水自漪漣

**Phiên âm:**

*MINH ĐƯỜNG HỒ*

*Phương đường nhất giám cổ cung tiền,*
*Thặng ức diên ngư khởi hóa niên.*
*Hương khiết duy dư cần tảo tại,*
*Thiên thu bích thủy tự y liên.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ MINH ĐƯỜNG

(Nguyên chú: *Ở ngoài cửa Tây nam thành, trước miếu Văn Thánh. Hồ có 3 lần cửa. Ở đây trồng thứ rau cần trắng.*)

Hồ vuông như một tấm gương trước cung cổ,
Nhớ lại cảnh diều bay, cá nhảy,[1] mở đầu cho sự đổi thay.
Mùi thơm tinh khiết chỉ còn đọng ở rau cần trắng,
Ngàn thu nước biếc vẫn cứ tự trôi hoài.

*Chú thích:*

1. Ý nói cảnh tự nhiên, thoải mái.

## 163. 題名碑

登龍姓字紀穹碑
風雨春秋鎮玉璃
千古仰瞻名教地
煌煌滾斧上心思

**Phiên âm:**

*ĐỀ DANH BI*

*Đăng long tính tự kỷ khung bi,*
*Phong vũ xuân thu trấn ngọc ly.*
*Thiên cổ ngưỡng chiêm danh giáo địa,*
*Hoàng hoàng cổn phủ thượng tâm ty.*

**Dịch nghĩa:**

BIA GHI TÊN TIẾN SĨ

(Nguyên chú: *Bia dựng trong lần cửa thứ hai, ở hai bên trước miếu Văn Thánh. Đây là những tấm bia ghi tên các vị đỗ Tiến sĩ những khoa thi đời Lê. Niên hiệu Minh Mệnh nhà Nguyễn, triều đình ghi tên những người thi đỗ chuyển về cho quan lại địa phương xem xét bổ sung, cho nên trong văn bia ghi rõ cả tự hiệu, chức sắc. Sở dĩ dựng bia như thế là để vun trồng cho nền giáo dục nước nhà.*)

Đỗ đạt nên họ tên được ghi vào bia đá,
Trải bốn mùa mưa gió, vẫn như ngọc trấn giữ ở phương Nam.
Ngàn năm chiêm ngưỡng nơi danh giáo,
Ngời ngời áo mũ, khiến lòng phải suy tư.

## 164. 學正堂

昭代隆儒冠百王
雷趍墳策仰宮牆
斗山峻望師千古
那得文貞坐講堂

**Phiên âm:**

*HỌC CHÍNH ĐƯỜNG*

*Chiêu đại long nho quán bách vương,*
*Lôi xu phần sách ngưỡng cung tường.*
*Đẩu sơn tuấn vọng sư thiên cổ,*
*Ná đắc Văn Trinh tọa giảng đường.*

**Dịch nghĩa:**

NHÀ HỌC CHÍNH

(Nguyên chú: *Ở trong góc thành phía cửa Tây nam có các tòa nhà, viện, cửa tường bao quanh; tất cả đều xây bằng gạch, lợp ngói. Đây là nơi giảng dạy, nhà học Chính của tỉnh Hà Nội. Nhà học Chính được xây dựng ở đời vua Minh Mệnh nhà Nguyễn.*)

Thời đại sáng, Nho học được đề cao đứng đầu trăm phái,(1)
Cho dù bị lao đao, bị chôn sách, nhưng vẫn được
ngưỡng mộ trong cung tường.
Như sao Bắc Đẩu, như núi Thái Sơn cao ngất
mà thầy đã thành thiên cổ,
Sao còn được Văn Trinh(2) ngồi đây giảng văn bài.

*Chú thích:*

1. Trăm phái: Dịch thoát từ chữ "bách vương," chỉ các trường phái tư tưởng khác với Nho giáo.

2. Văn Trinh: Tức Chu Văn An, sống dưới thời Trần. Ông đã dâng "Thất trảm sớ" rồi từ quan lui về dạy học. Hiện ông vẫn được thờ tại Văn Miếu, Hà Nội.

## 165. 荔枝坡

荔熟蘇江味者佳
厥包馹向嶺雲開
珍盤夏孟登清廟
錫貢於書蓋取栽

**Phiên âm:**

*LỆ CHI PHA*

*Lệ thục Tô giang vị giả giai,*
*Quyết bao nhật hướng Lĩnh vân khai.*
*Trân bàn hạ mạnh đăng thanh miếu,*
*Tích cống ư thư cái thủ tài.*

**Dịch nghĩa:**

RẶNG VẢI

(Nguyên chú: *Rặng vải cách cửa Tây nam phía ngoài thành 5 dặm, nằm ở phía đông và tây sông Tô Lịch, trên bờ sông thuộc địa phận hai xã Quang Liệt và Phùng Liệt, huyện Thanh Trì. Nơi đây trồng vải và có nhiều sản vật rất ngon như long nhãn, quả trứng gà, mật mía, nụ vối. Quan lại địa phương thường tuân theo lệ, đốc thúc thu hoạch để kịp tiến vua, trông nom mùa vụ, tính từ khi ngựa xuất phát để kịp đầu mùa hạ dâng cống sản vật tươi mới.*)

Vải chín bên bờ sông Tô mùi vị thơm ngon,
Ngựa chờ vải quả tiến vua khi mây núi Ngũ Lĩnh đã tan.
Quả quý đầu mùa hạ dâng cúng nơi miếu đường,
Ban cho làm vật cống nạp, ghi rõ trong sách vở có lẽ vì là sản vật quý.

## 166. 衍詳門

太平瑞氣老人星
毫落珠璣溢聖情
仁壽慶逢堯瞬世
衍祥正上廣明亭

**Phiên âm:**

*DIỄN TƯỜNG MÔN*

*Thái bình thụy khí lão nhân tinh,*
*Hào lạc châu cơ dật thánh tình.*
*Nhân thọ khánh phùng Nghiêu Thuấn thế,*
*Diễn Tường chính thượng Quảng Minh đình.*

**Dịch nghĩa:**

CỬA DIỄN TƯỜNG[1]

(Nguyên chú: *Ở phía ngoài cửa Đông nam thành Hà Nội, và phía nam đình Quảng Minh thuộc thôn Nam Ngư, huyện Thọ Xương. Năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), quan Tổng trấn Bắc Thành dâng biểu xin triều đình ban biển tặng thưởng cho một thường dân, tên là Trần Văn Yên thọ trên 100 tuổi. Gia đình 5 đời ở chung với nhau hòa thuận (Ngũ đại đồng đường), con cháu đông đàn dài lũ, lại học hành nghiêm túc. Nhà vua đã ban tặng cho già Trần Văn Yên vàng, lụa và tấm biển có dòng chữ vàng: "Dịch diệp diễn tường" (Nối đời mãi được hưởng điềm lành).*

*Năm đó, trong dân gian nhiều người thọ 100 tuổi; có đến hơn 170 người được ban thưởng; nhưng cụ họ Trần là người đầu tiên.*

*Kính phụng chép bài thơ Ngự chế của nhà vua ở sau.*)

Khí tốt lành, đời thái bình người già được thưởng biểu dương,
Từ tầm thường đến cao quý đều tràn ngập tình cảm của bậc vua thánh.
Cõi thọ lòng nhân, mừng gặp đời vua Nghiêu, Thuấn,(2)
Ban cho biển chữ "Diễn Tường" chính ở đình Quảng Minh.

*Chú thích:*

1. Diễn Tường: Có nghĩa là kéo dài mãi mãi những điều tốt lành.
2. Nghiêu, Thuấn: Hai vị vua hiền thời cổ đại Trung Hoa.

## 167. 恭綠御製

晨接北城上奏章
太平瑞氣請旌揚
宗枝蕃 衍偏鍾秀
骨肉團圓益克昌
高壽百齡徵世盛
連綿五代集同堂
予蒙天眷古希日
亦可欣瞻致此祥

**Phiên âm:**

*CUNG LỤC NGỰ CHẾ*

*Thần tiếp Bắc Thành thượng tấu chương,*
*Thái bình thụy khí thỉnh tinh dương.*
*Tông chi phồn diễn thiên chung tú,*
*Cốt nhục đoàn viên ích khắc xương.*
*Cao thọ bách linh trưng thế thịnh,*
*Liên miên Ngũ đại lập đông đường.*
*Dư mông thiên quyến cổ hy nhật,*
*Diệc khả hân chiêm chí thử tường.*

**Dịch nghĩa:**

KÍNH CHÉP BÀI THƠ NGỰ CHẾ

Buổi sớm nhận được tấu chương của quan Bắc Thành dâng lên.
Khí tốt lành của đời thái bình, xin được biểu dương.
Dòng dõi đông đúc, riêng được chung đúc tốt đẹp,

Cốt nhục xum vầy càng thêm phồn thịnh.
Tuổi thọ cao trên trăm tuổi, chứng tỏ đời thịnh trị,
Liên tục năm đời sống cùng một nhà.
Ta được trời thương cho đến ngày hưởng tuổi xưa nay hiếm,
Cũng có thể mừng vui thấy điềm tốt lành này.

## 168. 雙節閭

皇範當天敦化源
鳳啣旌典下吾地
企瞻敕旨雙貞扁
風自儒家卿相門

**Phiên âm:**

*SONG TIẾT LƯ*

*Hoàng phạm đương thiên đôn hóa nguyên,*
*Phượng hàm tinh điển hạ ngô đôn.*
*Xí chiêm sắc chỉ song trinh biển,*
*Phong tự Nho gia, khanh tướng môn.*

**Dịch nghĩa:**

LÀNG CÓ HAI TIẾT PHỤ

(Nguyên chú: *Làng cách cửa Đông nam ngoài thành 4 dặm, thuộc địa phận xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), quan Trấn thành dâng biểu xin triều đình ban thưởng cho con hiếu cháu hiền, nghĩa phu, tiết phụ của địa phương. Cũng năm đó, làng ta có hai tiết phụ nổi tiếng. Thứ nhất là bà Nguyễn Thị Quyên, con dâu thứ 5 của Hoàng giáp đời Lê, chức Hành tham tụng, tước Kế Liệt hầu Bùi Tồn Am (tên thật là Bùi Huy Bích) tiên sinh. Thứ hai là bà Nguyễn Thị Tư, con dâu trưởng quan Thị độc Học sĩ, Quốc Tử hy Tư nghiệp, tước Viên Khê hầu Nguyễn Mậu Bách của triều ta đã về trí sĩ. Cả hai người đều góa bụa từ khi còn trẻ, lại không có con. Một người cắt tóc trước mặt bố chồng thề thủ tiết suốt đời. Người thì nhân ngày giỗ chồng lén uống thuốc độc tự tử, may mà mọi người cứu được. Hai bà đều ở nhà chồng, giữ trọn trinh tiết*

*đã hơn 30 năm. Quan tỉnh tâu lên, đội ơn nhà vua được ban thưởng mỗi người 2 tấm lụa màu và 20 lạng bạc. Quan địa phương lĩnh tấm biển viết chữ vàng: "Trinh tiết khả phong" do nhà vua ban, mang đến tận nhà trao tặng. Mọi người đều lấy làm vinh hạnh, gọi tên là "Tiết phụ lư" (Tiết phụ của làng).)*

Khuôn mẫu của Nhà vua ngày nay, đôn đốc nguồn giáo hóa,
Chim phượng ngậm bằng khen đậu xuống quê ta.
Chỉ xem sắc chỉ và biển đề khen hai người tiết phụ,
Đó là gia phong nhà Nho nơi cửa khanh tướng.

## 169. 玉龍墀

千年神物玉龍墀
頭角嶄然故在茲
傳是統元龍火爍
天公者理抑何微

**Phiên âm:**

*NGỌC LONG TRÌ*

*Thiên niên thần vật Ngọc Long trì,*
*Đầu dốc trảm nhiên cố tại ty.*
*Truyền thị Thống Nguyên long hỏa thước,*
*Thiên công giả lý ức hà vi?*

**Dịch nghĩa:**

THỀM NGỌC LONG

(Nguyên chú: *Thềm rồng ngọc ở sân điện Nùng Sơn. Thềm rồng bằng đá có chín bậc. Đi lên trên hai bên tả hữu là hai con rồng ngọc dài hơn 2 trượng, được tạc từ thời Lý.*

*Tương truyền, năm Thống Nguyên (1522), trong buổi lễ trao lại ngôi báu cho nhà Mạc, vua Lê dẫn qua các bậc lên điện thì rồng ngọc bốc cháy, lan cả vào long cổn (áo rồng) của họ Mạc. Đăng Dung tức quá liền ra lệnh chặt bỏ; đến nay chỗ rồng bị chặt vỡ vẫn còn.)*

Ngàn năm rồng ngọc bên thềm vẫn là vật linh thiêng,
Sừng trên đầu bị chém vỡ khi xưa vẫn còn đó.
Tương truyền năm Thống Nguyên, rồng bốc lửa,
Ông trời làm ra hay sao mà vi diệu thế vậy?

## 170. 東花橋

東橋橋上古東門
橋在門空江水渾
金馬銅駝蕪沒久
千年鶴爪向誰言

**Phiên âm:**

*ĐÔNG HOA KIỀU*

*Đông Kiều kiều thượng cổ Đông Môn,*
*Kiều tại môn không giang thủy hồn.*
*Kim mã đồng đà vu một cửu,*
*Thiên niên hạc trảo hướng thùy ngôn.*

**Dịch nghĩa:**

CẦU ĐÔNG HOA

Cầu Đông Kiều xưa kia ở Cửa Đông kinh thành,
Cầu bắc gần cổng thành, dưới có dòng sông chảy qua.
Kim mã đồng đà[1] cỏ rậm che lấp từ lâu.
Vết hạc ngàn năm, chẳng còn ai nhắc đến nữa.

**Dịch thơ:**

*Cầu Đông xưa ở Cửa Đông,*
*Dưới dòng nước chảy trên sông bắc cầu.*
*"Đồng đà kim mã" còn đâu,*
*Ngàn năm dấu hạc ai hầu biết chăng?*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Kim mã đồng đà: Ngựa và lạc đà đúc bằng đồng, đặt ở ngoài cửa cung Lạc Dương đời Hán, chỉ sự hưng thịnh của nhân tài một thời, theo ý câu tục ngữ cổ: "Kim mã môn ngoại tụ quần hiền, đồng đà mạch thượng tập thiếu niên". Đây chỉ di tích cũ đã bị mai một.

## 171. 釣臺廟

前王遊預思深哉
旄羽觀魚劍水涯
宮廟千秋香火在
子民仰德謂靈臺

**Phiên âm:**

*ĐIẾU ĐÀI MIẾU*

*Tiền vương du dự tứ thâm tai,*
*Mao Vũ quan ngư Kiếm thủy nhai.*
*Cung miếu thiên thu hương hỏa tại,*
*Tý dân ngưỡng đức vị linh đài.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU ĐÀI CÂU

(Nguyên chú: *Miếu Đài Câu ở phía ngoài cửa Chính Đông một dặm, phía đông Kiếm Hồ, thuộc thôn Bảo Khánh, huyện Thọ Xương; là Hành cung câu cá của vua Lê Thái Tổ. Sau thời Trung hưng, nhà vua ít khi qua lại; Hành cung trở nên hoang phế. Dân quanh vùng vẫn tưởng nhớ mà thờ cúng vậy*)

Nhớ mãi đài câu, nơi trước đây nhà vua từng đến vui chơi,
Bên bờ Kiếm Hồ, rợp cờ Mao cờ Vũ(2) xem câu cá.
Cung miếu ngàn năm vẫn còn được thờ cúng,
Dân chúng vẫn kính trọng tài đức của nhà vua, nên gọi đài câu là Linh Đài.(2)

*Chú thích:*

1. Cờ Mao, cờ Vũ: Là hai loại cờ thường cắm ở những nơi nhà vua đi qua.
2. Linh Đài: Tức Đài thiêng, ý tưởng nhớ đến vua Lê Thái Tổ xưa.

## 172. 含劍湖

順天寶藏啓方興
入水何年季運徵
雷雨兢傳龍去遠
湖心渺渺劍光澄

**Phiên âm:**

*HÀM KIẾM HỒ*

*Thuận Thiên Bảo tàng khải phương hưng,*
*Nhập thủy hà niên quý vận trưng.*
*Lôi vũ cạnh truyền long khứ viễn,*
*Hồ tâm diểu diểu kiếm quang trừng.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ NGẬM KIẾM[1]

(Nguyên chú: *Hồ Hàm Kiếm ở ngoài cửa Chính Đông một dặm, thuộc huyện Thọ Xương. Đời truyền rằng: Khi Lê Thái Tổ dấy quân khởi nghĩa Lam Sơn, bắt được kiếm thần ở sông Lương Giang; kiếm sáng quắc có khắc dòng chữ "Thuận Thiên"(Thuận theo trời), bèn đặt tên là "Linh Kim Bảo tàng" (Gươm báu linh thiêng). Các năm Kiến Nguyên, Thuận Thiên võ công đại định, giấu kiếm xuống hồ nơi kho vũ khí trên cồn đất. Vì thế có tên là "Hồ Hàm Kiếm"(Hồ ngậm kiếm). Khi vua Tương Dực lên ngôi, xa giá đến chơi bên hồ, thấy kiếm nằm dưới nước, nhưng chẳng cho vớt lên. Được vài ngày sau, bỗng mưa to gió lớn nổi lên; thanh kiếm dưới đáy hồ hóa rồng bay đi mất.)*

Kiếm báu "Thuận Thiên" mở triều đại mới hưng thịnh,
Xuống nước năm nao, mà vẫn là vật chứng làm nên sự đổi thay lớn lao.

Khiến cho mưa gió đua nhau truyền tụng, việc kiếm thần
hóa rồng bay xa,
Mà nước trong lòng hồ, vẫn như còn đọng lại mơ hồ ánh kiếm thần.

*Chú thích:*

1. Hồ Hàm Kiếm: Nghĩa là hồ ngậm kiếm; tức hồ Hoàn Kiếm nay ở trung tâm thủ đô Hà Nội.

## 173. 徽文寺

黎初運啓太平君
震夙哉生翕雨雲
閱飽慇夏殊降命
崇天祥發自徽文

**Phiên âm:**

*HUY VĂN TỰ*

*Lê sơ vận khả thái bình quân,*
*Chấn túc tai sinh hấp vũ vân.*
*Duyệt bão ân hạ thù giáng mệnh,*
*"Sùng thiên" tường phát tự Huy Văn.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA HUY VĂN[1]

(Nguyên chú: *Chùa Huy Văn cách cửa phía Tây thành một dặm, trên bãi Hồ Thủy, thôn Minh Giám, huyện Vĩnh Thuận. Theo quy chế của nhà Lê: Người cung nhân khi bị trách tội, sẽ bị đày vào ở Cung tự (chùa trong cung), gọi là ngục Hoa Văn. Lê Thánh Miếu Thái hậu Trinh Thục họ Ngô, tự là Ngọc Dao; người ở Đồng Bạng, Yên Định. Là Tiệp dư ở cung Nhân Miếu, do bị gọi nhầm lên hầu vua mà có mang, bị nghi ngờ đày ra ở chùa Hoa Văn. Nhà vua hội quân ở Giảng Võ về, qua đường dừng chân sai đem Phật Lang ra để bắn. Trước lúc hành hình, bỗng mưa gió sấm chớp nổi lên mù mịt; cũng là lúc Thánh Miếu trở dạ, sinh được một người con trai. Nhà vua cho là điềm lạ, sai Thục Vương nuôi dưỡng; khi lớn lên thường theo vào Vương phủ. Là đứa trẻ hiếu động thông minh, giỏi giang uyên bác nên hiểu rất rõ nỗi thống khổ của dân chúng. Khi vua Nhân Tông băng, đại thần dẹp yên loạn Nghi Dân;[2] bèn rước Ngài về lập làm vua, đó là vua Lê Thánh Tông. Ngài tôn mẹ*

*là Trinh Thục Hoàng Thái hậu. Ngày sinh nhật gọi là: "Sùng thiên Thánh tiết" (Ngày thánh kính trời). Đổi Cung tự thành Huy Văn Dục Thánh điện. Nay chùa vẫn còn bia thờ Thái hậu và điện Dục Thánh có tấm biển đề bài thơ sau.*)

Nhà Lê mở vận, bắt đầu từ một vị vua sáng suốt anh minh,
Được sinh ra từ trong sấm sét và mưa gió.
Trải qua bao gian khó mới được giao cho sứ mệnh trọng đại này,
Điềm lành "Sùng thiên" cũng khởi phát từ chùa Huy Văn.

*Chú thích:*

1. Chùa Huy Văn: Nay ở ngõ Huy Văn, trên đường Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Nạn Nghi Dân: Năm 1459, Lê Nghi Dân tiếm ngôi vua Lê Nhân Tông. Lên ngôi không lâu, Nghi Dân bị các đại thần phế bỏ; đưa vua Lê Thánh Tông được sinh ra trong chùa Huy Văn lên ngôi, mở ra một triều đại thịnh trị của nước ta.

## 174. 看山寺

常武興初奄萬方
秋山講武本毋忘
依誰忝厥前王烈
擁梵鍾聲半夕陽

**Phiên âm:**

*KHÁN SƠN TỰ*

*Thường võ hưng sơ yêm vạn phương,*
*Thu sơn Giảng Võ bản vô vong (vương).*
*Y thùy thiểm quyết tiền vương liệt,*
*Ủng phạn chung thanh bán tịch dương.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA KHÁN SƠN

(Nguyên chú: *Núi Khán Sơn ở phía tây điện Nùng Sơn trong thành nội. Sử ký chép: "Vào năm Thuận Thiên đời vua Lê Thái Tổ, cho dựng điện Giảng Võ để luyện binh trên núi Khán Sơn. Nhà vua từng đến đó để xem tập trận." Cuối đời Lê trở về sau, nơi đó trở thành nơi thờ Phật. Chưa khảo cứu được là từ năm nào, triều đại nào.*)

Dựng nên sự nghiệp bằng uy võ, lẫy lừng khắp bốn phương trời,
Mùa thu thường luyện binh trên núi, vốn là việc không thể sao nhãng.
Ai mà chẳng ngưỡng mộ thời oanh liệt trước đây của nhà vua,
Nay chỉ còn tiếng chuông chùa vào mỗi buổi chiều tà.

## 175. 石瀍橋

瀍橋陣上建元戎
此日匡周蓋世功
誰謂百年凌替漸
瞬間吹劍鼎圖空

**Phiên âm:**

*THẠCH TRIỀN KIỀU*

*Triền kiều trận thượng kiến nguyên nhung,*
*Thử nhật khuông Chu cái thế công.*
*Thùy vị bách niên lăng thế tiệm,*
*Thuấn gian xuy kiếm đỉnh đồ không.*

**Dịch nghĩa:**

CẦU DỀN BẰNG ĐÁ

(Nguyên chú: *Cầu Dền làm bằng đá, cách cửa Chính Đông thành 2 dặm. Cầu bắc qua sông Kim Ngưu, thuộc phường Yên Thọ, huyện Thọ Xương.* Sử ký *chép: Vào thời vua Lê Thế Tông, niên hiệu Quang Hưng (1578 - 1599); với chủ trương "Phù Lê diệt Mạc," Tiết Chế Trịnh Tùng đã chỉ huy một trận đánh lớn trên cầu. Cầu Dền tràn ngập trong máu lửa, thừa thế quân tướng xông vào đánh phá cửa ô, tràn vào chiếm được Kinh thành.*)

Trận chiến trên cầu Dền, lập nên công đầu,
Ngày hôm đó là ngày phù trợ nhà Chu,[1] lập công nổi tiếng trên đời.
Ai bảo trăm năm dần dần lấn át nhà vua,
Trong nháy mắt, vung nhát kiếm mà nhà Mạc sạch không.

*Chú thích:*

1. Nguyên văn: "khuông Chu," tức phù trợ nhà Chu, một triều đại phong kiến tập quyền đầu tiên của Trung Hoa. Ở đây ý chỉ việc phù Lê diệt Mạc của Trịnh Tùng là một việc làm chính đáng, như việc phù giúp nhà Chu vậy.

## 176. 長樂湖

長樂離宮水一涯
傳聞李氏賞魚磯
銀梭拋擲明金鈿
爭似螻王御硯池

**Phiên âm:**

*TRƯỜNG LẠC HỒ*

*Trường Lạc ly cung thủy nhất nhai,*
*Truyền văn Lý thị thưởng ngư ky.*
*Ngân thoa phao trịch minh kim điện (điền),*
*Tranh tự lâu vương ngự nghiễn trì.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ TRƯỜNG LẠC

(Nguyên chú: *Hồ Trường Lạc ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông hai dặm thuộc phường Phục Cổ, huyện Thọ Xương. Bùn cát trong hồ có lẫn nhiều hạt vàng kim. Đời truyền rằng: Sau đời Lê Trung hưng, chúa Trịnh đã cho dựng cung Trường Lạc trên bãi giữa hồ, thả cá cảnh và thường đến câu cá vui chơi; có cả võ tướng theo hầu. Bọn họ thường bỏ hàng trăm quan tiền để cá cược; ai câu được cá, nhận tiền theo số cá nặng nhẹ. Riêng người Chủ soái câu được cá thì thưởng đồng bạc trắng, lại đem cài vào mang cá thả xuống hồ. Khi nhà Trịnh mất, thổ dân quanh vùng nhân đó dùng làm nơi thờ Phật, gọi là chùa Trường Lạc.*)

Cung Trường Lạc bên hồ nước phía nam Kinh thành,
Từng nghe truyền: Có ghềnh đá nơi vua Lý thường đến
ngắm đàn cá bơi lội.
Gieo cây thoa bạc, đổi lấy chiếc khuyên vàng,
Tựa như vua dế ngự trên nghiên mực vậy.

## 177. 五嶽宮

雄伯當年月夜遊
龍輈歌管盪中秋
凌花一鏡來今古
閱盡浮沉幾許舟

**Phiên âm:**

*NGŨ NHẠC CUNG*

*Hùng bá đương niên nguyệt dạ du,*
*Long chu ca quản đãng trung thu.*
*Lăng hoa nhất kính lai kim cổ,*
*Duyệt tận phù trầm kỷ hứa chu.*

**Dịch nghĩa:**

CUNG NGŨ NHẠC

(Nguyên chú: *Cung Ngũ Nhạc ở ngoài thành, cách cửa Chính Tây ba dặm, nằm phía bắc hồ Tây thuộc thôn Yên Thái, huyện Vĩnh Thuận. Nơi ấy có 5 chỏm núi, nên đặt tên Ngũ Nhạc. Thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh cho dựng Hành cung bên hồ Tây, gọi là cung Ngũ Nhạc. Hằng năm, vào trước đêm Trung thu, Chúa thường đến đây vui chơi; đàn sáo ca hát vang lừng trên du thuyền. Trong cuộc vui có treo thưởng, gọi là "Thưởng thắng giả" (Người thắng được thưởng). Nay chỉ còn lại nền cung.)*

Năm xưa hùng bá, chơi trăng suốt đêm thâu,
Ca hát trên thuyền, vang động cả bầu trời thu.
Mãi còn hoa súng lung linh soi trên mặt nước,
Trải bao thăng trầm, mới gặp lại thuyền rồng đây.

## 178. 三頂山

三山前拱龍天殿
一水中開虹月橋
此日誰家青瑣閘
思屭教矗放雙橋

**Phiên âm:**

*TAM ĐỈNH SƠN*

*Tam Sơn tiền củng Long Thiên điện,*
*Nhất thủy trung khai Hồng, Nguyệt kiều.*
*Thử nhật thùy gia thanh tỏa vi (vị),*
*Tư si giao súc phóng song kiêu.*

**Dịch nghĩa:**

NÚI TAM ĐỈNH

(Nguyên chú: *Núi ở bên phải cửa Chính Bắc trong thành, núi có 3 đỉnh cao lồi lên, vì thế đặt tên như vậy. Thời Lê xưa, điện Long Thiên ở bờ bắc sông Tô Lịch; nước sông chảy qua sân điện phía tây. Vào sân điện phải qua sông có hai cầu Hồng và Nguyệt; mà núi Tam Đỉnh lại ở chân cầu phía nam. Biết rằng dòng chảy của sông Tô Lịch xưa và nền cũ điện Long Thiên đều ở bên ngoài cửa Chính Bắc khá xa. Thời vua Lê Cảnh Hưng (1780), phủ Chúa Trịnh có hai đội lính Kiêu binh và Tượng quân, trại lính chiếm đóng rất rộng và thường đóng chặt cổng. Thường khi có việc gấp cần mở cửa vào sân điện Thiên Long để nghe lệnh vua thì quân lính mới mở cửa. Khi nhà vua xa giá đến ngự ở núi Tam Đỉnh, ra sắc dụ cho quân Kiêu binh và Tượng quân thì chúng đều phải quỳ dưới chân hai cầu Hồng và Nguyệt để nghe lệnh.)*

Có ba đỉnh núi đều chầu trước điện Long Thiên,
Qua một dòng sông có cầu Hồng, cầu Nguyệt bắc qua.
Mà nay nhà cửa bao quanh cung thất đều không còn nữa,
Nhớ khi xưa nơi gò cao là chỗ ban lệnh cho hai đội lính kiêu binh.

## 179. 太極壇

君臣定分一言間
凜凜風棱虎在山
欲紊黎綱猶半線
天人此際隔壇關

**Phiên âm:**

*THÁI CỰC ĐÀN*

*Quân thần định phận nhất ngôn gian,*
*Lẫm lẫm phong lăng hổ tại san.*
*Dục vặn Lê cương do bán tuyến,*
*Thiên nhân thử tế cách đàn quan.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÀN THÁI CỰC

(Nguyên chú: *Đàn tế ở ngoài cửa Đông thành, thuộc phường Đại Lợi huyện Thọ Xương.*

*Xét: Đàn Thái Cực vốn ở trong cửa Đông Hoa trong thành nội xưa, nay là ngoại thành, nơi dân cư sinh sống. Nên đàn tế không khảo cứu được. Đời truyền rằng: Thời vua Lê Kính Tông, niên hiệu Hoằng Định (1601), chúa Trịnh Tạc cho dựng đàn Thái Cực ở phía đông cung vua, chọn ngày làm lễ khánh thành. Sai quan Toản tu Hàn lâm là Nguyễn Duy thảo chiếu lệnh; Nguyễn Duy vốn không muốn tuân lệnh, đến ngày hành lễ vẫn chưa thảo xong nên bị tống giam vào ngục tối. Đêm hôm đó, vào lúc thông báo canh năm, bỗng thấy cửa ngục chuyển động; mưa to gió lớn nổi dậy. Khi ấy Chúa xa giá đến gần đàn tế thì sấm chớp nổi lên đùng đùng, cửa khép lại, xa giá không đi được. Chúa bèn hạ lệnh thả Nguyễn Duy và gọi lên xét hỏi. Ông đáp: "Nhà Lê tuy suy yếu, nhưng mệnh trời*

*chưa thể thay đổi được." Chúa hỏi: "Ngươi biết thiên mệnh sao?" Nguyễn Duy đáp: "Thiên mệnh ở tại lòng người, lòng người cũng là tấm lòng của tiểu thần!" Chúa bảo: "Biết vậy sao không sớm nói ra!". Từ đó, thu dùng.)*

Ngôi vua, tôi, đã phân định rõ rành,
Uy phong lẫm liệt như hổ trên rừng.
Dù rằng cương thường nhà Lê chỉ còn phần nửa,
Nhưng giữa trời và người chỉ cách nhau ở cửa đàn tế này.

## 180. 泊館市

珠奄泊館犯儲宮
黎季綱常一掃空
晝晦風雷頭上鑒
爭他不寐警機中

**Phiên âm:**

*BẠC QUÁN THỊ*

*Châu Yêm Bạc Quán phạm trừ cung,*
*Lê quý cường thường nhất tảo không.*
*Trú hối phong lôi đầu thượng giám,*
*Tranh tha bất mỵ cảnh cơ trung.*

**Dịch nghĩa:**

CHỢ QUÁN BẠC

(Nguyên chú: *Chợ ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông hai dặm; thuộc phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương. Đời vua Lê Cảnh Hưng, Hoàng tử Duy Thường lấy con gái chúa Trịnh do Vinh Phi sinh ra.*

*Hoàng tử cùng Thế tử Trịnh Sâm tuổi xuýt xoát nhau. Vinh Phi bèn bảo: "Hôm nay thân mật một nhà, mai sau là phận vua tôi, không thể ngang hàng, hưởng lễ như nhau!" Thế tử bái tạ đi ra. Hai năm sau, Thế tử được ban tước vị; nổi lên tranh quyền hãm hại Thái tử. Vì việc đó, Thái tử Châu Yêm phải thắt cổ chết ở chợ Bạc; khiến trời đất tối tăm, lòng người đau thương.)*

Châu Yêm phạm vào ngôi thái tử ở chợ quán Bạc,
Mà kỷ cương phép nước cuối đời Lê thật là suy vi.
Khiến cho trời đất tối tăm, sấm chớp trên không chứng giám,
Thế mà dường như chẳng biết phải đề phòng lúc nguy cấp ra sao.

## 181. 橫亭街

橫亭極目草蘼蕪
依昔繁奢甲漢都
帥府當年歌舞地
山嵩衢上有耶無

**Phiên âm:**

*HOÀNH ĐÌNH NHAI*

*Hoành Đình cực mục thảo my vu (vô),*
*Y tích phồn xa giáp Hán đô.*
*Súy phủ đương niên ca vũ địa,*
*Sơn Tung cù thượng hữu da vô.*

**Dịch nghĩa:**

PHỐ ĐÌNH NGANG[1]

(Nguyên chú: *Phố Đình Ngang ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông một dặm, thuộc phường Phục Cổ, huyện Thọ Xương. Xưa kia phủ Chúa ở phía sau phố này. Đời truyền rằng: Đến ngày sinh nhật của chúa Trịnh, chúa sai quan quân đem theo cả thầy cúng đến quán chợ sau phố Đình Ngang; dựng rạp cho diễn tạp kỹ ca múa, cúng gọi hồn sống. Quan quân đứng quanh bái lạy tung hô 3 tiếng; rồi rước giá đưa Chúa về phủ vui chơi tiệc tùng.*)

Phố Đình Ngang xem ra chỉ còn toàn là cỏ dại,
Xa xưa là nơi phồn hoa đô hội ngang với kinh đô nhà Hán.
Năm trước còn là nơi vui chơi ca hát của phủ Chúa,
Mà nay tiếng tung hô[2] trên phố hỏi còn đâu?

*Chú thích:*

1. Phố Đình Ngang: Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Tiếng tung hô: Khi xưa vua Hán Vũ Đế lên núi Tung chơi, bỗng quan quân nghe thấy có tiếng tung hô vạn tuế 3 lần. Câu thơ trên có ý chỉ việc chúa Trịnh ngạo mạn, tự coi mình ngang với vua Lê; sai quan quân tung hô chúc tụng trong ngày sinh nhật của mình một cách ngang nhiên.

## 182. 錦紙街

廢興功過欲無言
錦紙仍傳政府門
銅雀臺荒迷寶硯
館娃宮沼鞠蔬園

**Phiên âm:**

*CẨM CHỈ PHỐ*

*Phế hưng công quá dục vô ngôn,*
*Cẩm Chỉ nhưng truyền chính phủ môn.*
*Đồng Tước đài hoang mê bảo nghiễn,*
*Quán oa cung chiểu cúc sơ viên.*

**Dịch nghĩa:**

PHỐ CẨM CHỈ[1]

(Nguyên chú: *Phố cách Cửa Đông thành hai dặm, thuộc phường Cẩm Chỉ, huyện Thọ Xương; là cửa trước của phủ chúa Trịnh xưa.*

*Tương truyền: Táo điếm (điếm táo), Lâm điếm (điếm rừng) là những điếm của phủ chúa Trịnh giải quyết các công việc nhà nước. Nay nền cũ của phủ Chúa đã hoang tàn, cỏ mọc um tùm rậm rạp. Khảo cứu trong sách vở thì thời Tiên Lê không đặt chức Tể tướng, mọi việc chính sự tập trung về Lục bộ (sáu bộ), đứng đầu Lục bộ là Thượng thư, cũng như Tể tướng vậy.*

*Sau thời Trung hưng, họ Trịnh đặt ra chức Nguyên súy nắm mọi quyền bính trong nước. Riêng đối với các đình thần đều trao thêm cho một cái Lệnh chỉ, gọi là "Nhập thị lệnh chỉ" (Lệnh chỉ vào chầu). Các chức quan: Chưởng phủ sự, Thự phủ sự, Quyền phủ sự thì nắm giữ việc binh, kể cả lục quân. Các chức Tham tụng, Bồi tụng chính là Tể tướng vậy. Thống soái Lục phiên Thiêm sai thuộc cơ quan Lục phiên,*

*bởi công việc của Phiên cũng là công việc của Bộ. Như thế, gọi là Quan phủ liêu thuộc năm phủ ngồi ở Chính đường của các điếm để giải quyết công việc chính sự. Chúa Trịnh chuyên quyền mọi việc, quan chức văn võ các bộ, viện trong triều không có Lệnh chỉ không được vào tham dự việc triều chính.*)

Cuộc phế hưng, công hay tội không muốn nói đến,
Phố Cẩm Chỉ vẫn tương truyền là cửa Vương phủ.
Đài Đồng Tước(2) hoang vu, nghiên mực quý thất lạc,
Cung quán đã trở thành ao nước, vườn rau dại.

*Chú thích:*

1. Phố Cẩm Chỉ: Nay là ngõ Cấm Chỉ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Đồng Tước: Là tên một ngôi đài nổi tiếng của Tào Tháo dựng tương truyền để làm chỗ giam hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều (là vợ Tôn Sách và Chu Du bên nước Ngô) thời Tam quốc.

## 183. 廣明亭

故家先子文亭記
光德中年奉詔期
大筆遭逢明聖世
景披文海觸遐思

**Phiên âm:**

*QUẢNG MINH ĐÌNH*

*Cố gia tiên tử văn đình ký,*
*Quang Đức trung niên phụng chiếu kỳ.*
*Đại bút tao phùng minh Thánh thế,*
*Cảnh phi văn hải xúc hà tê (tư).*

**Dịch nghĩa:**

ĐÌNH QUẢNG MINH[1]

(Nguyên chú: *Đình Quảng Minh ở Cửa Đông nam ngoài thành, thông với đường phố. Đình thuộc thôn Yên Trung Thượng, huyện Thọ Xương. Thời Lê xưa, có biển đề tên là "Quảng Văn đình" (Đình Quảng Văn), được xây dựng năm Quang Đức*[2] *triều Lê. Cụ Thượng thư Lục bộ Bùi Xương Trạch nhà ta phụng chiếu được chọn viết bài văn ở đình. Bài văn được chép vào sách* Hoàng Việt hối văn tập. *Khảo sát truyện cũ nhà Lê, Quảng Văn đình là nơi ban bố chiếu lệnh của nhà vua và treo bảng vàng ghi tên những người đỗ đạt.*

*Đầu năm Gia Long triều Nguyễn, đình được trùng tu và đổi tên là Quảng Minh đình. Ở đây nhà vua đã tuyên bố chiếu đại xá, chiếu "Cầu ngôn" (Cầu lời nói thẳng); và treo bảng những người thi đỗ. Năm ấy, Thượng thư Bộ Hình Bùi Phổ nhà ta đi thi trúng cách, tên cũng được ghi trên bảng.*)

Bài văn ở đình của gia tiên ta,
Phụng chiếu vua viết năm Quang Đức.
Đại bút gặp được đời vua Thánh sáng suốt,
Văn phong như biển cả bao trùm, cảm xúc sâu xa.

*Chú thích:*

1. Đình Quảng Minh: Ngày nay chính là vườn hoa ở Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, trước đây là nền của đình Quảng Minh.

2. Niên hiệu Quang Đức thời Lê, không thấy có trong niên biểu Việt Nam. Chỉ có niên hiệu Quang Hưng đời vua Lê Thế Tông (1578); có lẽ sách chép nhầm.

## 184. 延壽館

壯歲舉家朝愛州
南關七誥考分猷
我黎搆造興重日
吾祖先勞五十年

許國馳驅五十年
經綸鬚髮已皤然
西扶北勘功完日
延壽頤閒百壽仙

**Phiên âm:**

*DIÊN THỌ QUÁN*

*Tráng tuế cử gia triêu Ái Châu,*
*Nam Quan "thất cáo" khảo phân du.*
*Ngã Lê cấu tạo hưng trùng nhật,*
*Ngô tổ tiên lao ngũ thập niên.*

*Hứa quốc trì khu ngũ thập niên,*
*Kinh luân tu phát dĩ bà nhiên.*
*Tây phù bắc khám công hoàn nhật,*
*Diên Thọ di nhàn bách thọ tiên.*

**Dịch nghĩa:**

QUÁN DIÊN THỌ

(Nguyên chú: *Quán Diên Thọ ở ngoài thành, cách Cửa Đông nam bốn dặm ở bên phải đường cái thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì. Nay chỉ còn nền quán.*

*Đời vua Lê Trung Tông niên hiệu Thuận Bình (1548 - 1556), họ Mạc tiếm ngôi, quan Thượng thư Chưởng Lục bộ họ Bùi ta có người cháu thừa tự là Bỉnh Uyên lúc đó 30 tuổi, chưa lập gia đình đến đâu quân ở sông Tất Mã để phù Lê chính thống. Trải 3 triều vua Trung Tông, Anh Tông, Thế Tông; hơn 40 năm hộ giá vua về cung Túc Thanh Thăng Long, năm đó cụ 72 tuổi, râu tóc bạc phơ, làm quan đến chức Tham tụng Thượng thư Bộ Hình rồi về trí sĩ. Con cháu theo cụ đi phò Lê có đến 60 người, đều được phong Công thần. Sau cụ lại phụng mệnh đến ải Nam Quan cùng nhà Mạc khảo xét làm rõ "thất cáo" (bảy điều tuyên cáo). Về nghỉ, cụ cho dựng quán Diên Thọ ở phía tây làng, và thường chống gậy đến chơi. Cụ hưởng thọ 93 tuổi. Tồn Am tiên sinh[1] tôi nhớ đến đức nghiệp của cụ làm bài thơ vịnh.)*

Đang tuổi trai tráng, rời nhà theo triều đình vào Ái Châu,[2]
Từng đến Nam Quan[3] để vạch rõ mưu đồ của "Thất cáo."[4]
Ngày nhà Lê ta phục hưng trở lại,
Cũng là năm mươi năm vất vả gian lao của cụ tổ ta.

Năm mươi năm dong duổi trên lưng ngựa vì lời hẹn với nước nhà,
Râu tóc đã bạc phơ, là do lo việc sửa sang chính sự.
Công lao trọn vẹn phù trợ trời tây, xem xét trời bắc,
Trăm tuổi như tiên, dưỡng nhàn bên quán Diên Thọ.

*Chú thích:*

1. Tồn Am tiên sinh: Là tên hiệu của Tiên sinh Bùi Huy Bích, con cháu họ Bùi ở Thịnh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

2. Ái Châu: Tên có từ thời Bắc thuộc, sau là Thanh Hóa.

3. Nam Quan: Tức cửa ải Nam Quan ở Lạng Sơn.

4. Thất cáo: Bảy điều tuyên cáo.

## 185. 壽公祠

天厚忠勳百壽稀
東壇肇祀景遺徽
晚瞻喬木儘秋色
一鳥前山帶暝歸

**Phiên âm:**

*THỌ CÔNG TỪ*

*Thiên hậu trung huân bách thọ hy,*
*Đông đàn triệu tự cảnh di huy.*
*Vãn chiêm kiều mộc tận thu sắc,*
*Nhất điểu tiền sơn đới minh quy.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ THỌ CÔNG

(Nguyên chú: *Đền thờ Thọ Công ngoài thành, cách cửa Chính Đông bốn dặm, ở phía đông thôn Bùi Đông, xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì. Đây là đền chính thờ các vị Quốc lão, Hương lão trong làng cũng được phối thờ ở đây, có đến 87 bài vị xếp hai bên tả hữu, Bùi Tồn Am tiên sinh tôi về quê sống mới bắt đầu theo việc thờ cúng này. Đền có một đài hương đá, khắc dòng chữ sau: "Những vị thọ cao trong nước được thờ ở thôn Đông." Đầu tiên là cụ thọ 114 tuổi, rồi đến quan Đồng mỗ vệ họ Bùi thọ 93 tuổi. Năm Quang Hưng (1578 - 1599), làng chỉ cho các vị Công thần chức Thượng thư đã về quê nghỉ, trong đó có một vị lão họ Lê thọ 104 tuổi vẫn chưa về hưu. Tôi thấy những người già cả trong thôn ta, dù là quan chức hay thứ dân, dù là quan lớn như Tam Công mà tuổi thọ cao thì có rất nhiều. Nghĩ cho cùng, thì nên lấy đức sâu để làm rạng danh cho nước nhà; để giáo dục con em trong làng mà thôi.*

*Than ôi! Đầu năm Đinh Mùi, vua Chiêu Thông thoái triều, lại xuống chiếu lệnh cho tôi ra làm quan.*)

Những người đức cao công lớn, hưởng tuổi trời đến trăm năm
thật là hiếm hoi,
Đền Đông là nơi mở ra việc thờ tự, nêu gương sáng cho đời sau.
Chiều tà ngắm cây kiều mộc trong sắc thu muộn,
Một con chim đêm tối bay về dãy núi trước mặt.

## 186. 碧溝第

碧溝秋水碧波流
彷彿先生觀祈秋
菊謝蓮殘無覓處
滿心月共古今愁

**Phiên âm:**

*BÍCH CÂU ĐỆ*

*Bích Câu thu thủy bích ba lưu,*
*Phảng phất Tiên sinh quán kỳ thâu (thu).*
*Cúc tạ, liên tàn vô mịch xứ,*
*Mãn tâm nguyệt cộng cổ kim sầu.*

**Dịch nghĩa:**

NHÀ Ở BÍCH CÂU

(Nguyên chú: *Ngôi nhà Bích Câu ở Cửa Tây nam bên ngoài thành, thuộc phường Bích Câu, thôn An Thạch, huyện Vĩnh Thuận. Có một con ngòi bắt nguồn từ hồ Thuốc Súng ở bên phải núi Nùng chảy ra; nước trong xanh, nhân đó lấy để đặt tên. Tiên sinh Bùi Tồn Am của ta, thời Lê cũ đã dựng nhà ở đây. Tiên sinh tên húy là Bích, hiệu Hy Chương, Tồn Am. Năm Cảnh Hưng 30 (1769), đời vua Lê Hiển Tông, ông đỗ Hoàng giáp làm quan đến chức Thị lang, Hành Tham tụng, tước Kế Liệt hầu. Cuộc đời gặp lúc thời thế gian truân, lo toan chuyện sâu xa, Tiên sinh đã biên soạn sách* Bích Câu tiền hậu tập. *Ta lúc thiếu thời, đến nhà Tiên sinh còn nhớ được câu thơ rằng:*

Bán khai thư song vũ hậu thiên,
Nhân huề thu cúc nhất bồn liên.

Thế đồ môn phản môn phong bạc,
Độc tọa hàn canh thính đỗ quyên.

*Nghĩa là:*

*Sau ngày mưa mở nửa cánh cửa sổ thư phòng,*
*Một luống cúc mùa thu, một chậu sen.*
*Đường đời bạc bẽo như gió đập cửa lúc đóng lúc mở,*
*Một mình ngồi trong đêm lạnh, nghe tiếng chim đỗ quyên.*[1]

*Từ đó nghĩ rằng: Thân mình cuối đời gặp vận hạn, day dứt nhiều xúc cảm, nhân tản bộ hỏi thăm đến Bích Câu. Luống thấy: Sóng lạnh đùa ánh chiều tà, trăng sáng mới nhô, luống cúc, ao sen, hoang vu lạnh lẽo ở đâu; không thể nén được bèn ngậm ngùi thở dài.*)

Nước mùa thu ở ngòi biếc chảy làn sóng xanh,
Phảng phất như thấy Phủ đệ của Tiên sinh cúng tế
thiên thần mùa thu.
Cúc tàn, sen úa không tìm thấy nữa,
Lòng tràn đầy ánh trăng và mối sầu kim cổ.

**Dịch thơ:**

*Nước thu ngòi biếc sóng về đâu,*
*Phảng phất Tiên sinh quán tế thu.*
*Cúc úa, sen tàn nào thấy nữa,*
*Đầy lòng trăng với cổ kim sầu.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Chim đỗ quyên: Tương truyền khi Thục Đế mất nước, hóa thành chim đỗ quyên, kêu những tiếng ai oán, da diết nhớ nước, ta gọi là chim quốc quốc.

## 187. 狀元祠

剛忠抗節欲橫秋
危行危言邁外尤
曾自平生神貢夢
狀元食報在人頭

**Phiên âm:**

*TRẠNG NGUYÊN TỪ*

*Cương trung kháng tiết dục hoành thu,*
*Nguy hạnh nguy ngôn cấu ngoại vưu.*
*Tằng tự bình sinh thần cống mộng,*
*Trạng nguyên thực báo tại nhân đầu.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ TRẠNG NGUYÊN

(Nguyên chú: *Đền thờ Trạng Nguyên ở ngoài cửa Chính Đông, là từ đường thờ Trạng nguyên Nguyễn Quốc Công đời Lê tên húy là Trinh ở thôn Xuân Yên, huyện Thọ Xương. Ông vốn là người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì; đỗ Trạng nguyên đời vua Lê Thần Tông, năm Vĩnh Thọ 2 (1659), làm quan đến chức Tham tụng Thị lang; là người cương trực thẳng thắn. Khi chúa Trịnh sắp lấn át vua Lê, sai dẫn ông đến ngầm thăm dò. Ông đáp: "Làm như vậy thiên hạ chẳng phục."Chúa lại hỏi: "Thiên hạ muốn ai?". Ông đáp: "Thiên hạ tâm địa trong sạch, không thể hai lòng. Đó là biết lòng thiên hạ vậy!". Chúa Trịnh lặng thinh, không vui. Năm đó, Cấm binh nổi loạn, vây quanh cửa phủ; ông vẫn điềm nhiên phụng mệnh, đọc Tuyên dụ của nhà vua. Nhưng loạn binh vẫn giết hại ông. Sau này, Chúa cho bắt những kẻ cầm đầu đem ra xét xử; rồi hết lòng thờ cúng ông ở từ đường, ban tặng chức Thượng thư, tước Trì Quận công, Tiết Nghĩa công thần; ban thụy là Cương Trung.*

*Ngày xưa, lúc ông sắp đi thi đến cầu thần ở quán Trấn Vũ, nửa đêm lúc gà chưa gáy, bỗng mộng thấy mình trèo lên gác giẫm lên giầy của thần, thần báo rằng: "Trạng nguyên còn thiếu, nhà người tâm đầu ý hợp, khoa thi này sẽ được đỗ Trạng nguyên." Mộng báo như vậy, sau này quả là linh nghiệm.*)

Giữ tiết cương trung không khuất phục, chí hướng tung hoành,
Đức cao chí lớn, gặp bao thù oán.
Khi còn sống, từng được thần linh báo mộng,
Sẽ đỗ Trạng nguyên thực rõ ràng.

## 188 雲耕墳

斜暉嗤劍依秋風
死事誰云不死忠
景仰一全題暮道
想公就義正從容

**Phiên âm:**

*VÂN CANH PHẦN*

*Tà huy uế kiếm ỷ thu phong,*
*Tử sự thùy vân bất tử trung.*
*Cảnh ngưỡng nhất toàn đề mộ đạo,*
*Tưởng công tựu nghĩa chính thung dong (dung).*

**Dịch nghĩa:**

MỘ PHẦN Ở VÂN CANH

(Nguyên dẫn: *Mộ phần ở ngoài thành, cách cửa Chính Tây sáu dặm, là mộ của Tiến sĩ đời Lê, Tiết Nghĩa Lý Trần Quán thuộc xã Vân Canh, huyện Từ Liêm. Ông đỗ Tiến sĩ năm Cảnh Hưng 27 (1766) đời vua Lê Hiển Tông, làm quan chức Hiệp Trấn thủ Sơn Tây. Năm Bính Ngọ, trên đường về chịu tang cha ở Yên Lãng, gặp lúc quân Tây Sơn đánh vào Kinh thành. Soái thần Trịnh Tông tháo chạy đến Hạ Lôi, Yên Lãng thì gặp sự biến. Ông nghe tin đến tận nơi, rồi rút dao cắt cổ tự vẫn. Sau này, vua Chiêu Thống khôi phục lại quyền hành, tặng phong cho ông là Thượng thư Tiết Nghĩa đại vương. Trước đây ông đã đặt sinh phần cho mình ở dinh Na Sơn, Ái Châu; tự đề dòng chữ: "Nhất toàn đài" (Đài vẹn toàn). Nay quả là linh nghiệm như dòng chữ đại vương đã viết ra.)*

Chiều tà kiếm nhỏ tựa trong gió thu,
Về cái chết, ai chẳng muốn chết vì trung nghĩa.
Kính cẩn nhìn lên tấm biển đề "Đài vẹn toàn" ở nơi mộ địa,
Như nhìn thấy đại vương đang ung dung quên mình vì nghĩa vậy.

## 189 紙家橋

東明半向火烽烘
死亦甘心矢信忠
五世韓恩酬一炬
漫將成敗論英雄

**Phiên âm:**

*CHỈ GIA KIỀU*

*Đông minh bán hướng hỏa phong hồng,*
*Tử diệc cam tâm thỉ tín trung.*
*Ngũ thế hàn ân thù nhất cự,*
*Mạn tương thành bại luận anh hùng.*

**Dịch nghĩa:**

CẦU GIẤY

(Nguyên chú: *Cầu ở ngoài thành, cách cửa Chính Tây hai dặm. Cầu xây bằng gạch, vắt qua sông Tô Lịch, thuộc địa phận xã Yên Quyết, huyện Từ Liêm. Năm Bảo Hưng (1801) thời Tây Sơn, có người ở Tây Đam (làng Đăm) tên là Nguyễn Duy Trí, là dòng dõi họ xa của Thái úy Dương Quốc công Nguyễn Hữu Liêu, công thần thời Lê Trung hưng. Duy Trí nhận mật chỉ của Hoàng triều (nhà Nguyễn) dụ các hào kiệt Bắc Thành nổi lên ứng nghĩa để phân tán thế lực của Tây Sơn. Tháng 2 năm Nhâm Tuất, Duy Trí bí mật liên kết với nghĩa binh các đạo, hẹn ước dùng hỏa công đánh vào thành, đốt cháy kho tàng lương thảo, định khởi sự vào ban đêm khi thấy lửa cháy sẽ nhất tề đánh vào 4 cửa thành. Tên lính làm nhiệm vụ đốt lửa hiệu bị lạc đường, nên Duy Trí tiến tới Cầu Giấy thì trời sáng. Có người khuyên không nên đánh nữa, Trí nói: "Ta thà chết chứ không để mất lòng tin của thiên hạ." Rồi cho quân đánh vào cửa thành, nổi lửa hiệu lên*

*nhưng các đạo quân không dám đến ứng chiến; cuối cùng Duy Trí chết ngay tại trận. Mùa thu năm đó, xa giá nhà vua ra trấn an Bắc Thành, bèn cho gọi con trai là Duy Minh đến hỏi han an ủi, trao cho đình thần bàn bạc truy tặng cho bề tôi đã hy sinh vì nước. Quan Tán Lý Đặng Trần Thường buổi đầu mới quy phục Hoàng triều đã có hiềm khích với Duy Trí nên tìm cách ngăn trở, cuối cùng việc truy tặng không thành.*)

Vừng đông đã sáng, đuốc lửa mới cháy,
Chết cũng cam lòng giữ lời thề trung tín.
Một đốm lửa đền ơn bút mực năm đời,[1]
Đừng đem sự thành bại luận về bậc anh hùng.

**Dịch thơ:**

*Vừng đông đã sáng, lửa nhen hồng,*
*Chết cũng cam lòng giữ tín trung.*
*Một đuốc năm đời ân nghĩa báo,*
*Chớ đem thành bại luận anh hùng.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Tổ tiên Nguyễn Duy Trí nhiều đời làm quan triều Lê.

## 190. 畋洲廟

昭臺有命自天王
龍肚城西此戰場
戈措不回黎日落
千秋正氣仰炎方

**Phiên âm:**

*ĐIỀN CHÂU MIẾU*

*Chiêu đài hữu mệnh tự thiên vương,*
*Long Đỗ thành tây thử chiến trường.*
*Qua thố bất hồi lê nhật lạc,*
*Thiên thu chính khí ngưỡng Viêm phương.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU ĐIỀN CHÂU

(Nguyên chú: *Miếu ở phía tây nam ngoài thành hai dặm, trên đất La Tinh Phong, thuộc phường Thịnh Quang, huyện Vĩnh Thuận. Năm Chiêu Thống cuối đời Lê, Tây Sơn đánh vào thành Thăng Long, vua Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc cầu viện, bề tôi giữ Điền Châu phụng mệnh theo Lưỡng Quảng Đốc thần Tôn Sĩ Nghị lãnh binh đóng đồn trên đất La Tinh Phong phía tây Kinh thành; dựng chiến lũy đánh nhau với quân Tây Sơn 3 ngày đêm, đồn đóng đơn độc không có viện binh, nên võ trận thua chạy và chết vô số. Đầu năm Gia Long (1802), nhà vua ra lệnh cho Hữu ty đến chiến trường xưa dựng miếu thờ tự. Sau này khi làm đại lễ bang giao, đều lệnh cho sứ thần phụng mệnh đến miếu cúng tế, ghi vào quốc điển.)*

Đài Chiêu Đức có lệnh ban từ Thiên vương,[1]
Phía tây thành Long Đỗ là bãi chiến trường xưa.[2]

Giáo mác thôi không khua lúc mặt trời lặn,
Chính khí ngàn năm phải kính ngưỡng đất phương Nam.

*Chú thích:*

1. Chiêu đài: Chỉ đài Chiêu Đức ở ranh giới trấn Nam Quan tỉnh Lạng Sơn, có hai đài cao phía bắc là đài Chiêu Đức, phía nam là đài Ngưỡng Đức.

2. Thành Long Đỗ: Tên gọi xưa của thành Thăng Long.

## 191.西龍津

天兵十萬復黎王
玉珥龍樓傀儡場
笑殺孫吳堂上略
空聞鶴唳覆舟梁

**Phiên âm:**

*TÂY LONG TÂN*

*Thiên binh thập vạn phục Lê vương,*
*Ngọc Nhĩ long lâu khôi lỗi trường.*
*Tiếu sát Tôn Ngô đường thượng lược,*
*Không văn hạc lệ phúc chu lương.*

**Dịch nghĩa:**

BẾN TÂY LONG

(Nguyên chú: *Bến ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông ba dặm, nằm bên bờ nam sông Hồng thuộc thôn Thạch Thị, huyện Thọ Xương. Giữa thời Lê Chiêu Thống, vua nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị quan Tổng đốc Lưỡng Quảng đem 10 vạn quân, hộ giá vua Chiêu Thống về phục quốc; sai đắp thành lũy bên sông Nhĩ Hà, bắc cầu đưa quân qua sông, đóng đồn ở bến Tây Long bên lầu Ngũ Long. Quân tướng ngày đêm mải vui chơi, không phòng bị nên khi quân Tây Sơn trở lại, Điền Châu thất thủ, lui quân bất lợi. Tôn Sĩ Nghị đốc quân vượt sông rút chạy về nước, sông rộng người đông, tranh nhau vượt cầu, cầu gãy người chết đuối vô số. Vào thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh đã từng đóng quân ở bến Tây Long bên sông Nhĩ Hà, cho dựng lầu Ngũ Long để duyệt thủy quân.*)

Mười vạn quân Thiên tử kéo đến khôi phục vương triều Lê,(1)
Lầu rồng trên sông Nhĩ Hà, là chiến trường xưa của bao quân sĩ.

Cười rằng mưu lược Tôn, Ngô cũng chẳng giết được ai,[2]
Chỉ thấy hạc kêu lật đổ cả bến thuyền.[3]

*Chú thích:*

1. Thiên tử: Ý chỉ vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đưa quân hộ tống Chiêu Thống về nước, chỉ là mưu đồ xâm lược nước ta lần nữa.

2. Tôn, Ngô: Tức Tôn Vũ và Ngô Khởi là hai viên tướng giỏi Trung Hoa thời Chiến Quốc, đều có sách binh thư để lại cho đời.

3. Hạc kêu: Trong thành ngữ "Phong thanh hạc lệ" chỉ sự hoảng loạn của đám quân bại trận, chạy tan tác, nghe tiếng "gió thổi, hạc kêu" cũng tưởng quân địch reo hò đuổi theo.

## 192. 黌宮宇

陳朝夫子朱文貞
砥柱頹波說聖經
理學流芳蘇瀝水
講壇千古樹風聲

**Phiên âm:**

*HUỲNH CUNG VŨ*

*Trần triều Phu tử Chu Văn Trinh,*
*Chỉ quế đôi ba thuyết thánh kinh.*
*Lý học lưu phương Tô Lịch thủy,*
*Giảng đàn thiên cổ thụ phong thanh.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN HUỲNH CUNG

(Nguyên chú: *Đền là nền cũ nơi dạy học của Chu Văn Trinh đời Trần, ở xã Huỳnh Cung, huyện Thanh Trì, phía tây sông Tô Lịch; cách cửa Tây nam thành năm dặm. Vào thời Lê sơ, các vị văn thân huyện Thanh Trì mới bắt đầu dựng miếu kính thờ Chu Văn Trinh, cùng các vị nho sĩ trong huyện. Đầu năm Gia Long, ban cho đền thờ Tiên sinh được dùng 6 người quét dọn, đèn hương. Theo Quốc sử: Tiên sinh họ Chu, húy An người làng Quang Liệt, Thanh Đàm. Thời Trần, ông giúp vua Hiến Tông sửa sang chính sự, trước tác có cuốn* Tứ thư thuyết ước. *Vua Minh Tông trọng đạo Nho học, trao chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám, nhận dạy* Thái ất kinh. *Khi Dụ Tông lên ngôi, ông dâng "Thất trảm sớ" (Sớ xin chém 7 tên nịnh thần), nhà vua không dùng; Tiên sinh treo mũ từ quan về sống ở núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh; lấy hiệu là Tiều Ẩn. Khi Nghệ*

*Tông lên ngôi, mời ông ra làm quan, nhưng ông không nhận. Khi ông mất, tặng phong là Văn Trinh Công; được thờ cùng Khổng Tử ở Văn Miếu.)*

Người thầy đời Trần là Tiên sinh Chu Văn Trinh,
Dùi mài kinh sử, dạy học trò kinh sách thánh hiền.
Lý học truyền tiếng thơm như nước sông Tô chảy mãi,
Nền cũ nơi dạy học từ ngàn xưa vẫn nghe như tiếng gió
rì rầm ngàn cây.

## 193. 壽昌亭

金蓮金碧影重重
天下胥然媚佛宮
曾樹芳標文獻地
嵩陽岳麓作休風

**Phiên âm:**

*THỌ XƯƠNG ĐÌNH*

*Kim liên kim bích ảnh trùng trùng,*
*Thiên hạ tư nhiên mỵ Phật cung.*
*Tằng thụ phương tiêu văn hiến địa,*
*Tung dương nhạc lộc tác hưu phong.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÌNH THỌ XƯƠNG

(Nguyên chú: *Đình chính là nơi thờ các vị Nho khoa hàng huyện của xã Bạch Mai, huyện Thọ Xương, cách Cửa Đông thành hai dặm. Trước đây đền thờ trong huyện bị hư hỏng nặng, quan huyện cùng Văn thân đã kiến nghị xin sửa chữa. Năm Hoàng triều Minh Mệnh, có ông Bùi Huy Tùng trong huyện xin được xây dựng một tòa thư viện, hiến ruộng tế điền, đồ tế khí trị giá đến gần vạn đồng. Quan Phiên đường là Lê Nguyên Trung cho treo tấm biển đề: "Thiên lý nhân tâm" (Lòng người hợp lẽ trời).)*

Bóng sen vàng, bóng ngọc bích quý, lớp lớp lồng vào nhau,
Trong thiên hạ đều công nhận đó là nơi thờ Phật tôn nghiêm.
Từng được biểu dương tiếng thơm, nơi đây là đất văn hiến,
Khiến gió phía nam chân núi Tung Nhạc[1] phải ngừng thổi.

*Chú thích:*

1. Tung Nhạc: Là một ngọn núi cao trong Ngũ Nhạc của Trung Quốc, tên gọi đầy đủ là Trung Nhạc Tung Sơn.

## 194. 貉龍廟

貉龍百子世傳書
半入山居半海居
古廟晚臨湖上望
芒芒雲靄水龍墟

**Phiên âm:**

*LẠC LONG MIẾU*

*Lạc Long bách tử thế truyền thư,*
*Bán nhập sơn cư bán hải cư.*
*Cổ miếu vãn lâm hồ thượng vọng,*
*Mang mang vân ái Thủy Long khư.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ LẠC LONG

(Nguyên chú: *Miếu thờ ở phía đông hồ Trúc Bạch, cách cửa Bắc Thành một dặm, thuộc thôn Yên Ninh, huyện Vĩnh Thuận. Sách* Ngoại kỷ *chép: Lạc Long thường ở Thủy cung, đi chơi đến hồ Động Đình gặp Âu Cơ lấy làm vợ. Sinh ra được 100 người con trai. Một ngày, Long Quân nói với Âu Cơ: "Ta là vua Rồng, nàng là Tiên nữ, thủy hỏa tương khắc, không thể mãi sống với nhau được." Bèn chia 50 người con theo mẹ lên núi, 50 người con theo cha xuống biển. Truyền cho người con trưởng giữ việc thờ tự, đóng đô ở Phong Châu; đời gọi là Hùng Vương. Miếu trên hồ Trúc Bạch là thờ Lạc Long Quân.)*

Vua Lạc Long Quân có trăm người con, đã được ghi trong sử sách,
Một nửa theo cha xuống biển, một nửa theo mẹ lên núi,
Chiều muộn bên hồ ngắm nhìn ngôi cổ miếu,
Chỉ thấy mây giăng mờ mịt trên gò Thủy Long.

## 195. 布蓋祠

古城嶸嶸樹森森
布蓋王祠自鬱深
幾正鴻厖千億載
民依父母到于今

**Phiên âm:**

*BỐ CÁI TỪ*

*Cổ thành vanh vanh thụ sâm sâm,*
*Bố Cái Vương từ tự uất thâm.*
*Kỷ chính Hồng Bàng thiên ức tải,*
*Dân y phụ mẫu đáo vu câm (kim).*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

(Nguyên chú: *Đền ở phường Thịnh Hào, huyện Vĩnh Thuận; cách cửa Tây nam kinh thành Thăng Long hai dặm.* Sử ký *chép: Vương tính Phùng, húy Hưng là Quan lang châu Đường Lâm, là người dũng lược cái thế. Cuối đời Đường, quan Đô hộ là Cao Chính Bình cai trị dân ta rất hà khắc. Vương bèn đem quân đi tiêu diệt, người trong nước rất kính trọng, xưng là Bố Cái Đại Vương. Thời Hồng Bàng, thường xưng cha là Bố, mẹ là Cái, nên tôn xưng Ngài là Bố Cái, ý thân thiết như cha mẹ vậy. Sau khi ngài qua đời, vẫn rất hiển linh. Khi vua Đinh Tiên Hoàng mở nước, mộng thấy có 10 vạn binh theo phù trợ, xưng là Bố Cái đến giúp. Sau giành được thắng lợi, nhà vua ban sắc, dựng miếu thờ vương ở phủ cũ phía tây Kinh thành; triều đình ban sắc chỉ cho thờ phụng.*

*Xét: Châu Đường Lâm xưa, nay là đất phủ Quảng Oai; nơi có đền thờ Đại*

*vương ở xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ; ở xã ấy có quả núi cao, tương truyền có ngôi mộ Tổ phát tích xưng Vương ở đây.)*

Thành xưa cao chót vót, cây cối mọc um tùm rậm rạp,
Đền thờ Bố Cái đại vương thật thâm nghiêm.
Dòng chính thống Hồng Bàng còn mãi ngàn vạn năm,
Dân chúng vẫn coi là cha mẹ đến tận ngày nay.

*Chú thích:*

1. Hồng Bàng: Là họ vua cổ nhất nước ta, từ năm 2877 - 2258 trước Công nguyên.

## 196. 二徵廟

邯鄲禍孽起蕭墻
內屬車書漢及唐
傘珥山河此千載
一雙毫傑女徵王

**Phiên âm:**

*NHỊ TRƯNG MIẾU*

*Hàm Đan họa nghiệt khởi tiêu tường,*
*Nội thuộc xa thư Hán cập Đường.*
*Tản, Nhĩ sơn hà thử thiên tải,*
*Nhất song hào kiệt nữ Trưng Vương.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ HAI BÀ TRƯNG

(Nguyên chú: *Miếu ở ngoài thành, cách cửa Đông hai dặm phía bắc sông Nhĩ Hà, thuộc xã Đồng Nhân, huyện Thanh Trì.* Sử ký *chép: Trưng Vương họ Trưng; vua chị là Trưng Trắc, vua em là Trưng Nhị đều là con gái của Hùng tướng, người ở Mê Linh nay là xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, bị Thái thú Tô Định giết hại; vì thế cùng em gái dấy binh đánh chiếm 65 thành trì, được dân chúng dựng làm vua, đặt kinh đô ở Phong Châu. Khi hai bà bại trận rồi mất, các triều đại sau sắc phong là Trinh Liệt Nhị Trưng Vương, dựng tượng đá ở đền thờ. Đời truyền rằng: Nước sông chảy trôi tượng đá đến bãi Đồng Nhân, dân chúng dựng đền thờ ở đó. Có lẽ là nhầm.)*[1]

Mầm họa Hàm Đan,[2] gây nên từ bên trong,
Thời Hán, Đường, đất nước ta ở trong vòng Nội thuộc.[3]

Nghìn năm còn đó núi Tản, sông Nhị,
Cùng hai vị hào kiệt là Trưng Nữ Vương.

*Chú thích:*

1. Người viết không hiểu truyền thuyết dân gian, nên đã hiểu lầm.
2. Hàm Đan: Tên kinh đô nước Triệu thời Chiến Quốc.
3. Nội thuộc: Nước ta bị phụ thuộc vào phong kiến Trung Hoa cai quản:

- Bắc thuộc lần thứ nhất (207 TCN - 39): thời nhà Hán.
- Bắc thuộc lần thứ hai (43 - 544): 501 năm thời Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương.
- Bắc thuộc lần thứ ba (603 - 939): 336 năm thời Đường.

## 197. 四位祠

海涯城闕惡風波
殉國貞方宛副跏
可柰趙原無寸淨
駕鰲得一此山河

**Phiên âm:**

*TỨ VỊ TỪ*

*Hải nhai thành khuyết ố phong ba,*
*Tuẫn quốc trinh phương uyển phó già.*
*Khả nại Triệu nguyên vô thốn tịnh,*
*Giá ngao đắc nhất thử sơn hà.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ BỐN VỊ THÁNH NƯƠNG

(Nguyên chú: *Đền ở ngoài thành, cách cửa Đông hai dặm, phía đông Kiếm Hồ ở thôn Cựu Lâu, huyện Thọ Xương.*

*Đời Nam Tống, có người tên là Lục Tú Phu đưa nhà vua cùng Dương Thái hậu đi tránh quân Nguyên, đến sống ở hang núi trong vùng hải đảo; dựng lâu rào lũy xung quanh, quân Nguyên biết đến phá đi. Tú Phu giúp nhà vua nhảy xuống biển, Thái hậu, công chúa, phi tần đều cùng tuẫn tiết; gió lốc nổi lên sóng lớn đưa xác bốn vị cung phi ra biển Đông, trôi dạt đến cửa Càn Môn. Dân chúng vớt xác đem đi chôn cất, mà sắc diện vẫn hồng hào như khi còn sống, rất là linh thiêng. Thời vua Trần Anh Tông đi đánh dẹp Chiêm Thành, trú quân nghỉ ở cửa bể, mộng thấy bốn vị thần nữ tiến đến yết kiến, thưa rằng: "Bọn thiếp đều là người nhà họ Triệu gặp nạn, may được thác gửi trên đất của bệ hạ. Xin nguyện theo phù hộ thành công." Quả nhiên, đoàn thuyền đi trên biển không gặp trở ngại*

*gì. Khi thắng trận trở về, nhà vua cho dựng miếu thờ ở cửa biển, các triều đại sau đều phong sắc: Thượng liệt thần. Miếu thờ này vốn ở thôn Càn Miếu, huyện Quỳnh Lưu. Các vị thần đề câu đối ở miếu Kiếm Hồ:*

Chính khí bất tùy phong thủy hoán,
Linh thanh trường dữ trạch sơn hàm.

*(Chính khí không tan theo sóng gió,*
*Tiếng tăm còn mãi với non sông).*

*Câu đối này chưa tra xét được, và được tạo năm nào không rõ.*

*Sách* Nam Tống kỷ, *chép: Hang núi sau khi bị phá hủy, có người tên là Uông Lập Tín nói: "Trung Nguyên không có một tấc đất nào là nơi thanh tịnh cả." Nói rồi, Lập Tín đi tìm đất nơi nhà Triệu đã mất.)*

Thành cung ven biển chẳng ưa gì sóng gió,
Những người phụ nữ trung trinh chết vì nước, thản nhiên
như đang ngồi xếp bằng.
Cớ sao ngoài đất Triệu ra, Trung Nguyên
không còn nơi nào thanh tịnh?
Hãy cưỡi cá ngao để đi tìm chỗ đất thanh tịnh ấy.

## 198. 老子觀

玄元神妙想猶龍
剩記家言家語中
半月荷香風引處
依依紫氣滿清宮

**Phiên âm:**

*LÃO TỬ QUÁN*

*Huyền Nguyên thần diệu tưởng do lung (long),*
*Thặng ký gia ngôn gia ngữ trung.*
*Bán nguyệt hà hương phong dẫn xứ,*
*Y y tử khí mãn Thanh cung.*

**Dịch nghĩa:**

QUÁN THỜ LÃO TỬ

(Nguyên chú: *Quán ở ngoài thành, cách cửa Đông nam bốn dặm, thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, thờ Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng đế. Đền có biển đề: "Thượng Thanh Cung"; trên tường có dòng chữ: "Đạo Đức thượng hạ kinh", phía trước quán có ao hình bán nguyệt. Đời Minh Mệnh 7 (1826), Bộ Lễ xét theo các vua xưa, phụng ban sắc chỉ cho 6 thôn trong xã Thịnh Liệt thờ phụng.*)

Đạo Huyền Nguyên[(1)] thật thần diệu, nghĩ rằng biến hóa như rồng,
Còn ghi đầy đủ trong gia ngữ, gia ngôn.[(2)]
Hương hoa sen trong ao bán nguyệt theo gió đưa vào nơi đây,
Khí lành lan tỏa ngập đầy cả cung Thanh tịnh.

**Dịch thơ:**

*Huyền Nguyên thần diệu biến như rồng,*
*Gia ngữ gia ngôn chép tên ông.*
*Sen nở hương đưa hồ bán nguyệt,*
*Khí lành tỏa khắp Thượng Thanh cung.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

*Chú thích:*

1. Huyền Nguyên: Tức đạo cao siêu, huyền diệu của trời đất, vũ trụ; theo quan niệm của học thuyết Đạo giáo mà Lão Tử là người đứng đầu. Biến hóa như rồng là ý của Khổng Tử khi nói với học trò về Lão Tử.

2. Gia ngữ, gia ngôn: Sách của các nhà nho soạn để dạy con em trong nhà về cách ứng xử ở đời.

## 199. 眞武觀

北方玄武奉眞君
寶劍騰騰夜薄雲
碧寖平湖天水闊
宸奎崔璨億千春

**Phiên âm:**

*CHÂN VŨ QUÁN*

*Bắc phương Huyền Vũ phụng Chân Quân,*
*Bảo kiếm đằng đằng dạ bạc vân.*
*Bích tẩm bình hồ thiên thủy khoát,*
*Thần Khuê thôi xán ức thiên xuân.*

**Dịch nghĩa:**

QUÁN CHẤN VŨ (TỨC TRẤN VŨ QUÁN)

(Nguyên chú: *Quán phía tây ngoài thành Cửa Bắc, thôn Yên Quang, huyện Vĩnh Thuận, phía trước quán là hồ Tây. Đời truyền rằng: Đời Lý dựng kinh đô Long Biên, vì hồ Lãng Bạc mới bị sụt lở, nên cho xây quán thờ Huyền Thiên Chân Võ Đế Quân trấn giữ ở đây. Đời vua Lê Hy Tông, năm Chính Hòa (1680) cho trùng tu quán, đúc tượng đồng đen nặng hơn 60 cân, cao 8 thước 2 thốn, đeo kiếm đạp lên đầu rắn theo kiểu tượng Huyền Võ phương Bắc. Những người học trò đi thi, đến đây cầu mộng đều được ứng nghiệm, rất kỳ lạ.)*

Quán thờ Huyền Thiên ở phương Bắc(1) phụng thờ Chân Quân,(2)
Đêm đêm kiếm báu bay vọt lên không trung,
xuyên qua làn mây mỏng.
Trời nước mênh mông, mặt hồ xanh biếc,

Sao Khuê tỏa sáng rực rỡ trước cửa cung điện,
đã ngàn muôn năm rồi.

*Chú thích:*

1. Phương Bắc: chỉ Trung Quốc, ở phía bắc nước ta.
2. Chân Quân: Đạo giáo gọi những người tu tiên đắc đạo là chân quân.

## 200. 傘嶺祠

傘圓霽色照昇龍
一朵紅雲捧邃宮
晚眇天西新月下
數峰玉立碧穹崇

**Phiên âm:**

*TẢN LĨNH TỪ*

*Tản Viên tễ sắc chiếu Thăng Long,*
*Nhất đóa hồng vân phủng thúy cung.*
*Vãn diểu thiên tây tân nguyệt hạ,*
*Sổ phong ngọc lập bích khung sùng.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ TẢN VIÊN

(Nguyên chú: *Đền ở ngoài Cửa Đông, phía tây Kiếm Hồ thuộc thôn Cổ Vũ, huyện Thọ Xương. Cửa miếu có dòng chữ: "Kính ngưỡng Tản Viên," là nơi thờ Thần núi Tản Viên.*

*Xét: Theo* Việt điện u linh lục: *Tản Viên là núi trấn giữ Việt điện. Trên đỉnh núi có miếu thờ tự, là nơi linh thiêng bậc nhất của đất Việt. Tản Viên là con cháu 5 đời Hùng Vương, người ở châu Đường Lâm, phụng sự mẹ rất chí hiếu, thường vào rừng chặt củi, học được phép tiên; cùng mẹ sống ẩn dật trên đỉnh núi, vì thế nơi đó trở thành núi tiên. Trên núi có 3 đỉnh cao, đỉnh giữa có miếu thờ trên nền nhà cũ; còn đền thờ ở Long Biên là đền thờ vọng.*)

Sắc núi Tản Viên quang tạnh soi sáng cả thành Thăng Long,
Một đóa mây hồng như ôm lấy thâm cung.
Ngắm nhìn trời tây chiều muộn, là lúc trăng non mới nhú,
Thấy mấy ngọn núi đứng sừng sững như ngọc
giữa khung trời xanh biếc.

## 201. 白馬祠

千年鐵厭虛唐井
三古塵揚摻李墟
龍肚神呵天地寶
雲中白馬正翰如

**Phiên âm:**

*BẠCH MÃ TỪ*

*Thiên niên thiết yểm hư Đường tỉnh,*
*Tam cổ trần dương sảm Lý khư.*
*Long Đỗ thần ha thiên địa bảo,*
*Vân trung Bạch Mã chính hàn như.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ THẦN BẠCH MÃ

(Nguyên chú: *Đền ở ngoài thành, cách Cửa Đông một dặm, phía bờ bắc sông Tô Lịch, thuộc phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương. Sách* U Linh lục *chép: Đất Long Biên rộng lớn, có thần Long Đỗ che chở, mây lành ngũ sắc, như xe như lọng dập dìu. Quan Đô hộ phủ đời Đường là Cao Biền đóng ở Kiếm phủ, từng đến chỗ thần Long Đỗ ngự trên núi Nùng, chôn hàng vạn cân sắt để yểm vượng khí của Kinh đô. Nhưng bỗng một đêm, thần Long Đỗ cưỡi ngựa trắng đứng trên trời quát lớn, làm chỗ sắt chôn dưới đất bắn vọt lên không trung, khiến Cao Biền lăn ra chết. Vì thế, dựng đền thờ ở cửa sông Tô Lịch, gọi là đền Bạch Mã. Khi Lý Thái Tổ dựng đô ở Thăng Long, sắc phong cho thần là: "Thần Thành hoàng Thăng Long." Kinh đô trải các triều Lý - Trần - Lê, qua bao nhiêu phen binh lửa; người ta thường thấy có người cưỡi ngựa trắng tìm diệt những nơi có lửa cháy. Đời*

*truyền rằng: Tuy Cao Biền yểm nơi thắng địa nhưng vẫn sót lại hai giếng mắt rồng; nay vẫn còn.)*

Từ ngàn năm trước muốn dùng sắt yểm bùa hòng làm hư
giếng nước có từ thời thuộc Đường,
Ba lần đất bụi tung lên, làm đau đống gò nhà Lý.
Thần Long Đỗ thét rung động cả trời đất,
Trong mây trời như thấy có ngựa trắng đang bay.

## 202. 玄天觀

回首塵埃嘆易難
儒冠漫道愧黃冠
如今世泰天明聖
不羨沖虛化羽翰

**Phiên âm:**

*HUYỀN THIÊN QUÁN*

*Hồi thủ trần ai thán dị nan,*
*Nho quan mạn đạo quý hoàng quan.*
*Như kim thế thái thiên minh thánh,*
*Bất tiễn xung hư hóa vũ hàn.*

**Dịch nghĩa:**

QUÁN HUYỀN THIÊN

(Nguyên chú: *Quán ở ngoài thành Cửa Bắc, thuộc thôn Huyền Thiên, huyện Thọ Xương, là nơi thờ Huyền Thiên Chân Vũ Đế Quân.*

*Xét: Theo* Sử ký: *Vào thời nhà Minh cai trị nước ta, quan Tư đồ Phụ hầu Trần Nguyên Đán có bài thơ đề rằng:*

*"Ban ngày lên trời thật là dễ,*
*Giúp vua được như Nghiêu Thuấn quả là khó.*
*Sáu mươi năm sống trong cõi trần,*
*Quay đầu lại thấy hổ thẹn vì đội mũ nhà nho".)*

Quay đầu nhìn lại trần thế, mà than thở khó dễ,
Là một nhà nho nói lan man về đạo lý, thật hổ thẹn với người đạo sĩ.
Nay gặp được thời thịnh trị, vua thánh anh minh,
Chẳng ham làm cánh chim bằng bay lên trời cao.

## 203. 玉山祠

今沓橋門謁帝君
也皆八九士夫身
陽還塵裏文章客
陰騭衡中科甲人

**Phiên âm:**

*NGỌC SƠN TỪ*

*Kim*[(1)] *đạp kiều môn yết Đế Quân,*
*Dã giai bát cửu sĩ phu thân.*
*Dương hoàn trần lý văn chương khách,*
*Âm chất xung trung khoa giáp nhân.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN NGỌC SƠN

(Nguyên chú: *Đền ở ngoài thành, cách Cửa Đông một dặm; nằm trên núi xưa gọi là núi Tai Voi giữa hồ Hoàn Kiếm, thuộc huyện Thọ Xương. Vua Lê Thái Tổ đổi tên núi là Ngọc Tượng Sơn (Núi voi ngọc).*

*Niên hiệu Minh Mệnh nhà Nguyễn, đền lập ra Đạo giáo để thờ Văn Xương Đế Quân; phía bên trái đền có một cây cầu dài vắt qua hồ, trước cầu có tấm biển đề: "Ngọc Sơn từ" (Đền Ngọc Sơn). Căn cứ theo sách* Thiên Văn chí: *Trong 12 ngôi sao, thì sao Văn Xương ở phía trước sao Bắc Đẩu, chủ về văn chương, khoa giáp.*)

Nay đứng cửa cầu, bái yết Văn Xương Đế Quân,
Cũng đều là sĩ phu tám, chín mươi tuổi.

Từ cõi trần trở về cát bụi làm khách văn chương,
Âm đức[2] ngùn ngụt trong lòng người khoa giáp.

*Chú thích:*

1. Văn bản chép là "lệnh" (令), có lẽ là nhầm; phải viết là "kim" (今) mới có nghĩa.

2. Âm đức: Dịch chữ "Âm chất" tức là những việc phúc đức tự mình làm, không cầu ai biết; chỉ có quỷ thần chứng giám.

## 204. 武成廟

古宮松竹半蒼幽
大老神臨若有無
逸想黎微初兆伯
裸將聲氣見孫吳

**Phiên âm:**

*VÕ THÀNH MIẾU*

*Cổ cung tùng trúc bán thương u,*
*Đại lão thần lâm nhược hữu vô.*
*Dật tưởng Lê vi sơ triệu bá,*
*Khỏa tương thanh khí kiến Tôn Ngô.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ VÕ THÀNH

(Nguyên chú: *Miếu ở thôn Cựu Lâu, huyện Thọ Xương, phía đông hồ Thủy Quân ngoài thành, cách Cửa Đông hai dặm. Miếu thờ Võ Thành Vương cùng các danh tướng đời Chu, Hán, Đường. Tương truyền: Thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh đã cho xây dựng miếu thờ này.*)

Cung xưa tùng trúc mọc rậm rạp, xanh um tùm,
Có hay không đại lão thần[1] đã từng đến nơi đây.
Những tưởng nhà Lê sớm trưng điềm bá chủ,
Hóa ra cũng chỉ như người ta xem binh pháp Tôn Ngô[2] mà thôi.

*Chú thích:*

1. Đại lão thần: Có lẽ chỉ Chân Nhân đại lão quân, tức Huyền Thiên Đế Vũ.

2. Tôn Ngô: Tức Tôn Vũ và Ngô Khởi, hai vị tướng tài thời Chiến Quốc, cả hai đều có binh pháp để lại cho đời.

## 205. 關公廟

關公祠廟瞰龍灘
偃月天秋江影間
宇宙綱常爭磅礴
未生操懿自心寒

**Phiên âm:**

*QUAN CÔNG MIẾU*

*Quan Công từ miếu khám long than,*
*Yến nguyệt thiên thu giang ảnh gian.*
*Vũ trụ cương thường tranh bàng bạc,*
*Vị sinh tháo ý tự tâm hàn.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ QUAN CÔNG

(Nguyên chú: *Miếu ở ngoài thành, cách Cửa Đông hai dặm, ở thôn Cổ Tân, huyện Thọ Xương, bên bến Tây Long phía bờ nam sông Nhĩ Hà. Tương truyền: Miếu do quan Đô hộ Giao Châu đời Đường dựng nên. Sau đến thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh cho sửa sang trùng tu lại, cửa lầu có biển đề: "Thiên cổ vĩ nhân" (Vĩ nhân muôn đời).)*

Miếu thờ Quan Công nhìn xuống Tây Luông,
Cây "Thanh long yển nguyệt đao" ngàn năm vẫn soi bóng
xuống lòng sông.(1)
Vũ trụ bao la như muốn ganh đua sự trường tồn
cùng với cương thường đạo lý,
Dẫu chưa để Tào Tháo thực hiện mưu sâu mà trong lòng
vẫn thấy run sợ.(2)

*Chú thích:*

1. Cây đại đao nổi tiếng của Quan Công có tên "Thanh long yển nguyệt đao." Đao hình rồng xanh uốn lượn như nửa vầng trăng.

2. Nhắc lại sự kiện Tào Tháo giam chung Quan Công với 2 bà vợ Lưu Bị để làm hại thanh danh của Quan Công.

## 206. 翁仲廟

堂堂相貌俊威名
生自炎邦震雪瀛
飓旭神風依故宅
談經夢夜起江聲

**Phiên âm:**

*ÔNG TRỌNG MIẾU*

*Đường đường tướng mạo tuấn uy danh,*
*Sinh tự Viêm Bang chấn tuyết doanh.*
*Liêu húc thần phong y cố trạch,*
*Đàm kinh mộng dạ khởi giang thanh.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ LÝ ÔNG TRỌNG

(Nguyên chú: *Miếu nằm ở phía bờ nam sông Nhĩ Hà, bên ngoài thành, cách Cửa Đông năm dặm thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm.* Sử ký *chép: Lý Thân tự Ông Trọng, người ở Thụy Hương, Giao Châu. Ông người cao 2 trượng, sống vào đời Tần khi đó đất nước ta đang trong vòng Nội thuộc. Ông phụng sự vua Tần Thủy Hoàng, làm quan chức Hiệu úy, đóng quân ở Lâm Thao; trấn áp Hung Nô. Sau này nghỉ quan, về mất tại quê nhà. Vua Tần Thủy Hoàng sai quân đúc hình người bằng đồng, dung mạo cử động như người sống, gọi là Ông Trọng. Khi Hung Nô sai người đi thăm dò, tưởng là Thái úy vẫn còn sống, kinh sợ không dám đến xâm phạm biên cương nữa. Sau này, Triệu Xương đời Đường, làm quan trấn giữ Giao Châu, đã từng mơ được cùng Ông Trọng luận bàn về* Kinh Xuân Thu Tả thị truyện. *Nhân đó, có người hỏi thăm quê cũ, xin dựng đền thờ. Nay đền ở chính nền nhà cũ.)*

Tướng mạo cao lớn uy nghi, nổi tiếng là bậc tuấn kiệt,
Sinh ra từ đất Viêm Bang,(1) nhưng khiến người Bắc phương khiếp sợ.
Mặt trời buổi sớm, nơi mái nhà xưa gió thổi vi vu,
Đêm mơ cùng luận bàn kinh sách,(2) làm vang động cả khúc sông.

*Chú thích:*

1. Viêm Bang: Chỉ vùng đất phía nam, nóng nhiệt; tức đất Việt Nam.
2. Kinh sách: Tức bộ *Kinh Xuân Thu Tả thị truyện*. Như nguyên chú đã dẫn.

## 207. 資福寺

陳皇酒湎踽涼然
偶爾書生巷遇緣
新德悔心伊訓作
恨無表草錄青編

**Phiên âm:**

*TƯ PHÚC TỰ*

*Trần Hoàng tửu miện củ lương nhiên,*
*Ngẫu nhĩ thư sinh hạng ngộ duyên.*
*Tân đức hối tâm y huấn tác,*
*Hận vô biểu thảo lục thanh biên.*

**Dịch nghĩa:**

CHÙA TƯ PHÚC

(Nguyên chú: *Chùa ở ngoài thành Cửa Bắc, thuộc thôn Yên Viên, huyện Vĩnh Thuận.* Sử ký *chép: Đời vua Trần Anh Tông miếu hiệu Hưng Long (1293), Thượng hoàng ngự thuyền đi từ Thiên Trường đến Kinh đô vào lúc sớm mai, trong cung cấm còn yên ắng; nhà vua chưa dậy vì đêm qua quá chén say mềm, cung nhân lay gọi thế nào cũng không tỉnh. Thượng hoàng vô cùng tức giận, sai quan quân hộ giá quay về Thiên Trường. Đến quá trưa, nhà vua mới tỉnh giấc; thấy trong cung im lìm. Vội chạy bộ ra đường Huyền Thiên qua chùa Tư Phúc thì gặp Đoàn Nhữ Hài đang đi. Nhà vua cho gọi về cung, hỏi rằng: "Trẫm là kẻ hư hỏng, vì nát rượu mà mắc lỗi. Nhà ngươi hãy soạn biểu tạ tội, rồi cùng ta về Thiên Trường nhận lỗi với Thượng hoàng." Nói rồi nhà vua cùng Đoàn Nhữ Hài đi thuyền suốt đêm về Thiên Trường. Sớm hôm sau về đến nơi, nhưng Thượng hoàng không cho vào gặp. Khi đó bỗng trời đổ mưa lớn, nhà vua cùng Đoàn Nhữ Hài vẫn quỳ ngoài sân dâng biểu. Mưa tạnh, Thượng hoàng cho mang biểu vào, và chỉ dụ rằng: "Trẫm đang còn sống, nếu cứ say sưa như vậy thì làm*

*sao đắc nhân tâm trong thiên hạ?". Nhà vua rập đầu xin tạ tội. Thượng hoàng hỏi ai là người soạn biểu. Nhà vua đáp đó là do thư sinh Nhữ Hài soạn. Thượng hoàng đòi triệu vào, bảo rằng: "Biểu văn của nhà ngươi soạn có ý hối cải chân thành, làm cho trẫm rất tin tưởng. Ngươi có thể soạn chiếu lệnh cho quan lại được phục chức, trăm quan triều kiến như cũ." Nhà vua từ Thiên Trường về kinh, trao cho Nhữ Hài chức Ngự sử Trung Tán làm quan Hành khiển.*

*Xét: Nhữ Hài là người Trường Tân, Gia Phúc. Nay là Phúc thần của bản xã, phúc ấm phát từ đây. Trên quả chuông chùa có bài minh ghi:*

Gia Phúc Trường Tân,
Giáng thế quân quân.
Bần tiện xuất quý,
Ngẫu nhĩ phùng quân.
*(Gia Phúc, Trường Tân,*
*Cùng đêu giáng thế.*
*Bần tiện sinh quý,*
*Ngẫu nhiên gặp vua),*

*Gia Lộc là nơi cha ta đã đi qua, thời ta còn trẻ theo hầu cha đi tuần xét các nơi, từng đi qua nhiều vùng núi non; nhưng Gia Lộc quả là nơi kỳ thú vậy, phía trước có núi Hoa Cái làm án. Gia Phúc nay là Gia Lộc, Trường Tân nay là Hội Xuyên.)*

Vua Trần say sưa trong rượu, một mình vò võ trong đêm lạnh,
Ngẫu nhiên tên học trò như ngươi lại có duyên
gặp nhà vua trên ngõ hẻm.
Hối lỗi sửa sang đức mới, làm theo lời giáo huấn của cha,
Hận rằng không đem tờ biểu ghi vào sử sách.

## 208. 穆愼祠

錦纜風移入月濤
無端務靄櫓聲高
至今香火煙波裏
綱虎依然腑氣毫

**Phiên âm:**

*MỤC THẬN TỪ*

*Cẩm lãm phong di nhập nguyệt đào,*
*Vô đoan vụ ái lỗ thanh cao.*
*Chí kim hương hỏa yên ba lý,*
*Cương hổ y nhiên phủ khí hào.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ MỤC THẬN[1]

(Nguyên chú: *Đền cách phía tây và bắc thành Thăng Long ba dặm, ở phường Quảng Bá, huyện Vĩnh Thuận phía bắc hồ Tây.* Sử ký *chép: Đời vua Lý Nhân Tông niên hiệu Hội Phong (1092), quan Thái sư Lê Văn Thịnh, người đỗ khai khoa triều Lý đã học được phép thuật của nước Đại Lý,*[2] *nên ngầm nuôi chí thoán đoạt. Nhân cơ hội nhà vua đến Dâm Đàm*[3] *xem đánh cá, bỗng thấy mây mù ùn ùn nổi lên; trong khoảng tối tăm mịt mùng, tiếng mái chèo khua ràn rạt. Nhà vua lấy chiếc giáo ném vào đó, chỉ một lát mây mù tự nhiên tan hết. Bỗng thấy chiếc thuyền lao đến, phía đầu thuyền có một con hổ. Một người đánh cá tên là Mục Thận tung lưới chụp được con hổ, hóa ra là Lê Văn Thịnh. Nhà vua khen ngợi công lao của Mục Thận, phong cho chức Phụ quốc Tướng quân; ban cho hồ Tây làm thực ấp. Khi Mục Thận qua đời, được ban tên thụy là Trung Tuệ; tặng*

*chức Thái úy. Rồi lại ban sắc cho lập đền thờ nơi Mục Thận ở là thôn chài Quảng Bá. Dân thôn đều làm nghề chài lưới trên hồ.)*

Gió đẩy dây thuyền gấm rơi vào sóng trăng,
Vô cớ tiếng mái chèo trong sương mù vút cao.
Đến nay việc thờ phụng vẫn còn trong khói sóng,
Tung lưới bắt hổ hiển nhiên là người chí khí hào kiệt.

*Chú thích:*

1. Đền thờ Mục Thận hiện còn ở quận Tây Hồ, Hà Nội.

2. Đại Lý là tên quốc đô Nam Chiếu thời Đường, nay chỉ là một châu của tỉnh Vân Nam.

3. Dâm Đàm: Tức hồ Tây ngày nay, xưa kia nơi đây thường có sương mù bao phủ vì thế người ta lấy hiện tượng này để đặt tên cho hồ.

## 209. 弘烈廟

龍宮遊學信然欣
樵隱門人所不書
卻說硯池千里雨
墨潭今在翰香餘

**Phiên âm:**

*HOẰNG LIỆT MIẾU*

*Long cung du học tín thiên hân,*
*Tiêu Ẩn môn nhân sở bất thư.*
*Khước thuyết nghiễn trì thiên lý vũ,*
*Mặc Đàm kim tại hãn hương dư.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU HOẰNG LIỆT

(Nguyên chú: *Miếu ở ngoài thành, cách Cửa Đông năm dặm; nằm ven sông Kính Đường thuộc tổng Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì. Tương truyền: Văn Trinh tiên sinh đời Trần, hiệu Tiều Ẩn; khởi xướng ra đạo học, dạy học trò ở bờ tây sông Tô Lịch. Học trò bốn phương kéo đến học tấp nập, có đến hơn nghìn người. Con trai vua Thủy Tinh sông Kính Đường cũng có sự tích ở đây. Năm đó, trời hạn hán không có mưa. Tiên sinh lo nhà cháy không có chỗ cho học trò học, ông nói với học trò rằng: Năm nay trời đại hạn, ai có cách gì để cầu mưa không? Có một người học trò đứng ngoài cửa lớp đáp: Con có thể làm được, chỉ cần trời ban sắc phong cho sông hồ các nơi; có nghiên mực thì con có thể làm được. Rồi hút mực trong nghiên hướng về phía đông mà phun. Chỉ trong chốc lát, bỗng gió lớn nổi lên, mây đen kéo đến bốn phía, nước mưa đen như mực trút xuống, đầm nước trước cửa lớp đen ngòm. Tiên sinh nói: Cái lý ẩn hiện, là do*

*Thánh nhân thấy được nghĩa lý sâu xa của trời đất, mà cảnh báo con người. Lũ học trò kia sao dám ăn nói xằng bậy? Người học trò rập đầu lạy tạ nói: Kẻ học trò này chỉ ngẫu hứng đùa cợt, tiết lộ cơ trời. Xin Tiên sinh sớm mai thấy con trên sông Kính Đường thì đừng vứt bỏ đi! Nói xong rồi bỏ đi.*

*Đêm hôm đó, mưa to gió lớn nổi lên; sau cơn mưa thấy có con giao long dài trăm thước nổi trên mặt nước. Tiên sinh sai các trò đến thu dọn đưa đi chôn cất. Sau này, thường hiển ứng linh thiêng. Các làng trong tổng Hoằng Liệt được thấm nhuần ơn trạch, đều dựng đền thờ hai bên ao mực; mỗi lần cầu mưa đều linh ứng. Trải các triều đại thần đều được phong sắc: Thượng Liệt thần. Nay vẫn còn truyền lại câu chuyện giao long và đầm mực.)*

Người ở dưới long cung lên bờ theo học, là vì rất khâm phục ông,
Tiên sinh Tiều Ẩn không gì là không dạy học trò.
Nghe nói nhờ có ao mực mà mưa trút xuống khắp nơi,
Ngọn bút đến nay vẫn còn vương hơi thơm của đầm mực.

## 210. 銅鼓壇

亂臣遺弟暗欺人
銅鼓當年入夢神
牛耳聽來聲藐藐
居然胡莫歃盟頻

**Phiên âm:**

*ĐỒNG CỔ ĐÀN*

*Loạn thần đệ đệ ám khi nhân,*
*Đồng Cổ đương niên nhập mộng thần.*
*Ngưu nhĩ thính lai thanh miễu miễu,*
*Cư nhiên hồ mạc sáp minh tần.*

**Dịch nghĩa:**

ĐÀN ĐỒNG CỔ

(Nguyên chú: *Đàn ở ngoài thành, cách Cửa Tây hai dặm, bên bờ nam hồ Tây thuộc thôn Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Thuận. Sử chép: Đầu đời Lý Thái Tổ cho lập Thái tử, rồi tự thân đi chinh phạt Chiêm Thành. Khi nhà vua trú quân ở đất Đan Nê, mộng thấy thần nhân mặc nhung phục, tiến đến trước mặt mà tâu rằng: "Thần là thần núi Đồng Cổ, xin được theo đi phù trợ thánh công." Khi dẹp yên Chiêm Thành, nhà vua sai dựng đền thờ ở phía hữu Kinh thành, gọi là miếu Đồng Cổ. Khi vua Thái Tổ bệnh nặng, Thái tử mộng thấy thần Đồng Cổ bảo rằng: "Lấy võ đức để chinh phạt phía đông. Vả lại, nếu mưu bại lộ thì phải phòng bị cẩn thận." Thái tử bèn sai Phụng Hiểu đem quân cấm binh đến dẹp yên. Lại sắc phong cho miếu Đồng Cổ là: "Thần minh chủ thiên hạ." Vì thế gọi là Minh Đàn (Đàn thề). Sau này, vào tháng cuối hè, quan quân trong triều phải uống máu ăn thề trước thần,*

*đọc lời thề rằng: "Làm con mà bất hiếu, làm thần mà bất trung; thì thần hãy cho xử chết." Lệ này, từ đời Lý đến đời Lê đều thi hành.)*

Loạn thần âm mưu lừa dối một cách ám muội,
Thần Đồng Cổ liền báo mộng từ trước.
Tai trâu nghe tiếng thật nhè nhẹ,
Nên ở đây luôn phải uống máu ăn thề.

## 211. 太尉祠

赤衣夢裏問分明
帝賚南臺作主盟
正直也宜天下主
丁黎載筆事難評

**Phiên âm:**

*THÁI ÚY TỪ*

*Xích y mộng lý vấn phân minh,*
*Đế lãi Nam đài tác chủ minh.*
*Chính trực dã nghi thiên hạ chủ,*
*Đinh, Lê tải bút sự nan bình.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ THÁI ÚY

(Nguyên chú: *Đền ở bên tả thành phía đông nam, thuộc thôn Bắc Thượng, huyện Thọ Xương. Sử chép: Vua Lý Thần Tông vì nghi ngờ quan ngục Đô Hộ phủ, đã đốt hương khấn trời xin tìm được một vị minh chủ. Rồi nhà vua mộng thấy có một vị sứ giả mặc áo đỏ, phụng sắc trời ban cho Phạm Cự Lượng làm Đô Hộ đài minh chủ. Nhà vua hỏi vậy sao, Sứ giả đáp: "Là Thái úy Lê Đại Hành," thế là sắc phong cho Cự Lượng là Hồng Thánh Vương, dựng miếu bên trái thành Cửa Nam, đề: "Nam đài chủ minh" (Chủ đài thề phương Nam). Quan lại bách ty đều phải tôn thờ là Thần chúa ngục.*

*Xét: Phạm Cự Lượng là người ở Sách Giang, là tướng quân triều vua Đinh Tiên Hoàng; sau này đã sách lập Phó Quốc vương Lê Hoàn. Ông làm quan đến chức Thái úy.)*

Gặp sứ giả áo đỏ trong mộng, hỏi cho rõ ràng,
Thượng đế ban cho đài tế phương Nam một vị chủ thể.
Thẳng thắn công bằng, thật xứng đáng làm chủ thiên hạ,
Khiến việc chép sử của nhà Đinh, Lê khó mà thêm bớt được.

## 212. 天后宮

神女當機齧寶梭
通靈萬里護風槎
扇開雙鳳三元夕
正會南天海不波

**Phiên âm:**

*THIÊN HẬU CUNG*

*Thần nữ đương ky niết bảo thoa,*
*Thông linh vạn lý hộ phong tra.*
*Phiến khai Song phượng Tam Nguyên tịch,*
*Chính hội nam thiên hải bất ba.*

**Dịch nghĩa:**

CUNG THỜ THIÊN HẬU

(Nguyên chú: *Cung ở ngoài thành Cửa Đông, bên bờ đông sông Tô Lịch, thuộc phố Hà Khẩu, huyện Thọ Xương.*

*Xét: Theo sách* Lưu Cầu sứ lục, *có ghi: "Thiên Hậu là người Quảng Đông, sinh ra đã là thần linh. Khi nhỏ tuổi, cha anh đi buôn bán ở biển Nam Hải. Một đêm, đang ngồi ở nhà dệt vải, bỗng khung dệt gãy văng thoi dệt ra xa. Nàng bèn nói với mẹ: Đêm nay thuyền nhà ta gặp nạn; con phải chèo chống mới cứu được cha, còn anh con rơi xuống biển không cứu được. Sau này, nhận được tin báo quả đúng như vậy. Năm đó, trong một đêm đem diều cưỡi gió lớn hóa thành thần biển". Vua nhà Thanh sắc phong là Thiên Hậu; ngày nay thuyền buôn Trung Hoa đến buôn bán, đã cho dựng cung miếu để thờ phụng. Thường vào những đêm Tam nguyên, dựng đàn cầu đảo; tương truyền đó là Thắng hội.)*

Thần nữ ngồi dệt vải, bỗng khung rời thoi gãy,
Linh thông vạn dặm, theo gió trợ giúp thuyền buôn.
Cửa Song phượng thường mở vào đêm Tam Nguyên,[1]
Chính là nơi Thắng hội không sóng gió của đất phương nam.

*Chú thích:*

1. Tam Nguyên tịch: Tức là các đêm rằm tháng giêng, tháng 7 và tháng 10. Là những ngày lễ chính ở cung Thiên Hậu.

## 213. 法雲庵

佛母生來玄又玄
雷雲法號証玄緣
儒林作用爲霖雨
毋説琪林此杖泉

**Phiên âm:**

*PHÁP VÂN AM*

*Phật Mẫu sinh lai huyền hựu huyền,*
*Lôi Vân pháp hiệu chứng huyền duyên.*
*Nho lâm tác dụng vi lâm vũ,*
*Vô thuyết kỳ lâm thử trượng tuyền.*

**Dịch nghĩa:**

AM PHÁP VÂN

(Nguyên chú: *Am Pháp Vân ở ngoài thành cách Cửa Đông bốn dặm, bên phải chùa Đại Bi thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì.*

*Dã sử ghi: Vào thời Hùng Vương thứ 3, chùa Phúc Nghiêm bên sông Thiên Đức, có vị tăng người Hồ là Già La Đồ Lê rất tinh thông phép thuật, giỏi hô vân hoán vũ, phù phép biến giấy trắng thành bột gạo, dùng bình thiếc đựng nước suối Cam Tuyền cứu người bị nạn. Trong chùa còn có một vị ni sư tên là Man Nương, không chồng mà có mang. Một đêm vào rừng sinh nở, sinh ra được một bọc trong có hòn đá hình người; bà gửi con vào hốc cây rồi ra về. Ba năm sau, trời làm lụt lớn; cái cây đó bị nước lũ cuốn trôi trên sông Đức Giang, đến chân chùa Phúc Nghiêm thì dừng lại. Đêm đó, cây cổ thụ phát sáng cả một khúc sông; ngẫu nhiên đêm đó ni sư đi tắm trên sông, treo áo vào cành cây thì nhận ra đó là cây đã gửi con vào. Lúc đó, thầy sư tăng từ phía tây đi tới bảo: Đó là con Phật; liền lập đàn*

*cầu đảo. Lập tức sấm chớp gió mưa nổi lên hưởng ứng; sau lấy cây đó tạc thành 4 pho tượng, gọi là: Vân, Vũ, Lôi, Điện là bốn phép Bồ Tát. Còn gốc cây đá phát sáng, gọi là Thạch Quang Bồ Tát. Trải các triều vua đều sắc phong là Đại Bồ Tát Trung Liệt phần. Sau này cầu mưa đều ứng nghiệm. Tương truyền, chùa Phật Mẫu Phúc Nghiêm và am chùa Thịnh Liệt đều thờ Pháp Vân Bồ Tát.)*

Phật Mẫu sinh nở đã là điều huyền diệu, lại càng thêm huyền diệu,
Gọi Pháp hiệu Lôi Vân càng chứng minh cho nhân duyên huyền ảo.
Nếu phép của đạo Nho là mưa dầm thấm lâu,
Thì chớ có bảo rằng: Rừng gỗ quý ấy chỉ dựa vào thế của dòng suối.

## 214. 香海院

天南四寶剩陳聞
香海禪林証大因
像塔虛虛傳白業
磬聲寂寂汩迷津

**Phiên âm:**

*HƯƠNG HẢI VIỆN*

*Thiên Nam tứ bảo thặng trần văn,*
*Hương Hải thiền lâm chứng đại nhân.*
*Tượng tháp hư hư truyền bạch nghiệp,*
*Khánh thanh tịch tịch cốt mê tân.*

**Dịch nghĩa:**

VIỆN HƯƠNG HẢI

(Nguyên chú: *Viện ở ngoài thành Cửa Đông, phía nam chùa Báo Thiên, thuộc phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương.*

*Tương truyền: Vào đời Lý, có người ở huyện Hải Thanh, tên là Dương Minh Lộ; thời trẻ làm nghề câu cá, sống lênh đênh trên sông nước. Vì ham chuộng phép Thiền nên bỏ nghề câu đi tu, lấy hiệu là Không Lộ. Ông tinh thông phép thuật, thần diệu khó lường; chân không bước trên mặt nước, thuần phục được cả hổ báo. Ông tu ở chùa Hà Trạch, thường thường dạo chơi khắp nơi, bơi thuyền trên hồ Tây, nghỉ chơi ở các chùa Trấn Quốc, Báo Thiên; có biệt hiệu là Hương Hối. Ông là người cho mở mang xây tháp chùa Báo Thiên, đúc tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, đúc chuông chùa Phổ Lại; tạc khánh chùa Phổ Minh. Đời gọi là: "Thiên Nam tứ pháp bảo" (Bốn vật quý của trời Nam).)*

Đất nước Nam có bốn báu vật, truyền lại rõ ràng,
Viện thiền Hương Hải, là nơi chứng minh cho nhân duyên lớn đó.
Tượng, tháp thờ Phật chỉ là hư không, vẫn truyền lại được
giáo lý của Phật,
Nghe tiếng khánh kêu tĩnh mịch như chìm vào bến mê.

## 215. 道行祠

蘇江水月上松風
瓶錫雲深了色空
休説投胎眞是應
徐岩跡亦爪餘鴻

**Phiên âm:**

*ĐẠO HẠNH TỪ*

*Tô giang thủy nguyệt thượng tùng phong,*
*Bình tích vân thâm liễu sắc không.*
*Hưu thuyết đầu thai chân thị ứng,*
*Từ nham tích diệc trảo dư hồng.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THỜ TỪ ĐẠO HẠNH

(Nguyên chú: *Đền thờ bên sông Tô Lịch, bên ngoài thành cách Cửa Nam hai dặm, thuộc xã Yên Lãng, huyện Vĩnh Thuận.*

*Dã sử chép: Vào triều Lý, ở xã Yên Lãng có người tên là Từ Lộ, có chí học hành, thi đỗ khoa Bạch liên; cha là Từ Vinh làm ở Viện Đô sát có hiềm khích với Kiến Thành hầu. Hầu sai tay chân là Đại Điên yểm bùa giết hại. Từ Lộ nuôi hận quyết học phép thuật để trả thù cho cha. Ông bỏ nhà vào chùa Hương Hải ở núi Từ Sơn tu hành, lấy đạo hiệu là Đạo Hạnh. Trong 7 năm tu hành, ông đã thuộc đến 10 vạn 8 nghìn thiên kinh sách, và không một lần xuống núi; phép thuật thuần phục được cả mãnh thú. Ông thường nhàn du khắp nơi, một hôm qua cầu Yên Quyết, xã Yên Lãng bèn ném cậy gậy thần xuống sông Tô Lịch, cây gậy liền tự ngược dòng chạy băng băng đến chân cầu Tây Ẩn. Biết là phép thuật đã hiệu nghiệm, ông cả cười nói: Việc tu hành đã có kết quả rồi. Nói xong, bèn đi tìm Đại*

*Điên. Đại Điên thấy Đạo Hạnh liền quát lớn: "Tên kia thật to gan, dám đến đối đầu với ta chăng?". Từ Lộ đáp: "Chỉ cần một gậy tích trượng này thôi!". Thế là Đại Điên lăn ra chết. Xong việc trả thù cho cha, ông trở về núi tu hành.*

*Vào triều vua Lý Nhân Tông, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 7 (1116), ông thoát xác trong động núi Từ Sơn, đầu thai làm con Sùng Hiền Hầu em trai nhà vua, đó chính là Lý Thần Tông; sau cho đổi Sài Sơn thành Phật Tích Sơn. Tương truyền: Trong động chùa Phật Tích vẫn còn dấu chân Phật in trên đá, điều này khiến cho đệ tử có bài thơ rằng:*

Viết hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu không như thủy nguyệt,
Thủy nguyệt thượng tùng phong.
*(Nói là "có" cát bụi cũng "có,"*
*Cho là "không" nhất thiết là "không."*
*"Có không" như sông như trăng,*
*Sông và trăng như ngọn gió thổi trên ngọn cây tùng).*

*Lại có thơ họa:*

Thu cao bất đầu nhạn lai quy,
Lãnh tiếu nhân gian tạm phát bi.
Vị báo môn nhân hưu luyến trứ,
Cổ sư kỷ độ thị kim sư.

*(Thu muộn không để chim nhạn quay trở về,*
*Cười nhạo người đời, trong chốc lát lại rầu rĩ.*
*Chớ báo cho người nhà biết để mà lưu luyến,*
*Thầy cũ mấy kiếp sẽ lại là thầy hôm nay).)*

Trăng nước sông Tô Lịch, như ngọn gió thổi trên ngọn cây tùng,
Cây gậy tích trượng trong mây, chỉ là hư không,
Chớ bảo rằng việc đầu thai đúng là có thật,
Chỉ biết dấu chân trong hang núi thầy Từ cũng vẫn còn đó.

## 216. 同仁洲

傘嶺授戈悲落日
龍城回首逐秋雲
貞魂玉珥孤洲上
作怒濤聲盡夜間

**Phiên âm:**

*ĐỒNG NHÂN CHÂU*

*Tản Lĩnh thụ qua bi lạc nhật,*
*Long thành hồi thủ trục thu vân.*
*Trinh hồn ngọc nhĩ cô châu thượng,*
*Tác nộ đào thanh tận dạ nhàn.*

**Dịch nghĩa:**

BÃI ĐỒNG NHÂN

(Nguyên chú: *Bãi Đồng Nhân ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông ba dặm ở xã Đồng Nhân, huyện Thanh Trì; bên bờ nam sông Nhĩ Hà là nơi Nguyễn Đình Gián, Tiến sĩ đời Lê, tuẫn tiết. Ông là người xã Vĩnh Trị, huyện Hoằng Hóa; đỗ Tiến sĩ đời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng 30 (1769), làm quan chức Thượng thư Bộ Hình. Khi nhà Lê chạy nạn đến xứ Sơn Tây giữa núi Tản Viên và Tam Đảo, ông chiêu binh để đánh giặc, việc chưa thành đã bị bắt. Giặc đem ông hành hình trên bãi Đồng Nhân.*)

Trao giáo mác trên núi Tản buồn nỗi mặt trời lặn,
Quay đầu nhìn về Thăng Long ruổi theo đám mây thu.
Bên sông Nhĩ Hà, hồn trung trinh trên bãi cát cô đơn,
Khiến tiếng sóng cuồng giận suốt đêm thâu.

## 217. 文津街

碧池絃管生羞對
興化文章子自甘
津邸一杯甘正氣
冠紳可許大夫慚

**Phiên âm:**

*VĂN TÂN NHAI*

*Bích trì huyền quản sinh tu đối,*
*Hưng Hóa văn chương tử tự cam.*
*Tân để nhất bôi cam chính khí,*
*Quan thân khả hứa đại phu tàm.*

**Dịch nghĩa:**

PHỐ VĂN TÂN

(Nguyên chú: *Phố Văn Tân ở phía nam thành, thuộc thôn Văn Tân, huyện Thọ Xương; là nơi Tiến sĩ triều Lê Nguyễn Trạc tuẫn tiết. Ông là người làng Đan Nhiễm, huyện Văn Giang; đỗ Tiến sĩ triều vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng 30 (1769), làm quan chức Thiêm đô Ngự sử. Vào thời vua Lê Chiêu Thống phục quốc, ông được trao chức Tham tri Chính sự theo hộ giá sang Trung Quốc cầu viện; trên đường đi bị Tây Sơn bắt. Trong lúc bị giam giữ, ông đã uống thuốc tự tử tại nhà trạm.*)

Sáo đàn bên ao biếc, sống chẳng có gì phải hổ thẹn,
Văn chương nổi tiếng đất Hưng Hóa, dù chết vẫn cam lòng.
Một chén rượu nơi phố Văn Tân tỏ rõ khí tiết,
Cân đai áo mũ của triều đình, khiến cho bậc đại phu hổ thẹn.

## 218. 將軍樓

將軍采邑古梅鄉
酒讌當年跌石腸
磅礴千秋懸日月
樓前應有伏蒲簧

**Phiên âm:**

*TƯỚNG QUÂN LÂU*

*Tướng quân thái ấp Cổ Mai hương,*
*Tửu yến đương niên diệt thạch trương.*
*Bàng bạc thiên thu huyền nhật nguyệt,*
*Lâu tiền ưng hữu phục Bồ Hoàng.*

**Dịch nghĩa:**

LẦU TƯỚNG QUÂN

(Nguyên chú: *Lầu ở ngoài thành, cách cửa Chính Đông ba dặm. Nay lầu là miếu thờ thần ở xã Tương Mai, huyện Thanh Trì. Đời truyền rằng: Trần Khát Chân và em trai là Trần Hương đều thuộc Tôn thất nhà Trần; có công dẹp giặc Chiêm Thành, được ban thái ấp ở làng Cổ Mai, rồi sinh sống ở đó. Anh em Khát Chân âm mưu phò tá Tôn thất nhà Trần, làm tiệc mời Hồ Quý Ly, sai tỳ tướng là Phạm Tất Ngưu mai phục, chém Hồ Quý Ly nhưng việc không thành.*

*Nay miếu thờ Trần Khát Chân ở xã Tương Mai; miếu thờ Trần Hương ở xã Hoàng Mai. Hai xã cùng trong làng Cổ Mai.)*

Đất thái ấp của tướng quân ở làng Cổ Mai,
Năm xưa bày yến tiệc đành tan vỡ tấm lòng vàng đá.
Khí tiết bàng bạc ngàn năm giữa trời đất, trăng sao,
Trước lầu vẫn phải quỳ phục áo làm bằng cỏ Bồ Hoàng.

## 219. 錦清廟

東閣街前一死生
儒冠見節正崢嶸
夜臺莫氏如前席
應向君臣義上明

**Phiên âm:**

*CẨM THANH MIẾU*

*Đông Các nhai tiền nhất tử sinh,*
*Nho quan kiến tiết chính tranh vanh.*
*Dạ đài Mạc thị như tiền tích,*
*Ứng hướng quân thần nghĩa thượng minh.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU CẨM THANH[1]

(Nguyên chú: *Miếu ở ngoài thành, cách Cửa Đông một dặm, thuộc phường Đông Các, huyện Thọ Xương.* Dã sử *chép: Niên hiệu Thuận Bình nhà Lê, Nguyên soái Trịnh Tùng đi theo đường sông Đà, dẫn quân xuống phía đông thừa thắng đánh úp vào Thăng Long. Mạc Mậu Hợp bỏ thành chạy ra cửa đông nam, quân Trịnh Tùng đuổi theo ráo riết. Bỗng có người đội mũ lông chồn, áo bào gấm thắt đai vàng đi từ hồ Thái Cực đến chặn ngang đường Đông Các, rập đầu trước ngựa của Nguyên soái; tướng sĩ bắt lấy tra hỏi. Người đó khai tên họ, là Tiến sĩ triều Mạc, làm quan chức Ngự sử đài; đến đây để cứu vua nhà Mạc. Nguyên soái Trịnh Tùng ra lệnh chém vì tội giúp vua Mạc Mậu Hợp qua sông chạy thoát. Quân Trịnh trở về Thanh Hóa, Mạc Hậu Hợp vào Thăng Long, lập tức cho đắp mộ và dựng miếu thờ ngay ở chỗ đó để biểu dương tấm gương trung nghĩa; rồi đặt tên là miếu Cẩm Thanh. Vì lẽ đó nên miếu ở ngay giữa lòng đường, đến nay vẫn còn.*

*Về họ tên, khoa thi, quê quán của người đó không khảo cứu được.)*

Một sống một chết trước đường Đông Các,
Thấy rõ tiết tháo của nhà nho cao vòi vọi.
Dưới suối vàng họ Mạc, nếu đứng trước bàn thờ,
Cần phải đề cao nghĩa quân thần sáng láng.

*Chú thích:*

1. Hiện ở nhà số 10 phố Trung Yên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội vẫn còn tấm bia nói về sự kiện này.

## 220. 光來潭

光紹宮人殉節秋
淚珠含蚌蜃靈湫
千年說及沱陽事
弓鼎愁深蘇水流

**Phiên âm:**

*QUANG LAI ĐÀM*

*Quang Thiệu cung nhân tuẫn tiết thu,*
*Lệ châu hàm bạng trập linh thâu.*
*Thiên niên thuyết cập Đà dương sự,*
*Cung đỉnh sầu thâm Tô thủy lưu.*

**Dịch nghĩa:**

ĐẦM QUANG LAI

(Nguyên chú: *Đầm ở ngoài thành, cách Cửa Đông bảy dặm, phía bắc là cầu Vĩnh Kiều bắc qua sông Tô Lịch, phía đông là lăng Vĩnh Hưng thuộc xã Cổ Điển, huyện Thanh Trì.*

*Đời truyền rằng: "Vào năm Quang Thiệu đời vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1522), Mạc Đăng Dung tiếm bức nhà vua, đang đêm nhà vua bỏ trốn lên miền sông Đà, thu tập binh sĩ để thảo phạt. Mạc Đăng Dung cho lập vua Chiêu Nguyên, bắt xuống chiếu phế vua Quang Thiệu vì xưng vương ở sông Đà, rồi đem quân đến đánh dẹp bắt được nhà vua, đem giam giữ ở cây cầu trên sông Tô Lịch rồi giết hại; xác chôn ở lăng Vĩnh Hưng. Những người trong cung đi theo có đến hơn chục người; hằng ngày họ bắt trai ốc trong đầm sinh sống. Sau này đều tuẫn tiết trong đầm".)*

Các cung nhân của vua Quang Thiệu, đều tuẫn tiết vào một ngày thu,
Trai trong đầm ngậm những hạt lệ rơi, mà trở nên linh thiêng.
Ngàn năm mãi nói về chuyện phục quốc bên sông Đà giang,
Nỗi buồn về quyền bính nặng sâu trôi theo nước dòng Tô.

## 221. 竹帛湖

殷鑒小腆依湖水
宋帝廢儀返朔天
風雨關河皆涕淚
未亡人死玉宮前

**Phiên âm:**

*TRÚC BẠCH HỒ*

*Ân giám tiểu thiển y hồ thủy,*
*Tống đế phế nghi phản sóc thiên.*
*Phong vũ quan hà giai thế lệ,*
*Vị vong nhân tử ngọc cung tiền.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ TRÚC BẠCH

(Nguyên chú: *Hồ Trúc Bạch ở ngoài Cửa Bắc, thuộc huyện Vĩnh Thuận, phía đông hồ có nhiều nhà cửa san sát; là nơi Nguyễn Kim Nương một cung tần của vua Lê Chiêu Thống tuẫn tiết. Vào năm Gia Long thứ 1 (1802), vua Chiêu Thống cùng Thái hậu từ Đại Thanh trở về, đã cho bỏ một số nghi thức cung đình, nên về ở phía đông hồ Trúc Bạch là nơi người cung tần họ Nguyễn đã đến tạm nghỉ trong những ngày nhà vua chạy sang Trung Quốc. Khi sống ở đó, bà không ăn không ngủ, toan đến cung Dịch Ngọc ngắm nhìn áo mũ của nhà vua rồi đi tự vẫn. Quan Tổng trấn Bắc Thành nghe tin, khâm sắc biểu dương đức hạnh, ban biển treo đề chữ: "Phù cố Lê sơn lăng."*

*Xét: Cung tần họ Nguyễn, tự là Kim Nương là người xã Tỳ Bà, huyện Lương Tài; theo hầu vua Lê Chiêu Thống, sinh ra Nguyên Tử. Khi nhà vua chạy sang Trung Quốc cầu viện, không bắt bà đi theo; nên bà đã đến trú ngụ, rồi mất ở đó.)*

Nước nhỏ nhà Ân như tấm gương răn đe vẫn còn bên hồ nước,(1)
Tống đế bỏ nghi thức trở về phương Bắc.
Gió mưa nơi quan hà tất thảy đều rơi lệ,
Về người vợ góa đã chết trước cung ngọc.(2)

*Chú thích:*

1. Ân giám: Chữ *Kinh Thi,* chỉ việc nhà Ân diệt nhà Hạ, thì sau đời Ân, nên lấy việc nhà Hạ bị diệt làm tấm gương răn đe. Sau "Ân giám" cũng phiếm chỉ lấy sự việc đời trước làm tấm gương răn đe.

2. Vị vong nhân: Người vợ góa, đây chỉ cung tần Nguyễn Kim.

## 222. 翠靄祠

臣死於君婦死夫
子須死孝莫須無
一家忠義成三烈
正謂三綱在是夫

**Phiên âm:**

THÚY ÁI TỪ

*Thần tử ư quân phụ tử phu,*
*Tử tu tử hiếu mạc tu vu.*
*Nhất gia trung nghĩa thành tam liệt*
*Chính vị tam cương tại thị phu.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀN THÚY ÁI

(Nguyên chú: *Đền ở ngoài thành, cách Cửa Đông ba dặm, ở bờ phía nam sông Nhị Hà, thuộc xã Thúy Ái, huyện Thanh Trì, là nơi thờ vợ chồng tướng quân nhà Lê Ngô Cảnh Hoàn và vợ là bà họ Phan.*

*Xét: Hai vợ chồng tướng quân đều là người xã Trảo Nha, huyện Thạch Hà. Cuối đời Lê, quân Tây Sơn đánh ra Bắc; tướng quân chỉ huy thủy quân trên đội thuyền Thạch Quế. Trong một trận chiến trên bãi Thúy Ái, tướng quân cùng con trai đều tử trận, bà vợ ông là Vũ Nương biết tin, lén ra bờ sông dựng đàn tế chồng con; rồi nói với gia nhân: "Tướng quân vì nước mà hy sinh, ta nguyện chết theo; hãy an táng ta trên dòng sông này". Nói xong, bà mặc quần áo đẹp đi thuyền ra giữa dòng, nhảy xuống sông tự tử. Con người có nghĩa cử cao quý như vậy, nên được dựng đền thờ phụng.)*

Bề tôi chết vì nhà vua, người vợ chết theo chồng,
Người con nên chết vì đạo hiếu, đó là việc làm ai cũng nên theo.
Một nhà trung hiếu, trở thành ba vị tiết liệt,
Thế mới nói rằng người chồng chính là người
giữ được đạo "Tam cương."(1)

*Chú thích:*

1. Tam cương: Theo Nho giáo, đạo Tam cương là mối quan hệ giữa vua tôi, cha con, vợ chồng.

## 223. 褚童廟

穩駕仙舟二水津
樓臺一夜碧波春
飛昇莫過廣寒殿
中有妲娥不嫁人

白沙漠漠水洄洄
媒引宮粧百兩來
仙遇鳳凰遊歷處
依依筇笠起樓臺

**Phiên âm:**

*CHỬ ĐỒNG MIẾU*

*Ổn giá Tiên châu Nhị thủy tân,*
*Lâu đài nhất dạ bích ba xuân.*
*Phi thăng mạc quá Quảng Hàn điện,*
*Trung hữu Hằng Nga bất giá nhân.*

*Bạch sa mạc mạc thủy hồi hồi,*
*Môi dẫn cung trang bách lượng lai.*
*Tiên ngộ phượng hoàng du lịch xứ,*
*Y y cùng lạp khởi lâu đài.*

**Dịch nghĩa:**

MIẾU THỜ CHỬ ĐỒNG TỬ[1]

(Nguyên chú: *Miếu thờ Chử Đồng Tử nằm ngoài Cửa Đông nam thành Hà Nội, thuộc phường Bích Lưu, huyện Thọ Xương. Đời Hùng Vương thứ 3,*

*con gái vua là Công chúa Tiên Dung rất thích du chơi sơn thủy. Một hôm, thuyền đang men theo dòng Nhị Hà xuôi hướng nam đến bên bãi Mạn Trù; thấy cát trắng nước trong, cảnh trí thật đẹp mắt. Công chúa bèn sai quân hầu quây màn trên bãi cát rồi múc nước sông lên tắm. Nước chảy cát trôi, trên bãi lộ ra một người con trai, người đó là Chử Đồng Tử. Công chúa sai hạ giá cùng Chử Đồng Tử.*

*Làng Chử Hương trước kia có một người họ Chử, tên là Đồng Tử vốn có phép tiên, thường khỏa thân giấu mình trong nước bên sông. Khi thuyền Công chúa đi đến không biết ẩn náu vào đâu, bèn vùi mình trong cát trắng. Sự gặp gỡ kỳ ngộ đã khiến hai người nên vợ nên chồng. Chử Đồng Tử đi đâu cũng mang theo một cây gậy và một chiếc nón; đến đâu cắm cây gậy xuống úp nón lên trên là nơi đó biến thành lâu đài. Về sau, Chử Đồng Tử cùng Công chúa nhổ gậy, lâu đài biến mất rồi bay lên trời; chỗ đất ấy biến thành cái vực sâu. Người đời truyền tụng gọi tên là "Nhất dạ trạch" (Đầm một đêm). Ngày nay, vùng Đông An, Mạn Trù và dọc theo bờ sông đều có chùa, miếu thờ. Trải các triều đại đều được sắc phong hàng Thượng đẳng thần. Còn miếu thờ ở Bích Lưu không khảo cứu được nguồn gốc, hay đó là vết tích nơi Công chúa Tiên Dung đã từng đi chơi qua.)*

Chiếc thuyền tiên êm ả bên bến sông Nhị Hà,
Chỉ một đêm mùa xuân mà lâu đài mọc lên giữa sóng biếc.
Bay lên cao không vượt qua cung trăng,
Bên trong có Hằng Nga không lấy người thường.

Cát trắng phau phau bên nước sông dào dạt,
Có bà mối đem cung điện, đồ trang sức, trăm lạng bạc dẫn cưới.
Tiên nữ gặp phượng hoàng ở chốn qua chơi,
Rành rành là cây gậy và chiếc nón dựng nên tòa lâu đài.

*Chú thích:*

1. Chử Đồng Tử là một trong bốn vị thần bất tử của Việt Nam. Tương truyền thần người làng Chử Xá, nay thuộc xã Đa Hòa, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay ở Đa Hòa và dọc theo sông Hồng có nhiều đền thờ Chử Đồng Tử cùng Tiên Dung công chúa.

## 224. 題蓮溪翁百二詠吟集後

發翁吟興是龍編
唾咳珠璣百二篇
波籟善鳴如有擇
江山入畫爲誰傳
城虧諦轍空悲古
蕭洒胸懷況樂天
曾憶少年遊歷地
燈前讀罷思悠然

**Phiên âm:**

*ĐỀ LIÊN KHÊ ÔNG*
*"BÁCH NHỊ VỊNH NGÂM TẬP" HẬU*

*Phát ông ngâm hứng thị Long Biên,*
*Thóa khái châu cơ bách nhị thiên.*
*Ba lại thiện minh như hữu trạch,*
*Giang sơn nhập họa vị thùy truyền.*
*Thành khuy đê triệt không bi cổ,*
*Tiêu sái hung hoài huống lạc thiên.*
*Tằng ức thiếu niên du lịch địa,*
*Đăng tiền độc bãi tứ du nhiên.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀ SAU TẬP "BÁCH NHỊ VỊNH"
CỦA ÔNG LIÊN KHÊ

Những bài thơ do ông cảm hứng ngâm lên chính là tập "Long Biên,"(1)
Nhả ra châu ngọc được một trăm linh hai bài.

Tiếng sáo thổi hòa vào tiếng sóng như đã được chọn lựa,
Giang sơn đẹp như tranh vẽ truyền lại cho ai?
Hay dở ngâm theo luống thấy nỗi sầu hoài cổ,
Chẳng những trong lòng luôn thanh cao huống nữa là những ngày vui.
Từng nhớ lúc còn trẻ tuổi đã từng du ngoạn nơi đây,
Trước đèn, đọc xong thơ lòng cảm thấy bâng khuâng.

(*Cuối tháng 8 năm Đinh Mùi, niên hiệu Thiệu Trị 7 (1847). Liêu Trai Thúc Khiêm kính cẩn viết.*

*Tuần phủ Hưng Hóa là Tiến sĩ Ngụy Khắc Tuần duyệt.*

*Chánh sứ Phạm Chi Hương, người ở My Thụ thừa khảo*).

*Chú thích:*

1. Long Biên: Tức tập *Long Biên bách nhị vịnh.*

# NGUYỄN CÔNG TRỨ (1778 - 1859) 阮功著

(Tiểu dẫn: *Nguyễn Công Trứ tên tự là Tồn Chất, hiệu Ngô Trai, biệt hiệu là Hy Văn; người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An (nay là Hà Tĩnh). Năm 1807, đi thi Hương lần đầu bị trượt, sau đó còn thi trượt nhiều lần. Năm 1819, lúc đã 42 tuổi mới đỗ Giải nguyên kỳ thi Hương. Làm quan dưới triều Nguyễn 28 năm, trải nhiều lần thăng giáng. Năm 1828, làm chức Tả Thị lang Bộ Hình, Doanh điền sứ Nam Định. Lập ra các huyện mới Tiền Hải, Kim Sơn thuộc Ninh Bình, Ninh Nhất (Nam Trực), Hoành Thư (Giao Thủy.)*

*Sáng tác của ông chủ yếu là thơ văn chữ Nôm, tương truyền có tới cả ngàn bài thuộc các thể hát nói (ca trù) và thơ Đường luật; nhưng phần lớn đã thất lạc. Nổi bật ở thơ văn Nguyễn Công Trứ là sự khẳng định mạnh mẽ cá nhân như một thực thể xã hội với ít nhiều giá trị tự tại và khát vọng tự do. Những bài dưới đây trích trong* Đại Nam quốc âm ca khúc, *ký hiệu AB.146, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.)*

## 225. 詠湖西

啞遙𡚸幔逾繚
挵吟雲水來搠煙波
景西湖𠱸埃窖達
𠰘市城𥢆蔑盎林泉
俸棋臺腇𥢆渃如印
新草樹菻深座古殺

隻孤鷺㹠落霞潑匜
嗨𢆥芾武觀釣臺
𪊨鞊花曼鈚趴滄苔
底客酒廊詩憸慬
煙消南國美人盡
怨入東風方草多
圖天然蔑盎煙波
底遣興句詩盞酒
惌𢪏蘿腇清逾裕
廛丢低蔑啫鐘𥝩
西湖景别汆迸

## VỊNH HỒ TÂY

Dập dìu trăng mạn gió lèo,(1)
Lỏng ngâm vân thủy, lơi chèo yên ba.(2)
Cảnh Tây Hồ khôn ai khéo đặt,
Trong thị thành riêng một áng lâm tuyền(3)
Bóng kỳ đài, trăng mặt nước như in,
Tân thảo thụ, lum xum tòa cổ sát.(4)
Chiếc cô lộ, mảnh lạc hà bát ngát,(5)
Hỏi năm nao Vũ quán, Điếu đài?(6)
Mà cỏ hoa man mác dấu thương đài,(7)
Để khách rượu làng thơ ngơ ngẩn?
Yên tiêu Nam quốc mỹ nhân tận,(8)
Oán nhập Đông phong phương thảo đa.(9)
Đồ(10) thiên nhiên một áng yên ba,
Để khiển hứng câu thơ chén rượu.
Buồn nửa lá trăng thanh gió dịu,

Chiền[11] đâu đây một tiếng chuông rơi,
Tây Hồ cảnh biết mấy mươi.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 14)

*Chú thích:*

1. Tác giả ngồi thuyền ngắm cảnh hồ Tây, nên thấy ánh trăng tỏa trên mạn thuyền (mạn) và gió lùa qua dây buồm (lèo).

2. Vân thủy: Mây nước. Yên ba: Sương khói và sóng; đều là cảnh đẹp nơi sông hồ.

3 Lâm tuyền: Rừng suối; cảnh thiên nhiên, nơi có núi non khe suối đẹp đẽ.

4. Thảo thụ: Cây cỏ. Cổ sát: Chùa chiền.

5. Cô lộ: Cánh cò lẻ loi. Lạc hà: Ráng chiều rơi rớt xuống.

Trong bài thơ "Đằng Vương các tự" của Vương Bột, đời Đường có câu:

*Lạc hà dữ cô lộ tề phi,*
*Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.*
(Ráng chiều với cánh cò cô đơn cùng bay,
Làn nước mùa thu cùng với bầu trời xa rộng một màu).

6. Vũ quán: Nơi các ca công, vũ nữ múa hát. Điếu đài: Đài câu cá. Đó thường là những nơi vui chơi giải trí của các chúa Trịnh bên hồ Tây.

7. Thương đài: Tức rêu xanh.

8, 9. Nguyên văn chữ Hán, đại ý là: Người đẹp (cũng có thể là người hiền tài) của nước Nam nay đã hết rồi; gió đông lùa về trên những khóm cỏ thơm mang theo nỗi sầu hận.

10. Đồ: Họa đồ, tranh vẽ.

11. Chiền: Chùa chiền thờ Phật.

## 226. 詠景河内

拯蒼拱体花萊
西空清曆拱𠊛裖安
回首可鄰歌舞地
坦裖安罵古帝京
渃嶺蔑𦄂有情
𡗶南越𠉞𢲧圖帝紀
𠊛村塢𧼋凤流城市
坦京畿䏧蔑盘林泉
綿肔嶺啃牧𠰷嗊
印楯渃船魚沼𣾼
花草几經春代藉
江山沉笑古興亡
圖天然蔑幅桑滄
客遊覽䫥懲𠹾喢
𠀧余度𥟉移物𨷈
节王宫祭庙於丢节
嗼埋猿喝鶯嘲

### VỊNH CẢNH HÀ NỘI

Chẳng thơm cũng thể hoa lài,
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.[1]
Hồi thủ khả dân ca vũ địa,[2]
Đất Tràng An là cổ đế kinh.[3]
Nước non một dải hữu tình,
Trời Nam Việt trước gây đồ đế kỷ.[4]

Người thôn ổ, dấu phong lưu thành thị,
Đất kinh kỳ riêng một áng lâm tuyền.
Men sườn non tiếng mục véo von,(5)
In mặt nước thuyền ngư(6) lã chã.
Hoa thảo kỷ kinh xuân đại tạ,(7)
Giang sơn trầm tiếu cổ hưng vong.(8)
Đồ(9) thiên nhiên một bức tang thương,
Khách du lãm coi chừng(10) thăm hỏi.
Đã mấy độ sao dời vật đổi,
Nào vương cung tế miếu ở đâu nào.
Mỉa mai vượn hót oanh chào!

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam* - T. 14)

*Chú thích:*

1. Tràng An: Vốn là tên một địa phương ở tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc), nơi đóng đô của nhà Hán và nhiều triều đại khác của Trung Quốc. Về sau, trong văn chương, "Tràng An" được dùng để chỉ nơi kinh đô, đế đô nói chung.

2. Nguyên văn chữ Hán có nghĩa là: Ngoảnh nhìn lại (quá khứ lịch sử) mà thương thay cho nơi phồn hoa đô hội ấy.

3. Cổ đế kinh: Kinh đô cổ xưa. Triều Nguyễn, sau khi lấy Phú Xuân (Huế) làm kinh đô, đã đổi tên Thăng Long vốn là chốn đế đô của nhiều triều đại thành tỉnh Hà Nội.

4. Đế kỷ: Chốn đô thành vững bền của nhiều triều đại hùng mạnh.

5. Tiếng mục véo von: Đây có thể hiểu là tiếng sáo của trẻ mục đồng véo von.

6. Thuyền ngư: Thuyền chài, thuyền đánh cá.

7, 8. Nguyên văn chữ Hán: Cỏ hoa đà bao phen thay đổi theo năm tháng; Núi sông cười thầm trước sự hưng vong của bao triều đại đã từng diễn ra.

9. Đồ: Đồ họa, tranh vẽ, bức tranh.

10. Coi chừng: Áng chừng (muốn), coi bộ, có vẻ...

## NGUYỄN VĂN SIÊU (1799 - 1872) 阮文超

### 227. 遊西湖

今古已如此
江山亦識否
城池空歷歷
天水自悠悠
鍾聲醒浮世
樹色明残秋
且盡明朝興
同君蕩百憂

**Phiên âm:**

*DU TÂY HỒ*(1)

*Kim cổ dĩ như thử,*
*Giang sơn diệc thức phầu.*
*Thành trì không lịch lịch,*
*Thiên thủy tự du du.*
*Chung thanh tỉnh phù thế,*
*Thụ sắc minh tàn thu.*
*Thả tận minh triêu hứng,*
*Đồng quân đãng bách ưu.*

**Dịch nghĩa:**

DU NGOẠN CẢNH HỒ TÂY

Xưa, nay đã như thế rồi,
Núi sông liệu có biết hay không.
Thành trì trống không rành rành ra đó,
Trời, nước vẫn một vẻ mênh mang xa vời.
Tiếng chuông thức tỉnh đời trần thế nổi trôi,
Cây cỏ lộ rõ màu sắc lúc tàn thu.
Hãy tận hưởng cái hứng thú buổi sớm mai,
Cùng bạn ta gạt bỏ mọi nỗi ưu sầu.

*Chú thích:*

1. Bài thơ trong *Phương Đình mạn hứng thi tập*; ký hiệu A. 187, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

## 228. 珥河對月

沿流湮火千村迥
泊浦舟帆萬里通
牢落客情當岸北
徘徊片月自江東
雲低遠樹斜窺水
天闊高樓易到空
宇宙看來有至樂
宵深意味有誰同

**Phiên âm:**

*NHĨ HÀ ĐỐI NGUYỆT*

*Duyên lưu yên hỏa thiên thôn quýnh,*
*Bạc phố chu phàm vạn lý thông.*
*Lao lạc khách tình đương ngạn bắc,*
*Bồi hồi phiến nguyệt tự giang đông.*
*Vân đê viễn thụ tà khuy thủy,*
*Thiên khoát cao lâu dị táo không.*
*Vũ trụ khan lai hữu chí lạc,*
*Tiêu thâm ý vị hữu thùy đồng.*

**Dịch nghĩa:**

NGẮM TRĂNG TRÊN SÔNG NHỊ

Ven theo dòng sông, hàng ngàn thôn xóm xa xa, le lói ánh lửa đèn,
Thuyền đậu trong bến, buồm giương cao, sẵn sàng đi tới
nơi xa ngàn vạn dặm.
Phía bờ bắc, lòng khách đượm nỗi buồn hiu quạnh,

Mé đông dòng sông, vừng trăng lơ lửng trên bầu trời.
Mây thấp, rặng cây xa nghiêng dòm mặt nước,
Bầu trời rộng lớn, lâu đài vút cao tưởng chừng
dễ chạm tới chốn hư không.
Vũ trụ xem ra rất lý thú,
Ý vị này giữa đêm khuya khoắt, có ai cùng chia sẻ với ta chăng?

## 229. 弔城西螺山古戰場處

事已頹波不可支
西山崛起亦隨移
他人倚重難爲國
客地輕浮漫棄師
自此關河多有淚
從前草木盡生悲
可憐積骨無歸日
亂與群山一望危

**Phiên âm:**

*ĐIẾU THÀNH TÂY LOA SƠN*
*CỔ CHIẾN TRƯỜNG XỨ*

*Sự dĩ đôi ba bất khả chi,*
*Tây Sơn quật khởi diệc tùy di.*
*Tha nhân ỷ trọng nan vi quốc,*
*Khách địa khinh phù mạn khí si (sư).*
*Tự thử quan hà đa hữu lệ,*
*Tùng tiền thảo mộc tận sinh bi.*
*Khả lân tích cốt vô quy nhật,*
*Loạn dĩ quần sơn nhất vọng nguy.*

**Dịch nghĩa:**

VIẾNG THĂM LOA SƠN Ở PHÍA TÂY THÀNH
NƠI CHIẾN TRƯỜNG XƯA[1]

Sự nghiệp (nhà Lê) đã như sóng nước trôi xuôi,
không thể chống đỡ được nữa,

Tây Sơn nổi lên, cũng là sự biến chuyển theo thời thế.
Dựa vào người ngoài, khó mà lo được việc nước,(2)
Ở đất khách mà khinh suất lơ là, thì đúng là đem vứt quân đi.(3)
Núi sông từ đó rơi nhiều lệ,
Cỏ cây từ trước cùng ôm sầu.
Thương thay, những đám xương kia không có ngày về cố quốc,
Chất đống thành gò, lẫn với dải núi đồi.

*Chú thích:*

1. Loa Sơn: Tức gò Đống Đa, ở phía tây thành Hà Nội; nơi có nhiều quân sĩ nhà Thanh tử trận trong cuộc giao tranh với quân Tây Sơn. Tướng chỉ huy là Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử ở đây.

2, 3. Ý câu thơ nói đến việc vua Lê Chiêu Thống sang Trung Quốc cầu viện nhà Thanh, chống lại Tây Sơn; giành lại ngôi báu.

# VŨ TÔNG PHAN (1800 - 1851) 武宗番

## 昇龍懷鼓十四首
## THĂNG LONG HOÀI CỔ THẬP TỨ THỦ(1)

*Tập 14 bài thơ vịnh Thăng Long của Tiến sĩ Vũ Tông Phan (Như Phan, Vũ Phan), tự Hoán Phủ; các tên hiệu Hồng Châu, Đường Xuyên, Lỗ Am. Nguyên quán xã Hoa Đường, huyện Đường An xưa; nay là thôn Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Từ đầu thế kỷ XVIII gia đình ông di cư ra ở thôn Tự Tháp, phường Báo Thiên ven hồ Hoàn Kiếm, huyện Thọ Xương; nay là khu vực các phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Bính Tuất năm Minh Mệnh 7 (1826); làm Đốc học tỉnh Bắc Ninh.*

*Hiệu đính là Đông Tác Tiến sĩ điểm duyệt (tức Nguyễn Văn Lý, người thôn Trung Phụng, làng Đông Tác, huyện Thọ Xương, Hà Nội). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn năm Minh Mệnh 13 (1832); làm chức án sát tỉnh Bình Định.)*

### 230. 其一：題蘇江

(五言)

吾生之前分
不知幾年代
無數年代事
僅足半日話

而況千年來
塵事奚足怪
李闕羅城西
蘇江微一派
李闕古城立
羅城荒一帶
所聞者不見
所見者長在
與吾一別兮
幾何而千載
大故尚如斯
吾生何足慨

**Phiên âm:**

*KỲ NHẤT: ĐỀ TÔ GIANG*[(a)]

*(Ngũ ngôn)*

*Ngô sinh chi tiên hề,*
*Bất tri kỷ niên đại.*
*Vô sổ niên đại sự,*
*Cận túc bán nhật thoại.*
*Nhi huống thiên niên lai,*
*Trần sự hề túc quái.*
*Lý khuyết La Thành tây,*
*Tô giang vi nhất phái.*
*Lý khuyết cổ thành lập,*
*La Thành hoang nhất đái.*
*Sở văn giả bất kiến,*
*Sở kiến giả trường tại.*
*Dữ ngô nhất biệt hề,*

*Kỷ hà nhi thiên tải.*
*Đại cố thượng như tư,*
*Ngô sinh hà túc khái.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI MỘT: THƠ ĐỀ SÔNG TÔ LỊCH

(*Thể ngũ ngôn*)

Trước khi ta sinh ra,
Không biết đã qua bao năm, bao thời đại.
Vô số sự kiện của các đời,
Chỉ đủ nói trong nửa ngày.
Huống hồ nghìn năm trở lại đây,
Việc đời chẳng có gì là lạ.
Ở ngoài cung khuyết nhà Lý, phía tây La Thành,
Có nhánh nhỏ của sông Tô Lịch.
Ở thành cổ nơi cung khuyết nhà Lý,
Là một dải La Thành hoang vu.
Ta từng nghe nói nhưng chưa được thấy,
Nay đã thấy quả là trường tồn.
Đã cách xa với chúng ta,
Chẳng mấy chốc tròn nghìn năm.
Những việc lớn còn như vậy đó,
Cuộc đời ta sao đáng ngại lo.

**Dịch thơ:**

*Từ ta trở về trước,*
*Bao thời đại đổi thay.*
*Đại sự nhiều vô số,*
*Đủ bàn gần nửa ngày.*
*Huống hồ nghìn năm nay,*
*Sự đời bao chuyện lạ!*

*Tây cung Lý, thành La,*
*Có dòng sông Tô nhỏ.*
*Một dải La Thành cổ,*
*Dẫu hoang vu vẫn còn.*
*Trước chỉ nghe chưa thấy,*
*Nay thấy quả trường tồn.*
*Dù cùng ta cách biệt,*
*Mấy mà nghìn năm tròn.*
*Đại sự còn vậy đó,*
*Đời ta sao đáng lo?*

Vũ Thế Khôi *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ,* chép: "*Tây xuất Tô giang đăng Lý thành cảm tác*" (Ra sông Tô Lịch từ cửa phía tây lên thành nhà Lý cảm tác).

*Chú thích:*

1. *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ,* sách ký hiệu A.1666; Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

## 231. 其二：題廣布寺

(四絕)

輕輕孤掉上松樓
水色花香鳥韻幽
風浴移舟深樹下
一壺世界不知秋

**Phiên âm:**

*KỲ NHỊ: ĐỀ QUẢNG BỐ TỰ*[(a)]

*(Tứ tuyệt)*

*Khinh khinh cô trạo thướng tùng lâu,*
*Thủy sắc*[(b)] *hoa hương điểu vận u.*
*Phong dục di chu thâm thụ hạ,*
*Nhất hồ thế giới*[(c)] *bất tri thâu (thu).*

**Dịch nghĩa:**

BÀI HAI: THƠ ĐỀ CHÙA QUẢNG BÁ[(1)]

(*Thể tứ tuyệt*)

(Nguyên chú: *Chùa gần sát hồ Tây, có thể bơi thuyền vào.*)

Một mái chèo nhè nhẹ, đưa thuyền đến lầu thông,
Màu nước, hương hoa, tiếng u tịch của chim chóc.
Tắm gió mát, đẩy thuyền vào sâu dưới vòm lá cây,
Một khoảng thế giới riêng, chưa biết đến mùa thu.

**Dịch thơ:**

*Lái thuyền nhè nhẹ đến thăm chùa,*

*Sắc nước, hương hoa, chim hát đua.*
*Hóng mát, tắm bên vòm lá rậm,*
*Một bầu thế giới biết đâu thu!*

Hoa Bằng *dịch*

**Khảo dị:**

a. "*Đề Quảng Bố tự*" trong bản "*Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ*" chép: "*Phiếm chu Quảng Bá tự để Tây Hồ tự*" (Bơi thuyền từ chùa Quảng Bá đến chùa Tây Hồ).

b. "*Thủy sắc*": Trong bản *Lỗ Am di cảo thi tập,* chép là "*Vân ảnh*"

c. "*Thế giới*": Trong bản *Lỗ Am di cảo thi tập*, chép là "*Sơn thủy*."

*Chú thích:*

1. Quảng Bố tự: Tên chữ là Hoằng Ân tự. Ngôi chùa hiện nay ở phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội. Chùa do công chúa Ngọc Tú công đức, xây dựng năm 1628, đặt tên là Long Ân tự. Năm 1821, vua Minh Mệnh bắt đổi tên là Sùng Ân tự. Năm 1841, vua Thiệu Trị lại đổi thành tên ngày nay.

## 232. 其三：題西湖

（七言）

西寇南來黎北奔
樓船不復出都門
千年城郭蘆花岸
八葉宮臺水月村
旺氣悠悠牛渚窟
悲風夜夜杜鵑魂
抵今客思秋相接
賓主湖頭一洒樽

**Phiên âm:**

*KỲ TAM: ĐỀ TÂY HỒ*[(a)]

*(Thất ngôn)*

*Tây khấu Nam lai Lê Bắc bôn,*
*Lâu thuyền bất phục xuất đô môn.*
*Thiên niên thành quách lô hoa ngạn,*
*Bát diệp*[(b)] *cung đài thủy nguyệt thôn.*
*Vượng khí du du Ngưu chử quật,*
*Bi phong dạ dạ đỗ quyên hồn.*
*Để kim khách tứ*[(c)] *thu tương tiếp,*
*Tân chủ hồ đầu*[(d)] *nhất sái tôn.*[(e)]

**Dịch nghĩa:**

BÀI BA: THƠ ĐỀ TÂY HỒ

(*Thể thất ngôn*)

"Giặc" Tây Sơn từ phương Nam đến[(1)] vua Lê bỏ chạy sang đất Bắc,[(2)]
Thuyền rồng không còn ra cổng Kinh thành nữa.

Thành quách nghìn năm đã là một bờ lau sậy,
Cung điện của tám đời vua Lý xưa,[3] nay thành xóm chài.
Vượng khí man mác trong hang bãi Trâu vàng,[4]
Đêm đêm gió sầu thảm, gọi hồn chim cuốc cuốc.
Để nay thi tứ của khách chỉ có gió thu tiếp đón,
Trên hồ chủ khách cùng nâng chén rượu tẩy trần.

**Dịch thơ:**

*Sang Bắc, vua Lê chạy "giặc" Tây,*
*Thuyền rồng cửa khuyết vắng từ nay.*
*Ngàn năm thành quách bờ lau phủ,*
*Cung điện tám đời, xóm nước vây.*
*Vực cũ Trâu vàng còn khí vượng,*
*Đêm sầu hồn cuốc gọi ai đây.*
*Giờ riêng ngọn gió thu chào khách,*
*Khách chủ bên hồ chén rượn say.*

Đinh Tú *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Tây Hồ hoài cổ*" (Nhớ lại hồ Tây xưa).

b. "*Bát diệp*": Trong bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Dịch diệp*" (Nối đời).

c. "*Để kim khách tứ* ": Trong bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Khách lai thừa hứng*" (Khách cao hứng đến đây).

d. "*Hồ đâu*": Trong bản *Lỗ Am di cảo thi tập* chép: "*Hồ biên*" (Bên hồ).

e. "*Nhất sái tôn*": Trong bản *Lỗ Am di cảo thi tập* chép: "*Phiếm tửu tôn*" (Chén rượu chuyện phiếm).

*Chú thích:*

1. "Giặc" Tây Sơn: Chỉ việc quân Tây Sơn do Vũ Văn Nhậm chỉ huy ra Bắc lần thứ 2 (1787), diệt Nguyễn Hữu Chỉnh; sau đó Nguyễn Huệ lại ra giết Vũ Văn Nhậm. Sau này, triều Nguyễn diệt nhà Tây Sơn, trả thù khốc liệt những người đi theo Nguyễn Huệ, cũng như bất kỳ ai thương tiếc họ; buộc tất cả gọi Tây Sơn là "giặc."

2. Lê Bắc bôn: Chỉ việc Lê Chiêu Thống hoảng sợ trước thế lực của Tây Sơn, bỏ chạy sang Trung Hoa cầu viện, nhà Thanh đem quân sang xâm lược nước ta.

3. Bát diệp: Nghĩa là "Tám đời vua nhà Lý."

4. Ngưu chử quật: Chỉ bãi Kim Ngưu trong hồ Tây. Trên bản đồ Hà Nội (1873) còn vẽ rất rõ bãi này nổi trong hồ, khoảng đối diện với dốc Tam Đa, quận Ba Đình, Hà Nội.

## 233. 其四:題劍湖

(四絶)

寶氣當年隱斗牛
釣臺遺址伴漁舟
李陳千載繁花地
併作湖頭一樣秋

**Phiên âm:**

*KỲ TỨ: ĐỀ KIẾM HỒ*[a]

*(Tứ tuyệt)*

*Bảo khí đương niên ẩn*[b] *Đẩu Ngưu,*
*Điếu Đài di chỉ bạn ngư chu.*
*Lý Trần*[c] *thiên tải phồn hoa địa,*
*Tịnh tác hồ đầu*[d] *nhất dạng*[e] *thu.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI BỐN: THƠ ĐỀ Ở HỒ GƯƠM

(*Thể tứ tuyệt*)

Khí báu hiện đang náu sau sao Đẩu, sao Ngưu,[1]
Cái nền Đài câu[2] xưa nay làm bạn với dân chài.
Đất phồn hoa ngàn năm dưới triều Lý, triều Trần,
Tất cả chỉ như mùa thu trên hồ mà thôi.

**Dịch thơ:**

*Khí thiêng gươm báu núp ngang trời,*
*Nền cũ Đài câu bạn lưới chài.*
*Đây đất phồn hoa Trần, Lý trước,*
*Bên hồ nhuốm cả sắc thu rồi.*

Hoa Bằng *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Kiếm Hồ hoài cổ*" (Hoài cổ hồ Gươm).

b. Bản *Lỗ Am di cảo thi tập* chép: "*Táng*" (chôn).

c. Hai chữ "Lý, Trần": Tiến sĩ Đông Tác xin đổi là "Khả kham" (có thể).

d. Bản *Lỗ Am di cảo thi tập* chép: "Sơn" (núi).

e. Bản *Lỗ Am di cảo thi tập* chép: "Dạ" (đêm).

*Chú thích:*

1. Đẩu, Ngưu: Là tên hai vì sao sáng trong Nhị thập bát tú (28 vì sao) trên bầu trời.

2. Điếu Đài: Đài câu cá. Tương truyền do vua Lê Thánh Tông cho xây trên đảo Ngọc Sơn để ra đó câu cá nghỉ ngơi.

## 234. 其五: 題玉山

(五言)

提攜湖上月
坐卧水中央
斗氣深山寺
漁燈落客床
紛囂渾不到
形影偶相忘
欲問千年事
秋聲遶岸霜

**Phiên âm:**

*KỲ NGŨ: ĐỀ NGỌC SƠN*[(a)]

*(Ngũ ngôn)*

*Đề huề hồ thượng nguyệt,*
*Tọa ngọa thủy trung ương.*
*Đẩu khí thâm sơn tự,*
*Ngư đăng lạc khách sàng.*
*Phân hiêu hồn bất đáo,*
*Hình ảnh ngẫu*[(b)] *tương vương (vong).*
*Dục*[(c)] *vấn thiên niên sự,*
*Thu thanh nhiễu ngạn sương.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI NĂM: THƠ ĐỀ Ở NGỌC SƠN

(*Thể ngũ ngôn*)

Dắt díu nhau cùng chơi trăng trên hồ,
Ngồi nằm giữa vùng nước mênh mông.

Ngôi chùa ẩn sâu trong núi khí ngút sao Đẩu,[1]
Ánh đèn thuyền chài, lọt vào tận giường du khách.
Tiếng huyên náo chẳng vọng được tới đây,
Hình với bóng ngẫu nhiên cùng biến mất.
Muốn hỏi những sự việc ngàn năm qua,
Chỉ thấy tiếng thu quanh quất bờ hồ đẫm hơi sương.

**Dịch thơ:**

*Bên hồ dắt díu dưới trăng,*
*Nằm ngồi giữa đảo nước dăng quanh bờ.*
*Hơi cổ kiếm ngấm chùa xưa,*
*Bên giường du khách lơ mơ đèn chài.*
*Xôn xao mặc chuyện mái ngoài,*
*Nào hình nào bóng quên người quên ta.*
*Muốn ôn chuyện cũ đã qua,*
*Tiếng thu vấn vít là là bờ sương.*

Hoa Bằng *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Ngọc Sơn dạ túc*" (Qua đêm ở đền Ngọc Sơn).

b. "*Ngẫu*" (ngẫu nhiên); trong bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép chữ: "*các*" (mọi cái).

c. "*Dục*" (muốn); trong bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép chữ: "*nhược*" (ví bằng).

*Chú thích:*

1. Đẩu khí: Đẩu là sao Bắc Đẩu, thường dùng tượng trưng cho chí khí cao lớn của bậc trượng phu.

## 235. 其六:題二徵廟

(七言)

簪釵一擲事弓刀
國恥家讎誓不拋
奇氣千秋難妣妹
戰功終古唱英毫
鴻彪統紀何訪揭
馬革才猷未更高
世局幾回成敗夢
雄風猶沸喝江濤
(請改十三字)

**Phiên âm:**

*KỲ LỤC: ĐỀ NHỊ TRƯNG MIẾU*[a]

*(Thất ngôn)*

*Trâm thoa nhất trịch sự cung đao,*
*Quốc sỉ gia thù thệ bất phao.*
*Kỳ khí thiên thu nan tỷ muội,*
*Chiến công*[b] *chung cổ xướng anh hào.*
*Hồng Bàng thống kỷ hà phỏng yết,*[c]
*Mã cách tài du vị cánh cao.*[d]
*Thế cục kỷ hồi thành bại*[e] *mộng,*
*Hùng phong do phất Hát Giang đào.*
*(Thỉnh cải thập tam tự).*

**Dịch nghĩa:**

BÀI SÁU: THƠ ĐỀ Ở ĐỀN THỜ HAI BÀ TRƯNG[1]

(*Thể thất ngôn*)

Vứt trâm thoa đi, theo đòi nghiệp cung đao,
Thề không quên nỗi nhục của nước, và mối thù nhà.
Khí phách ngàn thu, khó ai hơn hai chị em Bà,
Chiến công từ xa xưa vẫn cổ vũ anh hùng hào kiệt.
Rường mối Hồng Bàng[2] há chẳng gánh vác đó sao?
Da ngựa[3] bọc thây cùng tài thao lược, chẳng cao hơn được.
Đã bao lần thế cuộc thành bại đều chỉ là giấc mộng,[4]
Gió hào hùng vẫn cuộn sục sôi nước sông Hát Giang.[5]

*(Tiến sĩ Đông Tác xin sửa lại 13 chữ).*

**Dịch thơ:**

*Ném bỏ trâm thoa luyện kiếm cung,*
*Thù nhà nợ nước nặng bên lòng.*
*Ngàn thu khí phách em như chị,*
*Muôn thuở anh hào ngợi chiến công.*
*Rường mối Hồng Bàng đà gánh vác,*
*Lược thao họ Mã há so cùng.*
*Sự đời thành bại xem như mộng,*
*Sông Hát còn sôi sục sóng hùng.*

Đinh Tú và Vũ Thế Khôi *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Quá Trưng Nhị miếu*" (Qua đền Hai Bà Trưng).

Tiến sĩ Đông Tác xin sửa lại 13 chữ sau:

b. "*Chiến công*": Sửa là "*Nghĩa thanh*" 義聲 (tiếng tăm về nghĩa khí).

c. "*Hà phỏng yết*": Sửa là "*Ê thùy trú*" 娞誰著 (ấy ai làm).

d. *"Mã cách tài du vị cánh sao"*: Sửa là *"Đồng trụ huân danh giác thục cao"* 銅柱勳名覺熱高 (Cột đồng, tiếng thơm biết cái gì cao).

e. *"Thành bại"*: Sửa là *"Hồn thị"* 渾是 (đều là).

*Chú thích:*

1. Đền thờ Hai Bà Trưng hiện ở phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại sân đền còn bia đá lớn dựng trên lưng rùa; văn bia đề: *Trưng Vương sự tích bi ký,* do Vũ Tông Phan soạn tháng 5 năm 1840; nội dung chính trùng với ý bài thơ.

2. Hồng Bàng: Theo truyền thuyết là họ đầu tiên làm vua ở đất Việt; vua thứ nhất là Kinh Dương Vương.

3. Da ngựa: Lấy điển tích trong câu "Mã cách lý thi", Mã Viện danh tướng nhà Hán thường nói: "Kẻ đại trượng phu nên chết giữa trận, lấy da ngựa bọc thây", để tỏ cái dũng khí của kẻ nam nhi.

4. Thành bại đều chỉ là giấc mộng: Ý chỉ việc làm của kẻ trượng phu không thể lấy việc thành bại mà bàn luận. Nên việc làm của Hai Bà càng không nên lấy thành bại mà bàn luận.

5. Hát Giang: Là chỗ sông Đáy gặp sông Hồng ở Hát Môn (nay thuộc huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Hai Bà bị Mã Viện đánh bại, nhảy xuống sông tự vẫn ở đây. Nay vẫn còn đền thờ Hai Bà.

## 236. 其七:提前黎南郊壇

(七言)

蕭蕭故壘遠郊原
陳跡悠悠向熟論
孤殿何年親暑雨 (布局大妥)
殘碑此度立黃昏
龍邊幾度秋風隴
輦道衣冠暮鳥村 (駿馬可用)
此事問人人莫解
問天天亦更何言
(批八字)

**Phiên âm:**

*KỲ THẤT: ĐỀ TIỀN LÊ NAM GIAO ĐÀN*[a]

*(Thất ngôn)*

*Tiêu tiêu cố lũy nhiễu Giao nguyên,*
*Trần tích du du hướng thục luyên (luân).*
*Cô điện hà niên thân thử vũ, (Bố cục đại thỏa)*
*Tàn bi thử độ*[b] *lập hoàng hôn.*
*Long Biên kỷ độ*[c] *thu phong lũng,*
*Liễn đạo y quan mộ điểu thôn. (Tuấn mã khả dụng)*
*Thử*[d] *sự vấn nhân nhân mạc giải,*
*Vấn thiên thiên diệc cánh hà ngôn.*
*(Phê bát tự)*

**Dịch nghĩa:**

BÀI BẢY: THƠ ĐỀ Ở ĐÀN NAM GIAO TRIỀU TIỀN LÊ

(*Thể thất ngôn*)

(Tiểu dẫn: *Đàn Nam Giao ở cửa Ô Cầu Dền, phía nam thành Thăng Long, là nơi tế trời đất thời Lý - Trần. Sau thời Lê Trung hưng, Tây vương Trịnh Tạc (1657 - 1682) đã cho xây dựng điện Chiêu Sự vào mùa thu năm Quý Mão niên hiệu Cảnh Trị (1663) ở đàn. Nay chỉ còn chính điện, cột kèo vẫn như mới, mà hiên mái sụt mất quá nửa. Trước chính điện có con ly đá nằm giữa bụi gai, nơi chim sẻ làm tổ. Bên ngoài là ruộng lúa kê bao quanh; trâu bò thả rông trên nền điện. Xa xa còn thấy một tấm bia đá vỡ đứng trơ trọi, xóm thôn ở xen lẫn. (Tôi) cảm khái mà làm bài thơ này.)*

Lũy cũ tiêu điều, vây quanh di chỉ đàn Nam Giao,

Dấu xưa xa cách vời vợi, biết bàn luận cùng ai?

Ngôi điện trơ trọi bao năm phơi mưa nắng, (Bố cục thỏa đáng).

Tấm bia vỡ nát, hồi này vẫn đứng trơ trong bóng hoàng hôn.

Thành Long Biên bấy lâu chỉ là gò đất dưới gió thu,

Mũ áo, đường xe vua đi, nay là xóm chim chiều về đậu. (Câu thơ tao nhã đáng khen).

Sự đời này có hỏi người, thì người cũng chẳng cắt nghĩa nổi,

Mà hỏi trời, thì trời nào có nói gì đâu!

*(Tiến sĩ Đông Tác bình thêm tám chữ).*

**Dịch thơ:**

*Tiêu điều lũy cổ gió thu bay,*
*Vời vợi dấu xưa ai biết đây?*
*Điện vắng trơ vơ mưa nắng dãi,*
*Bia mòn nhập nhoạng bóng chiều vây.*
*Long Biên thành quách heo may thổi,*
*Mũ áo, ngựa xe cát bụi đầy.*

*Thế sự hỏi người, người khó giải,*
*Hỏi trời, trời nào nói cho hay!*

Vũ Thế Khôi *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Thu tịch phỏng Lê tiền Nam Giao đàn*" (Chiều thu thăm đàn Nam Giao triều Lê trước).

b. "*Thử độ*" (Hồi này), trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là: "*Kỷ độ*" (Mấy độ).

c. "*Kỷ độ*" (Mấy hồi); trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là "*Kỳ điện*".

d. "*Thử*" (này), trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là "*thế*" (đời).

## 237. 其八:題國子監

(七言)

賢關新廢大南畿
舊監樓牆半已非
吾道一元桑鹵局
此邦偏管廢興機
百王影響寒鴉樹
千古風聲篆鳥碑
重憶少年遊學處
闡猷堂下訪斜暉
請改:名蹟檯頭肄北圻

**Phiên âm:**

*KỲ BÁT: ĐỀ QUỐC TỬ GIÁM*[(a)]

*(Thất ngôn)*

*Hiền quan tân xưởngĐại Nam kỳ,*[(b)]
*Cựu Giám lâu tường bán dĩ phi.*[(c)]
*Ngô đạo nhất nguyên*[(d)] *tang lỗ cục,*
*Thử bang thiên quản phế hưng ky.*
*Bách vương ảnh hưởng hàn nha thụ,*
*Thiên cổ phong thanh triện điểu bi.*
*Trùng ức thiếu niên du học xứ,*
*Xiển Do đường hạ phỏng tà huy.*
*Thỉnh cải: Danh tích đài đâu tứ Bắc Kỳ.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI TÁM: THƠ ĐỀ Ở QUỐC TỬ GIÁM

(*Thể thất ngôn*)

(Nguyên chú: *Trường Giám xây ở phía tây nam kinh thành Thăng Long; được dựng từ đời vua thứ 3 nhà Lý, đến đời Trần - Lê đều lần lượt sửa chữa. Nay thành nơi chứa các đồ tế khí bằng đồng, thiếc; xung quanh cây cối mọc um tùm. Trước điện Khải Thánh có đặt 4 nghiên mực đá, đứng thẳng hàng; tương truyền là nơi giảng tập của nhà Quốc học; lầu trước Chính điện được quan Tổng trấn thành đâu thời Gia Long (1802) treo biển đề: "Khuê Văn các" (Gác Khuê Văn). Phía trước cửa Tam quan xưa treo biển đề: "Thái Học môn" (Cửa Thái Học); năm Tân Dậu triều Minh Mệnh 2 (1821) đổi là "Văn Miếu môn" (Cửa Văn Miếu). Phía trước gác Khuê Văn có giếng nước, hai bên phải trái đều trổ bậc thang. Bên cạnh là hai dãy bia Tiến sĩ dựng đối diện nhau từ đời Hồng Đức trở về trước không được rõ, trong số đó có tấm bia đã nứt vỡ, có tấm bỏ nằm lăn lóc dưới gốc cây. Bên trái Trường Giám có Xiển Do đường, dùng làm lớp học. Đầu đời vua Minh Mệnh (1820), tôi còn nhỏ có du học ở đây. Nay trường bị bỏ thành ruộng vườn.)*

Cửa hiền tài mới được xây dựng ở kinh thành nước Đại Nam, (1)
Lầu tường Quốc Tử Giám cũ đã điêu tàn quá nửa.
Đạo ta là duy nhất mặc cuộc bể dâu thay đổi,
Riêng đất nước này gắn bó với thời cơ thịnh suy.
Ảnh hưởng của trăm đời đế vương, chỉ còn là hàng cây
cổ thụ quạ đậu,(2)
Tiếng tăm từ nghìn xưa, chỉ thấy trên những tấm bia rạn nứt
như in dấu chân chim.
Nhớ lại nơi từng du học thời niên thiếu(3),
Nay dưới mái giảng đường Xiển Do(4) Đề Quốc Tử Giám Bắc Kỳ),
chỉ còn biết hỏi bóng chiều tà.
(Xin đổi tên bài thơ là: Đề Quốc Tử Giám Bắc Kỳ)

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Quan cựu Quốc Tử Giám*" (Thăm Quốc Tử Giám xưa).

b. Tiến sĩ Đông Tác xin sửa lại 7 chữ câu đầu là: "*Danh tích đài đầu dị Bắc Kỳ*" (Một danh tích hàng đầu về học tập ở Bắc Kỳ).

c. *"Xưởng"* (cái xưởng, nhà không vách); trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là chữ: *"Yếm"* (Chán - ghét).

d. *"Nhất nguyên"* (duy nhất); trong bản *Lỗ Am di cảo thi tập* là chữ *"Bất duyên"* (không liên quan).

*Chú thích:*

1. Theo *Đại Nam thực lục:* Vua Gia Long sau khi lên ngôi năm 1802, lấy Huế làm Kinh đô; đã cho xây dựng Quốc Tử Giám ở đó. Đến năm 1821, vua Minh Mạng cho dựng lại bề thế hơn ở vị trí mới, và để khẳng định nước Đại Nam chỉ có một trường Quốc học ở kinh đô, bắt hạ biển *"Thái Học môn"* ở Quốc Tử Giám Bắc Thành (Hà Nội), chuyển hết sách vở về Huế.

2. Nha thụ: Cổ thụ quạ đậu. Trong Quốc Tử Giám có nhiều cây muỗm cổ thụ mà loài quạ lại rất thích ăn, nên mùa quả chúng thường tụ tập rất đông. Vì vậy, người Pháp từng gọi là *"Chùa quạ"* (Pagode des corbaux).

3. Vũ Tông Phan sau khi đỗ Tú tài, mới nhập môn học bác ruột họ mẹ là Tiến sĩ Phạm Quý Thích; ông từng nhận chức Đốc học Bắc Thành, có giảng tập cho sĩ tử ở Học Xá của tỉnh thành, trước kia ở bên trái Quốc Tử Giám. Năm 1821, vua Minh Mệnh bắt dời đến khu vực Sinh Từ. Trên bản đồ Hà Nội - 1873 còn vẽ dinh Đốc học với trường học này.

4. *Xiển Do đường:* Tên giảng đường. Có nghĩa là *"Làm rõ đạo lý"*. Xưa giảng đường của Quốc Tử Giám thường được đặt các tên chữ. Ví dụ như Lê Quý Đôn trong sách *Kiến văn tiểu lục*, có nhắc đến *"Minh Luân đường"* (Làm sáng luân thường).

## 238. 其九: 江上曉歸

(五言)

戍樓殘夜月
古渡一江秋
燈下人辭席
霜前客喚舟
疏鍾相送步(改: 敲遠寺)
落葉忽粘鬚(改: 下汀洲)
歸去城門路
煙波夢未休

**Phiên âm:**

*KỲ CỬU: GIANG THƯỢNG HIỂU QUY*

*(Ngũ ngôn)*

*Thú lâu tàn dạ nguyệt*
*Cổ độ nhất giang thu.*
*Đăng hạ nhân từ tịch,*
*Sương tiền khách hoán chu.*
*Sơ chung tương tống bộ, (cải: Khao viễn tự)*
*Lạc diệp hốt niêm tu. (cải: Hạ đình châu)*
*Quy khứ thành môn lộ,*
*Yên ba mộng vị hưu.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI CHÍN: BUỔI SỚM MAI TRÊN SÔNG RA VỀ

(*Thể ngũ ngôn*)

Trăng đêm đã tàn trên mái lầu canh,
Bên bến xưa một dòng sông thu.

Dưới ánh đèn, có người dời chiếu đứng dậy,
Trong sương có tiếng khách gọi đò.
Tiếng chuông mong manh điểm như tiễn bước chân,
(đổi: gõ cửa chùa)
Một chiếc lá bỗng rụng vướng vào râu. (đổi: xuống bãi sông)
Ra về thẳng theo lối cửa thành,
Mộng khói sóng vẫn chưa thôi.

**Dịch thơ:**

*Lầu canh trăng gác mái,*
*Bến cũ một dòng thu.*
*Đêm nhạt, người dời chiếu,*
*Sương tan, khách gọi đò.*
*Chuông ngân đưa bước chậm,*
*Lá rụng vướng râu thưa.*
*Đường cổng thành về lại,*
*Sóng vỗ hồn vẫn mơ.*

Vũ Thế Khôi *dịch*

## 239. 其十: 訪一柱僧

(七言)

參禪客自橫頭訪
訪景僧從香積來
邂逅有緣成舊識
笑談不覺契疏懷
湖頭水月三秋寺
城下風流一夕齋
酩酊燈前相對榻
半生愁夢醒輪迴

**Phiên âm:**

*KỲ THẬP: PHỎNG NHẤT TRỤ TĂNG*[a]

*(Thất ngôn)*

*Tham thiền khách tự hoành đầu phỏng,*
*Phỏng*[b] *cảnh tăng tòng Hương Tích lai.*
*Giải cấu hữu duyên thành cựu thức,*
*Tiếu đàm bất giác khế sơ hoài.*
*Hồ đầu thủy nguyệt tam thu tự,*
*Thành hạ phong lưu nhất tịch trai.*
*Mình đỉnh đăng tiền tương đối tháp,*
*Bán sinh sầu*[c] *mộng tỉnh luân hồi.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI MƯỜI: THĂM SƯ CHÙA MỘT CỘT[1]

(*Thể thất ngôn*)

Khách đến thăm chùa, ngay từ đầu cổng đã xin hỏi,
Hỏi thăm vị sư từ chùa Hương Tích về đây.

Tình cờ gặp gỡ nhưng sẵn duyên với nhau, nên như quen biết cũ,
Vui cười bàn luận, bất giác nhớ lại chỗ thân sơ.
Trăng nước đầu hồ, ở chùa đã ba thu,
Khách phong lưu dưới thành tới chay tịnh một đêm.
Trước đèn say túy lúy, bên nhau trên chiếc phản hẹp,
Nửa đời những mộng mị sầu não, giờ mới hiểu ra lẽ luân hồi.

**Khảo dị:**

a. "*Phỏng Nhất Trụ tăng*" (Thăm nhà sư chùa Một Cột); trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là: "*Vãng Trường Tín tự trụ trì yêu túc*" (Đến chùa Trường Tín, sư trụ trì mời ngủ lại).

b. "*Phỏng*" (hỏi); trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép là "*Huyên*" (thứ cỏ có hoa và lá đều ăn được).

c. "*Sầu*" (buồn); trong *Lỗ Am di cảo thi tập* chép chữ: "*Tọa*" (ngồi).

*Chú thích:*

1. Theo sách *Vũ Tông Phan - Tuyển tập thơ văn*; H. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2001; tr.139 có chú giải:

Sách *Lãm cổ ký*: Căn cứ các chữ kỵ húy soạn khoảng trước năm 1874, viết: Chùa ở phía đông nam Kinh thành, tại thôn Vọng Đức, tên cũ là Cung Trường Tín; có hồ Thủy Quân bao bọc ba mặt, vốn là nơi du ngoạn của vua Lê, chúa Trịnh. Đầu thời Gia Long, nhân có nền bỏ hoang, đã cho lập Cục Đúc tiền ở đây; sau đó lại cho di về khu cổng thành. Dân trong thôn thỉnh sư về dựng chùa, gọi là chùa Trường Tín. Sư ông vốn là sư chùa Hương Tích ở Hoài An, qua lại trông coi... Sau thiêu xác ở đây.

Sách *Hà Nội đầu thế kỷ XX* của Nguyễn Ngọc Mẫn lại cho biết: Hồi cuối thế kỷ XVIII, Trường Tín là tên một bến đò ngang sang làng Thổ Khối bên Gia Lâm *(Vị trí khoảng ngã tư các phố Phan Huy Chú - Hàng Chuối ngày nay)*, nơi Hải Thượng Lãn Ông từng xuống đò đi thăm quê nội ở Liêu Xá, huyện Đường Hào *(nay là huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên)*. Tại đầu phố Hàng Chuối hiện còn di tích ngôi chùa đó.

Như vậy, chùa Trường Tín không thể là chùa Một Cột ở quận Ba Đình ngày nay. Phải chăng ngôi chùa này thời ấy có ba mặt nước vây, cũng dựng trên một cái cột, nên *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* mới đề bài thơ là *Phỏng Nhất Trụ tăng?*

## 240. 其十一: 城下偶興

(四絶)

四望樓檯轉夢中
水軍湖上荻蘆風
城頭秋雨雞更坐
回首繁花一夢宮

**Phiên âm:**

*KỲ THẬP NHẤT: THÀNH HẠ NGẪU HỨNG*[a]

(*Tứ tuyệt*)

*Tứ vọng*[b] *lâu đài chuyển mộng trung,*[c]
*Thủy Quân hồ thượng địch lô phong.*
*Thành đầu thu vũ kê canh*[d] *tọa,*
*Hồi thủ phồn hoa nhất mộng cung.*[e]

**Dịch nghĩa:**

BÀI MƯỜI MỘT: DƯỚI THÀNH NGẪU HỨNG

*(Thể tứ tuyệt)*

Nhìn bốn phía, lâu đài đã chuyển vào trong giấc mộng,
Trên hồ Thủy Quân[1] gió thổi đám lau sậy.
Mưa thu rơi trên thành, gà gáy cầm canh[2] trên chòi,
Quay đầu nhìn đất phồn hoa, chỉ thấy một giấc mộng trong cung cấm.

**Dịch thơ:**

*Lâu đài bốn phía vào mơ,*
*Thủy Quân gợn sóng gió lùa sậy lau.*

*Mưa thu gà gáy thành sầu,*
*Phồn hoa giấc mộng quay đầu bâng khuâng.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Hoạn lữ nhàn vịnh,* chép: "*Thành đông dạ khởi ngẫu hứng*" (Đêm thức giấc ở phía đông thành ngẫu hứng).

b. "*Tứ vọng*" (nhìn ra bốn phía); bản *Hoạn lữ nhàn vịnh* chép: "*Trường Tín lâu đài* " (Lâu đài Trường Tín).

c. "*Mộng trung*" (trong mộng); bản *Hoạn Lữ nhàn vịnh* chép: "*Phạn cung*" (cung Phật).

d. "*Canh*" (giờ), bản *Hoạn lữ nhàn vịnh* chép là: "*thanh*" (tiếng).

e. "*Cung*" (cung điện), bản *Hoạn lữ nhàn vịnh* chép là: "*trung*" (trong).

*Chú thích:*

1. Thủy Quân: Tương truyền trên hồ Gươm vào thời Trần, do việc Trần Hưng Đạo khi chuẩn bị chống quân xâm lược Nguyên - Mông, từng cho đóng thuyền chiến và luyện tập thủy quân trên hồ này.

Hồ lúc ấy to rộng hơn nhiều và trên bản đồ vẽ thời Hồng Đức (1490) còn thấy thông với sông Hồng. Hồ Thủy Quân được Vũ Tông Phan nhắc đến trong bài thơ này chỉ là phần hồ phía nam, mà chúa Trịnh sau khi cho đắp con đường từ cửa Phủ Chúa ra bến Tây Long (khoảng từ đầu phố Quang Trung - Hàng Khay - Tràng Tiền - Nhà hát Lớn), chia đôi hồ Hoàn Kiếm, đặt tên là Hữu Vọng. Còn hồ Tả Vọng (hồ phía bắc Hoàn Kiếm ngày nay). Trên bản đồ Hà Nội - 1873 vẫn còn ghi bằng chữ Hán "Thủy Quân hồ."

2. Kê canh tọa: Lấy điển ở câu thơ của Ôn Đình Quân đời Đường: *"Kê thanh mao điếm nguyệt"* (Tiếng gà gáy trên điếm cỏ đêm trăng).

## 241. 其十二:題日昭寺

(四絶)

李氏皈禪每認眞
隨緣有地即爲神
明空覺海今何在
誰辨前身與後身

**Phiên âm:**

*KỲ THẬP NHỊ: ĐỀ NHẬT CHIÊU TỰ*[a]

*(Tứ tuyệt)*

*Lý thị quy thiền mỗi nhận chân,*
*Tùy duyên hữu địa tức vi thần.*
*Minh Không, Giác Hải kim hà tại,*
*Thùy biện tiền thân dữ hậu thân.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI MƯỜI HAI: THƠ ĐỀ CHÙA NHẬT CHIÊU[1]

(*Thể tứ tuyệt*)

Họ Lý theo thiền, cốt hiểu thế nào là "chân,"
Làm theo duyên phận, lại có đất nên trở thành thần.
Thiền sư Minh Không, Giác Hải nay ở đâu nhỉ?[2]
Nào biết ai làm kiếp trước với kiếp sau.

**Khảo dị:**

a. Bài thơ này không có trong các bản *Lỗ Am đi cảo thi tập, Kiếm Hồ thập vịnh, Hoạn lữ nhàn vịnh.* Trong tập *Tự tháp Vũ tiên sinh thi tập* có ghi lời chú, *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ sao lại,* như sau: "Chùa thờ vua Lý

Thần Tông. Tương truyền vua là Từ Đạo Hạnh hóa ở Sài Sơn đầu thai. Nay ở ấp cạnh chùa có lăng của Đức Thánh Phụ ở kiếp trước, ở xã Dịch Vọng có đền thờ Đức Thánh Mẫu."

- Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Yên Lãng trại Nhật Chiêu tự phỏng cổ*" (Thăm chùa Nhật Chiêu ở trại Yên Lãng hỏi chuyện xưa).

*Chú thích:*

1. Chùa Nhật Chiêu: Tức chùa Láng, tên chữ sau đổi là Chiêu Thiền tự. Tương truyền chùa được dựng từ thời Lý, trùng tu nhiều lần, lần sửa sau tôn tạo lớn hơn lần trước. Theo văn bia ở đây, có đợt trùng tu năm 1656. Diện mạo hiện nay của chùa là do lần tu sửa vào đời Tự Đức (giữa thế kỷ XIX). Ngoài thờ Phật, chùa còn thờ Từ Đạo Hạnh và kiếp sau của ông là vua Lý Thần Tông. Theo truyền thuyết: Từ Đạo Hạnh hóa trên núi Sài Sơn (tức chùa Thầy, nơi thờ chính); rồi đầu thai nhằm giúp Lý Nhân Tông có người nối ngôi. Truyền thuyết này được chép trong *Lĩnh Nam chích quái* (thế kỷ XV).

2. Minh Không (? - 1141): Là Quốc sư đời Lý, bạn đồng đạo với Từ Đạo Hạnh. Theo truyền thuyết, ông đã chữa cho Lý Thần Tông (kiếp sau của Từ Đạo Hạnh) khỏi bệnh hóa hổ. Nhà vua cho dựng dinh thự ở Kinh đô tại vị trí chùa Lý Quốc Sư, nay là phố cùng tên thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Giác Hải: Là một thiền sư đời Lý, nổi tiếng giỏi phép thuật thần thông, được vua Lý Nhân Tông, cha của Lý Thần Tông, đối đãi như bậc thầy.

## 242. 其十三:題朔天王影祠

(四絶)

搆難如殷自運初
武寧一陣唱天書
朔山何日騰空去
赫濯猶傳浪泊墟

**Phiên âm:**

*KỲ THẬP TAM: ĐỀ SÓC THIÊN VƯƠNG ẢNH TỪ*[(a)]

*(Tứ tuyệt)*

*Cấu nạn như ân tự vận sơ,*
*Vũ Ninh nhất trận xướng thiên thư.*
*Sóc Sơn hà nhật đằng không khứ,*
*Hách trạc do truyền Lãng Bạc khư.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI MƯỜI BA: ĐỀ THƠ Ở ĐỀN SÓC THIÊN VƯƠNG(1)

(*Thể tứ tuyệt*)

Giặc Ân gây nạn binh đao từ thuở ta mới lập nước,

Nhưng chỉ một trận Vũ Ninh(2) cũng đã được xướng lên ở sách trên thiên đình.

Rồi một ngày nào về núi Sóc(3) bay lên trời đi mất,

Uy danh hiển hách còn truyền ở miền gò đầm Lãng Bạc.(4)

**Dịch thơ:**

*Giặc Ân gây hấn ngàn xưa,*
*Vũ Ninh một trận thiên thư chép rành.*

*Sóc Sơn bay tận trời xanh,*
*Bên hồ Lãng Bạc uy danh truyền đời.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Minh Tảo Sóc Thiên Vương ảnh từ*" (Đền Sóc Thiên Vương ở Minh Tảo).

*Chú thích:*

1. Đền Sóc Thiên Vương: Ở làng Minh Tảo, trước có tên là Minh Cảo, tên nôm là làng Cáo. Sau vì kỵ húy vua Gia Long đổi là Minh Tảo; nay là Xuân Tảo, thuộc phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

2. Vũ Ninh: Vùng Võ Giàng thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh ngày nay. Tương truyền ở gần núi Trâu Sơn, tại đây Phù Đổng Thiên Vương đã đánh tan giặc Ân.

3. Sóc Sơn: Còn gọi là núi Vệ Linh ở huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Có đền thờ Thánh Gióng, tức Sóc Thiên Vương.

4. Lãng Bạc: Đây chỉ hồ Tây, nơi có dấu tích Thánh Gióng còn thờ ở làng Cáo, gần hồ Tây hiện nay.

## 243. 其十四:題棟多

(四絶)

借問請來得一亡
解教逆賊轉爲強
龍城此地伊何似
清使重來動一場

**Phiên âm:**

*KỲ THẬP TỨ: ĐỀ ĐỐNG ĐA*[a]

*(Tứ tuyệt)*

*Tá vấn thỉnh lai đắc nhất vong, (vương)*
*Giải giao nghịch tặc chuyển vi cường.*
*Long thành thử địa y hà tự,*
*Thanh sứ trùng lai động nhất trường.*

**Dịch nghĩa:**

BÀI MƯỜI BỐN: THƠ ĐỀ Ở GÒ ĐỐNG ĐA[1]

(*Thể tứ tuyệt*)

Xin hỏi ai mời đến đây để mà bị bại vong,
Lại còn giúp cho "nghịch tặc" trở nên hùng cường.[2]
Miền đất này ở Thăng Long vẫn y vậy sao?
Mà sứ thần nhà Mãn Thanh trở lại nơi đây vẫn kinh hoàng.

**Dịch thơ:**

*Xin hỏi ai mời chuốc bại vong,*
*Bày cho "nghịch tặc" thành anh hùng.*

*Long thành đất ấy y xưa vậy,*
*Sứ Mãn qua đây vẫn hãi hùng.*

Vũ Thế Khôi *dịch*

**Khảo dị:**

a. Bản *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ* chép: "*Quá Đống Đa*" (Qua Gò Đống Đa).

*Chú thích:*

1. Gò Đống Đa: Ở phía tây nam thành Thăng Long xưa; nay ở trên phố Tây Sơn và Đặng Tiến Đông, quận đống Đa, Hà Nội.

2. *Nghịch tặc chuyển vi cường:* Chỉ Tây Sơn Nguyễn Huệ.

# 龍邊愛花會詩

# LONG BIÊN ÁI HOA HỘI THI[1]

**(Thơ hội yêu hoa ở Long Biên)**

(Long Biên ái hoa hội *là một tập thơ gồm 282 bài, trong đó có 181 bài viết bằng chữ Nôm, còn lại viết bằng chữ Hán. Tập thơ do đông đảo những người yêu hoa ở Hà Nội sáng tác dự thi nhân hội thi hoa, cây cảnh vào những năm đầu thế kỷ XX).*

## THƠ CHỮ HÁN

### 244. 其一

紅碧江山日月長
愛花一日會群芳
金鈴錦帳聯情思
珠樹瓊英入點粧
不負讒心鍾秀氣
徐看桂海播名香
花城峰長連球價
共識東軍作主張

**Phiên âm:**

*KỲ NHẤT*

*Hồng bích giang sơn nhật nguyệt trường,*
*Ái hoa nhất nhật hội quần phương.*
*Kim linh, cẩm trướng liên tình tứ,*
*Châu thụ quỳnh anh nhập điểm trang.*
*Bất phụ tài tâm chung tú khí,*
*Từ khan quế hải bá danh hương.*
*Hoa thành phong trưởng liên cầu giá,*
*Cộng thức Đông quân tác chủ trương.*

(*Nguyễn Tùng Niên, Vĩnh Yên tỉnh Đông Phó xã)*

**Dịch nghĩa:**

BÀI 1

Non sông tươi đẹp trường tồn mãi cùng trời đất,
Hội Ái hoa[2] là ngày hội của các loài hoa.
Nào là hoa kim linh, hoa cẩm trướng cùng nhau tình tứ,
Nào là cây ngọc cây quỳnh đều được chăm sóc điểm trang.
Tấm lòng chẳng thẹn với sự chung đúc của tú khí,
Thong thả ngắm xem bạt ngàn cây cỏ ngào ngạt hương thơm.
Hoa mọc đầy trong thành phố thật là giá trị.
Tất cả đều rõ chủ trương và việc làm của Đông quân.[3]

*(Nguyễn Tùng Niên ở xã Đông Phó, tỉnh Vĩnh Yên).*

*Chú thích:*

1. *Long Biên ái hoa hội,* sách ký hiệu AB. 497; hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. Ái hoa hội: Là hội thi hoa cây cảnh do Hoàng Cao Khải tổ chức hằng năm tại làng Thái Hà, gần gò Đống Đa; nay trên phố Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội.

3. Đông quân: Chúa xuân, ở đây ý chỉ Hoàng Cao Khải người chủ trương tổ chức hội thi hoa này.

## 245. 其二

肺腑春歸興會奢
愛花名會會名花
西澭東澗通佳氣
宋艷班香萃一家
蘭菊美人遙拭目
澧沅公子近停車
深情無限誰知否
此後騰芳此重芽

**Phiên âm:**

BÀI 2

*Phế phủ xuân quy hứng hội xa,*
*Ái hoa danh hội hội danh hoa.*
*Tây chiền đông giản thông giai khí,*
*Tống diễm ban hương tụy nhất gia.*
*Lan cúc mỹ nhân dao thức mục,*
*Lễ, Nguyên công tử cận đình xa.*
*Thâm tình vô hạn thùy tri phủ,*
*Thử hậu đằng phương thử trụng nha.*

*(Nguyễn Đạm, Vĩnh Yên tỉnh Đông Phó xã)*

**Dịch nghĩa:**

Xuân về phơi phới, lòng tràn hào hứng mở hội vui,
Tên hội "Ái hoa," tức hội của các loài hoa nổi tiếng.
Phía tây là chợ, phía đông là khe suối khí lành thông suốt,
Hoa đẹp nước Tống chia bậc hương sắc một nhà.(1)

Hoa lan, hoa cúc như người đẹp long lanh đưa mắt,
Khiến các bậc công tử nơi sông Lễ, sông Nguyên[2] phải dừng xe lại gần.
Tình sâu vô hạn ai nào biết được?
Hội hoa đầu tiên này sẽ lưu lại tiếng thơm mãi mãi.

(*Nguyễn Đạm, xã Đông Phó, tỉnh Vĩnh Yên)*

*Chú thích:*

1. Nguyên văn là "Tống diễm" (Hoa đẹp nước Tống): Ý chỉ sách *Vương Phả* của đời Tống có ghi chép các loài hoa đẹp.

2. Sông Lễ, sông Nguyên: Là hai con sông đẹp ở Trung Quốc, ý chỉ các bậc công tử ở đó rất sành chơi hoa đẹp.

## 246. 其三

別占螺山曙色分
龍邊初暑集花群
帝都城外春娛目
王譜香中信有聞
紅杏青連朋嫩座
蒼松綠竹友如雲
這般光景春無限
勝賞從今日日新
黃高臺

**Phiên âm:**

BÀI 3

*Biệt chiếm Loa Sơn thụ sắc phân,*
*Long Biên sơ thử tập hoa quần.*
*Đế đô thành ngoại xuân ngu mục,*
*Vương phả hương trung tín hữu văn.*
*Hồng hạnh thanh liên bằng nộn tọa,*
*Thương tùng lục trúc hữu như vân.*
*Giá ban quang cảnh xuân vô hạn,*
*Thắng thưởng tòng kim nhật nhật tân.*

*(Hoàng Cao Đài)*

**Dịch nghĩa:**

Núi Loa Sơn[1] mới buổi sớm đã chiếm hết ánh sáng ban mai,
Cả thành Long Biên chan hòa ánh nắng, trăm hoa đã tụ hội đông đủ.
Mùa xuân bên ngoài đế đô, thật là đẹp đẽ,

Mọi loài hoa quý ghi trong sách phả(2) đều có mặt ở đây.
Hoa hạnh thắm, hoa sen xanh cùng nhau nảy lộc đâm chồi,
Tùng xanh trúc biếc bầu bạn cùng mây xanh.
Quang cảnh này thật đúng là mùa xuân vĩnh cửu,
Được thưởng thức cảnh đẹp này như thấy ngày nào cũng mới mẻ.

(*Hoàng Cao Đài*)

*Chú thích:*

1. Loa Sơn: Tức gò Đống Đa, có tên gọi xưa là Loa Sơn.

2. Sách phả: Tức cuốn *Vương Phả*, một cuốn sách ghi chép tên các loài hoa có từ thời Tống, Trung Hoa xưa.

# THƠ CHỮ NÔM

## 247. 其四

斤賖嚃啃會腰花
𤴬縣環龍邑泰河
悗景𠬠𩯀迻景吏
腰花核貴妥花罨
李桃噉啨年清歷
松菊森慍𩯁淡䔧
𩙌珥腠蘇鍾没趣
周蓮陶菊恪恪麻
（羅溪北社范鑄成）

BÀI 4

Gần xa nức tiếng hội yêu hoa,
Giữa huyện Hoàn Long, ấp Thái Hà.
Mến cảnh người sang đưa cảnh lại,
Yêu hoa cây quý nở hoa ra.
Lý đào hăm hở màu thanh lịch,
Tùng cúc sum vui vẻ rậm rà.
Gió Nhị trăng Tô chung một thú,
Chu sen đào cúc khác khác mà.

(*Phạm Trú Thành, ở xã La Khê Bắc*)

## 248. 其五

河城自古哨吨賒
㕣固相公会愛花
挂蘭薋嚦環龍縣
松菊擲擅邑泰河
桃晚咂唭蜂蝦吝
梅舖芃橤燕鶯歌
行排花景罥務甖
仙境蓬莱整恪廗
(中奉社舊里長安文弘)

BÀI 5

Hà thành tự cổ tiếng đồn xa,
Nay có tướng công Hội Ái hoa.
Quế lan thơm nức Hoàn Long huyện,
Tùng cúc đua chen ấp Thái Hà.
Đào mỉm miệng cười ong bướm lẩn,
Mai phô bông nhụy yến oanh ca.
Hàng bày hoa cảnh tứ mùa đủ,
Tiên cảnh Bồng Lai chẳng khác mà.

*(An Văn Hoằng, Cựu Lý trưởng xã Trung Phụng)*

## 249. 其六

奴嚻竜城哨吪賒
文人森合爲腰花
嶺濃爭妄鋪芃𦼔
廊泰摲愜恋檜𣘃
渃碧嶺𩅀添槐趣
梗鐄葉玉淡年坡
罘方錦綉收𠔮沒
返節春尼些余些
(阮懷寧行鉢河内)

BÀI 6

Nô nức Long thành tiếng dậy xa,
Văn nhân sum họp vị yêu hoa.
Non Nùng tranh nở phô bông thắm,
Làng Thái đua vui luyến cội già.
Nước biếc non xanh thêm vẻ thú,
Cành vàng lá ngọc đượm màu pha.
Bốn phương cẩm tú thu vào một,
Gặp tiết xuân này ta mấy ta.

*(Nguyễn Hoài Ninh, phố Hàng Bát, Hà Nội)*

## 250. 其七

窖窖蘇铖景美苗
𩁱𢒂𥄭𧡊拱𢹣𢬣
梗䏾䄂渃𧍆蓮𠖤
𦲿𩙋頭𡽫鳳摺𢬭
霜熩沕紵肝節操
雪坡強燣骨清高
㧡𢯏𥋷几𠄩𢬥造
遣客瞸春仍拉𢬭

BÀI 7

Khéo khéo tô nên cảnh mỹ miều,
Trăm ngàn người thấy cũng nâng niu.
Cành trăng mặt nước rồng lên xuống,
Lá gió đầu non phượng dập dìu.
Sương xói vẫn bền gan tiết tháo,
Tuyết pha càng tỏ cốt thanh cao.
Sửa sang khen kẻ hai tay tạo,
Khiến khách ngắm xuân những dập dìu.

## 251. 其八

拱情拱景拱天然
拱趣青山拱碧泉
腇𪓐𪓐腇𡾊赤壁
鞊花花鞊洞桃源
蜂𩵦瞎想茄高士
雁揲矓如景地仙
趣意易模模易半
拯𥝢只沒具陳團
(阮番朗西就河東)

BÀI 8

Cũng tình cũng cảnh, cũng thiên nhiên,
Cũng thú thanh sơn, cũng bích tuyền.
Trăng gió, gió trăng non Xích Bích,
Cỏ hoa, hoa cỏ động Đào Nguyên.
Rồng nằm nhác tưởng nhà Cao Sĩ,
Nhạn múa coi như cảnh địa tiên.
Thú ấy dễ mua, mua dễ bán,
Chẳng riêng chỉ một cụ Trần Đoàn.

*(Nguyễn Phan Lãng, Tây Tựu, Hà Đông)*

# 昇龍十九詠
# THĂNG LONG THẬP CỬU VỊNH(1)

## 252. 城旗掛旭

咫尺威顏凜不違
北門鎖鑰控三陲
風翻豹毒間舒卷
彩絢烏輪共陸離
四塞塵清刁斗靜
五軍令肅帶裘宜
鈴衙餘暇敦詩禮
翹仰詩城樹帛旗

**Phiên âm:**

*THÀNH KỲ QUẢI HÚC*

*Chỉ xích uy nhan lẫm bất vi,*
*Bắc môn tỏa thược khống tam thùy.*
*Phong phiên báo độc nhàn thư quyển,*
*Thái huyền ô luân cộng lục ly.*
*Tứ tái trần thanh điêu đẩu tĩnh,*

*Ngũ quân lệnh túc đới cừu nghi.*
*Linh nha dư hạ đôn Thi Lễ,*
*Kiêu ngưỡng thi thành thụ bạch kỳ.*

**Dịch nghĩa:**

CỜ THÀNH TREO TRONG NẮNG SỚM

Từng thước, tấc lá cờ trông rất oai hùng lẫm liệt,
Treo ở cửa Bắc như khống chế ba mặt biên thùy.
Gió lay động lá cờ lớn bay phấp phới,
Rạng rỡ hòa cùng vầng ô lúc tỏ lúc mờ.
Bốn mặt biên tái thanh bình, lặng tiếng chiêng lệnh.
Năm quân mệnh lệnh nghiêm túc, xứng đáng mang áo cừu,
Sau việc quan nhàn nhã, lo tới Thi Thư, Lễ Nhạc,
Ngẩng nhìn thấy tòa thành đẹp như thơ có cắm lá cờ lụa.

Chú thích:

1. *Thăng Long thập cửu vịnh* (Mười chín bài thơ vịnh Hà Nội), ký hiệu A.1640 hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sách *Châu phong văn tập*, ký hiệu A.2126 cho rằng 19 bài thơ vịnh Hà Nội này là do Phạm Đình Hổ sáng tác.

## 253. 樓古傳更

隆城城上峙層樓
更古聲聲天外流
鶴表孤高江月夜
鼉蓬響徹海山秋
冷催漏箭重關肅
细協 霜刁萬籟幽
周宰心思兼旦夜
籤傳幾度聽雞籌

**Phiên âm:**

*LÂU CỔ TRUYỀN CANH*

*Long thành thành thượng trĩ tằng lâu,*
*Canh cổ thanh thanh thiên ngoại lưu.*
*Hạc biểu cô cao giang nguyệt dạ,*
*Đà bồng hưởng triệt hải sơn thu.*
*Lãnh thôi lậu tiễn trùng quan túc,*
*Tế hiệp sương điêu vạn lại u.*
*Chu tể tâm tư kiêm đán dạ,*
*Tiêm truyền kỷ độ thính kê trù.*

**Dịch nghĩa:**

TRỐNG LẦU BÁO SANG CANH

Trên thành Thăng Long có tầng tháp canh cao sừng sững,
Tiếng trống cầm canh từng tiếng một vang ra tận bên ngoài.
Cột hạc biểu vút cao dưới ánh trăng đêm bàng bạc trên sông,

Tiếng trống đà vang khắp mùa thu, đến tận núi cao biển cả.
Lạnh lẽo thôi thúc thời gian trôi lớp lớp cửa quan nghiêm ngặt,
Xen lẫn cả tiếng chiêng đêm như vạn tiếng sáo trời tịch mịch.
Làm việc quanh năm, suy nghĩ suốt đêm ngày,
Mấy lần nhìn thẻ đồng hồ chuyển động, nghe tiếng gà cầm canh.

## 254. 五門覲日

皇宮待漏向朝敦
旭日撞撞上五門
青鎖玲瓏開曙色
紅輪照耀到宸垣
光穿劍佩薰同滿
彩絢旌旗瑞色溫
午影飛花歸院晚
依依清夢遶禪園

**Phiên âm:**

*NGŨ MÔN CẬN NHẬT*

*Hoàng cung đãi lậu hướng triêu đôn,*
*Húc nhật chàng chàng thượng Ngũ Môn.*
*Thanh tỏa linh lung khai thụ sắc,*
*Hồng luân chiếu diệu đáo thần viên.*
*Quang xuyên kiếm bội huân đồng mãn,*
*Thái huyến tinh kỳ thụy sắc ôn.*
*Ngọ ảnh phi hoa quy viện vãn,*
*Y y thanh mộng nhiễu thiền viên.*

**Dịch nghĩa:**

NGÀY HẦU VUA Ở CỬA ĐOAN MÔN

Hoàng cung lúc canh tàn đợi trời sáng,
Mặt trời từ từ mọc là lúc bước lên cửa Ngũ Môn.
Bầu trời xanh long lanh mở ra ánh nắng sớm,

Mặt trời hồng chiếu rọi đến chỗ cung vua.
Ánh sáng soi vào cây kiếm đeo sưởi ấm tất cả,
Cờ bay rực rỡ sắc màu đẹp tươi tỏa hơi ấm.
Bóng nắng giờ Ngọ hoa bay, trở về nhà muộn,
Êm đềm giấc mộng trong lành quanh vườn thiền.

## 255. 一柱樓霞

百尺亭亭百雉西
飛橋一簇架紅霓
玉擎蓮滔凌波配
石蘸雲章反照低
縹緲如煙含舍利
離披有色耀玻璃
數聲霜杵寒雲合
應共禪僧半院棲

**Phiên âm:**

*NHẤT TRỤ THÊ HÀ*

*Bách xích đình đình bách trĩ tê (tây),*
*Phi kiều nhất thốc giá hồng nghê.*
*Ngọc kình liên diễm lăng ba phối,*
*Thạch trám vân chương phản chiếu đê.*
*Phiếu diểu như yên hàm xá lỵ,*
*Ly phi hữu sắc diệu pha lê.*
*Sở thanh sương chử hàn vân hợp,*
*Ưng cộng thiền tăng bán viện thê.*

**Dịch nghĩa:**

RÁNG CHIỀU VƯƠNG CHÙA MỘT CỘT

Trăm thước sừng sững, ở phía tây cao trăm trĩ,
Đỏ như chiếc cầu vồng bay vắt ngang chùa.
Như cột ngọc chống trời cùng đóa sen đẹp vượt trên sóng nước,

Hơi nóng của đá phả vào mây phản chiếu xuống thấp.
Bồng bềnh tựa khói ngậm xá lỵ trong tháp chùa,[1]
Tản ra trùm khắp màu rực rỡ như pha lê.
Vài tiếng chày trong sương quyện vào mây lạnh,
Cùng với thiền tăng ráng vương nửa cửa chùa.

*Chú thích:*

1. Xá lỵ: Tro xương Phật để trong tháp chùa.

## 256. 看山曙色

五門曉角散輕寒
粉堞城邊出看山
初日纔離滄海外
層巒遙現翠屏間
靈郎水漾秋波影
陽德碑呈古篆斑
拈筆擬添摩詰畫
歸來辰作卧遊看

**Phiên âm:**

*KHÁN SƠN THỰ SẮC*

*Ngũ Môn hiểu giốc tán khinh hàn,*
*Phấn điệp thành biên xuất Khán Sơn.*
*Sơ nhật tài ly thương hải ngoại,*
*Tầng loan giao hiện thúy bình gian.*
*Linh Lang thủy dạng thu ba ảnh,*
*Dương Đức bi trình cổ triện ban.*
*Niêm bút nghĩ thiêm Ma Cật họa*
*Quy lai thời tác ngọa du khan.*

**Dịch nghĩa:**

NẮNG SỚM TRÊN NÚI KHÁN SƠN

Tiếng tù và buổi sớm ở cửa Ngũ Môn lan tỏa
trong không gian chớm lạnh,
Con bướm màu rực rỡ bên thành bay ra Khán Sơn.

Mặt trời mọc là lúc vừa mới dời khỏi biển xanh ngoài xa,
Vách đá xa hiện ra như chiếc bình phong biếc.
Bóng nước Linh Lang như sóng nước mùa thu,
Tấm bia Dương Đức hiện rõ từng hàng chữ triện cổ.
Cầm cây bút nghĩ mình nếu có thêm tài vẽ của Ma Cật,
Thì lúc trở về, nằm mà xem chẳng cần đi du lãm.

## 257. 西湖浣絲

桑柘連林景物熙
湖邊女伴浣新絲
輕盈水面涵秋際
裊娜津頭澼絖辰
掬月多情歸去晚
採蓮有曲度來遲
三綵願頌周南化
尚御新栽繡滾衣

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ CÁN TY*

*Tang giá liên lâm cảnh vật hy,*
*Hồ biên nữ bạn cán tân ti.*
*Khinh doanh thủy diện hàm thu tế,*
*Niểu nã tân đầu tịch khoáng thì*
*Cúc nguyệt đa tình quy khứ vãn.*
*"Thái liên" hữu khúc độ lai trì.*
*Tam thúc nguyện tụng Chu Nam hóa,*
*Thượng ngự tân tài tú cổn y.*

**Dịch nghĩa:**

GIẶT TƠ Ở HỒ TÂY

Bãi dâu gai liền với rừng, cảnh vật thật đẹp đẽ,
Bên hồ các cô gái xúm xít giặt tơ mới.
Bàn tay khua trên mặt nước nhè nhẹ như chứa cả trời thu,
Dáng mềm mại thướt tha nơi bến nước lúc giũ tơ

Các cô gái đa tình giặt tơ như vốc vầng trăng trở về muộn,
Hát khúc "hái sen" lúc đến cũng không vội vàng.
Giặt ba nén tơ muốn đọc thơ "Chu"[1] để được
thấm nhuần giáo hóa,
Có lụa mới may áo gấm, áo cổn hoa dâng nhà vua.

*Chú thích:*

1. Tên thơ trong *Kinh Thi,* một trong năm kinh điển của nhà nho.

## 258. 武觀敲月

戍樓角斷月初高
武觀人歸月正交
剝啄戛聲和玉筍
熹微雲影轉松梢
會心興逸寒鍾韻
得句吟聯宿鳥巢
鑪冶幸逢宗匠手
好從馬上打推敲

**Phiên âm:**

*VŨ QUÁN XAO NGUYỆT*

*Thú lâu giốc đoạn nguyệt sơ cao,*
*Vũ Quán nhân quy nguyệt chính giao.*
*Bác trác kiết thanh hòa ngọc duẩn,*
*Hy vi vân ảnh chuyển tùng sao.*
*Hội tâm hứng dật hàn chung vận,*
*Đắc cú ngâm xiên túc điểu sào.*
*Lô dã hạnh phùng tông tượng thủ,*
*Hiếu tòng mã thượng đả thôi xao.*

**Dịch nghĩa:**

BÓNG TRĂNG LAY ĐỘNG TRÊN QUÁN TRẤN VÕ

Trên chòi canh tiếng tù và vừa dứt, vầng trăng mới mọc,
Ở quán Trấn Vũ mọi người trở về đúng lúc trăng lên.
Tiếng gõ cửa nhè nhẹ, vang lên cùng với
ngón tay búp măng ngọc,

Bóng mây mờ chuyển trên ngọn cây tùng.
Hứng thú trong lòng hòa theo tiếng chuông lạnh,
Được câu thơ hay ngâm nga lúc chim chiều về tổ,
Đúc luyện trong lò, may gặp được tay thợ giỏi,
Muốn theo trên yên ngựa lựa chọn câu thơ.(1)

*Chú thích:*

1. Giả Đảo đời Đường vừa cưỡi lừa vừa làm thơ. Ngâm đến câu có chữ *thôi* (đẩy) lại muốn sửa thành chữ *xao* (gõ). Tình cờ gặp Hàn Dũ, Dũ bảo dùng chữ *xao* hay hơn. Về sau, người ta dùng từ "thôi xao" để chỉ việc gọt giũa văn chương.

## 259. 梅驛醉翁

萬年綏輯屢年豊
梅驛逍遙有醉翁
雪釀郵亭浮盞綠
春添鶴髮照顏紅
忠賢花草關情處
貞烈煙波放眼中
黎朗在辰無別事
歌衢辰效古人豊

**Phiên âm:**

*MAI DỊCH TÚY ÔNG*

*Vạn niên tuy tập lũ niên phong,*
*Mai Dịch tiêu dao hữu túy ông.*
*Tuyết nhưỡng bưu đình phù trản lục,*
*Xuân thiêm hạc phát chiếu nhan hồng.*
*Trung hiền hoa thảo quan tình xứ,*
*Trinh liệt yên ba phóng nhãn trung.*
*Lê lãng tại thời vô biệt sự,*
*Ca cù thời hiệu cổ nhân phong.*

**Dịch nghĩa:**

ÔNG SAY Ở MAI DỊCH

Vạn năm bình yên, thêm mấy năm được mùa,
Có ông say đi ngao du ở Mai Dịch.
Rượu trong vắt lại có chén ngọc trên tay nơi trạm dịch,

Mùa xuân về thêm tóc bạc ánh lên sắc mặt hồng hào.
Bậc trung hiền tình cảm gắn bó đến cả loài hoa cỏ,
Người trung liệt, lòng nhớ quê thể hiện trong ánh mắt.
Bậc già cả sáng suốt thì không làm những việc mờ ám,
Hát vang ngoài đường theo phong tục cổ nhân.

## 260. 槐街歌女

雲鬢花顏金鳳釵
戩歌聲溢市槐街
燕詠新鶵函樓靜
鶯轉嬌聲入拍佳
自是昇平宜鼓吹
時開軺蕩售生涯
門前車馬知多少
或問朱郎來未來

**Phiên âm:**

*HÒE NHAI CA NỮ*

*Vân mấn hoa nhan kim phượng thoa,*
*Tiêm ca thanh dật thị Hòe Nhai.*
*Yến vịnh tân anh hàm lâu tĩnh,*
*Oanh chuyển kiều thanh nhập phách giai.*
*Tự thị thăng bình nghi cổ xúy,*
*Thời khai thiều đãng thụ sinh nhai.*
*Môn tiền xa mã tri đa thiểu,*
*Hoặc vấn Chu Lang lai vị lai.*

**Dịch nghĩa:**

CÔ CA NỮ PHỐ HÒE NHAI

Búi tóc mây, mặt đẹp như hoa cài trâm phượng vàng,
Tiếng hát vút cao, âm thanh dìu dặt chợ Hòe Nhai.
Như tiếng chim yến ngân vang bao trùm căn lầu yên tĩnh,
Tựa chim oanh hòa tiếng hót véo von trong nhịp phách du dương.
Đây là nơi cổ vũ cho cuộc sống thanh bình thịnh vượng,

Luôn mở cửa đón các xe sứ giả phóng đãng để kiếm kế sinh nhai.
Trước cửa không biết bao nhiêu xe ngựa,
Có người hỏi Chu Lang[1] đã đến hay chưa.

*Chú thích:*

1. Lang: Tức Chu Du (175 - 210), tự là Công Cẩn; người đất Thư, Lư Giang thời Tam Quốc. Năm Kiến An 13, Chu Du cùng Lưu Bị hợp binh đánh Tào Tháo đại thắng ở Xích Bích. Chu Du lấy em là Tiểu Kiều; Tôn Sách lấy chị là Đại Kiều.

## 261. 鉢場籠煙

隔岸葱葱接混茫
青煙起處是陶場
一元消息化爐巧
萬象悠楊天路長
時有雄風飛漠漠
若教正色補滄滄
春來好伴山雲配
洒作甘霖洽萬方

**Phiên âm:**

*BÁT TRÀNG LUNG YÊN*

*Cách ngạn thông thông tiếp hỗn mang,*
*Thanh yên khởi xứ thị đào tràng.*
*Nhất nguyên tiêu tức hóa lô xảo,*
*Vạn tượng du dương thiên lộ trường.*
*Thời hữu hùng phong phi mạc mạc,*
*Nhược giao chính sắc bổ thương thương.*
*Xuân lai hảo bạn sơn vân phối,*
*Sái tác cam lâm hiệp vạn phương.*

**Dịch nghĩa:**

KHÓI PHỦ LÀNG BÁT TRÀNG

Bên kia sông, chỗ cây cối um tùm tiếp liền với trời,
Chỗ khói xanh bốc lên, là làng gốm Bát Tràng đó.
"Nhất nguyên"(1) tuần hoàn, lò tạo hóa thật khéo,
Vạn hiện tượng kéo dài, con đường thiên lý còn xa.

Có lúc như gió mạnh, bay lên mờ mịt
Lại như đưa ra màu sắc chính để thêm màu xanh cho trời.
Xuân đến, mây núi làm bạn với nhau thật hài hòa,
Làm ra mưa ngọt tưới khắp muôn phương.

*Chú thích:*

1. Nhất nguyên: Là triết lý cổ xưa cho bản thể của vũ trụ là duy nhất, tức là một chứ không phải là hai.

## 262. 羅城竹塢

竹塢依依匝大羅
青捎綠葉鬱婆娑
地鄰膏雨滋培厚
節挾風霜拂掠多
萬户春陰長不改
九霄青籟暗相和
昇平郊野風光好
時放新枝戛玉珂

**Phiên âm:**

*LA THÀNH TRÚC Ổ*

*Trúc ổ y y táp Đại La,*
*Thanh sao lục diệp uất bà sa.*
*Địa lân cao vũ tư bồi hậu,*
*Tiết hiệp phong sương phất lược đa.*
*Vạn hộ xuân âm trường bất cải,*
*Cửu tiêu thanh lại ám tương hòa.*
*Thăng bình giao dã phong quang hảo,*
*Thời phóng tân chi giáp ngọc kha.*

**Dịch nghĩa:**

LŨY TRE THÀNH ĐẠI LA

Lũy tre dằng dặc bao quanh thành Đại La,
Lá xanh ngọn cây xào xạc tươi tốt um tùm.
Đất tốt mưa tưới tắm, bồi đắp đầy đặn,

Đốt tre gội phong sương, chịu nhiều gió táp.
Vạn nhà được trùm trong bóng mát mùa xuân
mãi mãi chẳng thay đổi,
Tiếng sáo hòa cùng trên chín tầng trời.
Cánh đồng ngoại thành thật tươi đẹp thanh bình,
Là lúc nảy ra những chồi măng tua tủa như ngọc.

## 263. 網市花田

風光彷彿美人斜
蘇歷江邊八九家
總爲夾城饒雨露
故留勝地貯繁花
豊壹日麗紅樓畝
縈圃香留綠滿涯
上苑近傳梅信早
春風得意好看花

**Phiên âm:**

*VÕNG THỊ HOA ĐIỀN*

*Phong quang phảng phất mỹ nhân tà,*
*Tô Lịch giang biên bát cửu gia.*
*Tổng vị giáp thành nhiêu vũ lộ,*
*Cố lưu thắng địa trữ phồn hoa.*
*Phong đài nhật lệ hồng thê mẫu,*
*Nhụy phố hương lưu lục mãn nha.*
*Thượng uyển cận truyền mai tín tảo,*
*Xuân phong đắc ý hảo khán hoa.*

**Dịch nghĩa:**

RUỘNG HOA LÀNG VÕNG THỊ

Rạng rỡ trông phảng phất như người đẹp nằm nghiêng,
Có khoảng tám, chín nhà nằm bên bờ Tô Lịch.
Toàn là mảnh đất giáp thành, được mưa móc tưới tắm,

Nên là nơi thắng địa lưu giữ sự phồn hoa.
Đài cao đẹp đẽ, mặt trời hồng đậu trên những mẫu ruộng hoa,
Hương thơm nhụy hoa lưu lại khắp vườn cây xanh.
Như vườn thượng uyển hoa mai báo tin xuân đến sớm,
Gió xuân đắc ý được ngắm hoa đẹp.

## 264. 鎮國歸僧

水遶叢林澈底澄
斜楊影裏見歸僧
煙波一徑初回錫
雲售重樓正上燈
沙界回頭生慧覺
物華隨處晤眞乘
寒鍾聲送入禪院
身在人天第幾層

**Phiên âm:**

*TRẤN QUỐC QUY TĂNG*

*Thủy nhiễu tùng lâm triệt để trừng,*
*Tà dương ảnh lý kiến quy tăng.*
*Yên ba nhất kính sơ hồi tích,*
*Vân thụ trùng lâu chính thượng đăng.*
*Sa giới hồi đầu sinh tuệ giác,*
*Vật hoa tùy xứ ngộ chân thừa.*
*Hàn chung thanh tống nhập thiền viện,*
*Thân tại nhân thiên đệ kỷ tằng.*

**Dịch nghĩa:**

NHÀ SƯ TRỞ VỀ CHÙA TRẤN QUỐC

Sóng nước bao quanh chùa, nước trong thấu đáy,
Trong bóng trời chiều, thấy nhà sư trở về.
Trên con đường khói sóng mới thấy tích trượng quay lại,

Những tòa lầu trong rặng cây cao, đúng lúc lên đèn.
Quay đầu về thế giới trần tục, vẫn nảy sinh tuệ giác,
Nơi xứ sở phồn hoa vẫn giác ngộ chân thừa.
Tiếng chuông lạnh lẽo vang vào trong thiền viện,
Thân ở tầng thứ mấy của cõi người, cõi trời?

## 265. 傘嶺雲間

珥水西通洮水津
岩嶢傘嶺紲層雲
青攢隱約三峰現
翠涌依稀一色分
地控雄藩遙拱挹
秋深佳氣共氤氳
昇隆城上憑高坐
措擬娃皇練補紋

**Phiên âm:**

*TẢN LĨNH VÂN GIAN*

*Nhĩ thủy tây thông Thao thủy tân,*
*Thiêu nghiêu Tản Lĩnh xuất tằng vân.*
*Thanh toàn ẩn ước tam phong hiện,*
*Thúy dũng y hy nhất sắc phân.*
*Địa khống hùng phiên dao củng ấp,*
*Thu thâm giai khí cộng nhân uân.*
*Thăng Long thành thượng bằng cao tọa,*
*Thố nghĩ Oa Hoàng luyện bổ văn.*

**Dịch nghĩa:**

NÚI TẢN TRONG MÂY

Sông Nhĩ Hà về phía tây thông bến sông Thao,
Núi Tản Viên cao chót vót ló ra trong tầng mây.
Ba đỉnh núi thấp thoáng ẩn hiện trong làn mây xanh,
Một màu xanh biếc bồng bềnh hiện ra lờ mờ.

Đất đai khống chế phên giậu ôm ấp lấy kinh kỳ từ xa,
Cuối thu khí tốt lành cùng hun đúc.
Ngồi tựa vào chỗ cao trên thành Thăng Long,
Ngỡ bà Nữ Oa[1] luyện đá tạo nên hoa văn của núi.

*Chú thích:*

1. Nữ Oa: Là nhân vật nữ trong huyền thoại của Trung Hoa cổ đại. Bà có tài đội đá vá trời.

## 266. 昭渚漁竿

臨流誰道子非魚
衰笠扁舟信所如
鰲弭香隨筌泩放
龍絲影弄木棉疏
掉回清潦看消長
絲泛閒雲共卷舒
喚酒歸來秋夜靜
滄浪一曲月明初

**Phiên âm:**

*CHIÊU CHỬ NGƯ CAN*

*Lâm lưu thùy đạo tử phi ngư,*
*Xuy lạp biển chu tín sở như.*
*Ngao nhĩ hương tùy thuyên chỉ phóng,*
*Long ty ảnh lộng mộc miên sơ.*
*Trạo hồi thanh lạo khan tiêu trưởng,*
*Ty phiếm nhàn vân cộng quyển thư.*
*Hoán tửu quy lai thu dạ tĩnh,*
*"Thương lang" nhất khúc nguyệt minh sơ.*

**Dịch nghĩa:**

CÂU CÁ Ở BẾN NHẬT CHIÊU

Đứng trên dòng sông ai nói rằng anh không phải là cá?(1)
Mặc áo tơi đội nón trên chiếc thuyền con thật thoải mái.
Mùi mồi câu thơm phức từ trong chiếc đó bay ra,

Bóng sợi dây câu như râu rồng đùa trên mặt sóng
in hình cây hoa gạo thưa.
Khua mái chèo trở về nhìn làn nước xanh lúc đầy lúc vơi,
Sợi tơ câu và áng mây nhàn cùng nhởn nhơ chơi.
Gọi mua rượu đem về lúc đêm thu tĩnh mịch,(2)
lúc vầng trăng mới hé.

Chú thích:

1. Câu thơ này lấy từ điển tích "Anh không phải là cá làm sao biết được cá vui" trong thiên "Tiêu Dao du" sách *Trang Tử - Nam hoa kinh.*

2. *Thương Lang:* Tên một khúc ca cổ, nói bóng về cách ứng xử ở đời (Nước trong thì giặt dải mũ - Nước đục thì rửa chân).

## 267. 竹帛錢爐

順天惟聖握乾符
鼓鑄場門竹帛湖
近水陶鏞開大冶
範金規矩出洪爐
裕民深得開輕重
利用泉通化有無
騷客莫愁囊裹泣
十千時向酒家沽

**Phiên âm:**

*TRÚC BẠCH TIỀN LÔ*

*Thuận Thiên duy thánh ác Càn Phù,*
*Cổ chú trường môn Trúc Bạch hồ.*
*Cận thủy đào dung khai đại dã,*
*Phạm kim quy củ xuất hồng lô.*
*Dụ dân thâm đắc khai khinh trọng,*
*Lợi dụng tuyền thông hóa hữu vô.*
*Tao khách mạc sầu nang lý chỉ,*
*Thập thiên thời hướng tửu gia cô.*

**Dịch nghĩa:**

LÒ ĐÚC TIỀN Ở HỒ TRÚC BẠCH

Thuận theo lẽ trời chỉ bậc Thánh nắm giữ việc đúc tiền,(1)
Cổ xúy mở lò đúc ở hồ Trúc Bạch.
Gần nước nặn khuôn mở ra việc đúc tiền,

Đồng tiền vàng theo quy cách, từ trong lò lớn mà ra.
Làm cho dân sung túc biết rõ giàu nghèo,
Lợi dụng dòng nước hóa từ không thành tiền.
Tao nhân mặc khách đừng buồn vì phải móc túi,
Có mười ngàn hãy đến quán mua rượu.

*Chú thích:*

1. Câu này có thể hiểu niên hiệu Thuận Thiên (Lý Thái Tổ) và niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo (Lý Thái Tông), nhà vua cho đúc tiền.

## 268. 玄觀竹籤

盪魔遺跡聳觀瞻
玄觀傳聞有竹籤
妙契龍蛇文隱約
神留篠蕩綠廉籤
盈虛默會天然數
叩答全憑主道拈
大易吉凶元一理
卜居何事莫傍占

**Phiên âm:**

*HUYỀN QUÁN TRÚC TIÊM*

*Đãng ma di tích tủng quan chiêm,*
*Huyền quán truyền văn hữu trúc tiêm.*
*Diệu khế long xà văn ẩm ước,*
*Thần lưu điểu đãng lục liêm tiêm.*
*Doanh hư mặc hội thiên nhiên số,*
*Khấu đáp toàn bằng chủ đạo niêm.*
*Đại Dịch cát hung nguyên nhất lý,*
*Bốc cư hà sự mạc bàng chiêm.*

**Dịch nghĩa:**

THẺ BÓI Ở QUÁN HUYỀN VŨ[1]

Vết tích trừ ma ngẩng lên trông thấy cao vút,
Quán Huyền Vũ nghe nói có thẻ tre để xem bói.
Văn tự huyền diệu thấp thoáng nét chữ hình rồng rắn,

Thần lưu trong những chiếc thẻ tre xanh để trừ bỏ hiềm nghi.
Đầy vơi ngầm hiểu do số trời định,
Hỏi đáp toàn nhờ vào người xóc thẻ.
Quẻ bói Dịch, cát hay hung đều dựa vào một lý,
Bói toán trên đời việc gì chớ có xem ở chỗ khác.

*Chú thích:*

1. Huyền Vũ: Xem chú thích số 1, bài 55.

## 269. 蘇江飲馬

城東一帶是蘇江
飲馬歸來氣未降
臨水聯翻迴玉勒
吸泉飄逸縱青鬃
負圖勝事徵麟角
誇澗良才見駿厖
藻鎮若非逢伯樂
監車誰爲辨無雙

**Phiên âm:**

*TỔ GIANG ẨM MÃ*

*Thành đông nhất đái thị Tô giang,*
*Ẩm mã quy lai khí vị hàng.*
*Lâm thủy liên phiên hồi ngọc lặc,*
*Hấp tuyền phiêu dật túng thanh tông.*
*Phụ đô thắng sự trưng lân giốc,*
*Khoa giản lương tài kiến tuấn bàng.*
*Tảo trấn nhược phi phùng Bá Nhạc,*
*Giám xa thùy vị biện vô song.*

**Dịch nghĩa:**

NGỰA UỐNG NƯỚC SÔNG TÔ

Một dải phía đông Kinh thành là sông Tô Lịch,
Cho ngựa uống nước xong quay về mà chí khí
vẫn còn chưa nguôi.

Xuống sông mà vẫn không chịu ghìm cương ngọc,
Uống nước sông mà vẫn hăng hái dựng lông bờm.
Việc hay đợi sức, há để tỏ rõ là loài quý hiếm,(1)
Nhảy qua khe nước thể hiện mình là ngựa hay.(2)
Nếu trong trấn không gặp được Bá Nhạc,(3)
Xem xét ngựa kéo xe mấy ai đã phân biệt được
đó là loài ngựa quý vô song.

*Chú thích:*

1. Câu này nói về chuyện con long mã đội bức Hà đồ, chỉ sự ra đời của sách *Chu Dịch.*

2. Câu này nhắc lại điển: Con ngựa Xích Lư của Lưu Bị cưỡi vượt qua suối Đàn Khê giúp Lưu Bị thoát nạn khi bị Sái Mạo đuổi gấp.

3. Bá Nhạc: Tên một người giỏi xem tướng ngựa thời Chiến Quốc đời Tần Mục công.

## 270. 水屯夜析

重關霜鎖望湖門
河漢無雲夜不喧
戛月幾聲和漏響
臨流萬隊正刁屯
清高韻入秋風遠
射斗光連旆影翻
墨客登樓閒徙倚
鳴榔細細出漁村

**Phiên âm:**

*THỦY ĐỒN DẠ THÁC*

*Trùng quan sương tỏa vọng hồ môn,*
*Hà hán vô vân dạ bất huyên.*
*Kiết nguyệt kỷ thanh hòa lậu hưởng,*
*Lâm lưu vạn đội chính điêu đồn.*
*Thanh cao vận nhập thu phong viễn,*
*Xạ Đẩu quang liên bái ảnh phiên.*
*Mặc khách đăng lâu nhàn tỉ ỷ,*
*Minh lang tế tế xuất ngư thôn.*

**Dịch nghĩa:**

TIẾNG MÕ GÁC ĐÊM Ở ĐỒN THỦY

Mấy lần cửa quan sương giăng kín, nhìn về cửa thành bên hồ,
Bầu trời quang mây, màn đêm tĩnh mịch.
Vài tiếng mõ gõ vào trăng, hòa tiếng giọt nước đồng hồ,
Vạn đội binh lính gác đi dọc bờ sông, là lúc
tiếng mõ cầm canh vang lên.
Âm thanh trong trẻo tan vào gió thu lan xa,
Bóng cờ bay phấp phới hòa trong ánh sao Đẩu.
Kẻ tao nhân mặc khách bước lên lầu mà lòng bồi hồi,
Nghe như tiếng gậy gõ cá đều đều phát ra từ làng chài.

# PHỤ LỤC

# CAO BÁ QUÁT (1809 - 1855) 高伯适

(Nguyên chú: *Cao Bá Quát, tự là Chu Thần, hiệu là Cúc Đường và Mẫn Hiên; người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội. Cha là một nhà nho không đỗ đạt, nhưng có tiếng. Ông muốn các con đỗ cao và sẽ là những bậc hiền thần nên đã đặt tên cho hai con trai sinh đôi là Bá Đạt và Bá Quát (tên hai bậc hiền thần đời Chu của Trung Hoa cổ vốn cũng là hai anh em sinh đôi).*

*Cao Bá Quát thông minh, học giỏi. Có giai thoại nói ông tự cho rằng thiên hạ có bốn bồ chữ, thì riêng ông chiếm hai bồ. Anh ông là Bá Đạt và Nguyễn Văn Siêu chiếm một bồ, còn lại chia cho mọi người trong thiên hạ. Năm 1831, ông thi Hương đậu Á nguyên (thứ nhì). Năm sau thi Hội, vì để quên chứng thực của Lý trưởng trong tráp, ông bị quan trường ghép vào tội "hoài hiệp văn thư" (mang sách và giấy tờ vào trường thi), bị đuổi khỏi trường thi. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), được bổ làm Hành tẩu Bộ Lễ. Tháng 8 năm ấy, được cử làm Sơ khảo trường thi Thừa Thiên, thấy vài mươi quyển thi khá mà vô ý phạm húy; ông bèn cùng bạn là Phan Nhạ lấy bút son hòa muội đèn chữa hộ. Việc bại lộ, ông bị bắt giam; bị án chém. Sau chính vua Thiệu Trị giảm xuống án giảo giam hậu. Sau gần 3 năm tù tội, ông được tạm tha và cho đi "Dương trình hiệu lực," tức là đi phục dịch phái bộ nhà Nguyễn do Đào Trí Phú làm trưởng đoàn đi công cán ở Batavia (Inđônêxia). Cuối năm 1843 về nước, được phục chức cũ, một thời gian sau lại bị thải hồi (có tài liệu nói được thăng Chủ sự Bộ Lễ, trở về ở với gia đình phố Đình Ngang; sau chuyển về phố Cửa Bắc gần hồ Trúc Bạch và hồ Tây, thường giao du xướng họa với Nguyễn Văn Siêu, Trần Văn Vi, Diệp Xuân Huyên...).*

*Năm 1847, Cao Bá Quát được triệu vào kinh làm ở Viện Hàn lâm; được*

*giao việc sưu tầm, sắp xếp thơ văn cho vua Tự Đức. Thời gian này, ông giao du với Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Hàm Ninh, Đinh Nhật Thận, Miên Thẩm... Tương truyền, câu:* "Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán. Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường" *là của vua Tự Đức làm để khen tài làm văn thơ của Cao bá Quát và những từ thần dưới thời Tự Đức.*

*Năm Tự Đức thứ 3 (1850), Cao Bá Quát dời kinh làm Giáo thụ phủ Quốc Oai. Khoảng giữa năm Tự Đức thứ 7 (1852), ông xin thôi chức Giáo thụ trở về nhà. Cũng giữa năm ấy, miền Bắc có nạn dịch châu chấu, mất mùa, nạn đói hoành hành, ông bí mật chuẩn bị khởi nghĩa tại Hà Nội. Nhưng bị một số người phản bội, tố giác nên bị vua Tự Đức truy lùng; ông liên hệ với một số thổ mục vùng Tây Bắc như Đinh Công Vĩ, Bạch Công Chân; rồi tìm một người dòng dõi nhà Lê là Lê Duy Cự tôn làm minh chủ, tự mình xưng là Quốc sư. Nghĩa quân đánh phá một số phủ huyện như Ứng Hòa, Thanh Oai. Sau một số trận thua ở làng Đồng Dương (Thanh Oai, Hà Đông), làng Quyển Sơn (huyện Kim Bảng, Hà Nam), ông cho đánh phủ Quốc Oai, rồi rút về Vĩnh Tường, đóng căn cứ ở Mỹ Lương. Trong một trận giao tranh với quân triều đình ở vùng Yên Sơn, phủ Quốc Oai, Cao Bá Quát bị bắn chết tại trận. Vì có công bắn được ông, một tên lính thường là Đinh Thế Quang được trọng thưởng và thăng lên chức Cai đội. Vua Tự Đức hạ lệnh chặt đầu ông, bêu khắp các tỉnh ở Bắc Hà, rồi bổ ra ném xuống sông; lại hạ lệnh tru di cả nhà ông. Các con trai ông là Bá Thông, Bá Phùng đều bị giết. Anh ruột ông là Bá Đạt đang giữ chức Tri huyện ở Nông Cống bị bắt giải về kinh, giữa đường uống thuốc độc tự vẫn.*

*Tác phẩm của ông sau khi mất bị thất lạc khá nhiều, vì ít người dám tàng trữ. Ông viết thơ văn bằng chữ Nôm và chữ Hán. Hiện tác phẩm chữ Hán đã sưu tập được 1353 bài thơ, 25 bài văn xuôi; tập hợp trong khoảng 12 cuốn sách:* Cao Bá Quát thi tập, Cao Chu Thần di cảo, Cao Chu Thần thi tập, Mẫn Hiên thi tập, Cúc Đường thi tập, Cúc Đường thi thảo, Mẫn Hiên thuyết loại... *Thơ chữ Hán liên quan đến Hà Nội hiện còn một số bài trong tập* Cao Bá Quát thi tập *(ký hiệu A. 298), sẽ được trích dịch dưới đây.)*

## 271. 竹白湖上晚眺

湖上逍遙人未歸
淡煙漠漠遠村微
山雲驚恐不知處
無數歸鳥向南飛

**Phiên âm:**

*TRÚC BẠCH HỒ THƯỢNG VÃN DIỂU*

*Hồ thượng tiêu dao nhân vị quy,*
*Đạm yên mạc mạc viễn thôn vi.*
*Sơn vân kinh khủng bất tri xứ,*
*Vô số quy điểu hướng nam phi.*

**Dịch nghĩa:**

CHIỀU TỐI NGẮM HỒ TRÚC BẠCH

Đi chơi trên hồ Trúc Bạch, người còn chưa muốn về,
Trong cảnh khói mây mờ mịt, rặng cây xa trông nhỏ lại.
Nhìn mây núi e rằng không biết là chốn nào,
Vô số đàn chim bay về phương nam.

**Dịch thơ:**

*Tiêu dao Trúc Bạch chẳng muốn về,*
*Mờ mịt khói mây cây nhỏ ghê.*
*Mây núi nhìn hoài sao chẳng biết,*
*Hướng nam chim chóc lượn bay về.*

Đỗ Thị Hảo *dịch*

## 272. 青池泛舟南下

青潭催別袂
珥水濺行襟
沙闊黃雲暮
天低白日沉
客舟寒泛泛
江色晚陰陰
不見波濤壯
安知萬里心

**Phiên âm:**

*THANH TRÌ PHIẾM CHU NAM HẠ*

*Thanh Đàm thôi biệt duệ,*
*Nhị thủy tiễn hành khâm.*
*Sa khoát hoàng vân mộ*(1)
*Thiên đê bạch nhật trầm.*
*Khách chu hàn phiếm phiếm,*
*Giang sắc vãn âm âm.*
*Bất kiến ba đào tráng,*
*An tri vạn lý tâm?*

**Dịch nghĩa:**

TỪ THANH TRÌ BUÔNG THUYỀN XUÔI NAM

Bên đầm Thanh Liệt vừa giục giã chia tay,(2)
Nước sông Nhị đã bắn lên áo đi xa.
Bãi cát rộng, mây vàng bảng lảng,
Vòm trời thấp, vầng ô lặn dần.

Thuyền khách lạnh lùng trôi trên mặt nước,
Mẩu sông lúc chiều hôm tối sầm.
Nếu không thấy ba đào hùng tráng,
Thì biết sao được cái chí lớn muôn dặm?(3)

**Dịch thơ:**

*Thanh Đàm giục giã chia ly,*
*Nhị Hà tưới áo người đi trên đường.*
*Chiều hôm, bãi rộng, mây vàng.*
*Vòm trời thâm thấp ánh dương trầm trầm.*
*Lạnh lùng thuyền khách buông trôi,*
*Cảnh sông nắng tắt khí trời âm u.*
*Ví không sóng gió phũ phàng,*
*Thì sao biết được dặm trường chí xa?*

Trần Huy Liệu *dịch*
(*Thơ văn Cao Bá Quát*, Nxb. Văn học, 1997)

*Chú thích*:

1. Chữ *"mộ"* có bản chép là *"tận"*.

2. Đầm Thanh Liệt (Thanh Đàm) sau đổi là Thịnh Liệt, ở huyện Thanh Trì; nay là quận Hoàng Mai, Hà Nội.

3. "Chí lớn muôn dặm" lấy từ điển tích: Tông Xác người đời Tống (triều), lúc trẻ thường tỏ chí: "Muốn được cưỡi ngọn gió lớn phá tan làn sóng muôn dặm." Sau làm tướng đi đánh Lâm Ấp, thắng trận trở về.

## 273. 題鎮武觀石碑

產卻東邊郭更宜
醉來吾自詠吾詩
壯遊無那傷春目
世事何堪没字碑
竹白湖頭雲寞寞
太和宮外草離離
晚風斜照不歸去
散髮危橋笑自知

**Phiên âm:**

*ĐỀ TRẤN VŨ QUÁN THẠCH BI*

*"Sản khước đông biên quách cánh nghi!"*
*Túy lai ngô tự vịnh ngô thi.*
*Tráng du vô ná thương xuân mục,*
*Thế sự hà kham một tự bi?*
*Trúc Bạch hồ đầu vân mịch mịch,*
*Thái Hòa cung ngoại thảo ly ly.*
*Vãn phong tà chiếu bất quy khứ,*
*Tán phát nguy kiều tiếu tự tri.*

**Dịch nghĩa:**

ĐỀ BIA ĐÁ QUÁN TRẤN VŨ

*"San phẳng bức thành ở phía đông đi lại càng hay!"*[1]
Khi say ta cứ ngâm câu thơ ấy của ta.
Cuộc tráng du, biết bao nhiêu cảnh thương xuân trước mắt,
Đối với việc đời chịu sao nổi tấm bia không chữ.[2]

Đầu hồ Trúc Bạch mây man mác,
Ngoài cung Thái Hòa cỏ xanh rờn.
Gió chiều, bóng xế, vẫn không trở về,
Xõa tóc đứng trên cầu cao, mỉm cười chỉ tự mình biết vậy.

**Dịch thơ:**

*"San lũy đông đi lại dễ ưa!"*
*Thơ ta ta đọc lúc say sưa.*
*Thương xuân thấy cảnh chơi càng ngán,*
*Không chữ nhìn bia chuyện những ngờ.*
*Trúc Bạch, bên hồ mây lặng lẽ,*
*Thái Hòa, quanh điện cỏ lơ thơ.*
*Gió chiều bóng ngả, về không dứt,*
*Cười mỉm trên cầu tóc phất phơ.*

Hóa Dân *dịch*

*Chú thích:*

1. Câu thơ này nằm trong 8 bài thơ "Du Tây Hồ."

2. Bia không chữ: Đời Tần Thủy Hoàng có dựng tấm bia ở đỉnh núi Thái Sơn. Người sau tìm đến, thấy bia ấy thì không còn một chữ nào. Vì chuyện ấy, người ta ví những người mù chữ như tấm "bia không chữ" (Một tự bi). Ở đây tác giả ý muốn nói: Đối với việc đời, cần phải có sự nhận định rõ ràng, không thể mơ hồ như tấm bia không chữ được.

## 274. 題鎮武觀

昔遊無計復登樓
斜倚欄干望碧流
君亦多情到煙水
我猶遺恨滿瀛洲
日斜天地雙蓬鬢
春寂江湖一白鷗
遙想當年行樂處
殘花猶似故宮頭

**Phiên âm:**

*ĐỀ TRẤN VŨ QUÁN*

*Tích du vô kế phục đăng lâu,*
*Tà ỷ lan can vọng bích lưu.*
*Quân diệc đa tình đáo yên thủy,*
*Ngã do di hận mãn doanh châu.*
*Nhật tà thiên địa song bồng mấn,*
*Xuân tịch giang hồ nhất bạch âu.*
*Dao tưởng đương niên hành lạc xứ,*
*Tàn hoa do tự cố cung đầu.*

**Dịch nghĩa:**

THƠ ĐỀ Ở QUÁN TRẤN VŨ

Ngày xưa chẳng có cách nào du chơi, nên lại lên lầu chơi,
Ngồi tựa lan can, ngắm nước biếc lúc chiều tà.
Đến với mây nước, bạn là người cũng rất đa tình,
Riêng ta vẫn còn mối hận chất đầy nơi bãi tiên ở.

Trời đất dưới bóng chiều soi đôi tóc mai bạc,
Mùa xuân lặng lẽ trên mặt hồ con chim âu lẻ loi.
Vẫn nhớ rằng năm xưa, đây là nơi vui chơi nhộn nhịp,
Mà nay cung điện xưa chỉ còn lại đám hoa tàn.

**Dịch thơ:**

*Chưa thể chơi xa lại dựa lầu,*
*Lan can ngồi lệch ngắm dòng sâu.*
*Nước mây đưa khách thêm buồn cảm,*
*Doi bãi riêng ta chất khối sầu.*
*Trời đất bóng chiều phai tóc bạc,*
*Giang hồ xuân lặng, lẻ mình âu.*
*Trò vui ngày trước là nơi đấy,*
*Cung cũ hoa tàn trải mấy thu.*

Việt Ngâm *dịch*

## 275. 遊西湖(八絶)

其一

爽杵繁砧莫厭春
一丘一壑未全貧
地留歲月無愁境
天借江湖獨幸人

其二

顛倒春心不自持
西湖眞個是西施
盈盈翠黛波平後
曲曲裙腰草綠時

其三

勸爾澄波酒一卮
少年予最解人頤
牽來西畔山尤好
剷卻東邊郭更宜

其四

泛泛輕舟去未還
孤雲住處是孤山
高郎之似梅花瘦
春思渾如病鶴間

其五

欲把空竿泛碧流
忘情暫借遣春愁
魚儿未信非漁父
龍龍龍龍如民怯授鉤

**Phiên âm:**

*DU TÂY HỒ BÁT TUYỆT*

*(Tuyển ngũ)*

*KỲ MỘT*

*Sảng chử phồn châm mạc yếm xuân,*
*Nhất khâu, nhất hác vị toàn bần.*
*Địa lưu tuế nguyệt vô sầu cảnh,*
*Thiên tá giang hồ độc hạnh nhân.*

*KỲ HAI*

*Điên đảo xuân tâm bất tự trì,*
*Tây Hồ chân cá thị Tây Thi.*
*Doanh doanh thúy đại ba bình hậu,*
*Khúc khúc quần yêu thảo lục thì.*

*KỲ TAM*

*Khuyến nhĩ trừng ba tửu nhất chi,*
*Thiếu niên dư tối giải nhân di.*
*Khiên lai tây bạn sơn vưu hảo,*
*Sản khước đông biên quách cánh nghi.*

*KỲ TỨ*

*Phiếm phiếm khinh chu khứ vị hoàn,*
*Cô vân trú xứ thị cô san.*
*Cao lang chi tự mai hoa sấu,*
*Xuân tứ hồn như bệnh hạc nhàn.*

*KỲ NGŨ*

*Dục bả không can phiếm bích lưu,*
*Vong tình tạm tá khiển xuân sầu.*
*Ngư nhi vị tín phi ngư phủ,*
*Đạp đạp như dân khiếp thụ câu.*

**Dịch nghĩa:**

## TÁM BÀI TỨ TUYỆT CHƠI HỒ TÂY

*(Tuyển 5 bài)*

### BÀI 1

Tiếng chày thưa thớt, tiếng đập vải dồn dập tứ xuân không chán,[1]
Gò có, hang có, không phải là thiếu thốn lắm.
Đất dành nơi đây thành một cõi "năm tháng không buồn,"
Khách giang hồ ai may mắn nhất, thì trời cho mượn cảnh này.

### BÀI 2

Lòng xuân nghiêng ngả, không tự cầm giữ nổi,
Tây Hồ quả thật là một nàng Tây Thi.
Vẻ mày nở nang là khi lớp sóng mới lặng,
Dây lưng uốn éo là lúc ngọn cỏ đương xanh.

### BÀI 3

Xin mời bác sóng xơi một chén rượu,
Tuổi thiếu niên tôi rất thích làm cho người ta cười.
Bác lôi những núi ở phía tây lại thì càng tốt,
Và san phẳng bức thành ở phía đông đi lại càng hay hơn.[2]

### BÀI 4

Lênh đênh một chiếc thuyền nhẹ, đi mãi chưa về,
Nơi có đám mây trơ vơ kia là ngọn núi trơ vơ.
Chàng Cao khác nào như cây hoa mai gầy gò,
Tứ xuân lặng lẽ, như chim hạc đang ốm.

### BÀI 5

Rắp đem chiếc cần câu không, dạo trên dòng biếc,
Có gì đâu, chỉ tạm mượn để giải buồn trong những ngày xuân.
Lũ cá chưa tin rằng mình không phải ông chài,
Cứ nhớn nhác sợ mắc phải lưỡi câu như những người dân.

**Dịch thơ:**

*Nhịp chày, tiếng đập rộn ràng xuân,*
*Hốc nọ, gò kia cảnh chứa chan.*
*Năm tháng không buồn do đất sắp,*
*Giang hồ có phúc được trời ban.*

*Nghiêng ngả lòng xuân lả lớn chi?*
*Tây Hồ cũng thể một Tây Thi.*
*Sóng êm mày lượn cùng chung vẻ,*
*Cỏ lướt tà bay có khác gì.*

*Mời sóng vì ta cạn chén đưa,*
*Tuổi xanh ta chỉ thích vui đùa.*
*Lôi non tây đến càng thêm tốt,*
*San lũy đông đi lại dễ ưa.*

*Đi mãi chưa về, chiếc mảng trôi,*
*Mây côi dừng lại ngọn non côi.*
*Thân chàng Cao tựa cây mai võ,*
*Mà tứ xuân như chiếc hạc còi!*

*Mượn chiếc cần không tới giữa dòng,*
*Giải buồn nào có ý gì mong.*
*Cá kia cứ tưởng là ngư phủ,*
*Nhớn nhác như dân sợ mắc tròng.*

Nguyễn Văn Tú *dịch*
(*Thơ văn Cao Bá Quát*, Nxb. Văn học, 1997)

*Chú thích:*

1. Khi trước, các làng ở xung quanh Hồ Tây có hai nghề đặc biệt: Nghề làm giấy bản và nhuộm vải thâm. Giấy Bưởi và vải thâm Tây Hồ là hai thứ có tiếng. Ở đây nêu "tiếng chày" là chày giã bột dó để làm giấy bản, "tiếng đạp vải" là giặt vải để nhuộm.

2. Bức thành ở phía đông: Có lẽ chỉ thành Đại La thời ấy.

## 276. 西湖春望

若有人兮鼓枻來
湖光一半夕陽開
乘風高唱輕波典
日暮招邀鳳嘴堆

**Phiên âm:**

*TÂY HỒ XUÂN VỌNG*

*Nhược hữu nhân hề cổ tiết lai,*
*Hồ quang nhất bán tịch dương khai.*
*Thừa phong cao xướng khinh ba điển,*
*Nhật mộ chiêu yêu Phượng Chủy đôi.*

**Dịch nghĩa:**

MÙA XUÂN NHÌN VỀ TÂY HỒ

Nếu có người gõ mái chèo mà đến chừ,
Ánh nắng trên mặt hồ sáng lấp lánh, là lúc bóng chiều bắt đầu buông xuống.
Người ấy cưỡi sóng gió, hát nghêu ngao làm sóng lăn tăn gợn,
Buổi chiều tà, gò Mỏ Phượng mời mọc đến thăm chơi.

## 277. 江上望衛靈山

江邊遙望衛靈山
魂斷靈山不易攀
岫瘴碧逾新雨洗
雲衣辰染夕陽班
當年劍馬知何往
是處溪峰好見間
日暮徘徊更增感
立齋一賦在人間

**Phiên âm:**

*GIANG THƯỢNG VỌNG VỆ LINH SƠN*

*Giang biên giao vọng Vệ Linh sơn,*
*Hồi đoạn Linh Sơn bất dị phan.*
*Tụ chướng bích du tân vũ tẩy,*
*Vân y thời nhiễm tịch dương ban.*
*Đương niên kiếm mã tri hà vãng,*
*Thị xứ khê phong hảo kiến nhàn.*
*Nhật mộ bồi hồi canh tằng cảm,*
*Lập Trai nhất phú tại nhân gian.*

**Dịch nghĩa:**

TRÊN SÔNG NHÌN NÚI VỆ LINH

Bên sông xa nhìn trông thấy núi Vệ Linh,(1)
Núi Vệ Linh đẹp mê hồn nhưng không dễ trèo lên.
Khí núi mù mịt được cơn mưa mới rửa sạch,
Làn áo mây được ánh chiều nhuộm trở thành loang lổ.

Ngựa sắt và kiếm sắt năm nào không biết đi đâu?
Đỉnh non khe suối ở nơi này nhìn có vẻ nhàn nhã.
Buổi chiều tà trong lòng xốn xang càng tăng thêm cảm xúc,
Chỉ thấy bài phú của Lập Trai(2) còn tại nhân gian.

*Chú thích:*

1. Núi Vệ Linh: Tức núi Sóc, nay thuộc huyện Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội.
2. Lập Trai: Là tên hiệu của Phạm Quý Thích.

## 278. 登衛靈山謁董天祠題壁

縹緲雲山日往還
仙靈遺事尚重攀
英雄顯晦疑無跡
今古贏輸了一間
三鎮岩溪朝洞府
九秋風月會松關
平舊願知猶何許
終擬歸來買半山

**Phiên âm:**

*ĐĂNG VỆ LINH SƠN*
*YẾT ĐỔNG THIÊN TỪ ĐỀ BÍCH*

*Phiếu diểu vân sơn nhật vãng hoàn,*
*Tiên linh di sự thượng trùng phan.*
*Anh hùng hiển hối nghi vô tích,*
*Kim cổ doanh thâu liễu nhất nhàn.*
*Tam trấn nham khê triêu động phủ,*
*Cửu thu phong nguyệt hội tùng quan.*
*Bình cựu nguyện tri do hà hứa,*
*Chung nghĩ quy lai mãi bán san (sơn).*

**Dịch nghĩa:**

LÊN NÚI VỆ LINH THĂM ĐỀN PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG
ĐỀ THƠ LÊN VÁCH

Lúc mây núi mờ mịt, trời đã về chiều mới ra về,

Việc cũ núi Tiên Linh lại được trèo lên thăm thú.
Người anh hùng lúc hiển hách, khi ra đi dường như
không để lại dấu tích,
Việc được hay thua xưa nay, giác ngộ ra một khi nhàn rỗi.
Núi khe nơi Tam trấn, thanh sạch như động phủ buổi sớm mai,
Gió trăng vào tháng chín mùa thu, chỉ có rặng tùng nơi cửa quan biết.
Muốn biết cặn kẽ chuyện xưa cũ,
Phải quay về bởi chiều tà đã che khuất núi.

## 279. 同諸友登鎮武寺鍾樓

春風吹客上高樓
雲影天光蕩碧流
芳草萋萋黃鶴渚
素波淺淺白蘋洲
往來那管花邊蝶
飛宿同看水上鷗
日暮未聞鍾響扣
詩聲高掛玉樓頭

**Phiên âm:**

*ĐỒNG CHƯ HỮU ĐĂNG*
*TRẤN VŨ TỰ CHUNG LÂU*

*Xuân phong xuy khách thướng cao lâu,*
*Vân ảnh thiên quang đãng bích lưu.*
*Phương thảo thê thê hoàng hạc chử,*
*Tố ba thiển thiển bạch tần châu.*
*Vãng lai na quản hoa biên điệp,*
*Phi túc đồng khan thủy thượng âu.*
*Nhật mộ vị văn chung hưởng khấu,*
*Thi thanh cao quải ngọc lâu đầu.*

**Dịch nghĩa:**

CÙNG CÁC BẠN LÊN GÁC CHUÔNG
CHÙA TRẤN VŨ

Gió xuân thổi, đưa khách lên lầu cao,

Dưới bóng mây và ánh mặt trời, là làn nước biếc lấp lánh.
Bên bến hạc vàng, mườn mượt cỏ xanh,
Trên bãi rau tần trắng nước nông gợn sóng bạc.
Những con bướm bên hoa tha hồ bay đi bay lại,
Mọi người cùng nhìn thấy con âu trên mặt nước khi đỗ khi bay.
Chiều rồi, chưa nghe thấy tiếng chuông vang,
Chỉ nghe tiếng ngâm thơ lơ lửng trên lầu ngọc.(1)

*Chú thích:*

1. Lầu ngọc: Chỉ gác chuông chùa Trấn Vũ, nơi ông cùng bạn hữu đang đứng ngâm thơ.

## 280. 過天光寺傷黎朝故宮

機人偶遘經周道
麟黍吟残感故宮
輦輅旌旗空此地
郊壇草樹自秋風
百年往事悲斜照
一點塵心對晚鍾
猶幸相逢友相識
逃禪人是老蚤翁

**Phiên âm:**

QUÁ THIÊN QUANG TỰ,
THƯƠNG LÊ TRIỀU CỐ CUNG

*Cơ nhân ngẫu nhĩ kinh Chu đạo,*
*Ly thử ngâm tàn cảm cố cung.*
*Liễn lộ tinh kỳ không thử địa,*
*Giao đàn thảo thụ tự thu phong.*
*Bách niên vãng sự bi tà chiếu,*
*Nhất điểm trần tâm đối vãn chung.*
*Do hạnh tương phùng hữu tương thức,*
*Đào thiền nhân thị lão tao ông.*

**Dịch nghĩa:**

QUA CHÙA THIÊN QUANG,
CẢM THƯƠNG CUNG ĐIỆN CŨ NHÀ LÊ(1)

Người long đong, ngẫu nhiên đi qua đường nhà,(2)
Đọc hết thơ "Thử ly" mà cảm thương cho cung cũ triều trước.(3)

Cờ quạt đường ngự đi, nay chỉ còn một mảnh đất không,
Cây cỏ ở đàn tế giao, mặc cho gió thu thổi.
Nhìn cảnh chiều tà mà xót việc cũ trăm năm,
Một điểm lòng trần, đứng trước tiếng chuông buổi tối.
Còn may, trong những người gặp đây, lại có người quen,
Người trốn đời ở chùa đó, là một nhà thơ già.

**Dịch thơ:**

*Khách lạ đường Chu nay bỗng qua,*
*"Thử ly" thơ đọc cảm cung xưa.*
*Cờ giong lối ngự này nơi cũ,*
*Cỏ áy đàn giao, mặc gió thu.*
*Việc cũ trăm năm thương bóng xế,*
*Lòng trần một điểm thoảng chuông đưa.*
*May còn gặp gỡ người quen biết,*
*Sư cụ đây là một tướng thơ.*

Vũ Mộng Hùng *dịch*

*Chú thích:*

1. Chùa Thiên Quang: Theo chú thích bài "Cao Bá Quát với cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn" (1854 - 1856) của Hoa Bằng (Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 121, tháng 4 năm 1969) thì chùa này thời Lê Trung hưng, ở thôn Thụ Mã, sau đổi là thôn Hòa Mã và hiện nay là phố Tuệ Tĩnh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2, 3. Tác giả mượn truyện nhà Chu để nói triều Lê. Nhà Chu trước đóng đô ở đất Kỳ Sơn (Tây Chu), bị giặc tàn phá, phải dời đô sang Lạc Ấp (Đông). Một vị đại phu qua kinh đô cũ, thấy cung điện hoang tàn, lúa mạ mọc đầy, cảm thương mà làm ra bài thơ *Thử ly*. Thơ ấy còn ghi ở *Vương Phong Kinh Thi.*

## BÀ HUYỆN THANH QUAN

(Nguyên chú: *Bà Huyện Thanh Quan là tên thường gọi trong dân gian, tên thật là Nguyễn Thị Hinh, quê ở làng Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận; nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Bà học rộng, từng được vua Tự Đức vời vào cung làm Giáo tập, dạy học cho các cung phi và công chúa. Bà sáng tác không nhiều, hiện còn gần 10 bài thơ hầu hết bằng chữ Nôm, theo thể Đường luật, được truyền tụng nhiều nhất là các bài:* Qua đèo Ngang, Chiều hôm nhớ nhà, Thăng Long thành hoài cổ... *Đây là loại thơ vịnh cảnh, nhưng tả cảnh là để ngụ vào đó tình cảm của nhà thơ, thường là cảm giác vắng lặng, buồn bã, nuối tiếc một quá khứ đã xa. Người ta gọi bà là nhà thơ hoài cổ. Thơ Nôm Đường luật của bà sáng tác hết sức điêu luyện, uyển nhã, niêm luật chặt chẽ mà vẫn thoải mái, tự nhiên. Ở đây chúng tôi trích hai bài thơ Nôm Đường luật về Thăng Long - Hà Nội của bà.*)

### 281. 昇龍懷古

造化垓罶局戲場
廸盼浸脱余精霜
磊習車馭魂收草
圿巖樓臺俸夕陽
矽沕尸肝窮岁月
渃群珠栖貝桑滄
彦年鶲䫏瞐今古
景帝馭低陗斷場

## THĂNG LONG HOÀI CỔ

Tạo hóa gây ra cuộc hý trường,
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn thi gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn chau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

## 282. 逾看春臺

淹曖嘲春蹓看臺
凌凌拯泮𠃣塵埃
𠀧回朝暮鐘唅涛
沒漨桑滄霂𨖲𡗶
溿愛𠦳重坤薩泮
源恩閲丈易㵎潙
茆茆極樂罒兜佐
極樂罒低𠃩熷进
进

CHƠI ĐÀI KHÁN XUÂN

Êm ái chiều xuân tới khán đài,
Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai.
Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương móc lận trời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây chín rõ mười.

(Theo *Quốc văn tùng ký*, ký hiệu AB.383,
Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

# TÙNG THIỆN VƯƠNG (1819 - 1870) 松善王

## 283. 遊鎮武觀

高樓憑眺獨徘徊
寂寞寒鍾暮色催
古木有枝栖夜月
殘碑無字鎖蒼苔
百年銅像巍然在
五代金門半已頹
只剩西湖雲態好
隨風猶拂畫簾來

**Phiên âm:**

*DU TRẤN VŨ QUÁN*[(a)]

*Cao lâu bằng diểu độc bồi hồi,*
*Tịch mịch hàn chung mộ sắc thôi.*
*Cổ mộc hữu chi thê dạ nguyệt,*
*Tàn bi vô tự tỏa thương dài.*
*Bách niên đồng tượng nguy nhiên tại,*
*Ngũ đại kim môn bán dĩ đôi.*
*Chỉ thặng Tây Hồ vân thái hảo,*
*Tùy phong do phất họa liêm lai.*

**Dịch nghĩa:**

ĐẾN CHƠI QUÁN TRẤN VŨ[1]

Lên lầu cao nhìn xuống một mình bâng khuâng,
Vắng vẻ lạnh lùng, tiếng chuông như giục chiều tàn.
Cây cổ thụ có cành che giữ bóng trăng đêm,
Bia mòn không chữ, bao phủ dấu rêu xanh.
Trăm năm tượng đồng vẫn sừng sững,
Năm đời cửa vàng đã đổ mất nửa.[2]
Chỉ còn hồ Tây vẻ mây vẫn đẹp,
Theo gió, bức rèm còn phơ phất qua lại.

**Dịch thơ:**

*Lầu cao nhìn xuống dạ thêm buồn,*
*Vắng vẻ chiều tàn giục tiếng chuông.*
*Cây cỏ đưa cành, trăng bóng phủ,*
*Bia mòn hết chữ, dấu rêu buông.*
*Tượng đồng trăm tuổi còn nghiêm nghị,*
*Cửa quý năm đời đã đổ tuôn.*
*Thấy lại hồ Tây mây vẫn đẹp,*
*Rèm thưa theo gió chuyển bên khuôn.*

Bửu Dưỡng *dịch*

**Khảo dị:**

a. Tập *Thương Sơn thi thảo* chép: "Đăng Trấn Vũ quán môn lâu" 登鎮武觀門樓.

Tập *Thương Sơn thi thảo* chép thêm: "đê hồi" 低徊.

*Chú thích:*

1. Trấn Vũ quán: Đền thờ Trấn Vũ, tức Huyền Vũ, tục gọi là Thánh Đồng Đen bên bờ hồ Tây. Bài thơ làm khi Tùng Thiện Vương ra chơi Hà Nội, tháng 6 năm 1842.

2. Năm đời: Tức năm triều vua.

## NGUYỄN HỮU ĐỘ (1824 - 1888) 阮有度

(Nguyên chú: *Nguyễn Hữu Độ (1824 - 1888), tự Hy Bùi, hiệu Tống Khê, tước Vĩnh Lại Quận công; ông người Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa), đỗ Cử nhân năm Tự Đức 20 (1867); làm Kinh lược Bắc Kỳ, một trung thần của nhà Nguyễn. Tác phẩm gồm* Tấu nghị tiền tập, Tống Khê Nguyễn Vĩnh Lại công tấu nghị, Tống Khê Vĩnh Lại công toàn tập; *biên soạn* Đại Nam thực lục chính biên *và tham gia viết nhiều sách khác...* Tống Khê sinh từ thi tập *là tập thơ gồm gần 100 bài thơ vịnh Sinh từ của các thân sĩ Hà Nội và các tỉnh thành khác cùng một số câu đối ca ngợi công đức của Nguyễn Hữu Độ.*)

## 宋溪生祠詩 (二首)
## TỐNG KHÊ SINH TỪ THI

### 284. 其一

麟閣雲臺跡已寥
生祠一簇倚丹霄
斯文棟宇長相近
旺氣山河正未消
喬木成陰饒韻事
甘棠見愛播風謠
是非自古曾多口
不作楊生費解嘲
(光祿寺卿山農楊名立拜)

**Phiên âm:**

*TỐNG KHÊ SINH TỪ THI (Nhị thủ)*

*Kỳ nhất*

*Lân các vân đài tích dĩ liêu,*
*Sinh từ nhất thốc ỷ đan tiêu.*
*Tư văn đống vũ trường tương cận,*
*Vượng khí sơn hà chính vị tiêu.*
*Kiều mộc thành âm nhiêu vận sự,*
Cam đường *kiến ái bá phong dao.*
*Thị phi tự cổ tằng đa khẩu,*
*Bất tác dương sinh phí giải trào.*
*(Quang lộc tự khanh, Sơn Nông, Dương Danh Lập bái).*

**Dịch nghĩa:**

THƠ ĐỀ Ở SINH TỪ TỐNG KHÊ (Hai bài)

BÀI 1

Lầu son gác tía, dấu xưa đã trở nên vắng vẻ,
Vài ngôi sinh từ mọc lên giữa không trung.
Đạo chính thống với trụ cột nước nhà vẫn cùng nhau sát cánh,
Vượng khí non sông vẫn còn chưa thể tiêu tan.
Như cây cao(1) tỏa bóng chở che vận nước,
Được mến yêu như Thiệu Công(2) nhà Chu, được khắp nơi ca tụng.
Điều phải trái từ xưa từng nhiều lời bàn tán,
Nếu không biểu dương lúc sống, thì lại phí công giải thích
những điều cười nhạo của đời sau.
*(Dương Danh Lập, chức Quang lộc tự khanh, người ở Sơn Nông bái đề).*

*Chú thích:*

1. Cây cao: Dịch từ chữ "Kiều Mộc" là điển trong *Kinh Thi* có câu: "Nam hữu kiều mộc" (Phía nam có cây cao).

2. *Cam đường:* Tên một bài thơ trong *Kinh Thi:* Ca ngợi Thiệu Công đời Chu, thi hành chính sự ở phương Nam, cảm hóa được trăm họ, thường ngồi xử kiện dưới gốc cây cam đường; nhân dân cảm mến ông nên đặt bài thơ *Cam đường* để ca tụng công đức của ông.

## 285. 其二

東矚玉山西玉壺
飛甍接宇劃中區
萬人歌頌今生佛
四代繁華此故都
令譽儘堪馳海岳
隱憂偏自遠江湖
他年若鑄黃金像
何減麒麟閣上圖
(侍講学士武翠拜)

**Phiên âm:**

*KỲ NHỊ*

*Đông chúc Ngọc Sơn tây Ngọc Hồ,*
*Phi mông tiếp vũ hoạch trung khu.*
*Vạn nhân ca tụng kim sinh Phật,*
*Tứ đại phồn hoa thử cố đô.*
*Lệnh dự tận kham trì hải nhạc,*
*Ẩn ưu thiên tự viễn giang hồ.*
*Tha niên nhược chú hoàng kim tượng,*
*Hà giảm kỳ lân các thượng đồ.*
*(Thị giảng Học sĩ Vũ Thúy bái).*

**Dịch nghĩa:**

BÀI 2

Nhìn phía đông là đền Ngọc Sơn, phía tây là chùa Ngọc Hồ,(1)
Mái lầu san sát như vạch vào không trung.

Muôn người ca tụng như Phật sống ngày nay,
Bốn đời được phồn thịnh ở đất cố đô này.
Tiếng tốt ban khen truyền đi khắp biển núi,
Tấm lòng ưu ái rộng lớn tới tận miền sông hồ xa xôi.
Nếu năm nọ đúc tượng vàng,
Thì làm sao giảm được tranh vẽ trên gác Kỳ Lân.[2]
*(Vũ Thúy chức Thị giảng Học sĩ bái đề).*

*Chú thích:*

1. Sinh Từ: Nằm ở phố Sinh Từ cũ, nay là phố Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa, Hà Nội. Phía đông nhìn thấy đền Ngọc Sơn; phía tây là chùa Ngọc Hồ.

2. Gác Kỳ Lân, tòa lầu gác do vua nhà Hán cho xây để treo tranh vẽ các công thần của triều đại.

# SINH TỪ BÁT VỊNH 生祠八詠

## 286. 祠樓

四面疏櫺八面風
危樓百尺倚長空
近臨珥水千重碧
遠擁屏山一片紅
將略遙傳清嘯外
邊籌裝入畫圖中
尋常莫擬登高興
南闕鈞韶夢寐通

**Phiên âm:**

*TỪ LÂU*

*Tứ diện sơ linh bát diện phong,*
*Nguy lâu bách xích ỷ trường không.*
*Cận lâm Nhĩ thủy thiên trùng bích,*
*Viễn ủng bình sơn nhất phiến hồng.*
*Tướng lược dao truyền thanh khiếu ngoại,*
*Biên trù trang nhập tận đồ trung.*
*Tầm thường mạc nghĩ đăng cao hứng,*
*Nam khuyết quân Thiều mộng mỵ thông.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH LẦU ĐỀN

Bốn góc mái lầu đón gió tám phương trời,
Ngôi lầu cao trăm thước dựa vào không trung.
Nằm kề bên sông Nhĩ ngàn trùng sóng biếc,
Xa ôm rặng núi một mảng màu hồng.
Tài thao lược truyền lan xa ngoài cả lời ca ngợi,
Trù liệu biên cương, khéo giấu trong tấm địa đồ.
Người thường chớ nghĩ lên cao là hứng thú,
Nhạc Thiều[1] nơi cung khuyết chỉ trở về
trong giấc mộng mà thôi.

*Chú thích:*

1. Nhạc Thiều: Là nhạc của vua Thuấn, một ông vua hiền tài thời Trung Hoa cổ đại. Ý nói nhạc chỉ dùng trong cung vua.

## 287. 祠樹

樓閣清光絶點塵
青蒼一色望中新
甘棠惠雨歌周伯
大樹威風重漢臣
草木無知猶佩德
江山有意爲回春
百年解作栽培計
桃李門前屬主人

**Phiên âm:**

*TỪ THỤ*

*Lâu các thanh quang tuyệt điểm trần,*
*Thanh thương nhất sắc vọng trung tân.*
Cam đường *huệ vũ ca Chu Bá,*
*Đại thụ uy phong trọng Hán thần.*
*Thảo mộc vô tri do bội đức,*
*Giang sơn hữu ý vị hồi xuân.*
*Bách niên giải tác tài bồi kế,*
*Đào lý môn tiền thuộc chủ nhân.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CÂY ĐỀN

Lầu gác thanh quang thật tuyệt vời nơi trần thế,
Một bầu trời xanh ngắt ngắm trông càng tươi mới.
Thấm đẫm ân huệ như Thiệu Công được ca tụng thời Chu bá,(1)
Uy phong như cây đại thụ, được trọng vọng như tôi thần nhà Hán.(2)

Vô tình như cây cỏ còn không quên ân đức,
Non sông cũng có ý để hồi xuân.
Vẫn muốn bồi đắp kế sách trăm năm,
Nên trước cổng đào lý[3] vẫn thuộc về chủ nhân.

*Chú thích:*

1. Thiệu Công: Một vị quan thanh liêm, được ca ngợi trong bài thơ *Cam đường, Kinh Thi.*

2. Tôi thần nhà Hán: Câu thơ này ví Nguyễn Hữu Độ được trọng vọng như tôi thần nhà Hán xưa.

3. Đào lý: Người hiền tài ví như cây đào, cây mận. Trồng cây này, mùa hè được bóng mát, mùa đông được ăn trái.

## 288. 祠池

半幅清光掛畫圖
樓臺四面水縈紆
雲翻鳥影涵清鑑
風戲魚紋朗玉壺
此地繁花偏寂寞
一身廊廟又江湖
世間幾箇臨流客
砥柱狂波認得無

**Phiên âm:**

*TỪ TRÌ*

*Bán bức thanh quang quải họa đồ,*
*Lâu đài tứ diện thủy vinh vu.*
*Vân phiên điểu ảnh hàm thanh giám,*
*Phong hý ngư văn lãng ngọc hồ.*
*Thử địa phồn hoa thiên tịch mịch,*
*Nhất thân lang miếu hựu giang hồ.*
*Thế gian kỷ cá lâm lưu khách,*
*Chỉ trụ cuồng ba*(1) *nhận đắc vô.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH AO ĐỀN

Mặt ao trong sáng như nửa bức tranh treo,
Bốn phía lâu đài nước bao bọc quanh co.
Mây đùa bóng chim in đáy gương trong,

Gió bỡn tăm cá soi bầu trời đẹp như ngọc.
Nơi này thật tĩnh mịch giữa chốn phồn hoa,
Tuy thân nơi triều chính, nhưng chí ở sông hồ.
Thế gian có mấy kẻ đứng bên dòng nước chảy xiết,
Hỏi rằng có nhận ra cái lẽ phải kiên cường bất khuất
trước ngọn sóng dữ hay chăng?

*Chú thích:*

1. Chỉ trụ cuồng ba: Cũng như "chỉ trụ trung lưu" là thành ngữ chỉ sự kiên cường bất khuất như đứng giữa dòng nước chảy xiết.

## 289. 祠碑

相公事業柱擎天
終古貞岷尚宛然
燕石勒功應此日
硯山墜淚信他年
品如郭泰辭無愧
文到昌黎筆有權
若說萬家歌頌處
口碑堪並石碑傳

**Phiên âm:**

*TỪ BI*

*Tướng công sự nghiệp trụ kình thiên,*
*Chung cổ trinh mân thượng uyển nhiên.*
*Yên thạch lặc công ưng thử nhật,*
*Nghiễn Sơn trụy lệ tín tha niên.*
*Phẩm như Quách Thái từ vô quý,*
*Văn đáo Xương Lê bút hữu quyền.*
*Nhược thuyết vạn gia ca tụng xứ,*
*Khẩu bi kham tịnh thạch bi truyền.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH BIA ĐỀN

Sự nghiệp của tướng công như cột trụ chống trời,
Vì thế, thường khắc vào bia đá là lẽ đương nhiên.
Công lao này đáng được ghi vào đá núi nước Yên,
Khiến núi Nghiễn Sơn năm xưa tin theo mà rơi lệ.

Phẩm chất cao quý như Quách Thái, chẳng câu nói nào phải hổ thẹn,[1]
Văn chương giỏi như Xương Lê, ngòi bút quả là có quyền uy.[2]
Nếu nhà nhà là nơi ca tụng công đức,
Thì bia miệng còn truyền tụng hơn bia đá khắc ghi.

*Chú thích:*

1. Quách Thái: Người đời Đông Hán (127-169); quê ở Giới Hưu, tỉnh Thái Nguyên, tự là Lâm Tông. Ông là người học rộng, thông thạo nhiều kinh điển; thường ở nhà dạy học, đồ đệ theo học có đến cả nghìn người. Đời cho là người có đạo hạnh, phẩm chất cao quý, tuy được vời ra làm quan nhưng không đi. Sau khi chết, Sái Ung cho dựng bia, tự mình soạn văn bia ca ngợi Quách Thái.

2. Xương Lê: Là tên hiệu của Hàn Dũ, người đời Đường Tống, rất giỏi văn chương và là một trong tám đại gia văn học nổi tiếng của Trung Hoa cổ.

## 290. 祠鼓

傑閣清風裊遠薰
淵淵雅韻寂紛紛
影橫三尺浮明月
響入重樓徹碧雲
敢諫一風明萬古
行邊再請震千軍
鳳庭又有无音在
不入尋常俗耳聞

**Phiên âm:**

*TỪ CỔ*

*Kiệt các thanh phong niểu viễn huân,*
*Uyên uyên nhã vận tịch phân phân.*
*Ảnh hoành tam xích phù minh nguyệt,*
*Hưởng nhập trùng lâu triệt bích vân.*
*Cảm gián nhất phong minh vạn cổ,*
*Hành biên tái thỉnh chấn thiên quân.*
*Phượng đình hựu hữu vô âm tại,*
*Bất nhập tầm thường tục nhĩ văn.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH TRỐNG ĐỀN

Gác trống sừng sững, gió hây hẩy đưa mùi hoa bay xa,
Tiếng trống thanh nhã, chìm trong hương thơm thoảng thoảng.
Bóng gác cao ba thước, nổi lên giữa ánh trăng trong,

Tiếng trống truyền qua lầu gác, thấu lên tận mây xanh.
Dám cất lời can gián, vọng mãi đến mai sau,
Xin đem quân đến nơi biên ải, làm chấn động ba quân.
Tuy có công lao với triều đình, nhưng chẳng hề lên tiếng,
Chẳng cần nghe những lời bàn tầm thường trong dân gian.

## 291. 祠鍾

相公功德景鍾銘
響重樓四一面清
夕落珥波催月上
曉敲濃樹帶風鳴
喚回塵夢知誰扣
唱徹人寰是此清
傾耳幾回休錯認
龍邊有佛萬家生

**Phiên âm:**

*TỪ CHUNG*

*Tướng công công đức cảnh chung linh,*
*Hưởng trùng lâu tứ nhất diện thanh.*
*Tịch lạc Nhĩ ba thôi nguyệt thượng,*
*Hiểu xao Nùng thụ đới phong minh.*
*Hoán hồi trần mộng tri thùy khấu,*
*Xướng triệt nhân hoàn thị thử thanh.*
*Khuynh nhĩ kỷ hồi hưu thố nhận,*
*Long Biên hữu Phật vạn gia sinh.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH CHUÔNG ĐỀN

Công đức của tướng công đáng được ghi tạc vào chuông đồng,
Tiếng chuông trong trẻo vang vọng quanh lầu.
Chuông chiều buông xuống, như giục trăng lên trên sóng nước Nhị Hà,

Chuông sớm mai điểm, theo gió lay gọi cỏ cây trên đỉnh núi Nùng.
Chẳng biết ai là người gõ chuông để thức tỉnh người trần thế,
Chính tiếng chuông này, đưa con người từ cõi u mê trở lại.
Hãy lắng tai nghe, sẽ bỏ được nhiều điều sai trái,
Nay ở Long Biên có Phật sống cho mọi nhà.(1)

*Chú thích:*
1. Long Biên: Tên gọi xa xưa của Thăng Long - Hà Nội.
Phật sống: Ý chỉ công đức của Nguyễn Hữu Độ.

## 292. 祠石

周匝玲瓏萬竅通
庭軒屹起小崆峒
排來草樹千般巧
帶得風煙一樣同
濃嶺別饒名勝外
泰山長在奠安中
依依擎柱留終古
信是人工補化工

**Phiên âm:**

*TỪ THẠCH*

*Chu táp linh lung vạn khiếu thông,*
*Đình hiên ngật khởi tiểu không đông.*
*Bài lai thảo thụ thiên ban xảo,*
*Đới đắc phong yên nhất dạng đồng.*
*Nùng Lĩnh biệt nhiêu danh thắng ngoại,*
*Thái Sơn trường tại điện an trung.*
*Y y kình trụ lưu chung cổ,*
*Tín thị nhân công bổ hóa công.*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH NÚI NON BỘ TRONG ĐỀN

Khắp mọi nơi đều thông thoáng, xung quanh lại lung linh đẹp đẽ,
Trên sân phẳng nổi lên một ngọn núi đá cao nho nhỏ.
Cỏ cây xếp đặt trên núi trông thật tinh xảo,

Lại thoáng như có mây khói bay quanh.
Khác xa với cảnh trí ở bên ngoài ngọn Nùng Lĩnh,
Như rặng Thái Sơn trường tồn mãi trong sân.
Tựa như cột trụ chống trời, lưu lại mãi,
Đúng là công sức của con người, bồi đắp thêm cho tạo hóa.

## 293. 祠鏡

(帥府珍贈)

鳳舞龍蟠一样清

得來何處自玻城

碧樓高褂雲藏鮮

寶匣光開月浸泓

閱世盛衰成別鑑

分人妍醜到眞情

無心相待心相照

一點靈臺萬古靈

(興安嶺府黃高啓拜)

**Phiên âm:**

*TỪ KÍNH*

*(Soái Phủ trân tặng)*

*Phượng vũ long bàn nhất dạng thanh,*
*Đắc lai hà xứ tự pha thành.*
*Bích lâu cao quải vân tàng tiển,*
*Bảo hạp quang khai nguyệt tẩm hoằng.*
*Duyệt thế thịnh suy thành biệt giám,*
*Phận nhân nghiên xú đáo chân tình.*
*Vô tâm tương đãi tâm tương chiếu,*
*Nhất điểm linh đài vạn cổ linh.*

*(Hưng Yên Lãnh phủ Hoàng Cao Khải bái)*

**Dịch nghĩa:**

VỊNH GƯƠNG ĐỀN

*(Soái Phủ trân trọng tặng)*

Rồng chầu phượng múa trên tấm gương trong đền, thật là thanh cao,
Tấm gương đưa từ nơi nào đến mà trong sáng vậy.
Treo cao trên lầu biếc, làm mây bay vướng gợn,
Soi trong hộp báu, làm ngợp cả ánh trăng.
Khi đời thịnh suy dùng gương soi phân biệt,
Con người hay dở ra sao, phải lấy tình để phán xét.
Đối đãi với nhau vô tâm, thì lại lấy cái tâm mà cùng soi rọi.
Như một trái tim mãi mãi linh thiêng.(1)

*(Lãnh phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải bái đề)*

*Chú thích:*

1. Linh đài: Chỉ trái tim.

## NGUYỄN KHUYẾN (1835 - 1909) 阮勸

(Nguyên chú: *Nguyễn Khuyến còn có tên là Nguyễn Văn Thắng, tên hiệu là Quế Sơn; vì thi Hương, thi Hội, thi Đình đều đỗ đầu và là người xã Yên Đổ huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nên thường gọi là: Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến đỗ Hoàng giáp năm Tự Đức 24 (1871), làm Đốc học.)*

### 294. 鬥巧記聞

鬥巧場聞百物陳
噫何巧也巧而新
近來誰鑿乾坤孔
到此方知宇宙春
遠國服裝眞詭異
深林鳥獸絶奇珍
尋常弊邑無他巧
聊作冠裳木偶人

**Phiên âm:**

*ĐẤU XẢO KÝ VĂN*

*Đấu Xảo trường khai bách vật trần,*
*Y! Hà xảo dã xảo nhi tân.*

*Cận lai thùy tạc càn khôn khổng,*
*Đáo thử phương tri vũ trụ xuân.*
*Viễn quốc phục trang chân quỷ dị,*
*Thâm lâm điểu thú tuyệt kỳ trân.*
*Tầm thường tệ ấp vô tha xảo,*
*Liêu tác quan thường mộc ngẫu nhân.*

**Dịch nghĩa:**

GHI LẠI NHỮNG ĐIỀU
TAI NGHE MẮT THẤY Ở ĐẤU XẢO[1]

Nơi đấu xảo mở ra trình bày hàng trăm thứ lạ,
Ô! Tinh xảo quá, vừa tinh xảo lại vừa mới mẻ.
Lâu nay, ai là kẻ đào thủng cả đất trời?[2]
Đến đây mới biết cảnh xuân của vũ trụ.
Trang phục nước ngoài thật là kỳ quặc,
Chim thú rừng sâu quý giá tuyệt trần!
Xóm ta[3] vụng về kém cỏi, không có gì khéo,
Làm tạm mấy thằng hình nhân khoác áo các quan.[4]

*Chú thích:*

1. Năm 1902, thực dân Pháp tổ chức cuộc triển lãm lớn nhằm phô trương thanh thế, giới thiệu nguồn lợi của Thuộc địa Đông Dương, để kêu gọi tư bản chính quốc đầu tư, gọi là "Đấu xảo": Tranh đua phô bày những cái hay cái khéo. Nhà Đấu Xảo, nay là Cung văn hóa Hữu Nghị, trên đường Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

2. Ám chỉ việc khai mỏ, xẻ núi mở đường lúc đó.

3. Nguyên văn "Tệ ấp": Có thể hiểu "Nước ta," ý mỉa mai.

4. Ám chỉ bọn "vua quan bù nhìn", qua việc đem áo mũ cân đai khoác lên các manocanh (hình nộm) để trình bày nơi đấu xảo.

## 295. 還劍湖

不到劍湖三十年
當時景色已芒然
衡芒何處起樓閣
笳駭但聲無管絃
玄鳥歸來迷舊徑
白鷗暮下宿寒煙
可憐五百文章地
尚有孤山石一卷

**Phiên âm:**

*HOÀN KIẾM HỒ*

*Bất đáo Kiếm Hồ tam thập niên,*
*Đương thời cảnh sắc dĩ mang nhiên.*
*Hành mao hà xứ khởi lâu các,*
*Già bác đãn thanh vô quản huyền.*
*Huyền điểu quy lai mê cựu kính,*
*Bạch âu mộ hạ túc hàn yên.*
*Khả lân ngũ bách văn chương địa,*
*Thượng hữu cô sơn thạch nhất quyển.*

**Dịch nghĩa:**

HỒ HOÀN KIẾM

Đã ba chục năm nay không đến thăm hồ Gươm,
Cảnh sắc khi xưa đã phai mờ cả.
Mái lá cổng tre đâu rồi, thay vào đó là lầu gác,

Tiếng kèn, tiếng súng thay cho tiếng đàn sáo.(1)
Chim én tìm về quên lối xưa,
Chiều buông cò đậu giữa màn sương khói lạnh.
Thương thay đất văn chương, đã có năm trăm năm lịch sử,(2)
Nay chỉ còn một gò đá nhỏ trơ trọi.(3)

*Chú thích:*

1. Gần khu vực hồ Gươm hồi đó, có nơi đóng quân của Pháp; ngày đêm tiếng kèn, tiếng súng thay cho tiếng đàn sáo ngày xưa vốn rất rộn rã bên hồ (dưới thời Lê, quanh hồ có nhiều hàng quán, nhà trọ, nơi tụ hội của nhiều văn nhân tài tử đất Hà thành).

2. Bên khu vực hồ Gươm là Tràng Thi; tính từ khi thiết lập thời Lê cho tới khi Pháp chiếm đóng là gần 500 năm.

3. Nay bên hồ chỉ còn gò đá nhỏ có Tháp Bút, gần đó là Đài Nghiên (nằm bên đền Ngọc Sơn), là dấu tích của "đất văn chương" thuở xưa.

## DƯƠNG KHUÊ (1839 - 1902) 揚珪

(Nguyên chú: *Dương Khuê hiệu là Vân Từ, người làng Vân Đình, huyện Sơn Minh, tỉnh Hà Đông, nay là huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1868), được bổ chức Tri phủ Bình Giang, rồi làm Đốc học Nam Định, Ninh Bình, thăng làm Thượng thư. Về sáng tác Dương Khuê có tập* Vân Trì thi thảo, *và một số văn thơ, câu đối, trướng... Ông nổi tiếng về những bài hát nói - ca trù.)*

### 296. 河城中秋節

風靜霞明暮雨休
江城徹夜濟光浮
氣燈秋下車爭道
還劍湖邊月管樓
世事如棋無定局
衰眇借酒慢肖愁
兒同參逐魚龍驥
不計山河已半秋

**Phiên âm:**

*HÀ THÀNH TRUNG THU TIẾT*

*Phong tĩnh hà minh mộ vũ hưu,*
*Giang thành triệt dạ tế quang phù.*

*Khí đăng thu hạ xa tranh đạo,*
*Hoàn Kiếm hồ biên nguyệt quản lâu.*
*Thế sự như kỳ vô định cục,*
*Suy miêu tá tửu mạn tiêu sầu.*
*Nhi đồng tham trục ngư long ký,*
*Bất kế sơn hà dĩ bán thu.*

**Dịch nghĩa:**

TẾT TRUNG THU Ở HÀ THÀNH(1)

Gió lặng, ráng sáng, mưa chiều đã tạnh,
Suốt đêm thành phố bên sông vẫn sáng sủa.
Dưới vòm trời thu và ánh đèn khí(2) xe tranh nhau trên đường.
Bên hồ Hoàn Kiếm, trăng treo trên nóc lầu.
Thế sự như bàn cờ, không có cục diện nhất định,
Tuổi già mượn rượu để tiêu sầu.
Lũ trẻ ham chơi trò rồng cá,(3)
Chẳng nghĩ gì đến chuyện non sông đã quá thu.

*Chú thích:*

1. Hà thành: Tức Hà Nội.
2. Hà Nội lúc đó chưa có đèn điện, đường phố thắp loại đèn đốt bằng chất khí.
3. Trẻ con chơi trò rước đèn làm theo hình rồng, hình cá.

## 297. 河城即景

拂披阮竹𣘃斜
𠰘鐘鎮武更𪃿壽昌
𥊚𥋴𤌋熌𡽫箱
𢭮梐安泰𣘇𩄴西湖

**Phiên âm:**

*HÀ THÀNH TỨC CẢNH*(1)

*Phất phơ ngọn trúc trăng tà,*
*Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.*
*Mịt mù khói tỏa ngàn sương,*
*Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

*Chú thích:*

1. Bài thơ chép trong *Vân Trì thi thảo,* ký hiệu A.2185, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

## NGUYỄN THƯỢNG HIỀN (1868 - 1925) 阮尚賢

(Nguyên chú: *Nguyễn Thượng Hiền, tự là Đỉnh Nam, Đình Thần; hiệu là Mai Sơn, người làng Liên Bạt, huyện Sơn Lãng nay là huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội); đỗ Cử nhân năm 1884, năm 1885 đỗ đầu thi Hội. Sau ra làm quan với các chức Toản tu Quốc sử, Đốc học Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định; tiếp xúc với các nhân sĩ có tư tưởng khai sáng, giao thiệp với các nhân sĩ có tư tưởng duy tân như Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Nguyên Cẩn, Hoàng Mậu, tiếp xúc với các nhà yêu nước như Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Ông đảm đương nhiều việc hệ trọng của tổ chức "Việt Nam Quang Phục hội." Sau Thế chiến thứ Nhất, thấy Pháp là nước thắng trận, ông phẫn chí đi tu ở Hàng Châu, Chiết Giang, Trung Quốc; vài năm sau mất ở đó. Thơ của ông thật trữ tình và đặc sắc thể hiện tâm trạng bi phẫn của kẻ sĩ có chí lớn, dám hành động mà bị bó tay trước thời vận.*)

### 298. 遊湖西

嶄嶄渃渃
於翰南麻買蹟罌低
扱艋腠蓮騷准湖西
埃吶噥時低些吶貝
尬些懷風流崔意志
空城市拯煙霞
魁麌扶固酒卒花簪罵易貂

歸來一向龍城了
夢去鷹攜鶴圃雲
摟毼鴻扱迂𠄩蹎
彤沒曄踟草堂些𠊛
擙劄𩓐貼撾枕中記
旨名山麻嗨沒堆句
𩏂𩆜年女𦊚丢

## CHƠI TÂY HỒ

Non non nước nước,
Ở trong Nam mà mới vượt ra đây.
Cắp mảnh trăng lên trải chốn hồ Tây,
Ai nói chuyện thì đây ta nói với.
Nay ta chán phong lưu thôi ý chí,
Không thành thị chẳng yên hà.
Ngồi mà nghĩ có rượu tốt hoa thơm là dễ chịu,
Quy lai nhất hướng long thành liễu.
Mộng khứ ưng huề hạc phố vân,
Mượn lông hồng chắp dưới hai chân.
Bay một dịp tới thảo đường ta nghỉ,
Giở tráp cũ xem qua chẩm trung ký.
Chỉ danh sơn mà hỏi một đôi câu,
Năm trăm năm nữa là đâu.

(Theo *Mai Sơn ngâm tập*, ký hiệu Vhv.1522,
Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

# KHUYẾT DANH

## 299. 坥玉山

靈威浽啃寔罢低
渃振花㰚沒鎖霆
撐碧渃燸湖論睵
𣝅膘蘒朩矽䪙㭲
更殘盷打鐘喑啃
客閁欺迻麝噚𩙻
城市啃㗂屯景勝
熔熔怒筆貝硯尼

### ĐỀN NGỌC SƠN

Linh uy nổi tiếng thực là đây,
Nước chắn hoa rào một khóa mây.
Xanh biếc nước soi hồ lộn bóng,
Tím bầm rêu mọc đá tròn xoay.
Canh tàn lúc đánh chuông ầm tiếng,
Khách vắng khi đưa xạ ngát bay.
Thành thị tiếng vang đồn cảnh thắng,
Rành rành nọ bút với nghiên này.

**Đọc ngược lại:**

尼硯貝筆怒焒焒
勝景屯噤㗂市城
䬃噂麝迻欺問‹客
㗂喑鐘打昈殘更
𣘈𩈘礒木‹蘚膟䊷
睥論湖爧渃碧青
霮鎖沒櫻花振渃
低罢寔㗂浽威靈

Này nghiên với bút nọ rành rành,
Thắng cảnh đồn vang tiếng thị thành.
Bay ngát xạ đưa khi vắng khách,
Tiếng ầm chuông đánh lúc tàn canh.
Xoay tròn đá mọc rêu bầm tím,
Bóng lộn hồ soi nước biếc xanh.
Mây khóa một rào hoa chắn nước,
Đây là thực tiếng nổi uy linh.

# HÀ THÀNH THI SAO - TRẦN DUY VÔN

(Nguyên bản)

VHv 2310

1991

玉淵
重編

昇龍
南京
中京
東都
東關城

# 河城詩抄

越南民主共和三十年乙卯 1975、

海英詞雲亭陳維垣 抄輯

## 沿革考、

河城河內城也、東北寧興安、今北海興、西山西和平、今河西和平、南河南

今南河、北太原、今北太、面積方二未只四百五十各(庚子 1960 統計表)

大南一統志云、河內東西二百五里、南北一百二十九里、去京城一千四百四十里

古雄王為交趾部、秦為象郡、又改南海郡、漢因南海、為交趾郡、吳為交州、梁隋為宋平

「唐武德間 618-626 改為陸州、宋州、南州以置 譯(高祖名李淵)」後為交州

貞觀間 (627-649) 合置宋平、南定二縣、貞元 789 並入南定縣、置安南都護羅

城(高駢任官時)

丁初 970 為交州道、黎天德初 981 改為府、李太祖順天元年庚戌 1010 秋七月自

華閭移都來、日昇龍城、亦日南京、陳天應政平初 1232 日天長、陳…

初 1279 日中京、又改東都、光泰十年 1397 改為東都、後明 1414 為交州府日東關城

VHv 319

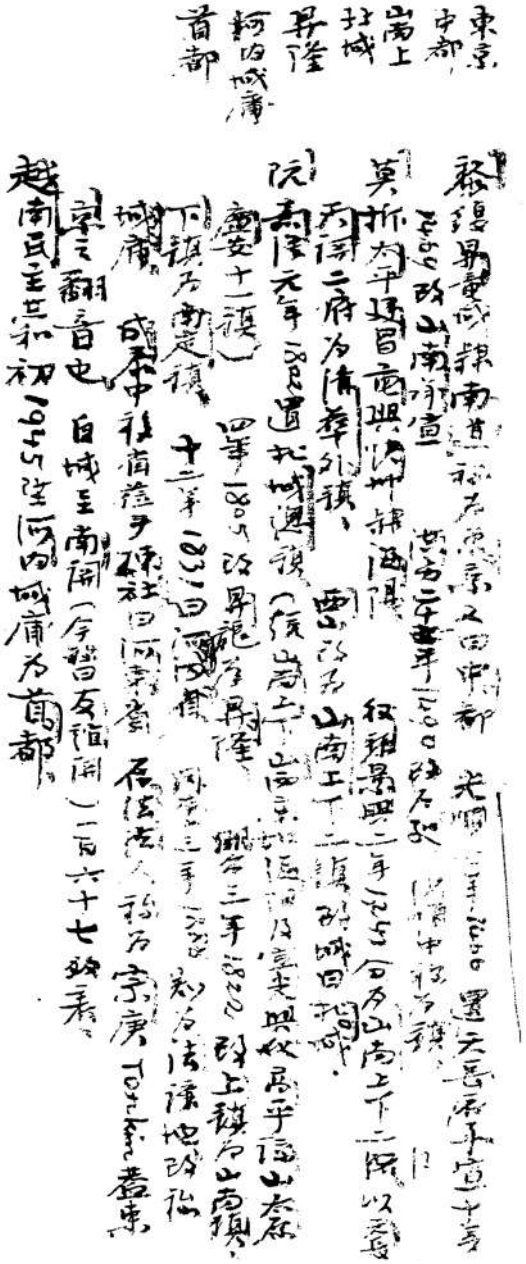

四旁縣　東及東北曰壽昌縣、南及東南東北爲青池縣、

四門　東曰祥符門、秋改東華門、南曰大興門、

四觀　真武觀、永順安光村、同天觀在會仙坊、已毀、

四鎮祠　東鎮[illegible]康白馬大王祠、西鎮守隸寨靈郎大王祠、南鎮金蓮坊高山大王祠、高頭、北鎮西湖真武觀、

大羅城

唐代宗大曆二年丁未767、經略使張伯儀築羅城、

德宗貞元二十年甲申804都護趙昌重修、

穆宗長慶四年甲辰824都護李元嘉移府堂於東湖外、又修築之

憲宗元和三年808張伯儀爲都護、修築大羅城、

西及西南西北爲永順縣、

北及東北西北爲廣德縣、

西曰廣福門、會與武古城道

北曰耀德門、秋北干河、

玄天觀在壽昌玄天村、

帝釋觀、

高駢築羅城見有靈氣、立祠祀之、

李聖宗[illegible]四年、伐占城蛟龍夫帝命立祠祀

古已有祠在林中寨壁、仁宗初年太尉徐文信奏立、

李英宗永治[illegible]儀廟方十年增秩致祀三聖

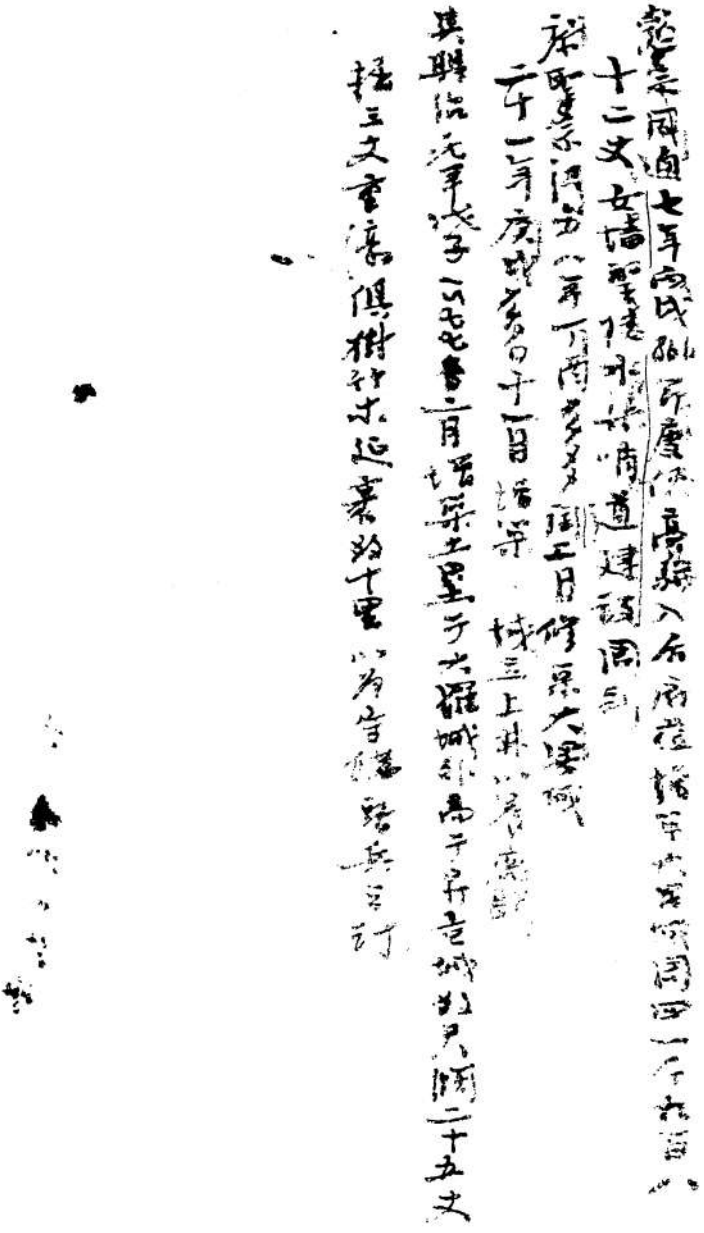

# 河城詩抄

陳朝

陳光啓

①

從駕還京師 上相陳光啓 興隆四年戊子一二八八三月

奪槊彰陽渡、擒胡鹹子關、太平須努力、萬古此江山、

陳元旦

②

題玄天觀、司徒陳元旦

白日飛昇易、理居袞冕難、塵埃六十載、回首愧伎冠

范師孟

③

謁聖祠、在壽昌縣大村社、祀昆侖將軍行衙史李封大王祠祀

作者峽石盖菊山人、任應明宗裕三朝、官至封柱石

遭阿臣頭位望隆、天君泰否量寬洪、內齋定國匡王業、外攬除凶却寇戎、理柱石

明國居位決方平、光割河山、紫天賜東、大王紫天賜、廟祀巍巍感必通

康午十一 未完五 一二中五

④ 報天寺塔

鎮壓東南華帝畿 峙然一塔独巍巍 山河不動擎天筆 今古相[illegible]立地維
凡環[illegible]時[illegible]星辰炳燭夜光輝 [illegible]砥此題詩處 [illegible]頂看江作硯池

李道載 ⑤ 一柱寺

李道載[illegible]嗣人 寶符三年(1275)[illegible]詩[illegible]
[illegible]家[illegible]山[illegible]祖

上方秋夜一鐘闌 月色如波風樹丹 鵝吻倒眠分鏡影 [illegible]光双峙玉尖寒
緣不擾心應依半 点無憂眼放寬 [illegible]是非乎等相 魔[illegible]國好生觀

阮飛卿 ⑥ 秋城晚望

飛卿[illegible]阮[illegible]興隆二年(1304)二甲[illegible]不[illegible]用
[illegible]

未厭都城九月天 [illegible] 迎風[illegible] [illegible]樹[illegible]時
秋聲[illegible] [illegible]

城南寓居感作 昌符元年 1377

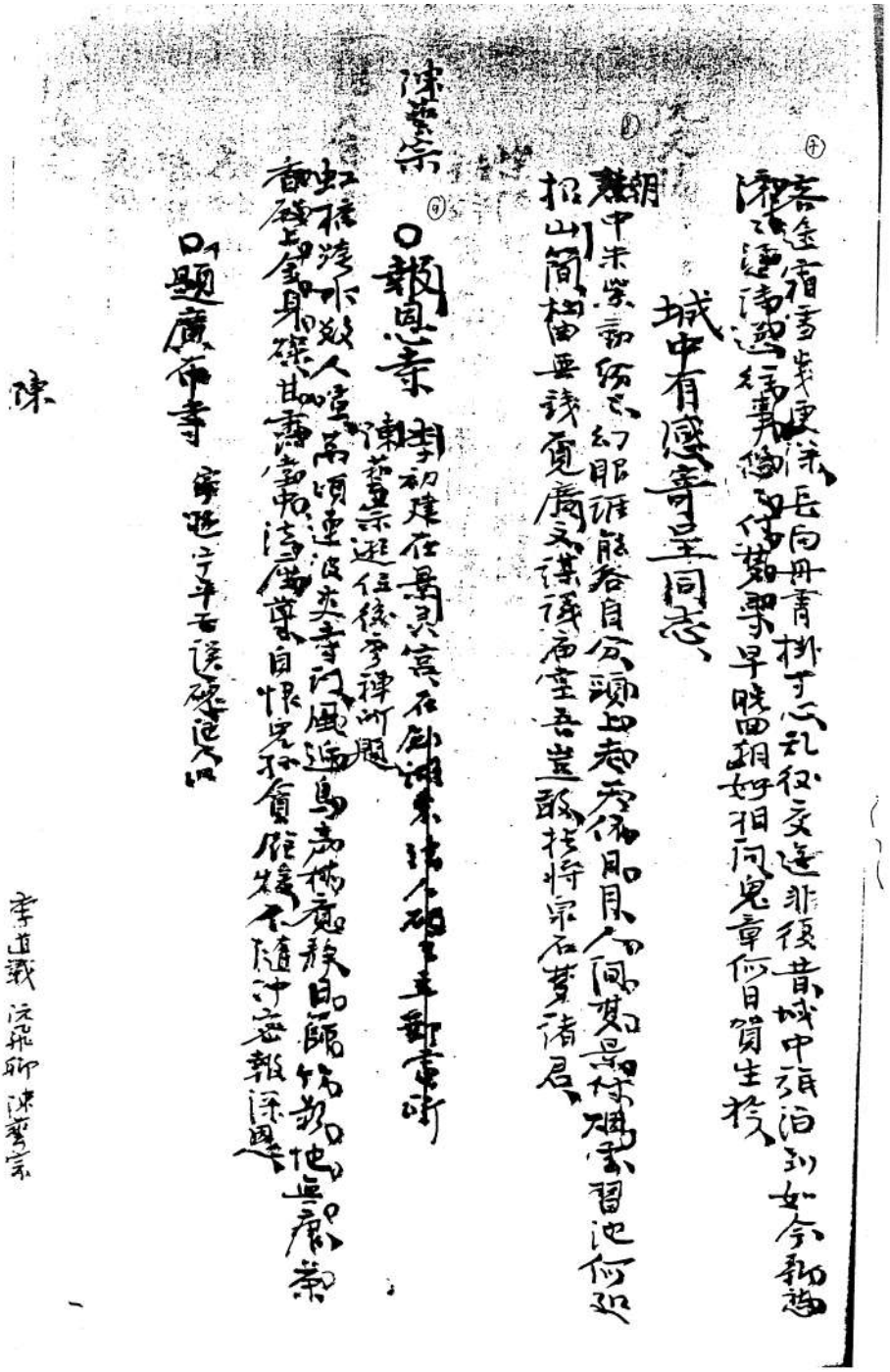

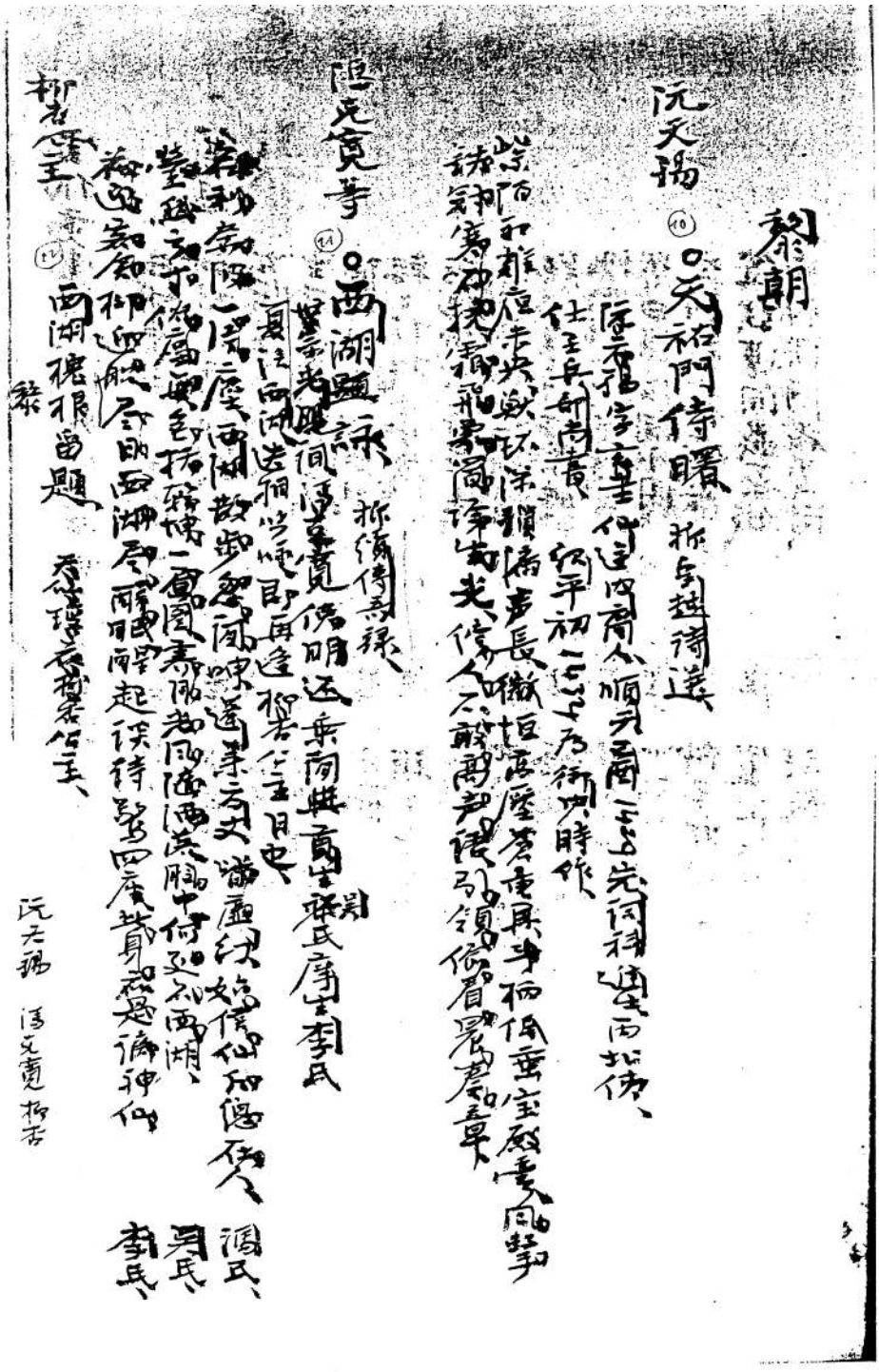

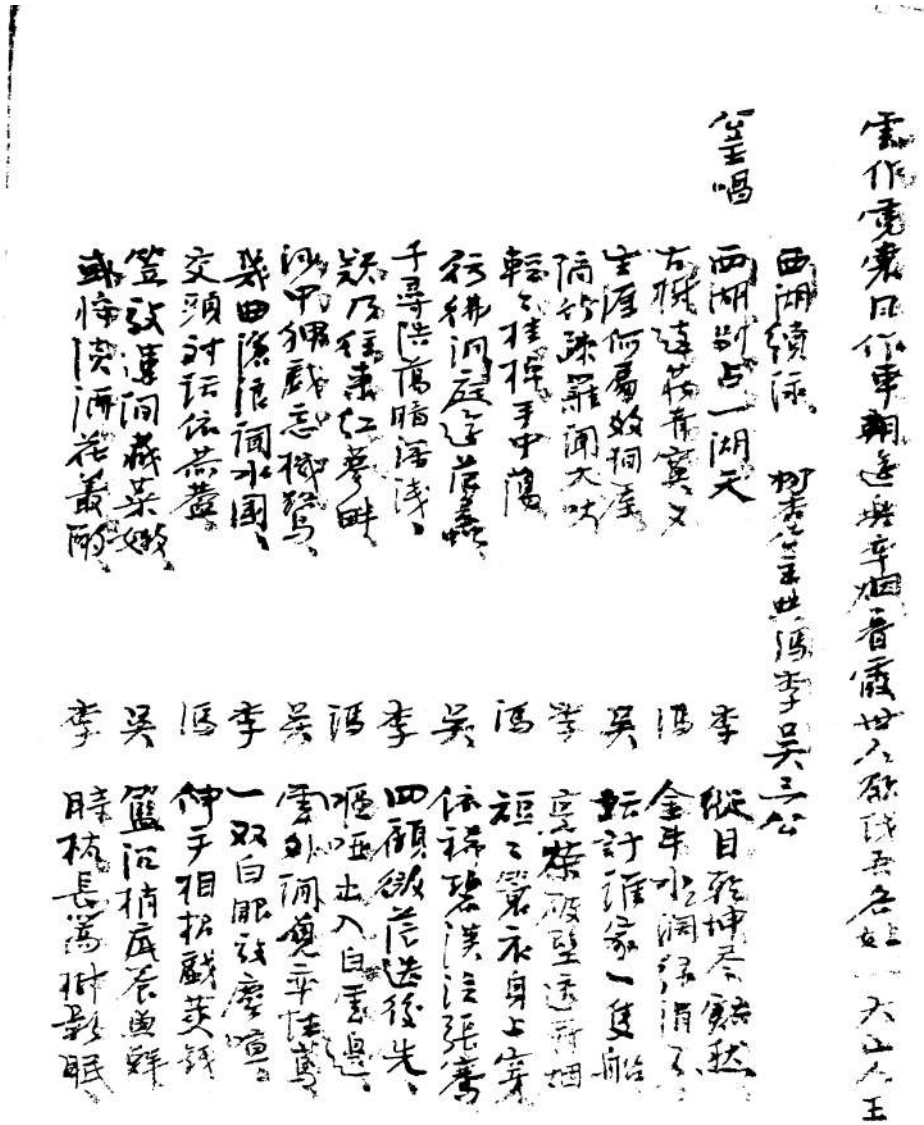

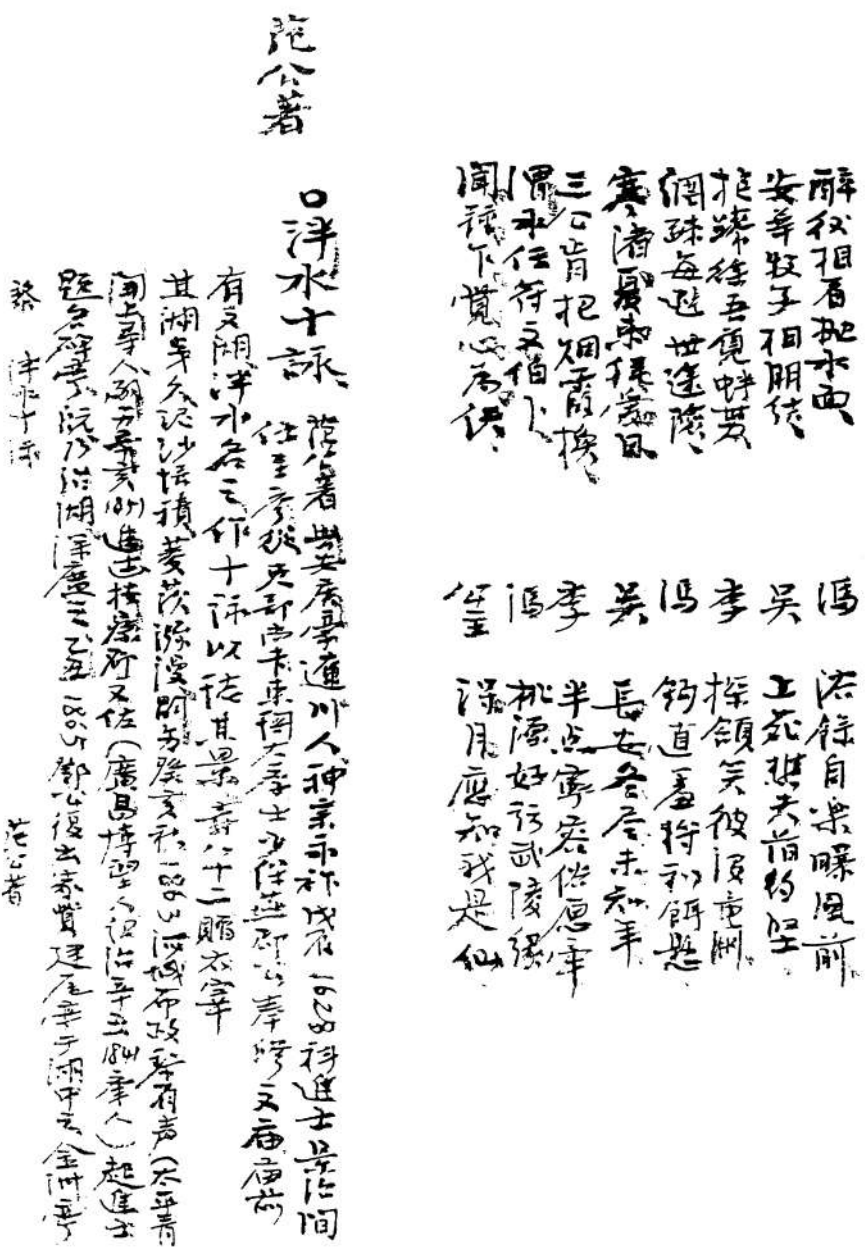

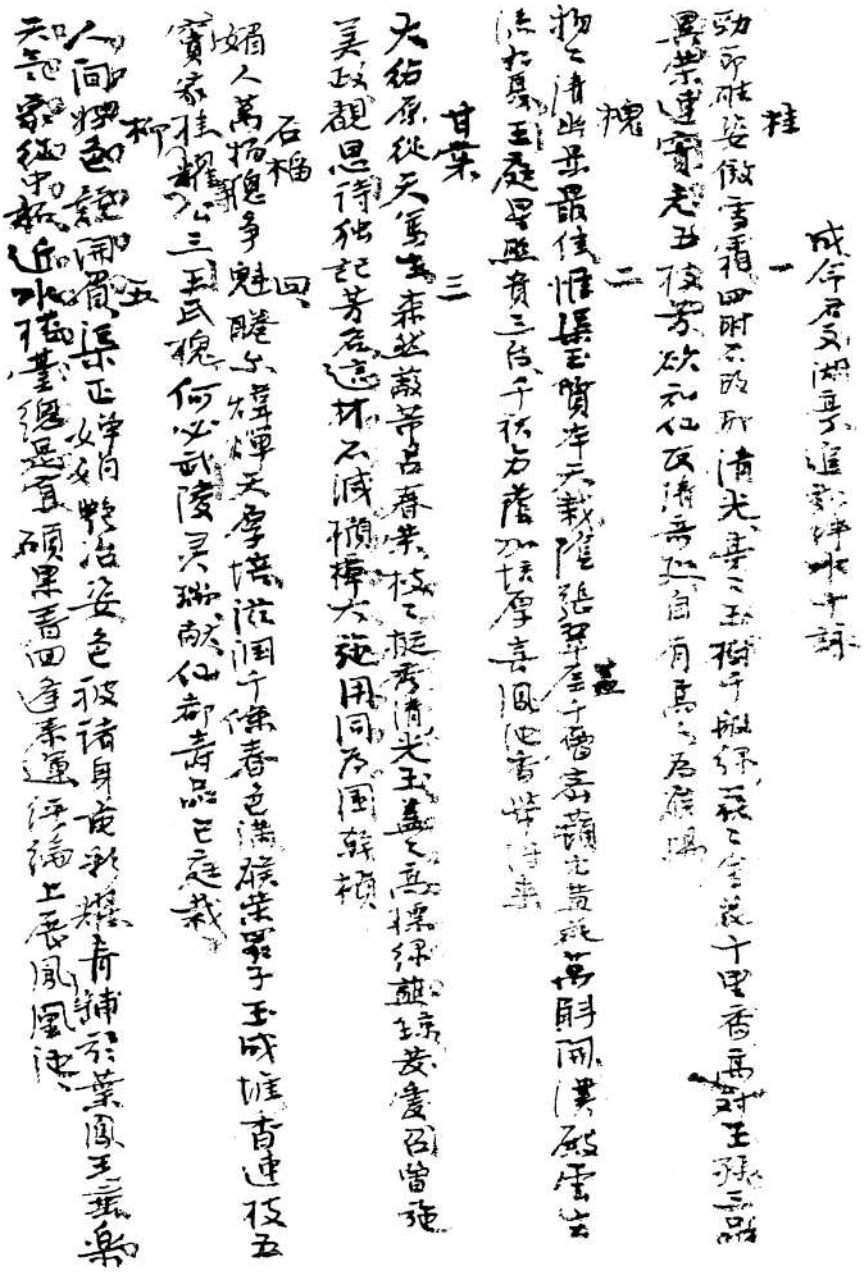

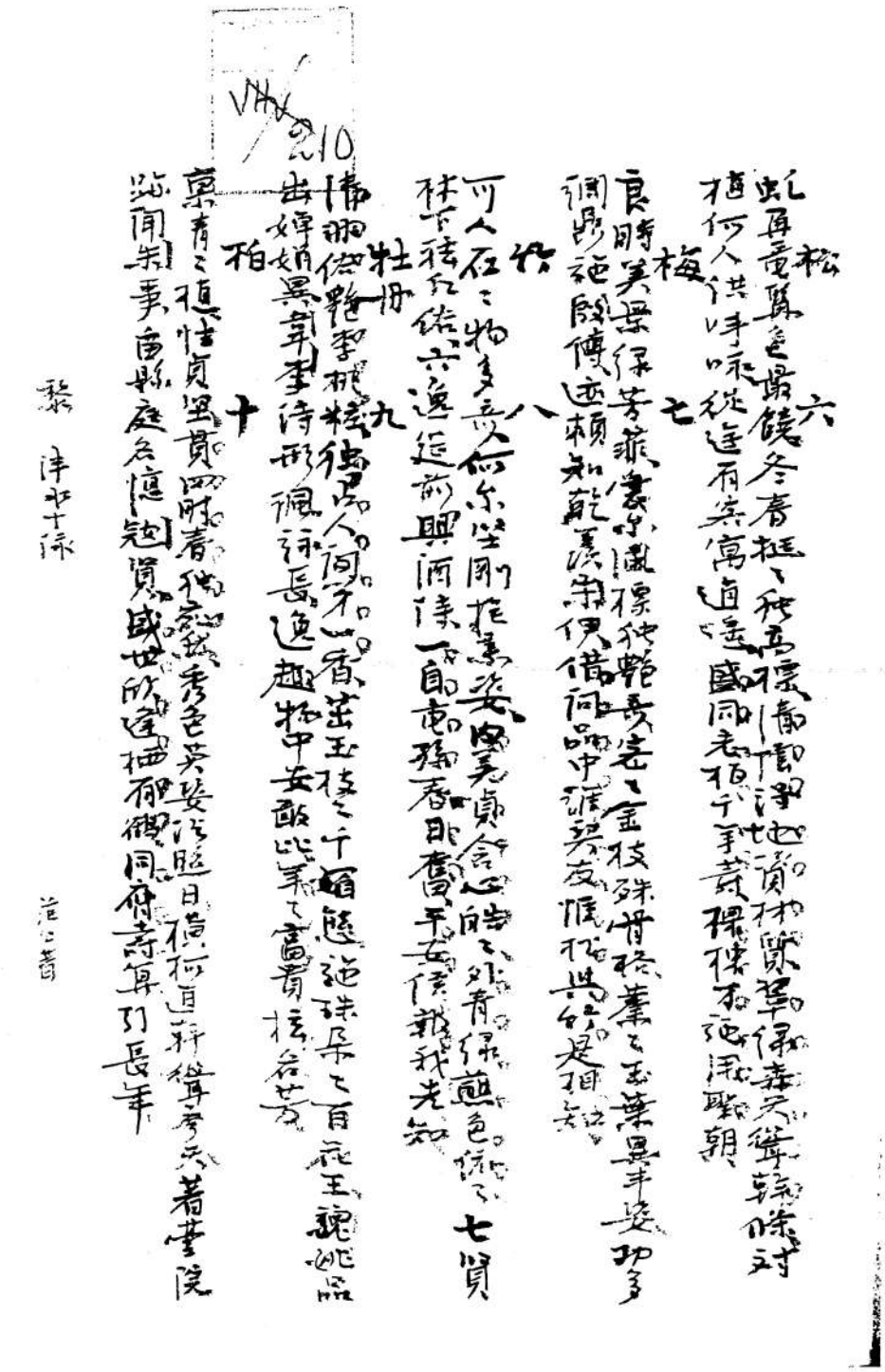

清八魏樺

○安南京都八景 拆界古跡考 VHv 1441 (242)

别袪祠(清發隆和年) 甘慕閣玉融懃樺川冊氏原稿

一 衛樓觀濤

合璧双掉擢羽筏海天宫闕衛樓高三層朱户開金鏁八面話芙暎绿徑花柳含烟

連閬逈山川杂氣着人豪黄去有夜飛絲水鶴喚风声情懒濤

二 爾山夕照

細柳條梯藏陵霞爾城樹色半為鴉樓臺幾度飛鳥作丘壑千秋賦晃寬權市

和怙沽雨唇農生從老釣漁藏爾山寺圯池堞晚春草田晴岸之蛙

三 齊池問津

竹樹雲烟異草塵亭滿山山色向人清春但細拼桃義綠野岸和句白鷺沒道德不

同行奚頻醉迷多在畫舟醒津頭漫問案波友指點香池哺水深

四 莺堤達眺

達眺莺堤驟陷東程来坐当目無窮雞鳴殘月催行客雲捲長途見塞箭竹暗

深撩村下雨樹高低遥畫蘭風荒宫残文迷達斯斜戟当秋野戲殘

五 報天曉鐘

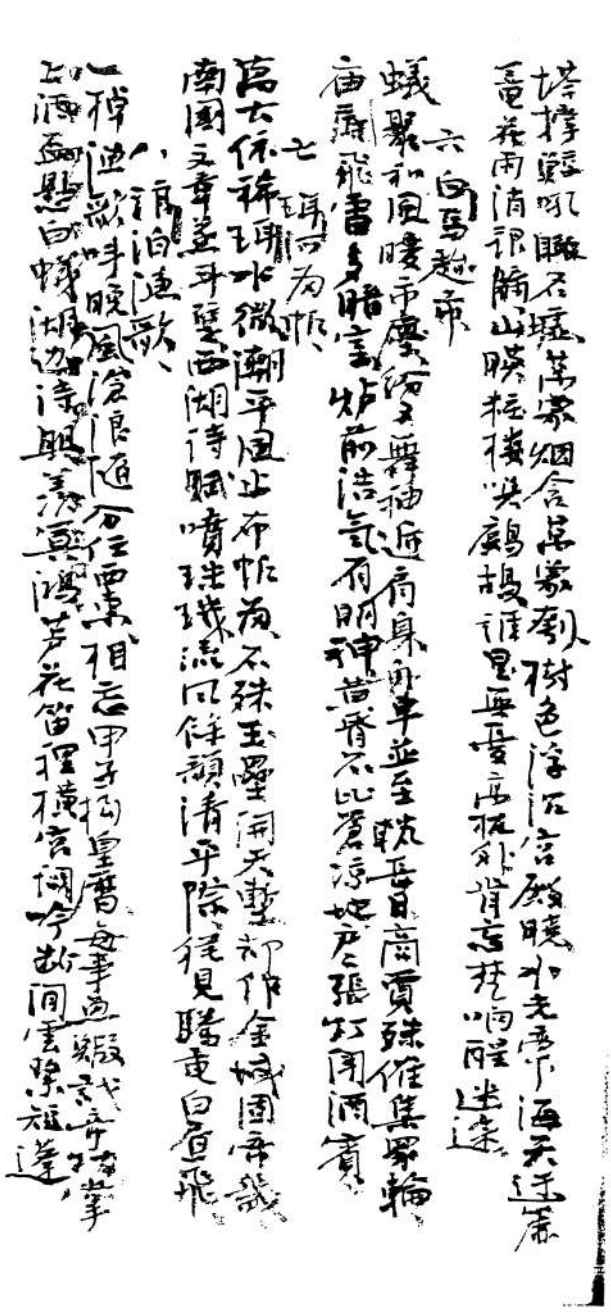

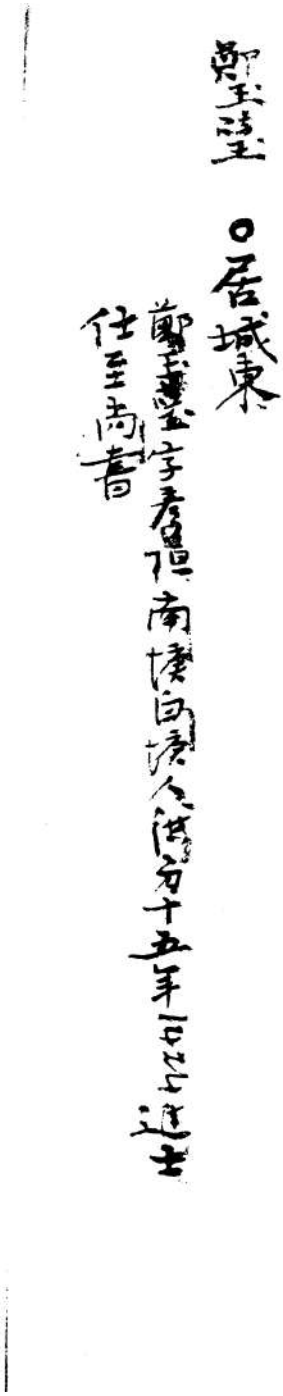

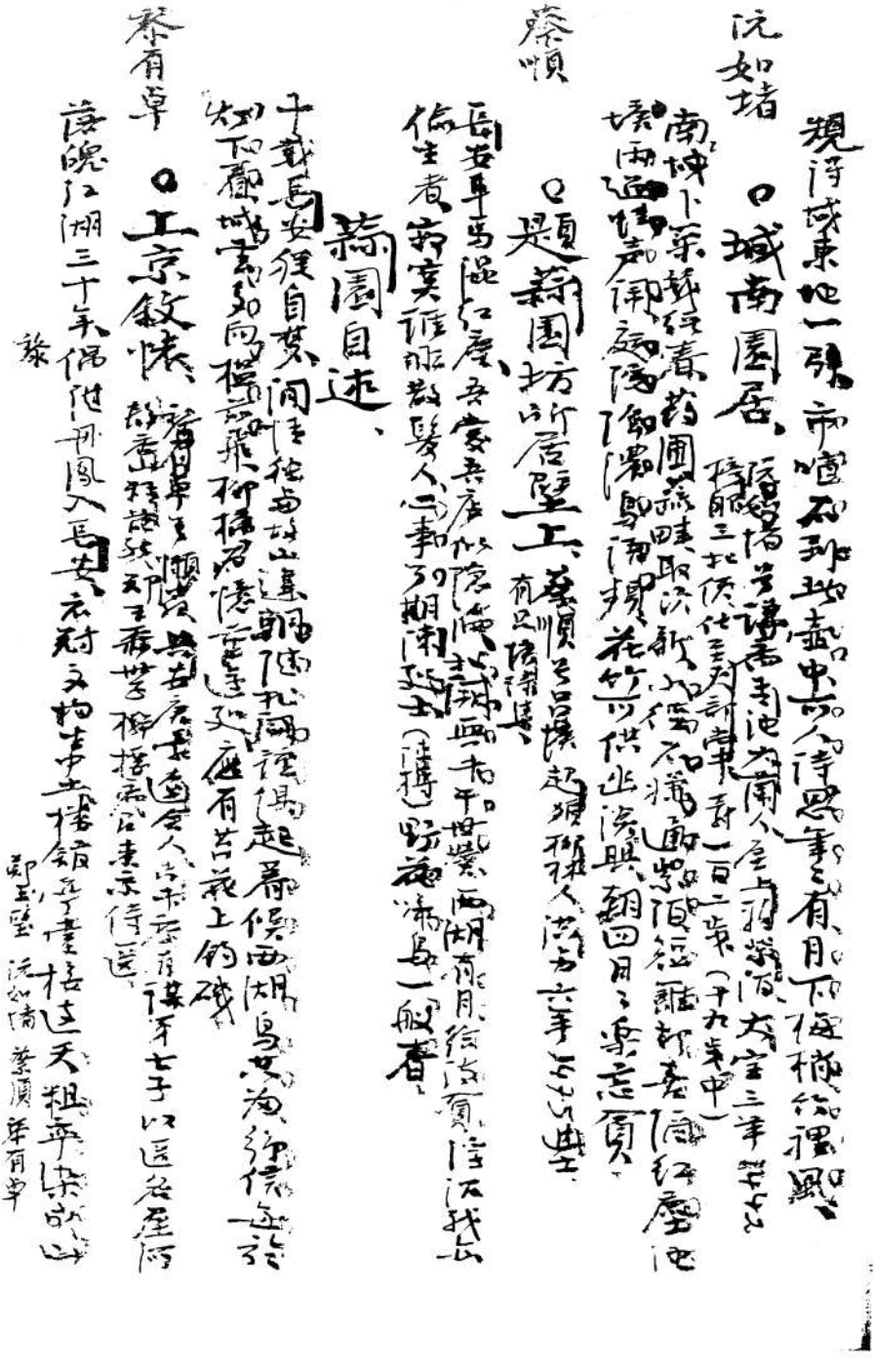

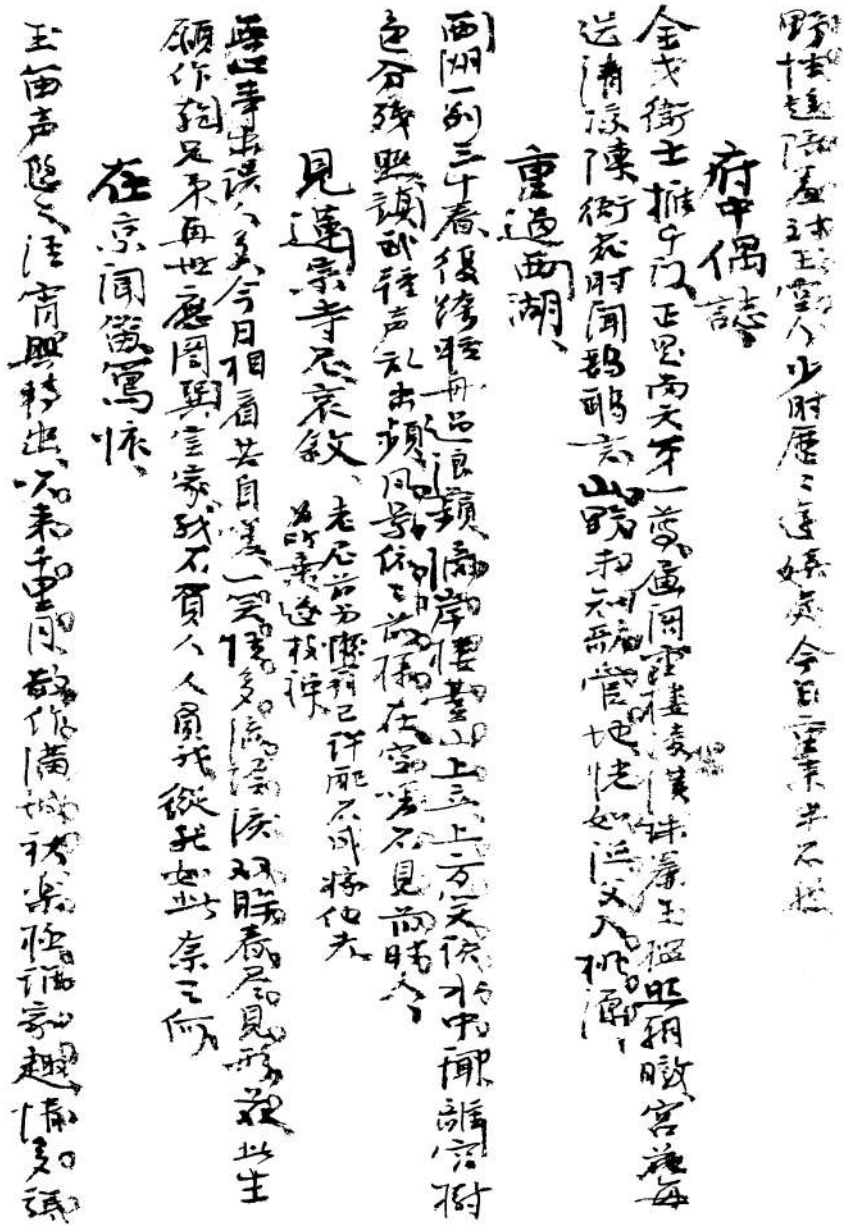

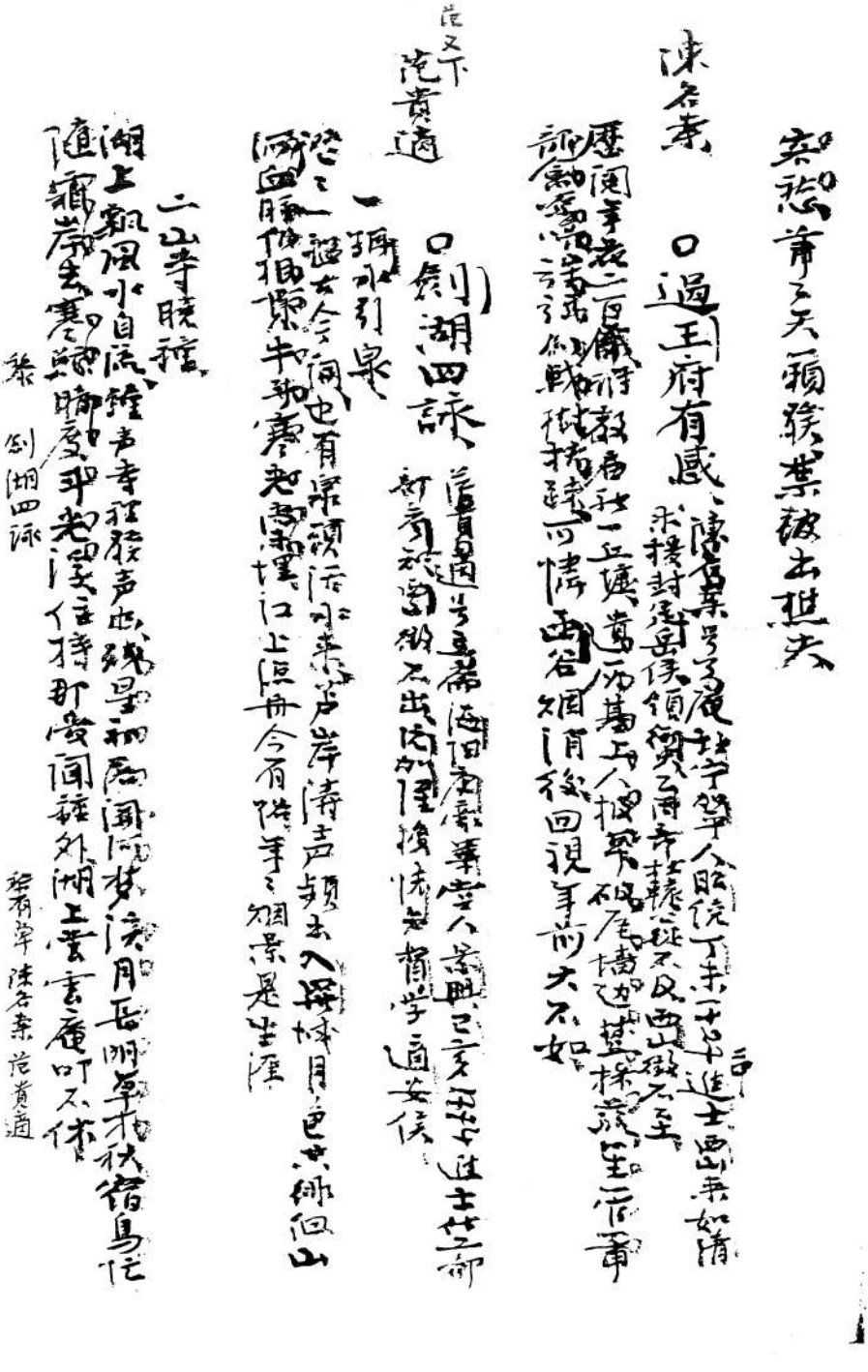

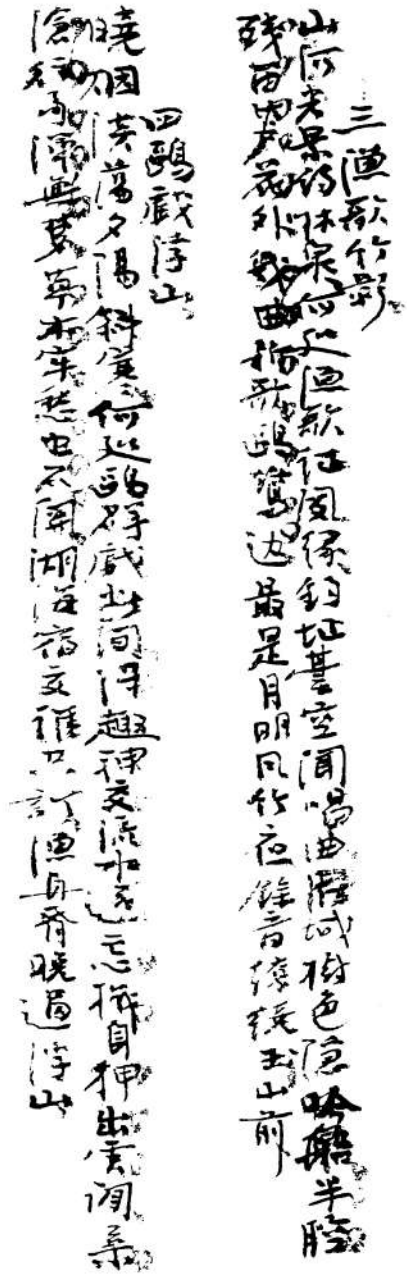

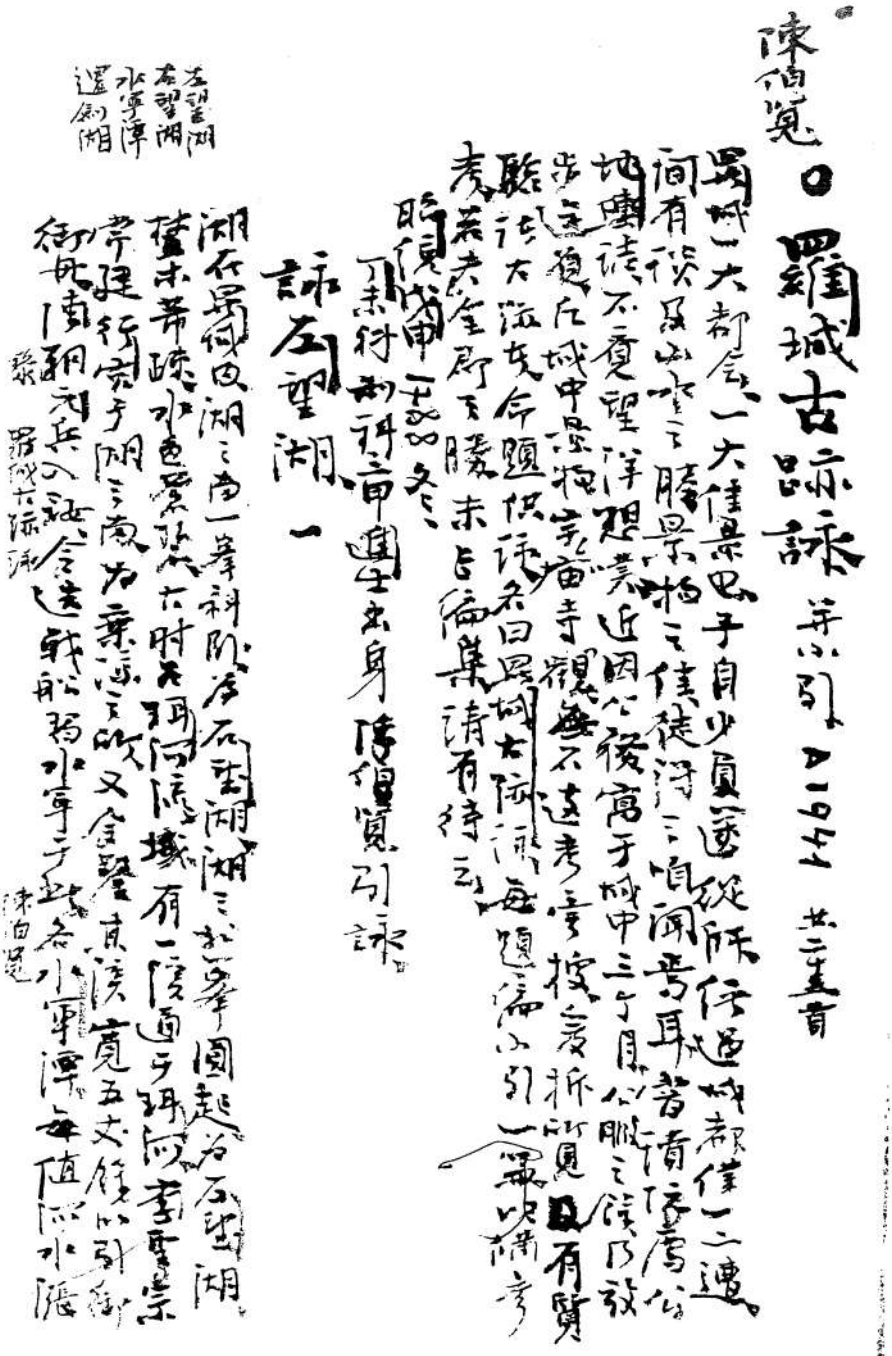

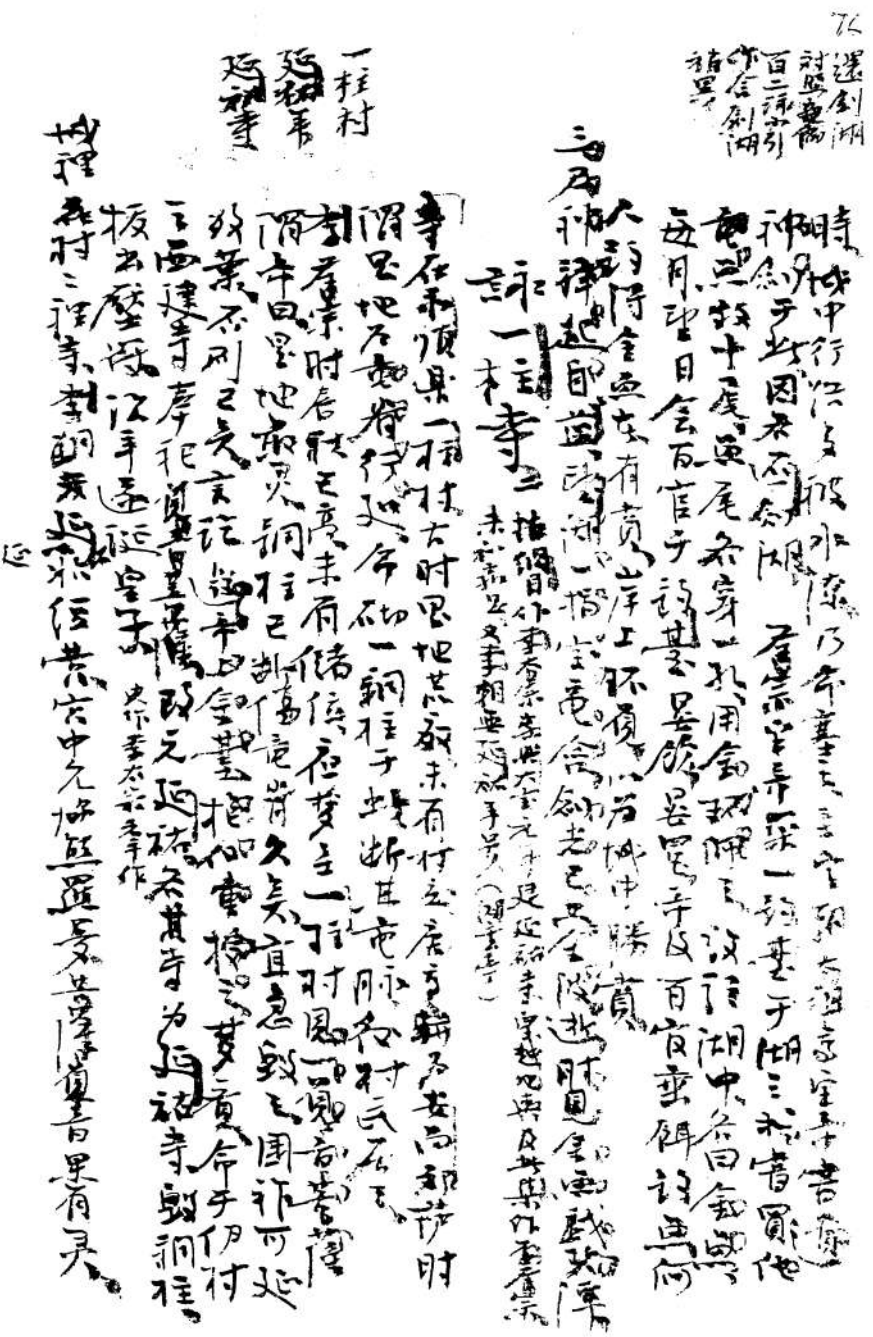

詠同天觀 三

覓在壽昌縣安太坂蘇溪江上李朝棲羣墓仁宗太后所建奉祀
上真列位後為元賊所毀宣朝中興紹修寺觀為吳仁宗后行
宮房戊辛歲舉行中村左氏構造新觀迎列位四本御奉祀
故墟在華夕陽仁李叔山河皆霑東知慶愛迎氣海以候為幸覽候行宮

詠佛館寺 四

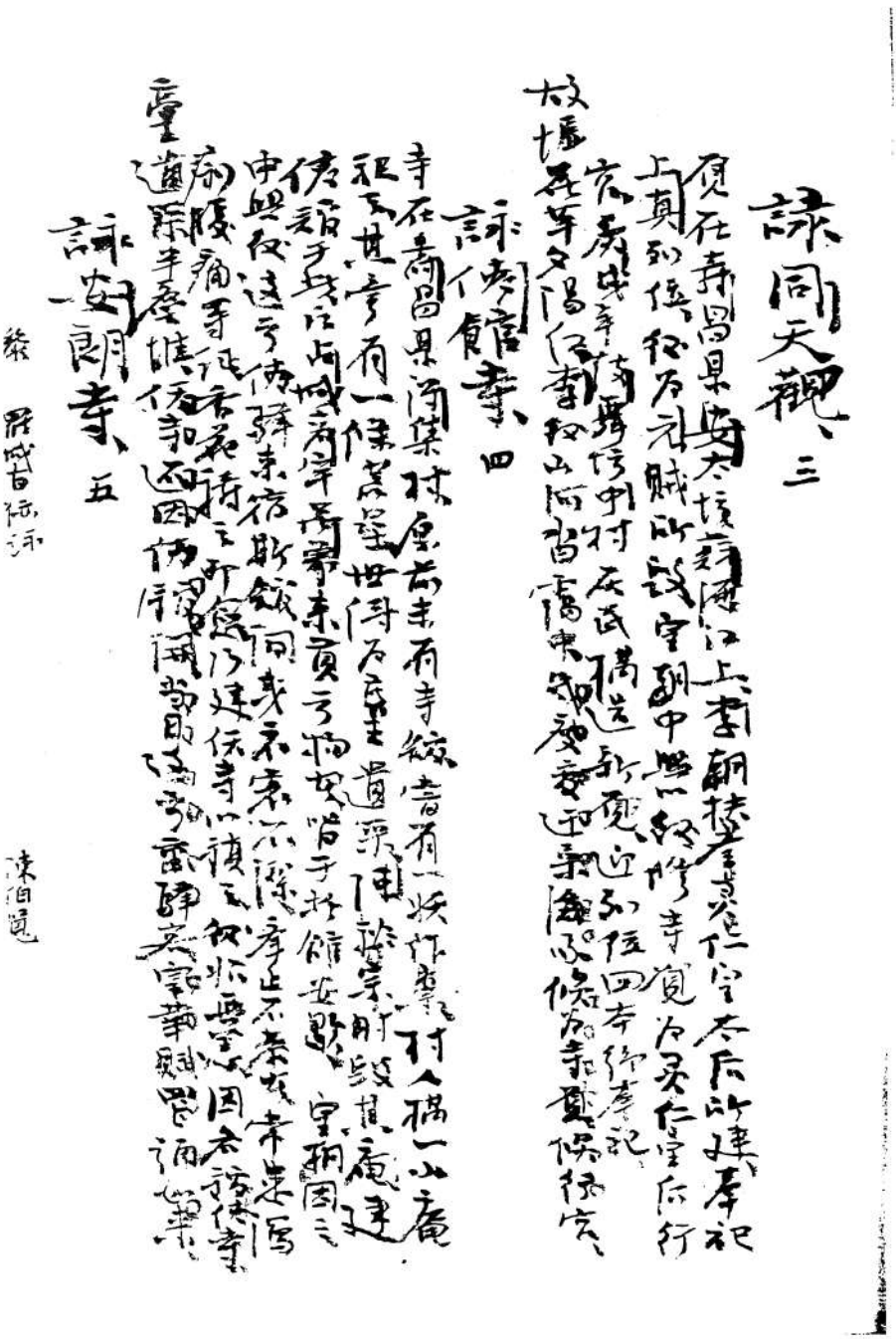

寺在壽昌縣河集村原前未有寺鎮嘗有一妖作祟村人構一小庵
祀之其旁有一條茅屋世得為屋遺跡因於宗時毀其庵建
佛館于此以尚城齋宇齋幕來貢之物如皆于此館安歇宣朝因之
中興後遂為佛驛來宿斯館同或不索不深孝止不奈故常患瀉
痢腹痛等症香花請之所愈乃建佛寺以禎之後亦無恙因名諸佛寺
臺道際半塵堆佛和迎因佛行開幽明為弘靈驛客宣華賦詩誦如來

詠安朗寺 五

參 歷城古蹟詠

陳伯遠

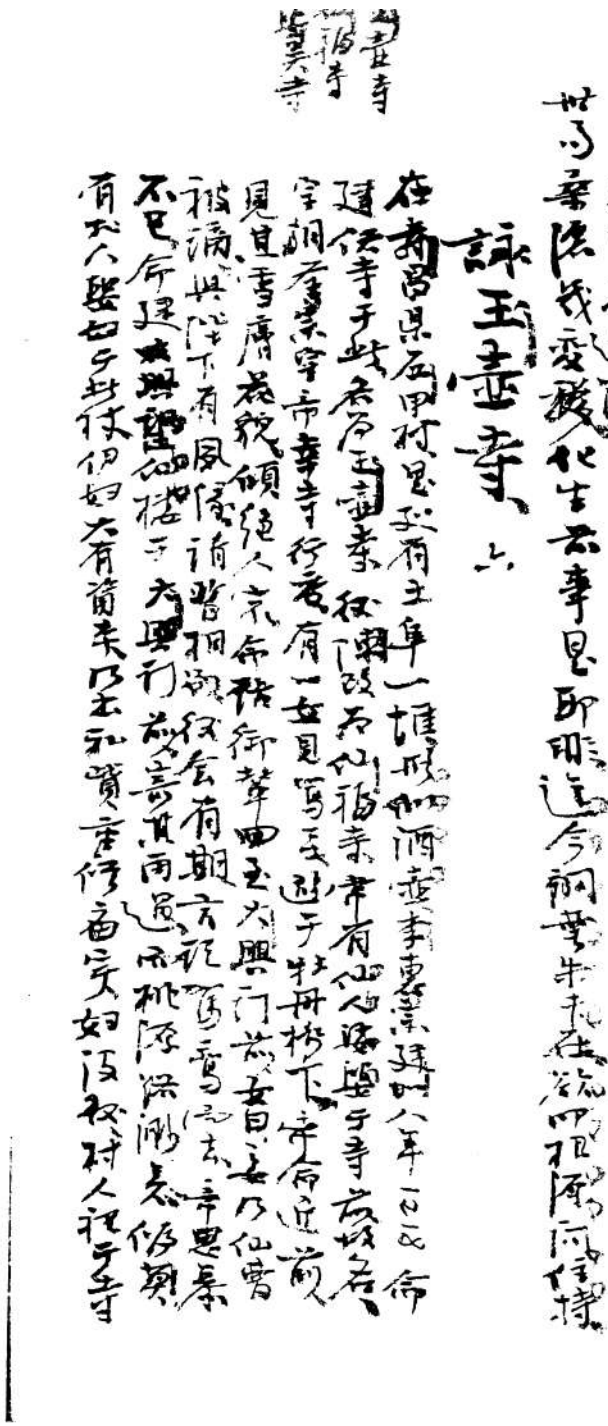

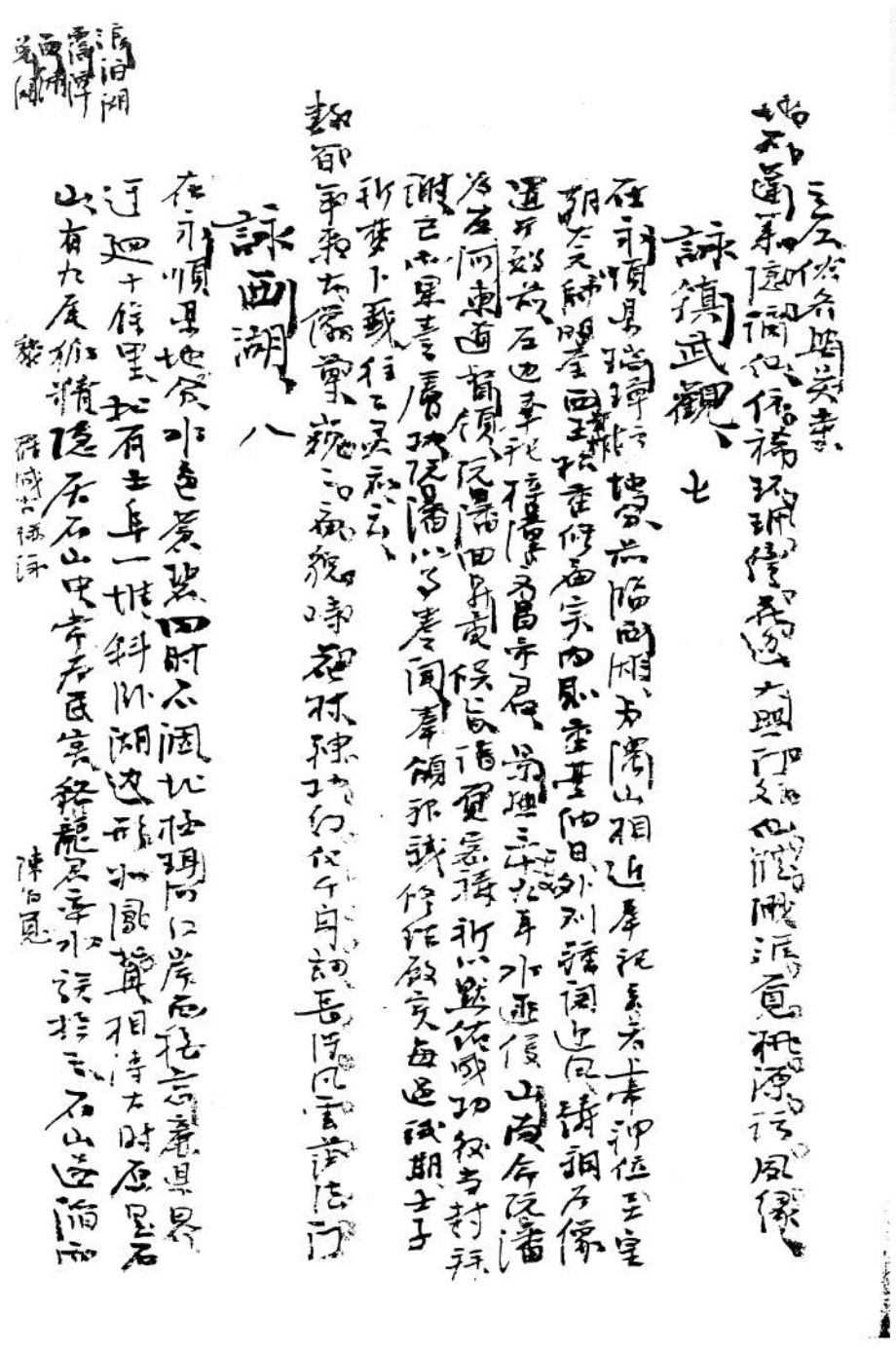

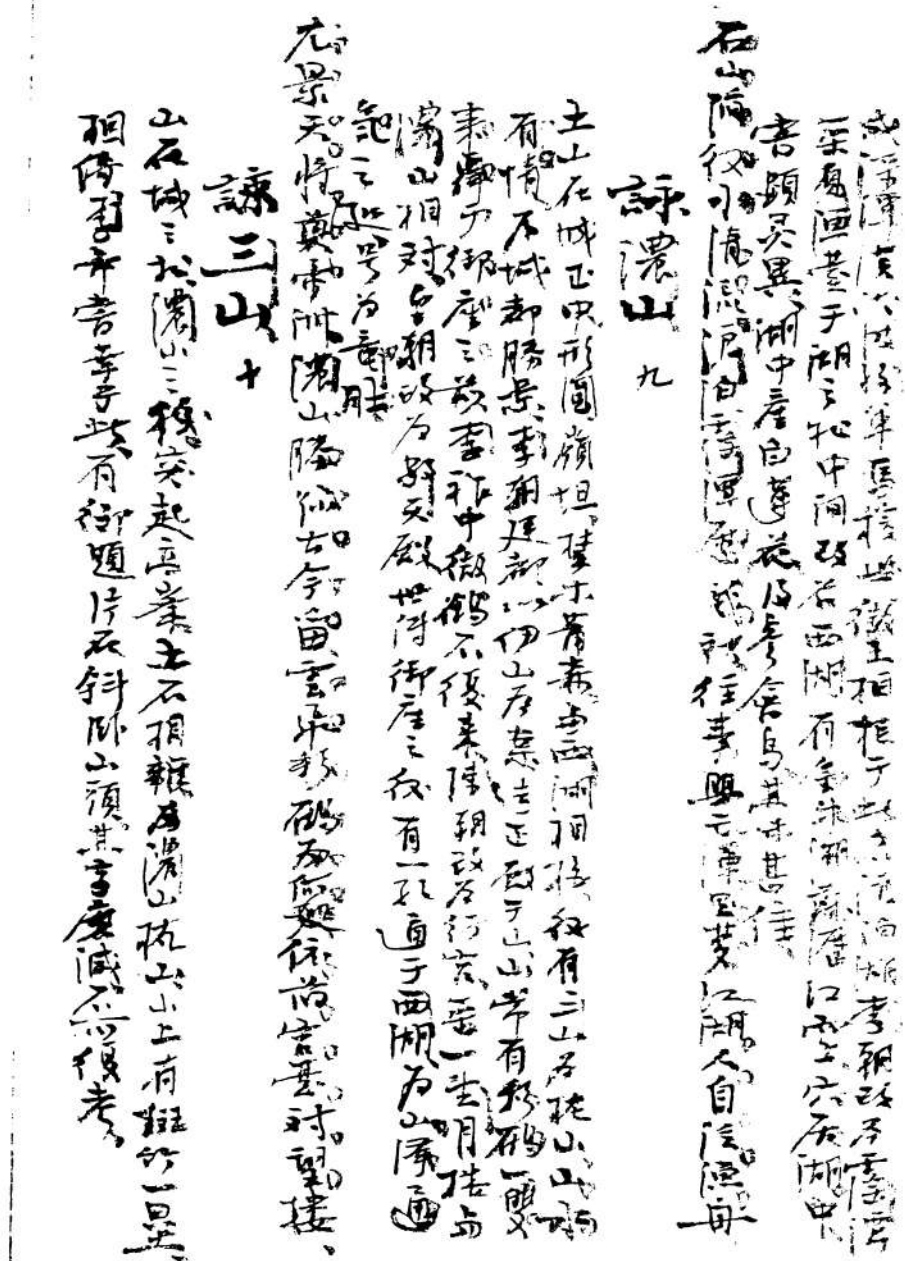

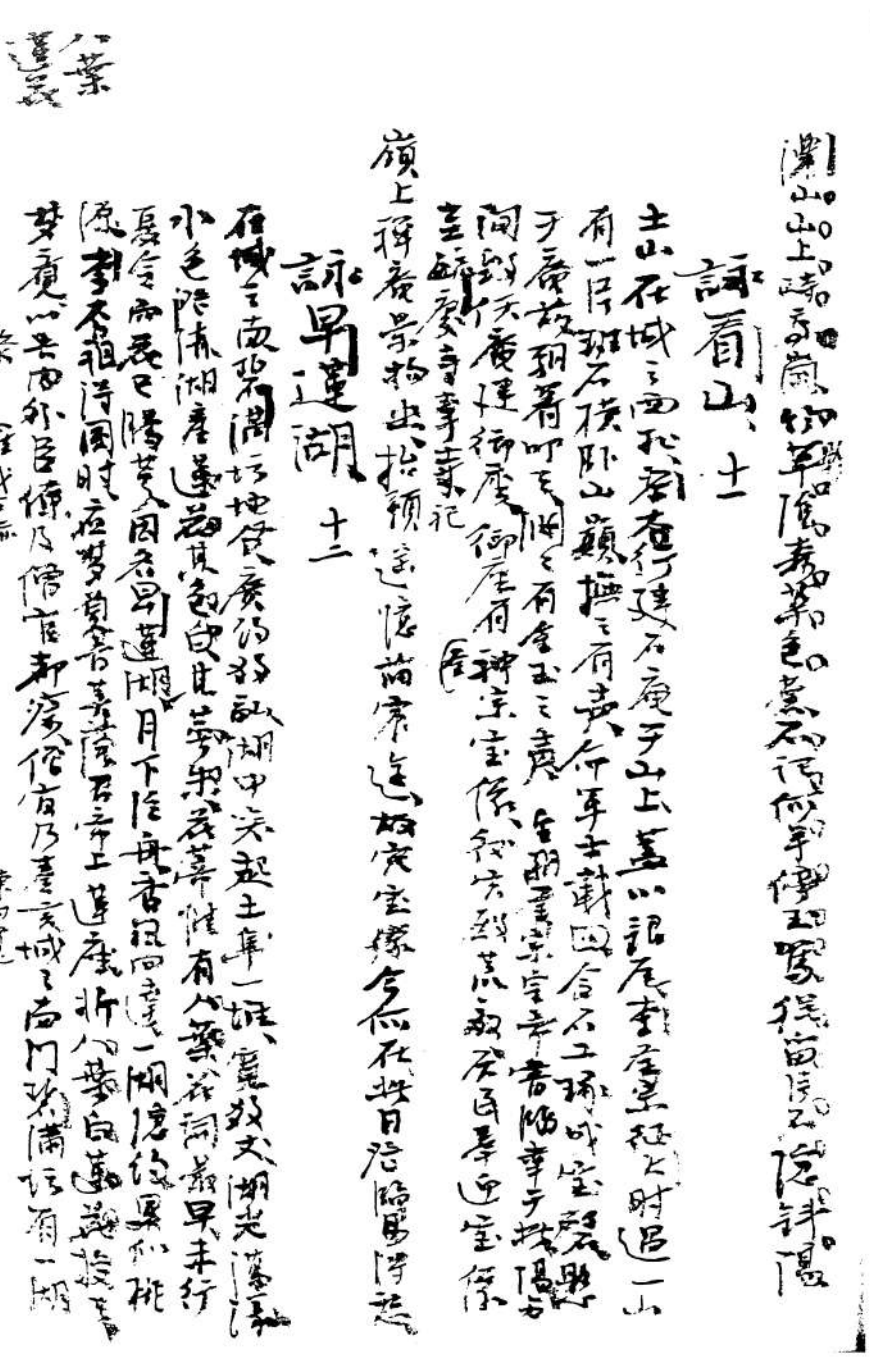

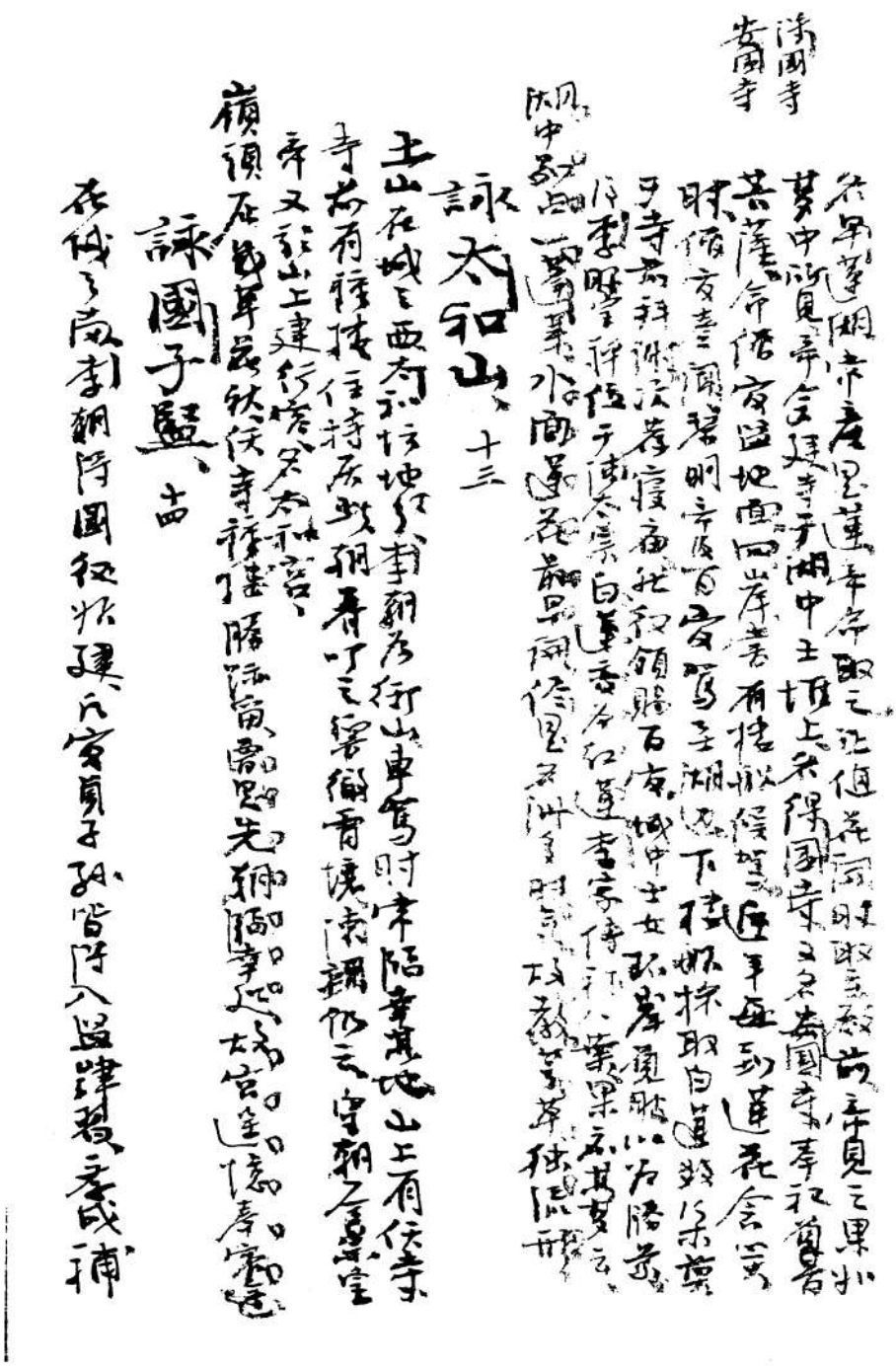

639

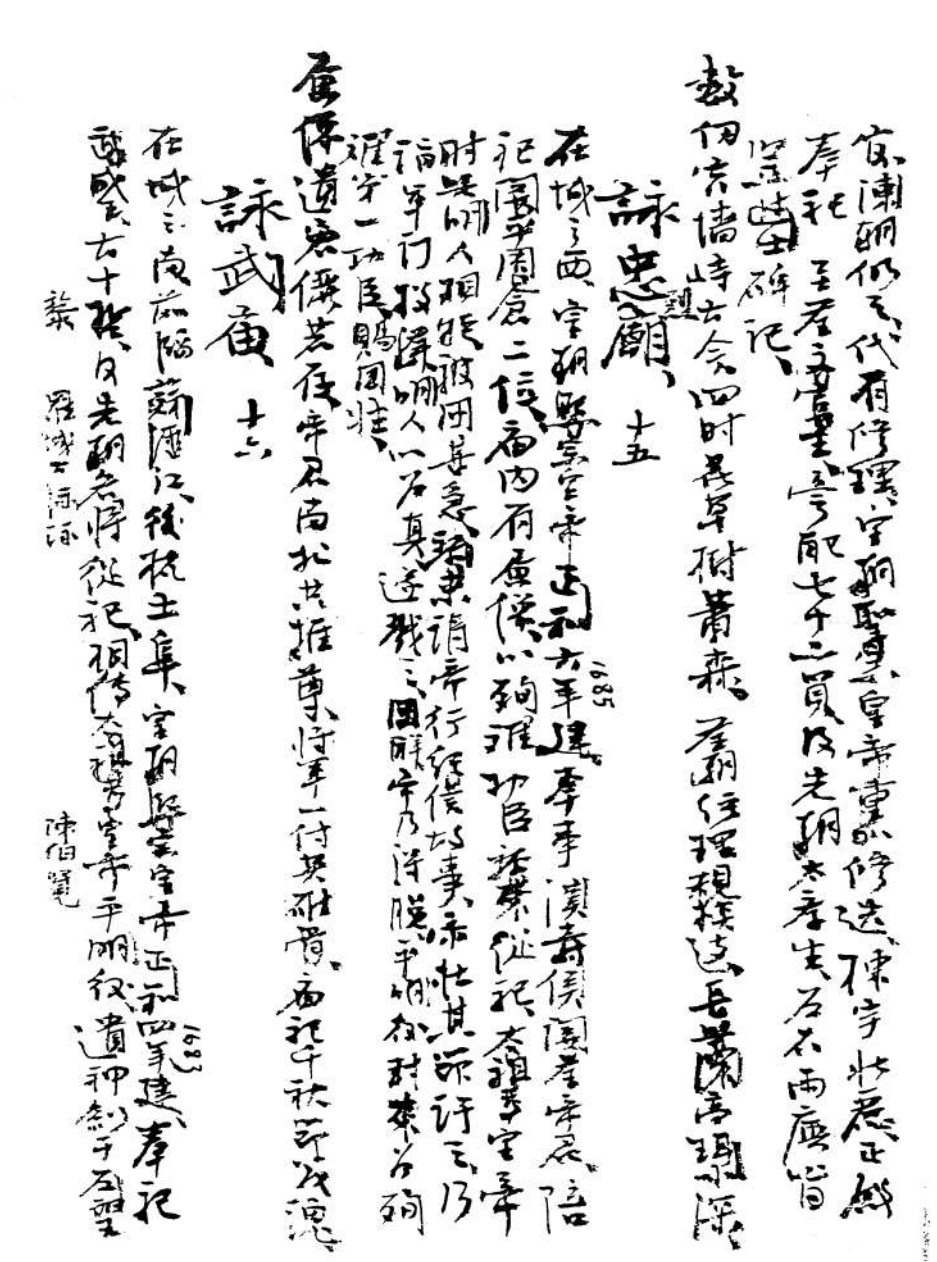

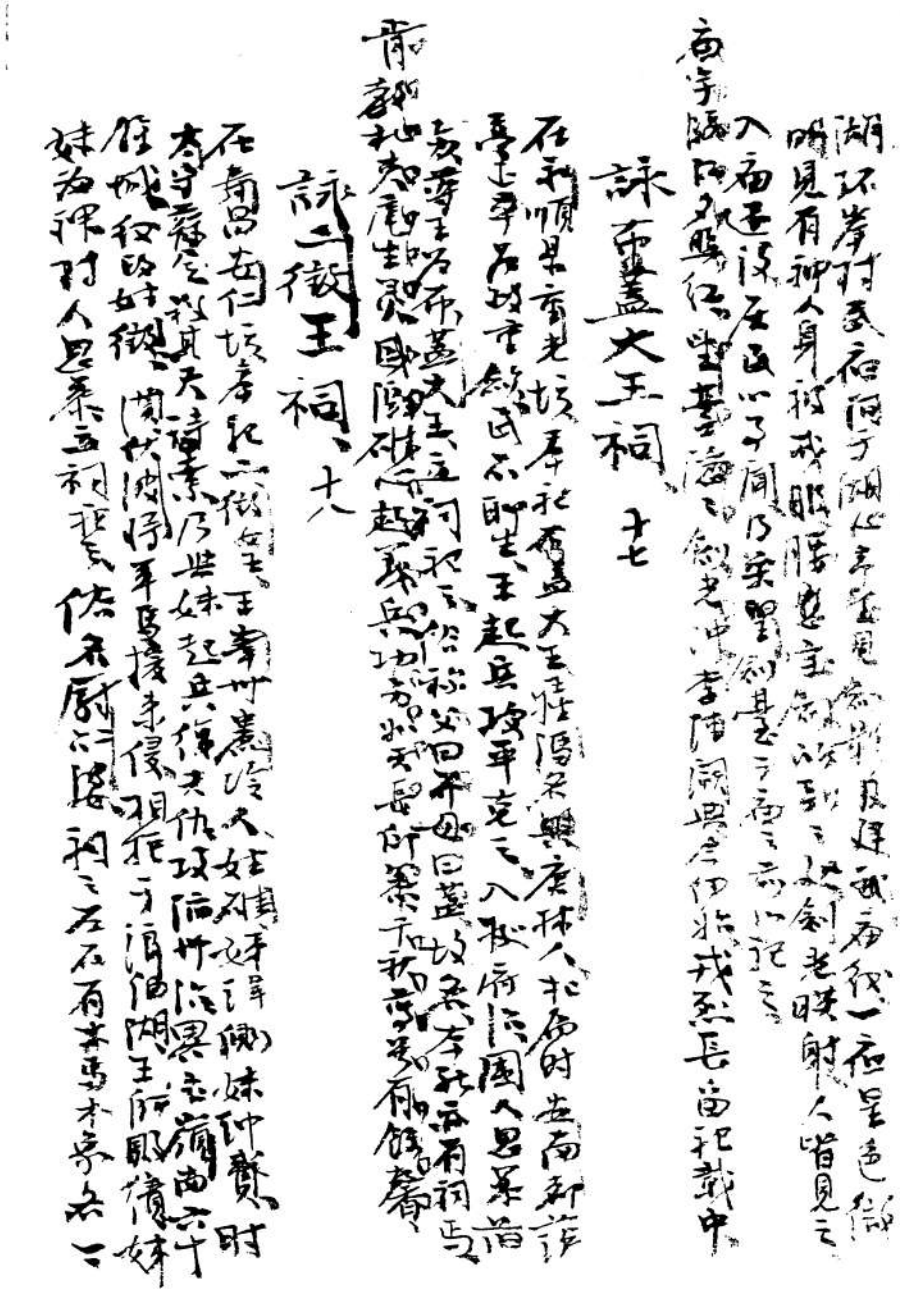

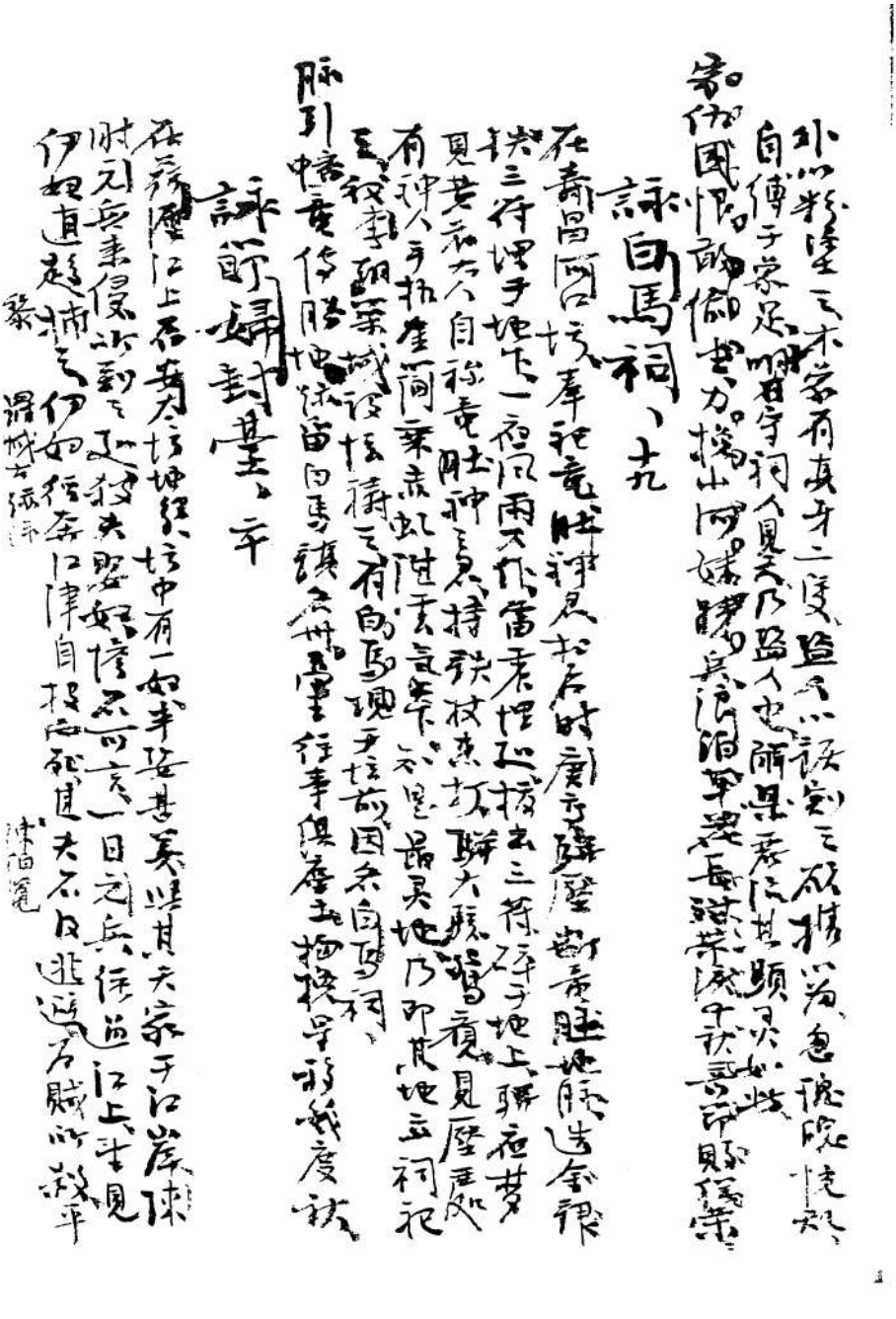

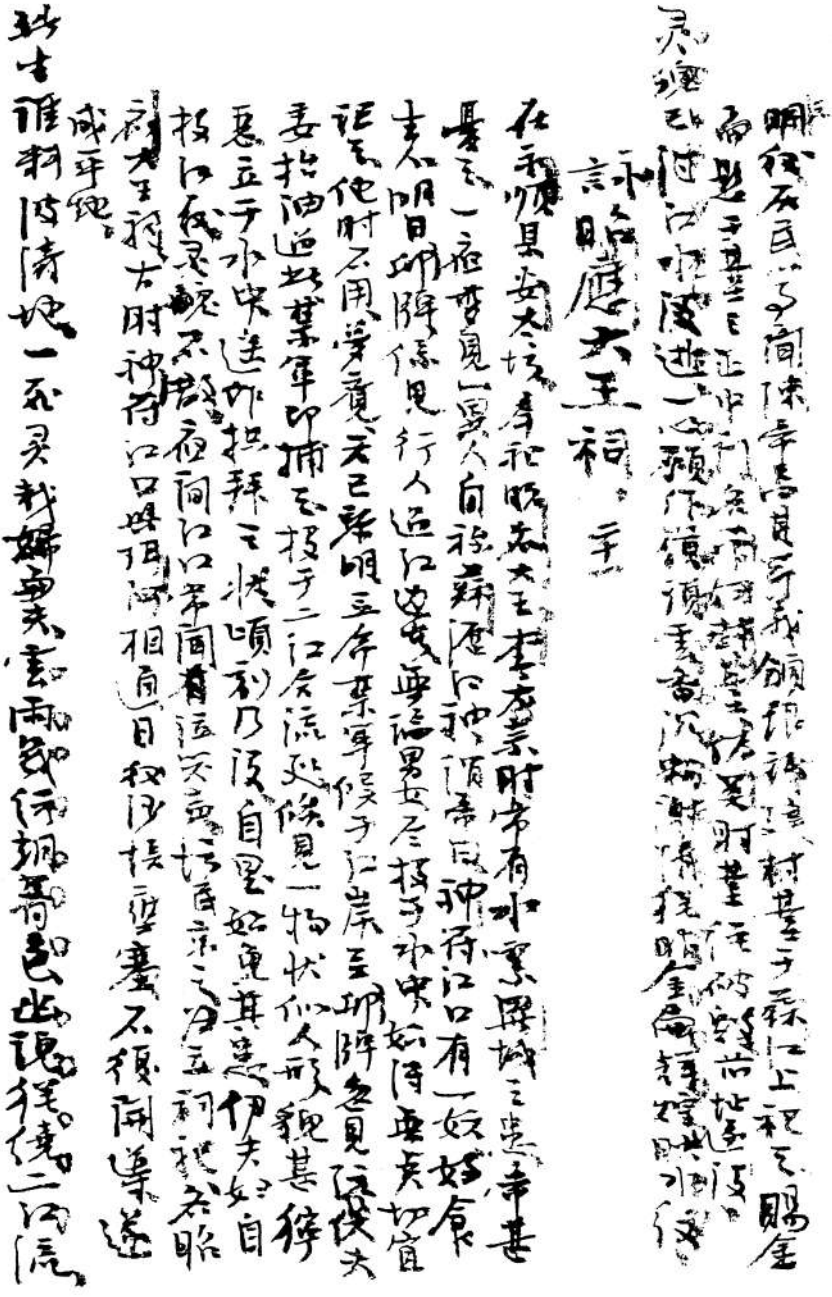

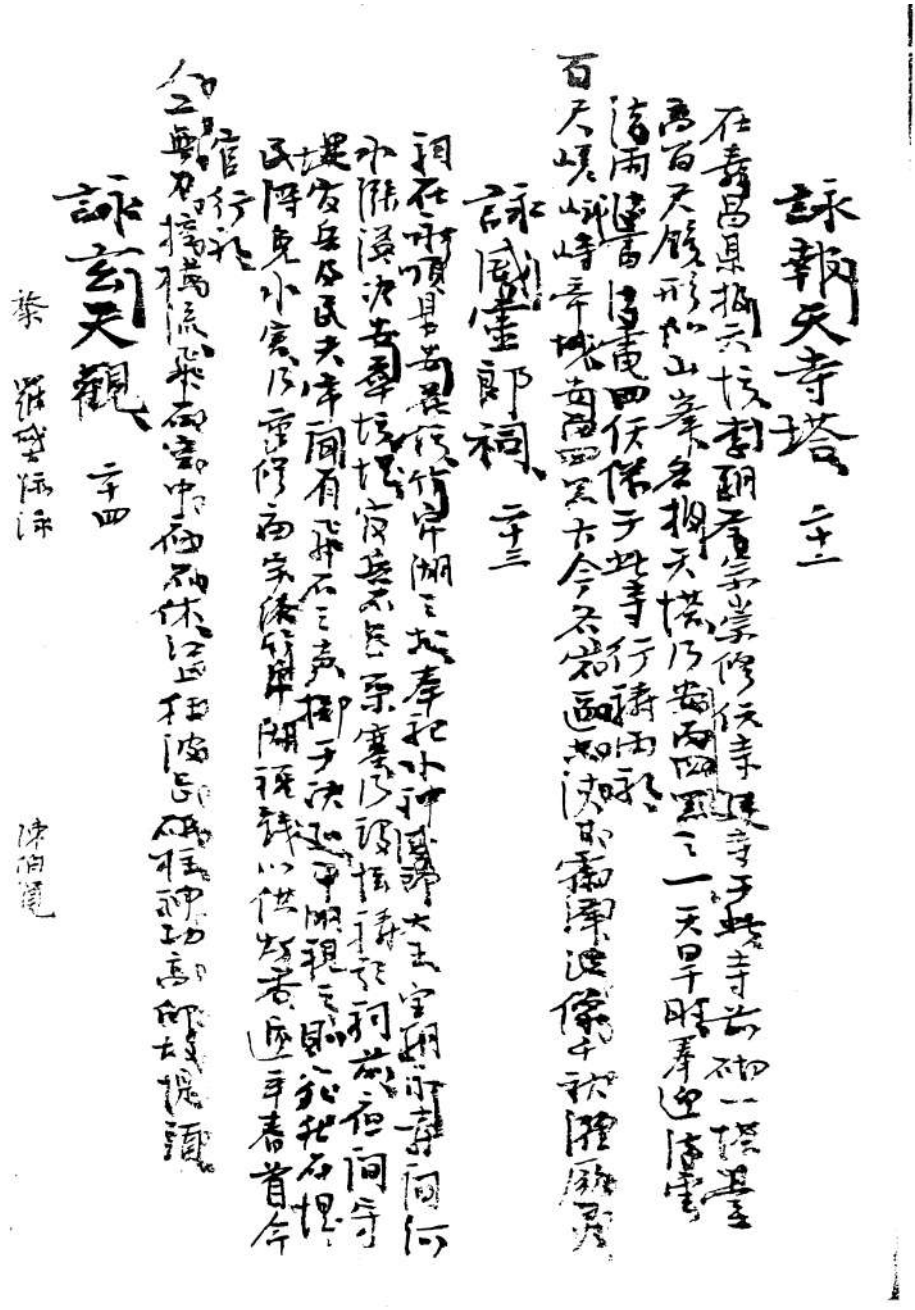

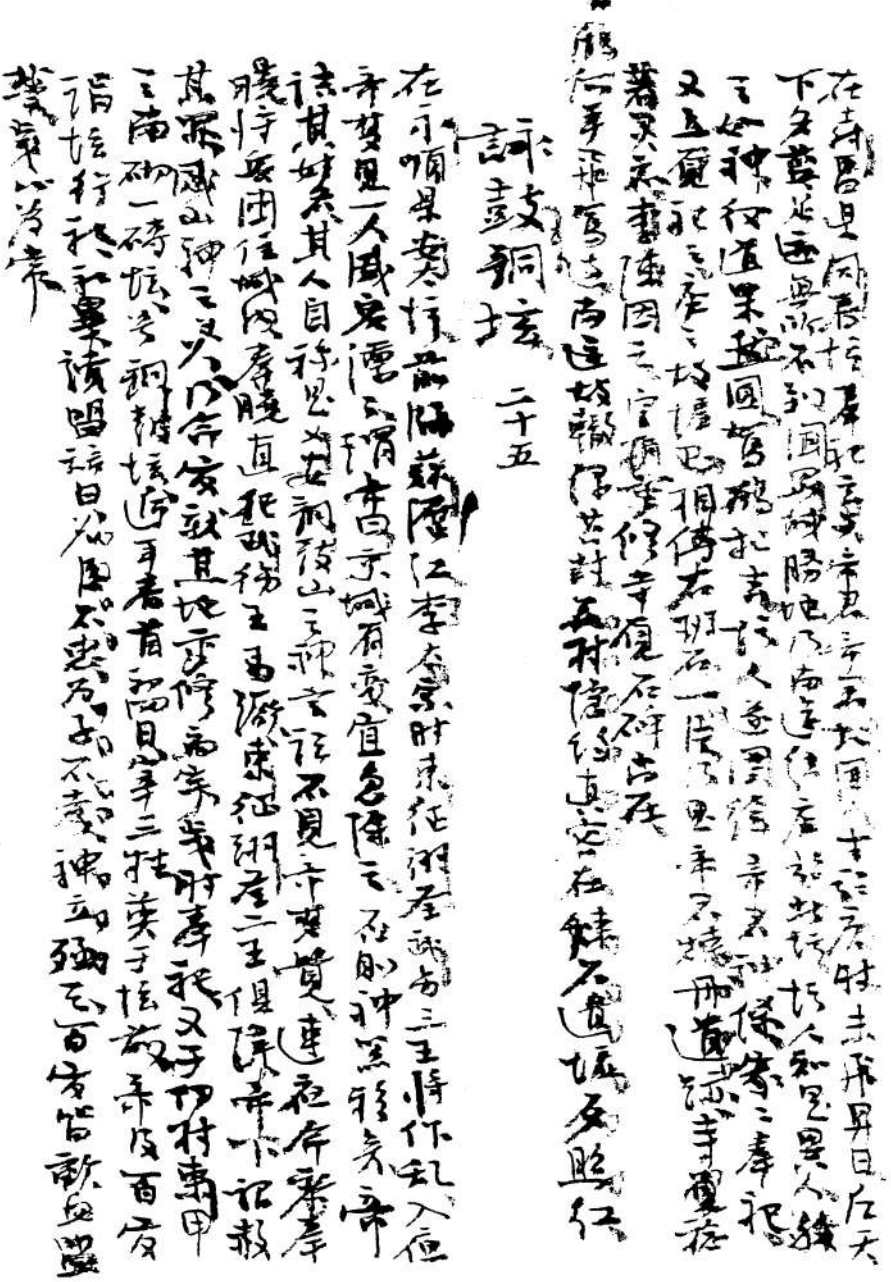

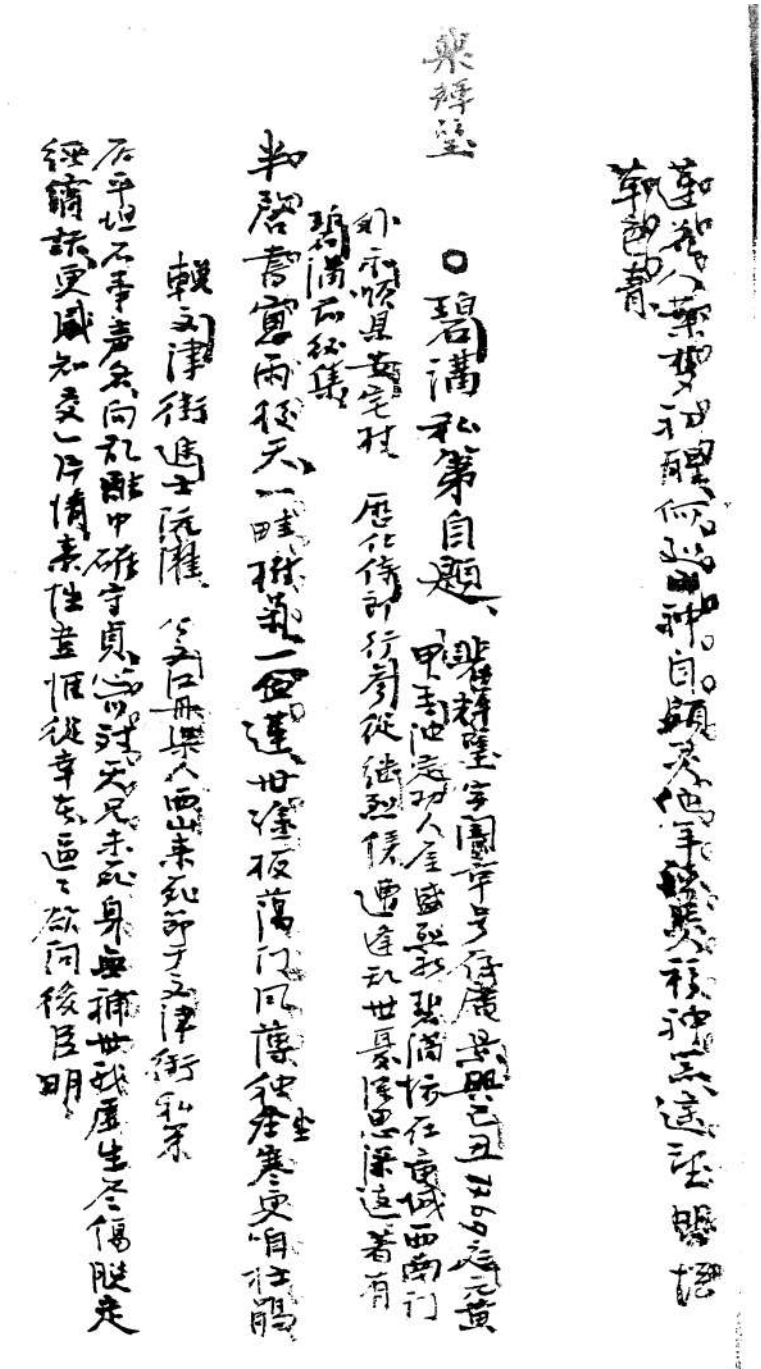

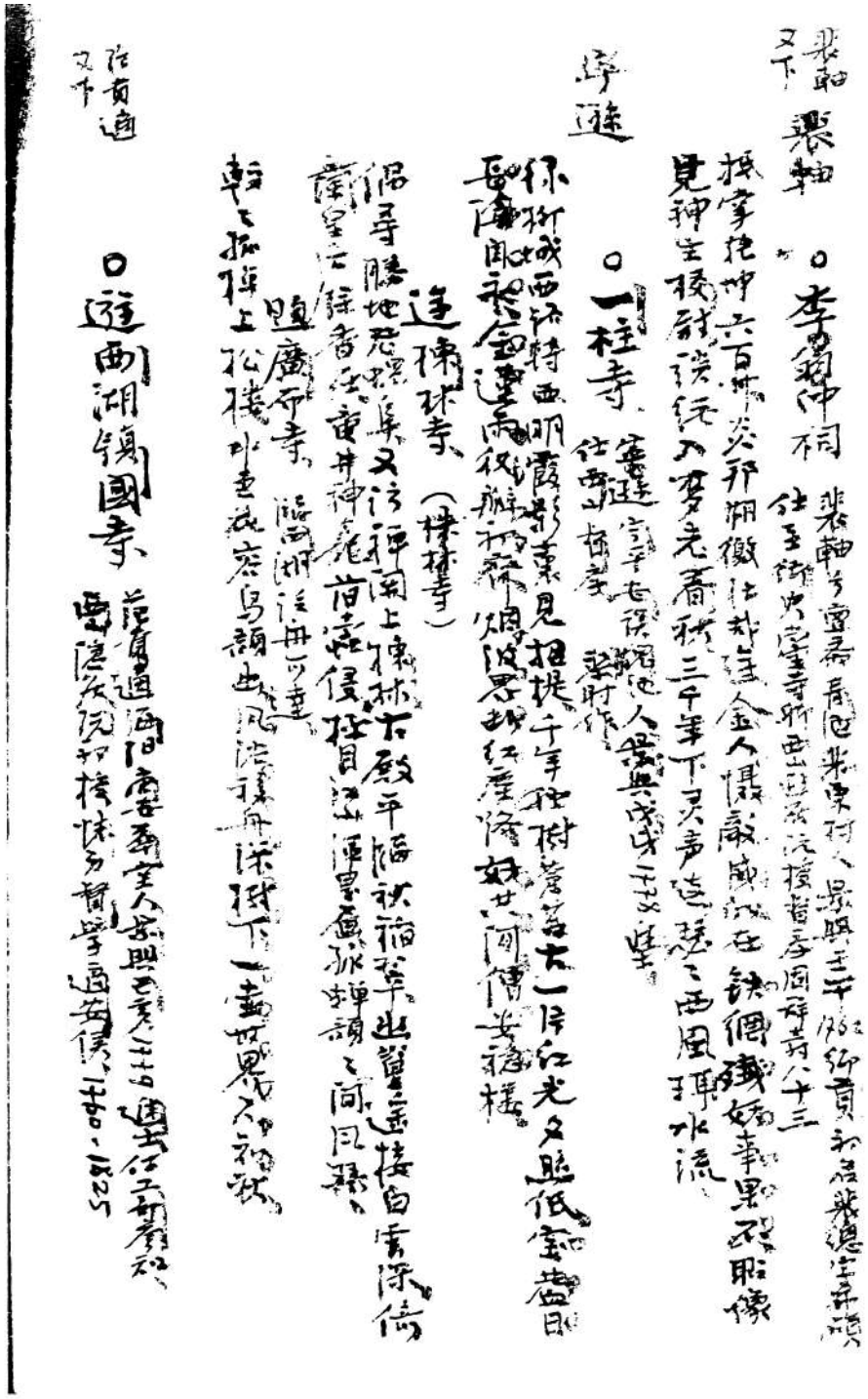

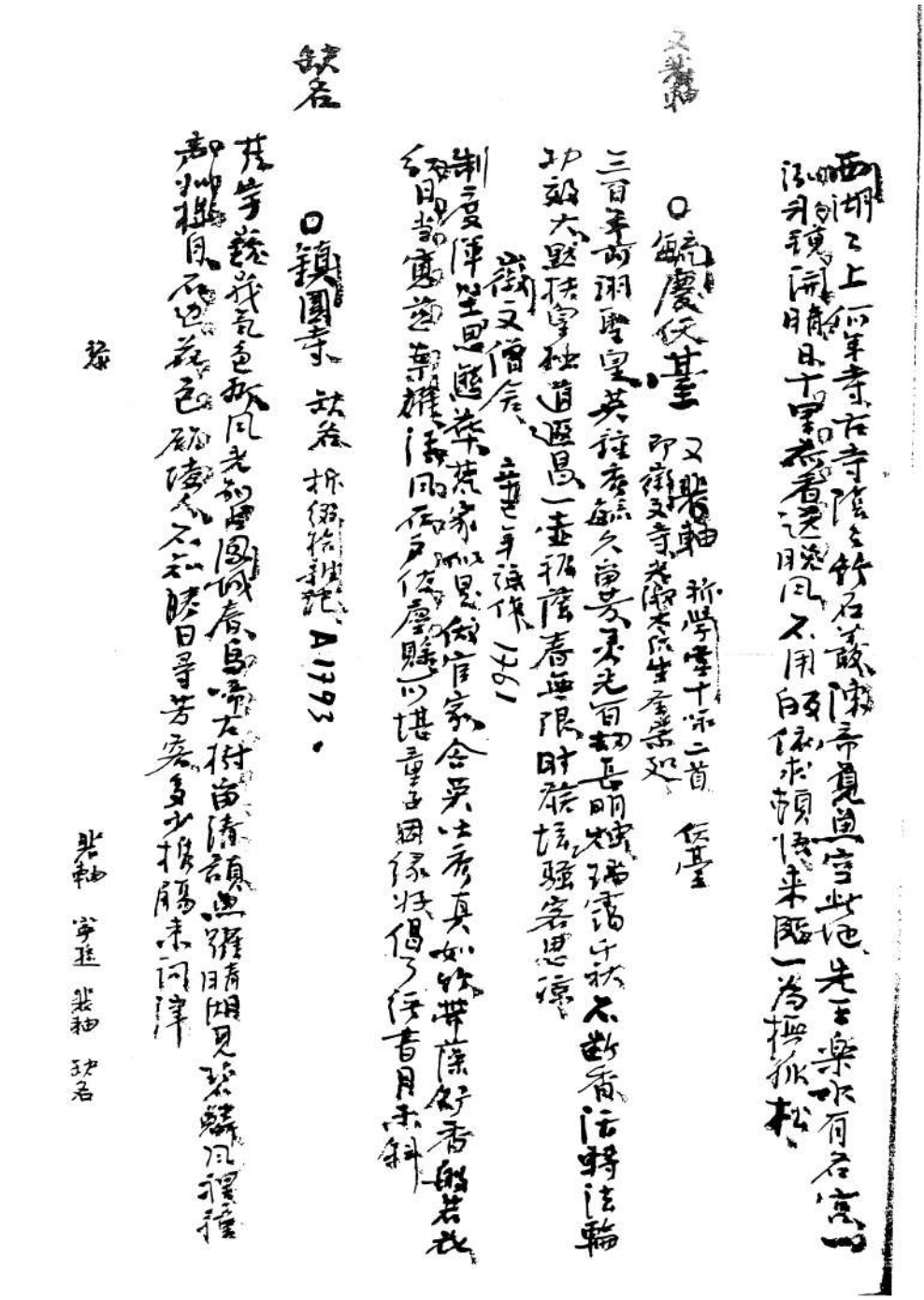

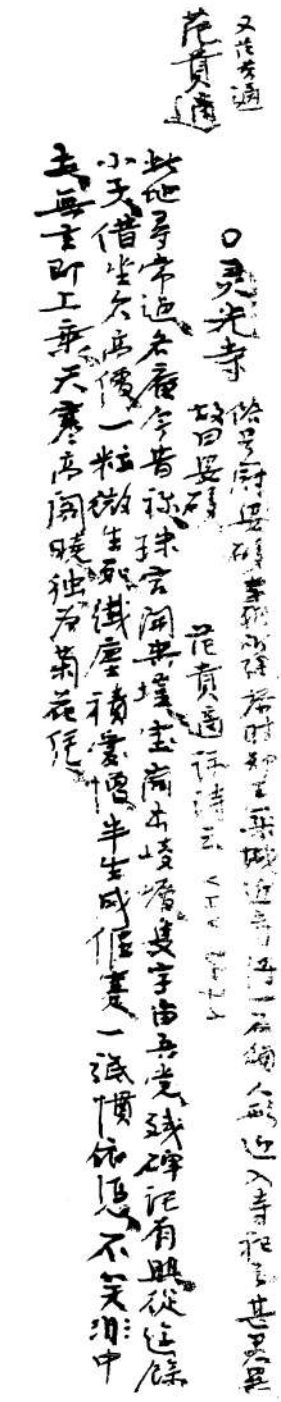

陳鵲巢

阮朝

昇龍三十詠

嘉隆十一年壬申1812 北城刑部參知蘊玉侯黃大人

命題（作左山右旗督學 炯老伯海洪青 忌鵲橋陳）

城頭掛旭 得頭字　樓殿傳更 枯字　五門觀日 門字　一程接霞 接字

看山曙色 必字　珥水晴流 晴字　西湖浣綠 綠字　東橋弄笛 橋字

文亭貯雲 亭字　武夏殿月 殿字　梅驛雨行 蓉字　槐街歌女 歌字

劍湖射斗 湖字　鋒塔蓋烟 塔字　綢市花田 蓉字　羅城竹塢 羅字

鎮寺稱僧 僧字　監門課士 門字　珠林雨後 林字　傘嶺雲間 雲字

烈津野渡 津字　昭清漁竿 漁字　金甌水溫 金字　竹阜錢炉 炉字

瑤坊蓮酒 蓮字　玄夏竹戰 戰字　蘇江飲馬 馬字　靈洞飯牛 牛字

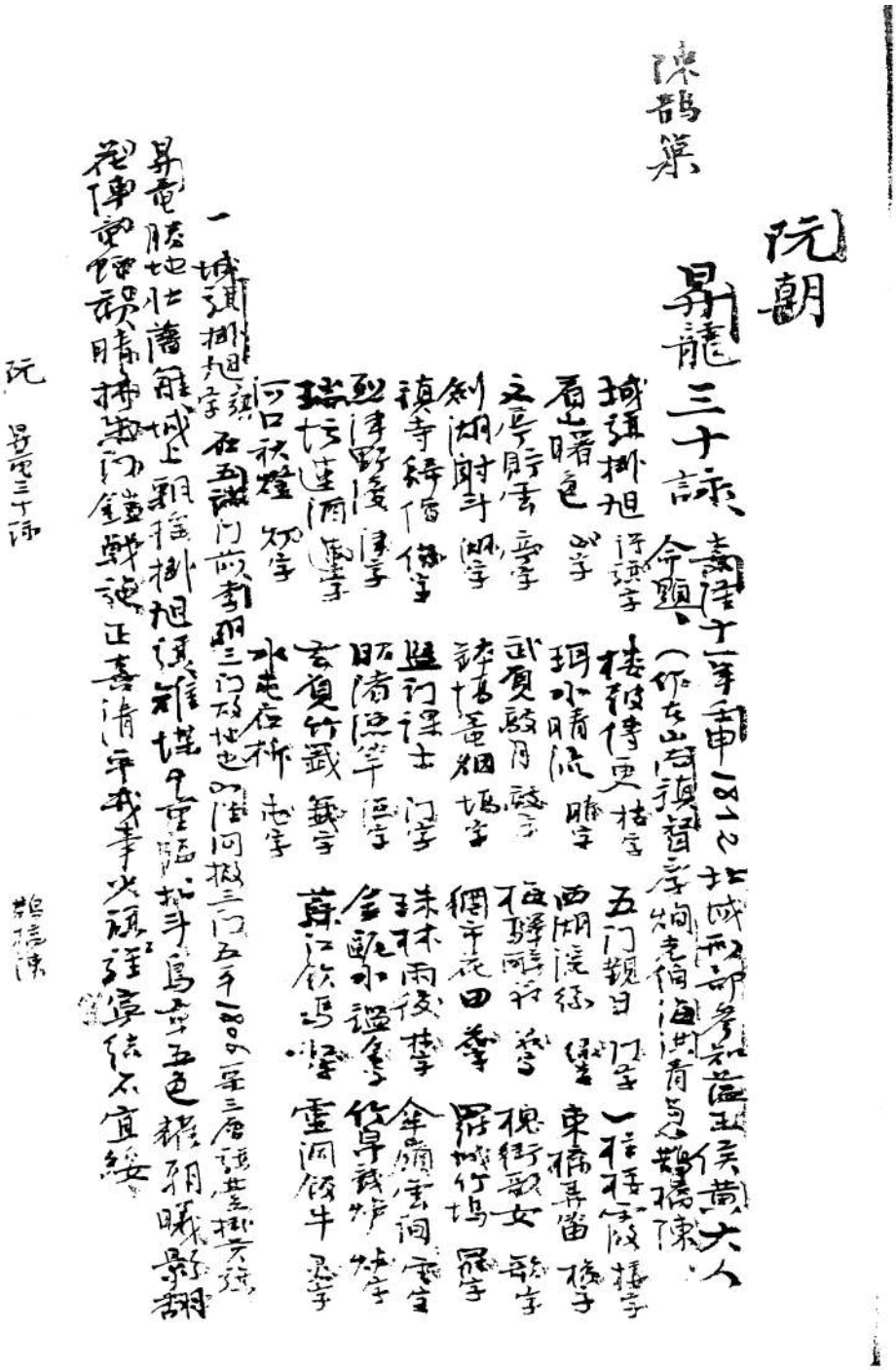

河口秋燈 燈字　水花石柳 花字

一城頭掛旭 頭字 在五城門前 考明三門故地也 以清河撥三門五年1806一年三層頭 其上掛黃旗

昇龍勝地 壯麗雄城 上朝搖掛旭頭 雉堞千重臨北斗 鳥章五色 耀朝曦 影翻

花陣 雲蟠 頭 晴 掛 黑門 鐘戰 施 正 喜清平 戎事 火頭 程 寘 結 不宜 綏

阮 昇龍三十詠　鵲橋陳

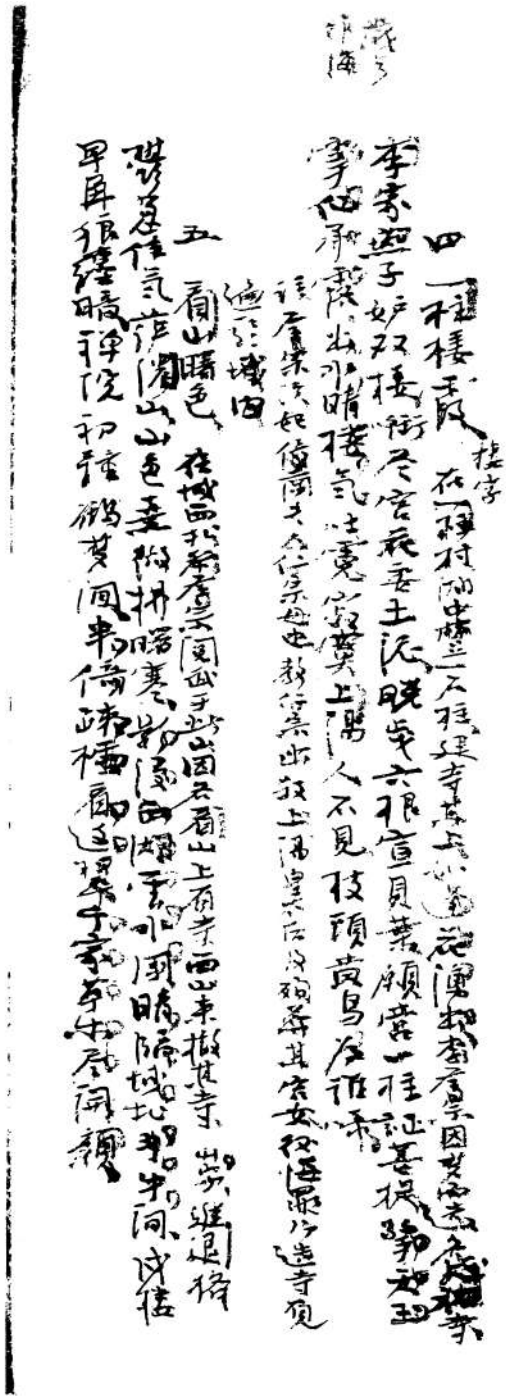

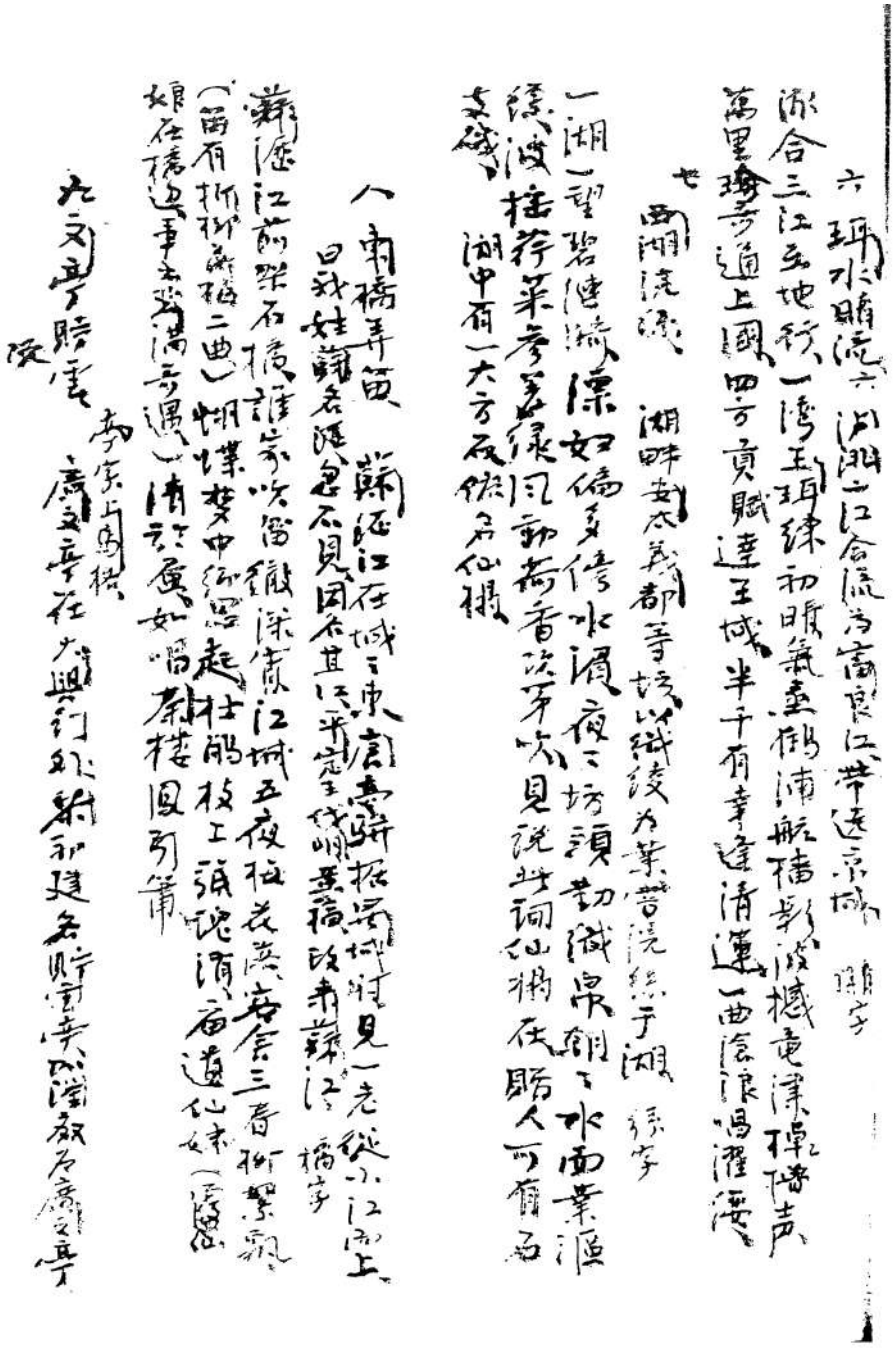

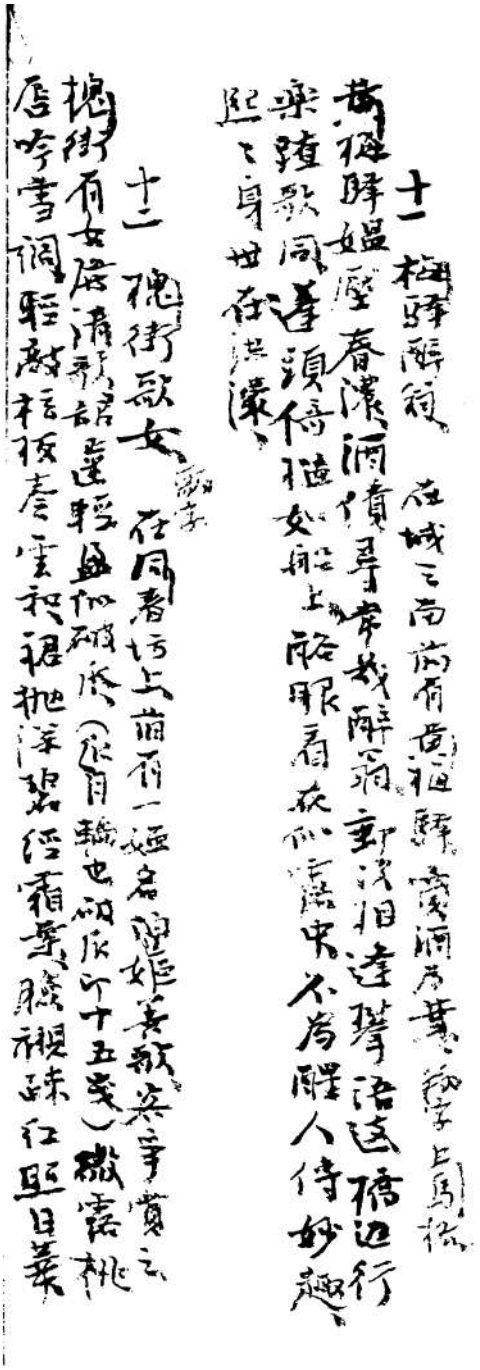

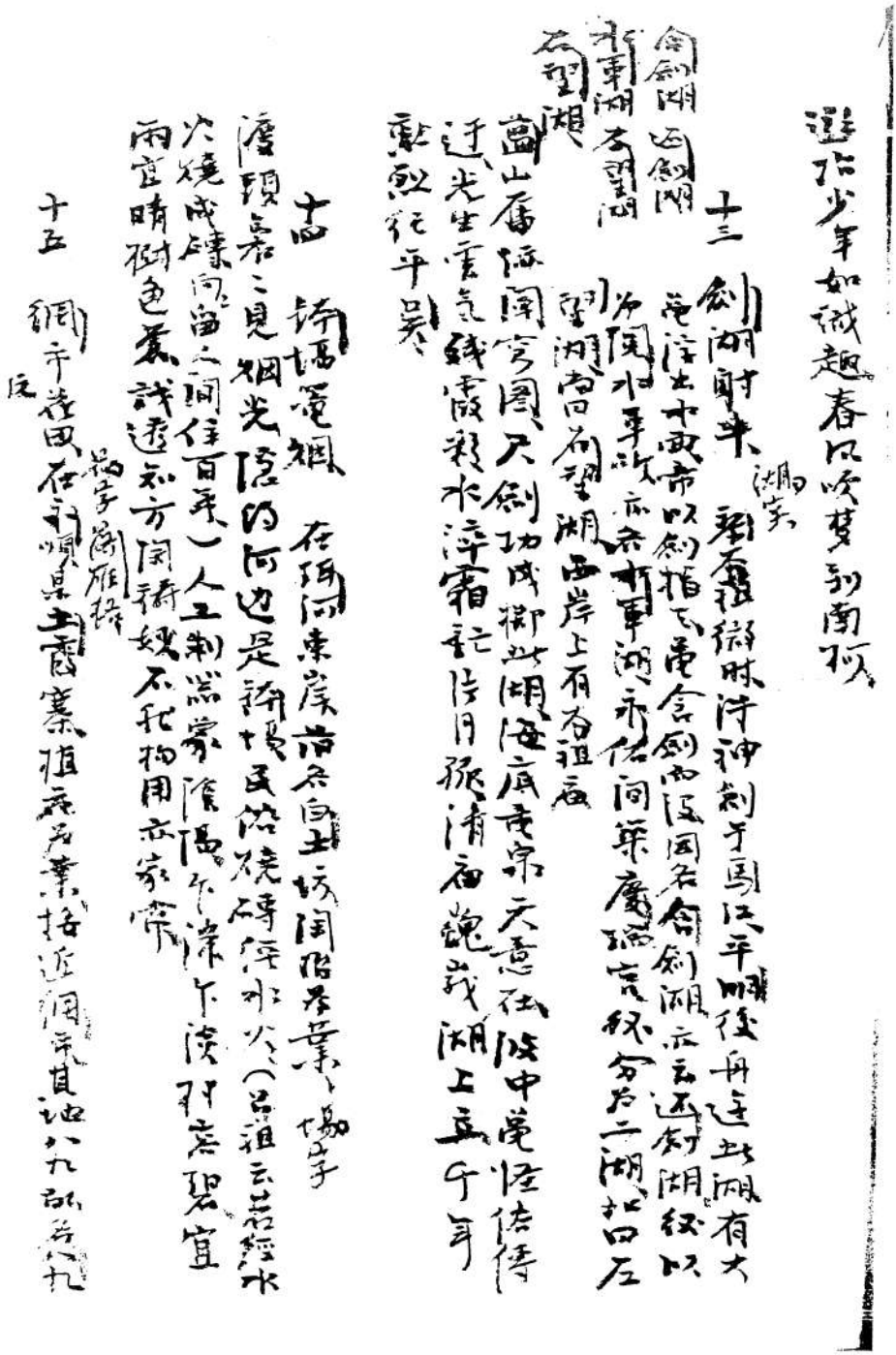

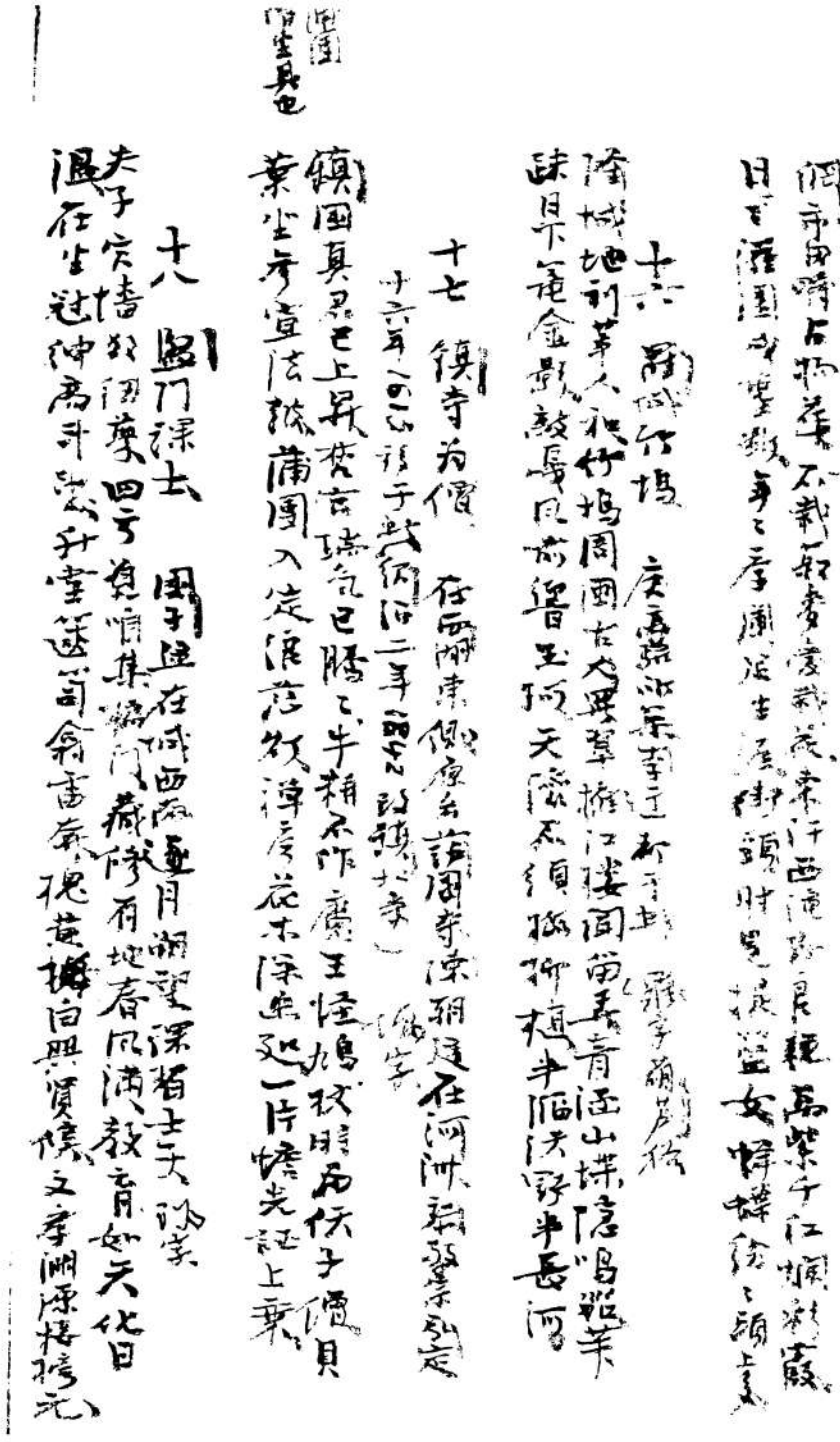

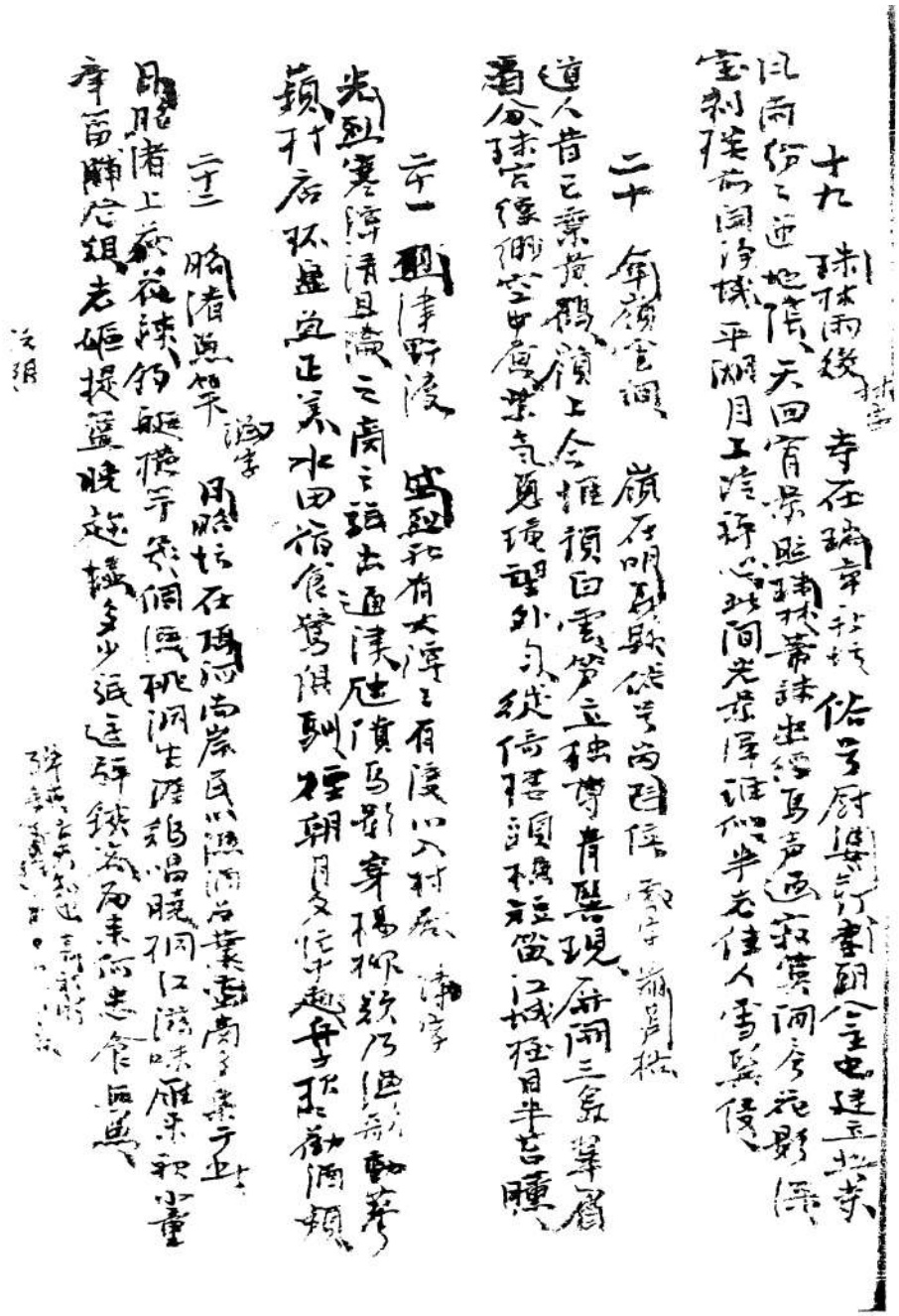

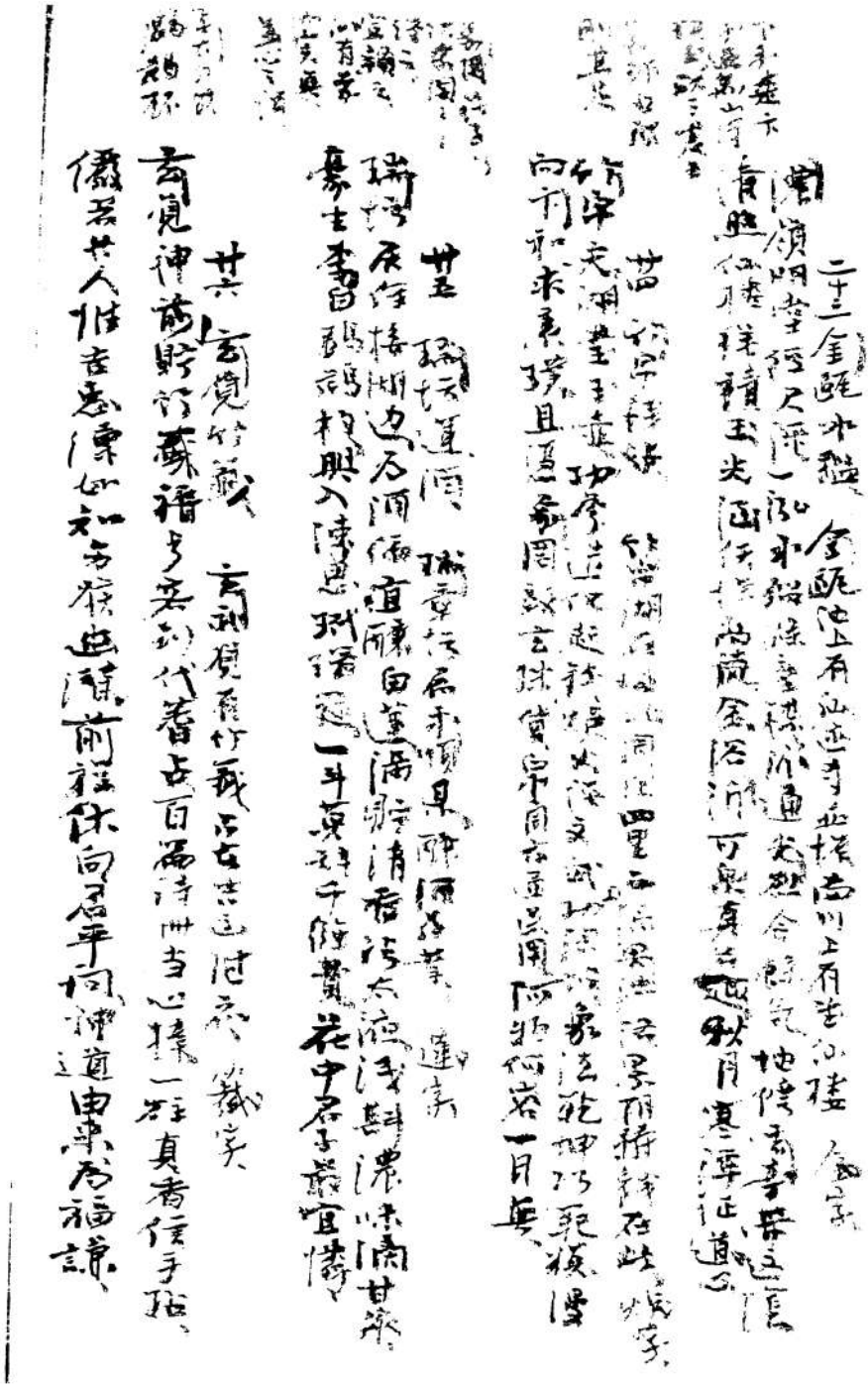

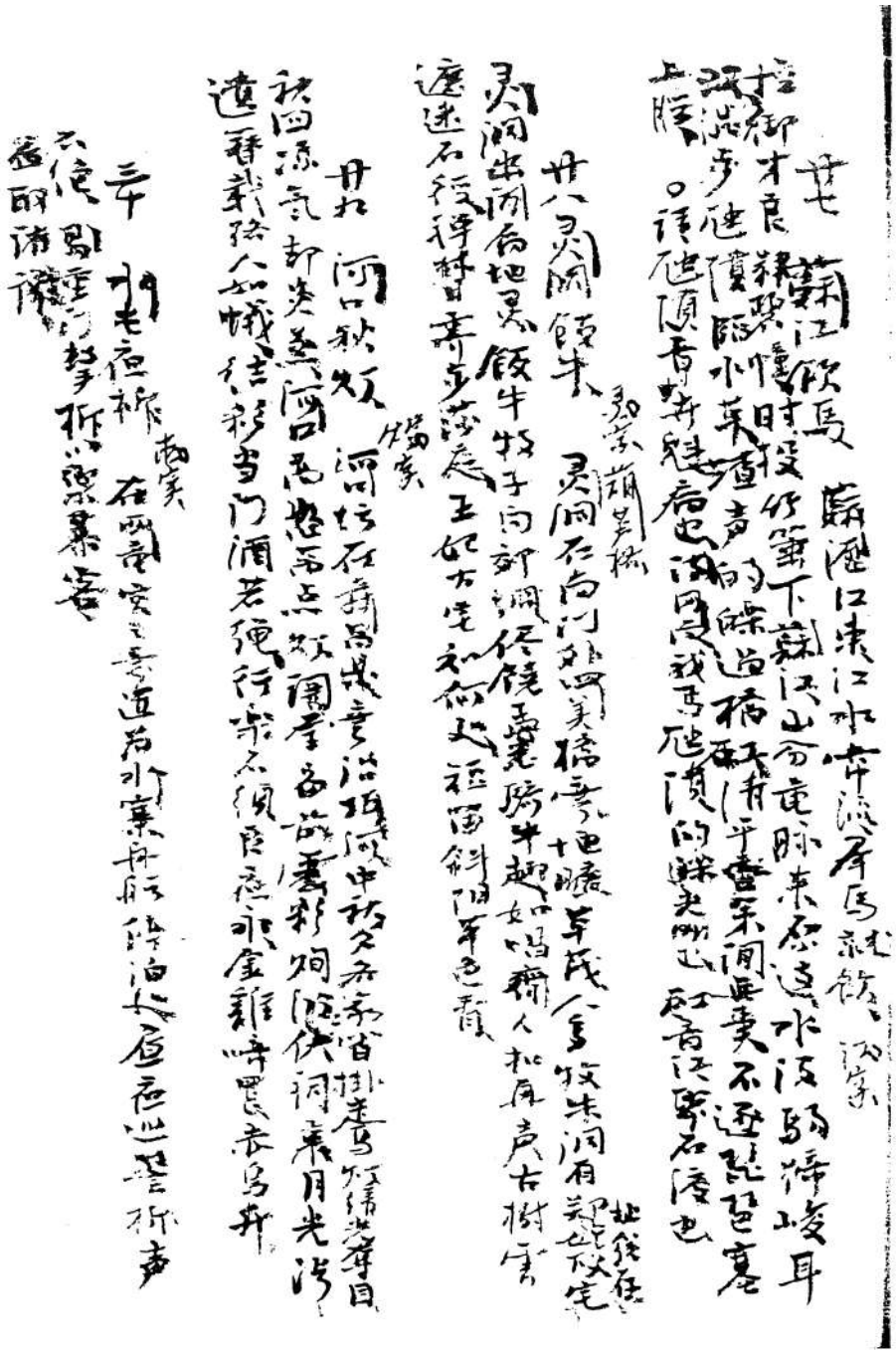

# 昇龍三十詠 缺名 A 2501.

城頭掛旭 一

城上風雲靜八陲，平明仙仗簇蒼旗。扶桑氣接龍生，同閣天開
北斗光瀰禮香煙宇劍佩鏘門柳色拂莊頂同家想到時遙百指
顧仙山遠翠眉

桂坡傳更 二

鈐山含日青煙浮，萬坡聲聲上戍樓。萬里[illegible]風雨徹九霄，霜散月星
禁邊關久息傳軍檄，漏太鼓從傳寒府。誰會太平閒宰在，此時歷
歷自更籌

五門觀日 三

鳳山宮外倚瑤門，四望宗中地勢尊。金樓晴通閣瑞氣，玉樹光連紫
御煙花萬取遍龜[illegible][illegible]城[illegible][illegible][illegible][illegible]樹[illegible]遙陽去[illegible]秋試命雲
邊稱羽尚翻又

阮 三十詠

[illegible]稿[illegible]

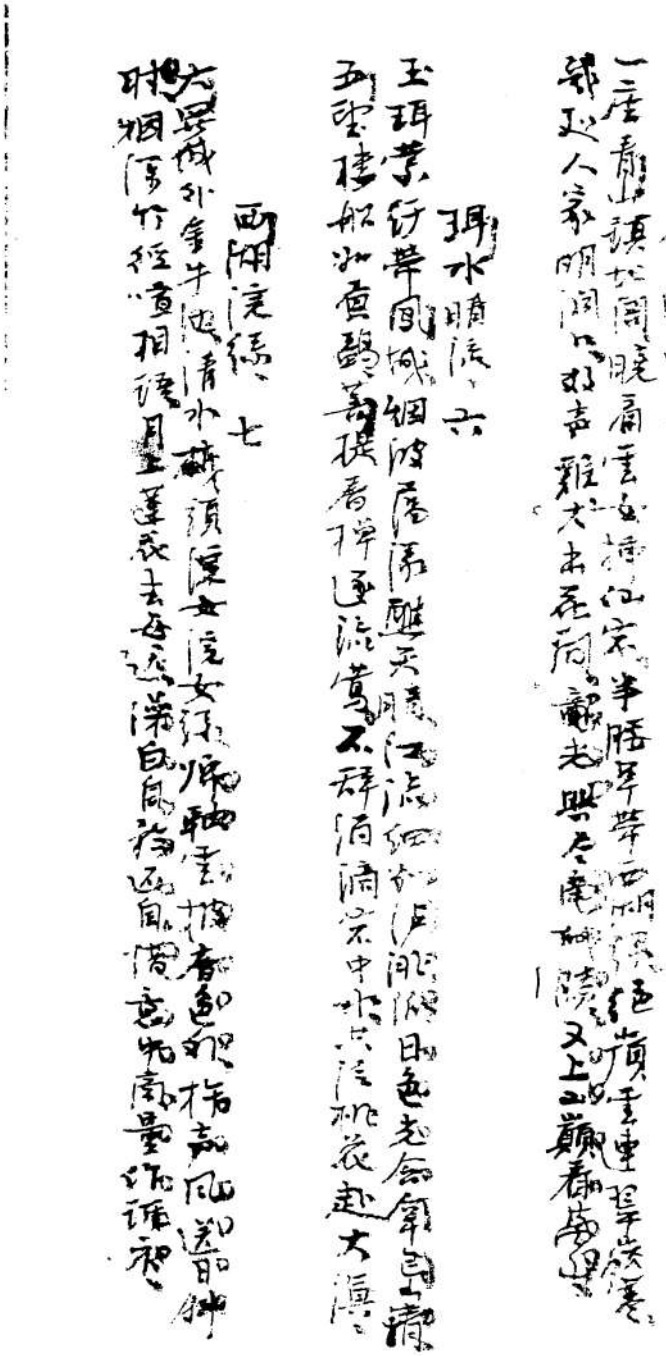

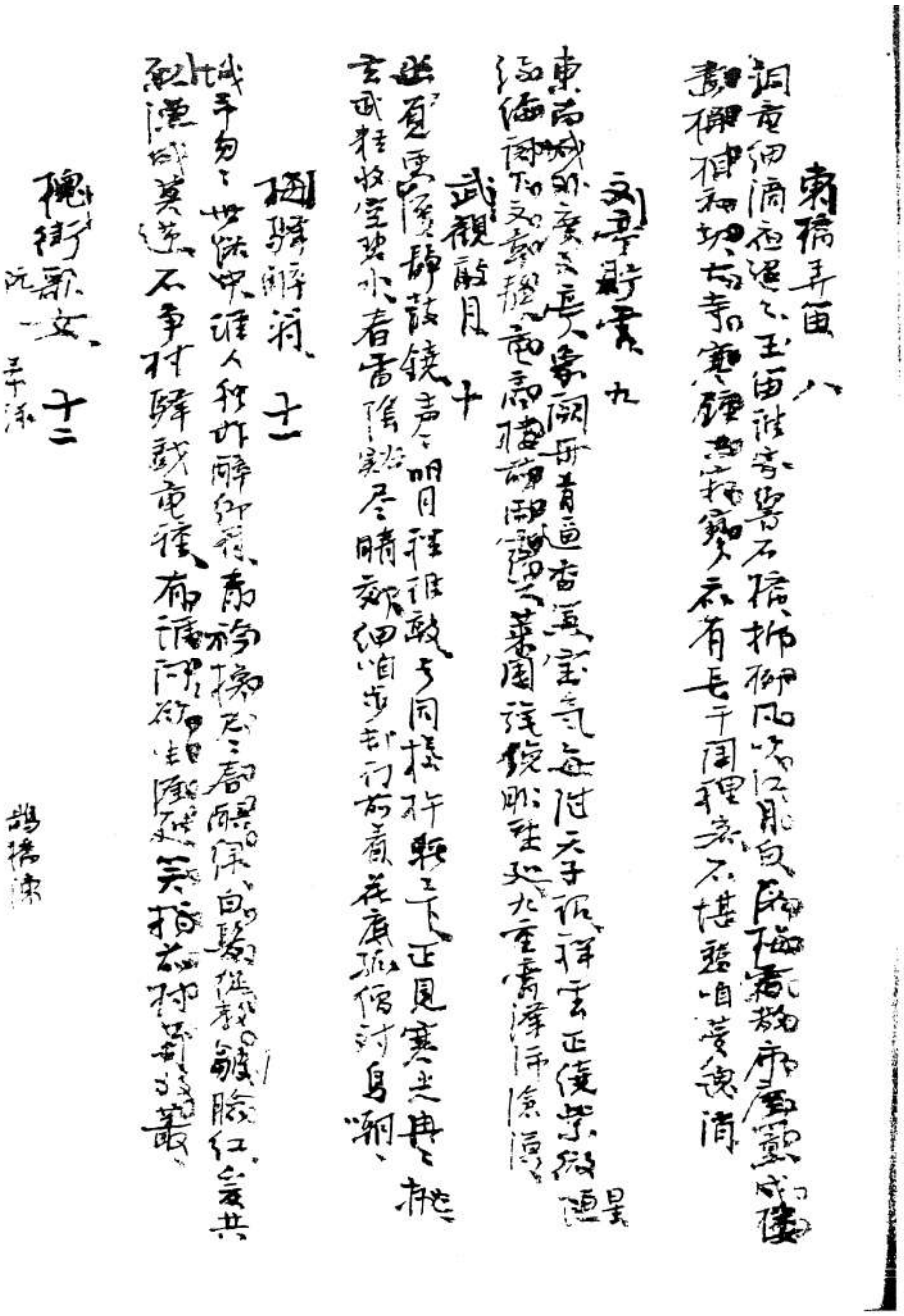

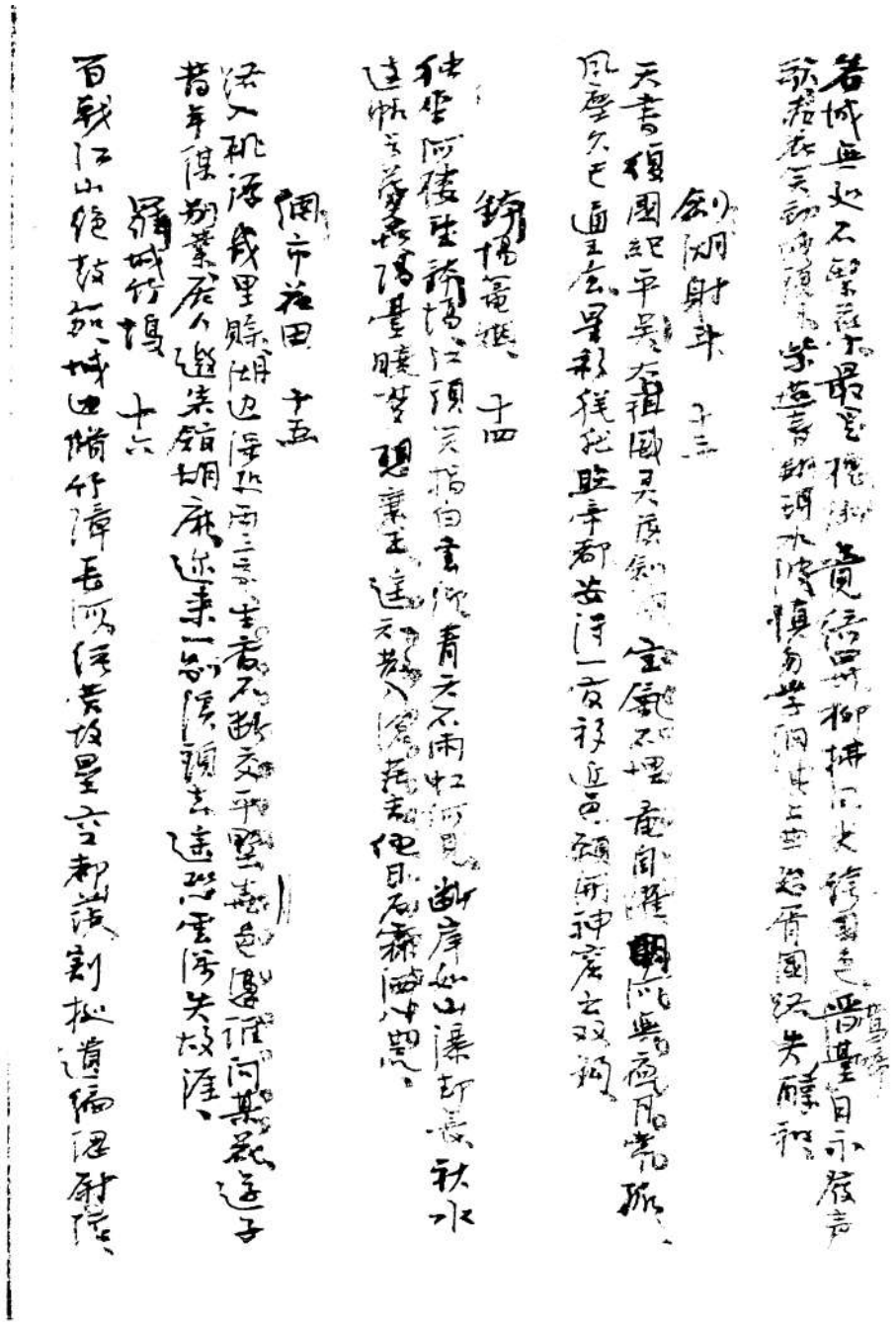

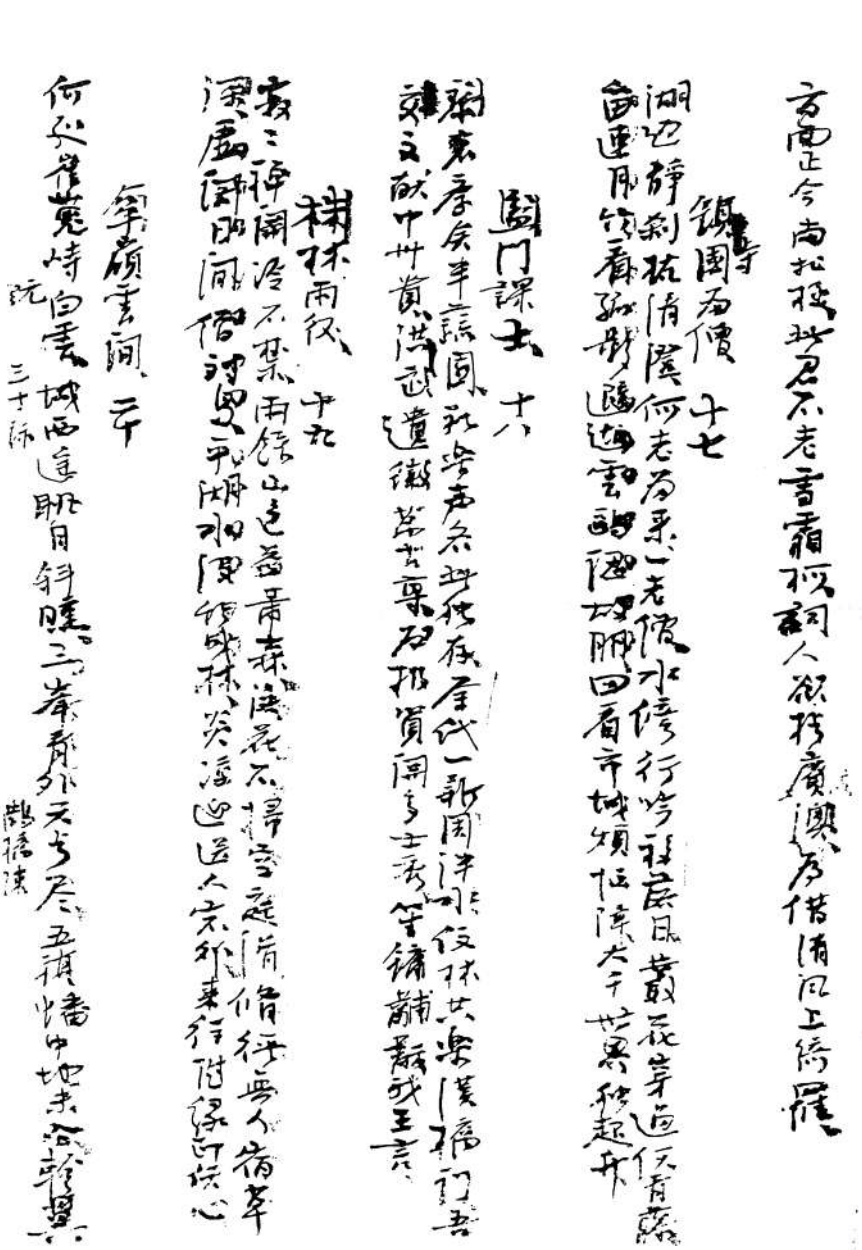

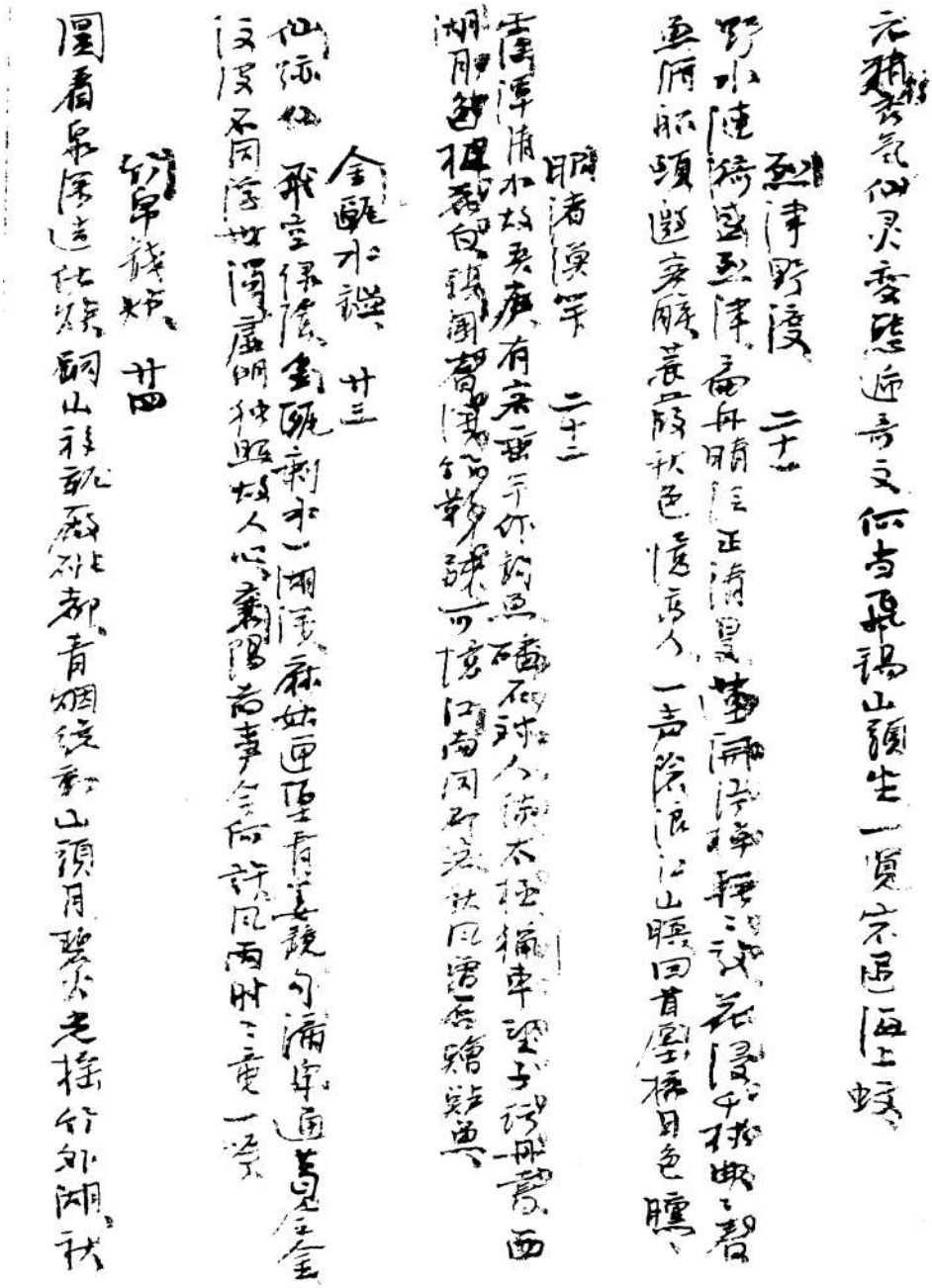

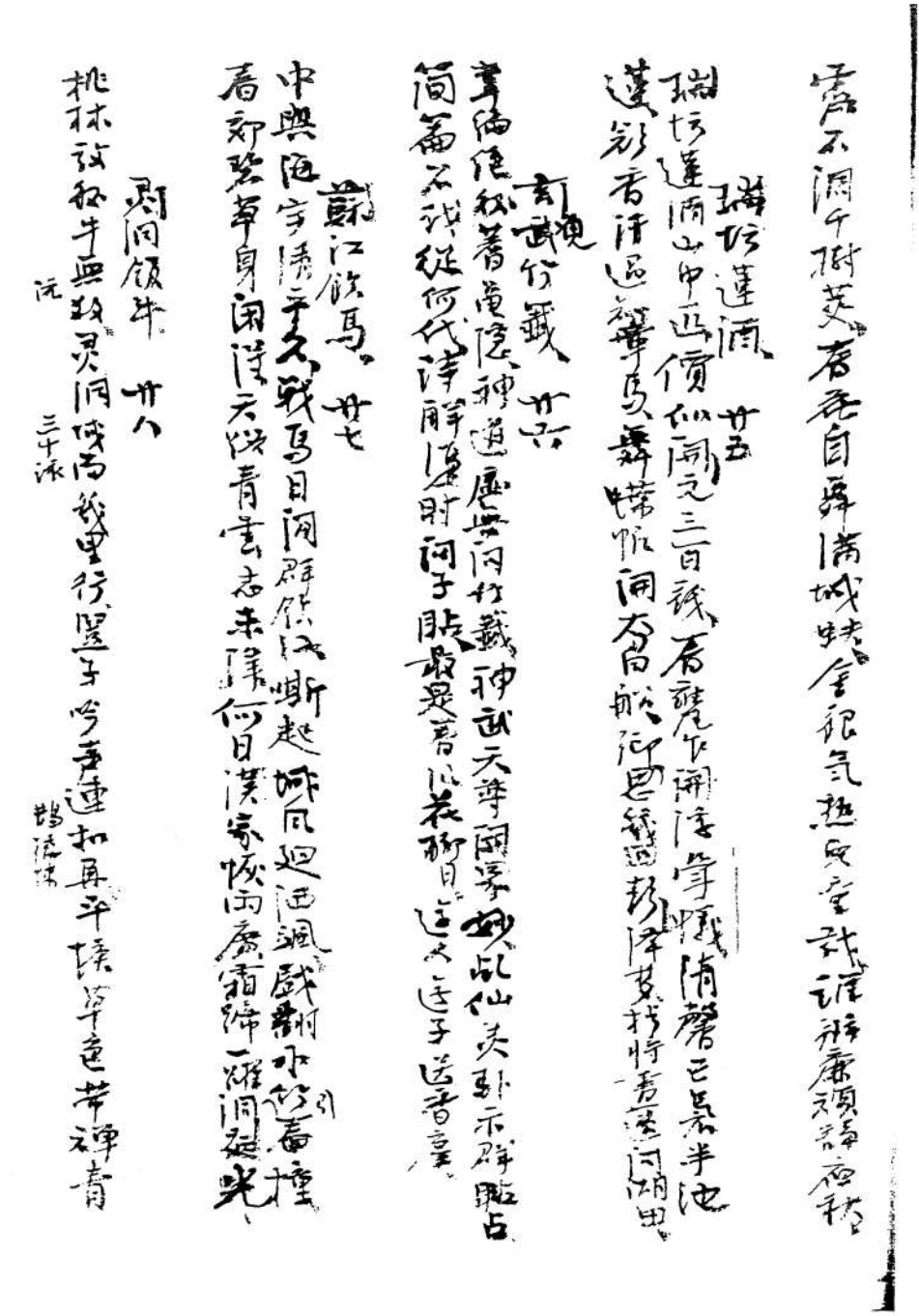

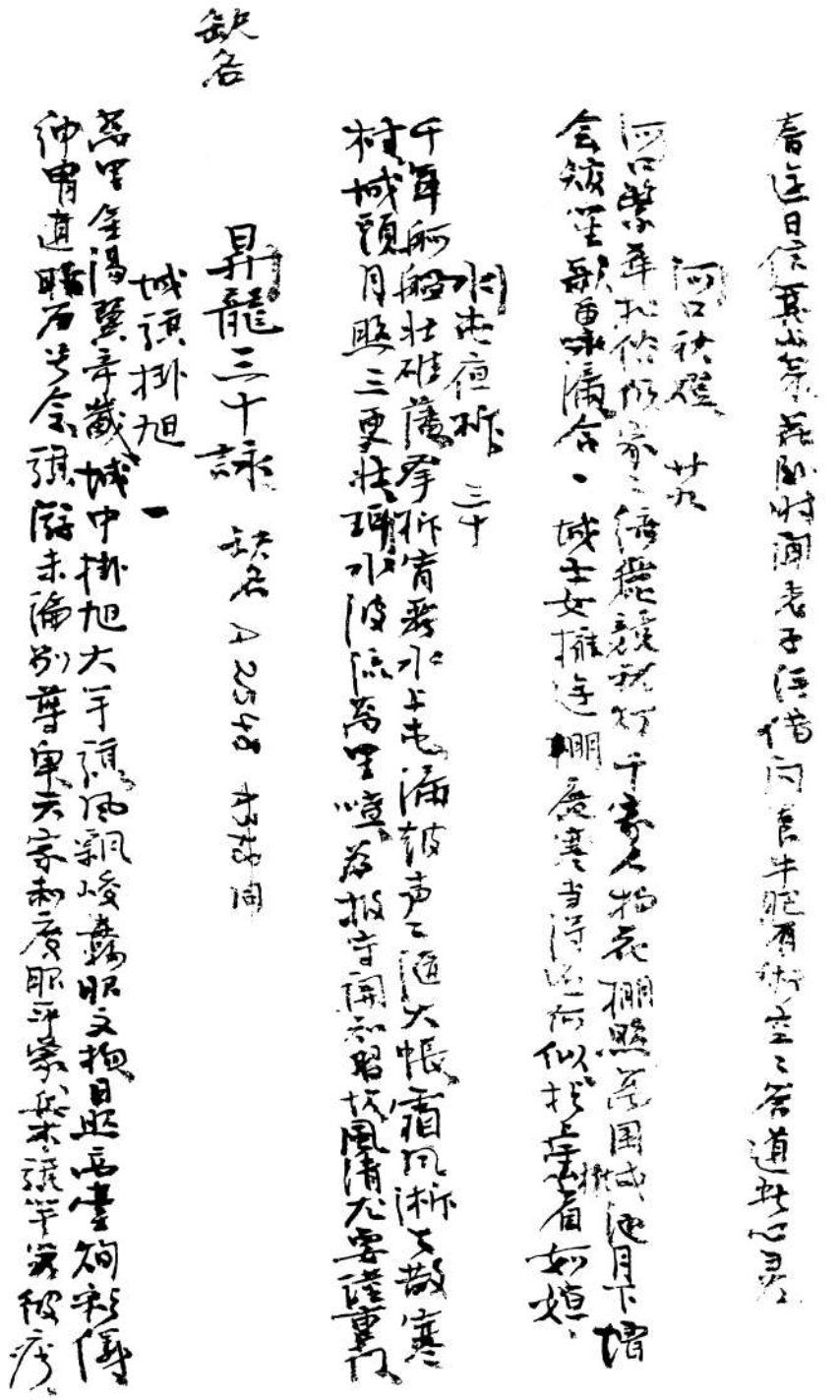

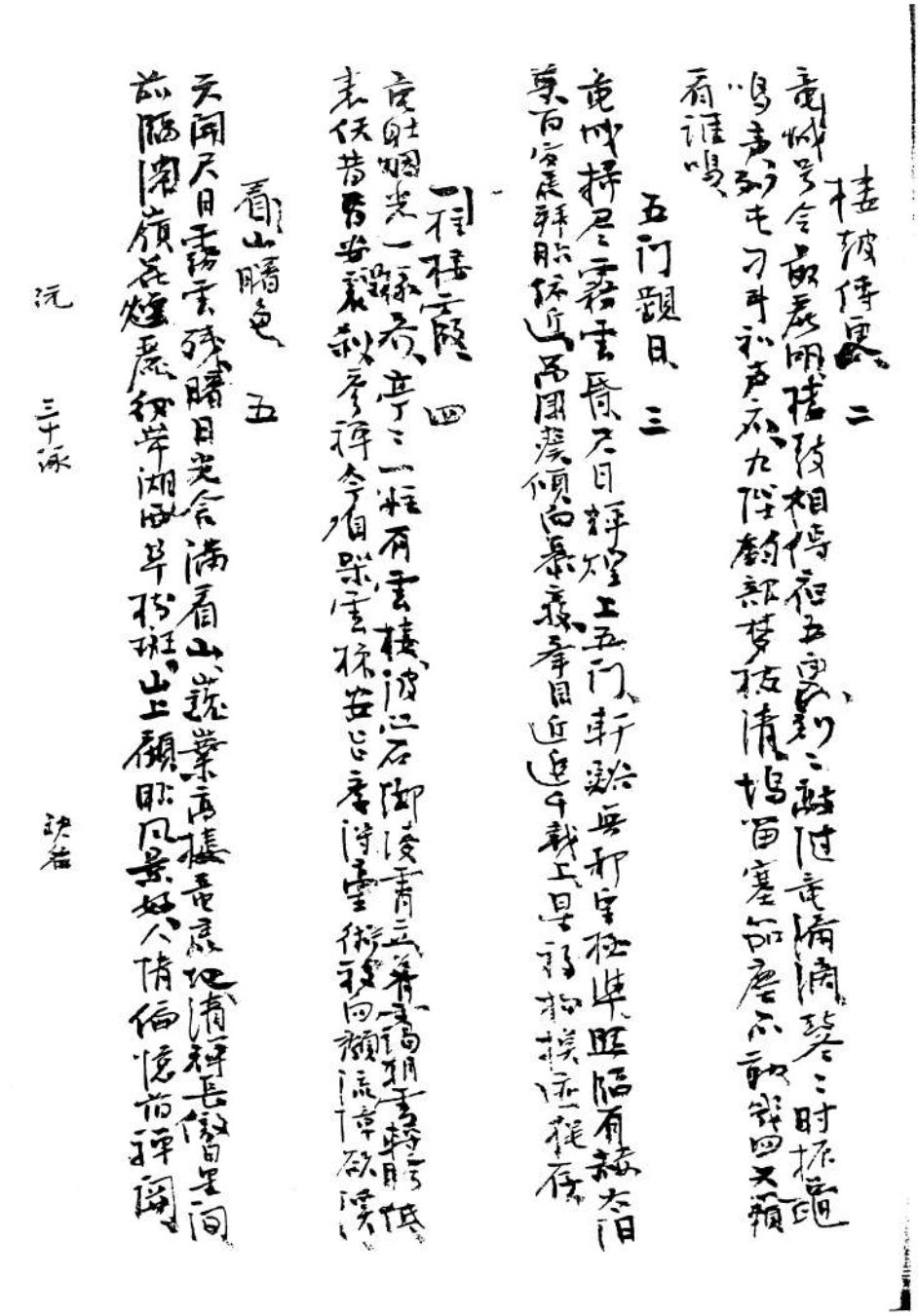

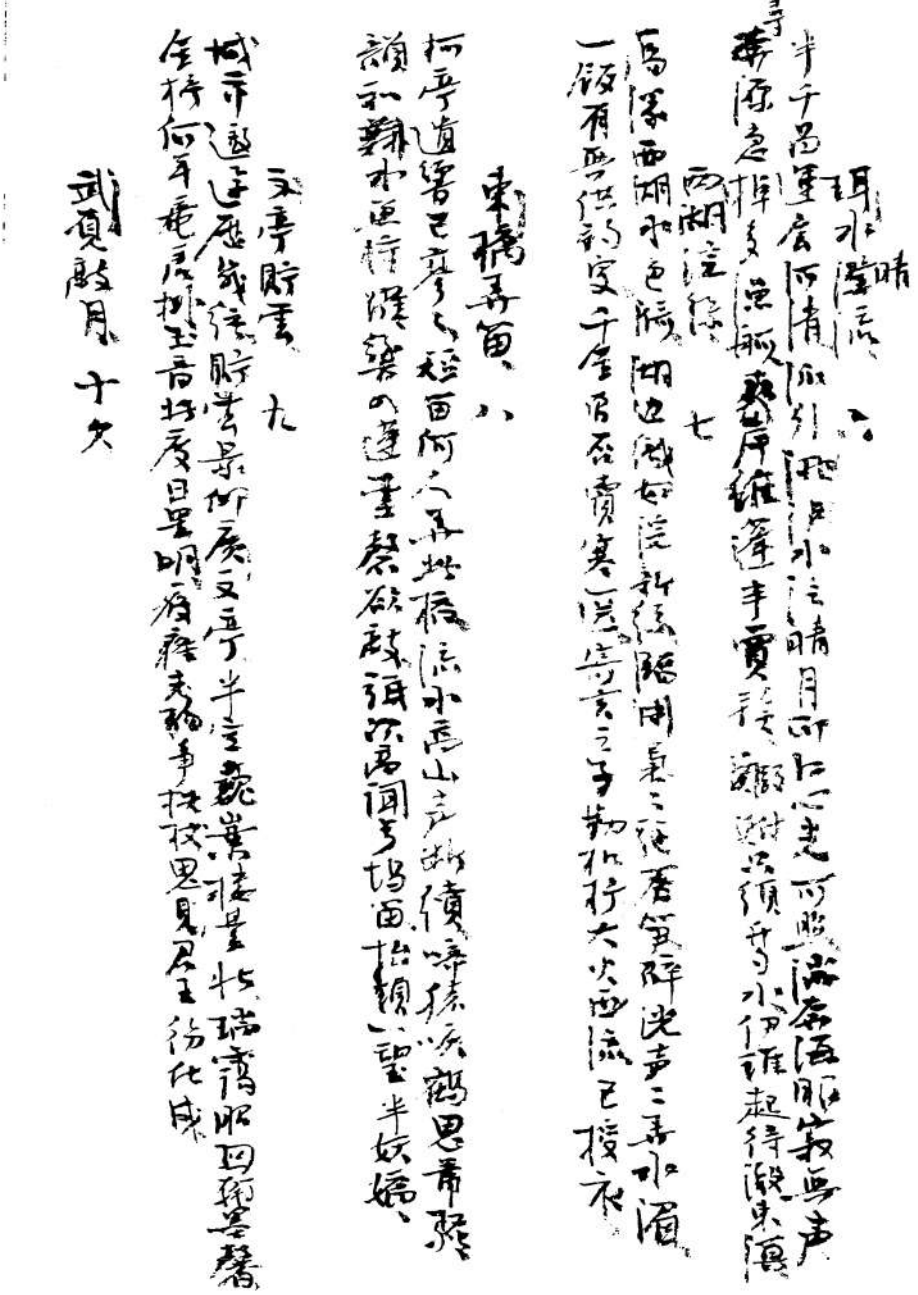

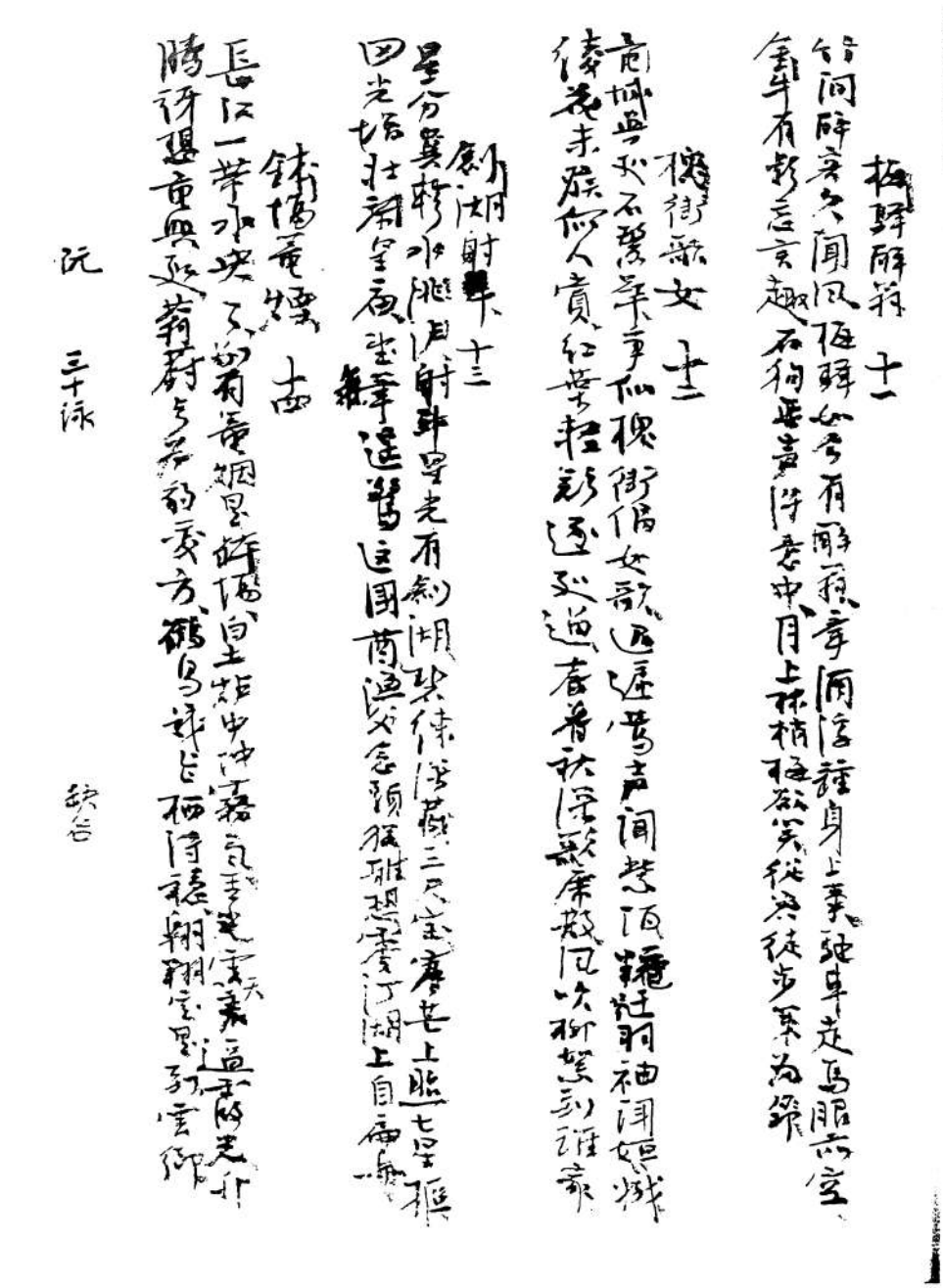

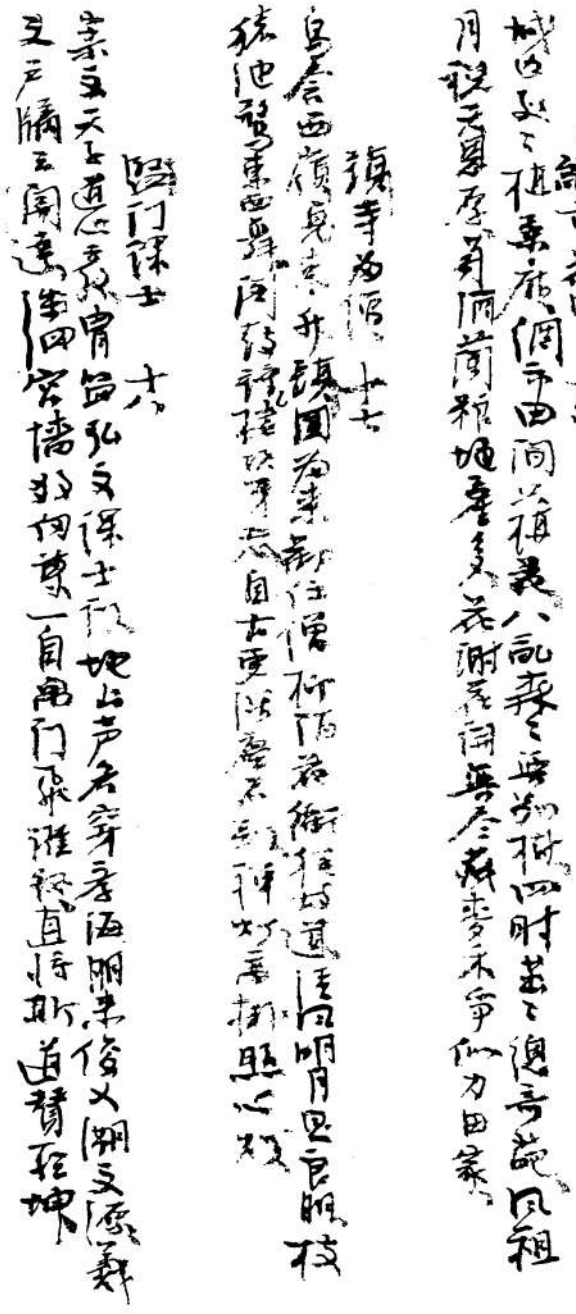

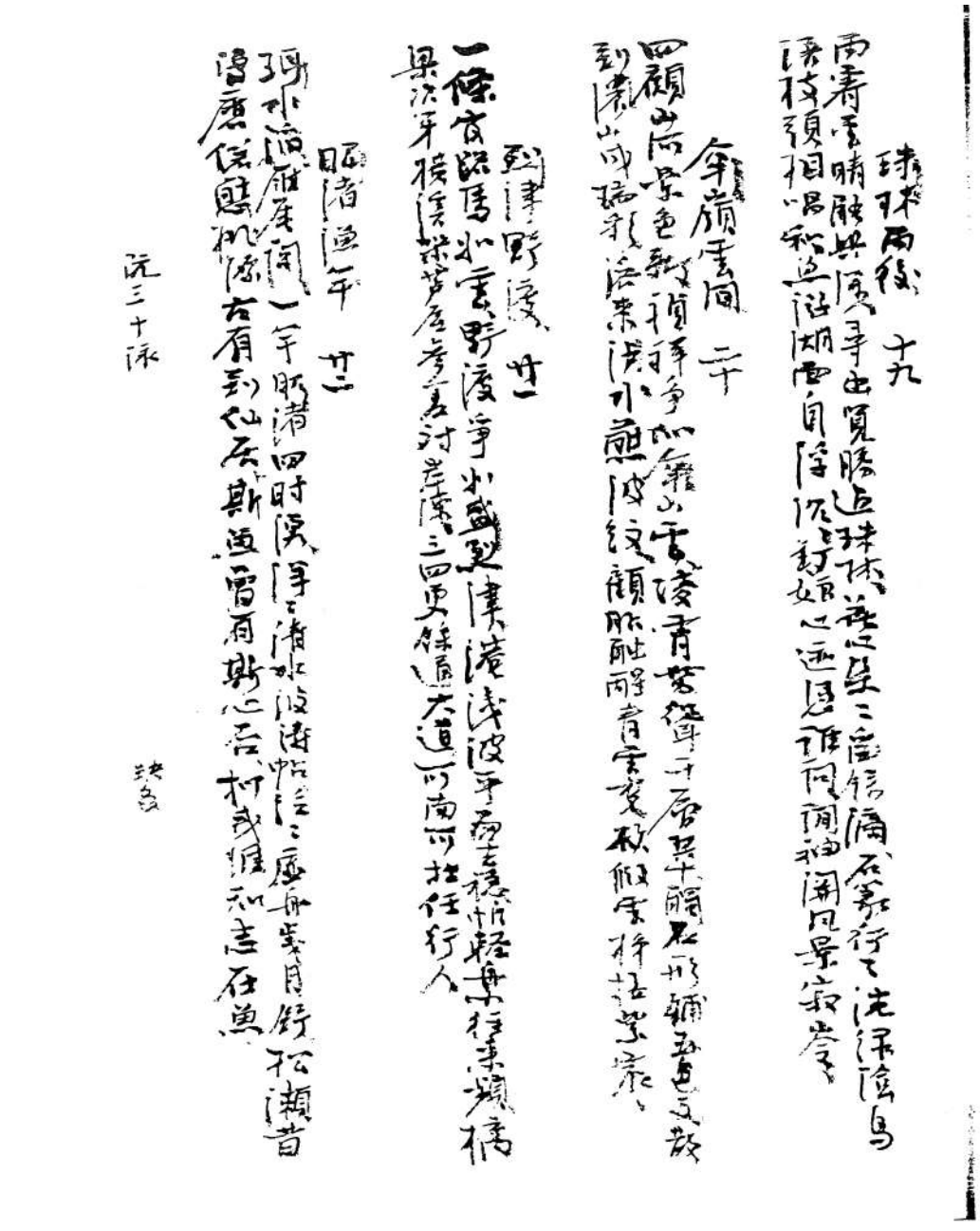

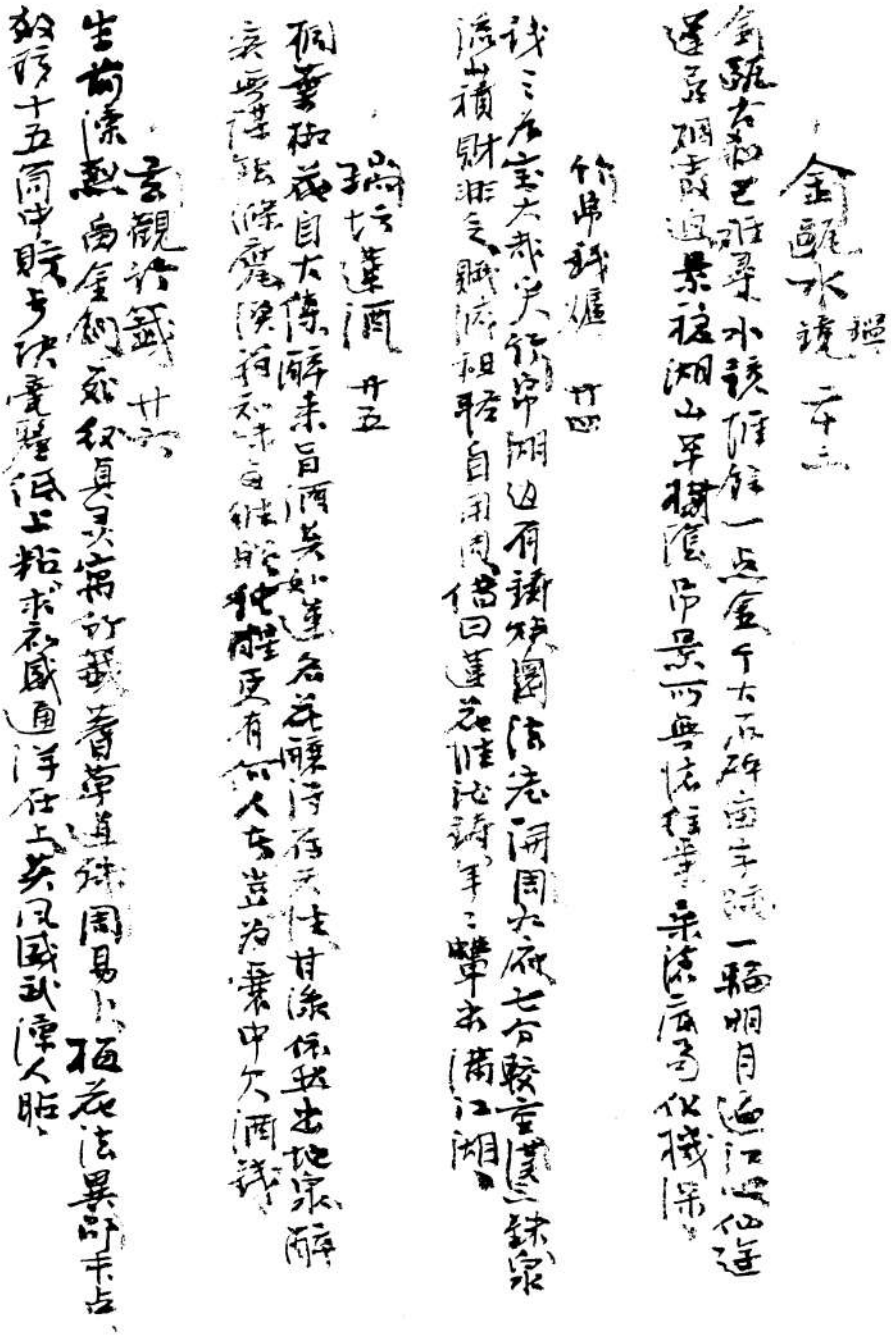

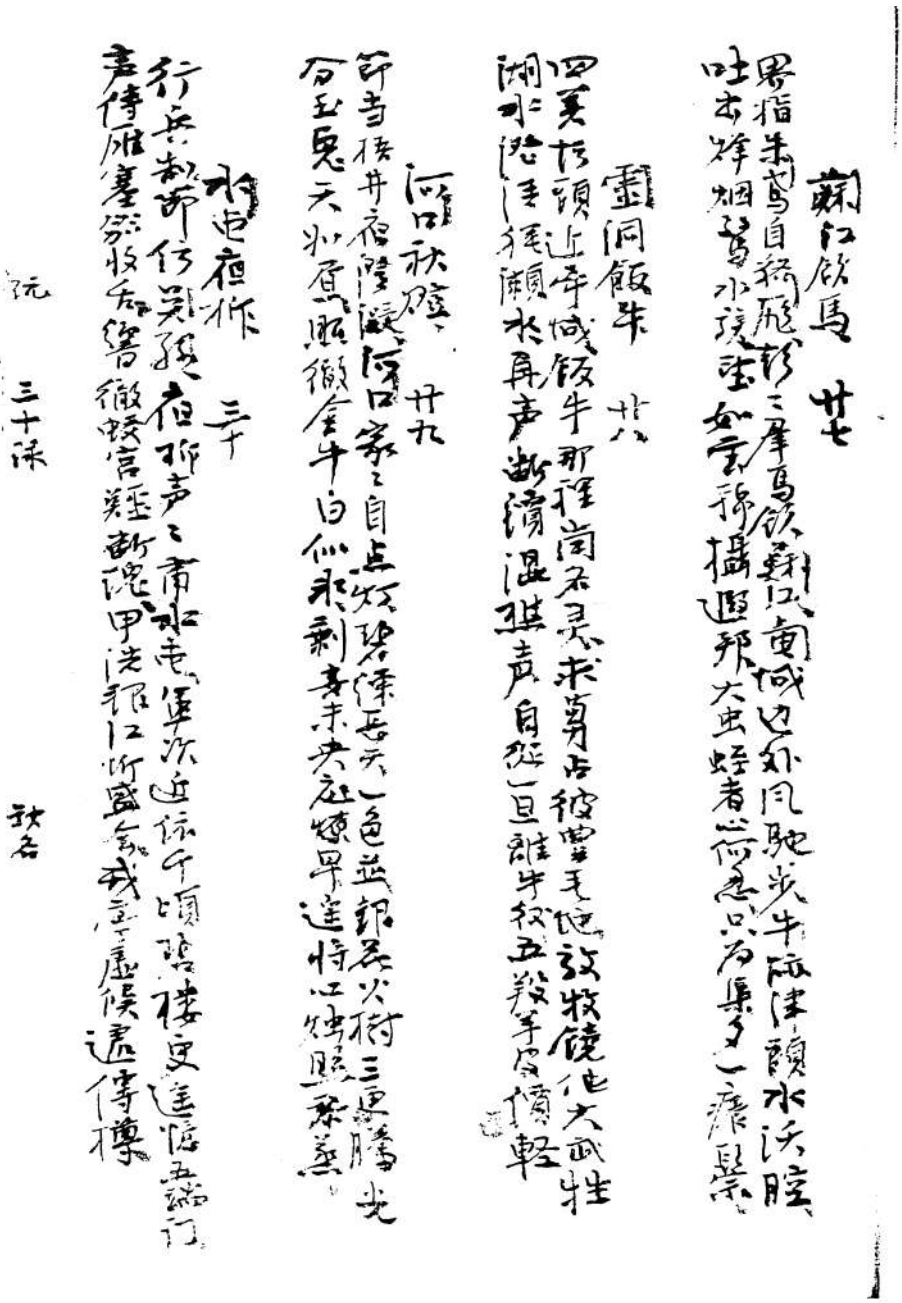

南真縣尹

○昇龍三十詠 南昌縣尹原本 較南A.1804 VHv.2441 相安入

城頭掛旭 一

禁城樓闕頡都城朱旭團團掛彩頭百雉危樓風影合双章峻直麗日德御長涼

半影東西照光舞幡章上下映南海無波頭頂卷簾翻翻御九游詩

樓鼓傳更 二

深城內外布星斗樓鼓聲聲次第更玉兔穿斜高下影銅壺滴滿五三聲敲

田花庸寒佔烟留入香帷半掩清宵夢漏洞城外寺丁東半夜報声疎

五門觀日 三

灣山龍脊府平原鼓聲宮前五鳳門端立森森珠閣輝同翔直麗玉臺前千年

城郭淨雲去八葉根基後殿後門外五門今對峙此間頓盛頭碓階

一柱樓限 四

峙起層臺城西徑錦面蕭莊鵲橋特地梵宮行錦繡來定閑無玖瑤老宿

橋下塵心洗蓮花佛前出眼低但任當年新初名上滿往事不須題

沅 三十詠

南昌縣尹

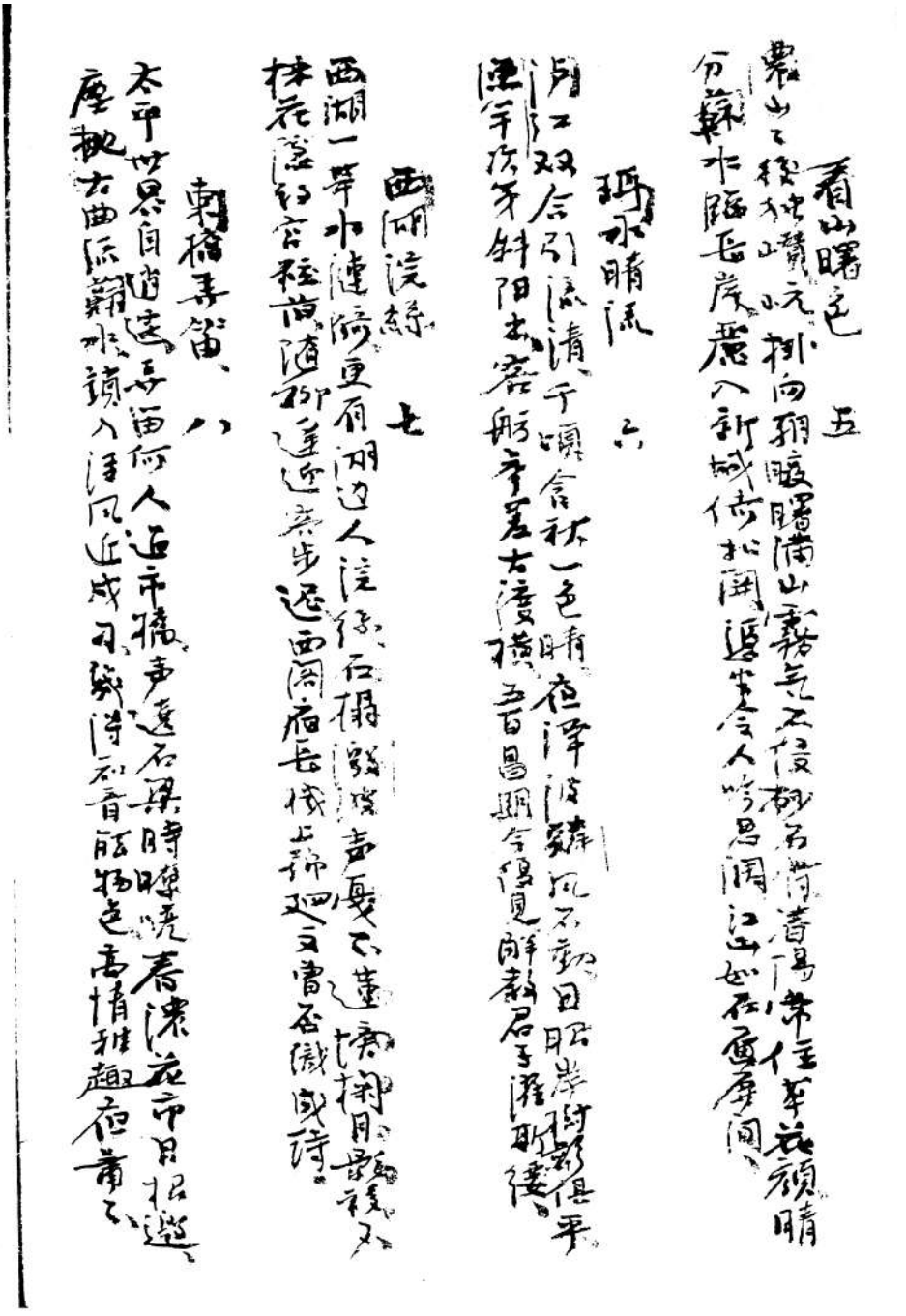

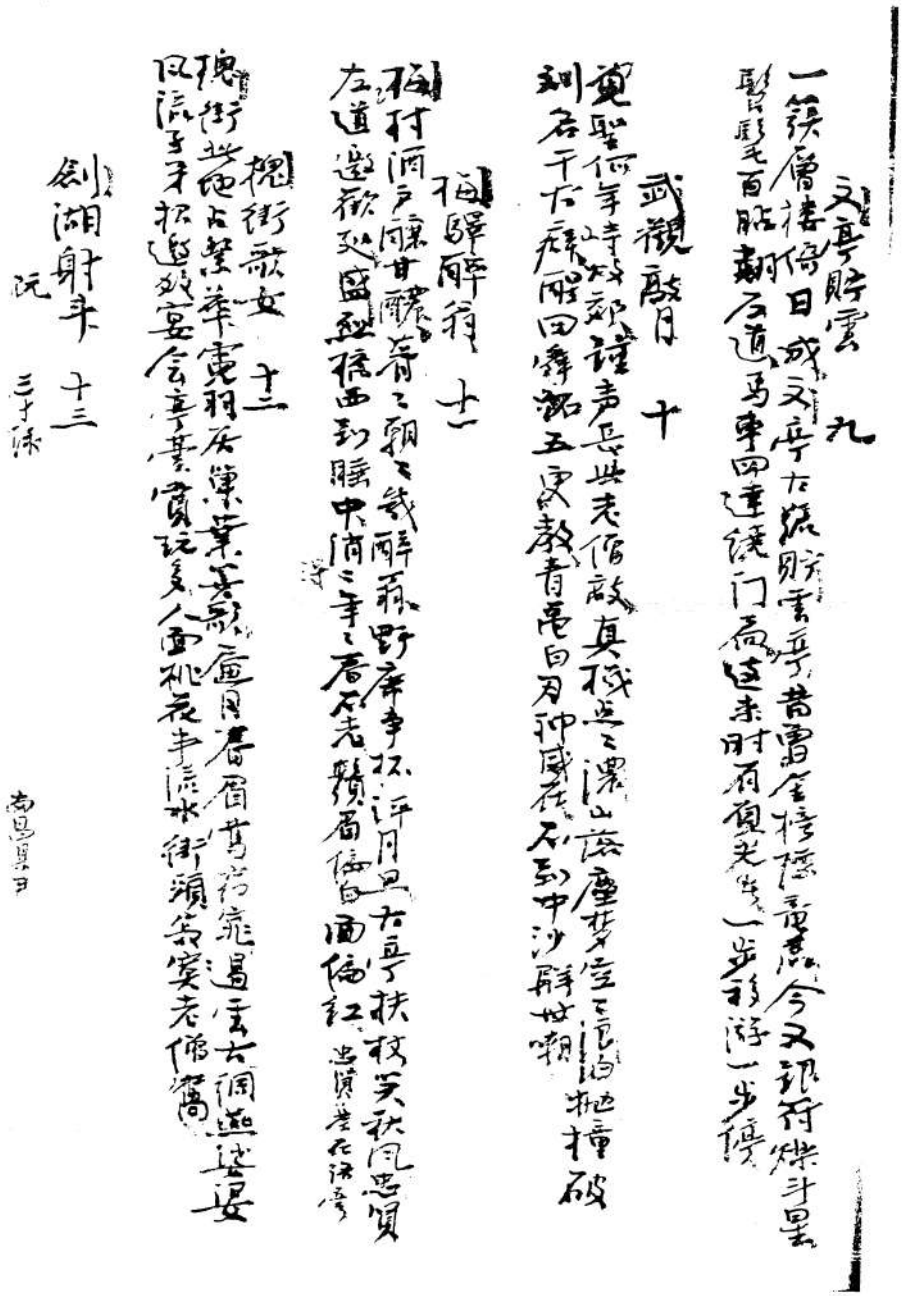

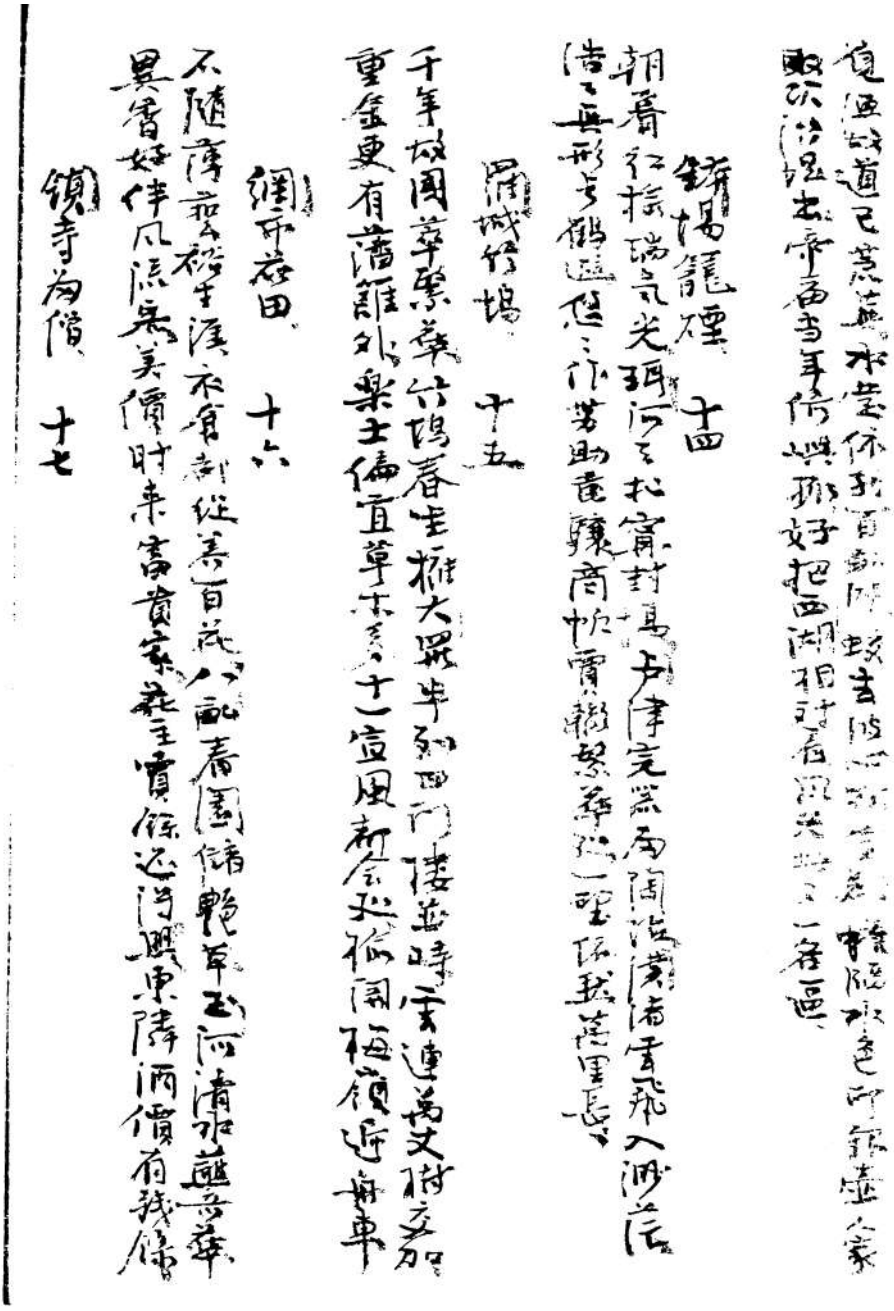

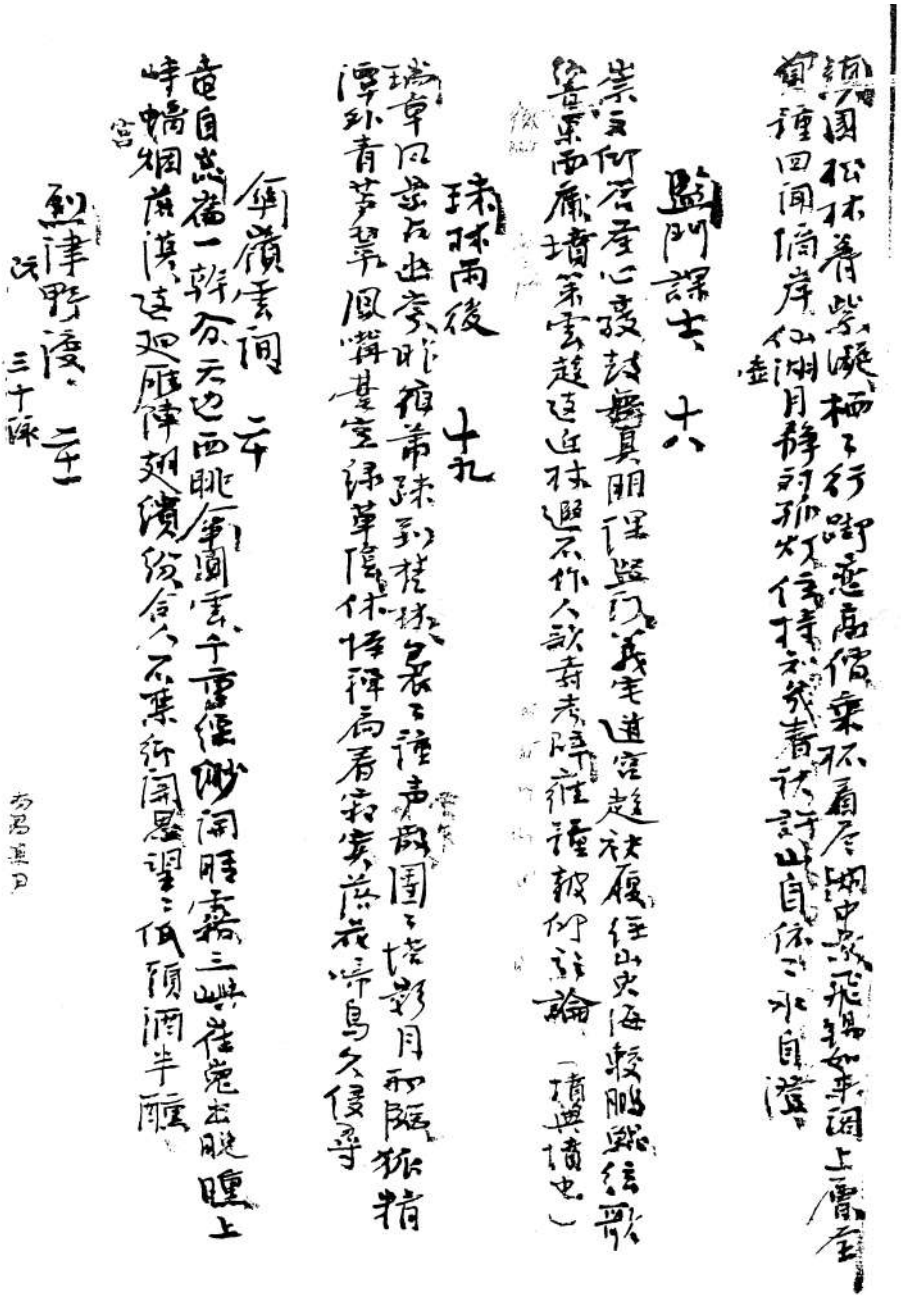

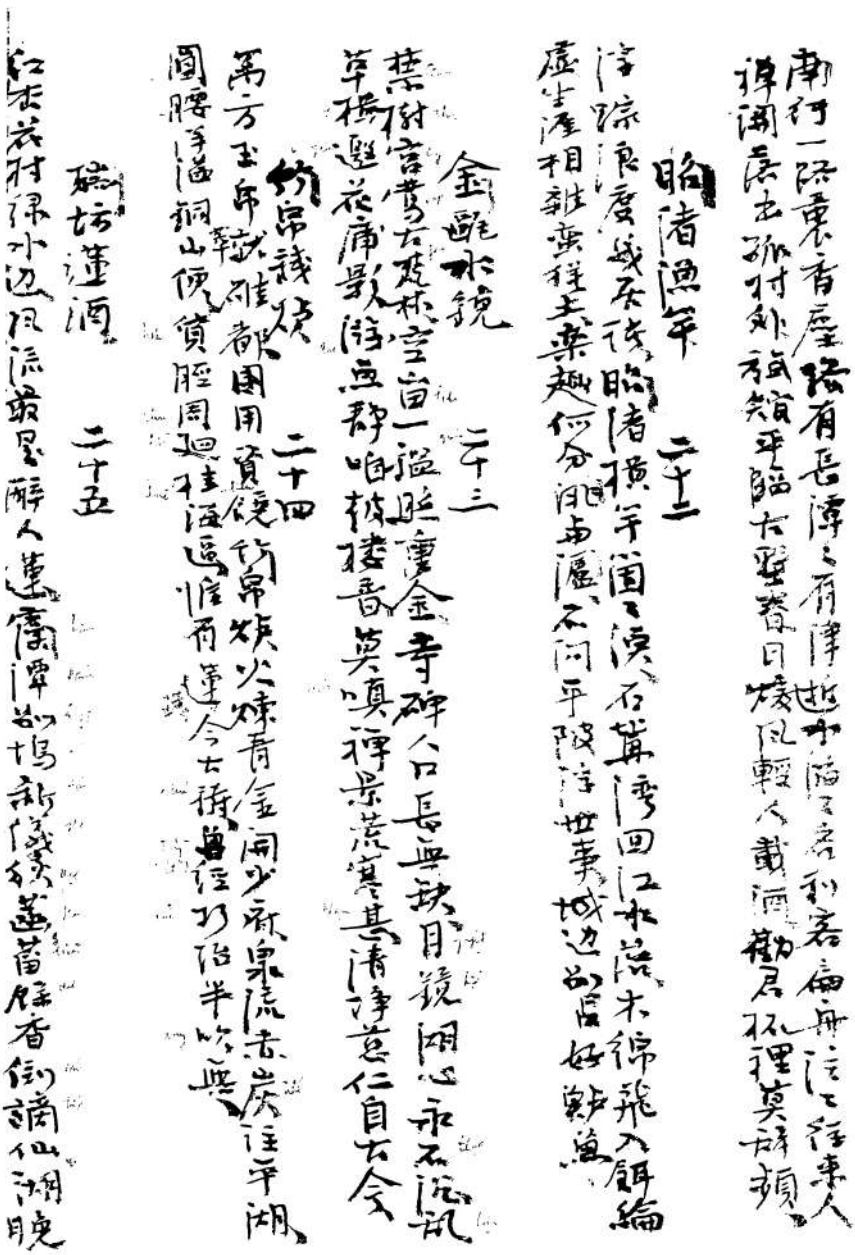

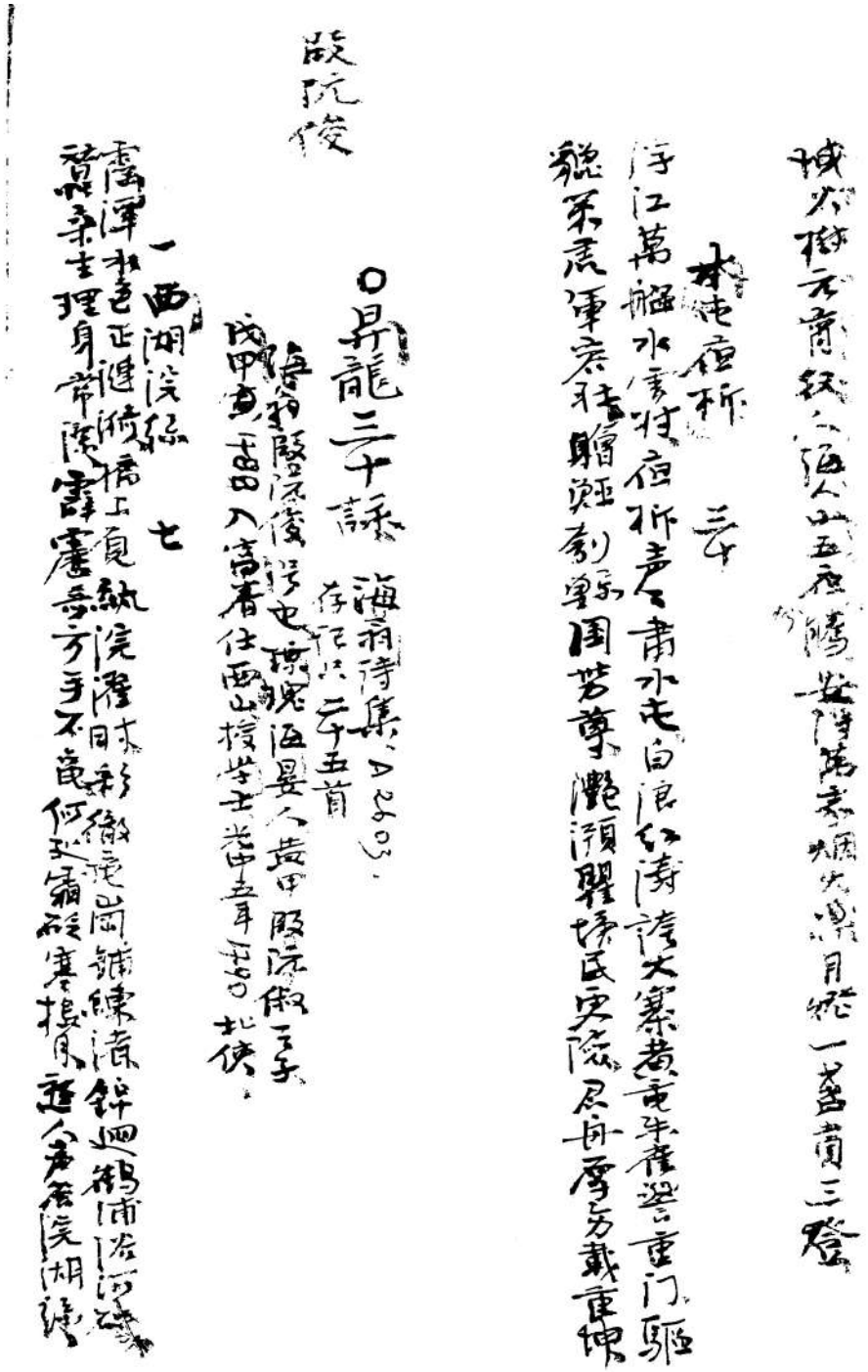

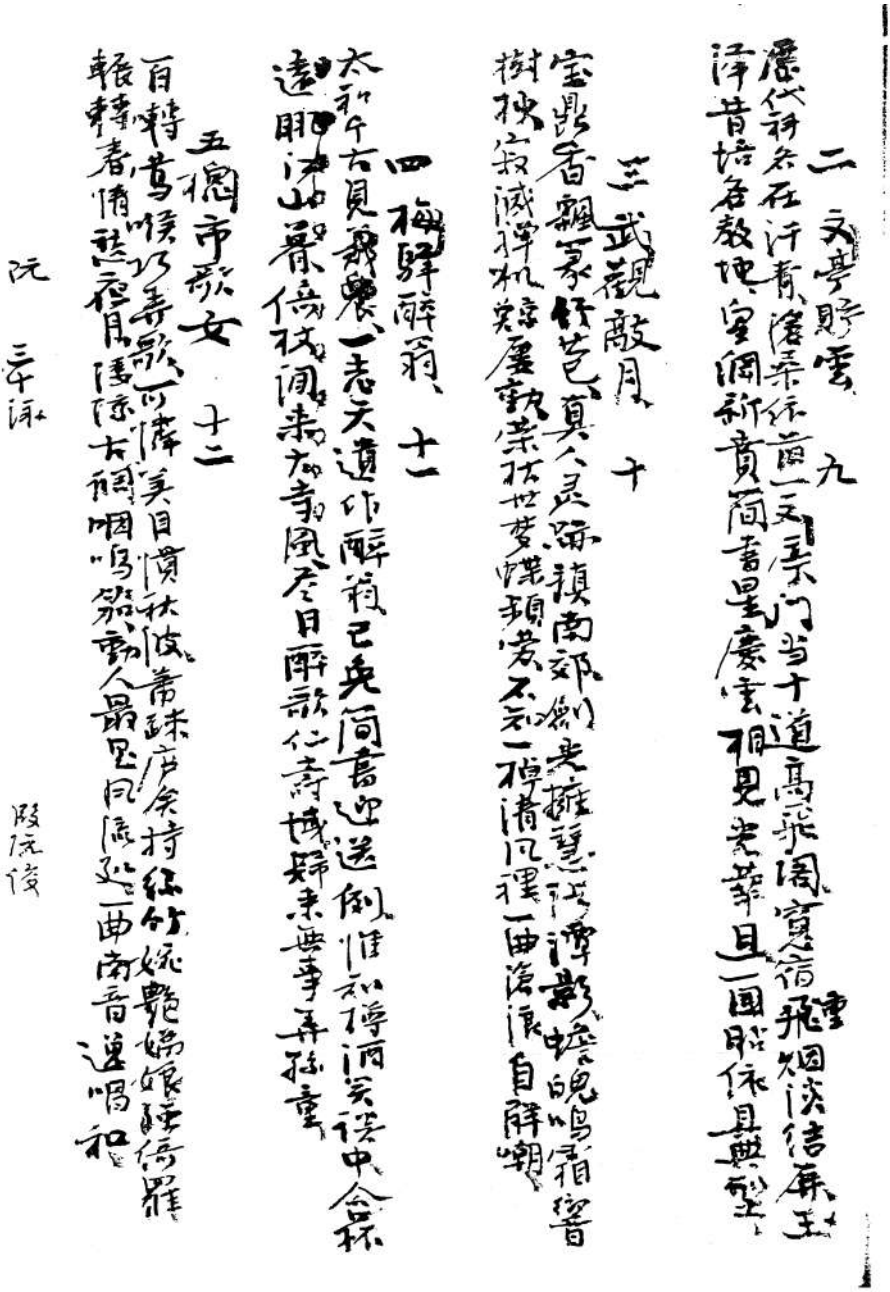

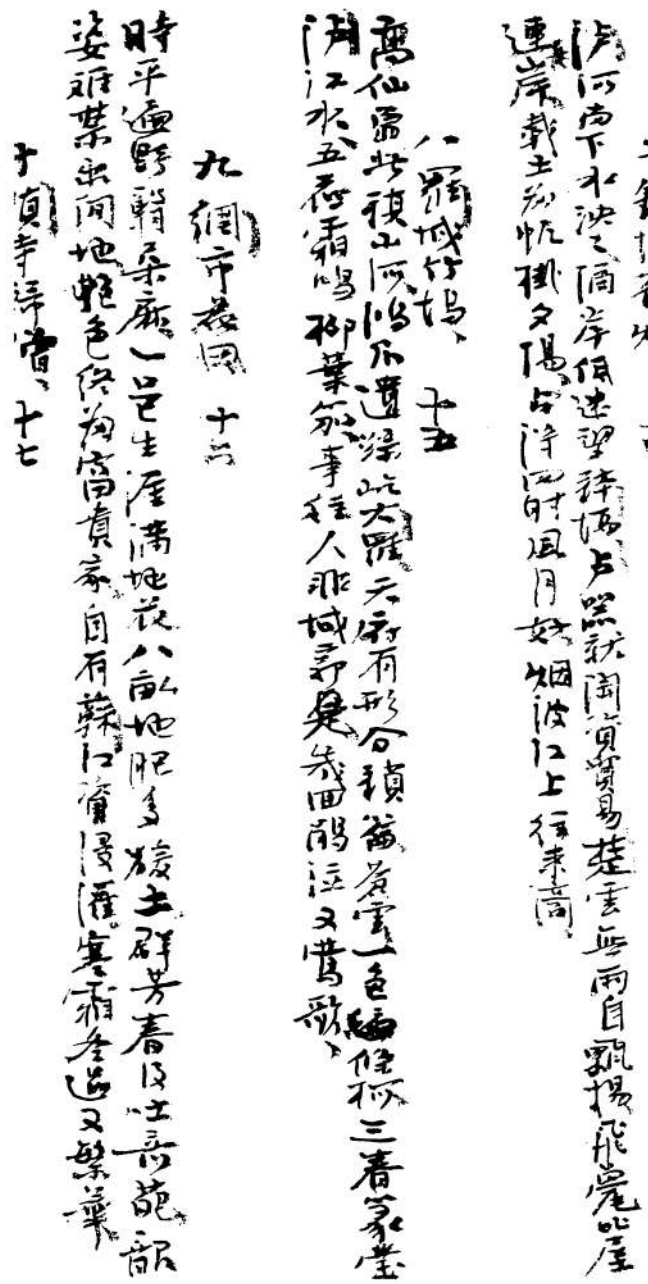

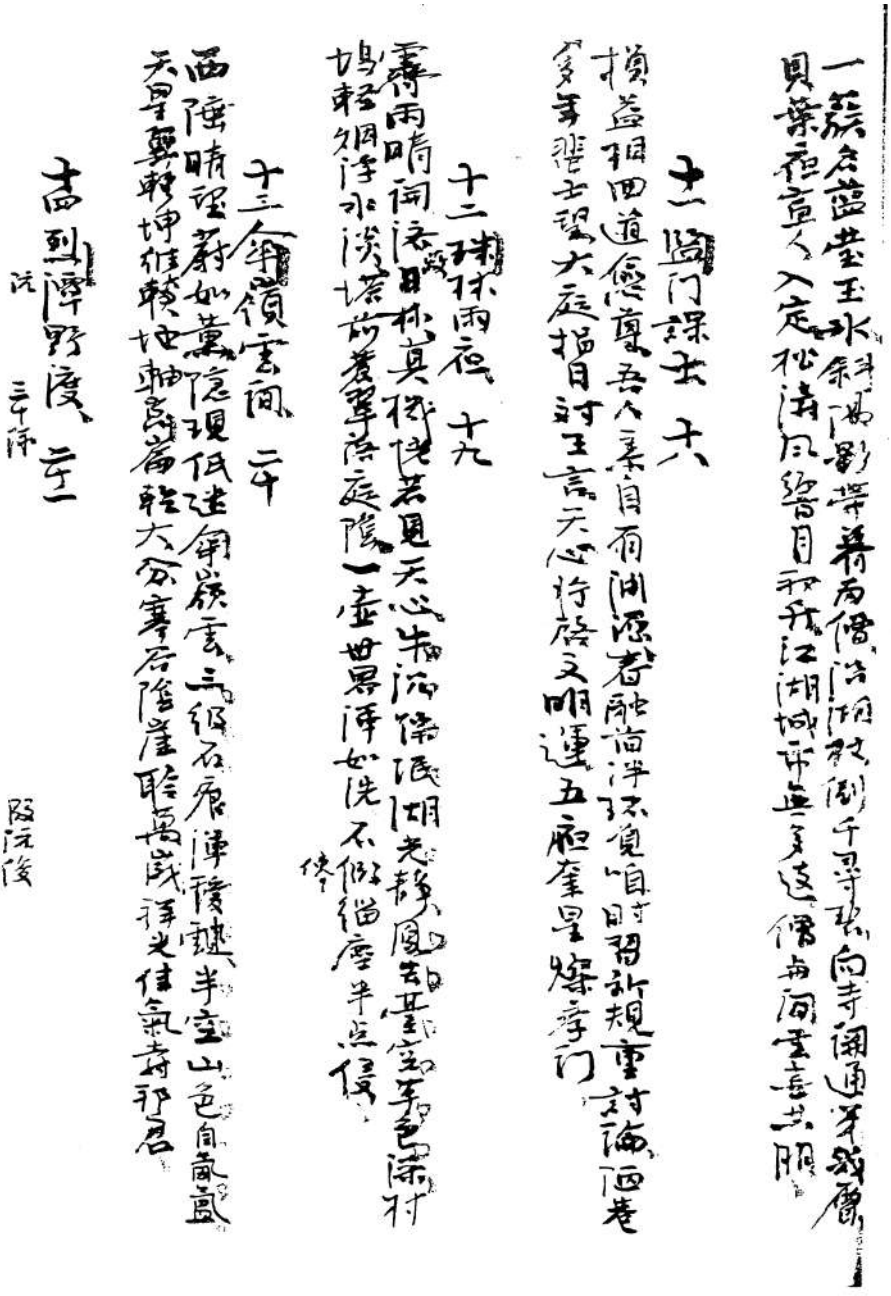

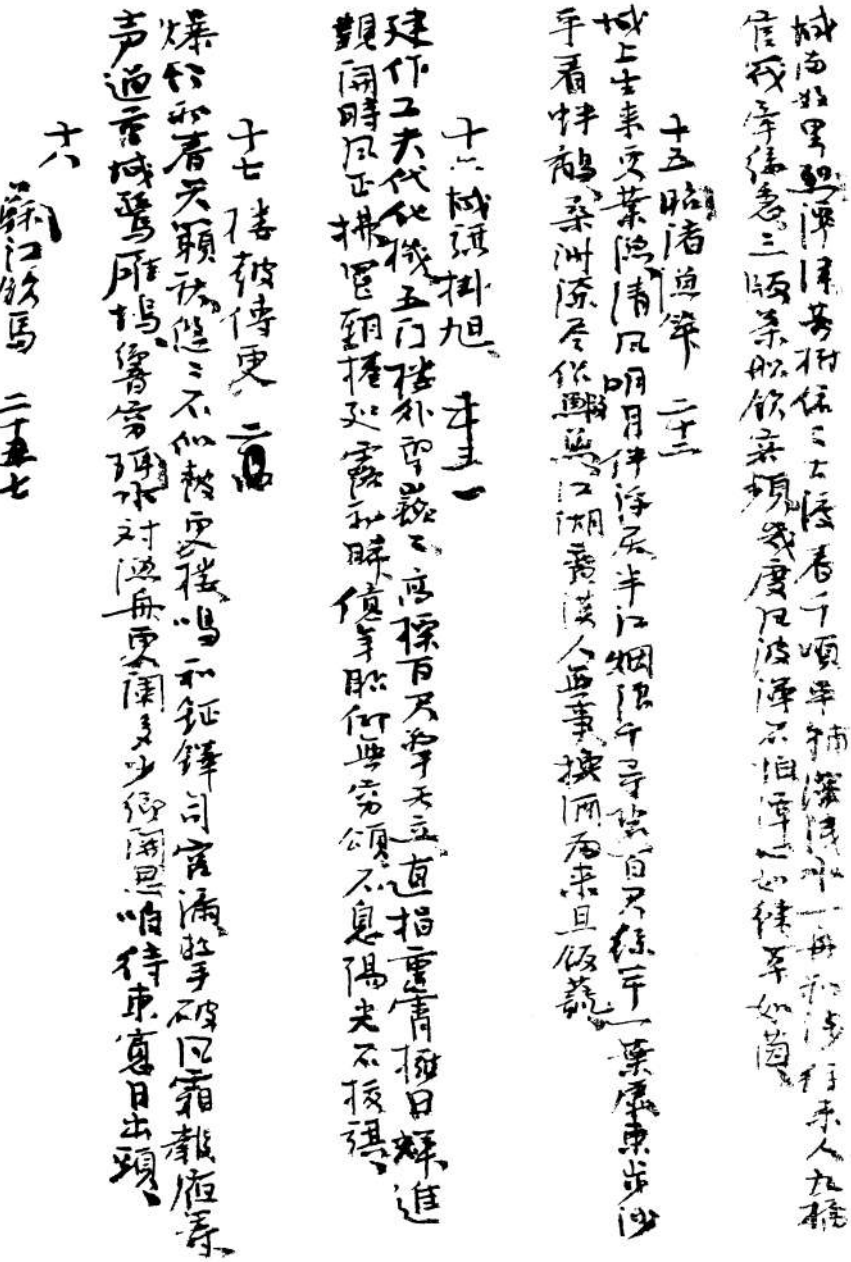

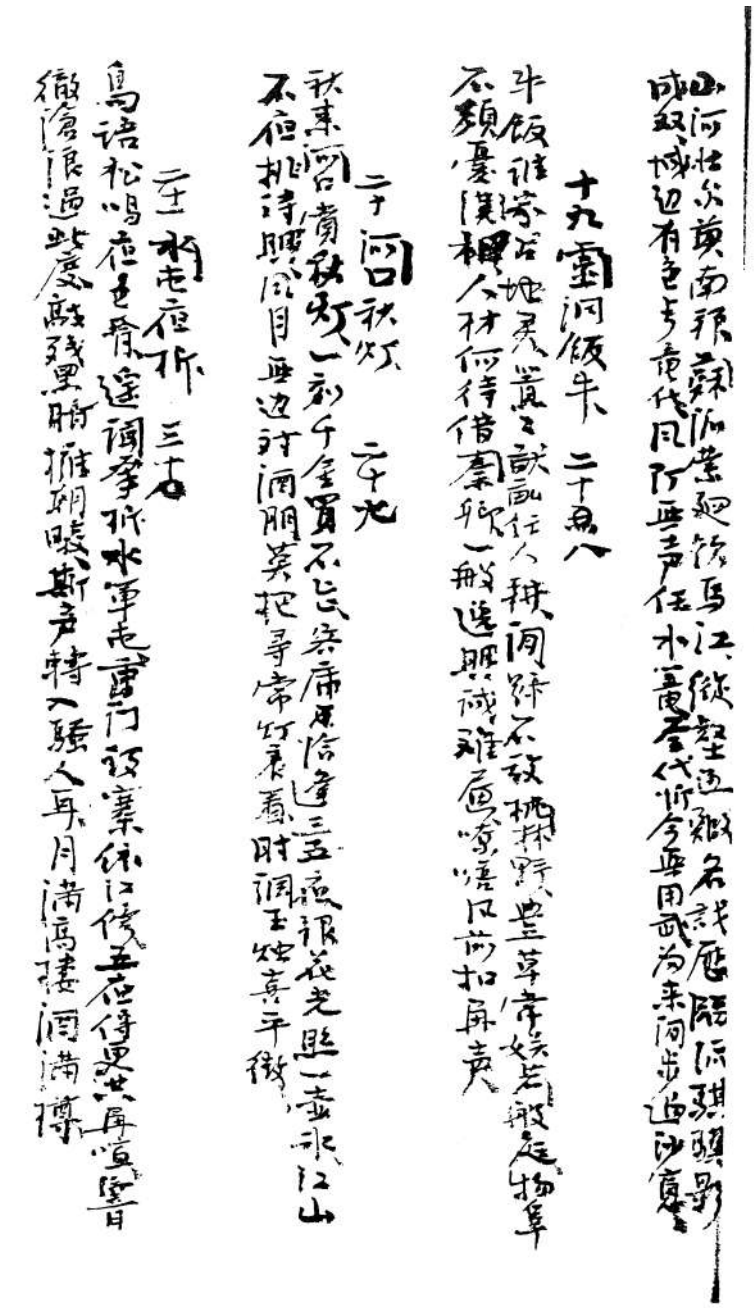

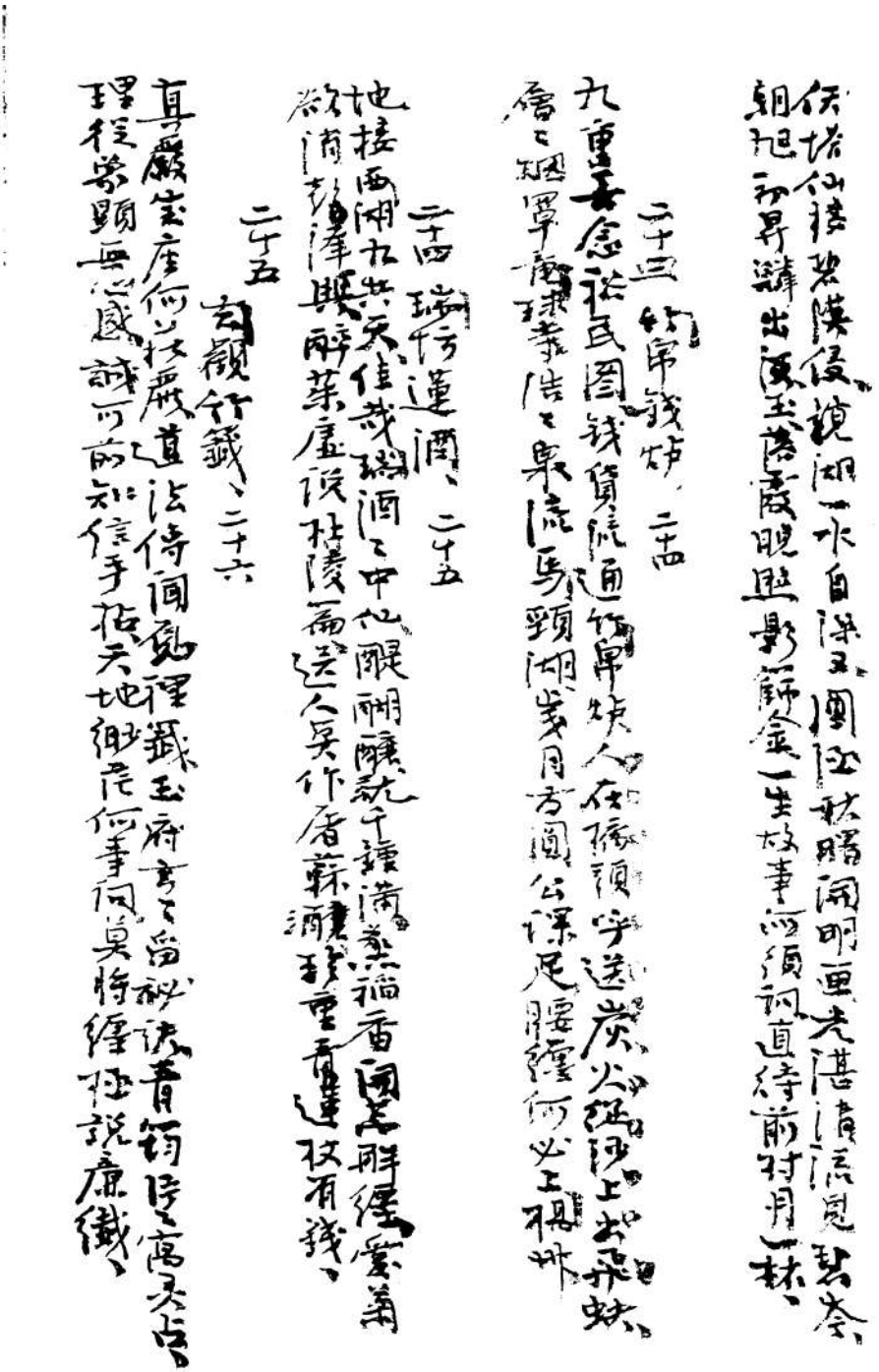

# 昇龍三十詠

嘉隆壬申（十一年1812）在城刑部右參知溫玉侯黃大人以昇龍三十
詠見命遂題示教今錄十九篇（缺名）珠峯集A2660作蓮塘號非

## 昇龍十九詠 A 1640

### 城頭掛旭

遠天咸覲謬不遑北闕頭蒼柱柱曉風翻錦繡繡鈐卷移樹鳥樓地海啟四座
歷酒和和醉五鼓令角帶老鮮鈴衙餘日夜詩孔翹仰詩城壹帛旗

壺

### 樓鼓傳更

隔城城上時看樓樓更報聲聲天外流飄和作高江夜月罷譙鐘微海山秋冷
催滴前更闌蕭細枝清刁萬籟幽閑年心思慕且夜鐵傳幾度帽雞聲

阮 三十詠

缺名

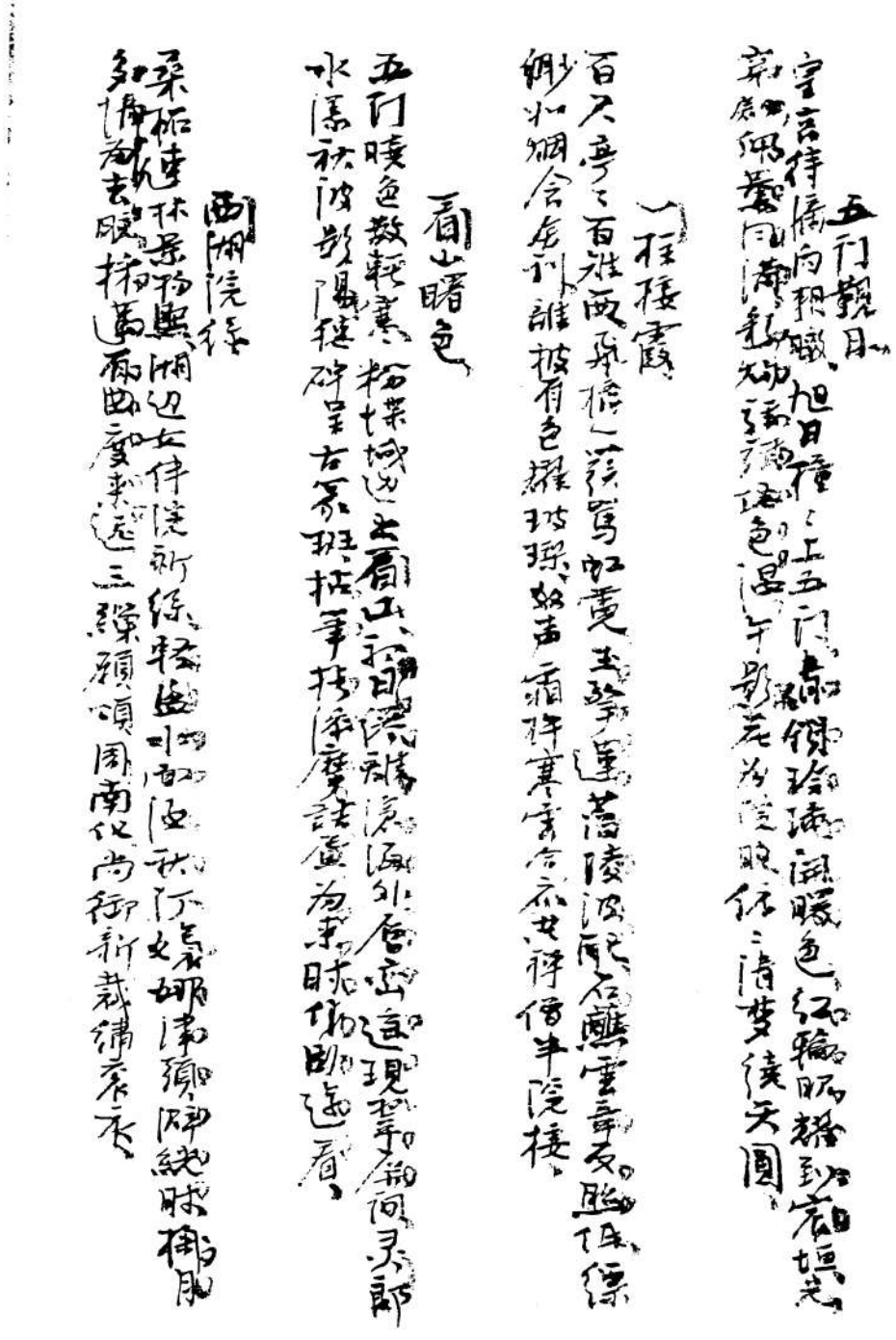

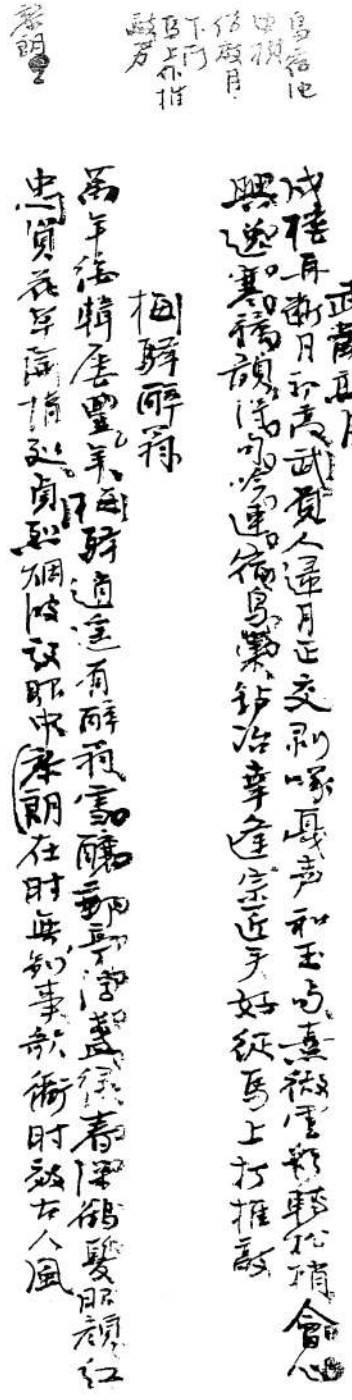

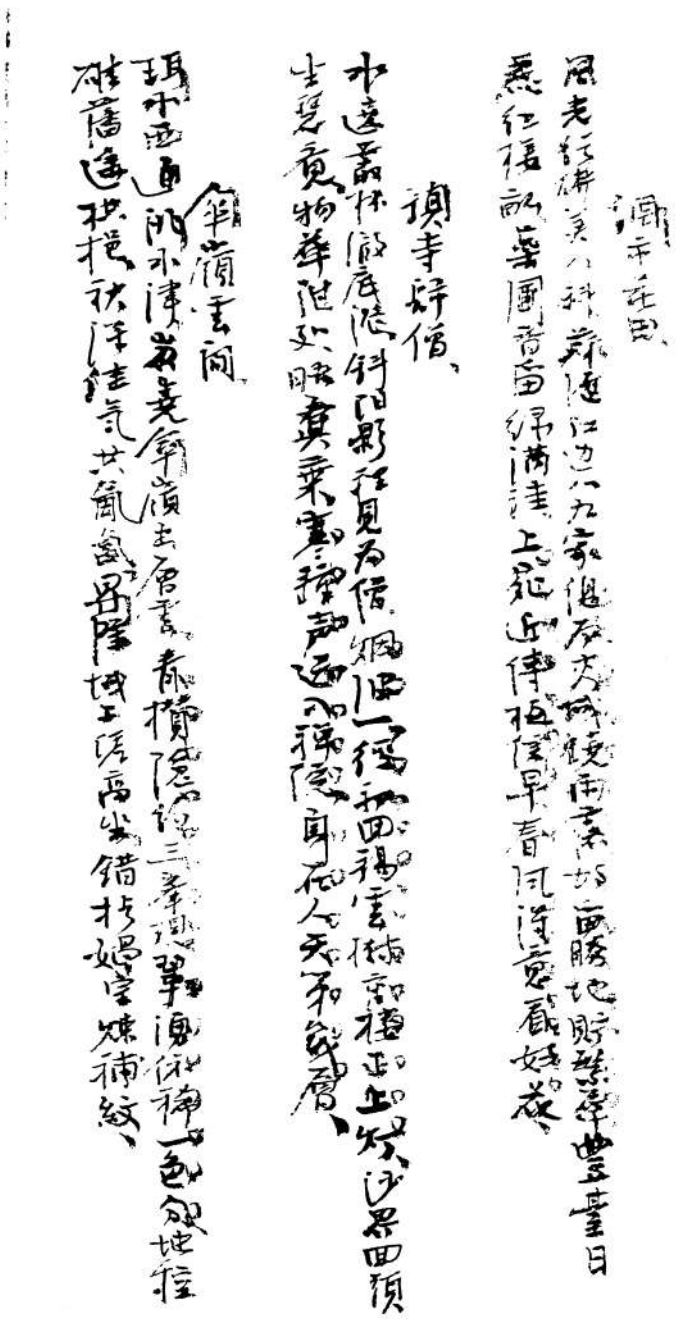

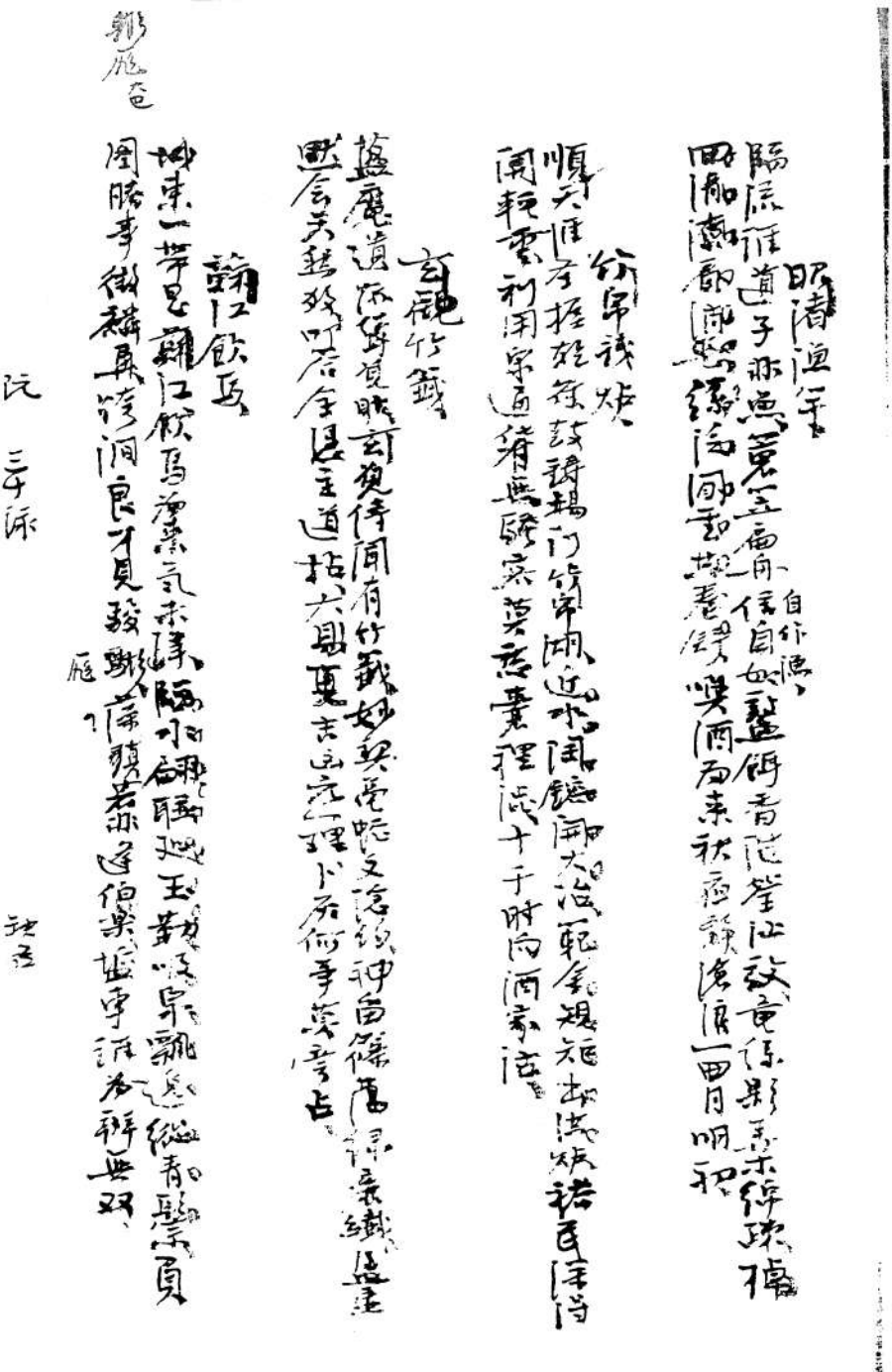

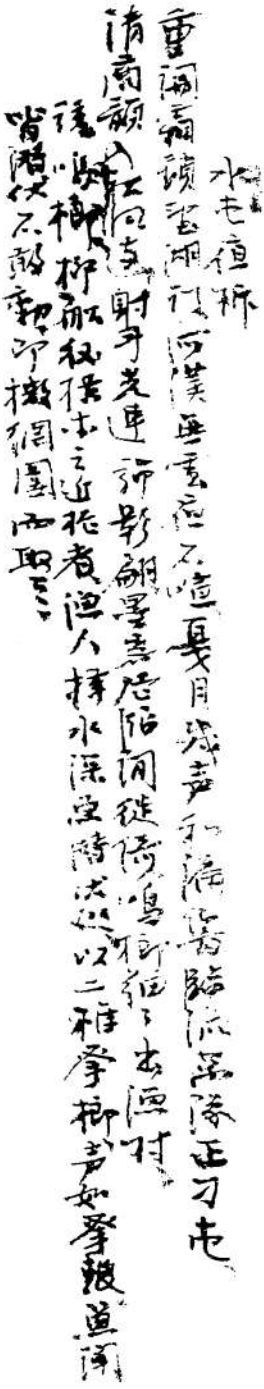

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH HÀ NỘI XƯA

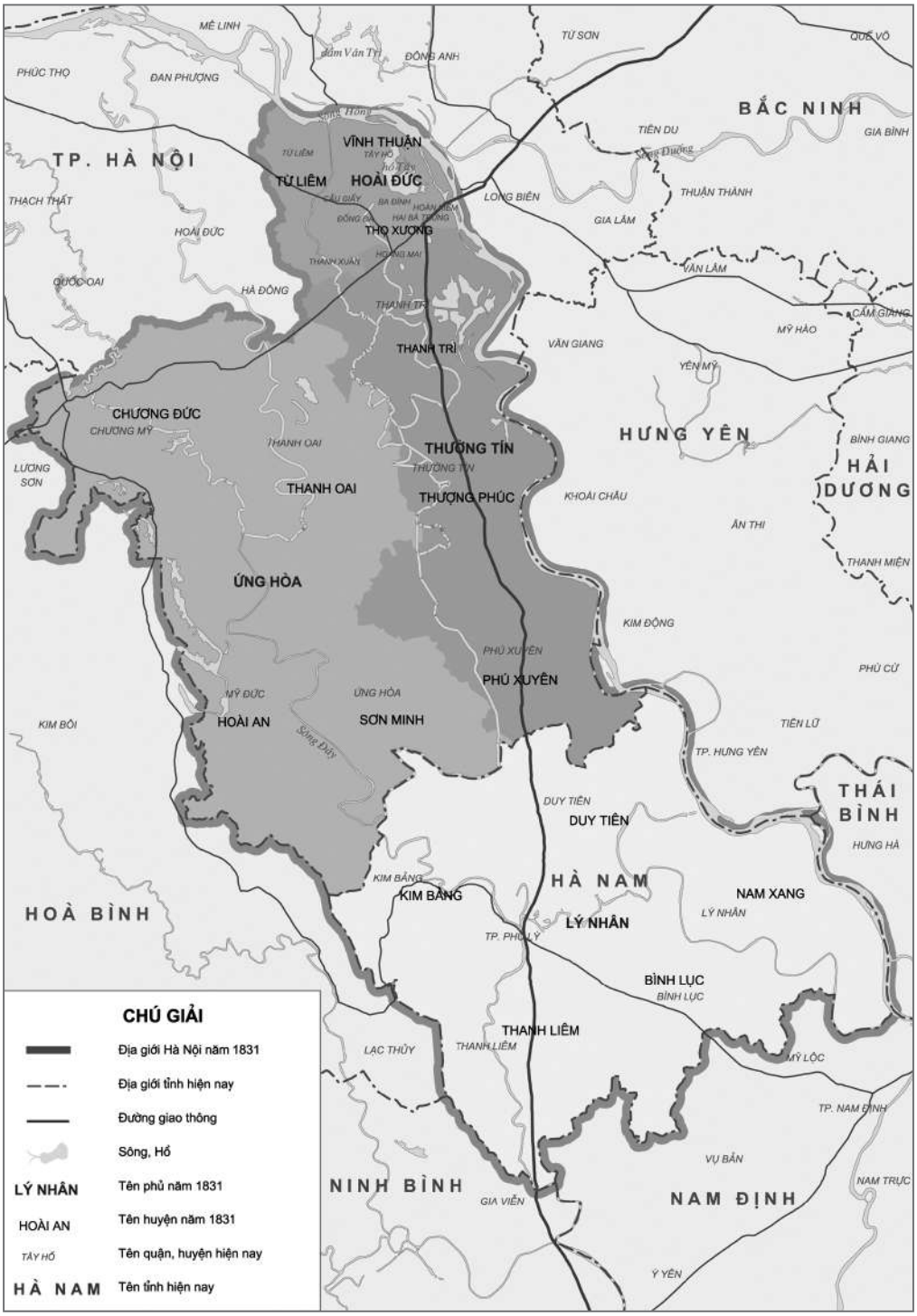


*Bản đồ Hà Nội năm 1831.* Nguồn: *Atlas Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 2010

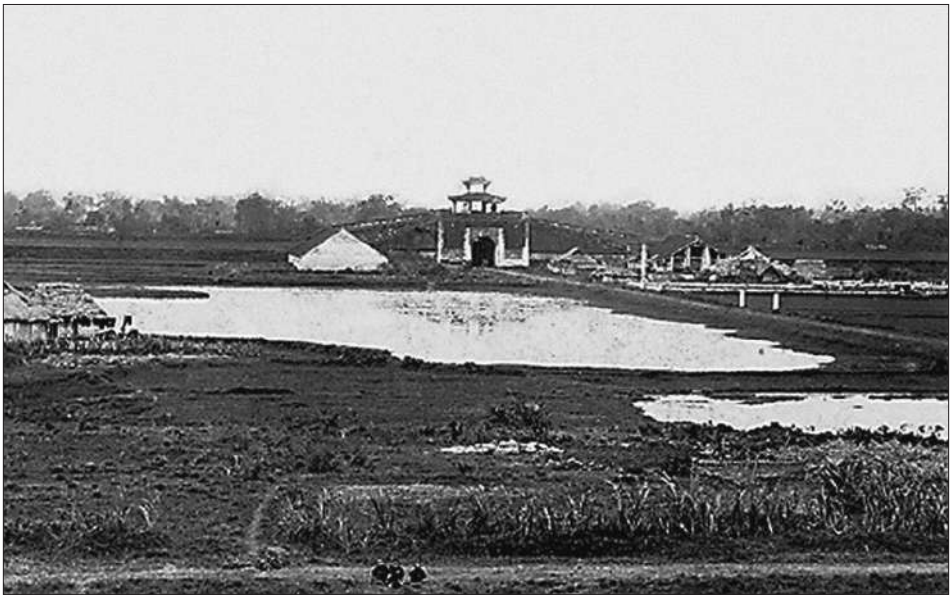

*Mặt trong thành Hà Nội.*

*Toàn cảnh phía trong thành Hà Nội.*

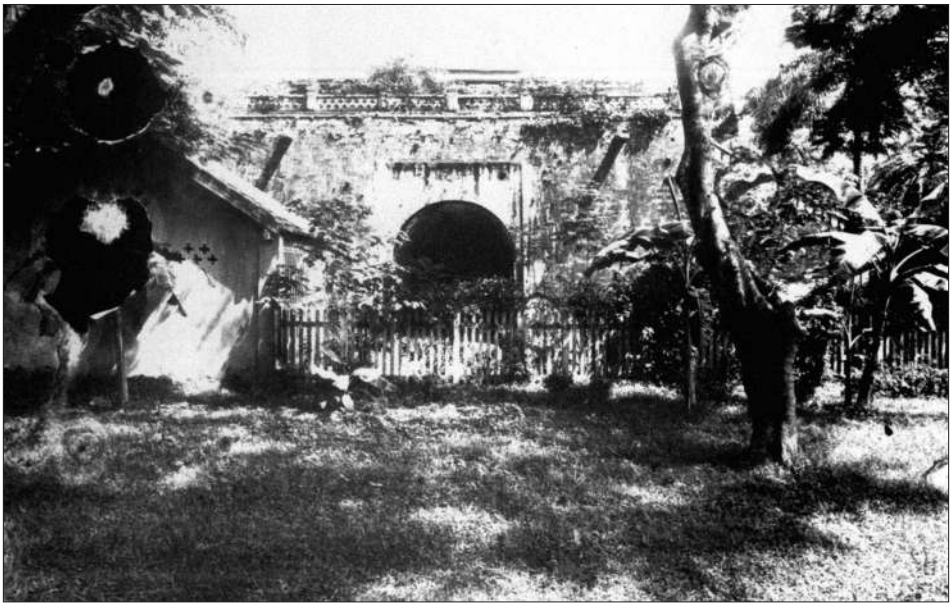

*Cửa Bắc mặt ngoài.*

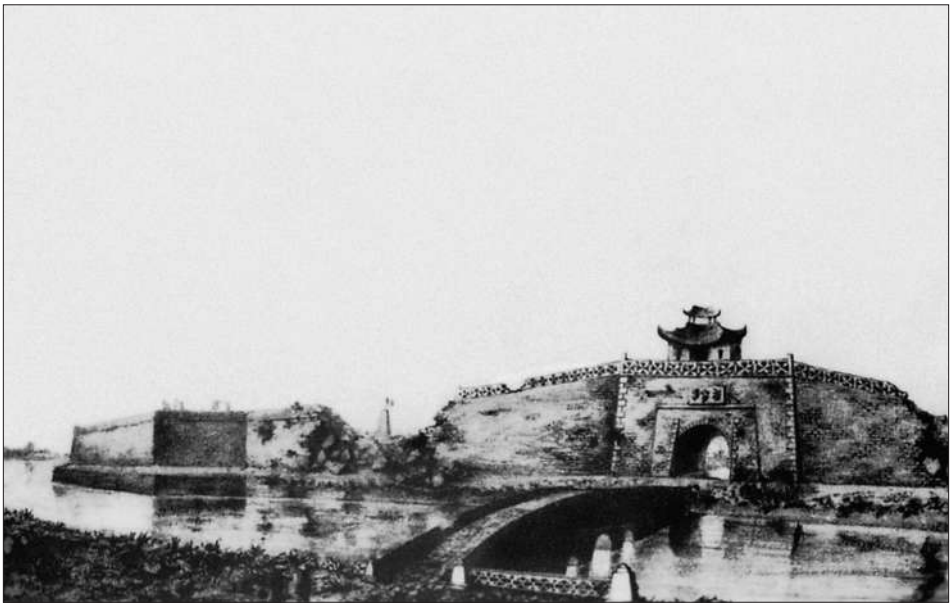

*Cửa Nam.*

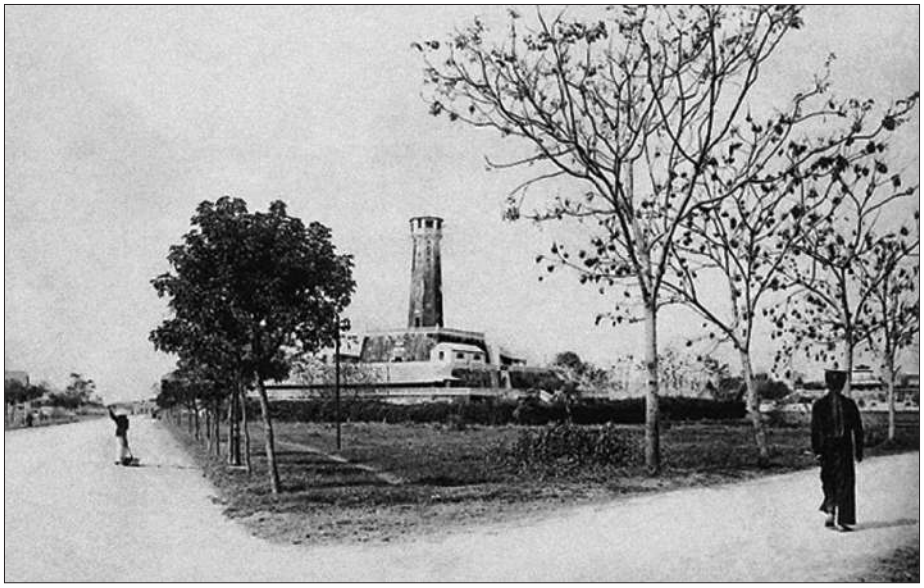

*Cột cờ Hà Nội.*

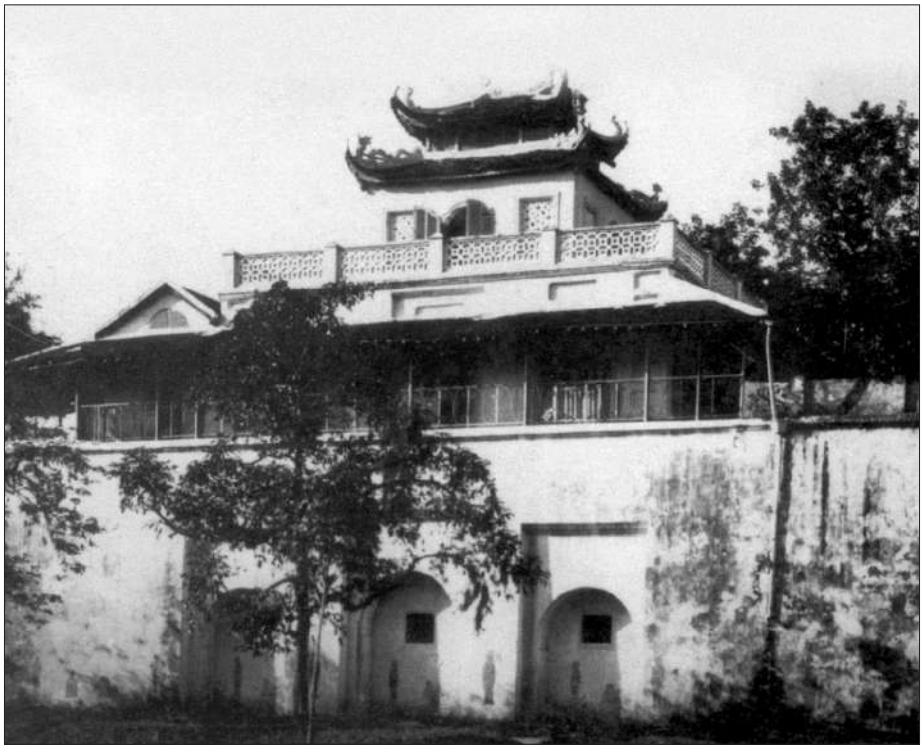

*Đoan Môn.*

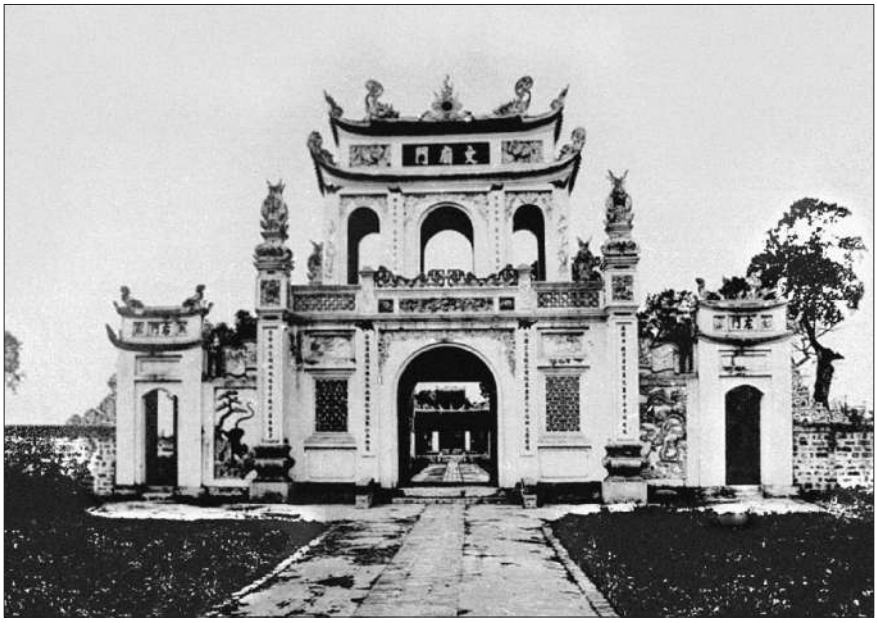

*Cổng Tam quan Văn Miếu.*

*Thiên Quang tỉnh.*

*Hồ Hoàn Kiếm.*

*Tháp Bút trên núi Ngọc Bội.*

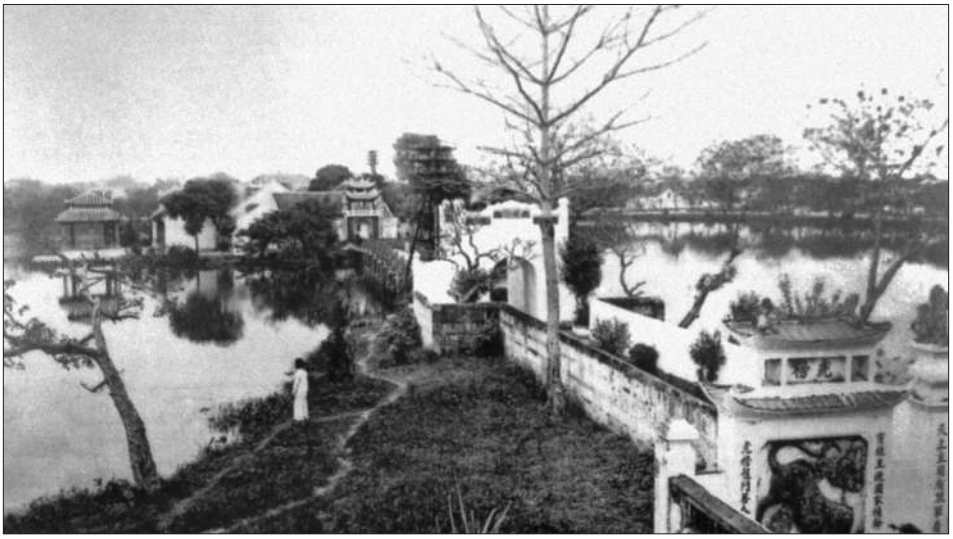

*Toàn cảnh Ngọc Sơn.*

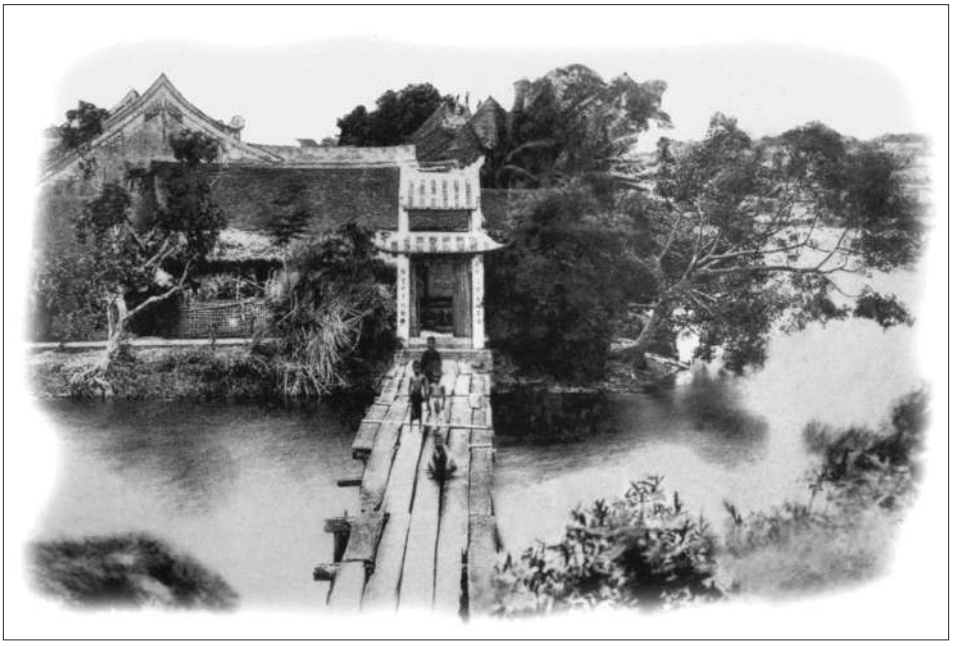

*Cầu Thê Húc.*

*Tháp Hòa Phong.*

*Chùa Một Cột.*

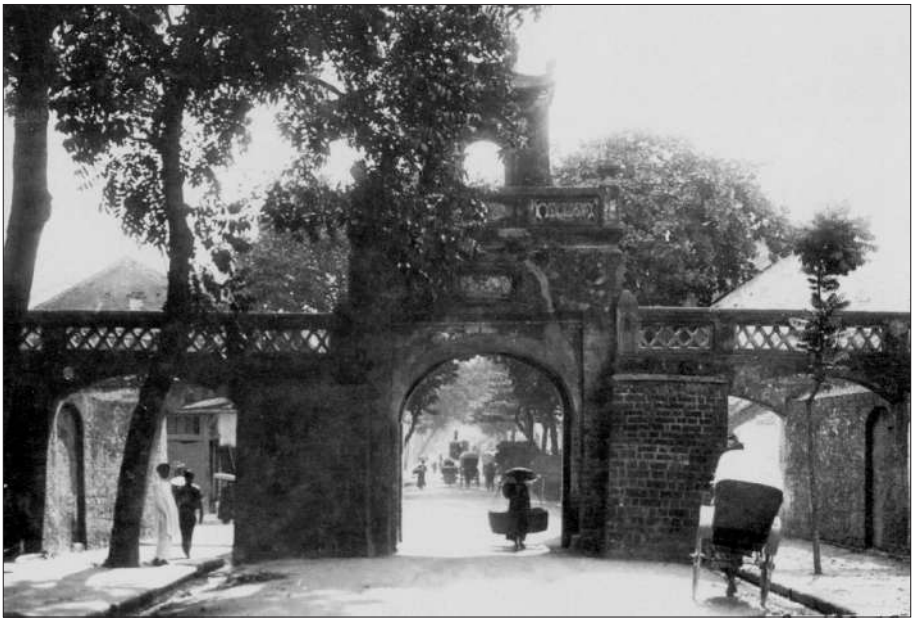

*Ô Quan Chưởng.*

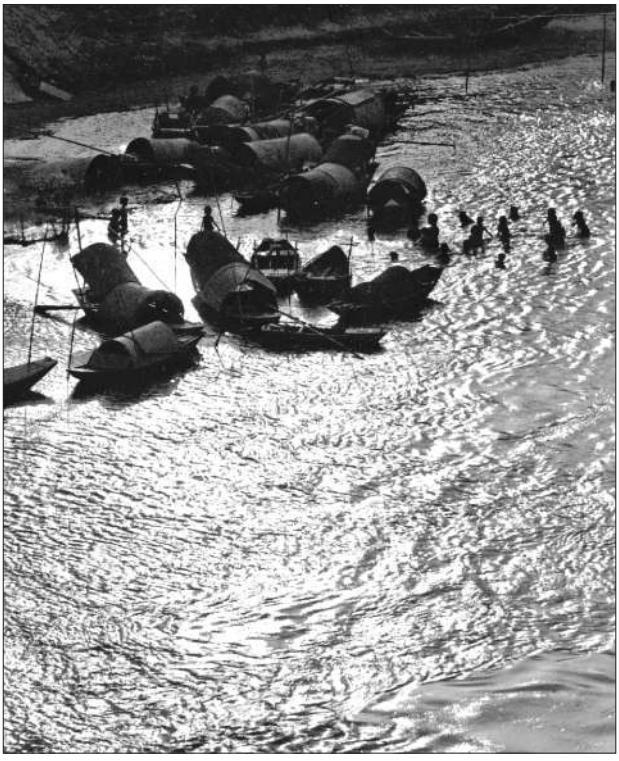

*Bến nước*
*Chương Dương.*

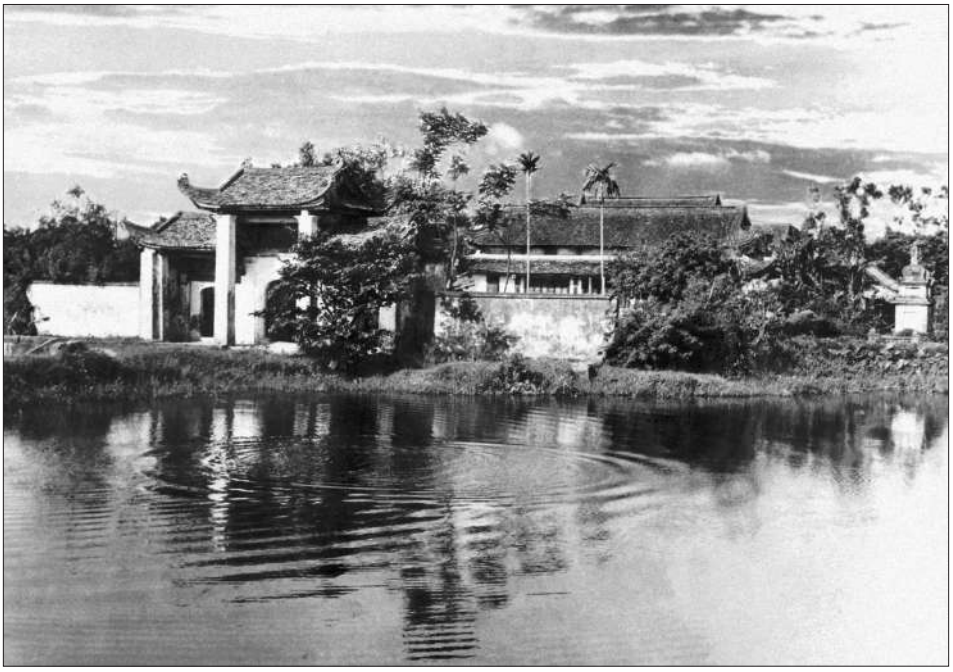

*Chùa Kim Liên.*

*Đình Ngọc Hà.*

*Hàng cây bên sông Tô Lịch.*

*Hồ Trúc Bạch.*

*Phố Nhà Thờ.*

*Phố Tố Tịch.*

*Phố Hàng Bạc.*

*Phố Hàng Mắm.*

*Phố Mã Mây.*

*Phố Hàng Buồm.*

*Phố Hàng Nón.*

*Phố Hàng Ngang.*

*Phố Hàng Đào.*

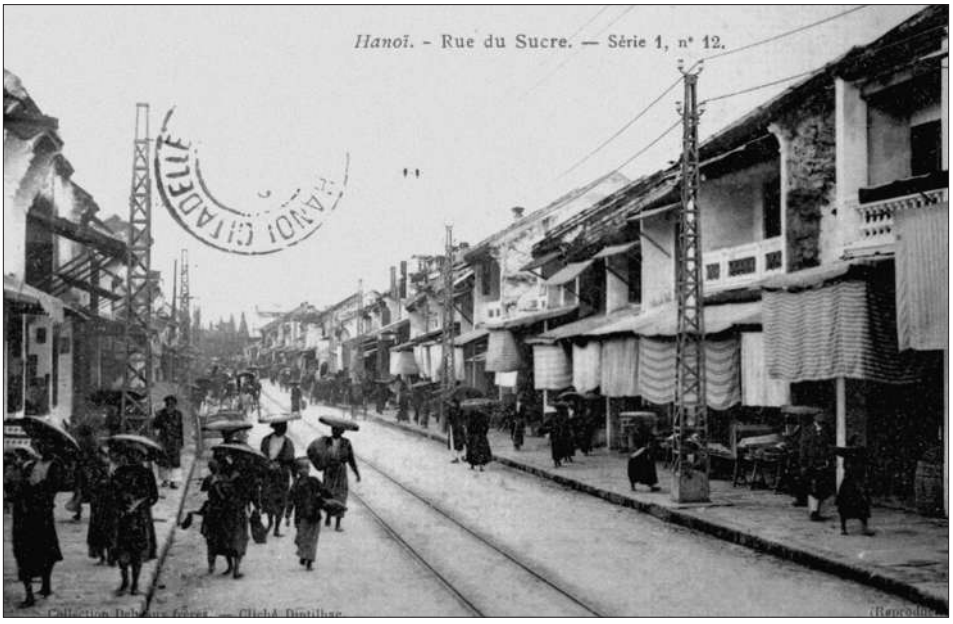


*Phố Hàng Đường.*

*Phố Hàng Đồng.*

*Phố Hàng Bông.*

*Phố Huế.*

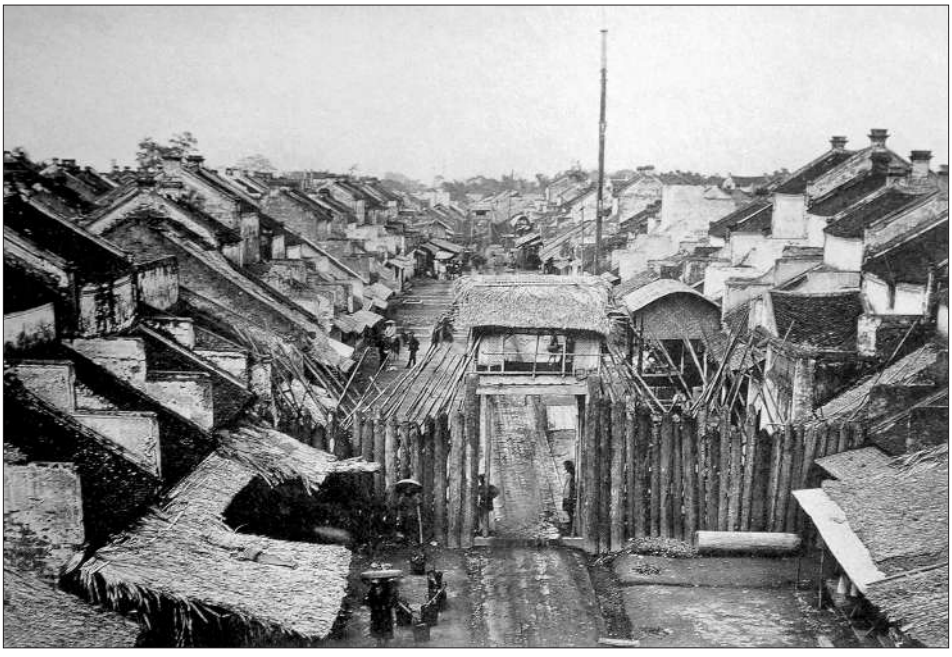

*Cổng phố Hàng Chiếu.*

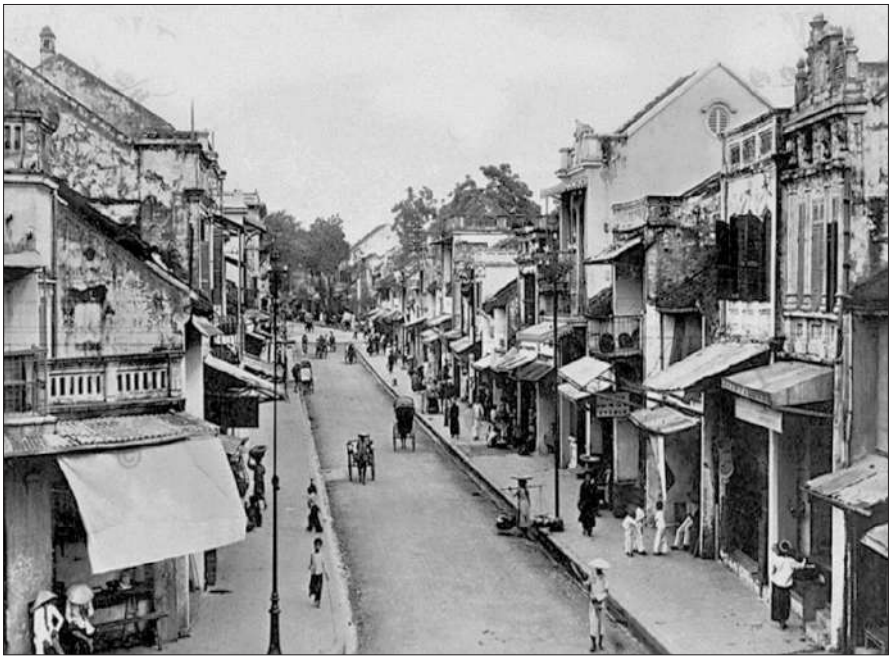

*Phố Hàng Hòm.*

*Ngõ Gạch.*

*Phố Hàng Mành.*

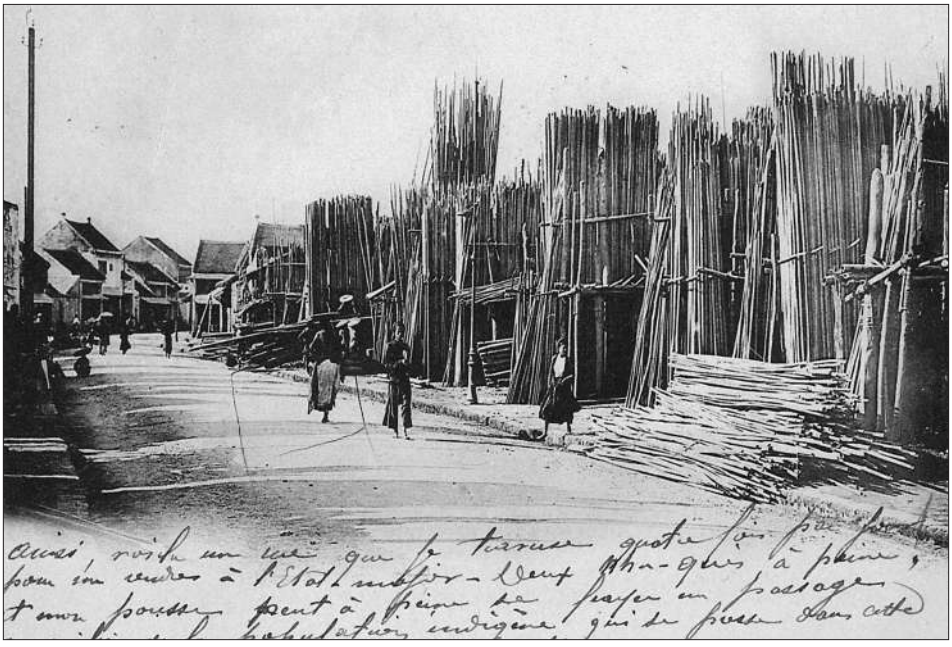

*Phố Hàng Tre.*

*Phố Hàng Gai.*

*Phố Cầu Gỗ.*

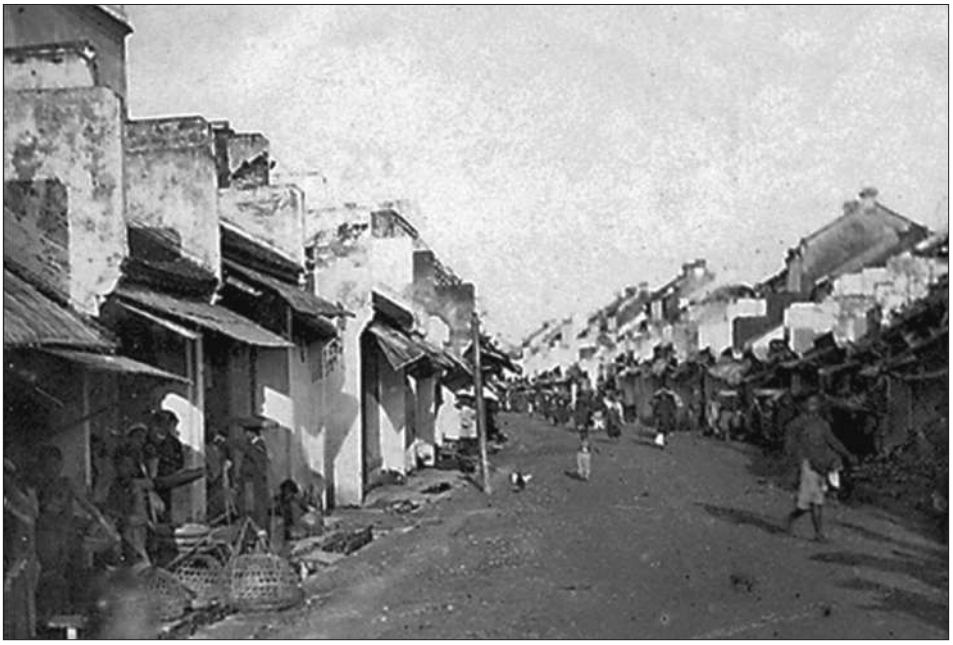

*Phố Hàng Gà.*

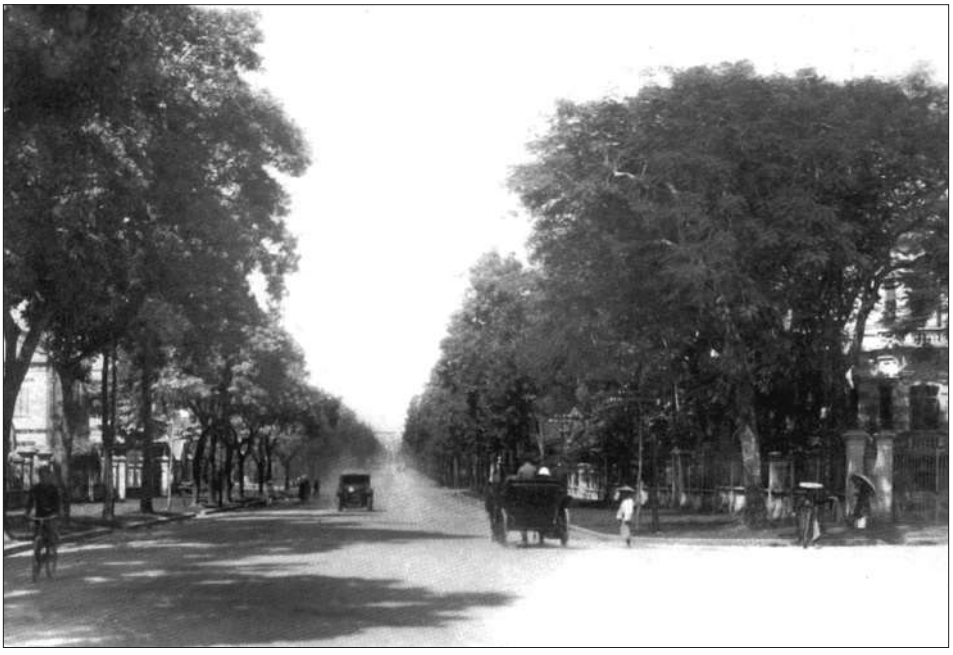

*Đường Trần Hưng Đạo.*

*Phố Sinh Từ.*

*Phố Bờ Sông.*

*Phố Hàng Muối.*

*Phố Hàng Than.*

*Phố Chợ Bưởi.*

*Phố Hàng Tre.*

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Âm ca tập*, ký hiệu VNv.289, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. *Cao Bá Quát thi tập*, ký hiệu A.289, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

3. *Đại Nam quốc âm ca khúc*, ký hiệu AB.146, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

4. *Địa dư chí thi tập*, ký hiệu A.1231, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

5. *Hồng Đức quốc âm thi tập*, ký hiệu AB.292, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

6. *Hồ Xuân Hương thi*, ký hiệu Ab.620, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

7. *La Thành cổ tích vịnh*, ký hiệu A.1941, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm

8. *Long Biên ái hoa hội*, ký hiệu AB.497, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm

9. *Long Biên bách nhị vịnh*, ký hiệu A.1310, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

10. *Mai Sơn ngâm tập*, ký hiệu VHv1522, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

11. *Phương Đình mạn hứng thi tập*, kí hiệu A.187, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

12. *Quốc văn tùng ký*, ký hiệu AB.383, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

13. *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ*, ký hiệu VHv. 2471, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

14. *Thăng Long hoài cổ thập tứ thủ*, ký hiệu A.1666, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

15. *Thăng Long tam thập vịnh,* ký hiệu A.2501; A.2548; VHb319; A1804; A.2603, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

16. *Thăng Long thập cửu vịnh*, ký hiệu A.1640, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

17. *Tống Khê sinh từ thi tập,* ký hiệu VHv334, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

18. *Thơ văn Lý - Trần* (tập 1,2,3), Nxb. KHXH, Hà Nội.

19. *Vân đài loại ngữ,* (tập 1), NXb. Văn hóa, H.1962.

# MỤC LỤC

*- Lời Nhà xuất bản* 5

*- Lời đề dẫn* 7

- Hà thành thi sao (sao chép các bài thơ về thành Hà Nội) 19

**HÀ THÀNH THI SAO**
**TRIỀU TRẦN**

TRẦN QUANG KHẢI

1- Tụng giá hoàn kinh sư 25

TRẦN NGUYÊN ĐÁN

2- Đề Huyền Thiên quán 27

PHẠM SƯ MẠNH

3- Báo Thiên tự tháp 29

LÝ ĐẠO THÀNH

4- Nhất Trụ tự 31

NGUYỄN PHI KHANH

5- Thu thành vãn vọng 34

6- Thành trung hữu cảm ký trình đồng chí 36

TRẦN NGHỆ TÔNG

7- Báo Ân tự 38

## TRIỀU LÊ

LÊ THÁNH TÔNG

8- Trấn Vũ quán 40

9- Trấn Quốc tự 42

NGUYỄN THIÊN TÍCH

10- Thiên Hựu môn đãi hậu 43

PHÙNG KHẮC KHOAN

11- Tây Hồ đề vịnh 45

NGỤY TIẾP

**AN NAM KINH ĐÔ BÁT CẢNH**

12- Ngự lâu quan đào 55

13- Khán Sơn tịch chiếu 57

14- Thanh Trì vấn tân 59

15- Bồ Đề viễn diểu 61

16- Báo Thiên hiểu chung 63

17- Bạch Mã sấn thị 65

18- Nhĩ Hà quy phàm 67

19- Lãng Bạc ngư ca 69

TRỊNH CĂN

20- Vịnh Nam Giao thi 71

21- Vịnh Văn Miếu thi 73

22- Quốc âm thi (nhị thủ) 77

23- Vịnh Văn Miếu bi thi 79

24- Khán Sơn tự thi 80

25- Trấn Vũ quán thi 82

26- Báo Thiên tự thi (nhị thủ) 84

NGÔ THÌ SĨ

27- Trấn Quốc lâu vọng Tây Hồ 86

28- Bồ Đề hoài cổ 88

TRỊNH SÂM

29- Tây Hồ 90

NINH TỐN

30- Nhĩ Hà 92

CAO HUY DIỆU

31- Bát Tràng ngọ bạc 94

TRẦN BÁ LÃM

**LA THÀNH CỔ TÍCH VỊNH**

32- Vịnh Tả Vọng hồ 97

33- Vịnh Nhất Trụ tự 99

34- Vịnh Đồng Thiên quán 101

35- Vịnh Sứ Quán tự 103

36- Vịnh Yên Lãng tự 105

37- Vịnh Ngọc Hồ tự 107

38- Vịnh Trấn Vũ quán 109

39- Vịnh Tây Hồ 111

40- Vịnh Nùng Sơn 113

41- Vịnh Tam Sơn 115

42- Vịnh Khán Sơn 116

43- Vịnh Tảo Liên Hồ 118

44- Vịnh Thái Hòa sơn 120

45- Vịnh Quốc Tử Giám 122

46- Vịnh Trung Liệt miếu 124

47- Vịnh Võ miếu 126

48- Vịnh Bố Cái đại vương từ 128

49- Vịnh Nhị Trưng vương từ 130

50- Vịnh Bạch Mã từ 132

51- Vịnh Tiết phụ phong đài 134

52- Vịnh Chiêu Ứng đại vương từ 136

53- Vịnh Báo Thiên tự tháp 138

54- Vịnh Uy Linh Lang từ 139

55- Vịnh Huyền Thiên quán 141

56- Vịnh Đồng Cổ đàn 143

## THĂNG LONG TAM THẬP VỊNH

57- Thành kỳ quải húc 145

58- Lâu cổ truyền canh 147

59- Ngũ Môn cận nhật 149

60- Nhất Trụ thê hà 150

61- Khán Sơn thự sắc 151

62- Nhĩ thủy tình lưu 152

63- Tây Hồ cán ty 154

64- Đông Kiều lộng địch 156

65- Văn Đình trữ vân 158

66- Vũ quán xao nguyệt 159

67- Mai Dịch túy ông 160

68- Hòe Nhai ca nữ 162

69- Kiếm Hồ xạ Đẩu 164

70- Bát Tràng lung yên 166

71- Võng Thị hoa điền 168

72- La Thành trúc ổ 170

73- Trấn Quốc quy tăng 172

74- Giám Môn khóa sĩ 174

75- Châu Lâm vũ hậu 176

76- Tản Lĩnh vân gian 178

77- Liệt tân dã độ 180

78- Chiêu chử ngư can 182

79- Tô giang ẩm mã 184

80- Linh Động phạn ngưu 186

81- Hà Khẩu thu đăng 188

82- Thủy Đồn dạ thác 190

83- Thành kỳ quải húc 192
84- Lâu cổ truyền canh 194
85- Ngũ Môn cận nhật 196
86- Nhất Trụ thê hà 198
87- Khán Sơn thự sắc 200
88- Nhị Hà tình lưu 202
89- Tây Hồ cán ty 204
90- Đông Kiều lộng địch 206
91- Văn Đình trữ vân 208
92- Mai Dịch túy ông 210
93- Hòe Nhai ca nữ 212
94- Kiếm Hồ xạ đẩu 214
95- Bát Tràng lung yên 216
96- La Thành trúc ổ 218
97- Võng Thị hoa điền 220
98- Trấn tự quy tăng 222
99- Giám Môn khóa sĩ 224
100- Châu Lâm vũ hậu 226
101- Tản Lĩnh vân gian 228
102- Liệt tân dã độ 230
103- Chiêu chử ngư can 232
104- Kim Âu thủy kính 234
105- Trúc Bạch tiền lô 236

106- Thụy phường liên tửu 238
107- Huyền quán trúc tiêm 240
108- Tô giang ẩm mã 242
109- Linh Động phạn ngưu 244
110- Hà Khẩu thu đăng 246
111- Thủy Đồn dạ thác 248

ĐOÀN NGUYỄN TUẤN

112- Tây Hồ cán ty 250
113- Văn Đình trữ vân 253
114- Vũ quán xao nguyệt 255
115- Hòe Nhai ca nữ 257
116- Kiếm Hồ xạ Đẩu 259
117- Bát Tràng lung yên 261
118- La Thành trúc ổ 263
119- Võng Thị hoa điền 265
120- Giám môn khóa sĩ 267
121- Thành kỳ quải húc 269
122- Lâu cổ truyền canh 271
123- Tản Lĩnh vân gian 273
124- Liệt tân dã độ 275
125- Chiêu chử ngư can 277
126- Châu Lâm vũ hậu 279
127- Tô giang ẩm mã 281

128- Linh Động phạn ngưu 283
129- Hà Khẩu thu đăng 285
130- Kim Âu thủy giám 287
131- Trúc Bạch tiền lô 289
132- Thụy phường liên tửu 291
133- Thủy Đồn dạ thác 293
134- Dạ độ Nhĩ Hà 295
135- Quá Nhĩ Hà quan Bắc binh cố lũy 297
PHẠM QUÝ THÍCH
136- Du Tây Hồ Trấn Quốc tự 299
NGUYỄN DU
137- Thăng Long (nhị thủ) 303
138- Đại nhân hý tác 307
139- Long thành cầm giả ca 309
NGÔ THÌ HOÀNG
140- Vãn độ Nhĩ Hà 318
PHẠM ĐÌNH HỔ
141- Quá Kim Liên tự 320
142- Du Khánh Phúc tự 322
143- Hữu sở cảm 324
HỒ XUÂN HƯƠNG
144- Vịnh Trúc Bạch hồ 326

145- Thăng Long thành hoài cổ 328

146- Chùa Quán Sứ 329

147- Miếu Sầm Thái thú 330

148- Chùa Trấn Quốc 331

NGUYỄN HÀNH

149- Du Trấn Quốc tự 332

150- Nhĩ Hà 334

151- Bắc Thành tống xuân 336

152- Tây Hồ 338

153- Huyền Thiên quán thần chung 340

BÙI CƠ TÚC

**LONG THÀNH BÁCH NHỊ VỊNH**

154- Thăng Long thành 342

155- Nùng Sơn điện 345

156- Ngũ Môn lâu 346

157- Thành kỳ đài 347

158- Văn Thánh miếu 348

159- Khải Thánh miếu 349

160- Khuê Văn các 350

161- Văn Lan chiểu 351

162- Minh Đường hồ 352

163- Đề danh bi 353

164- Học Chính đường 354

165- Lệ Chi pha 355
166- Diễn Tường môn 356
167- Cung lục ngự chế 358
168- Song Tiết lư 360
169- Ngọc Long trì 362
170- Đông Hoa kiều 363
171- Điếu Đài miếu 364
172- Hàm Kiếm hồ 365
173- Huy Văn tự 367
174- Khán Sơn tự 369
175- Thạch Triền kiều 370
176- Trường Lạc hồ 371
177- Ngũ Nhạc cung 372
178- Tam Đỉnh sơn 373
179- Thái Cực đàn 374
180- Bạc Quán thị 376
181- Hoành Đình nhai 377
182- Cẩm Chỉ phố 379
183- Quảng Minh đình 381
184- Diên Thọ quán 383
185- Thọ Công từ 385
186- Bích Câu đệ 387
187- Trạng Nguyên từ 389
188- Vân Canh phần 391

189- Chỉ Gia kiều 392
190- Điền Châu miếu 394
191- Tây Long tân 396
192- Huỳnh Cung vũ 398
193- Thọ Xương đình 400
194- Lạc Long miếu 401
195- Bố Cái từ 402
196- Nhị Trưng miếu 404
197- Tứ vị từ 406
198- Lão Tử quán 408
199- Chấn Vũ quán 410
220- Tản Lĩnh từ 412
201- Bạch Mã từ 413
202- Huyền Thiên quán 415
203- Ngọc Sơn từ 416
204- Vũ Thành miếu 418
205- Quan Công miếu 419
206 Ông Trọng miếu 421
207- Tư Phúc tự 423
208- Mục Thận từ 425
209- Hoằng Liệt miếu 427
210- Đồng Cổ đàn 429
211- Thái úy miếu 431
212- Thiên Hậu cung 433

213- Pháp Vân am 435
214- Hương Hải viện 437
215- Đạo Hạnh từ 439
216- Đồng Nhân châu 441
217- Văn Tân nhai 442
218- Tướng Quân lâu 443
219- Cẩm Thanh miếu 444
220- Quang Lai đàm 446
221- Trúc Bạch hồ 448
222- Thúy Ái từ 450
223- Chử Đồng miếu 452
224- Đề Liên Khê ông "Bách nhị vịnh ngâm tập" hậu 454
NGUYỄN CÔNG TRỨ
225- Vịnh Tây Hồ 456
226- Vịnh cảnh Hà Nội 459
NGUYỄN VĂN SIÊU
227- Du Tây Hồ 461
228- Nhĩ Hà đối nguyệt 463
229- Điếu thành tây Loa Sơn cổ chiến trường xứ 465
VŨ TÔNG PHAN
**THĂNG LONG HOÀI CỔ THẬP TỨ THỦ**
230- Kỳ nhất: Đề Tô giang 467
231- Kỳ nhị: Đề Quảng Bố tự 471
232- Kỳ tam: Đề Tây Hồ 473

233- Kỳ tứ: Đề Kiếm Hồ 476
234- Kỳ ngũ: Đề Ngọc Sơn 478
235- Kỳ lục: Đề Nhị Trưng miếu 480
236- Kỳ thất: Đề Tiền Lê Nam Giao đàn 483
237- Kỳ bát: Đề Quốc Tử Giám 486
238- Kỳ cửu: Giang thượng hiểu quy 489
239- Kỳ thập: Phỏng Nhất Trụ tăng 491
240- Kỳ thập nhất: Thành hạ ngẫu hứng 493
241- Kỳ thập nhị: Đề Nhật Chiêu tự 495
242- Kỳ thập tam: Đề Sóc Thiên Vương ảnh từ 497
243- Kỳ thập tứ: Đề Đống Đa 499

## LONG BIÊN ÁI HOA HỘI

THƠ CHỮ HÁN

244- Bài 1 501
245- Bài 2 503
246- Bài 3 505

THƠ CHỮ NÔM

247- Bài 4 507
248- Bài 5 508
249- Bài 6 509
250- Bài 7 510
251- Bài 8 511

252- Thành kỳ quải húc 512

253- Lâu cổ truyền canh 514

254- Ngũ Môn cận nhật 516

255- Nhất Trụ thê hà 518

256- Khán Sơn thự sắc 520

257- Tây Hồ cán ty 522

258- Vũ Quán xao nguyệt 524

259- Mai Dịch túy ông 526

260- Hòe Nhai ca nữ 528

261- Bát Tràng lung yên 530

262- La Thành trúc ổ 532

263- Võng Thị hoa điền 534

264- Trấn Quốc quy tăng 536

265- Tản Lĩnh vân gian 538

266- Chiêu chử ngư can 540

267- Trúc Bạch tiền lô 542

268- Huyền Quán trúc tiêm 544

269- Tô giang ẩm mã 546

270- Thủy Đồn dạ thác 548

## PHỤ LỤC

CAO BÁ QUÁT

271- Trúc Bạch hồ thượng vãn diểu 553

272- Thanh Trì phiếm chu nam hạ 554
273- Đề Trấn Vũ quán thạch bi 556
274- Đề Trấn Vũ quán 558
275- Du Tây Hồ (bát tuyệt) 560
276- Tây Hồ xuân vọng 565
277- Giang thượng vọng Vệ Linh sơn 566
278- Đăng Vệ Linh sơn yết Đổng Thiên từ đề bích 568
279- Đồng chư hữu đăng Trấn Vũ tự chung lâu 570
280- Quá Thiên Quang tự thương Lê triều cố cung 572
BÀ HUYỆN THANH QUAN
281- Thăng Long hoài cổ 574
282- Du Khán Xuân đài 576
TÙNG THIỆN VƯƠNG
283- Du Trấn Vũ quán 577
NGUYỄN HỮU ĐỘ
**TỐNG KHÊ SINH TỪ THI**
284- Kỳ nhất 579
285- Kỳ nhị 582
**SINH TỪ BÁT VỊNH**
286- Từ lâu 584
287- Từ thụ 586
288- Từ trì 588
289- Từ bi 590
290- Từ cổ 592

291- Từ chung 594

292- Từ thạch 596

293- Từ kính 598

NGUYỄN KHUYẾN

294- Đấu Xảo ký văn 600

295- Hoàn Kiếm hồ 602

DƯƠNG KHUÊ

296- Hà thành Trung thu tiết 604

297- Hà thành tức cảnh 606

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

298- Du hồ Tây 607

KHUYẾT DANH

299- Đền Ngọc Sơn 609

HÀ THÀNH THI SAO (nguyên bản) 611

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HÀ NỘI XƯA 695

*Tài liệu tham khảo* 721